



JOSEPH
CAMPBELL

Thiên Nga dịch

NGƯỜI
HÙNG

MANG

NGÀN
GƯƠNG
MẶT



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Joseph Campbell

sinh năm 1904 tại New York, Mỹ. Sau khi tốt nghiệp cử nhân Văn chương Anh và thạc sĩ về văn học trung đại ở Đại học Columbia, ông tới châu Âu học các thứ tiếng cổ, trong đó có tiếng Phạn. Trở về New York, ông dành năm năm đọc sách trước khi nhận chân giảng viên Văn chương tại trường nữ học Sarah Lawrence, những bài giảng về thần thoại ở đây là cơ sở hình thành *Người hùng mang ngàn gương mặt* (1949).

Người hùng mang ngàn gương mặt không chỉ nhanh chóng trở thành cuốn sách yêu thích của sinh viên các chuyên ngành liên quan, mà còn gợi cảm hứng cho nhiều tác phẩm văn hóa đại chúng rất khác nhau như *Chiến tranh giữa các vì sao*, *Đổi thờ*, *Vua sư tử*... Ngoài ra ông còn là tác giả bộ tổng tập thần thoại thế giới *Những mặt nạ của Chúa*, biên tập bộ sách của học giả Ấn Độ học Heinrich Zimmer *Thần thoại và biểu tượng trong nghệ thuật và văn minh Ấn*, cuốn *Jung bỏ túi*, *Phúc Âm theo Sri Ramakrishna*..., và để lại nhiều nghiên cứu, tiểu luận, bài giảng khác.

Campbell mất năm 1987, một năm trước khi series truyền hình *Sức mạnh của thần thoại* đưa ông trở thành cái tên và gương mặt quen thuộc đối với công chúng Mỹ.

“ ‘Chân lý chỉ có một,’ ta đọc thấy trong kinh Veda; ‘hiền giả gọi nó bằng nhiều tên.’ Chỉ một bài hát mà được luyến láy qua mọi biến tấu của dàn đồng ca con người.

Con đường để thành người là học cách nhận ra nét mặt của Chúa trong muôn vàn biến hóa tuyệt vời của mặt người.”

“Tôn giáo, triết học, nghệ thuật, các hình thức xã hội của người nguyên thủy và con người khi có sử, các phát kiến sơ khai trong khoa học và công nghệ, và ngay chính những giấc mơ quấy rầy giấc ngủ, đều trào dâng lên từ chiếc nhãn thần cơ bản là thần thoại.”

- (Người hùng mang ngàn gương mặt, tr. 19)

Xuất phát từ tín niệm này, Joseph Campbell phát triển luận điểm đã gắn liền tên tuổi ông với khoa nghiên cứu thần thoại so sánh: rằng mọi thần thoại ở mọi nơi trên thế giới đều có thể đọc theo công thức “hành trình của người hùng” - từ thế giới ngày thường, đi vào thế giới siêu nhiên, chạm trán những lực lượng thần kỳ, mang về ân huệ cho đồng loại. Cuốn sách dẫn người đọc đi trên hành trình ấy, “cuộc phiêu lưu thiên niên kỷ của linh hồn”, qua mọi miền thần thoại Đông Tây kim cổ, khám phá những biểu tượng ngầm nâng đỡ các cộng đồng, cả thế giới, từng con người, bằng một lối văn đầy chất thơ và những nhận định sắc bén nhưng lại rất nhân văn và thấp thoáng nét hài hước.

Người hùng mang ngàn gương mặt là công trình độc lập đầu tiên khởi đầu cho sự nghiệp cả một đời nghiên cứu thần thoại của Joseph Campbell. Là thành tựu của một nhà nghiên cứu nhiệt tâm, người thầy, diễn giả đại tài, cuốn sách đã giáo dục, mở mang, gợi cảm hứng và làm mê đắm hàng triệu người trong hơn hai mươi thứ tiếng khắp thế giới.

BECOME A MEMBER!



Nhà Nam Reading Club



nhà nam
www.nhanam.vn



ISBN: 978-604-314-586-1



9 786043 145861

Giá: 269.000đ



8 935235 230026

NGƯỜI
HÙNG

MANG

NGÀN
GƯƠNG
MẶT

THE HERO WITH A THOUSAND FACES
(Collected Works of Joseph Campbell)

Executive Editor: Robert Walter

Managing Editor: David Kudler

Copyright © 2008, Joseph Campbell Foundation (jcf.org)
Vietnamese translation Copyright © 2020, Nha Nam Publishing

Bản dịch tiếng Việt © Công ty Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, 2021

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bán bản in hợp pháp.

JOSEPH
CAMPBELL

NGƯỜI
HÙNG
MANG
NGÀN
GƯƠNG
MẶT

Thiên Nga dịch



NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Tặng cha mẹ

MỤC LỤC

VỀ TỔNG TẬP JOSEPH CAMPBELL.....	11
LỜI TỰA CHO ÁN BẢN 1949	13
PHẦN MỞ ĐẦU: Thần thoại gốc.....	17
1. Thần thoại và giấc mơ.....	19
2. Bi kịch và hài kịch	41
3. Người hùng và Thượng đế.....	46
4. Rốn Thế Giới	57
PHẦN MỘT: CUỘC PHIÊU LƯU CỦA NGƯỜI HÙNG.....	65
CHƯƠNG I: Lên đường	67
1. Tiếng gọi phiêu lưu.....	67
2. Khước từ tiếng gọi.....	76
3. Phù trợ siêu nhiên	86
4. Băng qua ngưỡng đầu tiên.....	95
5. Bụng cá voi.....	107
CHƯƠNG II: Thụ giáo	115
1. Con đường thử thách	115
2. Gặp nữ thần.....	127
3. Đàn bà trong vai kẻ quyến rũ.....	138
4. Hòa giải với người cha.....	144
5. Phong thần	170
6. Ân huệ tối thượng	194
CHƯƠNG III: Quay về.....	217
1. Khước từ quay về	217
2. Cuộc trốn chạy kỳ diệu.....	220

3. Giải cứu từ bên ngoài.....	230
4. Băng qua ngưỡng quay về	241
5. Làm chủ hai thế giới.....	251
6. Tự do sống.....	262
CHƯƠNG IV: Chìa khóa	269
PHẦN HAI: CHU KỲ KHỎI NGUYÊN VŨ TRỤ.....	277
CHƯƠNG I: Phát tán.....	279
1. Từ tâm lý học đến siêu hình học	279
2. Chu kỳ vũ trụ.....	284
3. Từ hư không - Không gian.....	293
4. Bên trong không gian - Sự sống	297
5. Một chia thành nhiều.....	305
6. Truyện dân gian về sáng thế	313
CHƯƠNG II: Sinh đồng trinh	321
1. Mẹ vũ trụ	321
2. Tử cung định mệnh.....	326
3. Dạ con cứu chuộc	331
4. Truyện dân gian về làm mẹ đồng trinh	334
CHƯƠNG III: Biến hóa của người hùng.....	339
1. Người hùng ban sơ và người hùng con người	339
2. Tuổi thơ của người hùng con người	342
3. Người hùng là chiến binh.....	357
4. Người hùng là người yêu	365
5. Người hùng là hoàng đế và bạo chúa	368
6. Người hùng là đấng cứu thế	372

7. Người hùng là bậc thánh	377
8. Người hùng ra đi	380
CHƯƠNG IV: Tan rã	389
1. Cái kết của tiểu vũ trụ	389
2. Cái kết của đại vũ trụ.....	396
LỜI BẠT: Thần thoại và xã hội	405
1. Kẻ biến hình	405
2. Chức năng của thần thoại, thờ cúng và thiền định	406
3. Người hùng hôm nay.....	410
TRI ÂN.....	417
CHÚ THÍCH.....	419
THU MỤC THAM KHẢO	
Phương pháp biên soạn và tổ chức.....	443
1. Thư mục tham khảo chính	444
2. Bài báo và tạp chí.....	462
3. Tác phẩm kinh điển và điển phạm tôn giáo.....	464
4. Các tác phẩm không nói rõ ấn bản	468
DANH MỤC MINH HỌA.....	471
BẢNG TRA CỨU	487
VỀ TÁC GIẢ	507
VỀ QUỸ JOSEPH CAMPBELL.....	509

VỀ TỔNG TẬP JOSEPH CAMPBELL

Qua đời năm 1987, Joseph Campbell để lại một lượng lớn tác phẩm đã xuất bản xoay quanh niềm đam mê cả đời ông, là phức hệ thần thoại và biểu tượng phổ quát mà ông gọi là “câu chuyện lớn duy nhất của nhân loại”. Tuy nhiên ông còn để lại rất nhiều tác phẩm chưa công bố: các bài viết, ghi chú, thư từ, nhật ký chưa được tập hợp thành sách cũng như các bài giảng ghi âm, ghi hình.

Quỹ Joseph Campbell, thành lập năm 1990 nhằm bảo tồn, bảo vệ và lưu truyền công trình của Campbell, đã bắt tay vào lập một kho lưu trữ kỹ thuật số các tài liệu và bản ghi đa phương tiện của ông và xuất bản *Tổng tập Joseph Campbell*.

TỔNG TẬP JOSEPH CAMPBELL

Robert Walter, Tổng biên tập

David Kudler, Thư ký biên tập

LỜI TỰA CHO ẤN BẢN 1949

“Suy cho cùng thì những chân lý chứa đựng trong các giáo thuyết tôn giáo được bóp méo và ngụy trang một cách có hệ thống,” Sigmund Freud viết,

đến mức đám đông nhân loại không nhận ra đó là chân lý. Trường hợp này tương tự khi ta nói với trẻ con rằng trẻ sơ sinh là do cò tha đến. Ở đây chúng ta cũng đang nói sự thật trong lớp áo biểu tượng, vì chúng ta biết con cò đó biểu thị cái gì. Nhưng đứa trẻ lại không biết. Nó chỉ nghe được phần bóp méo trong cái ta nói, rồi cảm thấy mình bị gạt; chúng ta cũng biết việc trẻ thiếu tin tưởng người lớn và tính ương ngạnh của nó thật ra thường bắt nguồn từ ấn tượng này. Ta đã đến chỗ tin rằng tốt hơn cả là tránh lối ngụy trang sự thật bằng biểu tượng như vậy trong những gì ta nói với con cái và không giấu nó hiểu biết về thực trạng của những vấn đề vừa tầm trí tuệ của nó.⁽¹⁾

Cuốn sách này có ý đồ khám phá một số sự thật được ngụy trang với chúng ta trong những hình tượng tôn giáo và thần thoại, bằng cách tập hợp lại vô vàn ví dụ không khó hiểu lắm, rồi để cho ý nghĩa từ ngàn xưa trong đó tự hiển lộ. Những vị thầy đời xưa biết mình nói gì. Khi ta đã học cách đọc lại ngôn ngữ biểu tượng của họ rồi, chỉ cần một người soạn hợp tuyển là đủ giúp cho giáo huấn của họ được ta nghe thấy. Nhưng trước tiên ta phải học ngữ pháp của biểu tượng đã, và chìa khóa để mở bí ẩn này thì tôi không biết có công cụ hiện đại nào hay hơn phân tâm học. Không xem phân tâm học là lời chung cuộc về chủ đề này, ta vẫn có thể cho phép nó làm một phương pháp tiếp cận. Bấy giờ bước thứ hai sẽ là tập hợp vô vàn thần thoại và truyện dân gian từ mọi miền thế giới, rồi để biểu tượng tự lên tiếng. Những yếu tố song song sẽ tức thì được thấy

rõ ràng; rồi chúng sẽ khai triển một phát biểu lớn lao và bất biến lạ lùng về các chân lý cơ bản mà loài người đã sống theo suốt bao thiên niên kỷ ngụ cư trên hành tinh này.

Có lẽ sẽ có người phản bác là khi làm nổi bật những nét tương đồng tôi đã bỏ qua các khác biệt giữa nhiều truyền thống khác nhau thuộc Đông phương và Tây phương, hiện đại, cổ đại và nguyên thủy. Thế nhưng, cũng có thể phản bác như vậy về bất kỳ sách giáo khoa hay sơ đồ giải phẫu học nào, chúng đều xem nhẹ các biến dị sinh lý về chủng tộc mà chú trọng nhiều hơn vào việc đưa lại một hiểu biết khái quát cơ bản về cơ thể người. Lẽ tất nhiên có những khác biệt giữa vô số thần thoại và tôn giáo của nhân loại, nhưng cuốn sách này nhắm vào những điểm tương đồng; và một khi đã hiểu những điểm tương đồng này rồi thì ta sẽ thấy các khác biệt không lớn đến mức như tưởng tượng của đại chúng (và những tưởng tượng chính trị). Tôi mong rằng một sự giải thích bằng phép so sánh sẽ góp phần vào sự nghiệp có lẽ vẫn chưa hẳn tuyệt vọng của các lực lượng trên thế giới ngày nay đang góp sức hướng đến sự thống nhất, không phải nhân danh một đế chế tăng lữ hay chính trị nào, mà theo nghĩa sự hiểu biết lẫn nhau của con người. Như kinh Veda dạy chúng ta: “Chân lý chỉ có một, hiền giả gọi nó bằng nhiều tên.”⁽²⁾

Tôi muốn được cảm ơn những người đã giúp đỡ trong nhiệm vụ lâu dài là biến tài liệu của tôi thành cuốn sách này: ông Henry Morton Robinson, lời khuyên của ông đã giúp tôi rất nhiều trong giai đoạn đầu và cuối công trình này; bà Peter Geiger, bà Margaret Wing và bà Helen McMaster, họ đã đọc các bản thảo nhiều lần và cho những lời khuyên vô giá; và vợ tôi, làm việc cùng tôi từ đầu đến cuối, lắng nghe, đọc, và sửa chữa.

- J. C.

THÀNH PHỐ NEW YORK | 10 THÁNG SÁU, 1948



HÌNH 1. *Medusa*
(khắc đá cẩm thạch, thời La Mã, Ý, không rõ niên đại)

PHẦN MỞ ĐẦU

Thần thoại gốc

1. THẦN THOẠI VÀ GIẤC MƠ

Dù ta nghe một cách thích thú vô can những lời tụng thiên địa hão huyền của một thầy mo mắt đỏ nào đó ở Congo, hay đọc với sự say sưa của người hiểu biết những bản dịch mỏng các bài đoán văn của nhà huyền học Lão Tử; thắng hoặc lý giải được một lập luận hóc búa của thánh Aquinas, hay bất chợt ngộ ra ý nghĩa chói lòa trong một truyện cổ tích quái lạ của người Eskimo: ta vẫn luôn bắt gặp cùng câu chuyện ấy, luôn thay hình đổi lối nhưng lại bất biến diệu kỳ, cùng một ám chỉ dai dẳng như thách thức là những gì đời ta nắm trái sẽ vẫn luôn nhiều hơn những gì ta có bao giờ được biết hay nghe kể.

Trên khắp thế giới có người sinh sống, ở mọi thời và trong mọi điều kiện khác nhau, thần thoại của loài người đã rộ nở; chúng là nguồn cảm hứng sống cho bất cứ gì khác có thể từng nảy sinh từ những hoạt động trí tuệ và thể xác con người. Sẽ không thái quá nếu nói rằng truyện thần thoại là ô cửa bí mật để những nguồn năng lượng không bao giờ cạn của vũ trụ rót vào hóa hiện văn hóa của nhân loại. Tôn giáo, triết học, nghệ thuật, các hình thức xã hội của người nguyên thủy và con người khi có sử, các phát kiến sơ khai trong khoa học và công nghệ, và ngay chính những giấc mơ quấy rầy giấc ngủ, đều trào dâng từ chiếc nhãn thần cơ bản là thần thoại.

Điều kỳ lạ là cái hiệu lực chạm đến và khơi nguồn những trung tâm sáng tạo sâu sắc đặc trưng cho thần thoại ấy cũng nằm trong cả những truyện cổ tích vật vãnh nhất kể cho trẻ nít - cũng như mùi vị đại dương có trong một giọt nước nhỏ hay toàn

thể bí ẩn về sự sống nằm trong một quả trứng bọc chết. Bởi các biểu tượng trong thần thoại không phải được bịa đặt ra; không cách nào đặt làm, sáng chế, hay triệt tiêu vĩnh viễn chúng được. Chúng là sản phẩm tự phát của tâm lý, nên mỗi biểu tượng mang trong mình, nguyên vẹn, sức mạnh phôi thai từ cội nguồn.

Thị kiến muôn thuở này có bí mật gì vậy? Nó bắt nguồn từ sự uyên thâm nào của đầu óc con người? Vì sao thần thoại ở khắp nơi đều là một, bên dưới thiên hình vạn trạng hóa trang của nó? Và nó dạy bảo ta điều gì?

Ngày nay nhiều nhà khoa học đang góp sức phân tích câu đố này. Các nhà khảo cổ thăm dò những phế tích ở Iraq, Hà Nam, Crete, Yucatán. Các nhà nhân học đang điều tra trong số người Ostiak [nay là Khanty - BT] ở sông Ob, người Boobie [Bubi] đảo Fernando Pó [Bioko]. Một thế hệ các nhà Đông phương học gần đây đã mở cho chúng ta xem những kinh sách phương Đông, và cả các nguồn gốc tiền Hebrew của chính Kinh Thánh. Trong khi đó thì vô số học giả khác, nhờ thúc đẩy những nghiên cứu đã bắt đầu từ thế kỷ trước trong lĩnh vực tâm lý học dân gian, vẫn đang tìm cách xác lập các nền tảng tâm lý học trong ngôn ngữ, thần thoại, tôn giáo, phát triển nghệ thuật, chuẩn mực đạo đức.

Tuy vậy, đáng kể hơn hết lại là các phát hiện từ bệnh viện tâm thần. Những trước tác táo bạo, thực sự khai mở ra một kỷ nguyên mới của các nhà phân tâm học là không thể thiếu đối với người nghiên cứu thần thoại; bởi lẽ, dù có nghĩ thế nào về các giải thích cận kề và đôi lúc mâu thuẫn nhau về những ca bệnh và vấn đề cụ thể, ta cũng không thể bác bỏ những bằng chứng của Freud, Jung và học trò của họ rằng logic thần thoại cùng các người hùng và các kỳ tích trong thần thoại vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Thiếu một thần thoại chung hiệu quả, nhưng mỗi người chúng ta vẫn có đền thờ giấc mơ riêng, sơ khai, không được nhận ra, nhưng vẫn âm thầm hiệu lực. Hóa thân mới nhất của Oedipus, chuyện tình lãng mạn tiếp diễn giữa Người đẹp và Quái vật, chiều nay đang đứng trên góc phố Bốn mươi hai giao với Đại lộ số Năm, chờ đèn cho phép qua đường.

“Tôi nằm mơ thấy,” một thanh niên Mỹ viết cho mục báo chung,

tôi đang lợp lại mái nhà. Bỗng tôi nghe thấy tiếng cha tôi dưới đất gọi tôi. Tôi quay ngoắt lại để nghe rõ hơn, và khi làm vậy cái búa tuột khỏi tay tôi, trượt theo mái dốc, biến mất sau rìa mái. Tôi nghe một tiếng thịch nặng nề, như thân người đổ xuống.

Sợ hết hồn, tôi trèo thang xuống. Cha tôi nằm chết dưới đất, máu loang khắp đầu. Đau xé lòng, tôi cất tiếng gọi mẹ, vừa gọi vừa nức nở. Bà từ trong nhà chạy ra, quàng tay ôm tôi. “Không sao đâu con, chỉ là tai nạn thôi mà,” bà nói. “Mẹ biết con sẽ chăm sóc cho mẹ, dù cha con không còn nữa.” Khi bà hôn tôi thì tôi tỉnh giấc.

Tôi là con cả trong gia đình và đã hai mươi ba tuổi. Tôi ly thân với vợ một năm nay; không hiểu sao vợ chồng tôi không hòa hợp được. Tôi rất yêu thương cha mẹ, và chưa hề có rắc rối gì với cha, trừ chuyện ông cứ một hai giục tôi phải quay về sống với vợ, mà tôi lại không hạnh phúc khi sống với cô ta. Và tôi cũng sẽ không bao giờ hạnh phúc.⁽¹⁾



HÌNH 2. *Vişnu nằm mơ ra vũ trụ* (phù điêu đá, Ấn Độ, khoảng 400-700)

Người chồng bất hạnh ở đây tiết lộ, với sự ngây thơ thật tuyệt vời, rằng thay vì dồn năng lượng tinh thần vào tình yêu và những vấn đề trong cuộc hôn nhân của mình thì anh ta, trong những góc ngách bí mật của trí tưởng tượng, lại nương vào tình huống bi đát mà giờ đã thành lỗi thời đến buồn cười là mối liên lụy tình cảm đầu tiên và duy nhất của anh ta, tình huống tam giác bi hài thuở nhỏ - con trai ganh đua với cha để được mẹ yêu thương. Đường như những khuynh hướng vĩnh cửu nhất trong tâm lý người đều xuất phát từ thực tế là, trong mọi loài vật thì chúng ta ở lại bên vú mẹ lâu nhất. Con người ra đời quá sớm; họ vẫn chưa hoàn thiện, chưa sẵn sàng gặp cõi đời. Do vậy mà tất cả những gì che chở họ trước một vũ trụ những hiểm nguy là người mẹ, và giai đoạn trong bụng mẹ được kéo dài dưới sự bảo bọc của bà.⁽²⁾ Vì vậy mà nhiều tháng sau biến cố chào đời, đứa trẻ phụ thuộc và người mẹ vẫn là một đơn vị hợp nhất song đôi, không chỉ về mặt thể xác mà còn cả tâm lý.⁽³⁾ Người mẹ vắng mặt lâu sẽ khiến đứa trẻ căng thẳng và dẫn đến các xung động gây hấn; còn nữa, khi người mẹ buộc phải ngăn cấm đứa con, điều đó cũng sẽ đánh thức những phản ứng gây hấn. Do vậy đối tượng đầu tiên chịu sự thù địch của đứa trẻ cũng chính là đối tượng đầu tiên được nó yêu thương, còn lý tưởng đầu tiên của nó (từ đó về sau được giữ lại làm cơ sở vô thức cho mọi hình ảnh về điểm phức, chân lý, cái đẹp, hoàn thiện) là tính hợp nhất song đôi giữa Đức Mẹ và Hải Đồng.⁽⁴⁾

Người cha không may là sự xâm nhập toàn triệt đầu tiên của một cấp độ thực tại khác vào cái cảnh sống điểm phức, tái hiện ngoài đời tình trạng tuyệt hảo bên trong dạ con; do vậy người cha chủ yếu bị nhìn nhận là địch thủ. Xung năng tấn công ban đầu nhắm vào người mẹ "xấu", người mẹ vắng mặt, thì nay chuyển sang ông cha, còn cái mong muốn vẫn gắn với người mẹ "hiền", người mẹ có mặt, nuôi dưỡng, bảo bọc thì (thông thường) ở lại với bà. Cách phân chia ấu thơ tai hại giữa hai xung năng chết chóc (*thanatos / destrudo*) và yêu thương (*eros / libido*) này xây nên nền móng cho phức cảm Oedipus giờ đã lừng danh, mà độ năm chục năm về trước Sigmund Freud đã chỉ ra là nguyên nhân quan

trọng vì sao khi trưởng thành chúng ta không biết hành xử như những con người lý tính. Như bác sĩ Freud đã nêu: “Vua Oedipus, giết cha Laius rồi cưới mẹ Jocasta, chỉ đơn thuần cho chúng ta thấy sự thành toàn những ước ao thời thơ ấu của chính chúng ta. Nhưng may mắn hơn ông, chúng ta, miễn chưa thành kẻ loạn thần kinh, đã biết tháo gỡ các thôi thúc dục tình của mình khỏi mẹ và quên đi được lòng ghen tị đối với cha.”^{(5)(*)} Hay, như ông viết ở nơi khác: “Mỗi rối loạn bệnh học trong đời sống tình dục đúng ra cần được nhìn nhận là một ức chế trong quá trình phát triển.”⁽⁶⁾

*Bởi bao kẻ đã thấy mình trong mộng
Là bạn tình của mẹ, nhưng kẻ nào chẳng để tâm
Đến những điều như vậy sẽ sống nhẹ nhàng hơn.⁽⁷⁾*

Có thể đánh giá cảnh ngộ đáng thương của cô vợ có người chồng thay vì chín chắn lên về mặt tình cảm lại không thoát ra được khỏi thiên truyện thuở ấu thơ kia theo một giấc mơ hiện đại có vẻ như vô nghĩa khác; và ở đây chúng ta bắt đầu cảm thấy quả thật ta đang tiến vào địa hạt thần thoại cổ xưa, nhưng với một chiều hướng kỳ lạ.

“Tôi nằm mơ thấy,” một phụ nữ bản khoản viết,

một con ngựa trắng lớn cú leo đèo đi theo dù tôi đi đâu. Tôi sợ nên xua nó đi. Tôi ngoái nhìn xem nó còn đi theo không thì có vẻ như

*. Người ta đã chỉ ra rằng người cha cũng có khi được nhìn nhận là người bảo vệ, trong tình huống đó người mẹ sẽ là kẻ quyến rũ. Đây là con đường từ Oedipus dẫn đến Hamlet. “Lạy Chúa, ta có thể bị nhốt trong vỏ hạt dẻ mà vẫn xem mình là vua của khoảng không vô tận, miễn là ta không bị những cơn ác mộng” (*Hamlet*, hồi II cảnh ii). “Tất cả những người bị loạn thần kinh [*neurotic*],” bác sĩ Freud viết, “thì đều hoặc là Oedipus hoặc là Hamlet.”

Còn trong trường hợp người con là con gái (cái này lại phức tạp hơn một bậc), đoạn sau đây là đủ cho giải thích nhỏ hiện tại: “Tôi qua tôi nằm mơ thấy ba tôi đâm vào tim mẹ tôi. Bà chết. Tôi biết không ai trách tội ông vì điều đó, dù tôi khóc lóc đau xót. Giấc mơ dường như biến đổi, hai cha con tôi dường như cùng đi chơi xa, và tôi rất sung sướng.” Đây là giấc mơ của một cô gái hai mươi bốn tuổi chưa chồng (Wood, *Giấc mơ*, tr. 130). [Các chú thích không có ghi chú gì khác là của bản thân tác giả trong bản gốc - BT.]

nó đã hóa thành một người đàn ông. Tôi bảo anh ta vào tiệm cắt tóc hớt cái bờm đi, anh ta làm theo. Khi bước ra thì anh ta trông hết như người, có điều anh ta có vó và mặt ngựa, và tôi đi đầu anh ta cũng đi theo. Anh ta tiến đến gần tôi hơn, thế là tôi tỉnh dậy.

Tôi ba mươi lăm tuổi, đã có chồng và hai con. Tôi lập gia đình được mười bốn năm, và tôi tin chắc chồng chung thủy với tôi.⁽⁸⁾

Vô thức gửi lên tâm trí đủ thứ hư ảo, kỳ dị, ghê sợ, lừa mị - dù là trong mơ, hay ban ngày ban mặt, hay trong cơn điên; bởi vì vương quốc con người, bên dưới sàn chốn cư ngụ nhỏ bé khá tươm tất ta gọi là ý thức của ta, còn chạy xuống những hang động không ngờ của Aladdin. Ở đó không chỉ có châu báu mà còn loài quỷ ma nguy hiểm trú ngụ: những sức mạnh tâm lý phiền phức hay bị kháng cự mà ta không nghĩ đến hay dám tích hợp vào đời sống của ta. Và chúng hoặc là mãi mãi nằm đó ta không ngờ tới, hoặc trái lại, một chữ tình cờ nào đó, mùi từ một khung cảnh, vị một tách trà, hay một cái liếc nhìn, lại có khi chạm phải một nguồn suối thần, khiến những sứ giả nguy hiểm hiện lên trong trí não. Những sứ giả này nguy hiểm bởi lẽ chúng đe dọa đến chính bản thân kết cấu sự yên ổn mà ta đã dọn chỗ cho mình và gia đình trong đó. Thế nhưng chúng cũng cuốn hút một cách ma quỷ, bởi chúng mang theo chìa khóa mở ra cả địa hạt cuộc phiêu lưu khám phá bản ngã mà ta hằng khát khao và e sợ. Hủy diệt thế giới mà chúng ta đã dựng nên và sống, và hủy diệt chính ta trong thế giới đó; nhưng rồi lại tái thiết nhiệm mầu cái đời sống táo bạo hơn, sạch sẽ hơn, Khang trang hơn, và trọn vẹn nhân tính - đó là mỗi chiêu dụ, là lời hứa và nỗi kinh hoàng của những vị khách hiện hình quấy nhiễu hằng đêm từ cõi thần thoại ta mang trong mình.

Phân tâm học, khoa giải mộng hiện đại, đã dạy cho ta phải lưu ý đến những hình ảnh hư ảo này. Phân tâm học còn tìm ra cách để yên cho chúng làm việc của chúng. Những bước ngoặt nguy hiểm trong quá trình phát triển bản ngã được cho phép diễn ra dưới con mắt chở che của một người đã trải qua thụ giáo,

tin thông kho kiến thức và ngôn ngữ của giấc mơ, người này bấy giờ sẽ mang lấy vai trò và tính cách thầy tu truyền phép thuật cổ xưa, kẻ điu dắt linh hồn, thầy pháp dẫn đường trong những chốn nương náu để thử thách và thụ giáo trong rừng nguyên sinh. Bác sĩ là chủ nhân của cõi thần thoại trong thời hiện đại, kẻ nắm mọi bí quyết và thần chú. Vai trò của ông ta chính là vai trò của cụ già thông thái trong thần thoại và truyện cổ tích, chỉ bảo cho người hùng qua được những thử thách và nổi kinh hoàng trong cuộc phiêu lưu kỳ lạ. Ông ta là người hiện ra rồi chỉ cho họ thấy thanh gươm thần sáng loáng sẽ diệt rồng dữ, mách cho biết về cô dâu đang chờ đợi và lâu đài có bao kho báu, thoa dầu chữa lành lên những vết thương thập tử nhất sinh, và cuối cùng để cho kẻ chinh phục đi, về lại thế giới đời thường, sau chuyến phiêu lưu kỳ vĩ vào đêm huyền hoặc.

Giờ thì, mang theo hình ảnh này trong trí, khi chuyển sang xem xét vô vàn nghi thức kỳ lạ của các bộ tộc nguyên thủy và các nền văn minh lớn trong quá khứ đã được ghi chép lại, ta sẽ thấy rõ rằng ý đồ và hiệu lực thật sự của những nghi thức này là dẫn dắt người ta qua những ngưỡng biến hóa [*transformation*] gian nan đòi hỏi một sự thay đổi trong các mô thức không chỉ của đời sống hữu thức mà còn cả đời sống vô thức. Cái gọi là nghi lễ chuyển đổi [*rite of passage*]^(*), chiếm một vị trí rất nổi bật trong đời sống xã hội nguyên thủy (các nghi lễ chào đời, đặt tên, dậy thì, cưới hỏi, chôn cất, vãn vãn), có đặc trưng nổi bật là những thực hành cắt lìa có tính quy chuẩn, và thường rất khắc nghiệt, bắt tâm trí đoạn tuyệt hẳn với các thái độ, các quyền luyến, các mô thức sống của giai đoạn bị bỏ lại đằng sau.^(†) Thế rồi tiếp đến là một giai đoạn ẩn dật tương đối kéo dài, trong thời gian đó người ta tiến hành các nghi thức đặt ra nhằm giúp cho

*. Theo cách dịch thuật ngữ của Trần Hạnh Minh Phương, Nguyễn Công Hoan cùng một số nhà nghiên cứu khác. (BT)

†. Trong những buổi lễ như chào đời và chôn cất, chịu tác động đáng kể nhất tất nhiên là cha mẹ và người thân thích của nhân vật trung tâm. Mọi nghi lễ chuyển đổi đều nhằm tác động đến không chỉ người được thử thách mà còn cả mọi người trong phạm vi xã hội của anh ta.

kẻ phiêu lưu trong cuộc đời làm quen với các hình thức và cảm xúc phù hợp với địa vị mới của anh ta, để khi cuối cùng đã đến lúc quay về với đời thường, kẻ được thụ giáo chẳng khác nào được sinh ra lần nữa.⁽⁹⁾

Điều lạ thường nhất là một số lớn thử thách và hình ảnh thuộc nghi lễ lại tương ứng với những thử thách, hình ảnh tự động hiện ra trong mơ ngay vào thời điểm bệnh nhân được phân tích tâm lý bắt đầu từ bỏ những cấm chốt [*fixation*]^(*) ấu thơ và tiến vào tương lai. Trong xã hội thổ dân ở Úc chẳng hạn, một mục chính trong thử thách thụ giáo (qua đó cậu bé ở tuổi dậy thì bị tách lìa khỏi người mẹ và được gia nhập vào xã hội và kho kiến thức bí mật của đàn ông) là nghi lễ cắt bì.

Khi một cậu bé thuộc bộ tộc Murngin sắp được cắt bì, cậu được các người cha và các cụ già nói cho rằng, “Rắn Tổ ngủ thấy mùi bao quy đầu của mi; nó đang đòi thứ ấy.” Các cậu bé tin điều này là thật theo nghĩa đen nên cực kỳ khiếp sợ. Thường thì chúng nấu mình bên mẹ, bà ngoại, hay một người thân thích nữ quen thuộc nào khác, vì chúng biết rằng cánh đàn ông đang tập hợp để đưa chúng sang lãnh địa của đàn ông, ở đó con rắn lớn đang gặm rống. Cánh đàn bà gào khóc bên mấy cậu bé theo nghi thức; đấy là để con rắn lớn khỏi nuốt chúng.⁽¹⁰⁾

Giờ ta hãy xem xét hình ảnh tương đương bên vô thức. “Một bệnh nhân của tôi,” bác sĩ C. G. Jung viết, “mơ thấy một con rắn từ trong hang vọt ra cắn vào vùng sinh dục của anh ta. Giấc mơ này xảy ra đúng vào thời điểm bệnh nhân tin chắc kết quả phân tâm là đúng và bắt đầu giải phóng mình khỏi những trói buộc của phức cảm về mẹ.”⁽¹¹⁾

Chức năng hàng đầu của thần thoại và nghi lễ vẫn luôn là cung cấp các biểu tượng đưa tinh thần con người đi tới, để

*. Thuật ngữ tâm lý học, chỉ sự quá tập trung gắn bó với một vật, một người nào đó đến mức không còn để ý hay hứng thú với vật và người nào khác. (BT)

vô hiệu hóa những mộng tưởng thường trực của con người để trói buộc tinh thần. Thật ra, rất có thể tỷ lệ loạn thần kinh cao nhất giữa chúng ta xuất phát chính từ sự suy giảm của những phương thức trợ giúp tinh thần hiệu nghiệm như vậy. Chúng ta vẫn bị cấm chốt vào những hình ảnh chưa thành hiện thực được từ thuở nhỏ, do vậy mà không có ý làm những chuyển đổi cần thiết của tuổi trưởng thành. Ở Hoa Kỳ thậm chí còn có một cảm hứng nhấn mạnh vào điều ngược lại: mục tiêu không phải là già đi mà mãi mãi còn trẻ; không phải trưởng thành và tách ra khỏi mẹ, mà bám lấy bà. Thế cho nên các ông chồng thì vẫn lẽ bãi bên những bàn thờ thờ nhỏ, làm những luật sư, doanh nhân hay đại trí thức mà cha mẹ muốn họ trở thành, còn vợ họ, dù đã sau mười bốn năm chung sống và sinh thành dưỡng dục hai đứa con tử tế, thì vẫn còn tìm kiếm tình yêu - thứ chỉ có thể đến với họ từ các nhân mã, thần rừng mình ngựa, thần rừng mình dê hay những con quỷ dâm dục khác trong đám đầy tớ của thần Pan, hoặc như trong giấc mơ thứ hai đã kể ở trên, hoặc như trong các đền thờ màu mè, đại chúng của chúng ta thờ nữ thần nhục dục, dưới lớp hóa trang là những người hùng mới nhất trên màn ảnh.

Cuối cùng nhà phân tâm học không thể không xuất hiện, để khẳng định lại minh triết đáng tin cậy trong các giáo huấn nhìn xa trông rộng thuở xưa của các thầy mo đeo mặt nạ nhảy vũ điệu thần bí và thầy pháp cất bì; theo đó ta thấy, như trong giấc mơ bị rấn cắn, những biểu tượng thụ giáo muôn thuở được chính bệnh nhân tạo ra một cách tự phát đúng vào thời điểm giải thoát. Có vẻ như trong những hình ảnh thụ giáo này có gì đó cần thiết cho tâm lý đến nỗi mà nếu không được cung ứng từ bên ngoài, qua thần thoại và nghi thức, thì chúng cần phải được tuyên bố lần nữa, qua giấc mơ, từ bên trong - để năng lượng của ta khỏi mãi bị khóa kín trong căn phòng đồ chơi tầm thường đã từ lâu lỗi thời, dưới biển sâu.

Sigmund Freud nhấn mạnh trong các trước tác của mình những bước chuyển đổi và những cam go trong nửa đầu chu kỳ đời người - trong thời thơ ấu và niên thiếu, khi mặt trời của ta

đang trên đường đi lên thiên đỉnh. Trái lại, C. G. Jung nhấn mạnh các bước ngoặt ở nửa sau - khi mà, để đi tới, quả cầu sáng rõ phải chịu lặn xuống, và cuối cùng chìm khuất trong màn đêm dạ con trong nắm mộ. Các biểu tượng thông thường cho dục vọng và sợ hãi của ta, trong buổi chiều của đời người này, bị chuyển thành cái đối lập với nó; bởi lúc ấy thách thức không phải cuộc sống nữa mà là cái chết. Bấy giờ, cái khó lìa xa không phải dạ con mà là dương vật - trừ phi, thật thế, cảm giác chán sống đã đến chiếm lĩnh trái tim, khi cái chết sẽ mời gọi bằng lời hứa hẹn diễm phúc thay cho lời dụ hoặc của tình yêu thuở trước. Ta đã đi trọn một vòng, từ dạ con như nắm mộ đến nắm mộ như dạ con: một chuyến du ngoạn mơ hồ, khó giải đoán vào một thế giới vật chất rắn sẽ sớm tan đi trước mắt ta, như chất liệu làm nên giấc mơ. Và, nhìn lại cái ban đầu hứa hẹn là chuyến phiêu lưu độc đáo, khó lường và hiểm nguy của riêng mình, rốt cuộc ta chỉ thấy một chuỗi những biến thể thông thường như mọi con người đã trải qua trên mọi miền trái đất, trong mọi thế kỷ có sử, và dưới mọi lớp giả trang bất kỳ của văn minh.

Chẳng hạn, có truyện kể về Minos vĩ đại, vua đảo quốc Crete trong giai đoạn làm bá chủ thương mại: ông thuê nghệ nhân Daedalus lừng danh sáng chế và xây cho ông một mê cung, để giấu một thứ làm cung điện vừa hổ thẹn vừa khiếp sợ. Vì trong cung có một con quái vật - do hoàng hậu Pasiphaë sinh ra. Chuyện kể rằng trong khi vua Minos mải lo những cuộc chiến quan trọng để bảo vệ các tuyến giao thương, thì Pasiphaë bị một con bò nước trắng ngần, uy nghi cám dỗ. Thật ra thì chuyện cũng không có gì tệ hại hơn sự kiện mà chính mẹ của Minos từng cho phép: mẹ của Minos là Europa, và ai cũng biết bà được một con bò đực đưa qua Crete. Con bò ấy là thần Zeus, và đưa con trai danh giá của cuộc phối ngẫu thiêng liêng đó chính là Minos - giờ được nơi nơi trọng vọng và hoan hỷ cung phụng. Vậy thì làm sao Pasiphaë biết trái quả từ sự nhẹ dạ của mình sẽ là một quái vật: đưa con trai bé bỏng mình người nhưng đầu và đuôi bò này?

Thiên hạ ai cũng chê trách hoàng hậu; nhưng nhà vua không

phải không ý thức được mình cũng có phần lỗi. Con bò này được thần Poseidon phái xuống, đã lâu rồi, khi Minos còn đang tranh giành ngai báu với các anh. Minos quả quyết ngai báu là của mình, được thần thánh công nhận, ông cầu xin thần phái một con bò đực từ dưới biển lên làm dấu hiệu; và ông đã chốt cầu xin bằng lời thề sẽ hiến tế con vật tức thì, làm đồ cúng dường và tỏ ý phụng sự thần. Con bò đực hiện ra, và Minos giành được ngai báu; nhưng khi ông thấy con vật được phái đến uy nghi biết bao và ngẫm sẽ lợi dường nào nếu sở hữu một mẫu vật như vậy, ông quyết định liêu thể một con bò của phường buôn vào - mà ông cho là thần sẽ không mấy để tâm. Ông dâng lên bàn thờ Poseidon con bò đực lông trắng đẹp đẽ nhất ông có, còn con kia ông đưa vào đàn của mình.



HÌNH 3. Các thần rừng mình ngựa và các cô gái thờ thần rượu
(vò hai quai hình đen, thời Hy Lạp hóa, Sicily, khoảng 500-450 TCN)

Đế quốc Crete trở nên vô cùng phồn thịnh dưới sự cai trị sáng suốt của Minos, nhà làm luật lòng lẫy và mẫu mực đức hạnh cho muôn dân. Kinh đô Knossos trở thành trung tâm xa hoa, tráng lệ của cường quốc thương mại hàng đầu thế giới văn minh ấy. Các đội thương thuyền Crete có mặt khắp mọi hải đảo hải cảng trong Địa Trung Hải; hàng hóa Crete được ưa chuộng ở Babylon và Ai Cập. Những con tàu nhỏ táo bạo thậm chí còn vượt qua Hai cây cột Herakles ra biển khơi, rồi đi men bờ về phía Bắc để mua vàng của Ireland và thiếc của Cornwall,⁽¹²⁾ cũng như về phía Nam, quanh doi đất Senegal, đến xứ Yoruba hẻo lánh và những trung tâm buôn bán ngà voi, vàng và nô lệ xa xôi.⁽¹³⁾

Nhưng ở nhà, hoàng hậu bị Poseidon truyền một dục vọng không sao kìm nén đối với con bò đực. Và bà đã thuyết phục được nghệ nhân của chồng, Daedalus vô song, đóng cho bà một con bò cái bằng gỗ đủ sức đánh lừa được con bò đực - rồi bà hăm hở chui vào; thế là con bò đực mắc lừa. Bà hạ sinh con quái thú, mà, đến lúc đến thì, bắt đầu biến thành một mối họa. Vậy là Daedalus lại được triệu đến, lần này bởi nhà vua, để xây một nơi nhốt-mê cung hoành tráng, có những ngõ cụt, để giấu thú ấy đi. Sáng chế của ông giỏi đánh lừa đến mức mà chính Daedalus, khi làm xong, cũng khó tìm được lối về lại cửa. Minotauros được cho ở trong đó: và từ ấy hắn được nuôi bằng từng tốp thiếu niên thiếu nữ còn sống, cống phẩm từ các nước chư hầu trong đế chế Crete.⁽¹⁴⁾

Vậy là theo truyền thuyết xưa, lỗi căn bản không phải của hoàng hậu mà của nhà vua; ông cũng không hẳn trách bà được, vì ông biết mình đã làm gì. Ông đã biến một sự kiện công thành tư lợi, trong khi toàn bộ ý nghĩa việc ông được phong vương là ông không còn đơn thuần là một con người riêng tư nữa. Nếu ông trả lại con bò đực, đó đã là biểu tượng cho việc ông hoàn toàn vô ngã mà quy phục các chức phận trong vai trò của mình. Trái lại, việc giữ lại nó tượng trưng cho một thôi thúc vị kỷ bành trướng cái ngã. Và thế là nhà vua "thay trời hành đạo" đã thành bạo chúa nguy hiểm Chấp Thủ - chỉ lo vơ vét cho mình. Cũng

như các nghi lễ chuyển đổi truyền thống xưa kia dạy cá nhân chết đi với quá khứ và sinh ra lần nữa với tương lai, các nghi lễ phong chức quan trọng cũng tước đi của anh ta tính riêng tư và khoác cho anh ta ý trang chức nghiệp của mình. Lý tưởng là như vậy, dù đó là một thợ thủ công hay một ông vua. Thế nhưng, bằng hành động phạm thánh là khuớc từ nghi lễ, cá thể đó như một đơn vị đã đoạn tuyệt với đơn vị lớn hơn là toàn thể cộng đồng: và thế là Một rã tan thành nhiều, những cái nhiều ấy bèn đấu đá nhau - mạnh ai lo phần nấy - và chỉ có thể được cai trị bằng vũ lực.

Nhân vật bạo chúa-quái vật có mặt phổ biến trong các thần thoại, truyện kể dân gian, truyền thuyết, và thậm chí cả những con ác mộng trên thế giới; và về cơ bản thì các đặc điểm của hần ở đâu cũng như nhau. Hần là kẻ vơ vét lợi ích chung làm tư lợi. Hần là quái vật thèm khát tham lam các quyền "của ta và chỉ ta thôi". Tai họa hần gây ra được thần thoại và truyện cổ tích mô tả là lan rộng khắp cùng trên lãnh địa của hần. Lãnh địa ấy có thể không ngoài gia đình hần, tâm lý dần vật của hần, hay những cuộc đời đã tàn lụi khi gặp phải tình bạn và sự đờ ỉa của hần; hay nó có thể lên tới tầm mức nền văn minh dưới quyền hần cai trị. Bản ngã phi đại của tên bạo chúa là tai họa cho chính hần và thế giới của hần - bất kể sự nghiệp của hần có vẻ thịnh đạt thế nào. Tự làm chính mình khiếp đảm, bị sợ hãi ám ảnh, cảnh giác trên mọi ngã đường để sẵn sàng đối mặt và đánh lùi những gây hấn hần lường tính trước trong môi trường của hần, mà những gây hấn đó chủ yếu là bóng phản chiếu các thôi thúc thụ đắc không kìm nén được bên trong hần - kẻ khổng lồ tự đặt đến độc lập là sứ giả đưa tai ương đến cho thế giới, dù rằng trong đầu, hần có thể nuôi những dụng tâm nhân đạo. Hần động đến đâu thì ở đó có tiếng kêu gào (nếu không phải giữa chốn công cộng thì - khốn khổ hơn - trong mỗi trái tim): một tiếng kêu đòi xuất hiện người hùng cứu chuộc, người mang lưới guom sáng lòe, mà nhát chém của anh ta, bàn tay của anh ta, sự tồn tại của anh ta, sẽ giải phóng xứ sở.

*Nơi đây dân tình chẳng thể đi đứng nằm ngồi
 Trên ngàn núi cũng chẳng được lặng yên
 Chỉ sấm nổ cần khô chẳng có giọt mưa
 Ngay cả ngàn cao cũng chẳng có tịch liêu
 Chỉ những bộ mặt lầm lì khẩy cười gần giọng
 Bên cửa những túp nhà vách đất nứt nẻ.⁽¹⁵⁾*

Người hùng là người tự đặt đến quy phục. Nhưng quy phục cái gì? Đây chính là câu đố mà ngày nay chúng ta phải tự hỏi mình, và ở đâu cũng vậy, giải đoán được câu đố ấy là đức hạnh chủ yếu và chiến công lịch sử của người hùng. Như giáo sư Arnold J. Toynbee chỉ ra trong công trình sáu tập nghiên cứu quy luật hưng thịnh và diệt vong của các nền văn minh,⁽¹⁶⁾ sự chia cắt trong linh hồn, chia cắt trong cơ thể xã hội, sẽ không thể giải quyết bằng các kế hoạch nhằm quay về lại những ngày tươi đẹp xưa (trường phái hoài cổ), hay bằng các chương trình bảo đảm đem lại một tương lai lý tưởng theo quy hoạch (trường phái vị lai), hay thậm chí bằng những nỗ lực thực tiễn, cứng rắn nhất nhằm hàn gắn lại các nguyên tố đang tan rã. Chỉ có sự sinh mới chinh phục được cái chết - sự ra đời, không phải của thứ cũ tái sinh, mà là của cái gì mới mẻ. Bên trong linh hồn, bên trong cơ thể xã hội, phải có - nếu ta muốn đạt được sự sinh tồn dài lâu - một "sự sinh trở lại" (*palingenesis*) liên tục để vô hiệu hóa cái chết cứ trở đi trở lại không bao giờ dứt. Vì, nếu ta không được tái sinh, thì chính nhờ chiến thắng của ta mà công việc của kẻ Đại Thù sẽ thành tựu: diệt vong chui ra chính từ vỏ đức hạnh của ta. Lúc ấy hòa bình là cạm bẫy; chiến tranh là cạm bẫy; biến dịch là cạm bẫy; thường hằng là cạm bẫy. Khi đã đến ngày đắc thắng của cái chết, cái chết ập vào; ta chẳng làm gì được, chỉ đành chịu bị đóng đinh thập giá - và phục sinh; tan xương nát thịt hoàn toàn, rồi hồi sinh.

Theseus, người hùng giết Minotauros, đã từ ngoài vào Crete, như biểu tượng và đại diện của nền văn minh đang lên

của người Hy Lạp. Đó là thứ mới mẻ đang sống. Nhưng cũng có thể tìm và thấy nguyên lý tái sinh bên trong chính những tường thành đế chế của bạo chúa. Giáo sư Toynbee dùng thuật ngữ “tách rời” [*detachment*] và “biến hình” [*transfiguration*] khi mô tả bước ngoặt để đạt được chiều kích tinh thần cao hơn và tạo điều kiện khôi phục công việc sáng tạo. Bước đầu tiên, tách rời hay ẩn dật, nằm ở sự dịch chuyển toàn triệt trọng tâm từ ngoại giới vào nội giới, đại vũ trụ sang tiểu vũ trụ, một sự triệt thoái khỏi những tuyệt vọng nơi đất hoang sang bình yên nơi cõi trường tồn nằm bên trong mình. Nhưng cõi giới này, như chúng ta biết theo phân tâm học, chính là vô thức ấu thơ. Đó là cõi mà chúng ta bước vào khi ngủ. Chúng ta mang nó trong mình đời đời. Mọi yêu tinh và người phù trợ bí mật trong thuở ấu thơ của ta đều ở đó, cùng mọi sự nhiệm mầu tuổi thơ. Và quan trọng hơn, cả mọi tiềm năng đời sống mà ta không bao giờ biến thành hiện thực được khi lớn lên, những phần khác của chính ta, đều có ở đấy; vì những hạt giống quý báu đó không bao giờ tàn lụi. Ví thử mà vết lên được phần nào cái toàn thể đã mất đó mang ra ánh sáng ban ngày, ta sẽ cảm nghiệm được sự mở rộng diệu kỳ những sức mạnh của ta, đời sống sẽ được làm mới lại sống động. Ta sẽ sùng sững trong tầm vóc. Hơn nữa, nếu ta có thể vết lên cái gì không chỉ chính ta mà còn cả thế hệ hoặc toàn thể nền văn minh của ta đã lãng quên, quả thật ta sẽ thành kẻ mang ân huệ về, người hùng văn hóa của thời đại - một nhân vật của thời khắc lịch sử không chỉ địa phương mà còn thế giới. Nói tắt lại: công việc đầu tiên của người hùng là phải rời sân khấu thế giới nơi chỉ có những kết quả thứ yếu để lui về những vùng nguyên nhân trong tâm lý là nơi ngự trị những khó khăn thực sự, và ở đó phải làm sáng tỏ những khó khăn, loại bỏ chúng trong quan hệ với riêng mình (nghĩa là, đấu với những con quỷ ấu thơ trong văn hóa địa phương của anh ta) rồi xông phá để chúng nghiệm và đồng hóa trực tiếp, nguyên vẹn cái mà C. G. Jung gọi là “những hình ảnh cổ mẫu”⁽¹⁷⁾. Đây là quá trình mà triết học Ấn giáo và Phật giáo gọi là *viveka*, “phân biện”.

Như bác sĩ Jung đã chỉ rõ, lý thuyết cổ mẫu hoàn toàn không phải là phát minh của ông.⁽¹⁸⁾ So sánh Nietzsche: “Trong giấc ngủ và trong mơ ta đi qua toàn thể tư tưởng của nhân



loại trước kia. Ý tôi là, trong mơ con người lý luận cùng một cách như anh ta đã lý luận trong trạng thái thức qua nhiều ngàn năm... Giấc mơ đưa chúng ta về lại các trạng thái trước đó của nền văn hóa loài người, và cho chúng ta một phương tiện để hiểu nó rõ hơn.”⁽¹⁹⁾

So sánh lý thuyết “Các ý niệm cơ bản” (*Elementargedanken*) của các dân tộc của Adolf Bastian, những ý niệm này, trong tính chất tâm lý ban đầu của chúng (tương ứng với *Logoi spermatikoi* của phái Khắc Kỷ), cần được xem là “các trạng thái tinh thần (hay tâm lý) phôi thai mà từ đó toàn thể cấu trúc xã hội đã phát triển một cách hữu cơ”, và nên dùng chúng làm cơ sở để nghiên cứu quy nạp trên tư cách đó.⁽²⁰⁾



So sánh Franz Boas: “Từ sau phân tích toàn diện của Waitz về vấn đề tính thống nhất của loài người, không còn nghi ngờ gì nữa là nhìn chung các đặc điểm tâm thần của con người đều giống nhau trên khắp thế giới... Bastian đi đến chỗ nói về sự đơn điệu đến phát ngán trong các ý niệm nền tảng của nhân loại trên khắp địa cầu... Có thể nhận ra một số mô thức ý niệm có liên kết với nhau trong mọi kiểu văn hóa.”⁽²¹⁾



So sánh Sir James G. Frazer: “Chúng ta không được đồng ý với một số người tìm hiểu thời cổ đại và hiện đại cho rằng các dân tộc phương Tây đã vay mượn của nền văn minh xa xưa ở phương Đông ý niệm Thần chết đi và sống lại, cùng với nghi thức trọng thể để trình bày ý niệm này dưới dạng kịch hóa trước mắt tín đồ. Có lẽ đúng hơn thì sự tương đồng có thể nhận thấy trong khía cạnh này giữa các tôn giáo của Đông và Tây chẳng qua chỉ là cái ta thường gọi, dù không đúng, là một sự trùng hợp tình cờ, kết quả của các nguyên nhân tương tự nhau tác động như nhau lên cái tạng tương tự nhau của đầu óc con người ở các nước khác nhau dưới những bầu trời khác nhau.”⁽²²⁾



So sánh Sigmund Freud: “Từ đầu tôi đã nhận thấy được sự hiện diện của tính biểu tượng trong giấc mơ. Nhưng chỉ dần dà và khi có nhiều kinh nghiệm hơn thì tôi mới đánh giá được đầy đủ tầm mức và ý nghĩa của nó, và đó là nhờ ảnh hưởng của... Wilhelm Stekel... Stekel đi đến cách giải thích của ông về biểu tượng bằng con đường trực giác, nhờ có biệt tài hiểu trực tiếp các biểu tượng ấy... Những tiến bộ trong kinh nghiệm phân tâm học đã khiến chúng tôi lưu ý đến các bệnh nhân tỏ ra có thể hiểu trực tiếp những biểu tượng trong mơ thuộc loại này đến mức độ lạ lùng... Tính biểu tượng này không phải là riêng có đối với giấc mơ, mà nó là đặc trưng của hình dung vô thức, nhất là giữa dân gian, và ta sẽ bắt gặp nó trong văn hóa dân gian, trong các thần thoại, truyền thuyết, thành ngữ, tục ngữ phổ biến và những câu đùa đương đại, ở mức độ hoàn thiện hơn là trong giấc mơ.”⁽²³⁾



Bác sĩ Jung chỉ ra rằng ông đã vay mượn thuật ngữ “cổ mẫu” [*archetype*] từ các nguồn cổ điển: Cicero, Plinius, *Corpus Hermeticum*, Augustinô, vân vân.⁽²⁴⁾ Bastian lưu ý sự tương đồng giữa lý thuyết “các ý niệm cơ bản” của mình với khái niệm *Logoi spermatikoi* của phái Khắc Kỷ. Truyền thống “sắc nội tri” (những hình tượng tự biết trong tâm, tiếng Phạn: *antarjñeya-rūpa*) thật ra cộng tồn với truyền thống thần thoại, và là chìa khóa để hiểu và sử dụng các hình ảnh thần thoại - mà ta sẽ thấy xuất hiện rất nhiều trong các chương sau.



Cần phát hiện và đồng hóa chính là những cổ mẫu đã khơi nguồn cho các hình ảnh cơ bản trong nghi lễ, thần thoại và thị kiến suốt dòng lịch sử con người. Không nên lẫn lộn “Những đấng vĩnh cửu trong mơ”⁽²⁵⁾ này với các hình ảnh tượng trưng được tùy biến theo từng cá nhân hiện ra trong ác mộng và cơn điên với kẻ vẫn còn bị giày vò. Giấc mơ là thần thoại cá nhân hóa, thần thoại là giấc mơ giải cá nhân hóa; cả thần thoại lẫn giấc mơ đều mang tính biểu tượng như mọi sự vận động của tâm lý nói chung đều vậy. Thế nhưng trong giấc mơ các hình tượng bị méo mó đi vì những bất ổn riêng của người nằm mơ, còn trong thần thoại các vấn đề và giải pháp đưa ra lại có hiệu lực trực tiếp cho toàn thể nhân loại.



HÌNH 4. Diệt trừ Minotauros
(vò hình đỏ, Hy Lạp, khoảng 470 TCN)

Do vậy, người hùng là con người nào đã chiến đấu vượt qua được những hạn chế lịch sử của cá nhân và địa phương mình để tiến tới những hình tượng người tiêu chuẩn, có hiệu lực phổ quát. Những thị kiến, ý niệm, cảm hứng của một người như vậy xuất phát tinh khôi từ suối nguồn uyên nguyên của đời sống và tư tưởng con người. Do vậy mà chúng nói cho ta biết nhiều điều, không phải về xã hội và tâm lý hiện tại đang phân rã, mà về cái nguồn không bao giờ cạn nhờ đó xã hội được hồi sinh. Người hùng đã chết như một người hiện đại; nhưng như con người vĩnh cửu - con người phổ quát, chung nhất, hoàn thiện - anh ta đã hồi sinh. Do vậy nhiệm vụ và kỳ tích trọng đại thứ hai của anh ta (như Toynbee tuyên bố và như mọi thần thoại của nhân loại chỉ rõ) là tiếp đó phải quay về với chúng ta, đã biến hình, và dạy bài học anh ta học được về sự sống đã hồi sinh.

Tuy vậy, phải ghi nhận trái với giáo sư Toynbee là ông đã mô tả sai trầm trọng bối cảnh thần thoại khi giới thiệu Cơ Đốc giáo là tôn giáo duy nhất dạy nhiệm vụ thứ hai này. Mọi tôn giáo đều dạy điều đó, cũng như mọi thần thoại và truyện kể dân gian ở mọi nơi. Giáo sư Toynbee đi đến cách giải thích sai ấy là do một cách diễn giải sáo mòn và không chính xác các ý niệm Đông phương về Niết Bàn, Phật, Bồ Tát; rồi đối chiếu các lý tưởng đã bị diễn giải sai này với một cách giải thích lại rất tinh vi phức tạp ý niệm Cơ Đốc về Nước Chúa. Chính điều này đã dẫn ông đến quan điểm sai lầm rằng sự cứu rỗi cho tình hình thế giới hiện nay có lẽ nằm ở việc quay về trong vòng tay Giáo hội Công giáo La Mã.

“Tôi đang đi một mình ở mạn trên một thành phố lớn, qua những đường phố bùn lầy, nhếch nhác, hai bên là những ngôi nhà nhỏ nặng nề,” một phụ nữ thời nay viết khi mô tả một giấc mơ bà có.

Tôi không biết mình đang ở đâu, nhưng thích chuyến thám hiểm này. Tôi chọn một con phố bùn lầy kinh khủng chạy qua cái chắc là một đường cống hở. Tôi đi giữa từng dãy nhà lụp xụp rồi phát hiện ra một con sông nhỏ chảy giữa tôi và một nơi có nền đất cao, chắc

chấn, có con đường lát đá. Đây là một con sông trong vắt, đẹp đẽ, chảy qua cỏ. Tôi còn thấy cỏ dập dòn dưới nước. Không có cách nào qua sông, nên tôi đi tới một túp nhà nhỏ hỏi mượn thuyền. Một ông ở đó nói tất nhiên ông có thể giúp tôi qua sông. Ông ta đem ra một hộp gỗ nhỏ đặt bên bờ sông và tôi thấy ngay rằng với cái hộp này tôi có thể dễ dàng nhảy qua sông. Tôi biết mọi hiểm nguy đã qua và tôi muốn đền đáp cho ông ta thật hậu hĩ.

Khi nghĩ đến giấc mơ này tôi có cảm giác rõ rệt là tôi hoàn toàn không cần phải đến nơi tôi đang ở mà từ đầu có thể chọn cuộc đi thoải mái dọc những con đường lát đá. Tôi đã đi đến khu vực bãi bồi vì tôi thích phiêu lưu hơn, và đã bắt đầu thì tôi phải đi tiếp... Khi nghĩ đến chuyện mình cứ kiên trì đi tới trong giấc mơ, tôi thấy như thể hẳn mình đã biết có gì đẹp đẽ phía trước, như con sông yêu kiều cỏ mọc đó và con đường lát đá cao, an toàn bên kia. Nghĩ đến theo cách ấy, điều đó giống như quyết tâm được ra đời - hay đúng hơn là ra đời lần nữa - trong một nghĩa tình thần thể nào đó. Có lẽ một số người trong chúng ta phải đi qua những con đường quanh co tăm tối rồi mới tìm thấy dòng sông bình yên hay đường cái dẫn đến đích của tâm hồn.⁽²⁶⁾

Người nằm mơ là một nghệ sĩ opera ưu tú, và như tất cả những ai đã chọn không phải đi theo những đường lộ chung được vạch lối an toàn của thời đại, mà theo chuyến phiêu lưu của tiếng gọi đặc biệt, mơ hồ vọng đến với những ai để ngỏ đôi tai bên trong cũng như bên ngoài, bà đã phải một mình đi tới, qua những gian truân không thường chạm trán, “qua những con phố bùn lầy, nhếch nhác”; bà đã biết đêm đen của tâm hồn, “rừng tối, giữa hành trình cuộc sống” của Dante và những khổ đau dưới địa ngục:

*Qua ta là con đường vào thành phố khổ đau,
Qua ta là con đường vào thống khổ triền miên.
Qua ta là con đường giữa những kẻ đọa đầy.⁽²⁷⁾*

Điều đáng lưu ý là giấc mơ này đã lặp lại đến từng chi tiết sơ đồ

cơ bản của công thức thần thoại phổ quát về chuyến phiêu lưu của người hùng. Ta sẽ thấy những motif có ý nghĩa thâm sâu về hiểm họa, chướng ngại, vận may gặp trên đường này suốt những trang sau đây, biến cách trong cả trăm hình tượng. Cuộc vượt dòng nước, đầu tiên là qua cống hỏ,^(*) rồi đến con sông trong vắt chảy qua cỏ,^(†) sự xuất hiện của người phù trợ sẵn lòng vào thời điểm then chốt,^(‡) và nền đất cao, chắc chắn bên kia con suối cuối cùng (Thiên đường Hạ giới, Vùng đất bên kia sông Jordan):^(§) đây là những chủ đề cứ tái hồi muôn thuở trong khúc ca diêu kỳ về chuyến phiêu lưu cao cả của linh hồn. Và mỗi người dám lắng nghe và đi theo tiếng gọi bí mật thì đều đã biết những hiểm họa của chuyến đi qua đơn độc, trắc trở:

*Lưỡi dao lam mài bén, khó vượt qua,
Đường đi gian khó chính là đây - nhà thơ nói!⁽²⁸⁾*

Người nằm mơ được giúp qua sông nhờ món quà là một hộp gỗ nhỏ, trong giấc mơ này đã thay thế xuống nhỏ hay cây cầu vốn thường gặp hơn. Đây là biểu tượng cho biệt tài và đức hạnh của bà, nhờ nó bà được đưa qua biển nước thế gian. Người nằm mơ không cung cấp cho chúng ta thông tin gì về các liên tưởng của bà, nên ta không biết cái hộp có thể hé lộ những gì đặc biệt chứa bên trong; nhưng nó nhất định là một dị bản của hộp Pandora - món quà siêu phàm mà thần linh dành cho người đàn bà đẹp, chứa đầy hạt mầm mọi sự phúc họa của hiện hữu, nhưng

*. So sánh với "Hòa ngọc", XIV, 76-84 của Dante (Dante Alighieri, *Hài kịch thánh thần*, tập I, tr. 89): "một con suối nhỏ có màu đỏ nay còn khiến tôi rùng mình... đám đàn bà tội lỗi xuống ngâm chung."

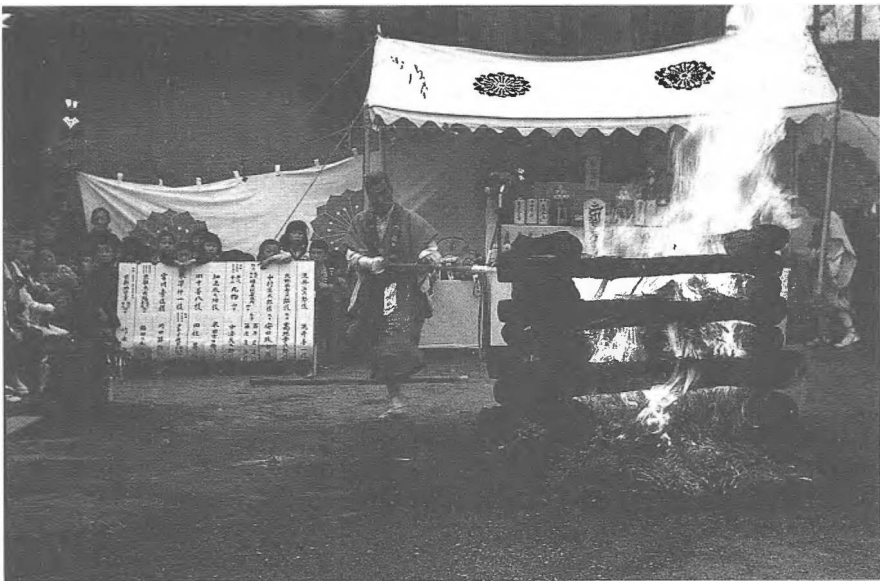
†. So sánh với "Luyện ngọc", XXVIII, 22-30 (sđd., tập II, tr. 214) của Dante: "Một con suối... những con sóng nhỏ xô dạt về bên trái cỏ mọc trên bờ. Mọi vùng nước thanh khiết nhất trên mặt đất này cũng sẽ dường như lẫn tạp chất, nếu đem so với cái không giấu thứ gì."

‡. Vergilius của Dante.

§. "Kẻ nào khi xưa ca ngợi Thời Hoàng Kim cùng trạng thái hạnh phúc của nó, có lẽ đã mơ thấy nơi này khi nằm trên đỉnh Parnassus: đây là cội rễ của nhân loại ngây thơ; ở đây luôn là mùa xuân, đầy hoa trái; đây là mật ngọt mà mỗi người họ kẻ" ("Luyện ngọc", XXVIII, 139-144; sđd., tập II, tr. 219).

cũng còn chứa hy vọng, đức hạnh giúp nuôi dưỡng con người. Nhờ cái hộp ấy, người nằm mơ qua được bờ bên kia. Và cũng nhờ một phép lạ tương tự, mỗi người mang cái nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm là khám phá và phát triển bản ngã ấy sẽ được tiếp độ qua đại dương cuộc đời.

Đa số người thường chọn con đường ít phiêu lưu hơn, là những thói lệ của bộ tộc và công dân tương đối vô thức. Nhưng cả những người tìm kiếm này cũng được cứu - nhờ những phù trợ có tính biểu tượng của xã hội mà anh ta được kế thừa, các nghi lễ chuyển đổi, các bí tích ban thánh sủng, được những vị cứu thế trao cho nhân loại từ xưa và truyền lại qua hàng thiên niên kỷ. Chỉ có những kẻ không biết đến tiếng gọi bên trong cũng như học thuyết bên ngoài thì cảnh ngộ mới thật vô phương; tức là đa số chúng ta ngày nay, trong cái mê cung bên ngoài và bên trong trái tim này. Than ôi, ở đâu đây người dẫn đường, nàng trinh nữ Ariadne đáng yêu đáng mến, để cung cấp cái manh mối đơn sơ cho chúng ta can đảm đối mặt Minotauros, rồi phương tiện tìm đường đến tự do khi đã gặp và giết xong quái vật?



HÌNH 5. Lễ lửa của Thần đạo

(hình do Joseph Campbell chụp, Nhật Bản, 1956)

Ariadne, con gái vua Minos, đem lòng yêu Theseus khôi ngô ngay phút giây nhìn thấy chàng bước xuống từ con thuyền đưa nhóm thiếu niên thiếu nữ đáng thương của Athenai đến cho Minotauros. Nàng tìm được cách trò chuyện với chàng, nói rằng nàng sẽ cung cấp phương tiện giúp chàng thoát được mê cung nếu chàng hứa đưa nàng đi khỏi Crete và lấy nàng làm vợ. Chàng đã hứa. Ariadne bèn quay sang cầu cứu Daedalus đã mưu, mà chính nhờ tài nghệ của ông mê cung mới được xây và mẹ của Ariadne mới có thể sinh ra kẻ trú ngụ trong đó. Daedalus chỉ trao cho nàng một cuộn chỉ để người hùng phương xa đến cột ở lối vào rồi tỏ ra trên đường đi vào mê cung. Thật ra thì thứ ta cần quá ư nhỏ nhặt! Nhưng không có nó, chuyến phiêu lưu vào mê cung sẽ vô vọng.

Cái nhỏ bé thì lại ngay tầm tay. Lại đời làm sao, chính nhà khoa học đã thành kiến trúc sư cho mê cung kinh hoàng kia khi phục vụ nhà vua tội lỗi, lại cũng không kém có ích cho những mục tiêu của tự do. Nhưng trái tim người hùng cần phải sẵn sàng. Bao thế kỷ Daedalus đã đại diện cho kiểu nhà khoa học-nghệ sĩ: cái hiện tượng con người vô vụ lợi lạ lùng, gần như ma quỷ đó, nằm ngoài những biên cương phán xét bình thường của xã hội, hết mình không phải vì đạo lý của thời đại ông mà vì đạo lý của nghệ thuật ông. Ông là người hùng của con đường tư tưởng - toàn tâm toàn ý, can đảm, và đầy niềm tin rằng sự thật, sự thật như ông thấy, sẽ cho chúng ta tự do.

Và thế nên giờ đây chúng ta có thể nhờ đến ông, như Ariadne đã làm. Cây lanh để lấy sợi bện nên chỉ, ông đã hái từ các cánh đồng trí tưởng tượng con người. Hàng thế kỷ nuôi trồng, hàng thập kỷ cần cù tuyển chọn, công phu của biết bao tấm lòng và đôi tay, đã đi vào công việc chải, lựa, rồi dệt nên sợi chỉ bện chặt này. Đã thế, chúng ta còn không phải liêu phiêu lưu một mình; bởi các người hùng thuộc mọi thời đại đã đi trước chúng ta; mê cung đã được tỏ tường; chúng ta chỉ cần lần theo sợi chỉ là lối đi của người hùng. Và nơi chúng ta những tưởng sẽ bắt gặp một

quái trạng ghê sợ, ta sẽ tìm thấy một vị thần; nơi ta nghĩ sẽ tiêu diệt một kẻ khác, ta sẽ diệt chính mình; nơi ta tưởng đi ra ngoài, ta sẽ đi vào trung tâm của tồn tại ta; nơi ta ngỡ có một mình, ta sẽ ở cùng với cả thế gian.

2. BI KỊCH VÀ HÀI KỊCH

“Mọi gia đình hạnh phúc đều giống nhau, nhưng mỗi gia đình bất hạnh lại khổ sở theo cách riêng.”^(*) Bằng cái câu định mệnh này, bá tước Lev Tolstoy đã mở đầu cuốn tiểu thuyết về sự phân thân tinh thần của nữ người hùng thời hiện đại, Anna Karenina. Trong suốt bảy thập kỷ trôi qua kể từ khi người vợ, người mẹ sao nhãng, người tình cuồng si mê muội đó gieo mình xuống dưới bánh xe lửa - kết liễu bi kịch mất phương hướng của nàng bằng một cử chỉ tượng trưng cho điều vốn đã xảy ra với linh hồn nàng - một bài thơ tán huyệt não không dứt gồm những chuyện tình lãng mạn, những bản tin, những tiếng kêu thống khổ không được ghi lại đã cất lên để tôn vinh con quỷ bò đực trong mê cung: cái khía cạnh thịnh nộ, tàn phá, điên cuồng của chính vị thần mà khi hiền từ lại là nguyên lý truyền sức sống cho thế giới. Các chuyện tình thời hiện đại, giống như bi kịch Hy Lạp, ca tụng cái bí ẩn của sự phân thân, tức là sự sống trong thời gian. Cái kết có hậu bị coi là xuyên tạc, và hiểu thế là đúng; bởi lẽ thế giới, thế giới như chúng ta biết, như chúng ta đã thấy, chỉ mang lại một kết cục: cái chết, phân rã, phân thân, và đem đóng đinh thập giá trái tim chúng ta bằng sự ra đi của những hình tượng ta từng yêu quý.

“Thương hại là cảm giác xâm chiếm tâm trí khi đứng trước bất cứ gì trầm trọng và thường trực trong những đau khổ của con người và hợp nhất tâm trí ấy với con người chịu khổ. Kinh

*. Dựa trên bản dịch của Dương Tường, Nhị Ca, Nhã Nam & NXB Hội Nhà Văn 2018. (BT)

hoàng là cảm giác xâm chiếm tâm trí khi đứng trước bất cứ gì trầm trọng và thường trực trong những đau khổ của con người và hợp nhất tâm trí ấy với nguyên nhân ẩn mật.”⁽²⁹⁾ Như Gilbert Murray đã chỉ ra trong lời tựa viết cho bản dịch của Ingram Bywater cuốn *Nghệ thuật thi ca* của Aristoteles,⁽³⁰⁾ *katharsis* trong bi kịch (nghĩa là, sự “thanh lọc” hay “tẩy gột” các cảm xúc của người xem bi kịch nhờ trải nghiệm các cảm giác thương hại và kinh hoàng) tương ứng với *katharsis* trong nghi lễ trước kia (“sự thanh tẩy khỏi cộng đồng những ô uế và độc chất năm vừa qua, cùng tội lỗi và cái chết đã thâm nhiễm lâu đời”), chính là chức năng của lễ hội và kịch thần bí xoay quanh vị thần bò đực bị phân thân Dionysos. Trong kịch thần bí, tâm trí trầm tưởng được hợp nhất không phải với xác thân vừa chết trước mắt người xem, mà với nguyên lý sự sống liên tục đã cư ngụ trong xác thân đó một thời gian, và trong khoảng thời gian đó là thực tại khoác áo bóng ma (vừa là kẻ chịu khổ vừa là nguyên nhân ẩn mật), cái thể nền mà bản ngã chúng ta tan lẫn vào khi “bi kịch đập vỡ mặt người”⁽³¹⁾ đã chẻ nhỏ, đập vụn và hòa tan thân xác phàm của ta.

*Hiện ra, mau hiện ra, dù ngươi mang hình hài tên tuổi ra sao,
Hỡi Bò Núi, Rắn Trăm Đầu,
Sự Tử Lửa rực cháy!
Hỡi Thần, Dã Thú, Bí Ẩn, hãy đến đây!*⁽³²⁾

Cái chết đối với logic và những ràng buộc cảm xúc của khoảnh khắc tình cờ chúng ta sống trong thế giới không gian thời gian này, việc ta nhận ra, dịch chuyển trọng tâm sang sự sống vũ trụ đang đập rộn ràng và ăn mừng chiến thắng của nó trong chính nụ hôn tuyệt diệt đặt lên chúng ta này, cái *amor fati*, “tình yêu số phận” này, yêu cái số phận mà tất yếu là cái chết, chính là kinh nghiệm nghệ thuật bi kịch - chính trong đó chứa đựng niềm vui, cái xuất thần cứu chuộc của bi kịch:

Đời ta đã trôi, kẻ nô tỳ này,
 Kẻ thụ giáo của thần Jove núi Ida;
 Zagreus nửa đêm rong chơi ở đâu, ta cũng rong chơi ở đó;
 Ta đã chịu tiếng gằm như sấm của ngài;
 Bày đây những yến tiệc đỏ máu cho ngài;
 Cầm ngọn lửa núi của Mẹ Vĩ Đại;
 Ta được giải thoát và được gọi tên
 Thần Rượu của các tu sĩ áo giáp.⁽³³⁾

Văn chương hiện đại rất sốt sắng quan sát, can đảm và chăm chú, những hình tượng đồ nát đáng buồn đầy rẫy trước mắt, xung quanh và bên trong ta. Khi nào kìm nén được cái thôi thúc tự nhiên là oán thán cảnh tàn sát - gào la đổ lỗi, hay tuyên cáo có thuốc thần - ta sẽ đạt đến tầm vóc của một nghệ thuật bi kịch có hiệu lực hơn (đối với chúng ta) so với bi kịch Hy Lạp: thứ bi kịch dân chủ duy thực, gần gũi, và thú vị theo nhiều cách khác nhau, trong đó ta thấy vị thần bị đóng đinh trong những tai ương không chỉ ở những dinh thự quyền quý mà còn ở từng mái nhà thứ dân, từng gương mặt tuơng máu lần roi. Và không có niềm tin vào vệt về thiên đường, diễm phúc và bù đắp đời sau nào để làm vui đi cái uy nghi cay đắng, mà chỉ có bóng tối mịt mù, hư vô bất toại đón nhận và nuốt trở lại những sự sống đã được ném ra từ dạ con chỉ để rồi tàn lụi.

So với bao điều này thì những câu chuyện thành tựu nhỏ nhút của chúng ta xem ra thật đáng thương; chúng ta biết quá rõ nỗi cay đắng của những thất bại, mất mát, vỡ mộng, bất toại mĩa mai thường quấy nhiễu ngay cả những kẻ được người đời ganh tị! Bởi vậy mà chúng ta không sẵn sàng xếp hàng kịch vào đẳng cấp cao như bi kịch. Hài kịch khi là trào phúng thì chấp nhận được, khi là đùa vui nó trở thành một chốn ẩn náu dễ chịu, nhưng còn truyện cổ tích về hạnh phúc đời đời thì làm sao tin được một cách nghiêm túc; nó thuộc về xứ hoang đường ngày ta còn bé, cái xứ sở được bảo bọc khỏi những hiện thực ta sẽ sớm biết rõ đến khủng khiếp thôi; cũng như thần thoại về thiên

đường vĩnh cửu là dành cho người già, khi cuộc đời đã ở sau lưng và trái tim phải sẵn sàng cho cánh cổng sau cùng bước vào màn đêm - cái nhận định tỉnh táo, hiện đại của phương Tây này lại dựa trên ngộ nhận hoàn toàn đối với những thực tại mô tả trong truyện cổ tích, thần thoại và hài kịch thánh thần kể về cứu chuộc. Những loại truyện này, trong thế giới cổ đại, được đặt vào vị trí cao hơn bi kịch, được coi là nói về chân lý uyên áo hơn, khó hiện thực hóa hơn, có cấu trúc vững bền hơn, xuất phát từ sự khải lộ trọn vẹn hơn.

Cần hiểu kết thúc có hậu trong truyện cổ tích, thần thoại và hài kịch thánh thần của linh hồn không phải là mâu thuẫn với, mà là đã vượt qua cái bi kịch phổ quát của con người. Thế giới khách quan vẫn vậy, nhưng nhờ một sự chuyển dịch trọng tâm bên trong chủ thể mà thế giới ấy được nhìn nhận như thể đã biến đổi. Nơi trước kia sự sống và cái chết phân tranh, giờ đây hiện hữu trường tồn được làm cho hiển hiện - cũng thờ ở trước những ngẫu nhiên trong thời gian như nước sôi trong ấm thờ ở trước số phận của một bọt bóng, hay như vũ trụ thờ ở trước sự xuất hiện rồi biến mất của một thiên hà. Bi kịch là sự vỡ tan các hình tượng và mối chấp trước của ta vào hình tượng; hài kịch là niềm vui bất tận, ngông cuồng, bông bọt của sự sống không sao quật ngã. Vì thế cho nên bi kịch và hài kịch là hai mặt của cùng một chủ đề và kinh nghiệm thần thoại, bao gồm cả hai và được chúng kết hợp lại: cuộc đi xuống và cuộc đi lên (*kathodos* và *anodos*), cùng nhau chúng cấu thành nên cái toàn thể của điều khải lộ là sự sống, và cá thể phải biết và yêu quý nó nếu anh ta muốn được tẩy gột (*katharsis* = *purgatorio*) khỏi lây nhiễm tội lỗi (bất tuân thiên ý) và cái chết (tự đồng nhất với xác phàm).

“Mọi thứ đều biến dịch; không có gì chết đi. Tinh thần lang thang, nay đây, mai đó, thích ngụ trong thân nào thì ngụ... Vì cái từng tồn tại thì không còn nữa, còn cái chưa tồn tại thì mới thành hình; và thế là cả vòng chuyển động đi qua lần nữa.”⁽³⁴⁾

“Chỉ có thân xác, là nơi cái Ngã vĩnh cửu, bất hoại, bất khả tư nghì này ngụ bên trong, mới được cho là có diệt.”⁽³⁵⁾

Việc của thần thoại đích thực, và của truyện cổ tích, là hé lộ những mối nguy và phương cách cụ thể của lối đi tăm tối bên trong từ bi kịch đến hài kịch. Do vậy mà các tình tiết đều kỳ ảo và “phi thực”: chúng biểu hiện cho những thắng lợi tâm lý, không phải thể xác. Ngay cả với những truyền thuyết nói về một nhân vật có thật trong lịch sử, các chiến công cũng được mô tả bằng những hình tượng không phải thuộc về đời thực, mà mộng ảo; bởi vấn đề không phải là việc này việc kia đã được làm trên trần thế; vấn đề là ở chỗ, trước khi có thể làm việc này việc kia trên trần thế, thì cái việc chính yếu, quan trọng hơn kia phải hoàn tất bên trong mê cung mà ai trong chúng ta cũng biết và đã đến trong mơ. Lối đi của người hùng thần thoại có thể tình cờ xảy ra trên mặt đất; nhưng về cơ bản là đi vào bên trong - vào những vùng sâu thẳm nơi những kháng cự tối tăm bị chinh phục, những sức mạnh bị lãng quên từ lâu được hồi sinh, để có thể dùng đến trong công cuộc biến hình thế giới. Khi chiến công này đã hoàn thành, sự sống không còn khổ đau vô vọng dưới những bầm vằm khủng khiếp của tai ương đầy rẫy, dập vùi bởi thời gian, xấu xí khắp cùng không gian; mà dù nỗi kinh hoàng của nó vẫn



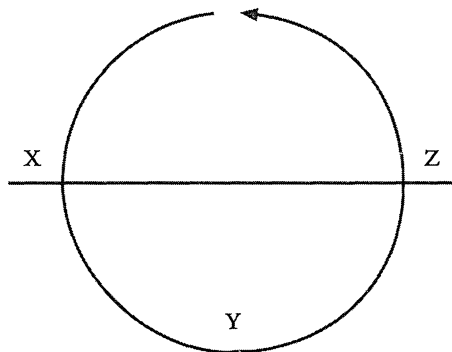
HÌNH 6. Người hàng phục quái vật

(cẩn xà cừ và lam ngọc, văn minh Sumer, Iraq, khoảng 2650-2400 TCN)

còn hiển hiện, những kêu than thống khổ vẫn còn náo động, sự sống sẽ được thấm đẫm một tình yêu chan chứa khắp cùng, nuôi dưỡng khắp cùng, và một hiểu biết về sức mạnh bất bại của chính mình. Một phần cái nguồn sáng vẫn cháy rõ ràng không thấy được bên trong các vực thẳm của tính vật chất thường vẫn mờ đục của nó bùng thoát ra ngoài, mỗi lúc một thêm hùng hực. Những bầm vằm đáng sợ bấy giờ được nhận ra chỉ là những cái bóng của một vĩnh cửu bất hoại, nội tại; thời gian nhường bước trước vinh quang; và thế giới hát khúc nhạc ngư nữ mê ly, thần thánh, nhưng có lẽ xét đến cùng cũng đơn điệu của các thiên cầu. Như những gia đình hạnh phúc, mọi thần thoại và mọi thế giới được cứu chuộc thấy đều giống nhau.

3. NGƯỜI HÙNG VÀ THƯỢNG ĐẾ

Con đường chuẩn trong cuộc phiêu lưu thần thoại của người hùng là sự phóng đại công thức được thể hiện trong nghi lễ chuyển đổi: *phân ly-thụ giáo-quay về*: có thể gọi nó là đơn vị hạt nhân trong thần thoại gốc.⁽³⁶⁾



Người hùng từ thế giới ngày thường dẫn bước vào một vùng phép lạ siêu nhiên (x): chạm trán những lực lượng thần kỳ ở đó và giành được thắng lợi quyết định (y); người hùng từ chuyến phiêu lưu kỳ bí này quay về với quyền năng ban ân huệ cho đồng loại (z).

Prometheus lên trời, lấy cắp lửa của thần linh, rồi xuống trần. Jason dong buồm đi qua Đá Va vào vùng biển đầy những thứ diệu kỳ, vượt qua được con rồng canh giữ Bộ Long Cừ Vàng, rồi quay về mang theo bộ lông và sức mạnh để giành lại ngai vàng chính đáng của mình từ tay kẻ tiếm ngôi. Aineias đi xuống cõi âm, băng qua con sông hãi hùng của người chết, ném mẩu bánh cho con chó Kerberos ba đầu canh giữ, và cuối cùng trò chuyện với vong linh người cha đã khuất. Mọi thứ trải ra trước mắt cho chàng thấy: số phận của các linh hồn, vận mệnh của thành La Mã mà chàng sắp sửa lập nên, “và phương cách cho chàng có thể tránh hay hứng chịu từng gánh nặng”.⁽³⁷⁾ Chàng đi qua cánh cổng ngà mà quay về với nhiệm vụ của mình ở trần gian.

Một mô tả huy hoàng những gian truân trong nhiệm vụ của người hùng, và ý nghĩa cao siêu của nó khi được tư duy thấu đáo và thực hành nghiêm túc, có thể tìm thấy trong truyền thuyết về cuộc chiến đấu phi thường của Đức Phật. Hoàng tử trẻ Gautama Śākyamūni bí mật rời khỏi cung điện của phụ vương trên lưng chiến mã uy phong Kanthaka, bằng phép thần thông qua được cổng thành có lính canh, cưỡi ngựa suốt đêm có chư thiên hai trăm bốn mươi ngàn vị soi đuốc châu, ung dung vượt qua con sông hùng vĩ rộng một ngàn một trăm hai mươi tám hắc tay, rồi chỉ bằng một nhát kiếm cắt phẳng những lọn tóc vương giả - lập tức số tóc còn lại, dài bằng bề rộng hai ngón tay, cuộn sang phải ép sát đầu. Khoác áo thầy tu, ngài làm hành khát đi khắp thế gian, và suốt những năm có vẻ như lang thang vô định ấy đã đạt được và vượt qua tám tầng thiền. Ngài lui về một thảo am nhỏ, thêm sáu năm quyết tâm cho cuộc chiến đấu phi thường, chịu khổ hạnh tột cùng, rồi ngã gục tưởng như đã chết, nhưng rồi liền đó hồi phục. Ngài bèn quay lại với lối sống khát sĩ đỡ khắc khổ hơn.

Một ngày nọ ngài ngồi dưới cây, quán tưởng phương Đông thế giới, cái cây sáng rạng dưới hào quang của ngài. Một thiếu nữ tên Sujata đi lại dâng com sữa cho ngài trong chén vàng, và khi



HÌNH 7. Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội Bồ Đề
(phù điêu đá diệp thạch, Ấn Độ, khoảng cuối thế kỷ 9 đầu thế kỷ 10)

Đức Phật giác ngộ là khoảnh khắc quan trọng nhất trong thần thoại Đông phương, tương đương với đóng đinh thập giá của phương Tây. Đức Phật dưới Cây Giác Ngộ (Bồ Đề) và Đấng Christ trên Thánh Giá (Cây Cứu Chuộc) là hai hình tượng tương đồng, tích hợp motif cổ mẫu Đấng Cứu Thế-Cây Thế Giới, đã có từ thuở khai thiên lập địa. Ta sẽ bắt gặp nhiều biến dị khác của chủ đề này trong các chương sắp tới. Chỗ Ngồi Bất Thối Chuyển và Đồi Calvary là những hình ảnh Rốn Thế Giới, hay Trục Thế Giới (xem tr. 57).

Lời kêu gọi Đất làm chứng được mô tả trong nghệ thuật Phật giáo truyền thống bằng các hình ảnh Đức Phật ngồi trong tư thế kiết già cổ điển, tay phải tựa trên đầu gối phải và mấy ngón tay chạm nhẹ xuống đất.

Ý muốn nói ở đây là Phật quả, tức Giác Ngộ, thì không thể truyền đạt, mà chỉ truyền đạt được *con đường* Giác Ngộ. Thuyết nói rằng không thể truyền đạt, tuyên thuyết Chân Lý nằm ngoài danh sắc [tên gọi và hình tướng - BT] này là tư tưởng cơ bản trong các truyền thống lớn của phương Đông cũng như các học thuyết bắt nguồn từ Platon. Trong khi các chân lý khoa học đều có thể truyền đạt, vì là những giả thuyết có thể chứng minh được thiết lập bằng lý tính trên cơ sở các sự kiện quan sát được, thì lễ nghi, thần thoại, siêu hình học lại chỉ là những cách dẫn dắt đến bên rìa sự soi rạng siêu việt, còn bước cuối cùng mỗi người phải tự bước tới trong chứng nghiệm tịch lặng riêng. Vì vậy một trong các thuật ngữ tiếng Phạn để chỉ thánh giả là *muni*, “bậc yên tĩnh”. *Śākyamuni* (Thích Ca Mâu Ni) nghĩa là “bậc yên tĩnh hay thánh giả (*muni*) của dòng dõi Śākya”. Dù ngài lập ra một tôn giáo thế giới được tuyên thuyết rộng khắp, cốt lõi tối hậu của giáo pháp ngài vẫn tất yếu ẩn tàng trong tịch lặng.

ngài ném chén rỗng xuống sông thì nó trôi ngược dòng. Đây là dấu hiệu rằng khoanh khắc toàn thắng của ngài đã gần kề. Ngài đứng lên đi theo một con đường rộng một ngàn một trăm hai mươi tám hắc tay được chư thần treo đèn kết hoa. Rắn rết chim chóc thần linh trong rừng ngoài đồng đem hoa và hương thơm cõi trời đến đánh lễ ngài, dàn nhạc trời rót tiếng du dương, mười ngàn cõi ngợp hương thơm, tràng hoa, hòa âm và những tiếng tán thán; vì ngài đang đi đến Cây Giác Ngộ cao quý, cây Bồ Đề, ngài sẽ ngồi dưới cây mà cứu độ thế gian. Ngài ngồi xuống, với quyết tâm không lay chuyển, dưới cội Bồ Đề, trên Chỗ Ngồi Bất Thối Chuyển, vậy là Kāma-Māra^(*), thần cai quản tình yêu và cái chết, lập tức tiến lại.

Vị thần nguy hiểm xuất hiện, cưỡi voi và cầm vũ khí trong cả ngàn tay. Bao quanh ông ta là cả đạo quân, trái dài đến mười hai dặm trước mặt, mười hai dặm bên phải, mười hai dặm bên trái, ở sau lưng thì trái dài đến tận cương vực thế giới; nó cao đến chín dặm. Chư thần hộ trì vũ trụ bỏ trốn, nhưng Phật Sắp Thành vẫn tĩnh tọa dưới cội Bồ Đề. Thế là thần tấn công ngài, tìm cách phá không cho ngài thiền định.

Gió lốc, đất đá, sấm chớp và lửa, vũ khí sắc bén nghi ngút khói, than hồng, tro nóng, bùn sôi, cát bỏng và bóng tối bốn bề, kẻ đối lập trút vào Bạc Cứu Độ, nhưng mọi thứ bắn ra đều biến thành hoa trời và dầu thơm nhờ quyền năng thập hạnh của Gautama. Kāma-Māra bèn tung bày con gái ra, Dục Vọng, Sân Hận, Tham Ái, xung quanh là đám thị nữ quyến rũ gọi dục, nhưng tâm của Đức Thế Tôn vẫn không vọng động. Cuối cùng Kāma-Māra, không thừa nhận quyền ngài ngồi trên Chỗ Ngồi Bất Thối Chuyển, giận dữ ném bánh xe răng cưa sắc cạnh và truyền lệnh cho ba quân sừng sững ném đá núi lởm chởm vào ngài. Nhưng Phật Sắp Thành chỉ đưa tay chạm mấy đầu ngón xuống mặt đất, kêu gọi nữ thần Đất làm chứng cho quyền ngài

*. Ma Vương. (ND)

ngồi nơi đây. Bà làm chúng bằng một trăm, một ngàn, một trăm ngàn tiếng găm, làm con voi của kẻ đối lập quỳ sụp xuống thần phục Phật Sắp Thành. Đội quân tức thì tan tác, và chư thần khắp các cõi rắc tràng hoa.

Sau khi giành được thắng lợi sơ khởi đó trước hoàng hôn, đứng hàng phục có được trong canh đầu hiểu biết về các kiếp trước của mình, trong canh hai thiên nhân nhìn suốt các cõi, và trong canh cuối cùng thấu đạt chuỗi nhân quả. Khi trời hừng sáng thì ngài đạt đại ngộ.

Thế rồi trong bảy ngày Gautama - giờ đã thành Phật, Bạc Giác Ngộ - tĩnh tọa trong cực lạc; trong bảy ngày ngài đứng cách xa một đoạn nhìn chỗ ngồi ngài đã đắc đạo; trong bảy ngày ngài đi kinh hành qua lại từ chỗ ngồi đến chỗ đứng; trong bảy ngày ngài ngụ trong bảo điện chư thần bày sẵn và xem lại toàn bộ thuyết nhân quả và giải thoát; trong bảy ngày ngài ngồi dưới cây mà thiếu nữ Sujata đã dâng cơm sữa trong chén vàng, và ở đấy thiền về thuyết cực lạc Niết Bàn; ngài rời sang một cây khác rồi một con báo lớn hoành hành suốt bảy ngày, nhưng Xà Vương từ dưới rễ cây ló lên xòe bành che chở cho Đức Phật; cuối cùng, Đức Phật ngồi bảy ngày dưới một cây thứ tư tiếp tục thọ hưởng cực lạc giải thoát. Rồi ngài bản khoản có truyền tri lại giáo huấn này được không, rồi ngài nghĩ giữ lại mình triết này một mình ngài biết; nhưng Phạm Thiên từ thiên đỉnh xuống trần khẩn cầu ngài trở thành thiên nhân sư. Vậy là Đức Phật được thuyết phục tuyên thuyết đạo pháp. Thế là ngài quay trở lại các đô thành của con người và đi giữa người phàm, ban cho họ cái ân huệ vô giá là tri kiến về Đạo.⁽³⁸⁾

Cựu Ước ghi lại một kỳ tích tương tự trong truyền thuyết về Moses, khi dân Israel rời khỏi xứ Ai Cập được ba tháng thì ông cùng dân mình đi vào sa mạc Sinai; đến đó dân Israel dựng lều bên vách núi. Moses đi lên gặp Chúa Trời, và Chúa Trời gọi ông từ trên núi. Chúa Trời trao cho Moses Bảng Luật và dạy ông đem về cho dân Israel, dân của Chúa.⁽³⁹⁾

Truyền thuyết dân gian Do Thái nói rằng trong ngày khai huyền có nhiều tiếng rền khác nhau vang vọng từ núi Sinai.

Chớp sáng lòa, đi cùng một tràng tù và càng lúc càng to, khiến dân chúng vô cùng kinh hãi run sợ. Chúa Trời uốn trời, dời đất, rung chuyển những biên cương thế giới, khiến các vực sâu rung lên, các tầng trời đâm kinh hãi. Hào quang của ngài đi qua bốn cổng lửa, động đất, bão, mưa đá. Vua chúa trên mặt đất run cầm cập trong cung điện. Đất thì nghĩ người chết sắp sống dậy, và bà sẽ phải chịu trách nhiệm về máu người bị giết đã thấm vào bà, và xác người bị giết mà bà che phủ. Đất chỉ bình tĩnh lại khi nghe thấy những lời đầu tiên trong Mười Điều Răn.

Vòm trời mở ra và núi Sinai thoát khỏi đất, vươn lên cao, đỉnh sừng sững chọc trời, trong khi một đám mây dày đặc bao phủ sườn núi, chạm chân Ngai Trời. Đứng chầu Chúa Trời ở một bên là hai mươi hai ngàn thiên sứ cầm vương miện cho chi tộc Levi, chi tộc duy nhất vẫn trung thành với Chúa Trời trong khi những người còn lại thờ phụng Bê Vàng. Ở bên kia là sáu mươi vạn ba ngàn năm trăm năm mươi thiên sứ, mỗi thiên sứ cầm mũ miện lửa cho mỗi người dân Israel. Ở mặt thứ ba có số thiên sứ gấp đôi số này; còn ở mặt thứ tư thì họ có nhiều vô số kể. Vì Chúa Trời không hiện ra từ một phương, mà từ mọi phương cùng một lúc, nhưng điều đó không ngăn vinh quang của ngài lấp đầy trời cũng như đất. Dù đông đảo thiên sứ như vậy nhưng không có cảnh chen chúc trên núi Sinai, không hỗn loạn tranh giành, vì có đủ chỗ cho tất cả.⁽⁴⁰⁾

Như ta sẽ sớm thấy, dù được trình bày bằng những hình ảnh bao la, hầu mệnh mong như đại dương của Đông phương, hay trong những truyện kể hùng hồn của người Hy Lạp, hay trong các truyền thuyết nguy nga của Kinh Thánh, thì cuộc phiêu lưu của người hùng cũng thường đi theo mô thức đơn vị hạt nhân đã mô tả ở trên: phân ly với thế giới, thâm nhập vào một nguồn sức mạnh nào đó, rồi quay về làm cho sự sống tốt đẹp hơn. Toàn thể Đông phương đã được lợi lạc nhờ ân huệ Đức Phật Gautama mang về - giáo lý vi diệu của ngài về Chánh Pháp - cũng như

Tây phương được lợi lạc nhờ Mười Điều Răn Moses mang về. Người Hy Lạp cho rằng nguồn gốc của lửa, nền tảng đầu tiên nâng đỡ toàn bộ nền văn minh con người, là kỳ công siêu vượt thế gian của Prometheus của họ, còn người La Mã cho người lập nên thành đô nâng đỡ thế gian của họ là Aineias, sau khi chàng rời thành Troia thất thủ lên đường xuống cõi âm ty rừng rợn của người chết. Khắp nơi, bất luận ở lĩnh vực nào (tôn giáo, chính trị, hay cá nhân), những hành động thật sự có tính sáng tạo cũng được mô tả là bắt nguồn từ một kiểu chết đi đối với thế gian; và loài người cũng khá đồng lòng khi nói về những gì xảy ra trong quãng thời gian xen giữa, khi người hùng không tồn tại, để anh ta có thể trở về như người sinh ra lần nữa, đã nên vĩ đại và đầy sức sáng tạo. Vì thế cho nên chúng ta chỉ cần theo chân biết bao nhân vật anh hùng qua các giai đoạn kinh điển trong chuyến phiêu lưu phổ quát này để thấy lại cái vẫn luôn được hé lộ từ xa xưa lắm. Điều này sẽ giúp chúng ta hiểu không chỉ ý nghĩa của những hình ảnh đó trong đời sống hiện đại, mà cả tính thống nhất của tinh thần con người trong mọi khát vọng, khả năng, những biến dịch và minh triết của nó.

Các trang sau sẽ trình bày dưới dạng một chuyến phiêu lưu tổng hợp, những truyện kể về một số nhân vật biểu tượng mang số phận của Người Phàm trên thế giới. Giai đoạn quan trọng đầu tiên, giai đoạn *phân ly* hay *lên đường*, sẽ được trình bày trong phần I, chương I, thành năm tiểu đề:

- 1 - “Tiếng gọi phiêu lưu”, hay những dấu hiệu về thiên chức của người hùng;
- 2 - “Khước từ tiếng gọi”, hay cái ngu dại khi chạy trốn thần linh;
- 3 - “Phù trợ siêu nhiên”, sự trợ giúp không ngờ đến với kẻ đã đảm nhận chuyến phiêu lưu dành cho mình;
- 4 - “Băng qua ngưỡng đầu tiên”;
- 5 - “Bụng cá voi”, hay chuyển đi vào cõi đêm.

Giai đoạn *thử thách và chiến thắng trong thụ giáo* sẽ xuất hiện ở chương II thành sáu tiểu đề:

- 1 - “Con đường thử thách”, hay khía cạnh nguy hiểm của thần linh;
- 2 - “Gặp nữ thần” (*Magna Mater*), hay điểm phúc khi có lại ấu thơ;
- 3 - “Đàn bà trong vai kẻ quyến rũ”, sự thức nhận và nổi thống khổ của Oedipus;
- 4 - “Hòa giải với người cha”;
- 5 - “Phong thần”;
- 6 - “Ân huệ tối thượng”.

Quay về và hòa nhập lại vào xã hội, bước đi không thể thiếu để lưu hành liên tục năng lượng tinh thần vào thế giới, và cũng là lẽ biện minh cho cuộc ẩn dật dài lâu từ góc nhìn của cộng đồng, là đòi hỏi chính người hùng có thể thấy là khó khăn hơn cả. Vì nếu anh ta đã thắng vượt tất cả, như Đức Phật, đạt đến cái tịch tịnh của đại ngộ, thì có nguy cơ là cực lạc từ chứng nghiệm này sẽ triệt tiêu mọi nghĩ tưởng, bận lòng hay mong cầu đối với những khổ não của thế giới; hoặc có thể bài toán tuyên thuyết con đường giác ngộ cho những kẻ còn mắc mứu trong các vấn đề kinh tế lại có vẻ quá khó khăn không sao giải nổi. Mặt khác, nếu người hùng, thay vì quy thuận mọi thử thách thụ giáo, lại như Prometheus phóng thẳng tới mục tiêu của mình (bằng vũ lực, mưu chước khôn lanh, hay may mắn) và giật lấy ân huệ cho thế giới mà anh ta đã nhắm đến, bấy giờ các quyền năng bị anh ta làm mất cân bằng có thể phản ứng dữ dội đến mức anh ta sẽ vong thân do tác động từ bên trong và bên ngoài - bị đóng đinh, như Prometheus, trên tảng đá là chính vô thức bị xâm phạm của anh ta. Hoặc, thứ ba, nếu người hùng tự nguyện và an toàn quay về, anh ta có thể gặp phải sự hiểu lầm lạnh nhạt và coi khinh từ những kẻ anh ta trở về để giúp đỡ, đến mức cơ đồ của anh ta sẽ sụp đổ. Chương III sẽ khép lại thảo luận về các khả năng này theo sáu tiểu đề:

- 1 - “Khước từ quay về”, hay chối bỏ thế giới;
- 2 - “Cuộc trốn chạy kỳ diệu”, hay cuộc trốn chạy của Prometheus;
- 3 - “Giải cứu từ bên ngoài”;
- 4 - “Băng qua ngưỡng quay về”, hay về lại thế giới ngày thường;
- 5 - “Làm chủ hai thế giới”;
- 6 - “Tự do sống”, bản chất và chức năng của ân huệ tối thượng.

Cuộc phiêu lưu vòng tròn của người hùng xuất hiện dưới dạng âm bản trong loại truyện đại hồng thủy, khi không phải người hùng đi tới gặp quyền năng, mà quyền năng nổi dậy chống người hùng, rồi lại rút đi. Các câu chuyện đại hồng thủy xuất hiện ở mọi miền trái đất. Chúng là một phần khảng khít trong thần thoại cổ mẫu về lịch sử thế giới, và vì thế đúng nhất thì thuộc về phần II trong thảo luận này: “Chu kỳ khởi nguyên vũ trụ”. Người hùng đại hồng thủy là biểu tượng cho mầm sống của con người, qua khỏi ngay cả những đợt sóng triều tai ương và tội lỗi khủng khiếp nhất.

Người hùng tổng hợp trong thần thoại gốc là một nhân vật có những tài nghệ phi thường. Anh ta thường được xã hội tôn vinh, nhưng cũng không kém thường xuyên không được công nhận hay bị khinh rẻ. Anh ta và/hoặc thế giới mà anh ta sống bị một khiếm khuyết mang tính biểu tượng. Trong các truyện cổ tích thì điều này có thể nhẹ nhàng như là thiếu mất một chiếc nhẫn quý nọ, còn trong thị kiến khái huyền thì có thể mô tả sự sống thể xác và tinh thần của toàn thể trái đất đã hay đang ngấp nghé ngưỡng lui tàn.

Thông thường, người hùng trong truyện cổ tích đạt được một thắng lợi vi mô, trong phạm vi đời sống của mình, còn người hùng trong thần thoại thì đạt được thắng lợi vĩ mô, mang tầm lịch sử thế giới. Trong khi người hùng cổ tích - đưa con út hay đứa con bị rẻ rúng trở thành người làm chủ những quyền phép

phi thường - thắng thế những kẻ áp bức anh ta, thì người hùng thần thoại từ chuyến phiêu lưu đem về phương tiện để hồi sinh toàn bộ xã hội mình. Các anh hùng bộ lạc hay địa phương, ví dụ Hoàng Đế, Moses, hay Tezcatlipoca của người Aztec, trao ân huệ cho chỉ một giống dân; các người hùng thế giới - Mohammed, Jesus, Đức Phật Gautama - đem về thông điệp cho cả thế giới.

Dù người hùng buồn cười hay siêu việt, Hy Lạp hay man di, dân ngoại hay Do Thái, hành trình của anh ta cũng không đổi khác là mấy trong sơ đồ cơ bản. Những truyện dân gian mô tả hành động anh hùng có tính thể chất; các tôn giáo cao siêu cho thấy kỳ tích của họ mang tính đạo lý; dẫu vậy, ta sẽ ngạc nhiên thấy có rất ít biến thiên về hình thái học của chuyến phiêu lưu, các vai trò nhân vật xuất hiện trong đó, các chiến thắng giành được. Nếu yếu tố cơ bản này kia trong mô thức cổ mẫu bị khuyết đi trong một truyện cổ tích, truyền thuyết, nghi lễ, hay thần thoại cụ thể nào đấy, nó tất sẽ được ngụ ý cách này hay cách khác - và chính sự khuyết thiếu ấy cũng nói lên được rất nhiều về lịch sử và bệnh lý học của trường hợp này, như ta sẽ thấy sau đây.

Phần II, “Chu kỳ khởi nguyên vũ trụ”, mở ra thị kiến hùng vĩ về sáng tạo và hủy diệt thế giới, là mặt khải ban cho người hùng thắng lợi. Chương I, *Phát tán*, bàn về sự xuất hiện các hình tượng trong vũ trụ từ hư vô. Chương II, *Sinh động trình*, điểm lại các vai trò sáng tạo và cứu chuộc của quyền năng nữ, đầu tiên là trên quy mô vũ trụ trong vai Mẹ Vũ Trụ, rồi lần nữa trên bình diện con người trong vai Mẹ Người Hùng. Chương III, *Biến hóa của người hùng*, lần dò lại diễn trình huyền sử của loài người qua các giai đoạn điển hình, người hùng xuất hiện trên sân khấu trong nhiều hình tượng khác nhau phù hợp với các nhu cầu thay đổi của loài người. Và chương IV, *Tan rã*, kể về cái kết cục đã báo trước, đầu tiên là của người hùng, rồi đến thế giới hóa hiện.

Chu kỳ khởi nguyên vũ trụ được trình bày với sự nhất quán lạ lùng trong các kinh sách ở mọi châu lục,⁽⁴¹⁾ và nó cho cuộc phiêu lưu của người hùng một chiều hướng mới mẻ thú vị; vì

giờ đây có vẻ như hành trình hiểm nghèo kia là công việc không phải nhằm đạt được mà đạt lại, không phải khám phá mà khám phá lại. Các quyền phép thánh thần hằng tìm kiếm và qua nguy nan mới có được, hóa ra vẫn ở trong tâm của người hùng tự bao giờ. Anh ta là người “con vua” cuối cùng đã biết mình là ai và với cái biết đó bắt đầu thi hành quyền năng thực sự của mình - “con trời”, người đã học cách biết ra cái danh vị đó có nghĩa lớn lao đến thế nào. Từ góc nhìn này thì người hùng là biểu tượng cho hình ảnh sáng tạo và cứu chuộc siêu phàm ẩn giấu bên trong tất cả chúng ta, chỉ chờ được nhận ra và đưa vào đời sống.

“Vì Một đã thành nhiều đó vẫn là Một không phân chia, nhưng mỗi phần đều là toàn thể Christ,” chúng ta đọc thấy trong ghi chép của thánh Symeon hậu sinh (949-1022). “Ta thấy Ngài trong nhà mình,” ông viết tiếp.

Giữa bao thứ đời thường đó Ngài xuất hiện bất ngờ rồi hợp nhất hòa lẫn với ta không sao tả nổi, vụt tới ta không có gì ngăn ngại, như lửa tấp vào sắt, như ánh sáng xuyên qua thủy tinh. Ngài biến ta thành như lửa và ánh sáng. Và ta trở thành cái ta đã thấy trước kia và nhìn từ xa. Ta không biết làm sao thuật lại điều nhiệm mầu này cho các người... Bản chất ta là người, và là Chúa Trời nhờ ân sủng của Chúa Trời.⁽⁴²⁾

Một thị kiến tương tự được mô tả trong thứ kinh Tin Mừng theo Eve.

Ta đứng trên một ngọn núi cao vời thì trông thấy một người khổng lồ và một người lùn tí; ta nghe thấy một giọng như sấm nên đến gần để nghe; Người phán với ta rằng: Ta là người, còn người là Ta; người ở đâu thì Ta ở đó. Ta tan rải khắp cùng, và khi nào muốn người cũng có thể gom Ta lại; và khi gom Ta, người gom chính Người.⁽⁴³⁾

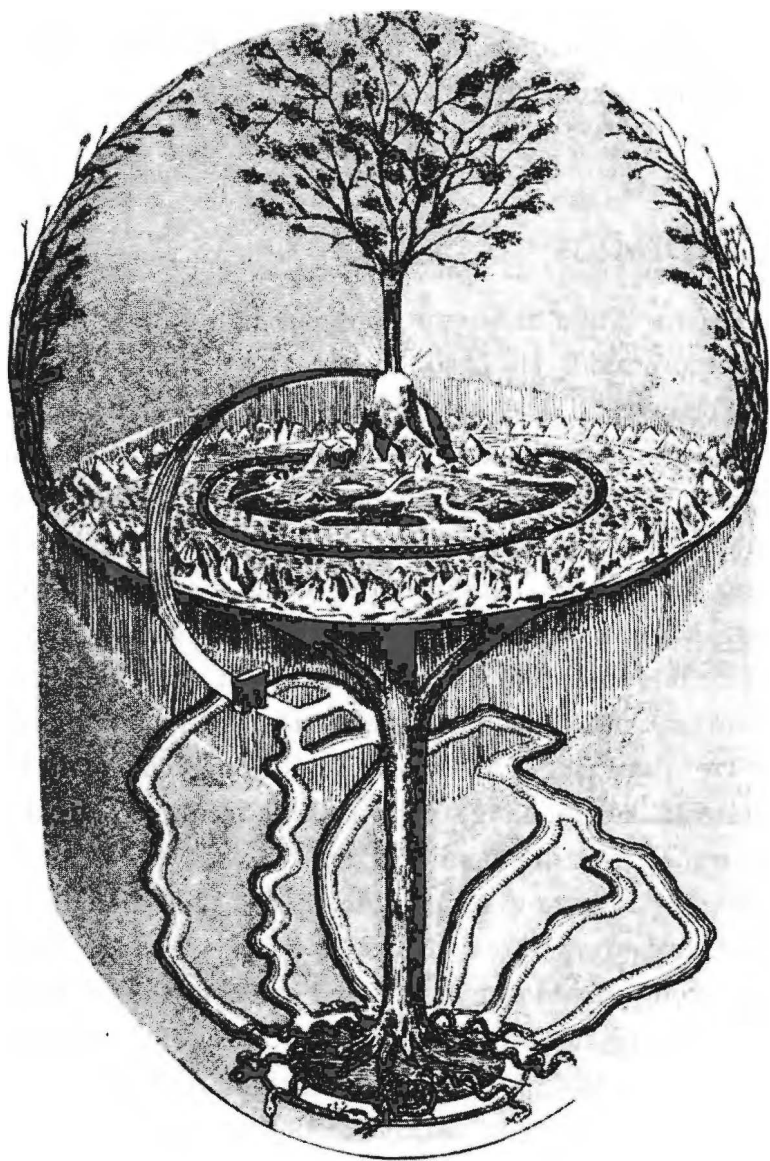
Cả hai - người hùng và vị thần tối hậu của anh ta, người tìm

kiếm và đáng tìm thấy - do vậy được hiểu là bên ngoài và bên trong của cùng một bí ẩn phản chiếu chính mình, đó cũng chính là cái bí ẩn của thế giới hóa hiện. Kỳ tích lớn lao của người hùng tối cao là đạt tới chỗ biết được tính đồng nhất trong đa dạng này và rồi cho mọi người cùng biết.

4. RÕN THẾ GIỚI

Kết quả cuộc phiêu lưu thành công của người hùng là sự khai mở cho tuôn trào lại dòng sống vào thân xác thế giới. Cái phép lạ dòng chảy này có thể được thể hiện trên bình diện vật lý là sự lưu chuyển dưỡng chất, trên bình diện động năng là khai thông dòng năng lượng, hay trên bình diện tinh thần là sự hóa hiện của ân sủng. Những hình tượng đa dạng như vậy luân phiên nhau dễ dàng, đại diện cho ba mức độ đồng đặc của cùng một nguồn lực sống. Một mùa bội thu là dấu hiệu ân sủng của Chúa; ân sủng của Chúa là dưỡng chất cho linh hồn; tia sét là tín hiệu báo cơn mưa làm màu mỡ, đồng thời cũng là sự hóa hiện năng lượng của Chúa Trời được phóng tỏa. Ân sủng, dưỡng chất, năng lượng cùng rót vào thế giới đang sống, và nơi đâu chúng không đổ vào được, sự sống mục rữa thành cái chết.

Dòng thác đổ ra từ một nguồn vô hình, còn điểm đi vào là tâm của vòng tròn vũ trụ có tính biểu tượng, Chỗ Ngồi Bất Thối Chuyển trong truyền thuyết về Đức Phật,⁽⁴⁴⁾ có thể nói rằng thế giới quay quanh nó. Bên dưới điểm này là cái đầu nâng đỡ mặt đất của rắn vũ trụ, tức rồng, biểu tượng cho vùng nước dưới vực sâu, là năng lượng và vật chất siêu phàm tạo ra sự sống của đáng tạo hóa, là khía cạnh sản sinh thế giới của tồn tại bất tử.⁽⁴⁵⁾ Cây đời, nghĩa là bản thân vũ trụ, mọc lên từ điểm này. Cây đó bắt rễ trong bóng tối nâng đỡ; chim mặt trời vàng rực đậu trên ngọn cây; một con suối, nguồn giếng không bao giờ cạn, róc rách dưới gốc. Hoặc cũng có thể là hình ảnh một quả núi vũ trụ, trên đỉnh đặt thành đô của các vị thần, như một hoa sen ánh sáng,



HÌNH 8. *Yggdrasil, Cây Thế Giới*
(tranh khắc acid, Scandanavia, đầu thế kỷ 19)

còn dưới lưng sâu là những thành đô của quỷ, soi sáng bằng đá quý. Ngoài ra còn có thể là hình ảnh con người vũ trụ, hoặc đàn ông hoặc đàn bà (chẳng hạn chính Đức Phật, hay nữ thần nhảy múa Kālī trong Ấn giáo), ngồi hay đứng trên điểm này, hay thậm chí bị gắn chặt vào cây (Attis, Jesus, Wotan); vì người hùng như hóa thân của Chúa Trời chính là rốn vũ trụ, điểm rốn qua đó các nguồn năng lượng của vĩnh cửu xâm nhập vào thời gian. Do vậy mà Rốn Thế Giới là biểu tượng của sự sáng tạo liên tục: cái bí ẩn về sự duy trì thế giới bằng phép lạ truyền sự sống liên tục dâng trào bên trong vạn vật.

Ở bộ lạc Pawnee ở Bắc Kansas và Nam Nebraska, khi thực hiện nghi lễ Hako, thầy cúng sẽ đưa ngón chân vẽ một vòng tròn. “Vòng tròn này tượng trưng cho một cái tổ,” theo lời một thầy cúng được ghi lại trong sách,

và phải vẽ bằng ngón chân vì đại bàng xây tổ bằng móng vuốt. Mặc dù đây là chúng ta bắt chước con chim này làm tổ, hành động này còn một ý nghĩa nữa; chúng ta đang nghĩ đến Tirawa tạo ra thế giới cho con người sinh sống. Nếu đi lên đồi cao nhìn quanh, sẽ thấy bầu trời chạm đất khắp bốn bề, và con người sống bên trong cái vòng tròn bao bọc này. Nên các vòng tròn chúng ta vẽ không chỉ là cái tổ, mà còn tượng trưng cho vòng tròn Tirawa-atius làm ra cho toàn dân tộc trú ngụ. Các vòng tròn còn đại diện cho nhóm thân tộc, bộ lạc và bộ tộc.⁽⁴⁶⁾

Vòm trời tựa trên bốn phương đất, đôi khi được chống đỡ bằng cột tượng bốn vị vua, người lùn, người khổng lồ, voi, hay rùa. Do vậy mà có tầm quan trọng truyền thống của bài toán phép cầu phương hình tròn [biến hình tròn thành hình vuông có diện tích tương đương - BT]: nó chứa đựng bí quyết cho sự biến hóa từ các hình dạng trời thành hình dạng đất. Lò lửa trong nhà, bàn thờ trong đền, là ổ trục bánh xe trái đất, là bụng Mẹ Vũ Trụ có lửa là lửa sự sống. Và khoảng hở trên chóp túp lều - hay chóp mái, đỉnh tháp, hay cửa trời trên mái vòm - là ổ trục hay tâm

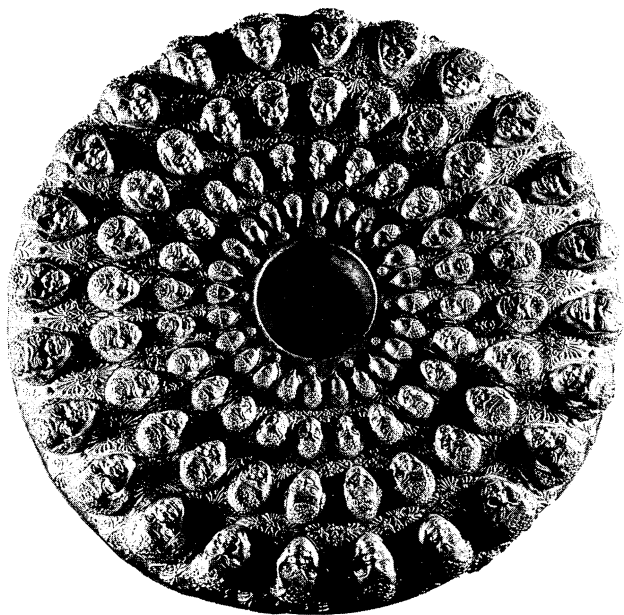
điểm của bầu trời: là cửa mặt trời, qua đó linh hồn từ thời gian về lại vĩnh cửu, như hương vị đồ cúng, đốt trong lửa sự sống, và bay lên theo trục của khói bốc cao từ trục bánh xe đất đến trục bánh xe trời.⁽⁴⁷⁾

Khi đã đổ đầy như vậy, mặt trời là chén ăn của Chúa Trời, một chén thánh không bao giờ cạn, hậu hĩ đồ hiến tế, thịt ấy thật là đồ ăn còn huyết ấy thật là đồ uống.⁽⁴⁸⁾ Đồng thời nó cũng là thứ nuôi dưỡng loài người. Tia mặt trời thấp lên lò lửa là biểu tượng cho sự truyền dẫn năng lượng trời vào dạ con thế giới - lần nữa là trục nối liền và làm quay hai bánh xe. Qua cửa mặt trời, năng lượng cứ lưu chuyển liên tục. Chúa Trời đi xuống và con người đi lên qua đó. "Ta là cái cửa: nếu ai bởi ta mà vào thì sẽ được cứu rỗi; họ sẽ vào ra và gặp đồng cỏ."⁽⁴⁹⁾ "Người nào ăn thịt ta và uống huyết ta, thì ở trong ta, và ta ở trong người."⁽⁵⁰⁾

Đối với một nền văn hóa vẫn còn được nuôi dưỡng trong thần thoại thì quang cảnh tự nhiên bao quanh họ, cũng như mọi thời kỳ trong tồn tại loài người, được làm cho sống động bởi những ý nghĩa biểu tượng. Đồi núi cụm rừng đều có những thế lực siêu nhiên bảo hộ và có liên hệ với các tình tiết quen thuộc trong lịch sử sáng thế lưu truyền tại mỗi vùng. Hơn nữa, đây đó còn có những đền thờ đặc biệt. Nơi nào người hùng sinh ra, đã làm nên công tích, hay đã về lại hư vô, nơi ấy sẽ được đánh dấu và thánh hóa. Một đền thờ được dựng lên ở đó để biểu thị và khơi nguồn phép lạ chính tâm; vì đây là điểm diễn ra cuộc đi xuyên vào cõi sung mãn dư dật. Ai đó tại điểm này đã khám phá ra vĩnh cửu. Do vậy, địa điểm này có thể trợ lực cho thiên định hiệu quả. Đã thành lệ, các đền thờ như vậy được thiết kế để mô phỏng bốn phương chân trời thế giới, đền thờ hay bàn thờ ở chính giữa là biểu tượng cho Nguồn Trường Lưu Bất Tận. Kẻ bước vào khuôn viên đền và đi tiếp vào nội điện là đang mô phỏng kỳ tích của người hùng ban đầu. Mục đích của anh ta là diễn lại mô thức phổ quát nhằm đánh thức trong mình hồi ức về cái hình tượng lấy sự sống làm trung tâm, hồi sinh sự sống.

Các thành đô cổ đại được xây dựng như một đền thờ, có cổng mở ra bốn hướng, còn ở tâm điểm có đền chính thờ bậc thánh lập nên thành phố. Dân thành sống và làm việc bên trong biểu tượng này. Và cũng trên tinh thần ấy, lãnh địa của các tôn giáo quốc gia và thế giới tập trung quanh tâm ổ trục bánh xe là một thành phố mẹ nào đó: khối Cơ Đốc giáo Tây phương quanh Roma, khối Hồi giáo thì quanh Mecca. Việc cúi lạy cùng lúc, ba lần mỗi ngày, của cộng đồng Hồi giáo trên khắp thế giới, tất cả đều như những nan bánh xe rộng khắp thế giới chỉ về Kaaba ở trung tâm, là một biểu tượng sống rộng lớn về sự “phục tùng” (*islam*) của mỗi người và tất cả theo ý muốn của Allah. “Ngài,” ta đọc thấy trong Koran, “sẽ cho các người biết về mọi điều các người đã từng làm.”⁽⁵¹⁾ Nhưng mặt khác: ngôi đền lớn có thể được dựng lên ở bất kỳ đâu. Vì, suy cho cùng, Toàn Thể ở khắp nơi, nên nơi đâu cũng trở thành trung tâm quyền lực được. Trong thần thoại, lá cỏ nào cũng đều có thể mang lấy dáng hình đáng cứu độ và tiếp dẫn kẻ lang thang tìm kiếm vào nội điện thiêng liêng là trái tim anh ta.

Vì thế Rốn Thế Giới có ở khắp cùng. Và bởi nó là nguồn của toàn thể tồn tại, nó đem lại cả thiện lẫn ác đang đầy rẫy trên thế gian. Cái xấu xa và cái đẹp đẽ, tội lỗi và đức hạnh, lạc thú và đớn đau, đều là sản phẩm của nó ngang nhau. “Với Chúa Trời thì mọi thứ đều là chân thiện mỹ,” Heraclitus tuyên bố; “nhưng con người xem một số là ngụy một số là chân.”⁽⁵²⁾ Do vậy mà các hình tượng được thờ phụng trong các đền thờ trên thế giới không phải lúc nào cũng đẹp đẽ, phúc hậu, thậm chí không nhất thiết phải đạo hạnh. Như thần tính trong Sách Job, họ đã vượt hẳn ra ngoài các thang giá trị của con người. Và cũng vậy, thần thoại không xem người chỉ thuần đạo hạnh là người hùng vĩ đại nhất. Đức hạnh bất quá chỉ là phần mở đầu mô phạm cho cái tri kiến tốt bậc, nằm ngoài mọi cặp đối lập. Đức hạnh diệt cái bản ngã lấy mình làm trung tâm và vì thế tạo điều kiện để có cái tâm điểm siêu cá nhân; nhưng khi đạt được điều đó rồi thì còn kể vào đâu những đớn đau hay lạc thú, xấu xa hay đức



HÌNH 9. *Rốn Thế Giới* (bát rượu vàng, Thracia, Bulgaria, thế kỷ 4-3 TCN)

hạnh, của bản ngã ta hay của bất kỳ ai khác? Qua tất cả những cái đó, bấy giờ cái lực siêu việt sẽ được nhận ra, sống trong tất cả, tuyệt diệu trong tất cả, và trong tất cả xứng đáng có sự quy thuận một lòng của ta.

Bởi như Heraclitus đã tuyên bố: “Cái khác nhau kết hợp lại, từ những khác biệt sẽ sinh ra sự hài hòa đẹp đẽ nhất, và mọi thứ diễn ra nhờ có bất hòa.”⁽⁵³⁾ Hay lần nữa, như ta nghe từ nhà thơ Blake: “Tiếng sư tử gầm, sói tru, tiếng biển động gào rú, và lưỡi gươm hủy diệt, đều là những phần của vĩnh cửu quá lớn mắt người không sao nhìn thấy.”⁽⁵⁴⁾

Cái điểm khó này được mô tả sống động trong một giai thoại từ xứ Yoruba (Tây Phi), kể về thần chơi khăm Edshu. Một hôm, vị thần kỳ quặc này đi trên đường giữa hai cánh đồng.

Thần trông thấy ở cả hai cánh đồng đều có một người nông dân đang làm lụng nên có ý chơi hai người một vố. Thần đội chiếc mũ một bên đỏ một bên trắng, đằng trước xanh lá còn ở sau màu đen

[đây là các màu của bốn phương thế giới: nghĩa là, Edshu là hiện thân có nhân cách của Trung Tâm, *axis mundi* [trục thế giới - BT], hay Rốn Thế Giới]; nên khi hai nông dân vốn thân tình về đến làng và người này nói với người kia, “Anh có thấy lão già hôm nay đi qua đội cái mũ trắng không?” thì người kia đáp, “Ừa, mũ màu đỏ mà.” Nghe vậy người đầu cãi lại, “Đâu phải; mũ màu trắng.” “Màu đỏ mà,” người bạn cứ khẳng khái, “chính mắt tôi thấy mà.” “À thì chắc anh mù rồi,” người đầu tuyên bố. “Anh thì chắc say rồi,” người kia tiếp lời. Và thế là cuộc tranh cãi càng lúc càng to và cuối cùng hai người đâm đá nhau. Khi họ bắt đầu lấy dao đâm nhau, hàng xóm giải họ đến cho trưởng thôn phân xử. Edshu có mặt trong đám đông ở phiên xử, và khi trưởng thôn ngồi ngẩn người không biết ai đúng ai sai, ông thần chơi xỏ mới xuất đầu lộ diện, nói ra trò chơi khăm, và cho xem cái mũ. “Hai người không thể không cãi nhau,” thần nói. “Ta đã muốn chuyện như thế. Gieo rắc bất hòa là thú vui lớn nhất của ta.”⁽⁵⁵⁾

Khi mà nhà đạo đức sẽ sôi trào phần nộ còn nhà bi kịch thì đầy lòng thương xót và hỡi hùng, thần thoại lại phá vỡ toàn thể sự sống thành một Hải kịch Thánh thần bao la, khủng khiếp. Tiếng cười Olympus của nó không hề mang tính thoát ly thực tế chút nào, mà khắc nghiệt, sự khắc nghiệt của chính đời sống - và ta có thể hiểu đó cũng chính là sự khắc nghiệt của Thượng đế, Hóa công. Xét về khía cạnh này, khi đem so với thần thoại, thái độ bi kịch xem ra có phần điên loạn, còn phán xét chỉ thuần đạo đức thì thành thiên cận. Thế nhưng khắc nghiệt được cân bằng nhờ lời cam đoan rằng tất cả những gì chúng ta thấy bất quá chỉ là phản chiếu từ một sức mạnh trường tồn, mà đớn đau không chạm tới được. Do vậy mà các truyện kể không có cả xót thương lẫn kinh hoàng - chúng tràn ngập niềm hân hoan của cái vô danh siêu việt tự nhìn ngắm mình trong mọi bản ngã lấy mình làm trung tâm không ngừng phân tranh, những bản ngã sinh ra rồi chết đi trong thời gian.

PHẦN MỘT

CUỘC PHIÊU LƯU
CỦA NGƯỜI HÙNG



HÌNH 10. *Psyche vào vườn của Cupid* (son dầu trên vải bố, Anh, 1903)

CHƯƠNG I

Lên đường

1. TIẾNG GỌI PHIÊU LƯU

Ngày xưa ngày xưa, khi điều ước vẫn còn có thể mang lại điều gì đó, có một ông vua có các cô công chúa thấy đều xinh đẹp, nhưng cô út thì mỹ miều đến mức chính mặt trời đã thấy biết bao nhiêu thứ cũng phải trầm trồ mỗi khi rọi sáng lên mặt nàng. Thuở ấy gần lâu đài của vị vua này có một khu rừng lớn âm u, trong rừng, dưới một cây đoan già có một con suối, và khi ngày nóng bức, cô con gái út của nhà vua thường đi vào rừng ngồi bên dòng suối mát. Và để tiêu khiển nàng lấy một quả cầu vàng, tung lên trời rồi bắt lấy; đây là món đồ chơi ưa thích của nàng.

Thế rồi một ngày nọ quả cầu vàng của công chúa không rơi vào lòng bàn tay bé bỏng đưa lên, mà hụt mất, nảy trên đất, lăn thẳng xuống suối. Công chúa đưa mắt dõi theo, nhưng quả cầu khuất dạng; con suối thì lại sâu, sâu đến mức không nhìn thấy đáy. Thấy vậy nàng bật khóc, nàng khóc mỗi lúc một to, nàng không sao nguôi ngoai được. Đương khi khóc lóc thì nàng nghe có ai gọi mình: “Có chuyện gì vậy, thưa công chúa? Nàng khóc dữ quá, hòn đá cũng phải thấy thương xót cho nàng.” Nàng ngó quanh để xem tiếng ấy từ đâu ra, thì thấy một con ếch đang nhô cái đầu bè bè, xấu xí lên khỏi mặt nước. “Ồ, là mi à, cậu chàng Nhảy Tôm,” nàng nói. “Ta khóc vì tiếc quả cầu vàng của ta, nó rơi xuống suối mất rồi.” “Bình tĩnh đi; đừng khóc nữa,” ếch đáp. “Ta chắc chắn là giúp được. Nhưng nàng sẽ cho ta cái gì nếu ta tìm lại được món đồ chơi cho nàng?” “Mi muốn gì cũng được, ếch đáng yêu ơi,” nàng đáp; “xiêm y của ta, châu ngọc của ta, ngay cả mũ miện vàng ta đội.”

Ếch đáp, “Xiêm y của nàng, châu ngọc của nàng, mũ miện vàng của nàng, ta chẳng thiết; nhưng nếu nàng chăm nom ta và cho ta bầu bạn chơi cùng, cho ta ngồi cạnh nàng bên bàn nhỏ, ăn chung đĩa nhỏ bằng vàng với nàng, uống trong tách nhỏ của nàng, ngủ trong giường nhỏ của nàng; nếu nàng hứa với ta điều đó, ta sẽ lặn xuống mà lấy quả cầu vàng cho nàng.” “Được thôi,” nàng nói. “Ta hứa với mi bất cứ gì mi muốn, chỉ cần mi tìm lại được quả cầu cho ta.” Nhưng nàng nghĩ: “Con ếch ngây ngô huyền thuyên mới khiếp chứ! Nó ngồi dưới nước đó với đồng loại nó, không đòi nào thành bạn với con người được.”

Con ếch được nàng hứa xong bèn thụp đầu lặn xuống, và chốc sau đã bơi lên lại; nó ngậm quả cầu trong miệng, ném lên cỏ. Công chúa mừng ron khi thấy món đồ chơi xinh xắn của mình. Nàng nhặt lên và thoăn thoắt chạy đi. “Chờ đã, chờ đã,” ếch gọi, “đưa ta theo cùng; ta không chạy được như nàng đâu.” Nhưng có ích gì đâu, dẫu rằng nó oàm oạp gọi theo nàng to hết mức? Nàng chẳng mấy may để tâm, mà vội vàng về nhà, và chẳng mấy chốc đã quên khuấy con ếch tội nghiệp - nó thì hẳn đã nhảy phóc về lại suối của mình rồi.⁽¹⁾

Đây là ví dụ về một trong nhiều cách thức cuộc phiêu lưu có thể mở đầu. Một sơ suất - trông thì chỉ như sự tình cờ nhỏ nhặt - bỗng hé lộ một thế giới chưa từng ngờ tới, và cá nhân bị cuốn vào mối quan hệ với các lực lượng mà người ấy chưa hiểu đúng. Như Freud cho thấy,⁽²⁾ sơ suất không chỉ là sự tình cờ nhỏ nhặt. Chúng là kết quả của những dục vọng và xung đột bị đè nén. Chúng là gợn sóng trên bề mặt cuộc sống, sinh ra từ những nguồn suối không ngờ. Mà những nguồn suối này có thể rất sâu - sâu như chính tâm hồn. Sơ suất kia có thể thành khởi đầu cho một định mệnh. Và ở đây, trong truyện cổ tích này, quả cầu rơi mất là dấu hiệu đầu tiên của điều gì đó sắp xảy đến cho công chúa, con ếch là dấu hiệu thứ hai, và lời hứa nông nổi là thứ ba.

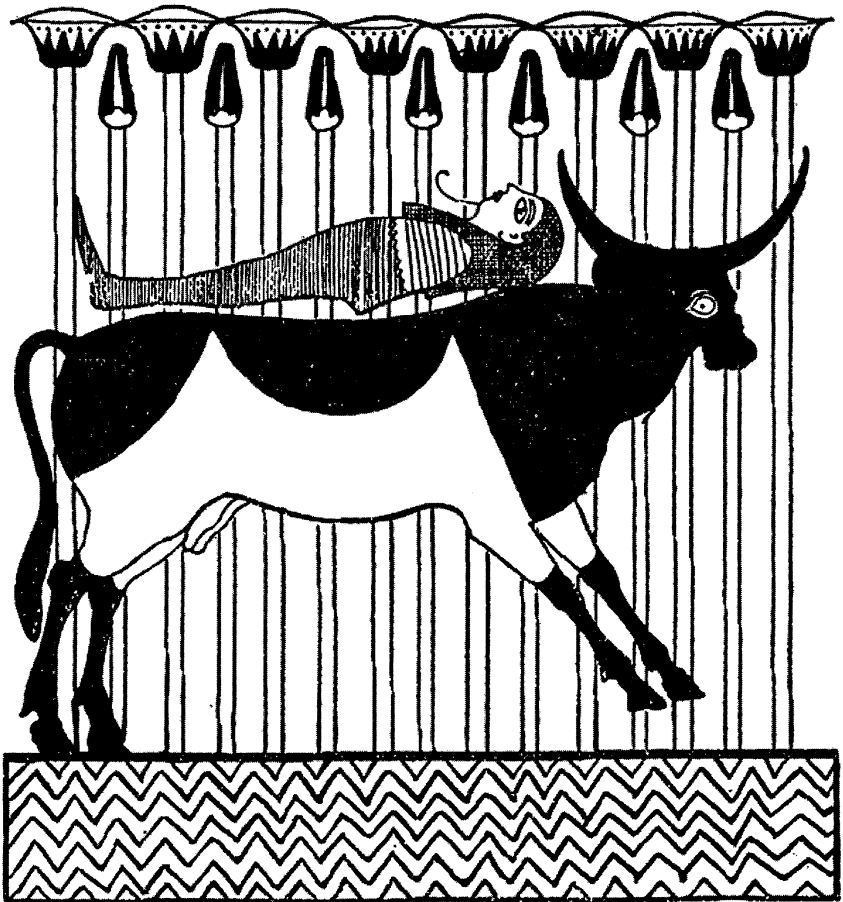
Như một hóa hiện sơ khởi của các quyền năng bắt đầu thi triển, con ếch, nhô lên như thể nhờ phép màu, có thể được gọi là

“sứ giả”; bước ngoặt khi nó xuất hiện là “tiếng gọi phiêu lưu”. Lời hiệu triệu của sứ giả có thể là để bước vào cuộc sống, như trong ví dụ này, hay, nếu vào một thời điểm muộn hơn trong tiểu sử nhân vật, bắt đầu sự chết. Nó có thể giống lên lời kêu gọi đảm nhận một sứ mệnh lịch sử cao cả nào đó. Nó cũng có thể đánh dấu điểm khởi đầu một soi rọi tâm linh. Với các nhà thần bí, nó đánh dấu cái được họ gọi là “thức tỉnh bản ngã”.⁽³⁾ Ở trường hợp cô công chúa trong truyện cổ tích này, nó không biểu thị gì hơn là tuổi thiếu niên sắp đến. Nhưng dù nhỏ hay lớn, ở bất kể giai đoạn hay cấp độ nào của cuộc đời, thì trăm lần như một, tiếng gọi cũng vén màn phát lộ cái bí ẩn biến hình - một nghi lễ hay khoảnh khắc chuyển đổi về tinh thần, khi được hoàn thành sẽ tương đương với một sự chết đi và một sự chào đời. Chân trời sống quen thuộc đã quá chật hẹp; các khái niệm, lý tưởng và khuôn mẫu cảm xúc cũ không còn phù hợp nữa; thời khắc đi qua ngưỡng cửa đã gần kề.

Khung cảnh điển hình nảy sinh tiếng gọi là khu rừng tối, cây lớn, nguồn suối sủi lục đục, và sự xuất hiện đáng ghét, bị xem nhẹ của kẻ mang quyền năng của định mệnh. Chúng ta nhận ra trong cảnh này các biểu tượng thuộc về Rốn Thế Giới. Con ếch, hay con rồng nhỏ, là phiên bản tương đương trong bối cảnh tuổi thơ với con rắn thuộc thế giới dưới lòng đất đưa đầu đỡ mặt đất và đại diện cho các quyền năng sáng thế, sinh thành sự sống của vực sâu. Nó trôi lên mang theo quả cầu mặt trời vàng, sau khi vùng nước sâu tắm tối của nó vừa chìm quả cầu xuống: lúc này giống như con rồng phương Đông uy phong trong thần thoại Trung Hoa, ngậm mặt trời trong miệng mà đưa lên sáng sáng, hay con cóc cồng trên đầu vị tiên trẻ tuổi Hàn Tương Tử xách giỏ đào trường sinh. Freud đã nêu ý kiến rằng mọi khoảnh khắc lo âu đều mô phỏng những cảm xúc đau đớn trong cuộc phân ly lần đầu với người mẹ - hơi thở nghẹn thắt, sung huyết, vân vân, trong bước ngoặt con sinh nở.⁽⁴⁾ Ngược lại, mọi khoảnh khắc phân ly và sinh nở mới cũng đem lại lo âu. Dù đó là cô công chúa sắp bị mang đi khỏi niềm hạnh phúc hợp nhất song đôi đã quen

với vua cha, hay Eve con gái của Chúa Trời, giờ đây đã chín muồi đủ để rời xa cảnh điền viên của Địa Đàng, hay lần nữa, Phật Sắp Thành đại định vượt qua những chân trời sau cùng của cõi tạo vật, thì cũng vẫn là những hình ảnh cổ mẫu đó được kích hoạt, tượng trưng cho nguy hiểm, trấn an, thử thách, chuyển đổi, và sự thiêng liêng kỳ lạ trong bí ẩn sinh nở.

Con ếch xấu xí và bị hắt hủi - hay con rồng trong truyện cổ tích - ngậm quả cầu mặt trời trong miệng đem lên; vì con ếch, con rắn, kẻ bị hắt hủi ấy, đại diện cho cái vực sâu vô thức ("sâu đến mức không nhìn thấy đáy") cất giữ mọi nhân tố, quy luật, yếu

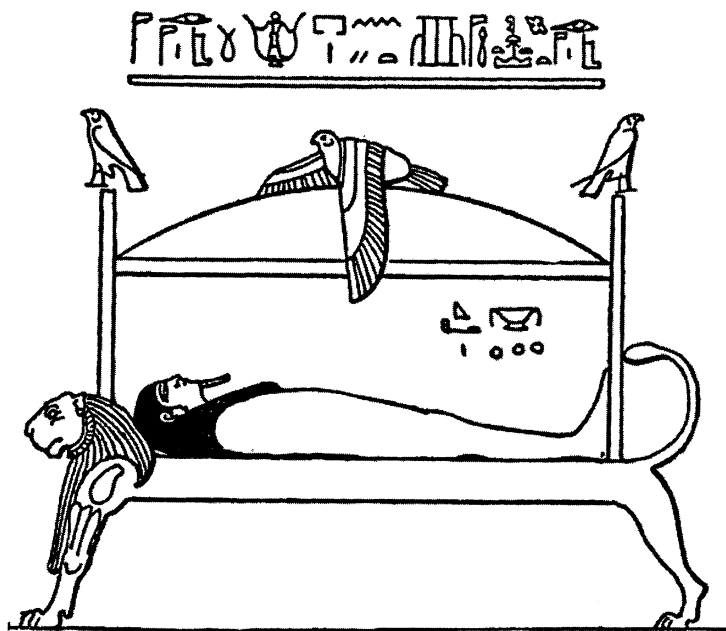


HÌNH 11. *Apis trong hình hài bò đưa người chết là Osiris xuống âm ty*
(tranh khắc gỗ, Ai Cập, khoảng 700-650 TCN)

tổ chưa biết đến hay còn chưa phát triển, bị hắt hủi, không thừa nhận, không được nhận ra của hiện hữu. Đó là những viên ngọc trai trong các lâu đài dưới nước của các tiên nước, người cá, thủy thần canh giữ dòng sông trong truyện cổ; là châu ngọc soi sáng các thành đô của quý dưới âm ty; là hạt giống lửa dưới đại dương bất tử đỡ lấy mặt đất và cuốn vòng quanh nó như con rắn; là những vì sao trong lòng đêm trường cửu. Đó là những thỏi vàng trong kho của rồng; là những quả táo vàng được các tiên nữ chiêu hôm canh giữ trong vườn của Hera; là những sợi lông từ Bộ Lông Cừu Vàng. Do vậy mà sứ giả hay người thông báo cuộc phiêu lưu thường đen đúa, xấu xí, hay đáng sợ, bị người đời xem là tà ác; thế nhưng nếu ta chịu đi theo, con đường sẽ mở ra qua các vách ngày vào bóng tối nơi châu ngọc chói lòa. Sứ giả ấy cũng có thể là con vật (như trong truyện cổ tích dẫn trên), tượng trưng cho cái bản năng sinh sản trù phú bị đè nén bên trong chúng ta, hay lần nữa là một nhân vật bí ẩn che mạng - yếu tố không được biết đến.

Chẳng hạn như truyện kể về vua Arthur khi ông cùng đoàn hiệp sĩ chuẩn bị đi săn.

Vừa vào đến rừng thì nhà vua thấy một con hươu đực lớn trước mặt. “Ta sẽ đuổi theo con hươu đực này”, vua Arthur nói, rồi ông thúc ngựa, đuổi theo hồi lâu, và bằng sức mạnh phi thường ông đã suýt đánh trúng được con hươu đực; nhưng nhà vua đã đuổi theo hươu đực lâu đến mức con ngựa hết hơi, ngã lăn ra chết; bấy giờ một cận vệ lấy cho nhà vua con ngựa khác. Vậy là nhà vua thấy hươu đực đã bị phục kích, con ngựa của mình đã chết; ông ngồi xuống bên một suối nước rồi trầm ngâm suy tưởng. Và khi ngồi đó, ông nghĩ mình nghe thấy tiếng chó săn, cả thấy cũng ba chục con. Rồi nhà vua thấy tiến về phía mình con thú lạ lùng nhất ông từng thấy hay nghe nói tới; con thú tiến đến bên suối nước để uống, và tiếng động trong bụng con thú như tiếng ba mươi cặp chó săn sủa mỗi; nhưng suốt lúc con thú uống thì trong bụng nó không có tiếng: rồi con thú bỏ đi với tiếng động lớn làm nhà vua vô cùng kinh ngạc.⁽⁵⁾



HÌNH 12. Isis trong hình hài chim ưng tới bên Osiris dưới âm ty
(chạm nổi, thời Ptolemaios, Ai Cập, khoảng thế kỷ 1)

Hay chúng ta có trường hợp - từ một miền khác hẳn trên thế giới - một cô gái bộ lạc Arapaho trên bình nguyên Bắc Mỹ. Cô phát hiện ra con nhím gần cây dương. Cô định đánh, nhưng nó chạy nấp sau cây rồi trèo lên. Cô gái bèn leo lên theo, để bắt nó, nhưng nó luôn luôn ở ngay ngoài tầm tay. “Được lắm!” cô nói, “mình đang trèo lên bắt con nhím, vì mình muốn lấy cọng lông đó, và nếu cần mình cũng sẽ trèo lên tận ngọn.” Con nhím lên đến ngọn cây, nhưng khi cô lên gần tới và sắp thò tay ra chụp nó, cây dương bỗng dài ra, và con nhím lại tiếp tục trèo. Nhìn xuống, cô thấy các bạn ngẩn cổ dõi theo nhìn và ra hiệu cho cô xuống; nhưng vì đã bị con nhím hớp hồn, và sợ khoảng cách vời vợi giữa mình và mặt đất, cô tiếp tục trèo lên, cho đến khi cô chỉ còn là một đốm xiu xiu trong mắt những người ở dưới nhìn theo, và cùng với con nhím cuối cùng cô lên tới trời.⁽⁶⁾

Hai giấc mơ là đủ để minh họa sự xuất hiện bất ngờ của

nhân vật sứ giả trong cái tâm lý đã chín muồi chờ biến hóa. Đầu tiên là giấc mơ của một chàng trai tìm đường đến một định hướng thế giới mới:

“Tôi đang ở trong vùng đất xanh rì có nhiều cừu đang gặm cỏ. Đó là ‘xứ cừu’. Trong xứ cừu có một phụ nữ lạ đứng chỉ đường.”⁽⁷⁾

Giấc mơ thứ hai là của một cô gái có cô bạn mới chết vì lao phổi; cô sợ chính mình cũng mắc bệnh.

“Tôi đang ở trong một khu vườn đầy hoa nở; mặt trời đang lặn, ráng đỏ như máu. Rồi trước mắt tôi xuất hiện một hiệp sĩ cao quý, áo đen, nói với tôi bằng giọng rất trầm, nghiêm trang, đáng sợ: ‘Cô đi với ta chứ?’ Không chờ tôi trả lời, ông ta cầm tay tôi, đưa tôi đi.”⁽⁸⁾

Dù là giấc mơ hay thần thoại, trong những cuộc phiêu lưu này có một cảm giác cuốn hút không sao cưỡng nổi nơi nhân vật bỗng đâu xuất hiện làm người chỉ đường, đánh dấu một giai đoạn mới, một thời kỳ mới, trong tiểu sử của chủ thể. Cái phải đối mặt, và không hiểu sao quen thuộc vô cùng đối với vô thức - dù nhân cách có ý thức sẽ thấy không quen, lạ lùng, thậm chí đáng sợ - thì nay lộ diện; còn cái trước đây đầy ý nghĩa thì lại có thể trở nên sạch trơn giá trị đến lạ lùng: như thế giới của cô công chúa, khi quả cầu vàng bất thần mất dạng dưới suối. Từ ấy trở đi, dù người hùng quay về với những công việc quen thuộc một thời gian, chúng cũng có thể thành ra không cho kết quả. Lúc ấy cả loạt dấu hiệu về một lực lượng đang lớn dần sẽ lộ rõ, cho đến khi - như trong truyền thuyết “Bốn dấu hiệu” dẫn ra sau đây, là ví dụ nổi tiếng nhất về tiếng gọi phiêu lưu trong văn chương thế giới - người đó không còn làm ngơ trước lời hiệu triệu được nữa.

Thái tử trẻ Gautama Sākyamūni, Phật Sắp Thành, đã được phụ vương bảo bọc để không biết gì về già lão, bệnh tật, chết chóc, hay tu hành, sợ chàng bị tác động mà có ý xuất gia; vì lúc chào đời chàng được tiên tri hoặc sẽ trở thành vị hoàng đế toàn thế giới hoặc thành Phật. Nhà vua - chuộng nghiệp đế vương hơn - ban cho con trai ba cung điện cùng bốn mươi ngàn vũ nữ

để chàng tham luyến trần gian. Nhưng tất cả chỉ càng thúc đẩy điều không thể tránh khỏi; vì khi vẫn còn khá trẻ, chàng trai đã ném cạn mọi thú vui trần tục và đã đủ chín muồi để đón nhận cái cảm nghiệm kia. Ngay khi chàng sẵn sàng thì các sứ giả thích hợp sẽ tự động xuất hiện:

Thế rồi một ngày nọ Phật Sắp Thành muốn tới vườn ngự uyển chơi nên bảo người xà ích sửa soạn cỗ xe. Nghe lệnh, người xà ích đánh ra một cỗ xe xa hoa lộng lẫy và trang hoàng sang trọng, anh ta thắt vào xe bốn con ngựa lễ thuộc giống Sindhava, trắng ngần như cánh hoa sen, và thưa với Phật Sắp Thành rằng mọi thứ đã sẵn sàng. Vậy là Phật Sắp Thành lên cỗ xe lộng lẫy như cung điện của thần linh, và đi tới rừng.

“Thời khắc thái tử Gautama giác ngộ đã gần kề,” chư thần nghĩ; “chúng ta phải cho ngài một dấu hiệu”: thế là một vị trong số họ biến thành ông lão hom hem, răng rụng, tóc bạc, lưng còng, chống gậy và run rẩy xuất hiện trước Phật Sắp Thành, nhưng sao để chỉ ngài và người xà ích nhìn thấy.

Phật Sắp Thành bèn nói với người xà ích, “Bạn ơi, nói xem, người này là ai vậy? Ngay cả tóc ông ta cũng không giống tóc người khác.” Rồi khi nghe câu trả lời, ngài nói, “Sinh ra làm người khổ làm sao, vì kẻ nào sinh ra rồi cũng phải già đi.” Và xáo động trong lòng, ngài quay về cung.

“Sao con ta quay về sớm như vậy?” nhà vua hỏi.

“Tâu hoàng thượng, thái tử nhìn thấy một ông già,” người xà ích đáp; “và vì thái tử đã thấy một ông già, thái tử sắp xuất gia.”

“Mi muốn giết ta hay sao mà nói những điều như thế? Mau mau cho diễn tuồng để con trai ta xem. Nếu chúng ta khiến nó ham mê lạc thú thì nó sẽ không nghĩ đến chuyện xuất gia nữa.” Rồi nhà vua cho lính canh gác cả nửa dặm khắp mọi hướng.

Lần nữa vào một ngày nọ, khi Phật Sắp Thành trên đường tới vườn ngự uyển, ngài thấy một người bệnh mà chư thần đã hóa hiện ra; và sau khi lại hỏi han, ngài quay về, lòng xáo động, đi về cung.

Nhà vua lại hỏi và ra lệnh như trước; lại mở rộng vòng lính canh hơn nữa, cắt đặt họ ba phần tư dậm khắp xung quanh.

Và lần nữa ngày nọ, khi Phạt Sắp Thành trên đường tới vườn ngự uyển, ngài thấy một người chết mà chư thần hóa hiện ra; và sau khi lại hỏi han, ngài quay về, lòng xáo động, đi về cung.

Nhà vua lại hỏi và ra lệnh như trước; lại mở rộng vòng lính gác cắt đặt cả dậm khắp xung quanh.

Rồi lần nữa một ngày nọ, khi Phạt Sắp Thành trên đường tới vườn ngự uyển, ngài thấy một vị sa môn, ăn mặc nghiêm trang, mà chư thần hóa hiện ra; ngài bèn hỏi người xà ích, “Nói xem, người này là ai?” “Thưa thái tử, đây là người xuất gia”; rồi người xà ích tiếp tục ca tụng đời xuất gia. Ý nghĩ xuất gia thật dễ chịu đối với Phạt Sắp Thành.⁽⁹⁾

Giai đoạn đầu này trong hành trình thần thoại - mà chúng ta đã gọi là “tiếng gọi phiêu lưu” - biểu thị rằng định mệnh đã hiệu triệu người hùng và chuyển trọng tâm tinh thần của anh ta từ bên trong ranh giới của xã hội anh ta sang một vùng xa lạ. Vùng định mệnh có cả báu vật lẫn hiểm nguy này được trình bày theo nhiều cách khác nhau: một xứ sở xa xôi, một khu rừng, một vương quốc dưới lòng đất, bên dưới mặt nước, hay bên trên bầu trời, một hòn đảo bí mật, đỉnh núi vùi vùi, hay trạng thái mơ sâu; nhưng luôn là nơi có các sinh thể đa hình và biến ảo kỳ lạ, những giày vò không hình dung nổi, những kỳ tích siêu nhân, và niềm vui sướng không thể tưởng. Người hùng có thể tự ý lên đường để hoàn thành cuộc phiêu lưu, như Theseus khi tới Athenai, thành phố của cha mình, và nghe thấy câu chuyện kinh hoàng về Minotauros; hoặc anh ta có thể bị một tác nhân phúc hậu hay tà ác nào đó bắt đến xứ người hoặc đẩy ra khỏi quê nhà, như Odysseus bị gió của thần Poseidon giận dữ xô dạt khắp Địa Trung Hải. Cuộc phiêu lưu có thể mở đầu bằng một sơ suất nhỏ, như cô công chúa trong truyện cổ tích; hoặc lần nữa, ta chỉ đang nhàn tản rong chơi thì một hiện tượng thoáng qua nào đó thu hút ánh mắt vẫn vợ rồi dẫn dụ ta lạc bước khỏi những nẻo lai vãng

của con người. Ví dụ thì có thể nhân lên vô số kể, cho đến tận cùng, từ mọi miền thế giới.

Ở phần vừa xong, và trong suốt các trang từ đây về sau, tôi không cố khai thác đến kỳ cùng các bằng chứng. Làm vậy (chẳng hạn như Frazer đã làm trong *Cành vàng*) sẽ khiến các chương kéo dài quá nhiều không cần thiết mà cũng không làm cho mạch chính của thần thoại gốc rõ ràng hơn. Thay vì thế, trong mỗi phần tôi đưa ra một vài ví dụ nổi bật từ một số truyền thống đại diện lấy từ khắp các nền văn hóa. Qua các chương cuốn sách này tôi thay đổi dần các nguồn, để độc giả được thưởng thức những đặc điểm của nhiều phong cách khác nhau. Đọc đến trang cuối thì độc giả đã được điểm qua vô số hệ thần thoại. Nếu độc giả muốn biết liệu tôi đã trích dẫn hết những gì có thể để chứng minh mỗi phần trong thần thoại gốc hay chưa, họ chỉ cần xem vài tập sách nguồn được liệt kê trong phần ghi chú cuối trang và ngao du qua vài truyện trong vô văn truyện kể.

2. KHUỐC TỪ TIẾNG GỌI

Lắm lúc trong đời thực, và không phải không thường xuyên trong các thần thoại và truyện kể dân gian, chúng ta bắt gặp trường hợp khá tẻ nhạt là tiếng gọi không được đáp lại; vì bao giờ người ta cũng có thể chuyển qua lắng nghe những mối quan tâm khác. Khuốc từ lời kêu gọi sẽ biến cuộc phiêu lưu thành âm bản. Bị vây bọc trong chán chường, công việc nặng nhọc, hay “văn minh”, chủ thể mất khả năng thực hiện hành động khẳng định có ý nghĩa và trở thành một nạn nhân cần cứu. Thế giới nở hoa của anh ta biến thành vùng đất hoang vu đá sỏi khô cằn và đòi anh ta có cảm giác vô nghĩa - dù rằng, giống như vua Minos, anh ta có thể bằng nỗ lực phi thường xây dựng nên một đế chế lừng lẫy. Anh ta xây nhà gì thì nó cũng sẽ là nhà mồ: một mê cung tường đá khối để giấu con Minotauros của mình khỏi chính mình. Anh ta chỉ làm được một điều là tạo thêm rắc rối cho mình và chờ sự phân rã của mình đến từ từ.

“Bởi vì Ta kêu gọi, mà các ngươi không hứng nghe... Nên trong lúc các ngươi bị tai nạn, Ta cũng sẽ chê cười. Khi sự sợ hãi

giáng cho các người, ắt Ta sẽ nhạo báng. Khi sự sợ hãi của các người xảy đến thành linh như gió bão, tai nạn xông vào các người như con trốt, và sự ngặt nghèo, khốn cực giáng trên các người... Vì sự bội nghịch của kẻ ngu dốt sẽ giết chúng nó, và sự yên ổn của kẻ đại dốt sẽ làm hại cho chúng nó.”⁽¹⁰⁾

Time Jesum transeuntem et non revertentem: “Hãy sợ sự ra đi của Jesus, vì ngài không quay lại.”⁽¹¹⁾

Các thần thoại và truyện dân gian khắp thế giới cho thấy rõ rằng lời khước từ đó, về cơ bản, là không chịu từ bỏ cái ta cho là lợi ích của ta. Tương lai không được xem như một chuỗi tử sinh triền miên, mà quan niệm như thể hệ thống lý tưởng, đức hạnh, mục tiêu và lợi thế hiện tại của ta sẽ được ấn định và bảo đảm. Vua Minos giữ lại con bò thần, tuy nếu hiến tế ông đã thể hiện sự phục tùng trước ý chỉ của vị thần phù hộ cho xã hội ông; vì ông chuộng cái ông cho là lợi ích kinh tế của mình hơn. Do vậy mà ông không tiến tới được vai trò sống ông đã đảm nhận - và chúng ta đã thấy điều đó gây ra hậu quả tai hại thế nào. Chính thần linh lại trở thành nỗi kinh hoàng cho ông; bởi lẽ, rõ ràng, nếu chính ta là thần của ta thì Chúa Trời, ý chỉ của Chúa Trời, sức mạnh có thể hủy diệt hệ thống lấy mình làm trung tâm của ta, sẽ thành quái vật.

*Ta chạy trốn Người, qua bao đêm ngày;
Ta chạy trốn Người, qua bao cổng năm tháng;
Ta chạy trốn Người, qua bao lối mê cung
Trong tâm trí ta; và mờ mòn nước mắt
Ta trốn Người, dưới trăng cười không dứt.*⁽¹²⁾

Người ta bị quấy nhiễu, ngày lẫn đêm, bởi vị thần là hình ảnh bản ngã sống nằm bên trong mê cung khóa kín là tâm lý mất phương hướng của chính ta. Mọi đường dẫn ra cổng đều không còn: không có lối ra. Ta chỉ có thể, như Satan, điên cuồng bám vào chính mình và sống trong địa ngục; hoặc là tan ra, và cuối cùng chịu diệt, trong Chúa Trời.

*“A, kẻ nhẹ dạ, đui mù, nhu nhược nhất,
Ta là Đấng mà mi đi tìm!*

Mi xưa đuổi tình yêu trong mi khi mi xưa đuổi Ta.”⁽¹³⁾

Ta cũng sẽ nghe thấy giọng nói bí ẩn, giày vò ấy trong tiếng thần Apollo của Hy Lạp gọi trinh nữ Daphne, con gái sông Peneus, khi nàng bỏ chạy còn thần đuổi theo nàng qua đồng bằng. “Hỡi nàng thủy nữ, hỡi con gái của Peneus, hãy ở lại đi!” thần gọi nàng - như con ếch gọi công chúa trong truyện cổ tích.

“Ta đuổi theo nàng nào phải kẻ thù. Nàng không biết mình chạy trốn ai, và vì vậy mà nàng chạy trốn. Chạy chậm lại thôi, ta xin nàng, và đừng bỏ trốn. Ta đây cũng sẽ chậm theo. Chao ôi, hãy dừng chân hỏi người yêu của nàng là ai.”

Lẽ ra thần còn nói thêm nữa [chuyện kể vậy], nhưng thiếu nữ cứ kinh hoàng chạy tiếp và bỏ lại thần chưa nói dứt câu, ngay cả khi bỏ trốn thì nàng cũng đẹp xinh. Gió phoi trần chân tay nàng, những làn gió ngược làm xiêm y nàng phất phơ, làn gió nhẹ khiến những lọn tóc tung bay sau đầu. Nàng càng xinh đẹp hơn khi bỏ chạy. Nhưng cuộc rượt đuổi đã đến hồi kết, vì vị thần trẻ trung không chịu phí thời gian nói lời đường mật thêm nữa, và được tình yêu thôi thúc, thần đuổi theo hết tốc lực. Cũng giống như con chó săn vùng Gallia trông thấy thỏ rừng giữa đồng trống, guồng chân hòng bắt kịp con mồi, nhưng thỏ rừng chính nó cũng guồng chân hòng kiếm chốn an toàn; con chó săn, lúc này đã đuổi gần kịp thỏ, nghĩ mình sắp tóm được nó rồi, cái mõm chó vươn ra đã sát gót chân thỏ; nhưng thỏ không biết mình đã bị tóm hay chưa, chỉ vừa kịp thoát mấy răng nanh nhọn hoắt và bỏ lại sau lưng cái hàm vừa khép lại quanh mình: thần và trinh nữ cũng rượt đuổi như vậy, thần nhanh chân vì hy vọng còn nàng nhanh chân vì sợ hãi. Nhưng thần chạy nhanh hơn, cuối trên đôi cánh tình yêu, không để nàng kịp ngoi nghỉ, là đà trên đôi vai nàng và phà hơi lên mái tóc nàng chảy dài quanh cổ. Giờ nàng không còn hơi sức nữa, và xanh mét vì sợ hãi và mệt đứt hơi vì phải chạy nhanh, thấy dòng nước con

sông của cha gần kề, nàng kêu lên: “Ôi cha ơi, hãy cứu con! Nếu sông của cha có linh thiêng, hãy làm biến đổi và hủy hoại nhan sắc này mà con vốn xiết bao vừa ý.” Nàng vừa khấn dứt lời thì một cảm giác tê cứng trĩu nặng úp chụp xuống chân tay, và hai bên sườn mịn màng bỗng bao bọc lớp vỏ mỏng. Tóc nàng biến thành lá, hai cánh tay nên cành. Hai bàn chân, mới đây thoăn thoắt, biến thành rễ cây rù rì chặt cứng, đầu nàng giờ chỉ là ngọn cây. Chỉ có vẻ đẹp long lanh của nàng là ở lại.⁽¹⁴⁾



HÌNH 13. *Apollo và Daphne* (khắc ngà, dân Copt, Ai Cập, thế kỷ 5)

Đây quả thật là một kết cục ảm đạm nản lòng. Apollo, mặt trời, chúa tể thời gian và sự chín muồi, không còn tiếp tục cuộc truy đuổi ráo riết kinh hoàng nữa, mà chỉ phong cho nguyệt quế làm cây yêu quý của thần và - trái khoáy thay - khuyên con người lấy lá cây này mà kết tràng mũ miện chiến thắng. Người con gái đã lui về với hình ảnh của cha và tìm thấy ở đó sự chở che - như người chồng không hạnh phúc mơ tới tình yêu của mẹ, ngăn cho anh ta khỏi rơi vào tình trạng bám víu lấy người vợ.⁽¹⁵⁾

Tài liệu phân tâm học có rất nhiều ví dụ về những sự cấm chốt tuyệt vọng như vậy. Chúng nói lên sự bất lực không thể vượt bỏ bản ngã ấu thơ, cùng thế giới các mối quan hệ cảm xúc và lý tưởng của nó. Người ta bị giam giữ trong những bức tường tuổi thơ; cha mẹ đóng vai người canh giữ ngưỡng cửa, còn linh hồn nhút nhát, sợ sệt một hình phạt nào đó,^(*) không đi qua cửa được để sinh ra ở thế giới bên ngoài.

Bác sĩ Jung thuật lại một giấc mơ rất giống với hình ảnh trong thần thoại Daphne. Đây cũng là giấc mơ của anh thanh niên thấy mình trong xứ cừu (xem trên, tr. 73) - tức muốn nói xứ sở phụ thuộc. Một giọng nói bên trong anh ta nói, "Đầu tiên mình phải thoát khỏi người cha"; rồi vài đêm sau: "một con rắn lượn thành vòng tròn quanh người nằm mơ, và anh ta đứng như cái cây, cắm chặt xuống đất."⁽¹⁶⁾ Đây là hình ảnh vòng tròn phép thuật mà quyền lực rồng của người cha/mẹ cấm chốt về quanh nhân cách.^(†) Brynhild, tương tự, được che chở trong sự trong trắng, bị giam giữ trong thân phận làm con nhiều năm, bởi vòng tròn lửa của Wotan, người cha thế giới. Nàng ngủ trong cối phi thời gian cho đến ngày Siegfried xuất hiện.

Hồng Leo bé nhỏ (Công chúa ngủ trong rừng) bị một mù phù thủy ganh ghét (hình ảnh vô thức về mẹ ác) làm cho ngủ say. Và không chỉ mình nàng công chúa nhỏ tuổi, cả thế giới của

*. Xem Freud: phức cảm bị hoạn.

†. Con rắn (trong thần thoại là biểu tượng các vùng nước dưới đất) chính là tương ứng với cha của Daphne, sông Peneus.

nàng cũng ngủ thiếp đi; nhưng cuối cùng, “nhiều năm sau”, một hoàng tử đến đánh thức nàng.

Nhà vua và hoàng hậu (hình ảnh hữu thức về cha mẹ hiền), vừa về đến và bước vào lâu đài thì ngủ thiếp đi, và cùng với họ là toàn bộ gia nhân trong lâu đài. Ngựa ngủ cả trong chuồng, chó trong sân, bồ câu trên mái, ruồi trên tường, đúng vậy, lửa lập lòe trong lò sưởi lặng đi và thiu thiu ngủ, thịt nướng không xèo xèo nữa. Còn anh đầu bếp, đang định giặt tóc thẳng bé phụ việc vì nó quên thứ gì đó, buông tay ra và ngủ thiếp đi. Gió cũng lặng đi, không một chiếc lá lao xao. Rồi quanh lâu đài một hàng gai cây gai đâm lên, mỗi năm một thêm cao, cuối cùng niêm kín cả lâu đài. Nó mọc cao hơn tòa lâu đài, nên không còn nhìn thấy gì nữa, ngay cả cây chong chóng gió trên nóc.⁽¹⁷⁾

Một thành đô Ba Tư từng bị “hóa đá” - vua và hoàng hậu, quân lính, dân chúng, tất cả mọi người - vì dân thành khước từ tiếng gọi của Allah.⁽¹⁸⁾ Vợ của Lot biến thành tượng muối vì ngoái nhìn lại đằng sau, khi được Jehovah gọi rời bỏ thành đô.⁽¹⁹⁾ Còn có câu chuyện kể về Người Do Thái Lang Thang, chịu lời nguyên phải sống trên mặt đất cho đến Ngày Phán quyết, vì khi Đấng Christ vác thập giá đi ngang, người này giữa dân chúng đứng dọc đường đã kêu lên, “Đi nhanh lên! Nhanh nữa đi!” Đấng Cứu Thế chưa được nhận ra, bị xúc phạm quay lại nói với hắn, “Ta đi, còn ngươi sẽ ở đây chờ đến khi ta trở lại.”⁽²⁰⁾

Một số nạn nhân phải chịu bùa phép đến muôn kiếp (ít ra thì theo như ta nghe kể), nhưng số khác lại được định đoạt là được cứu. Brynhild được giữ gìn cho người hùng đích thực của mình, còn Hồng Leo bé nhỏ được hoàng tử giải cứu. Còn nữa, chàng thanh niên bị biến thành cây sau đó nằm mơ thấy người đàn bà xa lạ chỉ đường, như một người dẫn dắt bí ẩn đến những nẻo đường xa lạ.⁽²¹⁾ Không phải ai do dự cũng đều tiêu vong. Tâm lý có biết bao bí mật để dành. Và những bí mật này không được tiết lộ trừ phi cần đến. Bởi thế mà đôi khi tình thế

nan giải theo sau một sự khước từ tiếng gọi ngoan cố lại hóa ra là dịp tiền định để được thần khải về một nguyên lý giải thoát không ngờ nào đó.

Thật ra, sự hướng nội cố ý là một trong những phương tiện kinh điển trong sáng tạo và có thể được chủ tâm dùng làm công cụ. Nó đẩy các năng lượng tâm lý xuống đáy sâu và kích hoạt lực địa đã mất chứa các hình ảnh cổ mẫu và ấu thơ vô thức. Kết quả, tất nhiên, có thể là sự phân rã ý thức ít nhiều toàn triệt (chứng loạn thần kinh hay rối loạn tâm thần: cảnh ngộ của Daphne bị bùa phép); nhưng trái lại, nếu nhân cách đủ khả năng hấp thụ và thẩm nhập các sức mạnh mới này, người đó sẽ cảm nghiệm được một mức độ tự ý thức và làm chủ gần như siêu phàm. Đây là nguyên lý cơ bản trong các môn yoga Ấn Độ. Nó còn là con đường của nhiều đầu óc sáng tạo ở phương Tây.⁽²²⁾ Nó không hẳn có thể coi là lời đáp lại tiếng gọi cụ thể nào. Đúng hơn, đó là sự từ chối oai vệ, hữu ý không chịu đáp lại bất cứ gì ngoài câu trả lời sâu nhất, cao nhất, sang trọng nhất cho cái đòi hỏi vẫn còn chưa rõ của một khoảng hư vô đợi chờ nào đó bên trong: một kiểu tổng đình công, hay chối từ những điều kiện đời sống đưa ra, khiến cho một sức mạnh biến hóa nào đó đưa vấn đề sang bình diện mới ở tầm vóc cao hơn gấp bội, ở đó cuối cùng và bất ngờ nó sẽ được giải quyết.

Đây là khía cạnh vấn đề của người hùng được minh họa trong cuộc phiêu lưu kỳ lạ của hoàng tử Kamar al-Zaman và công chúa Budur trong *Ngàn lẻ một đêm*. Hoàng tử trẻ tuổi tuần tú, con một của vua Shahrman xứ Ba Tư, một mực không chịu nghe những lời khuyên nhủ, yêu cầu, đòi hỏi, và cuối cùng là huấn thị lặp đi lặp lại của cha, rằng chàng phải làm theo lẽ thường tình mà lấy vợ. Lần đầu tiên nghe nhắc đến chuyện này, chàng trai đáp, “Thưa phụ vương, xin hãy biết cho rằng con không ham cưới vợ mà lòng con cũng chẳng đoái hoài đến đàn bà con gái; mảnh khỏe và bội bạc của họ con đã đọc thấy trong nhiều sách và nghe nói nhiều, như nhà thơ cũng đã nói:

*Khi người hỏi về đàn bà, ta đáp:
 Về chuyện họ chẳng ai am hiểu được như ta!
 Khi tóc đàn ông điểm bạc và tiền đã cạn vơi,
 Tình cảm của họ hẳn chẳng được sẻ chia chút gì nữa.*

Và một người khác nói:

*Chống lại đàn bà rồi người sẽ phụng sự Allah được nhiều hơn;
 Thanh niên nào để đàn bà cầm cương phải bỏ mọi hy vọng bay cao.
 Họ sẽ ngăn trở hần trên đường truy cầu ngọn cờ Mãi đi lên,
 Dù hần mất cả ngàn năm theo đòi khoa học và kiến thức."*

Ngâm thơ xong chàng bèn nói tiếp, "Thưa phụ vương, hôn nhân là một thứ con sẽ không bao giờ bằng lòng bước vào; không, dầu con có phải uống chén độc cũng không."

Khi Hồi vương Shahriman nghe những lời này của con trai, ánh mắt ông sa sầm và lòng ông đầy phiền muộn; thế nhưng, vì tình yêu vô bờ dành cho chàng, ông không muốn nhắc lại ý nguyện của mình cũng không giận dữ, mà lại càng hết mực chiều chuộng chàng.

Một năm sau, người cha lại thúc hối, nhưng chàng trai một mực khước từ, lại đọc thêm những vần thơ. Vua cha hỏi ý tế tướng thì ông quan khuyên:

Tâu hoàng thượng, hãy đợi thêm một năm nữa và nếu sau đó ngài vẫn muốn nói chuyện cưới gả với hoàng tử, xin đừng nói khi hoàng tử có một mình, mà nhắc với hoàng tử vào một ngày thiết triều, khi mọi tiểu vương tể tướng có mặt cùng ba quân đứng trước mặt ngài. Khi mọi người tề tựu đông đủ rồi thì xin hãy cho gọi hoàng tử Kamar al-Zaman, mời chàng vào; rồi, khi hoàng tử đến, nhắc chàng chuyện hôn nhân trước mặt các tể tướng quan lại tướng lĩnh; vì chắc hẳn hoàng tử sẽ ngượng ngùng e ngại sự có mặt của họ nên không dám cãi lời hoàng thượng.

Tuy vậy, đến ngày đó, khi vua Shahriman ra lệnh trước mặt quần thần, hoàng tử cúi đầu một lúc, rồi ngẩng lên nhìn vua cha, và vì cái ngu dại non nớt và sự dốt nát tuổi trẻ xúi giục, đáp, “Về phần con thì con sẽ không bao giờ cưới vợ đâu; không, dẫu con có phải uống chén độc cũng không! Còn về phụ vương, ngài tuổi đã cao sự minh mẫn đã kém: chẳng phải phụ vương, hai lần trước hôm nay và trước dịp này, đã hỏi con về chuyện hôn nhân, và con đã không ưng thuận? Quả thật phụ vương đã lẫn, không còn xứng để cai trị một bầy cừu nữa kia!” Kamar al-Zaman vừa nói vừa buông hai tay chấp sau lưng ra rồi xắn tay áo lên quá cùi chỏ trước mặt cha, trong con giận dữ; không những vậy, chàng còn nói nhiều điều nữa với hoàng thượng, không biết mình nói gì, trong lúc đầu óc rối loạn.

Nhà vua luống cuống và hổ thẹn, vì chuyện này diễn ra trước mặt các quý tộc và tướng lĩnh của ông đương tề tựu vào đại lễ thiết triều; nhưng lát sau vua lấy lại vẻ uy vệ, ông gầm lên với con trai khiến chàng run lấy bầy. Đoạn ông kêu quân hầu đứng trước mặt và ra lệnh, “Bắt lấy nó!” Thế là họ bước tới tóm lấy chàng và trói chàng lại, giải chàng tới trước mặt vua, ông ra lệnh cho họ trói quặt khuỷu tay chàng ra sau lưng và bắt chàng đứng chầu trong tư thế này. Hoàng tử cúi đầu vì sợ sệt, trán và mặt lấm tấm vằn vện mồ hôi; xấu hổ và hoang mang làm chàng gan ruột rối bời. Tiếp đó vua cha chửi mắng xỉ vả chàng, gầm lên, “Khốn khổ thân mi, đứa con trai từ thông dâm mà ra, kẻ bú mớm quái thú! Sao mi dám trả lời ta như vậy trước mặt ba quân tướng lĩnh của ta? Bởi cho đến nay chưa ai quở phạt mi cả. Mi không biết rằng nếu kẻ bề tôi hèn mọn nhất của ta làm như mi đó là đủ mang tội khi quân rồi?” Rồi nhà vua lệnh cho quân hầu cởi trói rồi tống chàng vào ngục thất trong kinh thành.

Thế là họ giải hoàng tử đi và tống chàng vào một tòa tháp cũ có một phòng lớn hoang phế, ở giữa có một cái giếng đồ nát, sau khi quét dọn và chùi sạch thảm trải sàn, họ kê vào một

trường kỷ có trái tấm đệm, thảm da, và cái gối. Rồi họ đem đến cây đèn lớn và một ngọn nến; vì nơi này tối đen như mực, ngay cả vào ban ngày. Sau cùng đám lính giải Kamar al-Zaman tới đó, cắt đặt một thái giám ở cửa. Khi mọi chuyện xong xuôi, hoàng tử nằm vật ra trường kỷ, tinh thần sầu nản, lòng nặng trĩu, trách mình và lấy làm ân hận vì đã cư xử xúc phạm đến vua cha.

Trong khi đó thì ở đế quốc Trung Hoa xa xôi, con gái của vua Ghazur, vua các vùng biển đảo và bảy cung điện, cũng trong trường hợp tương tự. Khi nhan sắc của nàng được nhiều người biết và tiếng tăm truyền tụng ra các nước láng giềng, các vua thấy đều cho người đến gặp đức vua xin cưới nàng làm vợ, và ông đã hỏi ý nàng, nhưng chỉ nghe chữ *cưới* thôi nàng đã thấy ghét. “Thưa phụ vương,” nàng đáp, “con không nghĩ đến chuyện lấy chồng; không, không hề; vì con là một nữ vương trị vì dân chúng, nên con không mong có kẻ đàn ông đè đầu cưỡi cổ con.” Và nàng càng khước từ những lời cầu hôn, đám người cầu hôn càng thêm tha thiết và mọi vương tôn công tử trong các đảo Trung Hoa đều gửi tặng vật và của ngon vật lạ đến cho vua cha nàng cùng thư hỏi cưới nàng làm vợ. Nên ông cứ thúc giục khuyên nhủ nàng không biết bao lần về đám cưới; nhưng nàng vẫn một mực chối từ, cho đến cuối cùng nàng giận dữ với ông mà kêu lên, “Thưa phụ vương, nếu người nhắc đến chuyện cưới hỏi với con một lần nữa, con sẽ vào phòng lấy guom và cấm chuỗi xuống đất, kê mũi ngang eo; rồi con sẽ ngã người lên, cho đến khi mũi kiếm đâm xuyên ra lưng con, để tự tận.”

Nhà vua nghe vậy thì ánh mắt sa sầm và trái tim cháy rực như ngọn lửa vì nàng, vì ông sợ nàng sẽ quỳen sinh; và ông rối trí về chuyện của nàng với các vua chúa đến cầu hôn. Nên ông nói với nàng, “Nếu con quyết không lấy chồng và không làm sao khác được thì hãy thôi đừng đi ra đi vào.” Rồi ông cho nàng vào một tòa nhà nhốt lại trong phòng, cắt đặt mười bà già làm bảo mẫu canh giữ, và cấm nàng đến bảy cung điện. Ngoài ra, ông loan báo khắp nơi rằng mình vô cùng tức giận nàng, và gửi

thư cho tất cả các vua, cho họ biết nàng đã hóa điên vì bị Jinn ám.⁽²³⁾

Khi người hùng cả nam lẫn nữ đều làm theo cách tiêu cực, và giữa họ là lục địa châu Á, phải có phép mầu mới tác hợp được đôi lứa đã được an bài muôn kiếp này. Một quyền năng như vậy có thể từ đâu đến để giải cái bùa mê chối bỏ sự sống và làm tiêu tan con thịnh nộ của hai người cha tuổi thơ?

Lời đáp cho câu hỏi này giống hệt nhau trong mọi hệ thần thoại trên thế giới. Vì, như ta thường gặp trong các trang kinh Koran: “Thánh Allah toàn năng cứu giúp.” Vấn đề duy nhất là cơ cấu phép lạ sẽ ra sao. Và đó là một bí mật chỉ hé lộ trong các giai đoạn sau trong truyện kể *Ngàn lẻ một đêm* này.

3. PHÙ TRỢ SIÊU NHIÊN

Với những ai không khước từ lời kêu gọi, cuộc chạm trán đầu tiên trong hành trình người hùng là với một nhân vật che chở (thường là một bà lão hay ông lão nhỏ choắt) cung cấp cho kẻ phiêu lưu những thứ bùa phép để đối trị các thế lực rùng anh ta sắp đi ngang.

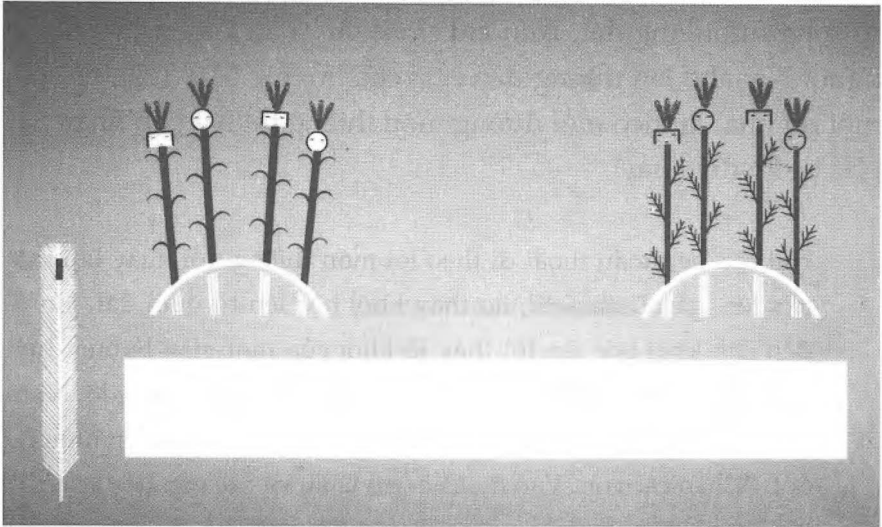
Chẳng hạn một bộ tộc Đông Phi, người Wachaga ở Tanganyika [nay là nước Tanzania - BT], có truyện kể về một người nghèo rớt mồng tơi tên Kyazimba, ở bước đường cùng đã lên đường tìm xứ mặt trời mọc. Anh ta đi đã lâu và thấm mệt, rồi đang đứng nhìn vô vọng về hướng anh ta tìm kiếm thì nghe có người từ đằng sau đi lại. Anh ta quay lại thì thấy một bà già nhỏ bé tiều tụy. Bà đi lại hỏi thăm công chuyện của anh. Khi anh kể cho bà nghe xong, bà choàng áo quanh anh ta và bay vút lên khỏi mặt đất, đưa anh ta lên đỉnh trời, nơi mặt trời dừng chân giữa ngày. Rồi trong tiếng náo động kinh khủng một đám người đông đảo từ đằng Đông đi lại, giữa họ là một thủ lĩnh uy phong, khi tới nơi người đó giết một con bò đực rồi ngồi xuống yến tiệc với đoàn tùy tùng. Bà lão xin ông ta giúp Kyazimba. Thủ lĩnh ban

phúc cho anh này rồi cho anh về nhà. Và theo câu chuyện còn truyền lại thì anh ta sống khá giả đến hết đời.⁽²⁴⁾

Đối với thổ dân ở Tây Nam nước Mỹ thì nhân vật ưa thích trong vai trò phúc hậu này là Bà Nhện - một bà già nhỏ nhắn hiền từ sống dưới lòng đất. Anh em sinh đôi Thần Chiến Tranh của người Navaho lên đường đến nhà cha họ, tức Mặt Trời, họ vừa mới rời nhà, đi theo một đường mòn thiêng thì bắt gặp nhân vật nhỏ bé kỳ diệu này:

Hai cậu bé thoăn thoắt đi theo lối mòn thiêng, rồi ngay khi mặt trời lên, gần Dsilnaotil, họ thấy khói bốc lên từ dưới đất. Họ đi đến chỗ khói bốc lên thì thấy lỗ khói của một gian buồng dưới lòng đất. Một cái thang âm khói đen thò lên qua miệng lỗ. Nhìn xuống lỗ họ thấy một bà lão, chính là Bà Nhện, bà liếc lên nhìn họ nói, “Chào các con. Vào đi. Các con là ai, và các con từ đâu tới?” Họ không đáp, mà trèo xuống thang. Khi chân họ chạm đất thì bà lại cất tiếng hỏi họ: “Hai con cùng nhau đi đâu?” “Không đi đâu cả,” họ đáp; “bọn tôi đến đây vì không biết đi đâu.” Bà hỏi câu này bốn lần, lần nào cũng nghe câu trả lời tương tự. Bà bèn nói, “Có lẽ các con đi tìm cha?” “Phải,” họ đáp, “giá mà bọn tôi biết đường đến chỗ ở của ông.” “À!” bà lão nói, “đường đến nhà Mặt Trời, cha các con, dậm dài nguy hiểm. Có nhiều quái vật trú ngụ trên đường từ đây đến đó, và có lẽ, khi các con đến đó, cha các con có thể không vui khi thấy các con, và có thể phạt các con vì đã đến. Các con phải đi qua bốn nơi nguy hiểm - đá tảng nghiêng nát người đi đường, lau sậy cửa cất người ra từng mảnh, xương rồng xé tua người ra, và cát bỏng nhấn chìm người. Nhưng ta sẽ cho các con một thứ để vượt giận kẻ thù và bảo toàn mạng sống.” Bà cho họ cái bùa gọi là “lông vũ của các thần lạ”, gồm một cái vòng gắn hai cọng lông sự sống (lông ngắt từ đại bàng còn sống), và một cọng lông sự sống nữa để bảo toàn tính mạng. Bà còn dạy họ câu thần chú này, nếu đọc lên trước kẻ thù, sẽ làm chúng người giận: “Đặt chân bầy xuống với phấn hoa. Bỏ tay bầy xuống với phấn hoa. Cúi đầu bầy xuống với phấn hoa. Bấy giờ hai chân bầy

là phần hoa; hai tay là phần hoa; thân mình bây là phần hoa; tâm trí là phần hoa; giọng là phần hoa. Con đường mòn rất đẹp. Hãy đứng yên.”^{(25)(*)}



HÌNH 14. *Đá tảng nghiêng nát, lau sậy của cắt*
(tranh cát, Navaho, Bắc Mỹ, 1943)

Bà lão giúp đỡ và bà tiên đỡ đầu là yếu tố quen thuộc trong kho tàng truyện cổ tích châu Âu; trong truyền thuyết các thánh Cơ Đốc thì vai trò này thường được trao cho Đức Mẹ Đồng Trinh. Đức Mẹ Đồng Trinh bằng cách cầu thay có thể xin được lòng nhân từ của Chúa Trời. Bà Nhện dùng mạng nhện của mình có thể kiểm soát đường đi của Mặt Trời. Người hùng đã được Mẹ Vũ Trụ che chở thì sẽ không gì làm hại được. Sợi chỉ của Ariadne đưa Theseus an toàn qua cuộc phiêu lưu trong mê cung. Đây là quyền năng dẫn dắt xuyên suốt tác phẩm của Dante trong các hình tượng nữ Beatrice và Đức Mẹ Đồng Trinh, và xuất hiện trong *Faust* của Goethe lần lượt trong hình ảnh Gretchen, Helene

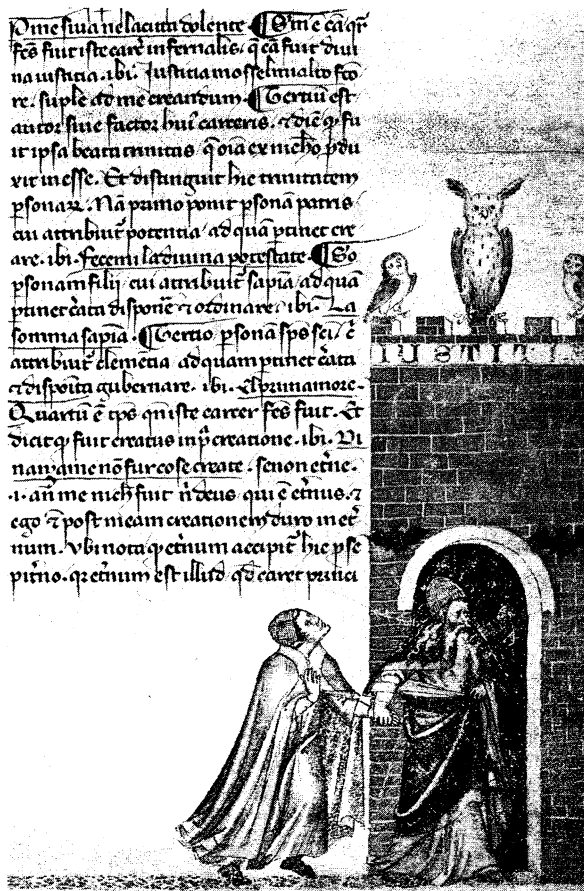
*. Phần hoa là biểu tượng cho năng lực tinh thần ở các bộ lạc da đỏ Tây Nam nước Mỹ. Phần hoa được sử dụng rất nhiều trong tất cả mọi loại nghi lễ, vừa để xua đuổi tà ác, vừa để đánh dấu con đường sống có tính biểu tượng.

thành Troia, và Đức Mẹ Đồng Trinh. “Người là nguồn sống hy vọng,” Dante cầu nguyện, khi ông đã an toàn qua hết các gian nguy Ba Cối; “Lạy Đức Mẹ, Người vĩ đại và đầy ân phúc đến mức kẻ nào mong ân huệ mà chẳng tìm đến Người, thì chẳng khác đòi không có cánh mà bay. Lòng nhân từ của Người không chỉ phù hộ kẻ cầu xin, mà thường còn rộng lòng ban cho trước khi được cầu xin. Trong Người hội tụ lòng nhân đức, tình thương, uy vĩ, lòng tốt.”⁽²⁶⁾

Một nhân vật như vậy là đại diện cho quyền năng phúc hậu, bảo bọc của định mệnh. Tưởng tượng ấy là một cam đoan - là lời hứa rằng cảnh an lành trên thiên đường, xưa lần đầu được biết trong bụng mẹ, sẽ không mất đi; rằng nó nâng đỡ hiện tại và vững bền trong tương lai cũng như trong quá khứ (là omega mà cũng là alpha); rằng dù uy lực toàn năng có khi có vẻ lâm nguy vì những lần đi qua ngưỡng và những chặng thức tỉnh của cuộc đời, thì quyền năng bảo bọc vẫn luôn hiện diện bên trong chốn che chở là trái tim và thậm chí có mặt chính bên trong, hay ngay phía sau, các đường nét xa lạ của thế giới. Ta chỉ cần biết và tin, rồi thì những người canh giữ muôn đời sẽ xuất hiện. Khi đã đáp lại tiếng gọi cho riêng mình, và tiếp tục can đảm đi theo khi các hệ quả mở ra, người hùng sẽ thấy mọi lực lượng của vô thức đều sát cánh với mình. Chính Mẹ Thiên Nhiên sẽ yểm trợ trọng trách này. Và chừng nào hành động của người hùng còn trùng khớp với những gì xã hội của anh ta đã sẵn sàng đón đợi, chừng ấy anh ta khác nào cưỡi trên tiết điệu vĩ đại của tiến trình lịch sử. “Ta cảm thấy,” Napoléon nói lúc mở đầu chiến dịch đánh nước Nga, “mình được thúc đẩy tới một cái đích mà ta không biết. Ngay khi đến đích rồi, ngay khi ta trở nên thừa thãi, thì một nguyên tử cũng đủ làm ta tan tác. Chừng nào còn chưa đến lúc đó thì tất cả lực lượng của loài người cũng không làm gì ngăn được ta.”⁽²⁷⁾

Không phải không thường xuyên, người phù trợ siêu nhiên lại là nam. Trong cổ tích thì đây có thể là một gã người rừng nhỏ choắt, một thầy pháp, ẩn sĩ, mục đồng, hay thợ rèn nào đó, xuất hiện để cung cấp bùa hộ mệnh và những chỉ dẫn người hùng sẽ

cần. Các hệ thần thoại cao hơn phát triển vai trò này trong hình tượng người dẫn đường kỳ vĩ, người thầy, người đưa đò, người tiếp dẫn linh hồn sang thế giới bên kia. Trong thần thoại Hy-La đây là Hermes-Mercurius; trong thần thoại Ai Cập thì thường là Thoth (thần cò quăm, thần khiêu vũ); trong thần thoại Cơ Đốc là Chúa Thánh Thần.⁽²⁸⁾ Goethe trình bày người nam dẫn đường trong *Faust* là Mephistopheles - và không phải không thường xuyên khía cạnh nguy hiểm của nhân vật thần kẻ trộm và lừa lọc [*mercurial*] này được nhấn mạnh; vì người đó dẫn dụ kẻ ngây thơ vào những cỏi thử thách. Trong thị kiến của Dante vai trò này do Vergilius đóng, rồi nhường lại cho Beatrice ở ngưỡng cửa thiên đường. Vừa bảo bọc vừa nguy hiểm, vừa đóng vai mẹ vừa



HÌNH 15. Vergilius dẫn lối cho Dante (mực trên giấy da, Ý, thế kỷ 14)

đóng vai cha, nguyên lý bảo hộ và chỉ dẫn siêu nhiên này kết hợp trong mình mọi tính mập mờ của vô thức - do vậy mà biểu thị sự nâng đỡ cho nhân cách hữu thức của ta bởi cái hệ thống kia, rộng lớn hơn, nhưng cũng biểu thị sự bí ẩn khôn dò của người dẫn đường mà ta đi theo, khiến mọi mục đích duy lý của ta lâm vào nguy khốn.

Giấc mơ sau đây đem lại một ví dụ sống động về sự hòa lẫn các mặt đối lập trong vô thức: "Tôi nằm mơ thấy mình đi vào khu phố đèn đỏ và đến phòng một cô gái. Khi tôi vào, cô biến thành đàn ông, đang nằm gần như trần truồng trên xô pha. Ông ta nói: 'Cậu không thấy kinh sợ sao (vì giờ tôi là đàn ông)?' Người này trông già, tóc mai bạc trắng. Ông ta nhìn giống một ông trưởng kiểm lâm bạn thân của cha tôi."⁽²⁹⁾ "Mọi giấc mơ," bác sĩ Stekel nhận xét, "đều có khuynh hướng song tính về tính dục. Ở đâu khuynh hướng song tính không nhận ra được thì nó ẩn giấu trong nội dung tiềm ẩn của giấc mơ."⁽³⁰⁾

Người hùng gặp được một người phù trợ như vậy thường là người đã đáp lại tiếng gọi. Tiếng gọi thật ra là thông báo đầu tiên rằng vị thầy pháp thụ giáo này sắp đến. Nhưng người bảo trợ siêu nhiên cũng có thể xuất hiện ngay cả với những ai có vẻ không mở lòng; vì, như chúng ta đã thấy: "Thánh Allah toàn năng cứu giúp."

Và thế là, như thể tình cờ, trong tòa tháp cổ kính bỏ hoang mà hoàng tử Ba Tư Kamar al-Zaman nằm ngủ, có một cái giếng La Mã lâu đời,^(*) và dưới đó cư ngụ một Jinniyah (nữ quỷ) dòng dõi Iblis Bị Nguyên Rửa^(†), tên là Maymunah, con gái của Al-Dimiryat, một vị vua lừng danh của loài Jinn.

Hãy so sánh nữ quỷ Maymunah với con ếch trong truyện cổ tích nọ. Ở xứ Ả Rập trước thời Hồi giáo loài Jinn là quỷ ám vùng sa mạc và nơi hoang vu. Mang hình thù xấu xí và đầy lông lá, hoặc có dạng thú, đã điều hay răn, họ rất nguy hiểm cho những người không được che chở. Nhà tiên tri

*. Cái giếng tượng trưng cho vô thức. So sánh với nguồn suối trong truyện cổ tích "Vua Éch", tr. 67-68.

†. Tương đương với Satan trong Cơ Đốc giáo. (ND)

Mohammed thừa nhận sự tồn tại của các tinh linh ngoại đạo này,^(*) và gộp họ vào hệ thống Hồi giáo, vốn công nhận ba loài tạo vật có trí thông minh chịu sự cai trị của Allah: thiên thần từ ánh sáng tạo thành, Jinn từ lửa vi tế, và con người từ cát bụi của đất. Jinn của Hồi giáo có quyền phép khoác lấy bất cứ thể dạng nào họ muốn, nhưng không được thô lậu hơn tinh chất của lửa và khói, do vậy họ có thể hiện hình ra với người trần. Có ba loại Jinn: bay, đi, và lặn. Nhiều Jinn được cho là đã chấp nhận Đức tin Chân chính [đạo Hồi - BT], và những Jinn này được xem là hiền; những Jinn còn lại là ác. Những Jinn ác sống và liên kết mật thiết với các Thiên thần Sānā, có thủ lĩnh là Iblis ("Kẻ tuyệt vọng").

Và khi Kamar al-Zaman vẫn còn ngủ đến canh ba, Maymunah trèo ra khỏi giếng La Mã để đi lên bầu trời, định bụng nghe lén các thiên thần trò chuyện; nhưng khi ả lên tới miệng giếng, thấy ánh sáng soi trong gian tháp khác với mọi ngày, ả lấy làm lạ, lại gần, vào bên trong cửa, thấy trường kỷ trải ra, trên có một dáng người với cây nến sáp cháy trên đầu và cây đèn dưới chân. ả xếp đôi cánh lại đứng bên giường, rồi kéo tấm chăn ra, ả nhìn thấy mặt Kamar al-Zaman. Và thế là ả đứng sững cả giờ trầm trồ ngưỡng mộ. "Thánh Allah nhân từ," ả thốt lên khi tỉnh trí lại, "Đấng Sáng Hóa kỳ diệu nhất!" vì ả thuộc số Jinn theo đức tin chân chính.

Rồi ả tự dặn lòng là sẽ không làm hại Kamar al-Zaman, và đâm lo rằng khi nằm nghỉ ở chỗ hoang phế này, chàng sẽ bị một kẻ trong số Marid^(*), một loài họ hàng của ả, giết mất. Cúi xuống bên chàng, ả hôn lên giữa hai mắt chàng, rồi liền kéo chăn lên che mặt chàng như cũ; lát sau ả xòe cánh và vút lên không, bay lên cho đến khi ả đến gần tầng trời thấp nhất.

Lúc này như thể ngẫu nhiên hay số phận run rủi, Ifritah Maymunah đang bay vút lên cao bỗng nghe gần đó tiếng vỗ cánh ầm ĩ. Bay về hướng có tiếng đó, ả thấy một Ifrit tên là Dahnash. Thế là ả sà xuống hẩn như con cắt hỏa mai, và khi hẩn nhận thấy ả và biết ả là Maymunah, con gái của Quỷ vương, hẩn thất đảm,

*. Một Ifrit (giống cái là Ifritah) là một Jinni (Jinniyah) uy lực. Marid là đẳng cấp Jinn đặc biệt hùng mạnh và nguy hiểm.

các cơ sườn run bần bật, và hắn cầu xin ả thương tình. Nhưng ả lệnh cho hắn khai mình đi đâu lúc khuya khoắt thế này. Hắn đáp rằng hắn về từ vùng các đảo thuộc biển nội địa Trung Hoa, xứ của vua Ghazur, vua các vùng biển đảo và bảy cung điện.

“Ở đây,” hắn khai, “tôi thấy một đứa con gái của ông ta, ở thời nàng Allah chưa từng tạo ra ai diễm lệ hơn.” Rồi hắn bèn hết lời ca tụng công chúa Budur. “Nàng có cái mũi,” hắn nói,

như lưỡi dao đánh sáng bóng và hai má như nho tím hay hoa quỳ đỏ thắm: đôi môi nàng sáng như san hô và ngọc đỏ còn nước dãi từ miệng nàng ngọt ngào hơn rượu lâu năm; ai nếm được nó sẽ dập tắt được nỗi đau đớn cháy bỏng dưới hỏa ngục. Lưỡi nàng nói năng theo trí tuệ cao xa và ứng đối trơn tru: ngực nàng là nỗi cảm dỗ cho tất cả những ai trông thấy (ngợi ca Đấng đã tạo nên và hoàn thiện nó!); liền theo là hai bắp tay nõn nà tròn trịa; hết như nhà thơ Al-Walahan đã nói về nàng:

*Cầm tay nàng, nếu vòng tay không giữ lại,
sẽ từ ống tay áo tuôn xuống như cơn mưa bạc.*

Hắn tiếp tục tán tụng sắc đẹp của nàng, và khi Maymunah nghe xong ả vẫn còn im lặng sững sờ. Dahnash lại nói tiếp, mô tả nhà vua hùng mạnh, cha nàng, kho báu của ông, bảy cung điện, và cả câu chuyện cô con gái không chịu lấy chồng. “Còn tôi,” hắn nói, “thưa tiểu thư, đêm đêm đến chỗ nàng mà ngắm mặt nàng cho thỏa và hôn lên giữa hai mắt nàng: thế nhưng, vì tình yêu tôi dành cho nàng, tôi không làm gì hại đến nàng.” Hắn muốn Maymunah cùng hắn bay về lại Trung Hoa để chiêm ngưỡng dung nhan, vẻ yêu kiều, dáng vóc, nét cân đối hoàn mỹ của công chúa. “Và sau đó, nếu tiểu thư muốn,” hắn nói, “hãy trừng phạt tôi hay bắt tôi làm nô lệ; bởi ra lệnh hay cấm ngăn là quyền của tiểu thư.”

Maymunah lên cơn thịnh nộ vì lại có ai dám tán tụng kẻ nào trên đời, sau khi ả vừa được thấy Kamar al-Zaman. “Góm khiếp! Góm khiếp!” ả kêu lên. ả cười nhạo Dahnash và nhổ vào mặt

hắn. “Quả thật, đêm nay ta đã thấy một chàng trai,” ả nói, “mà dù mi chỉ thấy trong mơ thôi, mi cũng sẽ buồn rầu vì ngưỡng mộ và chảy cả nước dãi.” Rồi ả mô tả về chàng. Dahnash tỏ ý không tin có ai lại đẹp đẽ hơn công chúa Budur, nên Maymunah ra lệnh cho hắn đi cùng ả xuống xem.

“Tôi xin tuân lệnh,” Dahnash nói.

Thế là họ xuống tới phòng trong tháp. Maymunah để Dahnash đứng bên cạnh giường rồi chìa tay ra, kéo tấm chăn lụa khỏi mặt Kamar al-Zaman, thì gương mặt ấy lung linh lấp lánh óng ánh sáng lòa như mặt trời mọc. ả ngẩng nhìn chàng một lát, rồi quay ngoắt sang Dahnash nói: “Nhìn đi, hỡi kẻ bị nguyên rửa, và đừng có điên rồ mặt hạng nữa; ta là trinh nữ, nhưng tìm ta chàng đã cướp mất rồi.”

“Lạy Thánh Allah, thưa tiểu thư, tiểu thư không đáng trách,” Dahnash tuyên bố; “nhưng còn một điều nữa phải suy xét, và đó là, thân phận đàn bà khác với đàn ông. Thề có Thánh Allah hùng mạnh, trong mọi tạo vật thì người được tiểu thư yêu quý này giống với nữ chủ của tôi nhất về vẻ đẹp duyên dáng và hoàn mỹ; cứ như thể cả hai được đúc cùng một khuôn nhan sắc.”

Mất Maymunah sa sầm đi khi ả nghe thấy lời này, rồi ả dong cánh đập lên đầu Dahnash mạnh đến nỗi suýt chút nữa thì hắn toi đời. “Ta lệnh cho mi,” ả ra lệnh, “nhân danh ánh sáng từ dung mạo lộng lẫy của tình yêu ta, đi ngay lập tức, hỡi kẻ bị nguyên rửa, đem nữ chủ mà mi yêu quý một cách đắm đuối và ngu ngốc như vậy về đây, và mau mau quay về để chúng ta đặt hai người bên nhau mà ngắm khi họ ngủ cạnh nhau; như vậy thì chúng ta sẽ thấy ai trong hai người duyên dáng và đẹp đẽ hơn.”

Và vậy là, tình cờ vì một điều diễn ra trong cái vùng mà chàng hoàn toàn không hay biết, định mệnh của chàng Kamar al-Zaman không thiết tha với đời sống bắt đầu thành tựu, không có sự hợp tác từ ý muốn hữu thức của chàng.⁽³²⁾

4. BẰNG QUA NGƯỠNG ĐẦU TIÊN

Được những hiện thân nhân cách hóa của định mệnh mình dẫn dắt và phù trợ, người hùng dẫn bước trong cuộc phiêu lưu cho đến khi gặp “người canh giữ ngưỡng” ở lối vào vùng có quyền năng gấp bội. Những vị canh giữ như vậy vạch ranh thế giới ở bốn hướng - cả trên và dưới nữa - là giới hạn của phạm vi hiện tại, hay chân trời sống của người hùng. Đi qua là bóng tối, cõi xa lạ, hiểm nguy; cũng như ngoài sự theo dõi của cha mẹ là mối hiểm nguy cho đứa con và ngoài sự bảo bọc của xã hội là hiểm nguy cho thành viên bộ tộc. Người bình thường thì quá đổi hài lòng, thậm chí còn tự hào, được ở lại bên trong những ranh giới đã vạch, và niềm tin chung chỉ càng khiến anh ta e sợ dù chỉ là một bước đầu tiên vào chốn chưa được thăm dò. Do vậy các thủy thủ trên những con tàu táo bạo của Columbus, xuyên qua chân trời đầu óc Trung cổ - nghĩ mình đang dong buồm vào đại dương bao la của giống loài bất tử bao quanh vũ trụ, như con rắn thần thoại bất tận tự cắn đuôi mình⁽³³⁾ - cần được dỗ dành và thúc giục đi tiếp như trẻ con, vì họ sợ những thủy quái, người cá, chúa rồng và các quái vật dưới đáy sâu khác trong truyền thuyết.

Các thần thoại dân gian cho mọi nơi hoang vu bên ngoài đường đi lối lại bình thường của làng đều nhan nhản những thứ lừa mị và nguy hiểm. Chẳng hạn, người Hottentot [nay gọi là Khoikhoi - BT] mô tả một loài yêu tinh thỉnh thoảng bắt gặp giữa những lùm cây và đụn cát. Mắt nó ở trên mu bàn chân, nên để biết chuyện gì đang diễn ra nó phải bò xuống chống hai tay và đầu gối, rồi giơ một chân lên. Con mắt bấy giờ sẽ nhìn ra sau; bằng không nó cứ thường trực nhìn lên trời. Con quái vật này chuyên đi săn người, rồi xé xác ra bằng hàm răng tàn bạo dài như ngón tay. Nghe đồn sinh vật này đi săn mỗi thành đàn.⁽³⁴⁾ Một giống yêu khác của người Hottentot, tên Hai-uri, đi tới bằng cách nhảy vọt qua các lùm cây thay vì đi vòng qua.⁽³⁵⁾ Còn một nhân vật nguy hiểm có một chân, một tay, một bên sườn - một kẻ nửa người - không thấy được nếu nhìn từ bên phải, được bắt gặp



HÌNH 16. *Odysseus và mỹ nhân điểu*

(chi tiết trên bình trắng hình đa sắc, Hy Lạp, thế kỷ 5 TCN)

ở nhiều nơi trên trái đất. Ở Trung Phi người ta đồn rằng kẻ nửa người như vậy luôn nói với người chạm trán hắn: “Vì mi đã gặp ta rồi, ta hãy đấu với nhau.” Nếu bị hạ, hắn sẽ van xin: “Đừng giết ta. Ta sẽ cho mi xem rất nhiều thuốc tốt”; bấy giờ kẻ may mắn sẽ thành một bác sĩ tài giỏi. Nhưng nếu con yêu nửa người (gọi là *Chiruwi*, “một thứ kỳ bí”) thắng, nạn nhân sẽ phải chết.⁽³⁶⁾

Những vùng xa lạ (hoang mạc, rừng già, biển sâu, xứ lạ, vân vân) là chốn tự do để phóng chiếu nội dung vô thức. *Libido* loạn luân và *destrudo* giết cha lúc bấy giờ được phản chiếu lại trước cá thể và xã hội anh ta trong những hình tượng gọi lên các mối đe dọa bạo lực và khoái cảm nguy hiểm tưởng tượng - không chỉ dưới dạng yêu tinh mà còn dưới dạng mỹ nhân điểu có sắc đẹp u hoài, quyến rũ lạ lùng. Chẳng hạn nông dân Nga kể về những người “Đàn bà Hoang dã” ở rừng, sống trong hang động trên núi và cũng gây dựng gia đình, như con người. Họ là những người nữ đẹp dễ, mặt vuông vắn sắc sảo, nhiều bím tóc, thân hình lông lá. Họ vắt vú qua vai khi chạy và khi cho con bú. Họ đi từng nhóm. Họ có thể dùng thuốc cao chế từ rễ cây rừng xức lên mình rồi biến thành vô hình. Họ thích nhảy múa hay cù tới chết những người lang thang một mình vào rừng, và bất cứ ai tình cờ bắt gặp

các nhóm nhảy múa vô hình của họ đều phải chết. Trái lại, nếu ai dọn thức ăn để ra ngoài cho họ, họ sẽ giúp hái lượm, dệt vải, chăm sóc trẻ nhỏ, dọn dẹp nhà cửa; và nếu một cô gái chịu chải cây gai dầu cho họ dệt, họ sẽ cho cô ta lá biến thành vàng. Họ thích kiếm người tình con người, thường cưới trai tráng thôn quê, và có tiếng là những người vợ tuyệt vời. Nhưng như mọi người vợ siêu nhiên, hễ người chồng xâm phạm dù chỉ chút xíu những ý niệm kỳ quặc của họ về phép xử sự trong đời sống vợ chồng, họ sẽ biệt tăm.⁽³⁷⁾

Một ví dụ nữa để minh họa mối liên kết tính dục ngầm ẩn giữa yêu tinh quý quái, nguy hiểm với nguyên lý quyến rũ, là Dyedushka Vodyanoy, “Ông Cụ Nước” của Nga. Ông ta là kẻ biến hình khéo léo và nghe đồn hay chìm chết những ai bơi lúc nửa đêm hay giữa trưa. Ông thường cưới những cô gái chết đuối hay không có của thừa kế. Ông có biệt tài dụ hoặc đàn bà không hạnh phúc sa lưới của mình. Ông thích nhảy múa trong những đêm trăng. Mỗi khi một người vợ sắp sinh con, ông ta vào làng tìm bà mụ. Nhưng ông có thể bị phát hiện qua thứ nước rỉ xuống từ gấu áo. Ông hói đầu, bụng như thùng tô nô, má phính, mặc áo quần xanh lá và đội mũ chóp bằng lau sậy; nhưng ông cũng có thể hiện hình thành một thanh niên quyến rũ, hay một nhân vật có tiếng nào đó trong cộng đồng. Ông hà bá này không mạnh khi lên bờ, nhưng dưới nước thì ông là hùng mạnh nhất. Ông ngụ dưới đáy sông, suối, ao hồ, thích ở gần bên cối xay nước. Ban ngày ông ẩn mình, như con cá hồi già, nhưng đến đêm ông nổi lên, bung và quẫy như cá, để lừa đàn trâu bò, cừu, ngựa sống dưới nước của ông lên bờ gặm cỏ, hoặc ngồi vắt vẻo trên bánh xe cối xay mà lặng lẽ chải mái tóc và bộ râu xanh lá dài thậm thụt. Đến mùa xuân, khi thức dậy sau kỳ ngủ đông dài, ông đập nát băng dọc sông, chất thành từng tảng lớn. Ông rất ưa đập phá các bánh xe cối xay. Nhưng khi tâm trạng hữu hảo ông lừa từng đàn cá vào lưới ngư dân hay báo trước những trận lũ sắp đến. Bà mụ đi theo ông thì ông trả hậu hĩ bạc vàng. Các cô con gái xinh đẹp của ông cao dong dong, tái xanh, vẻ ủ ê, ăn mặc màu xanh lá

trong suốt, hay hành hạ tra tấn người chết trôi. Họ thích đu đưa trên cây và hát du dương.⁽³⁸⁾

Thần Pan xứ Arcadia là ví dụ nổi tiếng nhất trong thế giới cổ điển về sự hiện diện nguy hiểm này ngụ ngay bên kia ranh giới vùng được bảo vệ của làng. Trong văn hóa La Mã thần có tên là Sylvanus và Faunus.^(*) Thần phát minh ra sáo cho người chăn cừu, thần thổi cho các tiên nữ nhảy múa, và các thần dê là bạn bè thần.^(†) Cảm xúc mà thần gây nên trong con người tình cờ phiêu bạt vào lãnh địa của thần là nỗi “hoảng hốt” [*panic*]: một nỗi kinh sợ bất thần, vô cớ. Lúc ấy thì nguyên có nhỏ nhặt nào - cành cây gãy rắc, tiếng lá lao xao - cũng sẽ khiến đầu óc người ta ngập tràn những hiểm nguy tưởng tượng, và khi cuống cuồng cố chạy thoát vô thức trở dậy của chính mình, nạn nhân sẽ chết trong cuộc chạy trốn kinh hoàng. Nhưng Pan lại rất hiền từ với những ai lễ bái mình, ban cho ân huệ là sự trong lành tuyệt trần của thiên nhiên: phần thưởng cho nông dân, mục đồng, ngư dân nào dâng thành phẩm đầu tiên cho thần, và sức khỏe cho tất cả những ai đến các đền thờ chữa bệnh của thần đúng cách. Cả trí khôn, trí khôn của Omphalos, Rốn Thế Giới, cũng thuộc quyền thần ban phát; vì băng qua ngưỡng là bước đầu tiên vào vùng thiêng nơi có nguồn vũ trụ. Trên núi Lykaion có một đền thờ nơi tiên nữ Erato ban lời sấm cho người hành hương, nàng được quyền năng của Pan mách bảo, như Apollo mách bảo nữ tiên tri thành Delphi. Plutarchus kể luôn những con xuất thần trong các lễ truy hoan của thần Pan bên cạnh con xuất thần trong những đoàn nhảy múa thờ nữ thần mẹ Kybele của người Hy Lạp, con say men của Dionysos, con say thơ mà các Nàng Thơ truyền cảm hứng, con cuồng chiến trận của thần Ares (= thần chiến tranh Mars), và dữ dội hơn hết là con si tình, như những ví dụ về cái

*. Trong thời Alexandria thần Pan được đánh đồng với thần Min dương vật lớn của Ai Cập, thần này, ngoài những thứ khác ra, còn canh giữ những con đường trong sa mạc.

†. So sánh với Dionysos, vị thần được tôn sùng của người Thracia, tương đương với thần Pan của người Arcadia.

“thần nhập” [*enthusiasm*] siêu phàm lật đổ lý trí và giải phóng các lực lượng bóng tối sáng tạo-hủy diệt.

“Tôi mơ thấy,” một quý ông trung niên đã kết hôn phát biểu, “mình muốn vào một khu vườn kỳ diệu. Nhưng trước cổng có một người canh gác không chịu cho tôi vào. Tôi thấy bạn mình, cô Elsa, ở bên trong; cô muốn chìa tay cho tôi, qua cổng. Nhưng người canh gác ngăn lại, nắm tay tôi, giải tôi về nhà. ‘Dù gì thì cũng xin hãy biết điều cho!’ hấn nói. ‘Ông biết là ông không được làm vậy mà.’”^{(39)(*)}

Đây là một giấc mơ làm nổi bật ý nghĩa của khía cạnh đầu tiên, khía cạnh che chở, của người canh giữ ngưỡng cửa. Tốt nhất là ta không nên chống lại người canh gác những biên cương đã thiết lập. Vậy nhưng - chỉ bằng cách tiến lên vượt qua những biên cương này, chống lại khía cạnh thứ hai, khía cạnh hủy diệt của quyền lực đó thì cá nhân mới bước được vào vùng kinh nghiệm mới, dù còn sống hay đã chết. Trong ngôn ngữ của người lùn ở quần đảo Andaman có từ *oko-jumu* (“người nằm mơ”, “người nói mơ trong mơ”) để chỉ những cá nhân rất được nể sợ, khác biệt với đồng loại nhờ sở hữu các khả năng siêu nhiên chỉ đạt được bằng cách gặp gỡ các linh hồn - hoặc gặp trực tiếp trong rừng rậm, hoặc qua giấc mơ khác thường, hoặc bằng cách chết đi rồi quay về.⁽⁴⁰⁾ Cuộc phiêu lưu ở đâu cũng luôn là đi qua tấm mạng ngăn thế giới đã biết vào chốn chưa biết; các quyền năng canh gác ở ranh giới đều nguy hiểm; đối đầu với họ là chuyện mạo hiểm; vậy nhưng đối với những ai có năng lực và can đảm thì những hiểm nguy sẽ tan biến đi.

Trên nhóm đảo Banks ở quần đảo New Hebrides [nay là

*. Theo Wilhelm Stekel, người gác cổng tượng trưng cho “ý thức, hay nếu thích, có thể gọi là tổng hợp của mọi đạo lý và kiểm tỏa có mặt trong ý thức. Freud,” bác sĩ Stekel viết tiếp, “sẽ mô tả người gác cổng là ‘siêu ngã’ (*superego*). Nhưng thực ra anh ta chỉ là một ‘*interego*’ [có thể tạm hiểu là “ngã trung gian” - BT]. Ý thức ngăn các mong ước nguy hiểm và hành động vô luân vượt ra ngoài. Những người gác cổng, sĩ quan và cảnh sát trong mơ thường được diễn dịch theo nghĩa này.” (Wilhelm Stekel, *Các tiến bộ và kỹ thuật trong giải mã giấc mơ* [Wien-Leipzig-Bern: Verlag für Medizin, Weidmann und Cie., 1935], tr. 37-38).

Cộng hòa Vanuatu - BT], nếu một thanh niên đi câu cá trên mỏm đá quay về, lúc hoàng hôn, tình cờ thấy

một cô gái cài hoa trên tóc ra hiệu cho anh ta từ triển vách đá anh ta đang đi lên; anh ta nhận ra nét mặt một cô gái nào đó ở làng mình hay làng bên; anh ta đứng lại ngập ngừng và nghĩ chắc cô là một *mae*^(*); anh ta nhìn kỹ hơn thì thấy rằng cùi chỏ và đầu gối cô gập ngược; điều này cho thấy chân tướng của cô ta, thế là anh ta bỏ chạy. Nếu thanh niên nào biết dùng lá cây huyết dụ đánh kẻ rù quén thì cô ta sẽ hiện nguyên hình là rắn và trườn đi.

Nhưng chính những con rắn *mae* mà mọi người rất sợ này lại sẽ trở thành hầu cận cho những ai ăn nằm với chúng, theo tín ngưỡng.⁽⁴¹⁾ Những giống quỷ thần như vậy - vừa là mối nguy hiểm vừa là kẻ ban phép thuật - mọi người hùng đã bước một bước ra khỏi vòng bảo bọc của truyền thống mình đều phải chạm trán.

Hai câu chuyện Đông phương sống động sẽ giúp minh họa những điểm mập mờ trong cuộc chuyển đổi khó hiểu này và cho thấy, dù những kinh hoàng sẽ lùi bước trước ai đã thật sự sẵn sàng về tâm lý, thì kẻ phiêu lưu quá táo bạo vượt ra ngoài phạm vi khả năng của mình có thể sẽ vong mạng nhục nhã.

Câu chuyện thứ nhất kể về một người trưởng đoàn vận tải từ Benares [nay viết là Varanasi - BT], anh ta bạo gan dẫn một đoàn năm trăm xe chở đầy đồ quý giá vào vùng hoang vu yêu ma không có nước. Đã được báo trước về những hiểm nguy, anh ta cẩn thận trữ sẵn những vò to đầy nước trên xe, như vậy theo ước tính hợp lý thì việc đi qua không quá sáu mươi dặm hoang vu sẽ cực kỳ suôn sẻ. Nhưng khi anh ta đi được nửa đường, dạ xoa ngụ trong hoang mạc nghĩ, "Ta sẽ khiến cho đám người này đổ đi nước chúng mang theo." Vậy là hấn hóa phép ra một

*. Một loài rắn biển lưỡng cư có những sọc màu tối sáng, luôn gây ra nỗi kinh sợ ít nhiều ở vùng nào có chúng.

chiếc xe đẹp đẽ, kéo xe là những con bò non tơ trắng ngần, bánh xe lấm bùn, rồi đi ngược lại trên đường về phía họ. Đi đằng trước mặt và đằng sau hần là đoàn tùy tùng quý, đầu tóc ướt, áo quần ướt, điểm trang tràng hoa súng xanh súng trắng, tay cầm từng bó hoa sen hồng sen trắng, miệng nhai ngó súng có xơ, chảy ròng ròng những nước và bùn. Thế rồi khi đoàn xe và đám quý nhường đường cho nhau đi qua, dạ xoa chào hỏi người trưởng đoàn bằng giọng thân tình. “Các vị đi đâu?” hần lễ phép hỏi. Trưởng đoàn xe đáp: “Thưa ngài, chúng tôi từ Benares đến. Nhưng các ngài đi lại mà điểm trang hoa súng xanh súng trắng, sen hồng sen trắng cầm tay, nhai ngó súng có xơ, lấm lem bùn, nước nhỏ ròng ròng. Có phải đang mưa dọc đường các ngài đi qua không? Và các hồ phủ kín hoa súng xanh súng trắng, sen hồng sen trắng?”

Dạ xoa: “Anh có thấy vạt rừng xanh thẫm kia không? Quá chỗ đó cả khu rừng là một vùng nước; trời mưa suốt; các hồ trứng đầy nước; đâu đâu cũng có hồ phủ kín sen hồng sen trắng.” Thế rồi, khi đoàn xe lần lượt đi qua, hần hỏi: “Các vị có hàng hóa gì trong xe này - xe kia nữa? Xe sau cùng đi ị ạch quá; các vị chở hàng hóa gì trong đấy?” “Chúng tôi chở nước trong ấy,” người trưởng đoàn trả lời. “Tất nhiên các vị đã hành động khôn ngoan, khi mang nước đến tận đây; nhưng quá chỗ này thì các vị không có lý gì phải làm mình nhọc công nữa. Hãy đập vỡ mấy vò đi, đổ hết nước đi, rồi đi cho thông dong.” Dạ xoa bỏ đi, và khi khuất tầm mắt, hần quay lại thành đô dạ xoa của mình.

Lúc này người trưởng đoàn xe, vì ngu ngốc, đã nghe lời khuyên của dạ xoa, đập đổ mấy vò nước và cho đoàn xe tiến tới. Phía trước không thấy dù chỉ một giọt nước. Vì thiếu nước uống, đám người trở nên mệt mỏi. Họ đi đến khi mặt trời lặn, rồi tháo bò khỏi xe, xếp xe thành một vòng tròn rất khít, cột lũ bò vào bánh xe. Không có nước cho bò, cũng không có cơm cháo cho người. Đám người yếu lả nằm la liệt và ngủ thiếp đi. Lúc nửa đêm lũ dạ xoa từ thành phố dạ xoa tiến đến, giết bò và người, từng kẻ một, gấu nghiền hết thịt, chỉ chừa lại xương trội lồi,

và xong xuôi, bỏ đi. Xương bàn tay và mọi thứ xương khác nằm la liệt bốn phương tám hướng; năm trăm xe bò chất đầy đồ còn đứng chổng chơ.⁽⁴²⁾

Câu chuyện thứ hai thuộc kiểu khác. Nó kể về một hoàng tử trẻ vừa học xong võ nghệ với người thầy lưng danh thế giới. Sau khi nhận danh hiệu Hoàng tử Năm Vũ Khí, tượng trưng cho tài nghệ xuất sắc của chàng, chàng nhận năm món vũ khí thầy trao, cúi lạy, rồi cầm vũ khí mới lên đường đến thành đô của vua cha. Dọc đường chàng đến một khu rừng nọ. Dân chúng ngoài bìa rừng cảnh báo chàng. “Thưa hoàng tử, đừng vào rừng này,” họ nói; “có một con dạ xoa sống ở đây, tên là Long Dính; nó giết sạch những ai nó gặp.”

Nhưng hoàng tử tự tin và can đảm như một con sư tử đực. Chàng cứ tiến vào rừng. Khi chàng vào tới giữa rừng, con dạ xoa xuất hiện. Dạ xoa đã vươn mình lên cao lớn bằng cây cọ; hần hóa phép cho mình cái đầu to như cung điện mùa hè có mái hình chuông, mắt to như bình bát, hai răng nanh to như bầu hay nụ hoa khổng lồ; hần có cái mỏ điều hâu; bụng đầy nhọt; bàn tay bàn chân màu xanh lè. “Mi đi đâu đấy?” hần hỏi. “Dừng lại! Mi là con mồi của ta!”

Hoàng tử Năm Vũ Khí đáp lời không sợ hãi, vô cùng tự tin ở võ nghệ mình học được. “Dạ xoa,” chàng nói, “ta biết ta muốn làm gì khi ta vào rừng này. Mi hãy chùn tay mà đừng tấn công ta; vì ta sẽ găm vào da thịt mi một mũi tên tẩm độc khiến mi gục ngay tại chỗ!”

Hăm he dạ xoa vậy rồi, hoàng tử trẻ tra vào cung một mũi tên tẩm độc chết người và bắn đi. Mũi tên dính ngay vào lông dạ xoa. Rồi chàng bắn, hết mũi này đến mũi khác, năm chục mũi tên, thấy đều dính cứng vào lông dạ xoa. Dạ xoa gỡ từng mũi tên, thả xuống chân, rồi tiến lại hoàng tử trẻ.

Hoàng tử Năm Vũ Khí hăm dọa con dạ xoa lần nữa, rút guom ra, vung một nhát tài nghệ. Lưỡi guom dài ba mươi hai đốt dính ngay vào lông dạ xoa. Đoạn hoàng tử đâm ngọn giáo vào hần. Giáo cũng dính ngay vào lông hần. Thấy mũi giáo bị dính

chặt rồi, chàng vung cho hấn một chùy. Chùy cũng dính ngay vào lông hấn.

Khi thấy chùy cũng dính cứng, chàng nói: “Này dạ xoa, mi chưa từng nghe danh ta. Ta là hoàng tử Năm Vũ Khí. Khi ta vào khu rừng bị mi quấy nhiễu, ta không ý vào kiếm cung; khi ta vào rừng này, ta chỉ dựa vào chính ta. Giờ ta sẽ đánh và nện mi nát như tương!” Hạ quyết tâm vậy rồi, hét lên một tiếng, chàng vung tay phải lên đánh dạ xoa. Tay phải chàng dính ngay vào lông dạ xoa. Chàng đánh bằng tay trái. Tay trái cũng dính chặt. Chàng đá bằng chân phải. Chân phải cũng dính chặt. Chàng đá bằng chân trái. Chân trái cũng dính cứng. Chàng nghĩ: “Ta sẽ đánh mi bằng đầu và nghiền mi nát như tương!” Chàng húc đầu vào hấn. Đầu chàng cũng dính chặt vào lông dạ xoa.*

Bị bấy năm lần, dính chặt vào năm chỗ, hoàng tử Năm Vũ Khí lúng lẳng trên người dạ xoa. Nhưng mặc cho tất cả, chàng vẫn không sợ sệt, không nản lòng. Còn dạ xoa, hấn nghĩ: “Đây là một con sư tử giữa loài người, một người thuộc dòng dõi quý phái - chẳng phải hạng tầm thường! Bởi mặc dù hấn bị dạ xoa như mình bắt, hấn cũng không tỏ ra e sợ cũng chẳng run rẩy! Bấy lâu nay trấn đường này, mình chưa từng thấy kẻ nào bì kịp hấn! Ô, hấn không biết sợ vì sao?” Không dám ăn thịt chàng, hấn hỏi: “Chàng trai, sao mi không sợ? Sao mi không sợ chết đến kinh hồn bạt vía?”

“Dạ xoa, sao ta phải sợ? Vì trong mỗi kiếp phải chết một lần là lẽ tất nhiên. Vả chăng, trong bụng ta có lưỡi sét làm khí giới (vũ khí kim cương). Nếu mi ăn thịt ta, mi sẽ không tiêu hóa được khí giới đó. Nó sẽ xé nát ruột gan mi thành trăm ngàn mảnh và mi sẽ chết. Khi đấy cả hai ta đều sẽ chết. Vì vậy mà ta không sợ!”

*. Người ta đã chỉ ra rằng cuộc phiêu lưu của hoàng tử Năm Vũ Khí là ví dụ xưa nhất ta biết về câu chuyện nổi danh và hầu như phổ quát trong truyện dân gian, về đứa bé nhựa thông. (Xem “Ghi chú về nguồn gốc và lịch sử câu chuyện Đứa bé nhựa thông” của Aurelio M. Espinosa, *Tạp chí folklore Hoa Kỳ*, 43 [1930]: 129-209; “Một phép phân loại mới các yếu tố nền tảng trong câu chuyện Đứa bé nhựa thông dựa trên hai trăm sáu mươi bảy dị bản”, *Tạp chí folklore Hoa Kỳ*, 56 [1943]: 31-37; và “Ghi chú về motif ‘dính chặt’”, Ananda K. Coomaraswamy, *Tạp chí folklore Hoa Kỳ*, 57 [1944]: 128-131.)



HÌNH 17. Baal cầm ngọn giáo sét (bia đá vôi, Assyria, thế kỷ 15-13 TCN)

Hoàng tử Năm Vũ Khí, bạn đọc nên biết, muốn nói đến Vũ khí Trí tuệ trong chàng. Quả thật, người hùng trẻ tuổi này không phải ai khác ngoài Phật Sắp Thành, trong một tiền kiếp.

Lưỡi sét (*vajra*, kim cang chùy) là một trong những biểu tượng quan trọng trong tranh tượng Phật giáo, biểu thị thần lực của Phật quả (giác ngộ không thể hủy hoại) đập tan những thực tại huyền ảo của thế gian. Bản Sơ Phật, hay Ádi Buddha, được trình bày trong các tranh tượng Tây Tạng trong hình tượng *Vajra-Dhara* (tiếng Tây Tạng: *Dorje-Chang*), “Người cầm kim cang chùy”.

Trong các hình tượng thần linh từ Lưỡng Hà cổ đại (Sumer và Akkad, Babylon và Assyria) truyền lại thì lưỡi sét, cũng cùng dạng thức như *vajra*, là một chi tiết nổi bật (xem hình 62); Zeus kế thừa những hình tượng này.

Chúng ta còn biết rằng trong các giống dân nguyên thủy, các chiến binh có thể gọi vũ khí của mình là lưỡi sét. *Sicut in coelo et in terra* [dưới đất cũng như trên trời - BT]: chiến binh đã thụ giáo là tác nhân của thiên ý; anh ta không chỉ được đào luyện các kỹ năng thể chất mà còn cả tinh thần. Phép thuật (năng lực siêu nhiên của lưỡi sét), cũng như thể lực và độc dược, cho đòn đánh của anh ta sức hủy diệt. Một cao thủ toàn thành không cần đến khí giới vật chất nào; sức mạnh thần chú của anh ta đã là đủ.

Truyện ngụ ngôn về hoàng tử Năm Vũ Khí minh họa cho chủ đề này. Nhưng nó còn dạy rằng kẻ chỉ ý vào hay lấy làm kiêu hãnh về tài năng thể chất và kinh nghiệm của mình thì đã sớm tiêu vong. “Ở đây ta có hình ảnh một người hùng,” tiến sĩ Coomaraswamy viết, “có thể bị cuốn vào những ràng buộc của kinh nghiệm thẩm mỹ [“năm điểm” được hiểu là năm giác quan], nhưng nhờ sự siêu việt đạo đức nội tại mà đủ khả năng tự giải thoát mình, và thậm chí còn giải thoát cho kẻ khác.”⁽⁴³⁾

“Điều chàng trai này nói là thật,” dạ xoa sợ chết nghĩ. “Thân xác của con sư tử giữa loài người này, bụng ta sẽ không tiêu hóa nổi dù chỉ một mảnh thịt nhỏ bằng hạt đậu. Ta sẽ tha cho hấn!” Và thế là hấn thả hoàng tử Năm Vũ Khí ra. Phật Sắp Thành giảng pháp cho hấn, hàng phục hấn, khiến hấn xả bỏ ngã chấp, rồi biến hấn thành một thần linh được phép nhận cúng dường trong rừng. Sau khi nhắc nhở dạ xoa biết phải phép, chàng trai rời khu rừng, và tới bìa rừng kể lại câu chuyện cho con người nghe; rồi bỏ đi.⁽⁴⁴⁾

Như biểu tượng cho thế giới mà chúng ta bị dính vào qua

năm giác quan và cũng không thể dẹp đi bằng hành động của các cơ quan thể xác, Long Dính chỉ bị nhiếp phục khi Phật Sắp Thành, không còn được năm khí giới làm nên danh mình và tài năng thể chất tạm bợ che chở, dùng đến vũ khí thứ sáu vô hình, chưa được định danh: lưới sét thiêng là tri kiến về pháp siêu thế, vượt lên trên cõi danh sắc của các hiện tượng. Nhờ đó tình thế đã thay đổi. Ngài không còn bị bắt, mà được giải thoát; vì bản chất của ngài mà giờ đây ngài nhớ lại là tự tại mãi mãi. Sức mạnh của con quái vật hiện tượng tính bị đập tan, và hắn được hóa cái để buông bỏ ngã. Khi biết từ bỏ ngã, hắn trở nên thiêng liêng - một thần linh được phép nhận đồ cúng dường - cũng như thế giới khi được nhận ra không phải là tối hậu mà chỉ là danh sắc của một điều vượt lên trên - nhưng vẫn cố hữu bên trong - mọi danh sắc.

“Tuồng Thiên Đường” che khuất Chúa Trời trước mắt phàm được nhà triết học, thần học Đức thế kỷ 15 Nikolaus von Kues mô tả là gồm “sự trùng hợp những mặt đối lập”, cánh cổng thiên đường được canh gác bởi “vị thần lý tính cao nhất, ngài chặn đường cho đến khi bị chinh phục”.⁽⁴⁵⁾ Các cặp đối lập (tồn tại và không tồn tại, sự sống và cái chết, đẹp xấu, thiện ác, cùng mọi cặp phân cực khác trói buộc các quan năng vào hy vọng và sợ hãi, và nối các cơ quan hành động với những hành động tự vệ và chiếm hữu) là hai tảng đá va nhau (Symplegade) nghiền nát lữ khách, nhưng người hùng luôn đi qua được. Đây là một motif phổ biến khắp thế giới. Người Hy Lạp gán nó cho hai đảo đá ở Biển Đen, va vào nhau do gió thổi; nhưng Jason trên thuyền *Argo* đã đi qua giữa, và kể từ đó chúng đứng tách rời nhau.⁽⁴⁶⁾ Hai người hùng sinh đôi trong truyền thuyết Navaho đã được Bà Nhện cảnh báo về một chướng ngại giống như vậy; tuy nhiên được phấn hoa biểu tượng của đường đi và lông đại bàng ngắt từ con chim mặt trời còn sống che chở, họ đi qua được.⁽⁴⁷⁾

Như khói đồ cúng bốc lên qua cửa mặt trời, người hùng, đã thoát khỏi bản ngã, cũng đi qua những vách tường thế giới - bỏ lại bản ngã dính cứng vào Long Dính và đi tiếp.

5. BỤNG CÁ VOI

Quan niệm băng qua ngưỡng cửa kỳ diệu tức là đi vào một địa hạt tái sinh được tượng trưng trên khắp thế giới bằng hình ảnh dạ con là bụng cá voi. Người hùng, thay vì chinh phục hay xoa dịu quyền năng bên ngưỡng cửa, bị nuốt vào cõi không biết, và sẽ có vẻ như đã chết rồi.

*Mishe-Nahma, vua loài cá,
Trong con thịnh nộ đã vọt lên,
Quấy sáng lò trong ánh mặt trời,
Há to hàm ra nuốt chửng
Cả chiếc xuống lặn Hiawatha.⁽⁴⁸⁾*

Người Eskimo ở eo biển Bering kể về người hùng chơi khăm Quạ, một hôm ngồi hong áo trên bãi biển thấy một con cá voi cái bơi gần bờ đến mức nguy hiểm. Anh ta gọi: “Lần sau trời lên hít không khí, bạn ơi, nhớ há miệng và nhắm mắt lại nghe.” Rồi anh ta nhanh chóng mặc quần áo quạ vào, trùm mặt nạ quạ, cắp mớ que đánh lửa dưới nách, bay ra trên mặt nước. Cá voi trồi lên. Nó làm theo lời. Quạ phóng thẳng qua đôi hàm mở vào cổ họng cá. Cá voi cái hoảng hồn ngậm miệng lại; Quạ đã đứng trong bụng và nhìn quanh.⁽⁴⁹⁾

Người Zulu có câu chuyện về hai đứa trẻ và người mẹ bị voi nuốt. Khi người mẹ vào tới bụng con thú, “bà thấy những khu rừng lớn và sông dài, nhiều vùng đất cao; ở một bên có nhiều núi đá; có nhiều người xây làng ở đó; có nhiều chó và nhiều gia súc; tất cả đều trong bụng voi.”⁽⁵⁰⁾

Người hùng Finn MacCool của Ireland bị quái vật nuốt, thứ quái vật không có hình dạng xác định mà thế giới Celt gọi là *peist*.^(*) Cô Bé Quàng Khăn Đỏ của Đức bị con sói nuốt. Nhân vật Maui ưa thích của Đa Đảo bị bà cố tổ là Hine-nui-te-po nuốt. Và

*, Như con thường luồng. (ND)

toàn bộ các thần Hy Lạp, chỉ trừ Zeus, đều bị cha họ là Kronos nuốt.

Người hùng Hy Lạp Herakles, dừng chân ở Troia trên đường về quê nhà mang theo dây thắt lưng của thủ lĩnh dân Amazon, thấy kinh thành đang bị một con quái vật do hải vương Poseidon phái đến quấy phá. Con quái vật thường lên bờ ăn thịt dân lành đang đi lại trên đồng bằng. Nàng Hesione xinh đẹp, con gái của nhà vua, vừa bị vua cha trói bên bờ đá làm vật hiến tế tạ tội, thế là vị anh hùng vĩ đại đang ghé thăm bằng lòng giải cứu nàng với một cái giá. Con quái vật chẳng mấy chốc nổi lên mặt nước và há cái hàm khổng lồ ra. Herakles nhảy vào cổ họng nó, rồi rạch bụng thoát ra ngoài, bỏ lại con quái vật đó cho chết.



HÌNH 18. *Saturn nuốt con mình*

(son dầu trên vữa, được đưa qua vải bố, Tây Ban Nha, 1819)

Motif phổ biến này nhấn mạnh bài học rằng việc đi qua ngưỡng cửa là một hình thức tự hủy diệt. Rõ ràng là nó tương tự với cuộc phiêu lưu qua hai tầng Đá Va. Nhưng ở đây, thay vì đi ra ngoài, vượt qua những biên cương của thế giới thấy được, người hùng đi vào trong, để sinh ra lần nữa. Sự biến mất này tương ứng với việc tín đồ bước vào đền - ở đó anh ta được hồi sinh nhờ nhớ lại mình là ai và cái gì: ấy là tro bụi nếu không trở nên bất tử. Nội điện, bụng cá voi, và thiên giới bên kia, bên trên, bên dưới những ranh giới thế gian, thì cũng là một. Vì lẽ đó mà hai bên lối vào và cửa đền đều được hai tượng quái dạng khổng lồ canh giữ: rồng, sư tử, thần diệt trừ yêu ma xách guơm tuốt trần, người lùn hần học, trâu có cánh. Đây là những người canh giữ ngưỡng cửa để chặn đường mọi kẻ không đủ sức chạm mặt cái im lặng cao quý bên trong. Chúng là hiện thân sơ kỳ cho khía cạnh nguy hiểm của thần lực bên trong, tương ứng với các yêu tinh thần thoại vạch ranh cho thế giới trần tục, hay với hai hàm răng cá voi. Chúng soi sáng sự thực là vào khoảnh khắc bước vào đền, tín đồ trải qua một cuộc biến thể. Nhân thân trần tục của anh ta ở lại bên ngoài; anh ta trút bỏ nó như rần lột da. Khi vào bên trong rồi thì ta có thể nói anh ta đã chết trong thời gian và về lại Dạ Con Thế Giới, Rốn Thế Giới, Thiên Đường Hạ Giới. Và dù cho ai cũng có thể bằng thân xác bước qua các môn thần, thì điều đó cũng không làm mất đi tầm quan trọng của các vị này; bởi nếu kẻ xâm nhập không đủ sức lĩnh hội nơi thiêng liêng, thì về thực tế anh ta vẫn còn ở bên ngoài. Kẻ nào không đủ sức hiểu một vị thần thì sẽ thấy thần là quỷ và do vậy bị ngăn không cho đến gần. Vậy thì, một cách phúng dụ, việc đi vào đền và cú nhảy của người hùng vào hàm cá voi là những chuyến phiêu lưu giống hệt nhau, cả hai đều bằng ngôn ngữ hình tượng biểu thị hành động lấy sự sống làm trung tâm, hồi sinh sự sống.

“Không một Tạo vật nào,” Ananda Coomaraswamy viết, “có thể lên đến tầm bản tính cao hơn nếu chưa ngưng tồn tại.”⁽⁵¹⁾ Quả thật, thể xác của người hùng có thể bị giết chết, băm vằm, bị vất rải trên đất liền hay ngoài biển khơi - như trong thần thoại



HÌNH 19. Môn thần canh gác ngưỡng cửa, cầm chùy sét
(tượng gỗ sơn, Nhật Bản, 1203)

Ai Cập về đấng cứu thế Osiris: ông bị em trai Set cho vào quách rồi thả trôi sông Nile,^(*) và khi ông từ cõi chết trở về em trai lại giết ông lần nữa, xé xác ra thành mười bốn mảnh, đem rải trên đất liền. Anh em sinh đôi người hùng của dân Navaho không chỉ phải đi qua những tảng đá va nhau, mà còn lau sậy của cắt lữ khách ra từng mảnh, cát bỏng nhấn chìm anh ta. Người hùng đã diệt được sự chấp ngã sẽ qua về các đường chân trời thế giới, vào ra miệng rồng, cũng ung dung như ông vua đi khắp các gian trong cung điện của mình. Và quyền năng cứu độ của anh ta chính là ở đây; vì việc anh ta đi qua và trở về biểu thị rằng qua mọi đối nghịch của hiện tượng tính thì cái Bất sinh-Bất diệt vẫn còn, nên không có gì phải sợ.

Vì thế cho nên, trên khắp thế giới, những người có sứ mệnh làm cho cõi trần thấy được cái bí ẩn diệt rỗng có sức mạnh làm khai hoa nở nhụy đời sống đã thực hiện hành vi biểu tượng vĩ đại ấy trên chính thân xác mình, ném rải xác thịt mình, như thân xác Osiris, để làm mới lại thế giới. Ở Phrygia chẳng hạn, để tôn vinh đấng cứu thế Attis bị đóng đinh và đã phục sinh, người ta chặt một cây thông vào ngày hai mươi hai tháng Ba, đem đến đền thờ nữ thần mẹ Kybele. Ở đây họ quấn cây thông như xác ướp bằng từng dải len và trang hoàng những vòng hoa violet. Người ta cột một hình nộm chàng trai vào giữa thân cây. Ngày hôm sau diễn ra việc khóc than và thổi kèn theo nghi lễ. Ngày hai mươi bốn tháng Ba gọi là Ngày Máu: thầy tư tế trích máu trên cánh tay mình, rồi dâng lên làm lễ vật; các tu sĩ cấp thấp hơn quay tít trong vũ điệu xoay tròn, theo tiếng trống, tù và, sáo, chũm chọe, cho đến khi, ngây ngất xuất thần, họ dùng dao cửa thân mình để rảy máu lên bàn thờ và cây; những người mới tu hành, mô phỏng vị thần mà họ đang làm lễ mừng cái chết và sự phục sinh, tự hoạn mình rồi lăn ra bất tỉnh.⁽⁵²⁾

*. Quách hay hòm là một hình ảnh khác thay cho bụng cá voi. So sánh với Moses bị bỏ trong đám sậy.

Attis đã thực hiện sự hy sinh mà vua Minos khước từ khi giữ lại con bò đực không dâng cho Poseidon. Như Frazer cho thấy, nghi thức giết vua là một truyền thống chung trong thế giới cổ đại. "Ở Nam Ấn," ông viết, "triều đại và mạng sống của nhà vua chấm dứt khi sao Mộc đi trọn một vòng quay quanh Mặt trời. Ở Hy Lạp, trái lại, số phận của nhà vua dường như được đưa ra cân nhắc cứ tám năm một lần... Chúng ta có thể đoán mà không sợ mình đang kết luận hấp tấp, rằng việc người Athenai phải cống nạp bảy thiếu niên và bảy trinh nữ cho Minos tám năm một lần có liên hệ nào đó với sự tái tục quyền lực của nhà vua thêm một chu kỳ tám năm nữa."⁽⁵³⁾ Con bò đực vua Minos phải hiến tế ngụ ý rằng ông sẽ hy sinh chính mình, theo đúng truyền thống đã kế thừa, khi hết hạn kỳ tám năm. Nhưng dường như ông lại dâng các thiếu niên và thiếu nữ Athenai thế vào. Có lẽ đó là lý do Minos thần thánh trở thành Minotauros quái vật, vị vua tự diệt thành bạo chúa Chấp Thủ, và nhà nước có giới thầy tu cai quản, trong đó mỗi người thực hiện đúng vai trò của mình, thành để chế thương mại, trong đó mạnh ai nấy lo. Các tập tục thể thân như vậy dường như đã phổ biến khắp thế giới cổ đại vào khoảng kết thúc giai đoạn hoàng kim của các nhà nước thầy tu thời đầu, trong thiên niên kỷ ba và hai TCN.



HÌNH 20. *Jason quay về*
(vò hình đỏ, văn minh Etrusca, Ý, khoảng 470 TCN)

Và cũng trên tinh thần ấy, nhà vua của vùng Quilacare phía Nam Ấn Độ, khi hết hạn mười hai năm trị vì, vào một ngày lễ trọng sẽ cho dựng một giàn gỗ, giăng rèm lụa lên. Khi ông tắm trong bể theo nghi thức rồi, với những nghi tiết long trọng và theo tiếng nhạc, ông đi đến đền thờ, lễ bái trước thần linh. Sau đó, ông lên giàn và, trước thần dân, lấy ra vài con dao nhọn hoắt và bắt đầu xẻo mũi, rồi đến hai tai, hai môi, và cả tay chân, khắp cả thân mình chỗ nào ông còn xẻo được. Ông ném thịt da tứ tung, cho đến khi máu trào ra nhiều đến mức ông thấy choáng ngất, lúc ấy ông sẽ cửa phất cổ mình.⁽⁵⁴⁾



HÌNH 21. Thánh Anton chịu cám dỗ
(tranh khắc bản đồng, Đức, khoảng 1470)

CHƯƠNG II

Thụ giáo

1. CON ĐƯỜNG THỬ THÁCH

Bằng qua ngưỡng rồi, người hùng sẽ tiến vào một cảnh mộng có những hình thể mập mờ, biến ảo kỳ lạ, ở đây anh ta phải qua khỏi một loạt thử thách. Đây là giai đoạn được ưa thích trong chuyến phiêu lưu thần thoại. Nó đã tạo ra cả một nền văn chương thế giới về những thử thách và gian truân kỳ diệu. Người hùng được ngầm giúp bằng lời khuyên bảo, bùa chú và các phái viên bí mật của người phù trợ siêu nhiên mà anh ta đã gặp trước khi vào vùng này. Cũng có thể đến đây, lần đầu tiên anh ta khám phá ra rằng có một quyền năng cứu độ khắp nơi tiếp ứng mình trong hành trình siêu phàm ấy.

Một trong những ví dụ nổi tiếng nhất và quyền rũ nhất về motif “nhiệm vụ khó khăn” là chuyện nàng Psyche đi tìm người yêu mà nàng đã để mất, thần Cupid.⁽¹⁾ Ở đây mọi vai chính đều đảo ngược: thay vì tình lang cố giành được tình nương thì chính tình nương cố giành được tình lang; và thay vì người cha tàn nhẫn giữ con gái lại không trao cho tình lang thì là bà mẹ ganh ghét Venus giấu con trai Cupid khỏi tình nương của chàng. Khi Psyche van xin Venus, nữ thần hung dữ túm tóc nàng đập đầu xuống đất, rồi lấy một lượng lớn lúa mì, lúa mạch, kê, hạt thuốc phiện, đậu Hòa Lan, đậu lăng, đậu cô ve trộn lẫn thành một đồng, và ra lệnh cho cô gái phải nhặt xong trước buổi đêm. Psyche được một đàn kiến giúp. Tiếp đó Venus sai nàng lấy lông vàng của một đàn cừu hoang nguy hiểm nọ, có sừng nhọn và răng cắn có độc, ngụ dưới một thung lũng không cách nào tới được trong khu rừng hiểm trở.

Nhưng một cây sậy xanh đã chỉ cho nàng cách gỡ từ lau sậy xung quanh từng lọn lông vàng mà đàn cừu để mắc lại khi đi ngang. Nữ thần bèn đòi một lọ nước lấy từ nguồn suối đóng băng trên núi đá cao sừng sững có những con rồng không ngủ ngáng đường. Một con đại bàng tới gặp nàng, giúp nàng hoàn thành nhiệm vụ phi thường. Cuối cùng, Psyche được lệnh đem từ đáy sâu địa ngục về một hộp đầy sắc đẹp siêu nhiên. Nhưng một ngọn tháp cao chỉ cho nàng cách xuống thế giới dưới đất, cho nàng tiễn xu để đưa cho Charon và bánh cho Kerberos, rồi giục nàng đi.

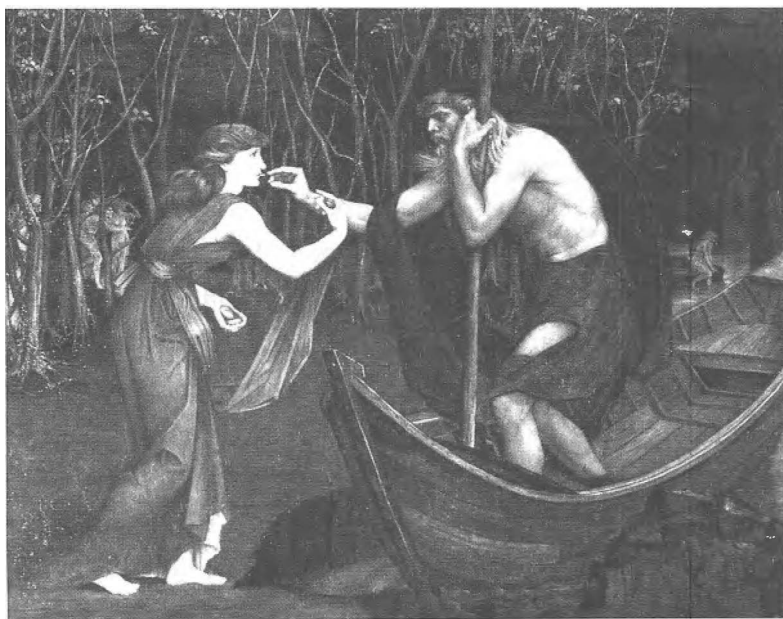
Hành trình Psyche xuống âm ty chỉ là một trong vô số cuộc phiêu lưu tương tự của các người hùng trong truyện cổ tích và thần thoại. Trong số những cuộc phiêu lưu gieo neo nhất có chuyến phiêu lưu của pháp sư thuộc các giống dân vùng Viễn Bắc (người Lapp, Siberia, Eskimo, và vài bộ tộc thổ dân châu Mỹ), khi họ đi tìm và chiêu về những vong lạc đường hoặc bị bắt cóc của người bệnh. Để lên đường phiêu lưu, pháp sư của dân Siberia sẽ mặc trang phục phép thuật tượng trưng cho con chim hay tuần lộc, nguyên lý bóng tối của chính pháp sư, hình hài của linh hồn ông. Trống của ông là vật cưới của ông - đại bàng, tuần lộc, hay ngựa; người ta nói ông cưới nó để bay hay chạy. Cây gậy ông cầm là một vật trợ lực nữa. Và ông được một đám linh thú vô hình theo hầu.

Một trong những người du hành đầu tiên sống giữa dân Lapp đã để lại một bản mô tả sống động về buổi hành lễ kỳ quái của một trong những sứ giả lạ lùng này xuống cõi âm.⁽²⁾ Vì thế giới bên kia là một nơi đêm trường thăm thẳm, buổi lễ phải diễn ra khi trời sẩm tối. Bạn bè và xóm giềng tụ tập lại trong căn chòi lập lờ, sáng lờ mờ của người bệnh, và chăm chú dõi theo các cử chỉ khoa tay múa chân của pháp sư. Đầu tiên ông sẽ vờ các tinh linh phù trợ; họ tới, vô hình, không ai thấy ngoài ông ta. Theo châu có hai người đàn bà mặc đồ hành lễ nhưng không có thất lung và trùm mũ vải, một người đàn ông không có mũ trùm cũng không thất lung, và một cô gái chưa trưởng thành.

Pháp sư cởi mũ trùm đầu, nói lỏng thất lung và dây giày, lấy

hai tay che mặt rồi bắt đầu xoay vòng đủ kiểu. Bỗng đâu, bằng những cử chỉ rất quyết liệt, ông hô: “Thăng dây cho tuần lộc! Sẵn sàng lên thuyền!” Đoạn ông chop lấy một cây rìu rồi phang vào quanh đầu gối mình và vung về phía ba người nữ. Ông rút mấy súc củi đang cháy trong đám lửa ra bằng hai tay trần. Ông phóng ba vòng quanh từng người nữ rồi cuối cùng sụm xuống, “như người chết rồi”. Suốt lúc đó, không ai được chạm vào ông. Còn giờ khi ông đã nhập định trong con xuất thần, người ta sẽ canh chừng cẩn thận không để dù chỉ một con ruồi đậu lên người ông. Ông đã xuất vía, và ông đang quan sát các ngọn núi thiêng mà thần linh trú ngụ. Mấy người nữ đang châu nhỏ to với nhau, cố đoán xem giờ ông đang ở đâu trong thế giới bên kia.

Cũng có khi các phụ nữ này không xác định được pháp sư ở đâu trong thế giới bên kia, trong trường hợp đó vía ông có thể sẽ không nhập xác lại được. Hay vía phiêu diêu của một pháp sư đối địch có thể giao đấu với ông hoặc dẫn ông đi lạc. Người ta nói đã từng có nhiều pháp sư không về lại được.⁽³⁾



HÌNH 22. *Psyche và Charon* (son dầu trên vải bố, Anh, khoảng 1873)

Nếu họ nhắc đúng tên ngọn núi, pháp sư sẽ cục cựa một bàn tay hay bàn chân. Cuối cùng ông cũng bắt đầu quay về. Bằng giọng yếu và khẽ, ông thốt lên những lời ông nghe được ở cõi âm. Rồi mấy người đàn bà bắt đầu hát. Pháp sư từ từ tỉnh lại, phán cho họ biết cả nguyên nhân gây bệnh lẫn cách lo việc hiến tế. Rồi ông thông báo quãng thời gian cần để người bệnh khỏe lại.

“Trên hành trình nguy nan này,” một người quan sát khác thuật lại,

pháp sư phải chạm trán và chế ngự một số chướng ngại (*pudak*) khác nhau, không phải lúc nào cũng dễ vượt qua. Sau khi lang thang qua những cánh rừng tối và rặng núi hùng vĩ, thỉnh thoảng bắt gặp bộ xương của các pháp sư khác và con thú họ cuời đã chết dọc đường, ông tới một cái hố trên mặt đất. Giờ thì giai đoạn gian truân nhất của cuộc phiêu lưu bắt đầu, khi những tầng sâu âm ty với các hóa hiện lạ thường mở ra trước mắt ông... Xoa dịu những kẻ canh gác cõi âm và đi qua vô vàn nguy hiểm rồi, cuối cùng ông tới chỗ của chính Erlik, Diêm Vương. Hắn ta xông vào ông, găm lên kinh khủng; nhưng nếu pháp sư đủ khéo léo thì ông có thể làm con quỷ nguôi giận bằng những hứa hẹn cúng dường hậu hĩ. Khoảnh khắc đối thoại với Erlik là bước ngoặt trong nghi lễ. Pháp sư đi vào trạng thái xuất thần.⁽⁴⁾

“Trong mỗi bộ tộc nguyên thủy,” bác sĩ Géza Róheim viết, “ta sẽ thấy thầy mo đứng ở trung tâm xã hội, và có thể dễ dàng chứng minh rằng thầy mo này không loạn thần kinh thì cũng bị nhiều tâm hay ít nhất phép thuật của ông ta dựa trên cùng cơ cấu như chứng loạn thần kinh chức năng hay rối loạn tâm thần. Các nhóm người hoạt động theo các lý tưởng nhóm của mình, và những lý tưởng này luôn dựa trên hoàn cảnh ấu thơ.”⁽⁵⁾ “Hoàn cảnh ấu thơ đã biến đổi hay đảo ngược do quá trình trưởng thành, rồi tiếp tục biến đổi vì cần điều chỉnh theo thực tại, nhưng nó vẫn còn đó và cung cấp những ràng buộc vô hình của *libido* mà không có nó thì không nhóm người nào tồn tại được.”⁽⁶⁾ Do vậy thầy mo

chẳng qua chỉ đem phơi bày công khai các hệ thống huyền tượng có tính biểu tượng có mặt trong tâm lý của mọi người trưởng thành trong xã hội đó. “Họ là đầu trò trong trò chơi ấu thơ này và là cột thu lôi thu hút nỗi lo lắng chung. Họ đấu với quỷ để người khác có thể sẵn mồi và nói chung là đấu với thực tại.”⁽⁷⁾

Vì vậy nếu bất kỳ ai - trong bất kỳ xã hội nào - quyết định thực hiện hành trình hiểm nghèo vào bóng tối bằng cách, hoặc cố ý hoặc vô tình, đi xuống những lối nhỏ quanh co trong mê cung tinh thần của mình, anh ta sẽ sớm thấy mình ở trong một vùng đất toàn các nhân vật tượng trưng (kể nào trong đó cũng có thể nuốt chửng anh ta) cũng kỳ diệu chẳng kém thế giới Siberia hoang vu của những *pudak* và núi thiêng. Trong ngôn ngữ của các nhà tu thần bí thì đây là giai đoạn hai trong Đạo, giai đoạn “thanh lọc bản ngã”, khi các giác quan “đã được thanh tẩy và khuất phục”, còn các nguồn năng lượng và mối quan tâm “tập trung vào những thứ siêu việt”⁽⁸⁾; hay trong ngôn ngữ có chiều hướng hiện đại hơn: đây là quá trình tan rã, vượt qua, hay chuyển hóa các hình ảnh ấu thơ trong quá khứ của cá nhân ta. Đêm đêm trong mơ ta vẫn chạm trán những gian nguy, quái vật, thử thách, người phù trợ bí mật và nhân vật chỉ bảo muôn đời; và hình hài của họ phản chiếu lại cho ta không chỉ bức tranh toàn thể về trường hợp hiện tại của ta, mà còn manh mối cho thấy ta phải làm gì để được cứu.

“Tôi đứng trước một cái hang tối om, muốn vào trong,” là giấc mơ của một bệnh nhân lúc mới bắt đầu phân tích tâm lý; “rồi tôi rùng mình nghĩ mình có thể sẽ không tìm được đường về.”⁽⁹⁾ “Tôi thấy hết con dã thú này đến con thú khác,” Emanuel Swedenborg ghi lại trong sổ chép giấc mơ, đêm 19-20 tháng Mười 1744, “chúng xòe cánh ra, và chúng là rồng. Tôi bay bên trên chúng, nhưng một con đang đỡ tôi.”^{(10)(*)} Còn nhà soạn kịch

*. Swedenborg tự nhận xét về giấc mơ của mình như sau: “Rồng thuộc loại này, loại không được phát hiện ra là rồng chừng nào người ta chưa thấy cánh của nó, là biểu tượng về tình yêu giả dối. Tôi vừa mới bắt tay vào viết về chủ đề này” (Jeżower, *Sách về giấc mơ*, tr. 490).

Friedrich Hebbel ghi lại, một thế kỷ sau (13 tháng Tư 1844): “Trong mơ tôi bị lôi qua biển do một lực mạnh kinh khủng; có những vực sâu khủng khiếp, đây đó một tảng đá tôi có thể bám vào.”⁽¹¹⁾ Themistokles mơ thấy một con rắn quấn quanh người ông, rồi trườn lên cổ và khi chạm vào mặt ông thì nó biến thành một con đại bàng quắp lấy ông và mang ông lên cao, đưa ông đi một quãng xa, rồi bỏ ông xuống một cây trượng sứ giả bằng vàng bỗng đâu hiện ra, an toàn đến mức ông tức thì hết lo âu sợ hãi.⁽¹²⁾

Những khó khăn tâm lý cụ thể của người nằm mơ thường được tiết lộ mạnh mẽ và chân phương đến mức cảm động:

“Tôi phải trèo lên một ngọn núi. Ở đó có đủ kiểu chướng ngại vật chắn đường. Khi thì tôi phải nhảy qua một con muong, khi thì trèo qua một hàng giậu, và cuối cùng đứng im vì đã hết cả hơi.” Đây là giấc mơ của một người nói lắp.⁽¹³⁾

“Tôi đứng bên một cái hồ có vẻ như hoàn toàn êm ả. Bất thần một con bão nổi lên và sóng cao dậy lên, nên nước bắn tóe lên ướt cả mặt tôi”; giấc mơ của một cô gái mắc chứng sợ bị đồ mặt, mặt cô mỗi lần đỏ lên sẽ muốt mồ hôi.⁽¹⁴⁾

“Tôi đang đi theo sau một đứa con gái, dọc con đường tối. Tôi chỉ thấy sau lưng nó và thán phục dáng người đẹp của nó. Một ham muốn dữ dội xâm chiếm tôi, nên tôi chạy đuổi theo nó. Bỗng một cái xà ngang, như thể do lò xo bật ra, đổ ngang đường chắn lối. Tôi tỉnh dậy tim đập thình thịch.” Bệnh nhân là người đồng tính; cái xà ngang là một biểu tượng dương vật.⁽¹⁵⁾

“Tôi lên xe nhưng không biết lái. Một người đàn ông ngồi sau hướng dẫn tôi. Cuối cùng, mọi chuyện khá suôn sẻ và tôi tới một quảng trường, ở đó có mấy người đàn bà đứng. Mẹ của vợ chưa cưới mừng rỡ đón tôi.” Người đàn ông này bị bắt lực, nhưng đã tìm được ở nhà phân tâm học một người hướng dẫn.⁽¹⁶⁾

“Một hòn đá làm vỡ kính chắn gió xe tôi. Giờ tôi phơi ra giữa mưa bão. Tôi khóc ràn rụa. Tôi có bao giờ tới đích trong cái xe này không?” Người nằm mơ là một thiếu nữ vừa mất trinh tiết và không vượt qua được điều đó.⁽¹⁷⁾

“Tôi thấy một nửa con ngựa nằm dưới đất. Nó chỉ có một

cánh và đang gương đứng dậy, nhưng không được." Bệnh nhân là nhà thơ, phải kiếm sống bằng nghề báo.⁽¹⁸⁾

"Tôi bị một đứa bé sơ sinh cắn." Người nằm mơ bị chứng nhi tính tâm sinh dục.⁽¹⁹⁾

"Tôi bị nhốt chung với anh trai trong phòng tối. Anh cầm một con dao lớn. Tôi sợ anh. 'Anh sẽ làm em hóa điên rồi cho em vào nhà thương điên,' tôi nói với anh. Anh cười khoái trá hiểm độc và đáp: 'Mi sẽ luôn dính chặt với tao. Có một sợi xích quấn quanh hai anh em ta.' Tôi liếc nhìn xuống hai chân và lần đầu tiên nhận thấy sợi xích sắt to trói tôi với anh trai." Người anh trai, bác sĩ Stekel nhận xét, là căn bệnh của bệnh nhân.⁽²⁰⁾

"Tôi đang đi qua một cây cầu hẹp," một cô gái mười sáu tuổi mơ thấy vậy. "Bống cầu gãy dưới chân khiến tôi rơi ùm xuống nước. Một cảnh sát lao xuống theo, và ẵm tôi lên bờ, trong đôi tay mạnh mẽ. Bống tôi thấy dường như mình là một xác chết. Người sĩ quan cảnh sát cũng tái mét, như xác chết."^{(21)(*)}

"Người nằm mơ bị bỏ lại một mình trong một hố sâu dưới hầm. Tường phòng anh ta càng lúc càng hẹp lại, nên anh ta không cựa cựa được." Hình ảnh này kết hợp các ý niệm về bụng mẹ, sự giam cầm, xà lim và nấm mộ.⁽²²⁾

"Tôi nằm mơ thấy mình phải đi qua vô số hành lang. Rồi tôi ở lại một lúc lâu trong căn phòng nhỏ trông như bể bơi nhà tắm công cộng. Họ buộc tôi phải ra khỏi bể, thế là tôi phải lần nữa đi qua một ống thông ẩm ướt, trơn trượt cho đến khi tôi đi qua cửa mắt cáo nhỏ ra ngoài trời. Tôi cảm thấy như vừa mới sinh ra, và tôi nghĩ: 'Đây là một sự tái sinh tinh thần cho mình, nhờ được phân tích tâm lý.' "⁽²³⁾

Không có gì phải bàn cãi: những mối nguy hiểm tâm lý mà

*. "Lẽ đương nhiên," bác sĩ Stekel viết, " 'chết' ở đây có nghĩa là 'được sống'. Cô gái bắt đầu sống và người cảnh sát cùng 'sống' với cô. Họ cùng chết với nhau. Điều này soi sáng chói lòa cái mơ tưởng phổ biến là được tự sát chung với người thương."

Cũng cần lưu ý rằng giấc mơ này bao gồm hình ảnh thần thoại gần như phổ quát về cây cầu gương (lưỡi dao lam, tr. 38), xuất hiện trong truyền thuyết hiệp sĩ Lancelot giải cứu hoàng hậu Guinevere khỏi lâu đài Thần Chết.

các thế hệ trước được diu dắt đi qua nhờ các biểu tượng và tu tập tinh thần trong di sản thần thoại và tôn giáo của họ, thì chúng ta hôm nay (nếu ta không theo đạo, hoặc có đạo mà những đức tin ta kế thừa không tương ứng với những vấn đề thực của đời sống hiện đại) phải một mình đối mặt, hay cùng lắm, chỉ có sự dẫn dắt dè dặt, ngẫu hứng, và không mấy khi hiệu quả. Đây là vấn đề của chúng ta, những cá nhân của thời hiện đại, “khai sáng”, khi mọi quỷ thần đều đã bị duy lý hóa đến nỗi với ta chúng không còn tồn tại nữa.^(*) Dẫu thế, trong vô vàn truyện thần thoại và truyền thuyết được bảo tồn lại cho chúng ta, hay sưu tầm từ mọi miền trái đất, chúng ta vẫn có thể thấy đường nét phần nào lộ trình của con người mà nay ta vẫn đi theo. Tuy nhiên, để nghe thấy và được lợi lạc từ chuyện đó, có thể ta phải chịu tẩy gột và quy hàng bằng cách nào đó đã. Và một phần trong rắc rối của ta là như thế: bằng cách nào đây. “Hoặc phải chăng các người nghĩ rằng các người sẽ vào Thiên đàng trong lúc các người chưa hề từng trải những thử thách tương tự những người đã qua đời trước các người đã nếm?”⁽²⁴⁾

Truyện kể xưa nhất còn ghi chép lại về chuyến đi qua các cổng hóa thân là thần thoại của người Sumer về nữ thần Inanna đi xuống âm ty.

Từ “cõi trên” nàng quyết lòng đi xuống

“cõi dưới”,

Nữ thần, từ “cõi trên” nàng quyết lòng đi xuống

“cõi dưới”,

Inanna, từ “cõi trên” nàng quyết lòng đi xuống

“cõi dưới”.

*. “Vấn đề này không mới,” bác sĩ C. G. Jung viết, “vì mọi thời trước chúng ta đã tin vào thần linh dạng này hay dạng khác. Chỉ nhờ sự cạn kiệt tính biểu tượng chưa từng có trong thời trước mà chúng ta mới có thể phát hiện lại thần linh dưới dạng các yếu tố tâm lý, tức là, dưới dạng các cổ mẫu của vô thức... Với chúng ta thiên đường đã trở thành không gian vũ trụ của các nhà vật lý, thiên cung thành một ký ức đẹp đẽ về những gì từng có. Nhưng ‘trái tim bùng sáng’ và một nỗi thao thức bí mật vẫn không nguôi gặm nhấm gốc rễ của tồn tại chúng ta.” (“Các cổ mẫu của vô thức tập thể”, Jung, đoạn 50)

*Nữ thần của tôi bỏ trời, bỏ đất,
 Nàng đi xuống âm ty,
 Inanna bỏ trời, bỏ đất,
 Nàng đi xuống âm ty,
 Bỏ nam thần, bỏ nữ thần,
 Nàng đi xuống âm ty.*

Nàng điểm trang cho mình xiêm y và châu ngọc nữ hoàng. Bảy điều luật thiêng nàng giắt ở thắt lưng. Nàng đã sẵn sàng vào “tuyệt địa”, thế giới cái chết và bóng tối dưới âm ty, do kẻ thù và nữ thần chị nàng là Ereshkigal cai quản. Sợ chị gái bắt nàng phải chết, Inanna dặn dò Ninshubur, sứ giả của nàng, lên trời hô hoán về việc của nàng trong phòng hội họp của các thần linh nếu sau ba ngày không thấy nàng về.

Inanna đi xuống. Nàng đến ngôi đền làm bằng lam ngọc, và ở cổng gặp người giữ cổng chính, hấn hỏi nàng là ai và đến có việc gì. “Ta là nữ hoàng trên cõi trời, nơi mặt trời mọc,” nàng đáp. “Nếu bà là nữ hoàng trên trời,” hấn nói, “nơi mặt trời mọc, xin hãy nói, tại sao bà đến tuyệt địa này? Trên con đường mà lũ khách không thể quay về, làm sao trái tim bà đã dẫn dắt bà tới đây?” Inanna tuyên bố rằng nàng đến dự tang lễ chồng của chị gái, diêm đế Gugalanna; nghe vậy Neti, người gác cổng, dặn nàng ở đấy chờ hấn bẩm báo với Ereshkigal. Neti được lệnh mở bảy cổng cho nữ hoàng cõi trời, nhưng theo tục lệ nàng phải bỏ lại ở mỗi cổng một phần xiêm y.

*Với Inanna trình tuyền hấn nói:
 “Nào, Inanna, xin mời vào.”*

*Khi nàng xuống đến cổng đầu tiên,
 Shugurra, “vuong miện đồng bằng” trên đầu nàng, bị lấy đi.
 “Nói xem, chuyện gì đây?”
 “Thưa Inanna, điều luật dưới âm ty đã tuyệt vời hoàn bị,
 Thưa Inanna, đừng thất lạc nghi thức của âm ty.”*

Khi nàng xuống đến cổng thứ hai,
Quyển trượng lam ngọc bị lấy đi.

“Nói xem, chuyện gì đây?”

“Thưa Inanna, điều luật dưới âm ty đã tuyệt vời hoàn bị,
Thưa Inanna, đừng thắc mắc nghi thức của âm ty.”

Khi nàng xuống đến cổng thứ ba,
Chuỗi lam ngọc nhỏ trên cổ nàng bị lấy đi.

“Nói xem, chuyện gì đây?”

“Thưa Inanna, điều luật dưới âm ty đã tuyệt vời hoàn bị,
Thưa Inanna, đừng thắc mắc nghi thức của âm ty.”

Khi nàng xuống đến cổng thứ tư,
Ngọc lấp lánh trên ngực nàng bị lấy đi.

“Nói xem, chuyện gì đây?”

“Thưa Inanna, điều luật dưới âm ty đã tuyệt vời hoàn bị,
Thưa Inanna, đừng thắc mắc nghi thức của âm ty.”

Khi nàng xuống đến cổng thứ năm,
Nhẫn vàng trên tay nàng bị lấy đi.

“Nói xem, chuyện gì đây?”

“Thưa Inanna, điều luật dưới âm ty đã tuyệt vời hoàn bị,
Thưa Inanna, đừng thắc mắc nghi thức của âm ty.”

Khi nàng xuống đến cổng thứ sáu,
Tấm che ngực nàng bị lấy đi.

“Nói xem, chuyện gì đây?”

“Thưa Inanna, điều luật dưới âm ty đã tuyệt vời hoàn bị,
Thưa Inanna, đừng thắc mắc nghi thức của âm ty.”

Khi nàng xuống đến cổng thứ bảy,
Mọi xiêm y nữ hoàng trên người nàng bị lấy đi.

“Nói xem, chuyện gì đây?”

*“Thưa Inanna, điều luật dưới âm ty đã tuyệt vời hoàn bị,
Thưa Inanna, đừng thất lạc nghi thức của âm ty.”*

Lỗ lổ, nàng bị giải đến trước ngai. Nàng rạp người chào. Bảy phán quan dưới âm ty, Anunnaki, ngồi phía trước ngai Ereshkigal, và họ dán mắt nhìn Inanna - những cặp mắt chết chóc.

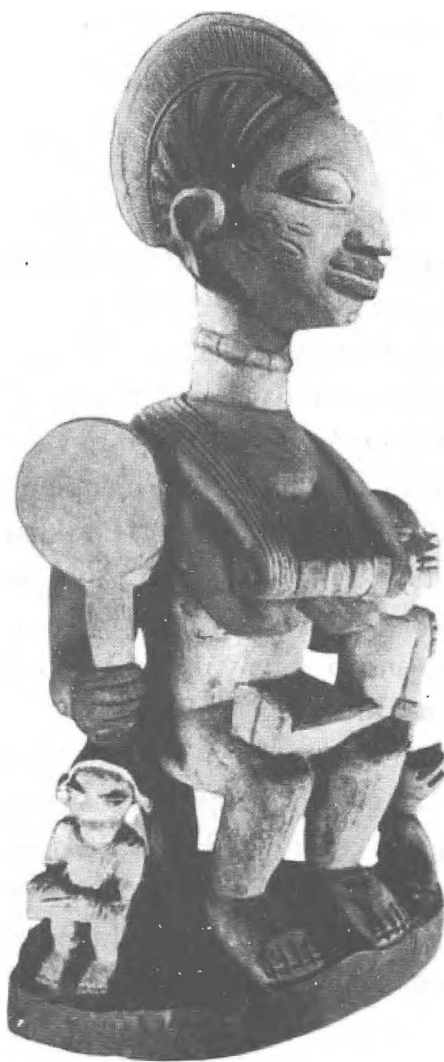
*Khi họ phán lời tra tấn tinh thần,
Người đàn bà bệnh hóa thành xác chết,
Xác chết ấy bị treo trên cọc.⁽²⁵⁾*

Inanna và Ereshkigal, hai chị em lần lượt là ánh sáng và bóng tối, theo lối biểu tượng hóa cổ đại đại diện cho cùng một nữ thần trong hai diện mạo; và cuộc đối đầu giữa họ tập trung toàn bộ ý nghĩa của con đường thử thách gian truân. Người hùng, dù là nam hay nữ, thần thánh hay người, nhân vật trong thần thoại hay người thực nằm mơ, đều phát hiện ra và đồng hóa với đối cực của mình (bản ngã không ngờ của chính họ), hoặc bằng cách nuốt lấy nó hoặc bằng cách bị nó nuốt. Các kháng cự lần lượt bị đập tan. Anh ta phải gạt đi lòng kiêu hãnh, đức hạnh, vẻ đẹp, sự sống của mình, và cúi đầu hay thần phục cái tuyệt không thể dung thứ. Bấy giờ anh ta sẽ thấy rằng mình và kẻ đối lập không phải thuộc loài khác nhau, mà là nhất thể.^(*)

Thử thách này đào sâu thêm bài toán về ngưỡng cửa đầu tiên, và câu hỏi vẫn còn chưa ngã ngũ: Bản ngã có chịu tự giết chết mình không? Vì con rồng Hydra bao quanh này có nhiều đầu; chặt một đầu, hai đầu khác mọc ra - trừ phi tìm đúng loại độc được bôi vào mồm cụt. Chuyển lên đường ban đầu vào miền đất thử thách chỉ mới là khởi đầu con đường dài và thật sự hiểm

*. Hay, như James Joyce diễn đạt: “những cái ngang nhau trong các mặt đối lập, tiến hóa nhờ cùng một năng lượng của tự nhiên hay của tinh thần, như điều kiện và phương tiện duy nhất cho sự hóa hiện nam nữ và phân cực để rồi tái hợp bằng tiếp hợp ghép những xung khắc của chúng” (Joyce, *Finnegans Wake*, tr. 92).

nghèo gồm những cuộc chinh phục thụ giáo và những khoảnh khắc soi rọi. Giờ thì có nhiều rỗng phải giết và rào cản bất ngờ phải vượt qua - trùng trùng điệp điệp. Trong khi đó thì sẽ có vô số thắng lợi sơ khởi, những phút xuất thần không kìm được, và những hé lộ ngắn ngủi về xứ thần tiên.



HÌNH 23. *Mẹ của các thần*
(tượng gỗ, dân Egba-Yoruba, Nigeria, không rõ niên đại)

2. GẶP NỮ THẦN

Cuộc phiêu lưu tối hậu, khi mọi rào cản và yêu tinh đã vượt qua, thường được trình bày dưới dạng cuộc hôn phối huyền bí (ιερó γάμο, *hieró gamo*) giữa linh hồn người hùng thắng lợi với Nữ Thần Cai Quản Thế Giới. Đây là bước ngoặt ở đáy trời, ở thiên đỉnh, hay ở mép ngoài cùng mặt đất, ở tâm điểm vũ trụ, trong nội điện của đền thờ Do Thái giáo, hay bên trong bóng tối thăm thẳm nhất của ngân tận cùng trái tim.

Ở miền Tây Ireland người ta vẫn còn kể câu chuyện hoàng tử Đảo Đơn Độc và nữ hoàng Tubber Tintye. Hy vọng chữa lành cho hoàng hậu xứ Erin [tên gọi thơ ca của Ireland - BT], chàng trai anh hùng đã nhận nhiệm vụ đi lấy ba lọ nước từ Tubber Tintye, cái giếng tiên rực lửa. Theo lời khuyên của một bà di siêu nhiên chàng gặp dọc đường, cưỡi con ngựa thần nhỏ gầy nhom, bấn thủ xơ xác bà cho, chàng băng qua sông lửa và tránh khỏi chạm vào một rừng cây độc. Con ngựa bay như gió vượt qua cả đoạn tận cùng lâu đài Tubber Tintye; hoàng tử phóng từ trên lưng ngựa qua cửa sổ mở, vào được bên trong, bình an vô sự.

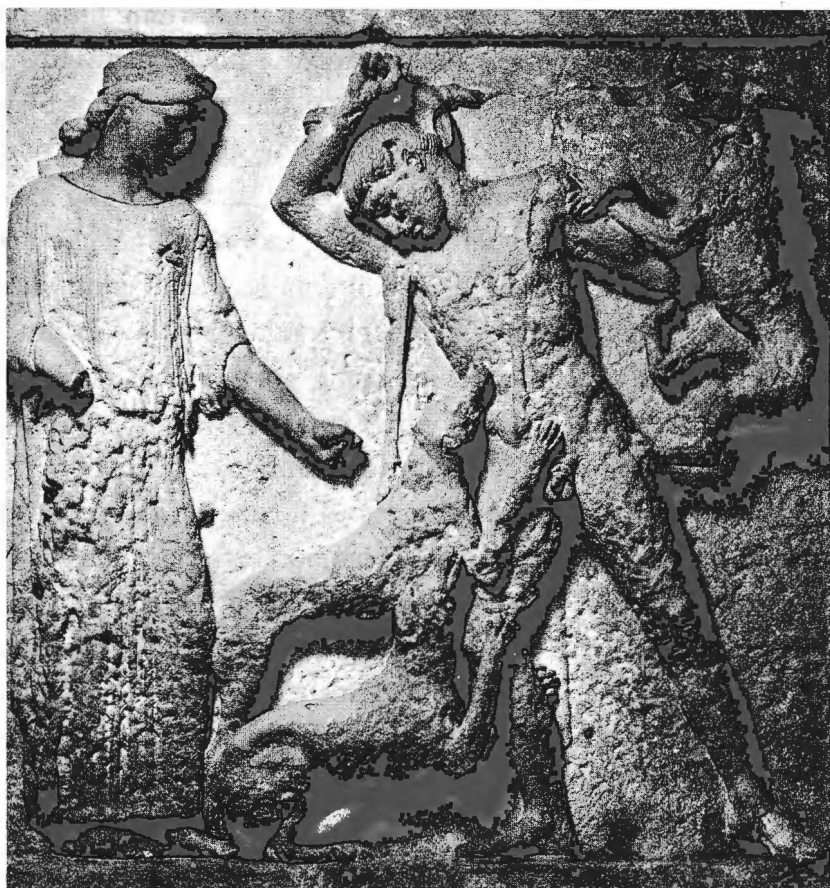
Toàn thể tòa nhà rộng thênh thang này đầy người khổng lồ cùng quái vật dưới biển và đất liền đang ngủ - những con cá voi lớn, lươn dài trơn tuột, gấu, thú muôn hình vạn trạng. Hoàng tử đi giữa chúng hay bước qua người chúng cho đến khi tới một cầu thang lớn. Lên tới đầu cầu thang chàng vào một gian phòng, ở đó chàng thấy một người đàn bà đẹp chưa từng thấy, nằm ngủ trên chiếc trường kỷ. “Ta chẳng có gì để nói với nàng,” chàng nghĩ bụng, rồi đi tiếp sang phòng bên; và cứ thế chàng nhìn vào mười hai gian phòng, phòng này lại có người xinh đẹp hơn phòng trước. Nhưng khi chàng tới phòng thứ mười ba và mở cửa ra, ánh vàng sáng chói khiến chàng lòa cả mắt. Chàng đứng một lát cho đến khi nhìn lại được, rồi bước vào. Trong gian phòng lớn rực rỡ có một trường kỷ vàng, đặt trên những bánh xe vàng. Các bánh xe cứ quay liên tục; trường kỷ cứ xoay tròn, ngày đêm không nghỉ. Nằm trên trường kỷ

là nữ hoàng Tubber Tintye; và nếu mười hai cung nữ của nàng đã là xinh đẹp, họ cũng chẳng còn xinh đẹp mấy nếu đứng bên nàng. Phía dưới chân trường kỷ chính là Tubber Tintye - cái giếng lửa. Trên miệng giếng đặt một cái nắp bằng vàng, và nó cứ xoay tròn liên tục cùng với trường kỷ của nữ hoàng.

“Chao ôi,” hoàng tử nói, “ta sẽ nghỉ ở đây một lát.” Rồi chàng trèo lên trường kỷ và không hề đặt chân xuống suốt sáu ngày sáu đêm.⁽²⁶⁾

Người đẹp trong ngôi nhà ngủ là một nhân vật quen thuộc trong truyện cổ tích và thần thoại. Chúng ta đã nói về nàng, trong hình tượng Brynhild và Công chúa ngủ trong rừng.⁽²⁷⁾ Nàng là chuẩn mực trong mọi chuẩn mực cái đẹp, lời đáp cho mọi khát khao, là cái mục tiêu ban điểm phúc của cuộc kiếm tìm trần thế hoặc siêu trần của mọi người hùng. Nàng là mẹ, chị, tình nhân, cô dâu. Bất cứ gì trên trần thế từng dự hoặc, bất cứ gì dường như hứa hẹn niềm vui, đều chẳng qua là tín hiệu báo trước sự tồn tại của nàng - nếu không phải trong những thành đô và cánh rừng trên thế giới thì là trong đáy sâu giấc ngủ. Vì nàng là hóa thân của cái hoàn bích được hứa hẹn; là niềm tin của linh hồn rằng, khi hết cuộc lưu đày ở một thế giới những bất xứng định sẵn, điểm phúc từng ném sẽ được ném trả lại; là người mẹ “hiền” dỗ dành, nuôi dưỡng - trẻ và xinh đẹp - mà ta đã biết, và thậm chí ném trả, thời xa xưa. Thời gian đã niêm kín bà, vậy nhưng bà vẫn ngủ dưới đáy biển phi thời gian, như người trong giấc ngủ bên ngoài thời gian.

Thế nhưng, hình ảnh ta nhớ không chỉ là phúc hậu; vì mẹ “ác” - (1) người mẹ vắng mặt, không đạt tới được, bị ta nuôi dưỡng các tượng tượng có tính tấn công đối với bà, và sợ bà phản pháo; (2) người mẹ ngăn trở, cấm đoán, trừng phạt; (3) người mẹ cứ giữ rịt đứa con đang lớn khôn cố vùng thoát ra; và cuối cùng (4) người mẹ ta khát khao nhưng bị cấm đoán (phức cảm Oedipus) mà sự hiện diện quyến dụ ta tới những ham muốn nguy hiểm (phức cảm loạn) - cũng còn ở lì trong xứ ẩn kín là hồi ức ấu thơ của con người trưởng thành, và đôi khi còn mạnh hơn người mẹ

HÌNH 24. *Diana và Actaeon*

(mặt tường cẩm thạch, thời Hy Lạp hóa, Sicily, khoảng 460 TCN)

hiên. Bà là cội rễ của các hình tượng nữ thần lớn lao không với tới được như hình tượng Diana trinh bạch và khủng khiếp - chuyện nàng hủy diệt chàng Actaeon (Aktaion) mê săn bắn đã minh họa cho việc các biểu tượng về ham muốn bị kìm nén của tâm trí và thể xác có thể chứa đựng nỗi khiếp sợ thế nào.

Actaeon tình cờ gặp nữ thần nguy hiểm lúc giữa trưa; vào cái khoảnh khắc định mệnh khi mà mặt trời bắt đầu tré trung, mạnh mẽ đi lên, thăng bằng trên thiên đỉnh, rồi dũ dội lao xuống cái chết. Chàng vừa bỏ các bạn đồng hành lại nghỉ ngơi cùng với lũ chó máu me sau một sáng đuổi theo thú săn, và đi tha thần băng quơ, lạc xa những cụm rừng và đồng săn quen thuộc, thám hiểm khắp

các vùng rừng lân cận. Chàng phát hiện ra một thung lũng, mọc kín cây bách và cây thông. Chàng tò mò đi sâu vào thành lũy cây ấy. Bên trong có một động nhỏ, có nguồn nước róc rách nhẹ nhàng tưới tắm và một dòng suối đổ rộng ra thành cái hồ đầy cỏ. Cái góc kín đáo râm mát này là nơi nghỉ ngơi của Diana, và đúng lúc đó nàng đang tắm giữa bầy tiên nữ, không một mảnh vải che thân. Nàng đã bỏ xuống cả ngọn giáo săn, ống tên, cánh cung không dây, cả đôi dép và váy. Và một tiên nữ trần truồng đã vấn bím tóc lên cho nàng; số khác thì gội nước đựng trong những cái vò to.

Khi chàng trai trẻ lang thang đột nhập vào chốn nghỉ ngơi dễ chịu, một tiếng ré cất lên đượm nỗi kinh hoàng của người nữ, và mọi tấm thân kéo lại vây quanh nữ chủ, cố che cho nàng khỏi ánh mắt phạm nhân. Nhưng nàng cao hơn họ cả một đầu và vai. Chàng trai đã thấy, và vẫn đang thấy. Nàng liếc mắt tìm cung tên, nhưng nó xa tầm với, nên nàng lẹ làng vốc lên thứ gì ngay tầm tay, ấy là nước, hắt vào mặt Actaeon. “Giờ thì mi cứ tha hồ kể, nếu còn làm được,” nàng kêu lên giận dữ với chàng, “rằng mi đã thấy nữ thần trần truồng.”

Gạc mọc lên trên đầu chàng. Cổ chàng đậm to và dài ra, chóp tai nhọn hoắt. Hai cánh tay dài xuống tận chân, bàn tay bàn chân thành móng guốc. Kinh hãi, chàng nhảy phóc đi - lấy làm lạ sao mình đi nhanh như vậy được. Nhưng khi chàng dừng lại thở và uống nước thì thấy dung mạo mình dưới mặt hồ trong vắt, chàng đứng dựng lên kinh hãi.

Bấy giờ một số phận kinh hồn ập xuống Actaeon. Bầy chó săn của chính chàng, đánh hơi thấy mùi con hươu lớn, vừa sủa vừa băng rừng phóng đến. Trong khoảnh khắc vui mừng nghe thấy chúng, chàng dừng chân, nhưng rồi bất thần hoảng sợ và bỏ chạy. Đàn chó đuổi theo, mỗi lúc một gần hơn. Khi chúng đã sát gót chàng, con đầu tiên phóng tới bên sườn chàng, chàng cố kêu tên chúng, nhưng âm thanh trong cổ họng chẳng phải tiếng người. Chúng cắn phập răng nanh vào chàng. Chàng gục xuống, và các bạn săn của chính chàng, hò hét giục bầy chó, tới kịp lúc để ban cho cú đòn ân huệ. Diana, nhờ thần thông mà biết

về cuộc chạy trốn và cái chết của chàng, giờ đã có thể hả lòng.⁽²⁸⁾

Hình tượng thần thoại Mẹ Vũ Trụ đã truyền cho vũ trụ những thuộc tính nữ trong khía cạnh đầu, người mẹ nuôi dưỡng và bảo bọc. Tượng tượng này chủ yếu là tự phát; vì có một mối tương đồng khắng khít và dễ thấy giữa thái độ của đứa trẻ dành cho người mẹ và thái độ của người lớn cho thế giới vật chất xung quanh.⁽²⁹⁾ Nhưng trong vô số truyền thống tôn giáo còn có một sự vận dụng mô phạm và hữu thức hình ảnh cổ mẫu này vào mục đích thanh tẩy, cân bằng và thụ giáo cho tâm trí nhằm hiểu được bản chất thế giới hữu hình.

Trong kinh Tantra của Ấn Độ thời Trung cổ và hiện đại thì nơi ở của nữ thần gọi là Mani-dvipa, “Đảo Châu Ngọc”. Trường kỷ kiên ngai báu của bà ở đó, trong rừng cây toại ước. Bãi biển ở đảo này có cát vàng. Khóa lên bãi cát là làn nước tĩnh lặng của đại dương mật ngọt trường sinh. Nữ thần đỏ rực lửa sống; bụng bà căng phồng cả trái đất, hệ mặt trời, các thiên hà ngoài không gian vũ trụ bao la. Vì bà là đấng sáng thế nữ, mãi mãi là mẹ, mãi mãi là trinh nữ. Bà bao trọn cái bao trọn mọi sự, nuôi dưỡng cái nuôi dưỡng mọi điều, và là sự sống của mọi thứ có sự sống.

Kinh sách (*śāstra*) Ấn giáo chia thành bốn hạng: (1) Śruti, được xem như lời thiên khải trực tiếp; gồm bốn kinh Veda (thánh vịnh cổ) và một số trong các kinh Upaniṣad (sách triết xưa); (2) Smṛti, bao gồm các giáo huấn truyền thống của những hiền giả chính thống, chỉ dẫn được quy chuẩn hóa cho các nghi lễ trong gia đình, vài trước tác luật thế tục và tôn giáo, và cả trường thi Ấn giáo Mahābhārata, mà tất nhiên bao gồm cả Bhagavad Gītā; (3) Purāṇa, là các tác phẩm thần thoại và trường thi Ấn giáo ưu việt, lưu lại tri kiến về nguồn gốc vũ trụ, thần học, thiên văn học và vật lý; và (4) Tantra, các văn bản mô tả các kỹ thuật và nghi thức thờ phụng thần linh, cũng như tu tập nhằm đạt đến thần thông. Trong số các Tantra có nhóm kinh đặc biệt quan trọng (gọi là Āgama) được cho là được chính thần vũ trụ Śiva và nữ thần Pārvatī vợ ngài mặc khải. (Do vậy chúng được gọi là “Veda thứ năm”.) Những kinh sách này là cơ sở của một truyền thống thần bí gọi đích danh là “phép tu Tantra”, đã có ảnh hưởng xuyên suốt đối với các hình thức tranh tượng Ấn giáo và Phật giáo sau này. Hệ biểu tượng Tantra được Phật giáo thời Trung cổ mang ra khỏi Ấn Độ vào Tây Tạng, Trung Hoa và Nhật Bản.

Bà còn là cái chết của mọi thứ sẽ chết. Toàn thể vòng tồn tại hoàn tất trong vòng ảnh hưởng của bà, từ buổi sinh ra, qua tuổi thiếu niên, trưởng thành, rồi già lão, đến năm mộ. Bà là dạ con và năm mộ: là lọn nái ăn lúa con của nó. Bằng cách đó bà hợp nhất “hiền” và “dữ”, phô bày hai thể cách người mẹ ta nhớ, không chỉ của cá nhân con người, mà còn của cả vũ trụ. Tín đồ phải trầm tưởng về hai thể cách này với sự điềm nhiên như nhau. Nhờ tu tập như vậy tinh thần anh ta được gột sạch những đa cảm và thù ghét ấu thơ không đúng đắn, và tâm trí anh ta mở ra đón nhận sự hiện diện khôn dò, vốn tồn tại không phải chủ yếu như là “tốt” và “xấu” đối với sự đoán định của con người trẻ con của anh ta, cho sướng khổ của anh ta, mà như quy luật và hình ảnh về bản tính của tồn tại.

Nhà huyền học lớn của Ấn giáo thế kỷ 19 Ramakrishna (1836-1886) là thầy tu trong ngôi đền mới dựng thờ Mẹ Vũ Trụ ở Dakshineswar, ngoại ô Calcutta [nay là Kolkata - BT]. Hình ảnh ngôi đền thể hiện đồng thời vị thần trong cả hai khía cạnh, khủng khiếp và nhân từ. Bốn cánh tay trưng ra các biểu tượng về quyền lực vũ trụ của thần: bàn tay trái phía trên vung thanh gươm vấy máu, bàn tay thấp hơn nắm tóc một thủ cấp người; bàn tay phải phía trên giơ lên làm thủ ấn “vô úy”, bàn tay dưới chìa ra ban ân huệ. Thần đeo một xâu chuỗi lâu làm vòng cổ; váy là chiếc đai ghép bằng cánh tay người; lưỡi dài thè ra liếm máu. Thần là Sức mạnh Vũ trụ, là toàn thể của vũ trụ, là sự hòa hợp mọi cặp đối lập, kết hợp kỳ diệu giữa nỗi kinh hoàng từ sự hủy diệt hoàn toàn với một sự vỗ về phi nhân cách nhưng dịu hiền như người mẹ. Là sự biến dịch, dòng sông thời gian, sự luân chuyển của đời sống, nữ thần đồng thời vừa tạo ra, vừa bảo tồn, vừa hủy diệt. Tên thần là Kālī, Thần Đen; danh hiệu của thần: Người đưa đồ qua biển tồn tại.⁽³⁰⁾

Một buổi chiều yên ả Ramakrishna nhìn thấy một người đàn bà đẹp từ dưới sông Hằng đi lên và tiến lại cụm rừng ông đang ngồi thiền định. Ông nhận thấy rằng bà sắp sinh con. Trong phút chốc thì đứa bé đã chào đời, và bà dịu dàng cho nó bú. Tuy

nhiên, lát sau, bà khoác lấy diện mạo kinh khủng, bỏ đứa bé vào hàm răng giờ đây dễ sợ mà nghiền, nhai rau rầu. Nuốt xong, bà lại quay về sông Hằng, biến mất.⁽³¹⁾

Chỉ những bậc có khả năng chứng đắc cao mới chịu đựng nổi cái khải thị trọn vẹn tính siêu phàm của nữ thần này. Với những kẻ kém cỏi hơn thì thần giảm bớt sức sáng hào quang và để mình xuất hiện trong những hình tượng phù hợp với khả năng còn chưa hoàn bị của họ. Thấy thần trọn vẹn sẽ là tai họa khủng khiếp cho kẻ nào chưa đủ căn cơ: như trường hợp không



HÌNH 25. *Kālī* nhai nuốt người (tượng gỗ, Nepal, thế kỷ 18-19)

may của công tử Actaeon háo sắc làm mình chứng. Chàng ta chẳng phải thánh nhân, chỉ là một chàng trai ưa săn bắn chưa sẵn sàng đón nhận sự khải thị cái hình thể phải nhìn mà không có những ẩn ý và ngụ ý về dục vọng, kinh ngạc và sợ hãi của phạm nhân (nghĩa là ấu thơ).

Đàn bà, trong ngôn ngữ hình tượng của thần thoại, đại diện cho toàn thể những gì có thể biết. Người hùng là người rốt cuộc sẽ được biết. Trong quá trình anh ta tiến lên dần trên chặng đường thụ giáo là đời sống, thể dạng của nữ thần trải qua một loạt biến hình trước mắt anh ta: bà không bao giờ có thể lớn hơn anh ta, dù bà luôn hứa hẹn nhiều hơn là anh ta đủ sức lĩnh hội lúc này. Bà dụ hoặc, bà dẫn dắt, bà mời gọi anh ta vượt thoát khỏi gông cùm. Và nếu anh ta có thể sánh với tầm vóc của bà, cả hai - người biết và kẻ được biết - sẽ thoát khỏi mọi hạn định. Đàn bà là người dẫn dắt đến tột đỉnh tuyệt trần cuộc phiêu lưu khoái cảm. Nhìn bằng con mắt kém cỏi thì bà chỉ ở lại trong những trạng thái thấp kém; bằng con mắt tà ác vô minh bà chịu lời nguyên thành tầm thường xấu xí. Nhưng bà sẽ được cứu chuộc nhờ con mắt hiểu biết. Người hùng nào có thể nhìn đúng bà, không có những xáo động không phải phép mà là với lòng tốt và tự tin bà đòi hỏi, sẽ tiềm tàng là vua, là vị thần hóa thân thành người của thế giới bà tạo ra.

Chẳng hạn, có câu chuyện kể về năm người con trai của vua Eochaid xứ Ireland: sau một ngày săn bắn, họ thấy mình bị lạc, bị vây bọc bốn bề. Thấy khát, từng người một lên đường đi tìm nước. Fergus đi đầu tiên:

và chàng đến một cái giếng, bên giếng chàng thấy một bà lão đứng canh. Hình dáng mục già đó thế này: cả người đen còn hơn than, từ đầu xuống chân; bờm tóc bạc xoắn xít chọc thủng da đầu mục chĩa lên chẳng khác nào đuôi ngựa hoang; răng nanh trông xanh xanh như lưỡi liềm trên mặt mục, cong vòng chấm tai, mục dùng nó chặt cành sồi xanh um trên cây trưởng thành cũng còn được; mắt mục đen kịt gở nhờn vì khói; sống mũi xiên xẹo, lỗ mũi toang

hoác; bụng nhăn nheo lõm đốm tàn nhang, ốm o đủ chỗ; hai ống chân cong queo, điểm thêm hai mắt cá khổng lồ và một cặp chân xéng đồ sộ; đầu gối củ lạc và móng chân tím ngắt. Thật sự là toàn thể tướng mạo cụ già này thật khủng khiếp. “Có phải đường đi ở kia không?” chàng trai hỏi; “đúng là lối ấy,” cụ trả lời. “Cụ đang canh giữ cái giếng phải không?” chàng ta hỏi, và cụ trả lời: “Đúng thế.” “Cụ có cho phép ta lấy ít nước không?” “Có,” cụ bằng lòng, “nhưng với điều kiện ta được mi hôn một cái lên má.” “Không đâu,” chàng nói. “Vậy thì ta sẽ không cho nước.” “Ta dám chắc,” chàng nói tiếp, “là ta thà chết khát chứ không hôn cụ!” Rồi chàng trai bỏ về với các em, báo họ là mình chưa lấy được nước.

Olioll, Brian, Fiachra cũng vậy, lên đường đi tìm và cũng đến được cái giếng đó. Mỗi người đều xin cụ già nước, nhưng không chịu hôn.

Cuối cùng đến lượt Niall đi, và chàng đến đúng cái giếng ấy.

“Cho ta xin chút nước, thưa bà!” chàng kêu lên. “Ta sẽ cho,” cụ nói, “nhưng hãy ban cho ta một nụ hôn.” Chàng đáp: “Ngoài tặng bà một nụ hôn ra, ta còn ôm bà nữa!” Rồi chàng cúi xuống ôm bà, và tặng bà một nụ hôn. Xong, khi nhìn bà, chàng thấy trên cả trần gian không có thiếu nữ nào thân hình yếu điệu hơn, dung nhan toàn thể đẹp đẽ hơn nàng: cả người nàng từ đầu xuống chân phải ví như đợt tuyết vừa rơi đọng dưới rãnh; cánh tay tròn trịa và kiêu điệu, ngón tay măng muốt, đôi chân thẳng tắp, sắc da mịn màng; đôi dép đồng trắng đỡ đôi bàn chân trắng ngần mềm mại đặt trên mặt đất; nàng khoác chiếc áo choàng da cừu thượng phẩm màu đỏ thuần, và trên áo cài một cây ghim bạc trắng; răng nàng sáng bóng tựa ngọc trai, đôi mắt to đài các, môi đỏ như trái thanh lương trà. “Trước mắt ta, nàng hỡi, là một trời duyên dáng,” chàng trai nói. “Đúng vậy.” “Vậy nàng là ai?” chàng hỏi tới. “Ta là ‘Vương Quyền,’” nàng đáp, rồi nói lời này:

“Hỡi vua xứ Tara! Ta là Vương Quyền...”

“Giờ thì đi đi,” nàng nói, “về với các anh của chàng đi, mang

theo nước; ngoài ra, đời đời sẽ thuộc về chàng và con cháu chàng vương quốc và quyền lực tối cao... Và cũng như ban đầu chàng thấy ta xấu xí, thô kệch, ghê tởm - rồi cuối cùng, xinh đẹp - vương quyền cũng vậy: vì không có giao tranh, không có xung đột dữ dội, thì không thể giành được nó; nhưng cuối cùng, kẻ ấy sẽ là vua của bất cứ cái gì hiện ra đẹp đẽ đoan trang.”⁽³²⁾

Vương quyền là thế ư? Mà chính cuộc sống là thế đó. Nữ thần canh giữ nguồn giếng không bao giờ cạn - dù hiện ra dưới dạng như khi Fergus, hay Actaeon, hay hoàng tử Đảo Đơn Độc phát hiện ra nàng - đòi hỏi người hùng phải sẵn có cái mà những người hát rong và kể chuyện gọi là “tắm lòng dịu dàng”. Không phải bằng cái ham muốn thú tính của một Actaeon, không phải bằng cái ghê sợ khó chịu của một kẻ như Fergus mà ta lĩnh hội và phụng sự được nàng cho đúng, mà chỉ bằng sự dịu dàng: *aware* (“cảm mến dịu dàng”) là tên gọi điều đó trong thi ca cung đình tình ái của Nhật Bản thế kỷ 10 đến 12.

*Trong tắm lòng dịu dàng Tình yêu trú ngụ,
 Như chim chóc trong bóng râm rừng xanh lá.
 Trong dự đồ của tự nhiên, Tình yêu chẳng có trước
 Tắm lòng dịu dàng, tắm lòng dịu dàng cũng chẳng có
 trước Tình yêu.
 Bởi khi có mặt trời thì lập tức,
 Ánh sáng sẽ vụt soi; và cũng chẳng phải
 Ánh sáng sinh ra trước mặt trời.
 Còn Tình yêu tỏ lộ trong tắm lòng dịu dàng
 Ở chính tâm hồn, tựa như
 Giữa lòng ngọn lửa là nơi sức nóng rực lên.*⁽³³⁾

Cuộc gặp nữ thần (hiện thân trong mọi đàn bà) là thử thách sau cùng cho tài năng của người hùng nhằm giành được ân huệ tình yêu (bác ái: *amor fati*), là chính cuộc sống được vui hưởng như cái vỏ bọc chứa vĩnh cửu.

Và khi kẻ phiêu lưu, trong bối cảnh này, không phải một chàng trai mà là một thiếu nữ, thì nàng là người bằng phẩm tính, vẻ đẹp hay khát khao của mình mà xứng đáng trở thành vợ một đấng bất tử. Lúc ấy người chồng thuộc cõi trời sẽ xuống với nàng và dẫn nàng đến giường mình - dù nàng muốn hay không. Và nếu nàng từng xa lánh chàng ta, giờ nàng sẽ được mở mắt ra; nếu nàng từng kiếm tìm chàng, nỗi khát khao trong nàng sẽ được nguôi ngoai.

Cô gái Arapaho theo con nhím trèo lên ngọn cây cú cao dần bị dẫn dụ lên bãi cắm trại của người trời. Ở đó cô thành vợ của một chàng trai người trời. Chính anh ta, trong hình hài con nhím rù quẩn, đã quyến rũ cô về mái nhà siêu nhiên của mình.

Cô con gái vua trong truyện cổ tích đã kể, ngày hôm sau cuộc phiêu lưu bên suối, bỗng nghe tiếng đập cửa lâu đài: con ếch tới để buộc nàng làm theo giao ước. Và dù nàng cực kỳ ghê sợ, nó vẫn đi theo nàng đến ghế bên bàn, ăn chung bữa với nàng trong đĩa và tách vàng, thậm chí còn đòi đi ngủ cùng nàng trong giường lụa bé nhỏ. Trong cơn giận nàng tóm lấy nó dưới sàn liệm vào tường. Khi rơi xuống, nó không còn là ếch nữa mà một hoàng tử có đôi mắt đẹp và hiền từ. Rồi ta nghe rằng họ lấy nhau và ngồi cỗ xe ngựa đẹp đẽ về lại vương quốc của chàng trai đang chờ họ, hai người thành vua và hoàng hậu.

Hay một lần nữa: khi Psyche đã hoàn thành mọi nhiệm vụ khó khăn, đích thân Jupiter đã đưa nàng thuốc trường sinh bất tử; để giờ đây và mãi mãi nàng được ở bên Cupid, người yêu của nàng, trong thiên đường nơi các hình tượng đều trọn vẹn.

Các giáo hội Chính thống Hy Lạp và Công giáo La Mã cũng tôn vinh cái bí ẩn này trong lễ Đức Mẹ Lên Trời:

“Trinh nữ Mary được dẫn vào phòng hoa chúc trên trời, ở đó vua của các vua ngự trên ngai sao.”

“Hỡi trinh nữ vô cùng khôn ngoan, người đi đâu, sáng tựa buổi mai? Người vô cùng đẹp đẽ dịu dàng, hỡi người con gái xứ Zion, thanh tú tựa mặt trăng, cao quý như mặt trời.”⁽³⁴⁾



HÌNH 26. *Vierge Ouvrante* (Đức Mẹ đồng trinh mở)
(gỗ đa sắc, Pháp, thế kỷ 15)

3. ĐÀN BÀ TRONG VAI KÊ QUYẾN RŨ

Cuộc hôn phối huyền nhiệm với nữ thần cai quản thế giới tượng trưng cho việc người hùng đã làm chủ hoàn toàn sự sống; vì đàn bà là sự sống, còn người hùng là kẻ biết và làm chủ nó. Còn những thử thách cho người hùng, báo trước kinh nghiệm và kỳ tích tối hậu của anh ta, là biểu tượng cho những bước ngoặt giác ngộ mà nhờ đó ý thức của anh ta được mở rộng hơn và đủ sức chịu được việc chiếm hữu hoàn toàn người mẹ-kẻ hủy diệt, cô dâu tất định của anh ta. Nhờ vậy anh ta biết mình và người cha là một: anh ta đã đứng vào vị trí của người cha.

Khi được diễn đạt theo cách cực đoan nhất như vậy, vấn đề nghe có thể xa vời với thế sự của phàm nhân. Dầu vậy, cuối cùng thì mọi thất bại khi đối đầu với một hoàn cảnh sống đều phải quy lỗi cho những hạn định của ý thức. Chiến tranh và con

tam bành là những giải pháp tạm thời của vô minh; tiếc nuối là những giấc ngộ đến quá muộn màng. Toàn bộ ý nghĩa của thần thoại phổ biến về chuyến vượt qua của người hùng là ở chỗ thần thoại đó có thể dùng làm mô thức chung cho mọi người, dù họ ở đâu trên thang độ. Do vậy nó được trình bày theo cách rộng nhất. Mỗi cá nhân chỉ cần nhận ra vị trí của mình trong công thức khái quát ứng với mọi người này, rồi để nó tiếp dẫn mình qua những bức tường hạn định. Lũ yêu tinh của anh ta là ai và nằm đâu? Đó là ảnh hình của các câu đố chưa giải về tính người của chính anh ta. Các lý tưởng của anh ta là gì? Đó là chỉ báo về mức độ thấu hiểu cuộc sống của anh ta.

Trong văn phòng của nhà phân tâm học hiện đại, các giai đoạn trong chuyến phiêu lưu của người hùng lại hiện ra trong những giấc mơ và ảo giác của bệnh nhân. Từng tầng sâu sự vô minh về chính mình được thăm dò, có nhà phân tâm học đóng vai trò người phù trợ, thầy pháp thụ giáo. Và bao giờ cũng vậy, sau những phần chấn ban đầu lúc lên đường, cuộc phiêu lưu dần hóa thành hành trình giữa bóng tối, kinh hoàng, ghê sợ, và nỗi sợ mang những dạng hình biến ảo.

Điểm then chốt của cái gian khó kỳ lạ này là ở chỗ quan niệm hữu thức của ta rằng cuộc đời phải thế nào thì lại hiếm khi tương ứng với đời thực. Thường ta không chịu thú nhận trong lòng, hay thừa nhận giữa bạn bè, trọn vẹn cái cơn sốt dâm dật, phạm ăn, nặng mùi, tự phụ, phòng thủ là chính bản chất của tế bào hữu cơ. Đúng hơn, ta có khuynh hướng ướp hương, tẩy trắng và giải thích lại; trong khi đó lại hình dung rằng ruồi trong thuốc mỡ hay tóc trong xúp đều là lỗi của kẻ dễ ghét nào khác.

Nhưng khi ta chợt nhận ra, hay buộc phải để ý thấy rằng mọi thứ ta nghĩ hay làm đều nhất thiết ám mùi xác thịt, thì lúc ấy, không phải hiếm thấy, ta sẽ có một khoảnh khắc ghê tởm: sự sống, những hành động sống, các cơ quan sống, đàn bà nói riêng như biểu tượng lớn về sự sống, bỗng trở nên không chấp nhận được đối với tâm hồn thanh tịnh, tuyệt tịnh.

*Hỡi ôi, ước gì thịt da quá chừng rắn chắc này
 Tan biến thành giọt sương!
 Hay Chúa đã không thiết định thánh kinh
 Cấm con người tự sát! Hỡi Chúa Trời! Hỡi Chúa!*

Người phát ngôn vĩ đại cho khoảnh khắc này, Hamlet, đã thốt lên như vậy:

*Ta thấy như mọi thứ ở đời này
 Một mồi, cũ mòn, nhạt nhẽo và vô nghĩa làm sao!
 Khốn thay! Nó như khu vườn không ai giầy cỏ,
 Mọc hoang; chỉ có những thứ hôi thối thô thấp
 Choán đầy. Sao nó lại nên nông nổi này!⁽³⁵⁾*

Niềm vui vô tri của Oedipus khi lần đầu chiếm hữu được hoàng hậu biến thành nỗi giày vò tâm khảm khi ông biết người đàn bà kia là ai. Giống như Hamlet, ông chịu phiền não bởi hình ảnh đạo đức của người cha. Giống như Hamlet, ông quay lưng với những nét đẹp của thế gian mà tìm trong bóng tối một vương quốc cao quý hơn vương quốc này, nơi có người mẹ loạn luân và ngoại tình, xa hoa, không cải hóa được. Người tìm kiếm sự sống bên kia đời sống phải dần bước đi xa hơn bà, vượt lên những cảm dỗ từ tiếng gọi của bà, bay vút lên đến tầng thanh khí vô nhiễm bên kia.

*Vì một vị thần gọi ông biết bao lần,
 Từ nhiều phương một lúc: "Hỡi Oedipus,
 Oedipus mi, sao còn lẩn lữa?
 Mi ở lại đã lâu rồi; hãy đến đây!"⁽³⁶⁾*

Ở đâu nỗi ghê tởm kiểu Oedipus-Hamlet này vẫn còn phiền não tâm hồn, ở đó thế giới, xác thân, và trên hết là người đàn bà sẽ trở thành biểu tượng không phải của chiến thắng nữa mà chiến bại. Lúc bấy giờ một hệ thống đạo đức mang tính phủ định

thế giới kiểu tu viện-thanh giáo sẽ tức thì và triệt để biến hình mọi hình tượng trong thần thoại. Người hùng không còn được ở lại vô tri bên nữ thần xác thịt nữa; vì bà đã thành nữ hoàng tội lỗi.

“Chùng nào một kẻ còn quý trọng gì xác thân này ma này,” thầy tu Ấn giáo Śaṅkarāchārya viết,

hắn sẽ còn bất tịnh, chịu kẻ thù cũng như sinh, bệnh, chết; nhưng nếu hắn nghĩ mình thanh tịnh, là cốt tủy của thiện, và bất di bất dịch, hắn sẽ được giải thoát... Hãy vứt bỏ cái hạn hẹp của xác thân vốn nặng nề ô trọc này. Đừng nghĩ đến nó nữa. Vì một thứ đã nôn mưa ra (như ta nên nôn mưa thân ta) thì nhớ đến chỉ thấy ghê tởm mà thôi.⁽³⁷⁾

Đây là một cái nhìn quen thuộc với phương Tây từ thân thể và ghi chép của các thánh.

Khi thánh Peter nhận thấy con gái mình, Petronilla, quá đẹp xinh đẹp, ngài xin với Chúa Trời làm cho cô đỡ bệnh. Thế rồi một ngày nọ khi môn đồ ở bên, Titus thưa với ngài: “Thầy là người chữa được mọi bệnh tật, sao thầy không chữa cho Petronilla ngồi dậy được?” Peter trả lời anh ta: “Vì ta vừa lòng với tình trạng của nó như hiện giờ.” Đây hoàn toàn không có nghĩa nói ngài không có khả năng chữa cho cô; vì ngay lập tức, ngài nói với cô: “Dậy đi, Petronilla, rồi mau mau đến hầu chúng ta.” Thiếu nữ lành bệnh, trở dậy và đến hầu họ. Nhưng khi cô xong việc, người cha nói với cô: “Petronilla, quay về giường đi!” Cô quay về giường và tức thì sốt lại. Về sau, khi cô đã hoàn toàn kính Chúa, cha cô làm cô khỏe mạnh lại hoàn toàn.

Lúc bấy giờ một nhà quý tộc tên Flaccus, sưng sò vì nhan sắc của cô, đến hỏi cưới cô. Cô đáp: “Nếu ngài muốn cưới tôi, hãy cho một tốp thiếu nữ đến đây để đưa tôi về nhà ngài!” Nhưng khi họ tới nơi, Petronilla tức thì nhin ăn cầu nguyện. Lãnh nhận thánh thể xong, cô nằm lại ra giường, và ba ngày sau dâng linh hồn cho Chúa.⁽³⁸⁾

Thuở nhỏ thánh Bernard ở Clairvaux hay bị chứng nhức đầu. Ngày nọ một thiếu nữ đến thăm cậu, hát cậu nghe cho đỡ đau. Nhưng cậu bé phần nọ đuổi cô khỏi phòng. Vậy là Chúa Trời ban thưởng cho nhiệt tâm của thánh; vì thánh ngồi dậy khỏi giường ngay, đã lành bệnh.

Lúc này kẻ thù từ ngàn xưa của con người, nhận thấy Bernard bé nhỏ có thiên hướng tốt lành như vậy, bèn dụng công cài bẫy làm thánh mất tiết hạnh. Tuy nhiên, một ngày nọ, khi cậu bé do bị hấn xui khiến mà đứng nhìn một thiếu nữ một lúc thì bỗng đỏ mặt tự lấy làm xấu hổ, rồi bước xuống nước hồ lạnh băng để sấm hối, cậu ở đó cho đến khi lạnh buốt thấu xương. Lúc khác, khi cậu đang ngủ, một cô gái trẻ trần truồng chui vào giường. Bernard biết có cô, lảng lạng nhường phần giường mình nằm, lăn qua bên kia ngủ lại. Vuốt ve cậu một lúc thì kẻ không may, dù tro trên cũng bỗng thấy xấu hổ đến nỗi đứng lên bỏ chạy, kinh sợ chính mình và khâm phục chàng trai.

Lại nữa, một lần nọ khi Bernard cùng dăm người bạn nhận lời nghỉ lại nhà một bà giàu có nọ, bà này thấy cậu khôi ngô, giầy vò vì nổi ham muốn ngủ với cậu. Đêm ấy bà dậy, đến nằm bên cạnh khách. Nhưng cậu vừa cảm thấy có người bên mình, bèn kêu lên: "Trộm! Trộm!" Người đàn bà bèn vội vàng chạy đi, cả nhà thức dậy, đốt đèn, túa ra đi lùng tìm kẻ trộm. Nhưng vì không tìm thấy ai, mọi người đều quay về giường ngủ, chỉ trừ bà chủ, bà này không sao ngủ được, lại dậy và lên vào giường khách. Bernard bèn kêu: "Trộm!" Rồi lại hô hoán và truy lùng! Sau đó, đến lần thứ ba bà chủ cũng đành chịu hắt hủi như vậy; nên cuối cùng bà bỏ mưu đồ xấu xa kia, vì sợ hay nản chí. Ngày hôm sau dọc đường các bạn của Bernard hỏi sao cậu cứ mơ thấy trộm như vậy. Cậu trả lời họ: "Tôi quả là đã phải đẩy lùi màn tấn công của một tên trộm; vì bà chủ cố cướp của tôi kho báu mà, nếu để mất, tôi sẽ không bao giờ lấy lại được."

Bao chuyện như vậy khiến Bernard tin chắc rằng sống với rắn là một điều nguy hiểm. Nên cậu định bỏ đời mà vào dòng tu Cîteaux.⁽³⁹⁾

Tuy vậy, ngay cả vách tường tu viện, ngay cả cảnh heo hút giữa hoang mạc, cũng không chống đỡ nổi sự hiện diện của đàn bà; vì chừng nào da thịt vị ẩn sĩ còn bám vào xương và mạch còn nóng ấm, chừng ấy hình ảnh đời sống vẫn còn lệ làng xâm nhập tâm trí anh ta. Thánh Antôn, tu khổ hạnh ở Thebaid Ai Cập, bị quấy đảo vì những ảo ảnh khêu gọi mà lũ nữ quỷ gây ra do bị cảnh cô tịch đầy hấp lực của ngài cuốn hút. Những hiện hình kiểu này, với cặp đùi hấp dẫn không cưỡng nổi và bầu ngực căng lên đòi chạm sờ, thường thấy ở mọi chốn ẩn dật của người tu trong lịch sử. “*Ah! bel ermite! bel ermite!... Si tu posais ton doigt sur mon épaule, ce serait comme une trainée de feu dans tes veines. La possession de la moindre place de mon corps t’emplira d’une joie plus véhémence que la conquête d’un empire. Avance tes lèvres...*”^{(40)(*)}

Cotton Mather ở New England đã viết:

Hoang Mạc chúng tôi đi qua để đến Đất Hứa đầy rắn bay hung dữ. Nhưng, nhờ Chúa Trời phù hộ, cho đến nay chưa con nào theo đuổi chúng tôi đến mức hủy diệt chúng tôi! Suốt dọc đường chúng tôi lên thiên đường đầy những *Hang Su Tử* và *Núi Báo*; giữa đường có từng Đàn Quỷ kỳ dị... Chúng tôi là kẻ lữ hành đáng thương trong một thế giới chẳng khác nào cánh đồng của Satan, *ngục thất* của Satan; một thế giới mà mọi xó xỉnh đều có Satan đóng quân với nhiều toán cướp để những nhiều tất cả những ai quay mặt nhìn về Đất Hứa.⁽⁴¹⁾

*. [Nữ quỷ này là linh hồn của nữ hoàng Sheba: A! hỡi chàng ẩn dật, chàng ẩn dật đẹp xinh!... Hễ đặt một ngón tay lên thịt da ta, chàng sẽ thấy luồng lửa chạy qua từng mạch máu. Chiếm hữu được dù chỉ một mảnh nhỏ thể xác ta sẽ khiến chàng hân hừng, mãnh liệt hơn cả chinh phục được cả một đế chế. Cặp môi chàng hãy đến đây... - JCF.]

4. HÒA GIẢI VỚI NGƯỜI CHA

“Cây cung con thịnh nộ của Chúa Trời đã căng, mũi tên đã sẵn trên dây; công lý nhắm mũi tên vào tim các người, kéo cung; và chẳng có gì ngoài ý muốn của Chúa Trời, mà là một vị Chúa Trời giận dữ, không chịu ràng buộc của hứa hẹn hay bốn phận gì, mới giữ cho mũi tên chỉ thiếu một khắc nữa là say máu các người...”

Với những lời này Jonathan Edwards hăm dọa trái tim của những thành viên giáo đoàn New England bằng cách tiết lộ cho họ, không giảm nhẹ, khía cạnh yêu tinh của người cha. Ông dọa họ ngồi im phắc không nhúc nhích trên băng ghế bằng các hình ảnh về thử thách thần thoại; vì dù bậc giảng sư Thanh giáo này cấm người ta thờ phụng hình ảnh đeo khắc, ông lại tự cho phép mình dùng hình ảnh bằng lời. “Con thịnh nộ,” Jonathan Edwards gầm lên,

con thịnh nộ của Chúa Trời giống như các con nước lớn lúc này bị ngăn đập; chúng ngày càng dâng cao, cứ lên cao cho đến khi có một chỗ thoát; mà dòng nước bị ngăn càng lâu thì khi xả bung, dòng chảy càng nhanh càng mạnh. Đúng, phán quyết cho việc làm xấu ác của các người cho đến nay vẫn chưa được thi hành; con hồng thủy báo thù của Chúa Trời được ghim lại; nhưng trong lúc đó thì tội lỗi của các người cứ ngày một nhiều thêm, mỗi ngày các người lại dồn thêm cho con thịnh nộ; nước cứ liên tục dâng, càng lúc càng mạnh mẽ; và chẳng có gì ngoài ý muốn của Chúa Trời mới ngăn được các con nước không muốn bị ngăn, cuộn cuộn đòi đổ tới; ví thử Chúa Trời chỉ cần bỏ tay khỏi cửa ngăn lũ, nó sẽ tức thì bung ra, và con hồng thủy thịnh nộ của Chúa Trời sẽ ồ ạt dâng trào với con giận không tưởng tượng nổi, và sẽ đổ ập lên các người với sức mạnh toàn năng, và dẫu các người có mạnh mười ngàn lần hơn, đúng vậy, có khỏe mười ngàn lần hơn con quỷ to khỏe, lực lưỡng nhất dưới địa ngục, thì cũng không làm sao chống đỡ hay chịu đựng được...

Hăm dọa bằng nguyên tố nước rồi, mục sư Jonathan quay sang hình ảnh lửa.

Đấng Chúa Trời đương nắm các người giơ trên miệng hố địa ngục, như người ta cầm con nhện hoặc con côn trùng đáng ghét nào đó đang đưa trên lửa, đấng ấy ghê tởm các người, và đã lên con kích động đáng sợ: con thịnh nộ của Ngài nhắm vào các người cháy như lửa; Ngài xem các người chẳng đáng làm gì hơn ngoài ném vào lửa; Ngài là con mắt thuần khiết không chịu nổi phải nhìn thấy các người; trong mắt Ngài các người gồm guốc mười ngàn lần hơn con rắn độc đáng tởm nhất trong mắt chúng ta. Các người đã xúc phạm Ngài hơn không biết bao nhiêu mà kể một kẻ tạo phản ngang tàng xúc phạm quân vương của mình; vậy mà chẳng có gì ngoài bàn tay Ngài giữ các người khỏi một khắc nữa là rơi vào lửa...

Hỡi kẻ có tội!... Các người bị treo trên sợi chỉ mảnh, lửa trời thịnh nộ hùng hực khắp xung quanh, chực thêm một khắc nữa là cháy sém nó, thiêu rụi ra tro; và các người không có quyền nào có người hòa giải, cũng không có gì để bám víu mà giữ mạng, không gì để ngăn chặn ngọn lửa thịnh nộ, không gì các người tự có, không gì các người từng làm, không gì các người có thể làm, mà khiến Chúa Trời tha cho các người dù một khắc...

Nhưng giờ thì cuối cùng cũng đến hình ảnh giảng hòa quan trọng là lần sinh thứ hai - tuy nhiên, chỉ trong một khắc:

Do vậy tất cả các người chưa bao giờ trải qua cuộc chuyển tâm lớn lao, bằng quyền năng phi thường của thần khí Chúa Trời tác động lên linh hồn các người, tất cả những ai chưa bao giờ sinh lần nữa, được tạo ra là những con người mới, và được cho sống lại từ cái chết trong tội lỗi, sang trạng thái ánh sáng và sự sống mới trước đây chưa từng nếm trải (dù các người đã cải biến đến mức nào đòi mình trong nhiều việc, có thể đã có lòng sùng đạo, có thể duy trì hình thức tôn giáo nào đó trong gia đình và trong phòng

riêng, trong nhà thờ, có thể tuân theo nghiêm ngặt), các người do vậy đều nằm trong tay của đấng Chúa Trời giận dữ; chẳng có gì ngoài ý thích đơn thuần của Ngài là giữ cho các người ngay khắc này không bị nuốt chửng trong hủy diệt đời đời.⁽⁴²⁾

“Ý thích đơn thuần của Chúa Trời” che chở cho kẻ tội lỗi khỏi cung tên, trận hồng thủy, ngọn lửa, trong từ vựng truyền thống của Cơ Đốc giáo được gọi là “lòng nhân từ” của Chúa Trời; còn “quyền năng phi thường của thần khí Chúa Trời”, nhờ đó mà có chuyển tâm, là “ân sủng” của Chúa Trời. Trong hầu hết các hệ thần thoại, hình ảnh nhân từ và ân sủng cũng được mô tả sống động ngang với hình ảnh công lý và thịnh nộ, nên cán cân được duy trì, và trái tim được nâng đỡ hơn là chịu roi vọt để tiến lên theo đường nó đi. “Vô úy!” thủ ấn của thần Śiva dạy khi thần nhảy múa trước tín đồ vũ điệu hủy diệt vũ trụ. “Đừng sợ hãi, vì vạn vật đều nằm yên trong Thượng đế. Các hình tượng sinh rồi diệt - thân xác các người chỉ là một trong đó - là những chớp lóe từ tay chân ta nhảy múa. Nhận ra Ta trong tất cả rồi thì các người còn sợ hãi gì?” Phép lạ trong các bí tích (đạt được hiệu lực nhờ khổ hình của Jesus, hay nhờ công đức thiên định của Đức Phật),



HÌNH 27. *Sáng thế* (bích họa, Ý, 1508-1512)

sức mạnh che chở của bùa chú nguyên thủy, hay người phù trợ siêu nhiên trong thần thoại và truyện cổ tích trên thế giới, là lời trấn an nhân loại rằng mũi tên, ngọn lửa và hồng thủy không bao tàn như ta tưởng.

Vì khía cạnh yêu tinh của người cha chỉ là ánh phản chiếu bản ngã của nạn nhân - bắt nguồn từ cảnh tượng gây ấn tượng mạnh thời thơ ấu mà ta đã bỏ lại đằng sau, nhưng được phóng chiếu tới trước; và chính việc tôn thờ có tính cấm chốt cái khái niệm ảo nhằm mục đích giáo huấn đó là lầm lỗi khiến ta chìm trong cảm giác tội lỗi, bí kín tinh thần trưởng thành tiềm tàng trong ta khởi đạt được cái nhìn thực tế hơn, cân bằng hơn về người cha, và do đó là về thế giới. Sự hòa giải (*atonement*) mà vốn từ nguyên nghĩa là “sự đồng nhất, là một” (*at-one-ment*) chẳng qua là sự từ bỏ con quái vật kép tự ta sinh ra đó - con rồng ta tưởng là Chúa Trời (siêu ngã)^(*) và con rồng ta tưởng là tội lỗi (cái *id* bị đè nén). Nhưng muốn làm vậy thì phải từ bỏ sự chấp trước với chính bản ngã; và đây mới là cái khó. Ta phải có niềm tin vào người cha nhân từ, rồi trông cậy ở lòng nhân từ đó. Từ đó, trung tâm của niềm tin sẽ được chuyển ra ngoài vòng tròn siết chặt của vị thần quỷ ám đầy vẫy, rồi thì những con yêu tinh đáng sợ sẽ tan biến.

Chính trong thử thách này người hùng mới mong có được hy vọng và trấn an từ nhân vật nữ giúp đỡ; nhờ phép thuật của bà (bùa phấn hoa hay sức mạnh cầu thay) mà anh ta được che chở qua mọi kinh nghiệm đáng sợ trong quá trình thụ giáo dưới tay người cha, quá trình sẽ đập tan bản ngã của anh. Vì nếu không thể tin tưởng gương mặt người cha đáng sợ, vậy thì niềm tin của ta phải đặt vào đâu khác (Bà Nhện, Đức Mẹ); và nương tựa vào sự giúp đỡ đó, ta chịu được đi qua bước ngoặt - chỉ để rồi cuối cùng thấy người cha và người mẹ phản chiếu lẫn nhau, và thực chất chỉ là một.

*. Hay là “*interego*”, ngã trung gian (xem chú thích tr. 99).



HÌNH 28. *Śiva trong Điệu Nhảy Vũ Trụ*
(đúc đồng, Ấn Độ, khoảng thế kỷ 10-12)

Tính biểu tượng trong hình ảnh giàu sức diễn đạt này đã được Ananda K. Coomaraswamy⁽⁴³⁾ và cả Heinrich Zimmer⁽⁴⁴⁾ trình bày rất hay. Nói vắn tắt là: bàn tay phải chia ra cầm trống, nhịp trống là nhịp thời gian, thời gian là nguyên lý đầu tiên của sáng hóa; tay trái chia ra cầm ngọn lửa, là lửa hủy diệt thế giới tạo vật; bàn tay phải thứ hai làm ấn “vô úy”, trong khi bàn tay trái thứ hai đang chỉ xuống bàn chân trái đưa lên thì để ở tư thế tượng trưng cho “voi” (voi là “kẻ mở đường qua rừng rậm thế giới”, nghĩa là kẻ dẫn đường thiêng liêng); bàn chân phải đạp trên lưng người lùn, tức quý “Vô minh”, biểu thị linh hồn đi từ Thượng đế vào vật chất, nhưng chân trái nhấc lên, cho thấy sự giải thoát của linh hồn: chân trái là chân mà “bàn tay voi” chỉ vào và là lý do cho lời trấn an “vô úy”. Đầu thần cân bằng, an nhiên tĩnh tại, giữa những chuyển động sáng tạo và hủy diệt biểu tượng bằng những cánh tay du đưa và nhịp điệu gót chân phải giậm từ từ. Điều này nghĩa là ở tâm, mọi thứ đều tĩnh lặng. Hoa tai bên phải của Śiva là hoa tai của đàn ông, hoa tai trái là của đàn bà; vì thần bao gồm và nằm ngoài các cặp đối lập. Vẻ mặt của Śiva không buồn rầu cũng không hân hoan, mà là diện mạo của Đấng Chuyển Dời Bất Động, nằm ngoài nhưng vẫn hiện diện bên trong hạnh phúc và nỗi đau của thế gian. Những lọn tóc xoắn lò xo biểu thị tóc lâu ngày không chải gội của bậc yogi Ấn, đang tung bay theo vũ điệu sự sống; vì sự hiện diện của thần mà ta biết trong những niềm vui nỗi buồn của đời sống, và sự hiện diện ta tìm thấy trong cô tịch thiền định, chỉ là hai khía cạnh của cùng một Tồn tại-Ý thức-Cực lạc (*sat-cit-ānanda*) phổ quát, bất nhị. Vòng đeo ở cổ tay, cánh tay và mắt cá chân và sợi chỉ Bà La Môn của Śiva⁽⁴⁵⁾ là những con rắn sống. Điều này nghĩa là ngài điểm trang bằng sức mạnh hóa xà - năng lượng sáng tạo huyền bí của Chúa Trời, là chất liệu và là nguyên nhân hình thức để ngài tự hóa hiện trong vũ trụ với mọi hiện tồn, hóa hiện thành chính vũ trụ với mọi hiện tồn ấy. Trong tóc Śiva có một đầu lâu, biểu tượng cho cái chết, món trang hoàng trên trán của Đấng Hủy Diệt, và cả một mảnh trắng lưới liềm, biểu tượng cho sinh sôi nảy nở, là những ân huệ khác ngài ban cho thế gian. Thêm nữa, trong tóc ngài còn có hoa cà độc dược - từ cây này người ta chế ra chất gây say (so sánh với rượu nho của Dionysos và rượu trong lễ Misa). Một hình ảnh thu nhỏ mẹ sông Hằng khuất trong mấy lọn tóc của ngài; vì chính ngài đón nhận sức nặng của sông Hằng từ trời đổ xuống đầu ngài, rồi để dòng nước ban sự sống và cứu rỗi nhẹ nhàng chảy xuống đất để làm tươi mới lại thể xác tinh thần nhân loại. Có thể thể hiện dáng múa của thần trong âm tiết biểu tượng AUM (ॐ hay ॐ), là sự biểu hiện bằng lời cho bốn trạng thái ý thức cùng các lĩnh vực kinh nghiệm của chúng. (A: ý thức khi thức; U: ý thức khi mơ; M: ngủ không mơ; còn khoảng im lặng bao quanh âm tiết thiêng ấy là Siêu việt Không thị hiện.⁽⁴⁶⁾) Vì thế mà thần ở bên trong tín đồ cũng như bên ngoài.

Một hình ảnh như vậy cho thấy chức năng và giá trị của tượng thần, và cho thấy tại sao các tín đồ sùng bái ngẫu tượng lại không cần đến những bài giảng đạo dài dòng. Tín đồ được phép tìm mình trong ý nghĩa của biểu tượng thiêng trong tịch lặng và vào thời điểm nào phù hợp với mình. Hơn nữa, thần đeo vòng tay vòng chân thì tín đồ cũng đeo như vậy; và vòng của tín đồ mang cùng ý nghĩa như vòng của thần đeo. Vòng của tín đồ làm bằng vàng thay vì rắn, vàng (kim loại không mòn) biểu tượng cho bất tử; nghĩa là, bất tử là năng lực sáng tạo huyền bí của thần, là cái đẹp của thần thể.

Nhiều chi tiết khác về đời sống và phong tục địa phương cũng được sao chép, diễn giải, và do vậy xác nhận trong các chi tiết của các ngẫu tượng hình người tương tự như vậy. Theo cách này, toàn thể sự sống được huy động vào trợ lực cho thiền định. Ta luôn sống giữa một bài giảng vô thanh.

Anh em sinh đôi chiến binh của người Navaho, sau khi cáo từ Bà Nhện, mang theo lời khuyên và các bùa hộ mệnh của bà thực hiện hành trình hiểm nghèo giữa đá nghiêng nát, qua lau sậy cửa cắt thịt da, và xương rồng xé xác, rồi băng qua cát sỏi, cuối cùng họ cũng đến được nhà của Mặt Trời, cha họ. Ở cửa có hai con gấu canh giữ. Hai con gấu chồm dậy rống lên; nhưng mấy chữ Bà Nhện dạy hai cậu bé làm chúng lại nằm mọp xuống. Sau gấu, có một đôi rắn đe dọa, rồi gió, rồi chớp: những người canh giữ ngưỡng cửa tối hậu.^{*} Tuy vậy, tất cả dễ dàng được xoa dịu, bằng câu thần chú.

Nhà của Mặt Trời được xây bằng ngọc lam, rộng lớn và vuông vức, đứng trên bờ một vùng nước bao la. Hai cậu bé bước vào thì thấy một người đàn bà ngồi ở mé Tây, hai chàng trai tuần tú ở mé Nam, hai thiếu nữ xinh đẹp ở mé Bắc. Hai thiếu nữ đứng lên không nói lời nào, quấn hai người mới đến trong bốn lớp áo trời, rồi đặt họ lên giá. Hai cậu bé nằm im. Lát sau một cái lúc lắc treo trên cửa lắc bốn lần và một thiếu nữ nói, “Cha chúng ta đang tới.”

Người công mặt trời sải bước vào nhà, bỏ mặt trời trên lưng ra, treo lên cái mắc ở vách phía Tây gian phòng, nó đung đưa và khua loảng xoảng một lúc, kêu “canh canh canh canh”. Ông quay qua người đàn bà và giận dữ hỏi: “Hai kẻ hôm nay vào đây là ai?” Nhưng người đàn bà không đáp. Đám trẻ nhìn nhau. Người mang mặt trời giận dữ hỏi bốn lần rồi cuối cùng người đàn bà mới nói: “Ông không nên nói nhiều như vậy. Có hai chàng trai đến đây hôm nay tìm cha. Ông đã nói là khi ra ngoài ông không đến thăm ai, và ông chưa hề gặp người đàn bà nào ngoài ta. Vậy thì đây là con trai ai?” Bà chỉ cái gói trên giá, và rồi bầy con cười ý nhị với nhau.

Người công mặt trời lấy cái gói trên giá xuống, tháo bốn lớp áo choàng (làm từ bình minh, trời xanh, ráng chiều vàng,

*. So sánh rất nhiều ngưỡng mà Inanna đi qua; xem trên, tr. 123-125.

bóng đêm), vậy là hai cậu bé lăn ra sàn. Ông tức thì tóm lấy họ. Giận dữ, ông liệng họ vào mấy cọc nhọn bằng vỏ sò trắng cắm ở phía Đông. Hai cậu bé nắm chặt cộng lông sự sống nên nảy bật trở lại. Ông liệng họ cũng mạnh không kém vào mấy cọc nhọn bằng ngọc lam ở phía Nam, bằng bào ngư ở phía Tây, và đá đen ở phía Bắc. Hai cậu bé cứ nắm chặt cộng lông sự sống và nảy bật ra. “Ta ước gì đúng là như thế,” Mặt Trời nói, “rằng chúng là con ta.”

Bốn màu biểu tượng, biểu thị bốn phương trên la bàn, đóng vai trò chủ đạo trong tranh tượng và thờ cúng của dân Navaho. Bốn màu trắng, xanh lam, vàng, đen biểu thị lần lượt là Đông, Nam, Tây và Bắc. Những màu này tương ứng với màu đỏ, trắng, xanh lá và đen trên mũ của thần chơi khăm Edshu của châu Phi (xem tr. 62-63); vì nhà của người cha, cũng như chính người cha, tượng trưng cho trung tâm.

Hai người hùng song sinh được đem thử với biểu tượng bốn phương, để tìm xem họ có mang theo khuyết điểm và hạn chế của phương nào hay không.

Người cha đáng sợ bèn thử hun đến chết hai cậu bé bằng hơi nước trong một căn chòi xông^(*) đốt nóng hực. Họ được các thần gió giúp, cho chỗ khuất được che kín trong chòi để nấp. “Phải, đây là con ta,” Mặt Trời nói khi họ bước ra - nhưng đó chỉ là mảnh khõe; vì ông vẫn nghĩ kế lừa họ. Thử thách cuối cùng là ống đốt nhồi đầy thuốc độc. Một con sâu róm xù xì cảnh báo hai cậu bé và cho họ một vật bỏ vào miệng. Họ hút ống điều mà không hề hấn gì, chuyền nhau hút kỳ hết. Họ còn tấm tắc khen ngon. Mặt Trời tự hào. Ông hết sức ung bưng. “Nào, các con,” ông hỏi, “các con cần gì ở ta? Sao các con đi tìm ta?” Hai người hùng song sinh đã được Mặt Trời, cha họ, tin tưởng hoàn toàn.⁽⁴⁷⁾

Yêu cầu phải thận trọng đặt ra cho người cha - chỉ cho vào

*. Chòi trong đó người ta hành lễ bằng cách đốt lửa cho toát mồ hôi như một cách thanh tẩy.
(ND)

nhà những ai đã được thử thách rất ráo - được minh họa bằng nỗ lực không may của chàng trai Phaëthon, được kể lại trong câu chuyện nổi tiếng của người Hy Lạp. Là con một trinh nữ ở Ethiopia và bị bạn bè khích mà tìm hiểu về cha, chàng lên đường vượt qua Ba Tư và Ấn Độ để tìm cung điện của Mặt Trời - vì mẹ chàng nói rằng cha chàng là Phoebus, vị thần cuối chiến xa mặt trời.

“Cung điện của Mặt Trời đứng cao trên những trụ vời vọi, rực rỡ cả vàng và đồng lấp lánh soi như lửa. Ngà lung linh trên chóp những đầu hồi; cửa gấp hai cánh sáng rực bạc đánh bóng. Và tài khéo của thợ làm nhà còn đẹp để hơn cả vật liệu.”

Đi lên một lối dốc đứng thì Phaëthon tới được bên dưới mái. Rồi chàng nhìn thấy Phoebus đang ngồi trên ngai ngọc lục bảo, bao quanh là các Giờ và Mùa, và Ngày, Tháng, Năm, và Thế Kỷ. Chàng trai trẻ bạo dạn phải dừng ở ngưỡng cửa, bởi mắt trần không chịu nổi ánh sáng; nhưng người cha dịu dàng nói với cậu từ đầu kia sảnh.

“Con đến đây có chuyện gì?” người cha hỏi. “Con tìm gì, hỏi Phaëthon - một đứa con trai không người cha nào nên chối bỏ?”

Chàng trai kính cẩn đáp lại: “Ôi thưa cha (nếu cha ban cho con quyền gọi cái tên đó)! Phoebus! Ánh sáng của cả thế gian! Thưa cha, xin hãy ban cho con một bằng chứng, để ai cũng biết con đích thực là con của cha.”

Vị thần vĩ đại bỏ mũ miện lấp lánh qua một bên và gọi chàng trai đến gần. Ông dang tay ôm lấy chàng. Rồi ông hứa, kèm theo một lời thề ràng buộc, rằng chàng trai muốn bằng chứng nào cũng sẽ được ban cho.

Cái Phaëthon muốn là chiến xa của cha, và quyền điều khiển bầy ngựa có cánh trong một ngày.

“Một thỉnh cầu như vậy,” người cha nói, “chúng tôi đã hấp tấp hứa.” Ông đẩy chàng ra một quãng rồi tìm cách can ngăn chàng giữ thỉnh cầu này. “Vì không biết,” ông nói, “con đã xin nhiều hơn những gì có thể ban cho ngay cả các thần linh. Mỗi

thần đều muốn làm gì tùy thích, vậy mà không ai, ngoài ta, có quyền ngồi vào chiến xa lửa của ta; không, ngay cả thần Zeus cũng không.”

Phoebus thuyết phục. Phaëthon vẫn khẳng khái. Không thể rút lại lời thề, người cha lần lửa hết mức thời gian cho phép, nhưng cuối cùng đành phải dẫn đưa con trai buống bình đến cỗ xe phi thường: trục xe bằng vàng, gong cũng bằng vàng, bánh xe gắn lớp vàng và một vòng nan xe bằng bạc. Thanh ngang khảm hoàng ngọc và châu ngọc. Các thần Giời đã dẫn ra bốn con ngựa từ trong chuồng cao, thở ra lửa và đã no cao lương mỹ vị. Họ thắt dây cương lạnh canh lên ngựa; đám thú to lớn cào cào thanh chấn. Phoebus thoa lên mặt Phaëthon thứ dầu để khỏi bị lửa tấp rồi đội lên đầu cậu vương miện sáng lòa.

“Nếu, ít nhất, con chịu nghe lời cha con căn dặn,” thần khuyên,

hãy tránh dùng roi và nắm chặt dây cương. Bầy ngựa đi cũng đủ nhanh rồi. Cũng đừng đi thẳng qua năm vùng trời, mà rẽ trái ở ngã ba - vết bánh xe ta đi con sẽ thấy rõ ràng. Lại nữa, để trời và đất nóng như nhau, hãy cẩn thận đừng đi quá cao hay quá thấp; vì nếu con đi quá cao sẽ thiêu cháy bầu trời, còn nếu con đi quá thấp thì sẽ làm tóa lửa mặt đất. Đi ở giữa là đường an toàn nhất.

Nhưng hãy mau mau! Khi ta đang nói đây, Đêm động sương đã tới đích bên bờ Tây. Chúng ta đã được gọi. Hãy nhìn kia, bình minh đang sáng lòa. Con trai, cầu cho May Mắn phù hộ và dẫn dắt con tốt hơn con tự dẫn mình. Đây, hãy nắm dây cương.

Tethys, nữ thần biển, đã thả thanh chấn xuống, thế là bầy ngựa lồng lên, bắt chột phóng đi; vó vạch mây; cánh vỗ không khí; chạy nhanh hơn mọi gió thổi lên từ cùng góc phương Đông ấy. Ngay lập tức - nhẹ bẫng đi vì không còn sức nặng đã quen - cỗ xe bắt đầu chòng chành như con tàu không có đồ dằn quăng quật trên sóng. Chàng trai cầm lái hoảng kinh, quên mất dây cương, không biết gì đường sá. Điên cuồng vút lên cao, cỗ xe

sượt qua đỉnh trời khiến những chòm sao xa nhất cũng phải giật mình. Gấu Lớn và Gấu Nhỏ bị cháy thiêu. Rắn Lớn đang nằm cuộn quanh các sao phía cực giờ ưỡn lên, và vì bị nóng trở nên dữ dằn nguy hiểm. Thọ Cày bỏ trốn, cồng kền kéo theo cái cày. Bọ Cạp quật đuôi.

Cỗ xe, sau khi vút lên qua các vùng trời lạ và va đập vào các vì sao một lúc, điên cuồng chúi mũi xuống những đám mây là đà mặt đất; Mặt Trăng sững sờ nhìn bầy ngựa của anh trai chạy bên dưới ngựa của mình. Mây trời bốc hơi. Mặt đất bùng cháy. Núi cháy rần rật; thành đô cùng tường vách lụi tàn; các xứ sở chỉ còn là tro bụi. Đó là lúc các giống dân ở Ethiopia trở nên đen nhẻm; bởi máu bị sức nóng hút lên bề mặt da. Libya thành hoang mạc. Sông Nile kinh hoàng chạy trốn đến tận cùng mặt đất và giấu đầu mình đi, và cho đến tận ngày nay người ta vẫn còn chưa tìm thấy.

Mẹ Đất đưa tay che vầng trán cháy sém, sặc sụa vì khói nóng, trối giọng kêu cầu Jove cha vạn vật cứu thế giới của ông. “Nhìn quanh đi!” bà kêu lên với ông. “Thiên cung nghi ngút khói từ cực này sang cực khác. Hỡi Jove vĩ đại, nếu biển chết, và đất liền, và mọi cõi trời cùng chết, lúc ấy chúng ta sẽ quay về lại cảnh hỗn mang thuở hồng hoang! Nghĩ cách đi! Nghĩ cách cứu nguy vũ trụ chúng ta! Hãy cứu bất cứ gì còn lại khỏi ngọn lửa!”

Jove, vua của các thần, vội vàng triệu tập các thần lại làm chứng là nếu không cấp kỳ có biện pháp nào đó thì mọi sự sẽ tiêu vong. Ngay sau đó ông quày quả lên thiên đỉnh, tay phải cầm lấy lưới sét, liệng nó ngang tai. Cỗ xe vỡ nát; lũ ngựa kinh hoàng vùng thoát; Phaëthon, lửa rần rật trong tóc, rơi xuống như một vì sao sa. Và dòng sông Po hứng lấy tấm thân bốc cháy của chàng.

Các thủy nữ ở xứ đó cho thi thể chàng vào một hầm mộ, trên có lời đề từ này:

*Nơi đây Phaëthon yên nghỉ: trong cỗ xe của Phoebus chàng đi,
Dù thất bại phi phạm, nhưng lòng can đảm của chàng*

còn bội phần hơn thế.⁽⁴⁸⁾



HÌNH 29. Phaëthon rơi (mực trên giấy da, Ý, 1533)

Câu chuyện về người cha nuông chiều này minh họa cái ý niệm cổ xưa là khi các vai trò trong cuộc sống bị trao cho những kẻ không được thụ giáo đúng cách đảm nhiệm, hỗn loạn sẽ xảy ra. Khi đứa trẻ đã rời bỏ cảnh êm ái chung bên bầu vú mẹ mà quay qua đối mặt thế giới hành động chuyên biệt của người lớn, thì về mặt tinh thần, nó đã đi vào địa hạt của người cha - với con trai, ông đã thành dấu hiệu cho nhiệm vụ tương lai, và với con gái, dấu hiệu về người chồng tương lai. Dù ông có biết hay không, và bất kể cương vị của ông trong xã hội là gì, người cha cũng là vị thầy pháp thụ giáo mà qua ông người trẻ tiến vào thế giới rộng lớn hơn. Và trước đây người mẹ tượng trưng cho “thiện” và “ác” thế nào thì giờ đây ông cũng vậy, nhưng phức tạp thêm một tầng - vì trong cục diện xuất hiện một yếu tố mới, sự đối địch: người con trai chống đối cha để giành quyền làm chủ vũ trụ, còn con gái chống đối mẹ để được là thế giới bị làm chủ.

Ý niệm thụ giáo truyền thống có sự kết hợp giữa việc cho ứng viên làm quen với các kỹ thuật, phận sự và đặc quyền trong thiên chức của anh ta, với sự điều chỉnh lại toàn triệt mối liên hệ cảm xúc của anh ta với các hình ảnh cha mẹ. Thầy pháp truyền phép thuật (cha hay người thay mặt cha) sẽ chỉ được phép giao phó các biểu tượng chức vụ cho người con trai khi người ấy đã gột sạch hẳn mọi dồn trút dục năng [*cathexis*] ấu thơ không phải phép - tức là khi việc sử dụng các quyền năng một cách đúng đắn, công tâm sẽ không còn bị các động cơ như bành trướng bản ngã, ưa thích cá nhân hay thù hằn nằm trong vô thức (hay có lẽ thậm chí hữu thức và duy lý hóa) cản trở. Lý tưởng nhất là khi kẻ được giao phó đã triệt tiêu hẳn cái nhân tính phạm tục và trở thành đại diện cho một lực lượng vũ trụ phi nhân cách. Anh ta là kẻ được sinh ra hai lần: chính anh ta đã trở thành người cha. Và do vậy giờ anh ta đã đủ năng lực để đến lượt mình đóng vai người đi thụ giáo cho kẻ khác, người dẫn dắt, của mặt trời, qua anh ta người ta có thể đi từ các ảo tưởng ấu thơ về “thiện” và “ác” sang chứng nghiệm cái uy nghi của luật vũ trụ, gột sạch

hy vọng và sợ hãi, thanh thần trong hiểu biết về mặc khải về sự tồn tại.

“Có lần cháu mơ thấy,” một cậu bé nói, “cháu bị đạn đại bác bắt [nguyên văn]. Chúng bắt đầu nhảy lên rú ré. Cháu ngạc nhiên thấy mình trong phòng khách ở nhà. Có một bếp lửa, và ấm trên lửa đầy nước đang sôi. Chúng ném cháu vào đó và thỉnh thoảng tên đầu bếp đi lại cầm nĩa vào cháu xem cháu chín chưa. Rồi hắn lấy cháu ra và đưa cho tên thủ lĩnh, tên kia định cắn cháu thì cháu tỉnh dậy.”⁽⁴⁹⁾

“Tôi nằm mơ thấy mình đang ngồi bên bàn với vợ,” một quý ông lịch sự kể.

Trong bữa ăn tôi với tay lấy đĩa con thứ hai, sơ sinh, rồi cứ thế thần nhiên bỏ nó vào chén xúp xanh lá, đầy nước hay chất lỏng nào đó rất nóng; vì lấy ra thì nó đã chín như, như món ragu gà.

Tôi để thớt lên thớt cắt bánh mì trên bàn rồi dùng dao thái ra. Khi chúng tôi ăn hết còn một miếng nhỏ như cái mề gà thì tôi lo lắng nhìn lên vợ hỏi, “Em có chắc đã muốn anh làm chuyện này không? Có thật em định lấy thằng bé ăn tối không?”

Vợ tôi đáp, với cái cau mày kiểu bà nội trợ, “Nó chín như vậy rồi, còn làm gì được nữa đâu.” Tôi sắp ăn nốt miếng cuối thì tỉnh dậy.⁽⁵⁰⁾

Ác mộng có tính cổ mẫu này về người cha yêu tinh được biến thành hiện thực trong các thử thách thụ giáo nguyên thủy. Các cậu bé bộ tộc Murngin ở Úc, như chúng ta đã thấy, thoát tiên bị dọa cho sợ và chạy tới mẹ. Rắn Tổ đòi bao quy đầu của họ.^(*) Như vậy đàn bà được đặt vào vai trò người che chở. Người ta thổi một cái tù và đồ sộ, gọi là Yurlunggur, được cho là tiếng gọi của Rắn Tổ vừa từ trong hang chui ra. Khi cánh đàn ông đến tìm mấy cậu bé, cánh đàn bà chộp lấy giáo và không chỉ giả vờ chiến

*. Xem trên, tr. 26.

đầu mà còn than khóc kêu gào, vì mấy cậu bé sẽ bị bắt đi và bị “ăn thịt”. Sân nhảy múa hình tam giác của đám đàn ông là thân của Rắn Tổ. Ở đó họ cho các cậu bé xem, trong suốt nhiều đêm, vô số điệu vũ tượng trưng cho nhiều vật tổ khác nhau, và kể cho nghe những truyện thần thoại giải thích trật tự thế giới hiện hữu. Ngoài ra họ được cho làm chuyến hành trình dài tới các tộc láng giềng và xa xôi, mô phỏng những chuyến lang thang thần thoại của tổ tiên mang tính dương vật.⁽⁵¹⁾ Theo cách này, thực tế là “bên trong” Rắn Tổ, họ được làm quen với một thế giới vật thể mới mẻ thú vị, bù đắp chuyện họ mất đi người mẹ; và dương vật đàn ông, thay vì bầu vú đàn bà, nay biến thành tâm điểm (*axis mundi*, trục thế giới) của trí tưởng tượng.

Chỉ dẫn đỉnh điểm của chuỗi dài nghi lễ là sự giải thoát dương vật người hùng của cậu bé khỏi sự bảo vệ của bao quy đầu, qua cuộc tấn công đáng sợ và đau đớn của người cắt bì:

“Người cha [nghĩa là người cắt bì] là người *tách lìa* đứa trẻ khỏi mẹ nó,” bác sĩ Róheim viết. “Cái bị cắt khỏi cậu bé thật ra là người mẹ... đầu dương vật trong bao quy đầu là đứa trẻ trong người mẹ.”⁽⁵²⁾

Một điều đáng chú ý cần ghi nhận là sự tiếp nối đến tận ngày nay nghi thức cắt bì trong các giáo phái cuồng tín Do Thái và Hồi giáo, ở đó yếu tố nữ được cẩn thận gột sạch khỏi hệ thần thoại chính thức mang tính độc thần triệt để. “Allah không tha thứ tội tổ hợp các thần khác cùng với ngài,” chúng ta đọc thấy trong kinh Koran. “Những kẻ lạc đạo, lạc rất xa khỏi Allah, chỉ cầu nguyện những nữ thần thay vì Allah.”⁽⁵³⁾

Với dân Arunta chẳng hạn, tiếng “bò rống”^(*) dậy lên khắp bốn bề khi đã đến thời khắc làm sự đoạn tuyệt dứt khoát với quá khứ này. Đang là đêm, thế rồi trong ánh sáng lửa kỳ quái bỗng xuất hiện người cắt bì cùng người phụ giúp.

Tiếng vù vù của “bò rống” là giọng của vị quỷ thần chủ trì buổi lễ, và hai người làm phẫu thuật là hiện hình của vị đó.

*. Một nhạc cụ hình thoi, khi quay phát ra tiếng rống lớn. (BT)

Chòm râu nhét vào miệng biểu thị sự giận dữ, hai chân xoạc rộng, hai tay dang tới trước, hai người đàn ông đứng im phắc, người mổ chính đứng phía trước, tay phải cầm dao đá lửa nhỏ để tiến hành phẫu thuật, người phụ tá áp sát đằng sau, để hai cơ thể tiếp xúc với nhau. Rồi một người tiến lại qua ánh lửa, để thăng bằng một tấm khiên trên đầu, đồng thời búng tanh tách ngón cái và ngón trỏ cả hai bên tay. Đám “bò rống” kêu âm ĩ huyên náo, đàn bà trẻ con trong lều ở xa còn nghe thấy. Người đội khiên quỳ một bên chân trước mặt người mổ một chút, tức thì vãi ông chú bác sẽ nhấc một cậu bé lên khỏi mặt đất, khiêng cậu tới, chân chìa ra trước, và đặt cậu lên khiên, trong khi cả đám đàn ông hô rền như sấm. Ca phẫu thuật được thực hiện nhanh chóng, những bóng người đáng sợ tức thì rút lui khỏi vùng sáng, và cậu bé, trong tình trạng ít nhiều choáng váng, được những người đàn ông mà cậu ta vừa mới bước vào thế giới của họ chăm sóc và chúc mừng. “Mi giỏi lắm,” họ nói, “mi không khóc la.”⁽⁵⁴⁾

Thần thoại của thổ dân Úc cho ta biết rằng các nghi lễ thụ giáo đầu tiên được thực hiện theo kiểu mọi thanh niên đều bị giết.⁽⁵⁵⁾ Như vậy ta thấy được nghi thức này, ngoài những thứ khác ra, còn là một sự kịch hóa mối công kích mang phức cảm Oedipus của thế hệ cha anh đối với lứa trẻ; còn cất bị là hình thức giảm nhẹ của việc hoạn.⁽⁵⁶⁾ Nhưng các nghi lễ còn chứa chỗ cho cái thôi thúc ăn thịt người, giết cha của nhóm trai trẻ đang lên và đồng thời hé lộ khía cạnh hy sinh hiến từ của người cha cổ mẫu; vì trong giai đoạn dài dầy dổ mang tính biểu tượng, có một lúc mà đám trẻ được thụ giáo buộc phải sống chỉ bằng máu mới trích từ lứa cha chú. “Thổ dân ở đây,” chúng ta nghe kể,

đặc biệt quan tâm đến nghi thức ban thánh thể của Cơ Đốc giáo, họ nghe các nhà truyền giáo kể về nó thì so sánh với nghi lễ uống máu của mình.⁽⁵⁷⁾

Buổi tối cánh đàn ông đến ngồi vào chỗ theo thứ bậc trong bộ tộc, cậu bé nằm kê đầu trên đùi cha. Cậu ta không được nhúc

nhích, nếu không sẽ chết. Người cha lấy tay bịt mắt cậu, vì người ta tin là nếu cậu bé chứng kiến những điều sắp diễn ra thì *cha mẹ cậu đều sẽ chết*. Một cái tô bằng gỗ hay vỏ cây được đặt gần một người anh em trai của mẹ cậu bé, người này, sau khi cột hồ cánh tay, đâm lủng bắp tay bằng khúc xương xỏ mũi rồi giờ cánh tay trên tô cho đến khi hứng được một lượng máu nhất định. Rồi tới người bên cạnh, và cứ thế, cho đến khi cái tô đầy. Tô chứa được chừng hai lít. Cậu bé bung tô máu uống một hơi thật dài. Nếu cậu thấy quận bụng, người cha sẽ giữ cổ họng để cậu khỏi phun máu ra, vì nếu cậu phun ra thì *cả cha, mẹ, anh chị em cậu đều sẽ chết*. Phần máu còn lại họ đổ lên cậu.

Từ lúc này trở đi, đôi khi suốt cả con trăng, cậu bé không được ăn gì khác ngoài máu người, bởi Yamminga, ông tổ thần thoại của bộ tộc, đã đặt ra luật này... Đôi khi máu khô đi trong tô và rồi người canh giữ dùng khúc xương xỏ mũi cắt nó ra từng phần, và cho cậu bé ăn, từ hai đầu vào trong. Các phần phải được chia đồng đều, bằng không cậu bé sẽ chết.⁽⁵⁸⁾

Lắm lúc những người đàn ông cho máu ngất đi và hôn mê tới cả giờ hoặc hơn vì kiệt lực.⁽⁵⁹⁾ “Thời trước,” một người quan sát khác viết, “máu này (được những người mới tu hành uống theo nghi lễ) lấy từ một người đàn ông bị giết riêng cho mục đích này, và người ta ăn các phần cơ thể ông ta.”⁽⁶⁰⁾ “Ở đây,” bác sĩ Róheim nhận xét, “chúng ta đến gần hơn bao giờ hết sự tái hiện bằng nghi lễ việc giết rồi ăn thịt người cha nguyên thủy.”

Trong một trường hợp được ghi lại, có hai cậu bé nhìn lên khi đáng ra không được nhìn. “Mấy người già bèn tiến tới, mỗi người cầm một con dao đá trong tay. Khom người bên hai cậu bé, họ rạch tĩnh mạch chúng ra. Máu trào ra, và những người khác thấy đều hú lên tiếng kêu chết chóc. Hai cậu bé đã không còn sự sống. Các *wirreenun* (thầy mo) già nhúng dao đá vào máu, chấm vào môi tất cả những người có mặt... Xác các nạn nhân trong lễ Boorah được đem nấu. Những ai đã dự năm lễ Boorah được ăn một miếng thịt; không ai khác được phép chứng kiến việc này.”⁽⁶¹⁾

Chắc chắn rằng dù ta thấy những người mọi rợ Úc trần trùng trục này có vẻ thiếu văn minh thế nào, các nghi lễ biểu tượng của họ cũng biểu thị sự tồn tại đến tận thời nay một hệ thống hướng dẫn tinh thần xưa không thể tưởng, mà các bằng chứng rộng khắp về nó ta sẽ bắt gặp không chỉ trong mọi vùng đất liền và đảo xung quanh Ấn Độ Dương, mà còn giữa tàn tích các trung tâm cổ xưa của nền văn minh ta vẫn xem là chủng riêng hết sức đặc biệt của mình. Người xưa biết được bao nhiêu thì khó mà đoán được nếu chỉ dựa theo các lời tường thuật đã công bố của những người quan sát phương Tây chúng ta. Nhưng có thể thấy qua sự so sánh các hình tượng trong nghi lễ Úc với những nhân vật quen thuộc với chúng ta từ các nền văn hóa cao hơn, rằng những chủ đề lớn, các cổ mẫu vượt thời gian và tác động của chúng đối với linh hồn vẫn là một.

Có thể đọc thấy một tiết lộ sùng sờ về việc ở Melanesia đương đại vẫn còn lại một hệ thống biểu tượng về cơ bản là giống hệt với hệ thống biểu tượng “mê cung” ở Troia-Crete, Ai Cập-Babylon trong thiên niên kỷ thứ hai TCN trong *Người đá ở Malekula* của John Layard.⁽⁶²⁾ W. F. J. Knight đã bàn về mối quan hệ hiển nhiên giữa “hành trình linh hồn xuống âm ty” của dân Malekula với chuyến đi xuống địa ngục của Aineias trong văn hóa Hy Lạp cổ, và của Gilgamesh trong sử thi Babylon,⁽⁶³⁾ trong khi W. J. Perry cho rằng có thể nhận ra các bằng chứng về sự tiếp nối văn hóa này từ Ai Cập và Sumer qua cả châu Đại Dương đến tận Bắc Mỹ.⁽⁶⁴⁾ Nhiều học giả đã chỉ ra những tương đồng gần gũi giữa các chi tiết trong nghi thức thụ giáo của Hy Lạp cổ đại và của dân nguyên thủy Úc.⁽⁶⁵⁾

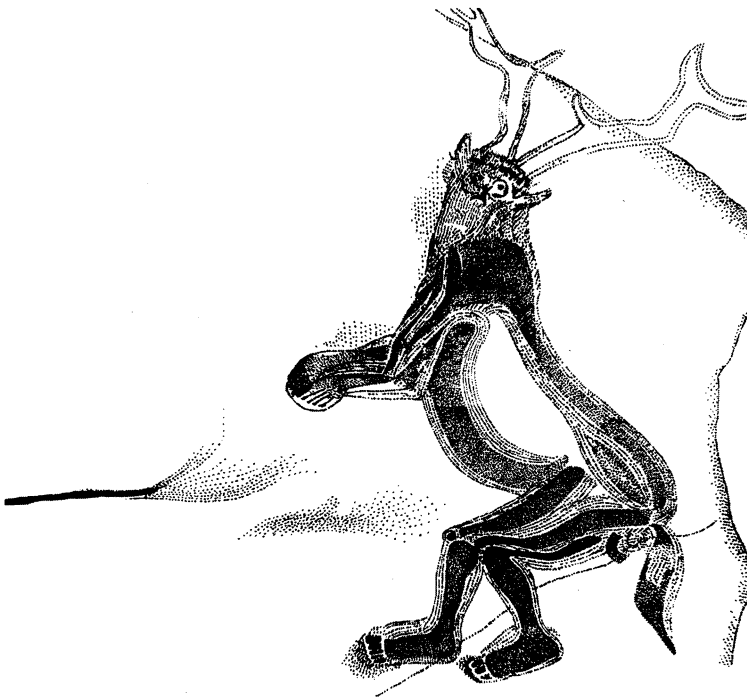
Vẫn còn không rõ bằng cách nào và trong kỷ nguyên nào mà các mô thức thần thoại và văn hóa của nhiều nền văn minh cổ đại khác nhau được truyền bá đến các vùng xa xôi nhất trên trái đất; thế nhưng có thể nói dứt khoát rằng rất ít (nếu có chút nào) trong số gọi là “những nền văn hóa nguyên thủy” được các nhà nhân học của ta nghiên cứu lại là kết quả sự phát triển bản địa. Đúng hơn, chúng là những kết quả từ sự thích nghi ở địa phương, giản lược hóa ở từng vùng miền, và hóa thạch vô cùng xưa cũ của những tập tục truyền thống phát triển trong các xứ sở rất khác, thường là trong những hoàn cảnh ít đơn giản hơn nhiều, và bởi các chủng tộc khác.⁽⁶⁶⁾

*Hãy đến đây, hỡi Dithyrambos,
Đi vào dạ con nam giới này của ta.⁽⁶⁷⁾*

Tiếng kêu này của Zeus, Vị Thần Liêng Sấm, với đứa trẻ con ngài, Dionysos, đã cất lên cái chủ đề quán xuyên trong kịch thần bí Hy Lạp về sự sinh ra lần hai mang tính thụ giáo. “Và những tiếng bò rống vọng tới từ đâu đó, cất lên từ những hình hài đáng sợ không nhìn thấy, và từ tiếng trống đơn lẻ một hình ảnh như tiếng sấm dưới lòng đất được tán phát trong bầu không nặng cả sợ hãi.”⁽⁶⁸⁾ Còn chữ “Dithyrambos”, biệt hiệu cho Dionysos đã bị giết và sống lại, được người Hy Lạp hiểu là biểu nghĩa “người đi qua cửa hai chiều”, người đã qua khỏi phép lạ kỳ diệu là sinh ra lần hai. Chúng ta cũng biết rằng các bài thơ tán đồng ca (*dithyramb*) và các nghi thức hắc ám, sặc mùi máu tanh để tán tụng thần - các nghi lễ liên hệ với sự hồi sinh của cỏ cây, sự hồi sinh của mặt trăng, sự hồi sinh của mặt trời, sự hồi sinh của linh hồn, cử lễ vào mùa phục sinh của vị thần năm - là nghi lễ mở màn cho mỗi bi kịch Athenai cổ đại. Khắp thế giới cổ đại những thần thoại và nghi thức như vậy có vô vàn: cái chết và phục sinh của Tammuz, Adonis, Mithra, Virbius, Attis, Osiris, và đủ các con vật đại diện cho họ (dê và cừu, bò đực, lợn, ngựa, cá, chim) đã trở thành quen thuộc với tất cả những ai nghiên cứu tôn giáo so sánh; các trò chơi ngày hội hóa trang dân gian như Thăng đàn lễ Hạ trần, George Xanh, John Hạt Mạch, và Kostrubonko, Mang Đông đi đón Hạ về và Giết chim hồng tước Giáng sinh đã duy trì truyền thống ấy, trong tâm trạng nô đùa, đến tận lịch pháp đương đại của chúng ta;⁽⁶⁹⁾ và qua giáo hội Cơ Đốc (trong thần thoại về Sa ngã và Cứu chuộc, Đóng đinh thập giá, và Phục sinh, sự “sinh ra lần hai” trong lễ rửa tội, cái vỗ vào má mang tính thụ giáo ở lễ Kiên tín, sự ăn Thịt và uống Máu Thánh có tính biểu tượng) chúng ta được hợp nhất một cách long trọng, và đôi khi hiệu quả, với các hình ảnh bất tử của quyền năng thụ giáo, mà chính nhờ sự vận hành của những hình ảnh ấy qua các bí tích mà con người, từ ngày đầu ở trên trái đất, đã xua tan đi nỗi kinh hoàng về tính hiện tượng

của mình và đạt đến thị kiến về sự tồn tại bất tử, cái thị kiến làm biến hình tất cả. “Vì nếu huyết của dê đực cùng tro bò cái tơ mà người ta rưới trên kẻ ô uế còn làm sạch được phần xác thịt họ và nên thánh thay, huống chi huyết của Đấng Christ, là Đấng nhờ Đức Thánh Linh đòi đời, dâng chính mình không tì tích cho Đức Chúa Trời, thì sẽ làm sạch lương tâm anh em khỏi công việc chết, đăng hầu việc Đức Chúa Trời hằng sống, là đường nào!”⁽⁷⁰⁾

Người Basumbwa ở Đông Phi có truyện về một người thấy cha hiện về, đang chăn đàn gia súc của Thần Chết, và dẫn anh ta theo một lối đi xuống lòng đất, như vào một chuỗi hang mênh mông. Họ đến một vùng rộng có một số người. Người cha giấu con trai rồi đi ngủ. Sáng ra, Đại thủ lĩnh, tức Thần Chết, xuất hiện. Một bên người ông ta thì đẹp đẽ; nhưng bên kia thì thối rữa, giòi roi long tong xuống đất. Đám hầu cận hốt giòi đi. Bọn hầu cận rửa vết thương, và khi chúng làm xong, Thần Chết nói, “Đưa



HÌNH 30. *Phù thủy* (tranh khắc trên vách đá và bôi son đen, thời Đồ đá cũ, Pháp, khoảng 10.000 TCN)

nhỏ sinh ra hôm nay: nếu đi buôn, nó sẽ bị cướp. Đàn bà thụ thai hôm nay: ả sẽ chết với đứa con trong bụng. Đàn ông trồng cấy hôm nay: mùa màng của hắn sẽ héo khô. Kẻ toan đi vào rừng rậm thì bị sư tử ăn thịt.”

Thần Chết tuyên bố lời nguyên cho vũ trụ như vậy rồi quay về nghỉ. Nhưng sáng hôm sau, khi ông ta hiện ra, lũ hầu cận rửa và tắm nước hoa cho bên đẹp đẽ, thoa dầu lên đó. Khi chúng làm xong, Thần Chết có lời ban phúc, “Đứa nhỏ sinh ra hôm nay: chúc cho nó trở nên giàu có. Chúc cho đàn bà thụ thai hôm nay sẽ sinh con sống đến già. Đứa nhỏ sinh ra hôm nay: hãy cho hắn vào chợ; chúc cho hắn mua may bán đắt; chúc cho hắn buôn bán với kẻ mù. Kẻ hôm nay vào rừng: chúc cho hắn giết được thú săn; chúc cho hắn phát hiện ra cả voi. Vì hôm nay ta ban phúc lành.”

Người cha bèn nói với con trai: “Nếu con tới hôm nay, con đã làm ăn khấm khá. Nhưng giờ thì rõ ràng là nghèo khó đã được an bài cho con. Ngày mai con nên về đi.”

Vậy là người con trai quay về nhà.⁽⁷¹⁾

Mặt trời dưới âm ty, Thần Chết, là mặt kia của cùng một vị vua rực rỡ trị vì và ban cho ánh ngày; vì “Ai cấp dưỡng các người từ trên trời xuống dưới đất? Và ai đưa cái sống ra từ cái chết và ai đưa cái chết ra khỏi cái sống? Ai quản lý định đoạt công việc của vũ trụ?”⁽⁷²⁾ Chúng ta nhớ lại câu chuyện kể của người Wachaga về người đàn ông nghèo rớt mồng tơi tên Kyazimba được một mục già đưa lên thiên đình, nơi Mặt Trời nghỉ lúc trưa,⁽⁷³⁾ ở đó Đại thủ lĩnh đã ban cho anh ta thịnh vượng. Và ta cũng nhớ lại thần chơi khăm Edshu, được mô tả trong một truyện kể từ bờ bên kia châu Phi:⁽⁷⁴⁾ gieo rắc xung đột là niềm vui lớn nhất của thần. Đây là những cách nhìn khác nhau về cùng một Thượng đế đáng sợ. Trong ngài chứa đựng và từ ngài mà ra những đối kháng, thiện và ác, sống và chết, đau đớn và lạc thú, ân huệ và tước đoạt. Là hiện thân của cửa mặt trời, ngài là đầu nguồn của mọi cặp đối lập. “Mọi chìa khóa của cõi vô hình đều nằm nơi Ngài... Cuối cùng các người sẽ được đưa về giao lại cho Ngài rồi Ngài sẽ báo cho các người biết về mọi điều các người đã làm.”⁽⁷⁵⁾

Cái bí ẩn về người cha có vẻ như tự mình mâu thuẫn với mình kia được mô tả nhiều ý nghĩa trong hình tượng một vị thần lớn của người Peru thời tiền sử, tên là Viracocha. Mũ miện của thần là mặt trời; mỗi bên tay thần cầm một lưới sét; và nước mắt chảy xuống từ mắt thần là nước mưa làm hồi sinh sự sống trong các thung lũng trên thế giới. Viracocha là Chúa tể Vũ trụ, đáng tạo ra muôn vật; vậy mà các truyền thuyết về mỗi lần thần xuất hiện trên trái đất đều mô tả thần lang thang như người hành khất, áo quần rách rưới, bị chửi rủa. Ta nhớ lại Phúc Âm đoạn nói về Mary và Joseph ở cửa lữ quán Bethlehem,⁽⁷⁶⁾ và câu chuyện trong thần thoại La Mã về thần Jove và Mercurius ăn xin ở cửa nhà Baucis và Philemon.⁽⁷⁷⁾ Ta còn nhớ chuyện Edshu không được nhận ra. Đây là đề tài thường gặp trong thần thoại; ý nghĩa của nó được tóm tắt trong lời kinh Koran: “Khi các người quay mặt về hướng nào thì Allah hiện diện nơi đó.”⁽⁷⁸⁾ “Dù Ngài ẩn trong vạn vật,” tín đồ Ấn giáo nói, “Linh Hồn đó không tỏa rạng đến ngoài; nhưng Ngài được những trí giả thanh tịnh có trí tuệ siêu việt, tinh tế nhìn thấy.”⁽⁷⁹⁾ “Chẻ một que củi,” một cách ngôn dòng Ngộ Đạo nói, “sẽ thấy Jesus.”⁽⁸⁰⁾

Do vậy, Viracocha, biểu thị sự có mặt khắp cùng của ngài theo cách này, dự phần vào hình tượng thần cao nhất trong các thần vũ trụ. Hơn nữa, sự tổng hợp thần mặt trời và thần bão trong nhân vật này cũng là điều thường thấy. Chúng ta đã gặp được nó qua thần thoại Hebrew về Yahweh, kết hợp các đặc điểm của hai thần (Yahweh, thần bão, và El, thần mặt trời); nó được thấy rõ ràng dưới dạng nhân cách hóa là người cha của anh em sinh đôi chiến binh Navaho; nó xuất hiện rành rành trong hình tượng Zeus, cũng như trong lưới sét (kim cương chùy) và vàng hào quang trong hình ảnh Đức Phật ở một số dạng nhất định. Ý nghĩa của nó là ân sủng rót vào vũ trụ qua cửa mặt trời cũng chính là năng lượng của sấm sét hủy diệt vũ trụ mà tự mình không thể bị hủy diệt: ánh sáng xua tan mê mờ của Đấng Bất Hoại cũng chính là ánh sáng sáng tạo. Hay lần nữa, trong một cặp lưỡng cực thứ yếu của tự nhiên: lửa hùng hực trong mặt trời cũng sáng lòe trong



HÌNH 31. Cha Vũ Trụ Viracocha đang khóc
(đồng thau, thời tiền Inca, Argentina, khoảng 650-750)

con bão đem lại phì nhiêu cho đồng ruộng; năng lượng đằng sau cặp nguyên tố đối lập lửa và nước cũng cùng là một thứ.

Nhưng nét tính cách đặc biệt và gây xúc động sâu xa nhất của Viracocha, hình tượng thần vũ trụ được quan niệm cao quý theo lối riêng của người Peru ấy, lại là một chi tiết chỉ của riêng ngài, ấy là chi tiết nước mắt. Các vùng nước sống là nước mắt của Thần Vũ Trụ. Ở đây là cái nhìn yếm thế chê trách thế giới của người tu hành, “Đời là bể khổ”, kết hợp với câu khẳng định sinh ra thế giới của người cha: “Phải có sự sống!” Dù biết rõ nỗi khổ của sự sống dành cho các sinh thể ra đời từ tay mình, dù hiểu rõ những hoang mạc đau đớn gào thét, những bể lửa toác óc của vũ trụ giận dữ, tham lam, tự tàn phá, hủy hoại do mình tạo ra, vị thần này vẫn ưng thuận mà thực hiện hành động cung cấp sự sống cho đời sống. Kim giữ lại dòng nước mang mầm sống sẽ là hủy diệt; nhưng ban nó ra là tạo ra thế giới chúng ta biết này. Vì bản chất của thời gian là biến dịch, là sự rã tan những gì đang tồn tại tạm thời; và bản chất của sự sống là thời gian. Vì lòng nhân từ, vì tình thương ông dành cho các hình tượng trong thời gian, đáng hóa công tạo ra con người này chấp thuận biển khổ; nhưng vì hiểu rõ việc mình đang làm, các vùng nước sinh ra đời sống mà ông ban xuống là nước mắt từ mắt ông.

Cái nghịch lý sáng tạo, sự hình thành các hình tượng thời gian từ vĩnh cửu, là bí mật gieo mầm của người cha. Đó là bí mật không bao giờ giải thích được hoàn toàn. Do vậy mà trong mọi hệ thống thần học đều có một điểm rốn, một sợi gân Achilles mà ngón tay của sự sống mẹ đã chạm vào, và nơi đó khả năng đạt đến tri kiến hoàn hảo đã bị làm hỏng. Vấn đề đặt ra cho người hùng là phải đâm mình (tức có nghĩa là thế giới của mình) tại đúng điểm đó; phải làm đứt bung và triệt tiêu cái nút thắt cốt yếu đó trong tồn tại hạn hẹp của anh ta.

Vấn đề đặt ra cho người hùng đi gặp cha là phải mở linh hồn ra đi qua nỗi kinh hoàng đến một mức độ anh ta sẽ chín muối để hiểu rằng các bi kịch buồn nôn và điên loạn của vũ trụ bao la tàn nhẫn này hoàn toàn có ý nghĩa trong cái uy vĩ của Tồn

tại. Người hùng vượt lên trên sự sống với điểm mù đặc thù của nó và trong chốc lát vươn lên nhìn thấy cội nguồn. Anh ta thấy mặt người cha, hiểu - và cả hai được hòa giải.

Trong câu chuyện về Job trong Kinh Thánh, Chúa Trời không cố bằng thước tắc con người hay thước đo nào khác biện minh cho những tai ương ban phát cho kẻ tội đòi đoan chính của mình, “vốn tròn vẹn và ngay thẳng, kính sợ Đức Chúa Trời, và lánh khỏi điều ác”.^(*) Cũng chẳng phải vì tội lỗi nào của họ mà tội tở của Job bị quân Chaldea tàn sát, con trai con gái ông bị mái nhà đổ sụp đè nát. Khi bạn bè tới an ủi ông, với lòng sùng tín ở công lý của Chúa Trời, họ nói chắc hẳn Job đã làm điều gì ác mới đáng bị giáng họa kinh khiếp như vậy. Nhưng kẻ chịu nạn trung thực, can đảm, cầu trí kiến vẫn một mực rằng ông chỉ làm toàn việc thiện; nghe vậy người đang an ủi ông, Elihu, buộc tội ông báng bổ, vì xưng mình còn công chính hơn cả Chúa Trời.

Khi chính Chúa Trời đáp lời Job từ trong xoáy lốc, ngài không tìm cách thanh minh việc ngài làm về mặt đạo đức, mà chỉ khuếch đại sự hiện diện của ngài, dạy Job cũng làm như vậy ở hạ giới theo kiểu con người học theo cách của trời:

Hãy thất lung người như kẻ dưng sĩ; ta sẽ hỏi người, người sẽ chỉ dạy cho ta! Người há có ý phế lý đoán ta sao? Có muốn định tội cho ta đặt xưng mình là công bình ư? Người có một cánh tay như của Đức Chúa Trời chăng? Có thể phát triển tiếng sấm rền như Ngài sao? Vậy bây giờ, người hãy trang điểm mình bằng sự cao sang và oai nghi, mặc lấy sự tôn kính và vinh hiển. Khá tuôn ra sự giận hờn của người; hãy liếc mắt coi kẻ kiêu ngạo và đánh hạ nó đi; khá chà nát kẻ hung bạo tại chỗ nó. Hãy giấu chúng nó chung nhau trong bụi đất, và lấp mặt họ trong chốn kín đáo. Bấy giờ ta cũng sẽ khen ngợi người. Vì tay hữu người cũng cứu người được!⁽⁸¹⁾

Không có lời giải thích, không nhắc đến lời đánh cược đáng

*. Kinh Thánh, Job 1:8. (ND)

ngờ của Satan mô tả trong chương một Sách Job; chỉ có trình diễn sấm chớp về sự thật trong mọi sự thật, ấy là con người không thể cân đo được ý muốn của Chúa Trời, nó xuất phát từ một trung tâm vượt ngoài các phạm trù con người. Các phạm trù, quả thật, đã bị Đấng Toàn Năng trong Sách Job đập tan tành, và không bao giờ khôi phục lại. Dầu vậy, với Job thì mặc khải ấy có vẻ đem đến ý nghĩa thỏa lòng. Ông là người hùng mà, bằng lòng can đảm trong lò nung hừng hực, bằng việc không chịu sụp xuống phủ phục trước quan niệm chung về tính cách của Chúa Trời, đã chứng tỏ mình đủ sức đối mặt sự mặc khải lớn lao hơn những gì làm các bạn ông vừa lòng. Ta không thể diễn giải lời ông trong chương cuối đơn thuần là lời của người đang khiếp sợ. Đó là lời của người đã *thấy* cái gì đó vượt quá bất cứ gì đã được *nói* để biện minh. “Trước lỗ tai tôi có nghe đồn về Chúa, nhưng bây giờ, mắt tôi đã thấy Ngài: vì vậy, tôi lấy làm gớm ghê tôi, và ăn năn trong tro bụi.”⁽⁸²⁾ Những kẻ an ủi sùng đạo đã phải chịu nhún; Job được ban cho nhà mới, gia nhân mới, và con trai con gái mới. “Sau việc ấy, Job còn sống một trăm bốn mươi năm; người thấy các con trai, cháu, chít mình đến đời thứ tư. Rồi Job qua đời tuổi cao tác lớn.”⁽⁸³⁾

Với người con trai đã thật sự đi tới chỗ biết người cha, các thống khổ của thử thách có thể vui vẻ chịu; thế giới không còn là thung lũng nước mắt mà một hóa hiện bất tử, ban diễm phúc của Chúa Trời. Hãy thử đối lập con thịnh nộ của vị Chúa Trời giận dữ mà Jonathan Edwards và giáo đoàn của ông quen thuộc với lời thơ dịu dàng sau đây từ các khu ghetto Đông Âu khốn khổ cũng của thế kỷ đó:

*Kính lạy chúa tể vũ trụ
 Con xin hát dâng Ngài.
 Nơi đâu thì tìm thấy Ngài,
 Và nơi đâu thì không tìm thấy Ngài?
 Con đi qua đâu - ở đấy có Ngài.
 Con ở lại đâu - Ngài cũng ở đó.
 Ngài, Ngài, và chỉ một mình Ngài.*

Mọi chuyện tốt đẹp là nhờ Ngài.

Mọi chuyện xấu xa thì cũng do Ngài.

Ngài hiện diện, Ngài đã hiện diện, và Ngài sẽ hiện diện.

Ngài đã ngự trị, Ngài đang ngự trị và Ngài sẽ ngự trị.

Trời là của Ngài, đất là của Ngài.

Ngài đổ đầy non cao,

Ngài cũng lấp đầy trũng thấp.

Con quay qua đâu cũng thấy Ngài ở đó.⁽⁸⁴⁾

5. PHONG THẦN

Một trong những vị Bồ tát uy lực và được kính ngưỡng nhất trong Phật giáo Đại Thừa ở Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản là Liên Hoa Thủ, Avalokitesvara tức Quán Thế Âm, “Đấng Bi Mẫn Nhìn Xuống Thế Gian”, được gọi như vậy vì với lòng từ bi ngài nhìn mọi loài hữu tình chịu khổ vì những cái xấu ác của hiện hữu. Dâng cho ngài là câu tụng một triệu lần nơi kinh luân và công trong đền thờ ở Tây Tạng: *Om mani padme hum*, “ngọc quý trong hoa sen”. Trong mỗi phút người ta cầu xin ngài có lẽ nhiều hơn bất kỳ bậc vị nào con người từng biết; vì trong kiếp sau cùng dưới dạng người ở trần gian, khi ngài đã tự đập tan trói buộc ở ngưỡng cuối cùng (khoảnh khắc đó mở ra cho ngài cái phi thời gian của cõi không bên kia những ảo hóa chán ngán của vũ trụ danh sắc và trói buộc), ngài dừng: ngài phát thệ rằng trước khi nhập Niết Bàn ngài sẽ dẫn dắt mọi loài chúng sinh không trừ ai đến chánh giác; và kể từ đó ngài tưới tắm nhuần khắp cõi tồn tại thần lực từ sự hiện diện độ trì của ngài, để lời cầu xin bé mọn nhất dâng ngài khắp cõi tâm linh bao la của Phật cũng được ngài nhân từ nghe thấy. Trong nhiều hình tượng khác nhau ngài đi qua mười ngàn cõi, và thị hiện vào giờ phút con người khốn quẫn và cầu xin. Ngài thị hiện trong dạng phạm nhân có hai tay, trong



HÌNH 32. Bồ tát (phương trong đền, Tây Tạng, thế kỷ 19)

dạng siêu phàm có bốn tay, hay sáu, hay mười hai, hay một ngàn tay, và trong một tay trái ngài cầm hoa sen thế giới.

Cũng giống như bản thân Đức Phật, bậc vị thiêng liêng này là mô thức trạng thái siêu phàm mà người hùng con người đạt tới sau khi đã vượt qua được những quỷ dữ vô minh sau cùng. “Tâm không còn chướng ngại nên không có sợ hãi, xa lìa mọi điên đảo.”⁽⁸⁵⁾ Đây là sự giải thoát tiềm tàng bên trong tất cả chúng ta, mà ai cũng có thể đạt được - qua nhận lãnh vai người hùng; vì, như ta đọc thấy: “Tất cả các pháp đều là Phật pháp” (mọi sự trên đời đều có Phật tính)⁽⁸⁶⁾; hay hơn nữa (và đây chẳng qua là mặt còn lại của cùng phát biểu đó): “Vạn sự đều vô ngã”.

Phật giáo Nam tông hay Tiểu Thừa, Thượng tọa bộ (tông phái Phật giáo còn tồn tại ở Tích Lan [Sri Lanka ngày nay - BT], Miến Điện, Thái Lan) thờ Đức Phật như một người hùng con người, một thánh nhân và hiền giả tối thượng. Trái lại, Phật giáo Đại Thừa (Bắc tông) xem Bạc Giác Ngộ là vị cứu độ thế gian, hóa thân của lý giác ngộ phổ quát.

Bồ tát là bậc sắp chứng Phật quả: theo quan niệm Tiểu Thừa, là một bậc giác giả sẽ thành Phật trong kiếp tiếp theo; theo quan niệm Đại Thừa (như các đoạn sau sẽ cho thấy), là một kiểu đáng cứu độ thế gian, đặc biệt đại diện cho lý từ bi phổ quát. Chữ *bodhisattva* (tiếng Phạn) nghĩa là: “bậc giác ngộ”.

Phật giáo Đại Thừa đã phát triển một hệ thống nhiều bậc vị Bồ tát và nhiều Phật quá khứ và vị lai. Tất cả những vị này phản chiếu quyền năng thị hiện của vị Ādi-Buddha (“Bản Sơ Phật”) duy nhất và siêu việt,⁽⁸⁷⁾ là nguồn cao nhất con người quan niệm được và giới hạn tốt cùng của Hữu, lơ lửng trong hư không của Vô như một bong bóng diệu kỳ.

Thế gian ngập tràn ngài và sáng rõ dưới ánh sáng của ngài, nhưng nó không nắm giữ được Bồ tát (“giác hữu tình”); đúng hơn, chính ngài nắm giữ thế gian, hoa sen thế gian. Sương khổ không vây bọc ngài, ngài bảo bọc chúng - và an nhiên vô cùng. Và vì ngài là trạng thái mà tất cả chúng ta có thể đạt thành, nên sự hiện diện của ngài, hình ảnh của ngài, hoặc chỉ hồng danh ngài cũng đủ cứu độ.

Bồ tát ấy có tám mươi ức ánh sáng vì diệu làm chuỗi đeo. Trong chuỗi đeo, ánh sáng ấy khắp hiện tất cả sự trang nghiêm. Thân màu tử kim, bàn tay màu năm trăm ức hoa sen đẹp, mỗi mỗi đầu ngón có tám vạn bốn ngàn lần đường như ấn văn, mỗi mỗi lần có tám vạn bốn ngàn màu sắc, mỗi mỗi màu sắc có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, ánh sáng ấy mềm dịu chiếu khắp tất cả. Bồ tát dùng tay báu này tiếp dẫn chúng sanh. Trong viên quang quanh cổ có năm trăm Hóa Phật, mỗi mỗi Hóa Phật có năm trăm Hóa Bồ tát làm thị giả, mỗi mỗi Hóa Bồ tát lại có vô lượng chư Thiên làm thị giả. Lúc Bồ tát để chân xuống, có hoa kim cương ma ni rải rắc tất cả, không chỗ nào là chẳng đầy khắp. Mặt Bồ tát như màu vàng Diêm Phù Đề. Trên đỉnh có thiên quan bằng Tỳ Lăng Già Ma Ni báu, trong thiên quan có một Hóa Phật, đứng cao hai mươi lăm do tuần.^(*)(88)

Ở Trung Hoa và Nhật Bản vị Bồ tát đại từ đại bi này được thể hiện không chỉ trong thể dạng nam mà còn dạng nữ. Guanyin của Trung Hoa hay Kan'on của Nhật Bản - Đức Mẹ của Viễn Đông - chính là vị từ bi quán chiếu thế gian này. Ta sẽ bắt gặp bà trong mọi chùa chiền ở tận những góc ngách xa nhất phương Đông. Bà nhân từ với kẻ khờ người dại như nhau; bởi đằng sau lời thệ của bà là một trực giác thâm sâu, cứu nhân độ thế. Dừng lại bên ngưỡng Niết Bàn, cái quyết tâm khoan hồng cực lực trường cửu đợi cho đến tận cùng thời gian (mà nó thì bao giờ có tận cùng) nói lên điều giác ngộ rằng sự phân biệt giữa vĩnh cửu và thời gian chỉ là biểu kiến - tất yếu do tâm duy lý tạo ra, nhưng tiêu tan trong tri kiến toàn hảo của tâm đã vượt lên trên mọi cặp đối lập. Điều hiểu được là thời gian và vĩnh cửu là hai khía cạnh của cùng một toàn thể kinh

*. Dựa trên bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh. Trích dẫn của Campbell có xáo trộn thứ tự các câu so với nguồn trích, phần tiếng Việt cũng đổi trật tự cho phù hợp. Lưu ý bản tiếng Anh nói "tám ngàn tia sáng" thay vì "tám mươi ức ánh sáng", "năm trăm hoa sen" thay vì "năm trăm ức hoa sen". (BT)



HÌNH 33. *Avalokitesvara*, Quán Âm Bồ tát
(tượng gỗ son, Trung Hoa, thế kỷ 11-13)

nghiệm, hai bình diện của cùng cái bất khả tư nghị có tính bất nhị; tức là viên ngọc vĩnh cửu nằm trong hoa sen sinh tử: *om mani padme hum*.

Điều tính đầu tiên cần lưu ý ở đây là tính cách lưỡng tính của Bồ tát: *Avalokitesvara* nam, Quán Âm nữ.

Các vị thần vừa là nam vừa là nữ không phải hiếm thấy trong thế giới thần thoại. Các vị luôn hiện ra với một bí ẩn nào đó; vì họ đưa tâm đi khỏi lĩnh vực kinh nghiệm khách quan vào một địa hạt biểu tượng mà nhị nguyên tính bị bỏ lại đằng sau. Awonawilona, vị thần chính của dân Zuni (thổ dân Bắc Mỹ), người tạo ra và dung chứa tất cả, thỉnh thoảng được gọi là ông, nhưng thật ra là nửa ông nửa bà. Thái Nguyên thánh mẫu, vị thần thái cổ trong sử biên niên Trung Hoa, kết hợp trong mình cả Dương nam và Âm nữ.

Dương, nguyên lý nam, sáng, tích cực, cùng Âm, nguyên lý nữ, tối, thụ động, tương tác với nhau sẽ làm nền tảng và tạo nên toàn thể thế giới hình tượng (“vạn vật”). Chúng từ Đạo mà ra và cùng nhau chứng thị hiện nên Đạo: nguồn gốc và quy luật của tồn tại. Đạo nghĩa là “đường”. Đạo là con đường hay tiến trình của tự nhiên, định mệnh, trật tự vũ trụ; là Tuyệt đối được làm cho thị hiện. Đạo do vậy cũng là “chân lý”, “chính nghiệp”. Dương và Âm cùng nhau tạo nên Đạo được mô tả thế này: ☯. Đạo làm nền cho vũ trụ. Đạo ngụ trong mọi tạo vật.

Giáo lý Kabbalah của người Do Thái thời Trung cổ, cũng như các ghi chép Cơ Đốc Ngộ Đạo thế kỷ 2, trình bày Ngôi Lời Nhập Thể dưới dạng lưỡng tính - mà quả đấy là trạng thái của Adam khi được tạo ra, trước khi khía cạnh nữ, Eve, được trích ra làm thành thể dạng khác. Và giữa người Hy Lạp, không chỉ Hermaphroditos (con của Hermes với Aphrodite),⁽⁸⁹⁾ mà cả Eros, thần tình yêu (vị thần đầu tiên, theo Platon),⁽⁹⁰⁾ cũng mang giới tính vừa là nam vừa là nữ.

“Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ.”⁽⁹¹⁾ Ta có thể nảy ra câu hỏi về bản chất của hình ảnh Chúa Trời; nhưng câu trả lời đã được đưa ra trong kinh, và khá rõ ràng. “Khi Đức Chúa Trời tạo ra con người đầu tiên, Ngài tạo ra một người lưỡng tính.”⁽⁹²⁾ Việc trích khía cạnh nữ ra làm thành hình tượng khác tượng trưng cho khởi đầu của sự sa ngã từ hoàn chỉnh sang nhị nguyên; nên lẽ đương nhiên theo sau sẽ là việc phát hiện ra tính nhị nguyên thiện-ác, việc bị đuổi khỏi vườn địa đàng nơi Chúa Trời bước trên mặt đất, và do vậy mà có việc xây Tường Thiên Đường, bằng “sự trùng hợp các mặt đối lập”,⁽⁹³⁾ bức tường khiến Con Người (giờ đã là đàn ông và đàn bà) bị cắt đứt không chỉ với hình ảnh mà còn cả ký ức về hình ảnh Chúa Trời.

Đây là phiên bản trong Kinh Thánh của một thần thoại phổ biến ở nhiều xứ. Đó là một trong nhiều cách cơ bản để biểu tượng hóa cái bí ẩn sáng thế: vĩnh cửu suy thoái thành thời gian, một chia thành hai rồi thành nhiều, và sự sống mới sinh ra khi hai kết hợp lại lần nữa. Hình ảnh này xuất hiện ở đầu chu kỳ khởi nguyên vũ trụ,⁽⁹⁴⁾ và cũng - xứng đáng không kém - có mặt

ở phần kết nhiệm vụ của người hùng, vào lúc mà tường thiên đường tan biến, hình tượng trời tìm lại được và nhớ lại được, và minh triết có lại được.⁽⁹⁵⁾

Tiresias, nhà tiên tri mù, vừa là nam vừa là nữ: mắt ông không còn thấy được những hình tượng đã vụn vỡ của thế giới ánh sáng nơi có các cặp đối lập, nhưng ông lại thấy được trong bóng tối nội tâm ông định mệnh của Oedipus.⁽⁹⁶⁾ Śiva xuất hiện đã hợp nhất trong thân thể với Śakti, vợ thần - thần là nửa phải, bà là nửa trái - trong hóa hiện gọi là Ardhanārīśvara, “Thần Bán Nữ”.⁽⁹⁷⁾ Các hình ảnh tổ tiên của vài bộ tộc châu Phi và Melanesia cho thấy một vị có ngực của mẹ cùng râu và dương vật của cha.⁽⁹⁸⁾ Còn ở Úc, khoảng một năm sau thử thách cắt bì, ứng viên chờ được công nhận tư cách trưởng thành đầy đủ phải chịu một phẫu thuật mang tính lễ nghi thứ hai: cắt đáy dương vật (rạch mặt dưới dương vật, để xẻ một rãnh vĩnh viễn vào trong niệu đạo). Rãnh này gọi là “dạ con dương vật”. Nó là âm đạo biểu tượng của nam. Người hùng, nhờ nghi lễ, đã thành hơn cả đàn ông.⁽⁹⁹⁾



HÌNH 34. Tổ tiên lưỡng tính (tượng gỗ, Mali, thế kỷ 20)

Máu để vẽ lên cơ thể trong nghi lễ và để dán lông tơ chim trắng vào người được lấy từ rãnh cắt đáy dương vật của các cha ông thổ dân Úc. Họ rạch vết thương cũ ra, cho máu chảy.⁽¹⁰⁰⁾ Nó đồng thời là biểu tượng của máu kinh nguyệt từ âm đạo và tinh dịch của đàn ông, cũng như nước tiểu, nước và sữa của đàn ông. Máu chảy ra cho thấy rằng các ông già chứa trong mình nguồn sống và dinh dưỡng;⁽¹⁰¹⁾ rằng họ là một vói suối nguồn thế giới không bao giờ cạn.⁽¹⁰²⁾

Tiếng gọi của Rắn Tổ thật đáng sợ với đứa trẻ; còn người mẹ thì che chở. Nhưng người cha đến. Ông là người dẫn dắt và thụ giáo cho đứa trẻ vào các bí ẩn của cõi xa lạ. Là người đầu tiên xâm nhập vào thiên đường của đứa trẻ bên mẹ nó, người cha là kẻ thù cổ mẫu; vì vậy mà suốt cả đời mọi kẻ thù đều là biểu tượng (đối với vô thức) cho người cha. “Bất cứ gì bị giết cũng thành người cha.”⁽¹⁰³⁾ Do vậy mà trong các cộng đồng săn đầu người (như ở New Guinea chẳng hạn) có tục sùng kính các thủ cấp đem về sau các đợt tàn sát rửa hận.⁽¹⁰⁴⁾ Cũng vì vậy mà có cái thôi thúc không cưỡng được là gây chiến: cái thôi thúc tiêu diệt người cha liên tục biến thành bạo lực chung. Các cụ già trong cộng đồng gần gũi hay chủng tộc bảo vệ mình trước đám con trai đang lớn bằng phép thuật tâm lý là các nghi lễ vật tổ. Họ đóng vai người cha yêu tinh, rồi cho thấy mình cũng là người mẹ nuôi nấng. Do vậy một thiên đường mới và rộng lớn hơn được thiết lập. Nhưng thiên đường này không bao gồm cả các bộ tộc, hay chủng tộc kẻ thù truyền thống, chúng vẫn là đối tượng phải hứng chịu sự tấn công có hệ thống. Tất cả phần “hiền” trong nội hàm cha-mẹ đều được để dành cho gia đình, còn phần “ác” thì bị đẩy ra khắp thế giới: “Vì người Philistine này, kẻ chẳng chịu phép cắt bì này, là ai, mà lại dám sỉ nhục đạo binh của Đức Chúa Trời hằng sống?”⁽¹⁰⁵⁾ “Và chớ trì trệ trong việc đuổi bắt địch. Nếu các người đau đón thì chúng cũng bị đau đón như các người. Nhưng các người đặt hy vọng nơi Allah điều mà chúng không có niềm hy vọng nào.”⁽¹⁰⁶⁾

Các cộng đồng thờ cúng vật tổ, bộ lạc, chủng tộc, các giáo phái truyền đạo ưa tấn công người ngoại đạo chỉ đưa ra những giải

pháp cục bộ cho vấn đề tâm lý là xoa dịu hận thù bằng tình yêu; chúng chỉ thực hiện được phần nào quá trình thụ giáo. Bản ngã không bị triệt tiêu trong các hình thức tổ chức nhóm này, mà nó được phóng đại; thay vì chỉ nghĩ đến mình, cá thể quay ra tận tâm phục vụ toàn thể xã hội *của mình*. Trong khi đó thì thế giới còn lại (nghĩa là phần nhân loại lớn hơn hẳn hội nhóm của anh ta) bị bỏ ra ngoài phạm vi cảm thông và bảo vệ của anh ta, vì nằm ngoài phạm vi bảo vệ của vị thần của anh ta. Vậy là bấy giờ sẽ diễn ra sự chia rẽ kịch tính hai nguyên lý yêu thương và hận thù mà các trang sử vẫn minh họa nhiều biết bao. Thay vì dẹp trống tâm mình thì kẻ cuồng tín lại cố dẹp sạch thế giới. Các luật lệ ở Nước Chúa chỉ áp dụng cho nội bộ nhóm của anh ta (bộ tộc, giáo hội, dân tộc, giai cấp, hay bất kỳ thứ gì khác) trong khi lửa thánh chiến trường cửu lại được anh ta ném (với lương tâm trong sạch, và thực tế là một cảm giác phụng sự sùng kính) vào bất cứ kẻ nào chưa cắt bì, hay man di, ngoại đạo, “thổ dân”, hay dân ngoại bang tình cờ ở vào vị trí láng giềng.⁽¹⁰⁷⁾

Kết quả là thế giới này đầy các phe nhóm phân tranh: những người sùng bái vật tổ, quốc kỳ, đảng phái. Ngay cả những dân tộc tự nhận là Cơ Đốc - nghĩa là môn đồ của một Đấng Cứu Chuộc “Thế giới” - lại nổi tiếng trong lịch sử vì sự dã man ở thuộc địa và tranh đoạt nổi da xáo thịt hơn là vì chút biểu hiện thiết thực nào cho thấy tình yêu vô điều kiện đó, cái tình yêu đồng nghĩa với cuộc chinh phục hiệu quả bản ngã, thế giới bản ngã, thần bộ tộc của bản ngã, như lời giảng của vị mà họ tôn là Chúa Trời của họ:

Nhưng ta phán cùng các ngươi; hãy yêu kẻ thù mình, làm ơn cho kẻ ghét mình, chúc phước cho kẻ rủa mình, và cầu nguyện cho kẻ sỉ nhục mình. Ai vả ngươi má bên này, hãy đưa luôn má bên kia cho họ; còn nếu ai giựt áo ngoài của ngươi, thì cũng đừng ngăn họ lấy luôn áo trong. Hễ ai xin, hãy cho, và nếu có ai đoạt lấy của các ngươi, thì đừng đòi lại. Các ngươi muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người ta thế ấy. Nếu các ngươi yêu kẻ yêu mình, thì có ơn chi? Người có tội cũng yêu kẻ yêu mình. Nếu các ngươi làm ơn cho kẻ làm ơn mình, thì có ơn chi? Người có tội cũng làm như vậy.

Nếu các người cho ai mượn mà mong họ trả, thì có ơn chi? Người có tội cũng cho người có tội mượn, để được trả lại y số. Song các người hãy yêu kẻ thù mình; hãy làm ơn, hãy cho mượn, mà đừng ngã lòng. Vậy, phần thưởng của các người sẽ lớn, và các người sẽ làm con của Đấng Rất Cao, vì Ngài lấy nhân từ đối đãi kẻ bạc và kẻ dữ. Hãy thương xót như Cha các người hay thương xót.⁽¹⁰⁸⁾

Hãy so sánh với lá thư Cơ Đốc sau:

Trong năm Thiên Chúa 1682

Kính gửi ông John Higginson lão trọng:

Lúc này ngoài biển có con tàu gọi là *Chào mừng*, trên tàu có 100 hay hơn kẻ dị giáo và tà ma gọi là Quaker, dẫn đầu là tên vô lại chủ chốt tên W. Penn. Tòa tổng theo đó đã ban lệnh thiêng cho thuyền trưởng Malachi Huscott, của thuyền *Cá heo*, trí xảo mai phục tàu *Chào mừng* nọ càng gần Mũi Cod càng hay, và bắt tên Penn này cùng đám vô đạo của hắn, để Chúa Trời được vinh danh chứ không bị nhạo báng trên mảnh đất của xứ sở mới này vì sự thờ phụng ngoại đạo của những kẻ này. Sẽ thu được nhiều nếu bán cả đám đi Barbadoes, ở đó nô lệ đổi được lấy giá cao bằng rượu rum và đường và ta sẽ không chỉ làm lợi cho Thiên Chúa bằng cách phạt quân xấu xa, mà ta còn làm lợi nhiều cho giáo sĩ và giáo dân của ngài.

Bằng hữu của ngài trong lòng Chúa Christ,
COTTON MATHER⁽¹⁰⁹⁾

Khi đã thoát khỏi những định kiến trong cách hiểu các cổ mẫu thế giới theo lối hạn hẹp vùng miền của giáo hội, bộ tộc hay dân tộc ta rồi thì ta sẽ có thể hiểu rằng sự thụ giáo tối cao không phải là sự thụ giáo của những người cha trong vai mẹ ở bên mình, những người sau đó lại chuyển hướng tấn công sang hàng xóm để bảo vệ mình. Tin mừng mà Đấng Cứu Thế đem đến và biết bao nhiêu người đã mừng rỡ nghe thấy, sốt sắng rao giảng, nhưng xem ra lại miễn cưỡng chứng tỏ, ấy là Chúa Trời là tình yêu, rằng có thể yêu kính ngài, và ngài sẽ được yêu kính, và rằng tất cả không chứa ai đều là con của ngài.⁽¹¹⁰⁾ Những chuyện so ra thì khá vụn vặt như các chi tiết còn lại trong tín điều, các kỹ thuật thờ phụng, các công cụ tổ chức giáo hội qua giám mục (những thứ đã cuốn hút sự quan tâm của các nhà thần học phương Tây đến mức ngày nay họ nghiêm túc bàn bạc và coi đó là những vấn đề

chính yếu của tôn giáo), chỉ là những cái bẫy thông thái rởm, trừ phi được kìm giữ chỉ làm phần phụ cho lời huấn chính. Quả thật, nơi đâu không giữ được như vậy, ở đấy chúng sẽ dẫn đến thoái bộ: chúng kéo lùi hình ảnh người cha trở lại các chiều kích vật tổ. Và tất nhiên, đấy chính là điều đã xảy ra khắp thế giới Cơ Đốc. Đến phải nghĩ rằng chúng ta đã được kêu gọi phải quyết định hay phải biết xem ai, trong tất cả chúng ta, được Cha thích hơn. Nhưng giáo lý thì lại ít phỉnh phờ hơn nhiều: “Các người đừng xét đoán ai, để mình khỏi bị xét đoán.”⁽¹¹¹⁾ Thánh giá của Đấng Cứu Thế, bất chấp hành vi của các tu sĩ tự xưng của nó, là biểu tượng có tính dân chủ hơn lá cờ địa phương nhiều.⁽¹¹²⁾

Tiến sĩ Karl Menninger đã chỉ ra rằng dù các giáo sĩ Do Thái, các mục sư Tin Lành và các linh mục Công giáo đôi khi có thể đi đến chỗ dung hòa các khác biệt lý thuyết của họ về đại thể, thế nhưng hễ họ bắt đầu mô tả nội quy luật lệ để đạt đời sống vĩnh hằng, họ lại bất đồng vô phương cứu chữa.⁽¹¹³⁾ “Cho đến thời điểm này thì chương trình thật hoàn hảo,” tiến sĩ Menninger viết. “Nhưng nếu không ai biết chắc nội quy luật lệ là gì, tất cả sẽ trở nên một chuyện phi lý.” Câu trả lời cho điều này, tất nhiên, là câu Ramakrishna đã đưa ra:

Thượng đế đã làm ra các tôn giáo khác nhau để phù hợp với những tín đồ, thời gian, xứ sở khác nhau. Chừng ấy giáo thuyết chỉ là chừng ấy con đường; nhưng con đường không thể nào là Thượng đế. Thật vậy, ta có thể đến với Thượng đế nếu ta theo bất kỳ con đường nào trong đó với tất cả lòng thành... Ta có thể ăn bánh kem từ trên xuống hoặc ăn một bên. Cách nào thì cũng ngon cả.⁽¹¹⁴⁾

Cách hiểu những hàm ý sau cùng - và then chốt - trong những lời nói và biểu tượng cứu chuộc thế giới của truyền thống khối Cơ Đốc đã trở nên quá lộn xộn trong các thế kỷ biến động trôi qua kể từ khi thánh Augustinô tuyên bố thánh chiến giữa *Civitas Dei* với *Civitas Diaboli*, Nước Chúa và Nước Quỷ, đến độ mà người suy tưởng hiện đại muốn biết thế nào là một tôn giáo thế giới (nghĩa là một học thuyết về tình yêu đại đồng) thì phải quay qua sự hiệp thông vũ trụ lớn lao (và lâu đời hơn nhiều) kia: sự viên thông của Đức Phật, nơi mà lời hàng đầu vẫn là *an lạc* - hòa bình cho muôn loài.

Tôi không nhắc đến Hồi giáo, vì ở đó giáo lý cũng được rao giảng bằng ngôn ngữ thánh chiến và do vậy bị che lấp đi. Chắc chắn là ở đó, cũng như ở đây, nhiều người đã biết rằng chiến trường đích thực không nằm trên mặt đất mà trong tâm lý (so sánh với Rumi: “ ‘Trăm’ là gì? Là giết linh hồn xác thịt trong thánh chiến”⁽¹¹⁵⁾); thế nhưng, cách diễn đạt phổ biến và chính thống của cả học thuyết Hồi giáo lẫn Cơ Đốc giáo trước giờ hung hãn đến mức phải có một cách đọc tinh thông lắm mới nhận ra được trong mỗi tôn giáo đó sự hoạt động của tình yêu.

Chẳng hạn các câu thơ Tây Tạng sau, từ hai bài đạo ca của hiền giả-thi nhân Milarepa, viết vào khoảng thời gian giáo hoàng Urbanô II hô hào Thập tự chinh thứ nhất:

*Giữa thành đô ảo vọng sáu nẻo luân hồi
Động lực chính là tội lỗi và u mê do làm điều ác;
Trong đó chúng sinh bị ghét thương sai sử,
Không dùng được để biết Bình đẳng:
Hỡi con ơi, hãy tránh những thương và ghét.⁽¹¹⁶⁾*

*Nếu con nhận ra Tánh Không của vạn pháp,
Từ Bi sẽ nảy nở trong tâm con;
Nếu con bỏ mọi phân biệt ta người,
con sẽ đủ sức phụng sự kẻ khác;
Và khi phụng sự kẻ khác con sẽ thành tựu,
rồi con sẽ gặp ta;
Tìm thấy ta, con sẽ chứng Phật quả.⁽¹¹⁷⁾*

“Tánh Không của vạn pháp” (tiếng Phạn: *sūnyatā*, “trống rỗng”) một mặt muốn nói đến huyền tính của thế giới hiện tượng và mặt khác, đến cái sai lầm khi đem những thuộc tính của thế giới hiện tượng mà ta biết từ kinh nghiệm riêng gán cho cái bất hoại.

*Trong hào quang thiêng liêng Tánh Không
Không một gợn sự vật hay ý niệm,
Mà vẫn thấm dẫm mọi vật tri kiến;
Lòng thuận theo Tánh Không thường trụ.⁽¹¹⁸⁾*

An lạc nằm ở cốt lõi của vạn sự vì Avalokiteśvara - Quán Thế Âm, vị Bồ tát vô lượng, Đại Từ Đại Bi - nhiếp thu, quán sát, và ngụ trong mọi loài hữu tình, không có ngoại lệ. Sự hoàn thiện trong đôi cánh mỏng manh của một côn trùng, bị đập nát trong dòng thời gian, cũng được ngài quán sát - và ngài cũng vừa là sự hoàn thiện vừa là sự phân rã của vạn vật. Nỗi thống khổ triền miên của con người, tự giày vò, tự hủy, vương mắc trong lưới mê mờ của chính mình, thất vọng, nhưng sẵn mang bên trong mình, dù chưa phát hiện ra và hoàn toàn chưa dùng đến, cái bí mật giải thoát: ngài cũng quán sát điều này - và ngài là chính điều này. Thanh tịnh bên trên con người là các thiên thần; bên dưới người là quỷ và người chết xấu số: tất cả đều được những tia sáng từ bàn tay châu ngọc của Bồ tát nhiếp thu, và họ là ngài, giống như ngài là họ. Mọi trung tâm ý thức bị trói buộc gông cùm, nhân gấp muôn ngàn, trên mọi bình diện tồn tại (không chỉ trong vũ trụ này, giới hạn bên trong Ngân Hà, mà xa hơn, vươn đến các khoảng không vũ trụ), thiên hà bên kia thiên hà, thế giới các vũ trụ bên kia thế giới các vũ trụ, đã bước vào hiện hữu từ bề không phi thời gian, bùng vỡ thành sự sống, rồi như bọt bóng biến tan: hết lần này qua lần khác: kiếp sống nhân bội vô vãn: tất cả đều khổ: mỗi tâm thức đều bị nhốt chặt trong vòng tròn mong manh của chính nó - chém, giết, hận thù, và mong mỗi an lạc sau chiến thắng: tất cả đều là con cái, là những hình dáng điên rồ trong cõi mơ tạm bợ mà vẫn miên man, không bao giờ rời cận của Đấng Quán Chiếu Thế Gian, tánh của ngài là tánh Không: “Đấng Bi Mẫn Nhìn Xuống Thế Gian”.

Nhưng danh hiệu của ngài còn có nghĩa: “Quán Tự Tại”.(*) Tất cả chúng ta đều là phản chiếu hình ảnh của ngài. Kẻ chịu khổ bên trong chúng ta là vị đó. Chúng ta và người cha độ trì là một. Đây là tri kiến sẽ cứu chuộc ta. Người cha phù trợ đó là mọi

*. *Avalokita* (tiếng Phạn) = “nhìn xuống”, nhưng còn là “được thấy”; *śvara* = “bậc vị”; vì vậy, vừa là “Vị nhìn xuống [đầy bi mẫn],” vừa là “Vị được quán chiếu [bên trong chính mình]” (a và i kết hợp thành e trong tiếng Phạn: vì vậy mà có *Avalokiteśvara*). Xem *Yoga và Mật giáo Tây Tạng* của W. Y. Evans-Wentz (London: Oxford University Press, 1935), tr. 233, chú thích 2.

người ta gặp. Thế nên phải biết rằng, dù cái thân chịu khổ, vô minh, hạn hẹp, tự vệ này có thể xem mình là bị kẻ nào khác - kẻ thù - đe dọa, thì thân đó cũng là Thượng đế. Con yêu tinh đập nát chúng ta, nhưng người hùng, ứng viên phù hợp, trải qua cuộc thụ giáo “như một con người”; và nhìn coi, đó chính là người cha: chúng ta trong Người và Người trong chúng ta.⁽¹¹⁹⁾ Người mẹ yêu quý, chở che cho thân ta không thể bảo vệ ta trước Rắn Tố; tẩm thân hữu tử, hữu hình mà bà cho chúng ta được trao vào tay quyền năng đáng sợ của ông. Nhưng chết không phải là hết. Chúng ta được trao cho kiếp sống mới, lần sinh mới, tri kiến mới về tồn tại (để ta không chỉ sống trong thể xác này, mà còn trong mọi thân, mọi thể xác của thế giới, như Bồ tát). Chính người cha đó là dạ con, người mẹ, trong lần sinh thứ hai này.⁽¹²⁰⁾

Đây là ý nghĩa của hình ảnh thần lương tinh. Ngài là bí ẩn của chủ đề thụ giáo. Chúng ta bị lấy khỏi người mẹ, nhai nát thành nghìn mảnh, và được đồng hóa vào trong thân xác tiêu hủy thế giới của yêu tinh mà đối với nó mọi hình tượng và tồn tại quý giá chỉ là các món trong bữa tiệc; nhưng rồi, được tái sinh kỳ diệu, chúng ta đã trở nên lớn hơn cả trước. Nếu Chúa Trời là cổ mẫu thuộc về bộ lạc, chủng tộc, dân tộc hay giáo phái, thì chúng ta là chiến binh dưới ngọn cờ ngài; nhưng nếu ngài là chúa tể của chính vũ trụ, bấy giờ chúng ta sẽ đi tiếp như những kẻ biết rằng *mọi người* đều là anh em. Và ngả nào thì chúng ta cũng đã vượt lên khỏi các hình ảnh cha mẹ cùng ý niệm “thiện” và “ác” thời ấu thơ rồi. Chúng ta không còn ao ước và sợ hãi nữa; chúng ta là cái được ao ước và sợ hãi. Mọi thần, mọi Bồ tát và Phật đều đã gộp vào trong chúng ta, như trong vầng hào quang của vị uy nghi cầm hoa sen thế giới.

Hãy đến, chúng ta hãy trở về cùng Đức Jehovah; vì Ngài đã xé chúng ta, song Ngài sẽ chữa lành cho; Ngài đã đánh chúng ta, song sẽ buộc vết tích. Trong hai ngày, Ngài sẽ khiến chúng ta tỉnh lại; ngày thứ ba, Ngài sẽ dựng chúng ta dậy, chúng ta sẽ sống trước mặt Ngài. Chúng ta khá nhận biết Đức Jehovah; chúng ta khá gắng sức nhận biết Ngài. Sự hiện ra của Ngài là chắc chắn như sự hiện

ra của mặt trời sớm mai, Ngài sẽ đến cùng chúng ta như mưa, như mưa cuối mùa tưới đất.⁽¹²¹⁾

Đây là ý nghĩa diệu tính đầu tiên của Bồ tát: tính cách lưỡng tính của vị thần này. Do vậy hai cuộc phiêu lưu thần thoại có vẻ đối lập lại tự hội với nhau: Gặp nữ thần và Hòa giải với người cha. Vì trong cuộc phiêu lưu đầu, người thụ giáo được biết rằng nam và nữ là (như cách diễn đạt trong *Bṛhadāraṇyaka Upaniṣad*) “hai nửa một hạt đậu tách ra”;⁽¹²²⁾ còn trong cuộc phiêu lưu thứ hai, người ấy được biết người Cha đã tồn tại từ trước sự phân chia giới tính: đại từ “ông” chỉ là một cách nói, còn huyền thoại về phận Con trai là một chỉ dẫn rồi sẽ được xóa đi. Và trong cả hai trường hợp đều thấy ra (hay đúng hơn là nhớ lại) rằng bản thân người hùng là cái mà anh ta đến tìm.

Diệu tính thứ hai cần lưu ý trong thần thoại Bồ tát là tiêu diệt sự phân biệt giữa sống và giải thoát - với biểu tượng là (như ta đã nhận xét) việc Bồ tát khước từ nhập Niết Bàn. Nói vắn tắt thì Niết Bàn nghĩa là “dập tắt ba lửa tham, sân, si”. Độc giả hẳn còn nhớ trong truyền thuyết về cuộc cám dỗ dưới cội Bồ Đề (xem ở trên, tr. 47-49) địch thủ của Phật Sắp Thành là *Kāma-Māra*, nghĩa đen là “Ái dục-Sân hận”, hay “Yêu và Chết”, thầy phù thủy U Minh. Hẳn ta là nhân cách hóa Ba Lửa và các gian truân trong thử thách cuối cùng, người canh giữ ngưỡng cửa sau cùng mà người hùng vũ trụ phải đi qua trong cuộc phiêu lưu tối thượng đến Niết Bàn.

“Động từ *nirvā* (Phạn) nghĩa đen là ‘tắt’, không phải do tác nhân bên ngoài dập tắt, mà là ngọn lửa tự mình ngừng cháy... Hết chất đốt, lửa sống được ‘an’, nghĩa là tắt đi, khi tâm đã được chế ngự, ta đạt đến ‘cực lạc Niết Bàn’, ‘tịch diệt trong Thượng đế’... Chính bằng cách dùng mỗi cho những thứ lửa trong ta mà ta đạt được an tịnh này, thứ an tịnh mà một truyền thống khác đã nói rất hay là ‘vượt quá mọi sự hiểu biết’.”⁽¹²³⁾ Từ “de-spirmation” [tịch diệt] trong tiếng Anh phát xuất từ nghĩa đen La tinh hóa của chữ Phạn *nirvāṇa*, *nir* = “ra, tới, về phía ngoài, ra khỏi, rời xa, đi khỏi”; *vāṇa* = “thổi”; *nirvāṇa* = “bị thổi tắt, tàn, dập”.

Khi đã làm dịu lại bên trong mình Ba Lửa, tức là sức mạnh dịch chuyển vũ trụ, đến điểm tới hạn than hồng tối hậu, Bậc Cửu Độ thấy phản chiếu khắp quanh mình như trong tấm gương, những huyền tượng sau cùng phóng chiếu từ ý nguyện được sống của mình, cái ý nguyện thuộc về thể xác ban sơ giống như những kẻ phạm khác - ý nguyện được sống theo các động cơ bình thường là ái dục và sân hận, trong cõi u mê các nguyên nhân, mục đích, phương tiện mang tính hiện tượng. Ngài phải hứng chịu tấn công từ cơn cuồng nộ sau cùng của thịt da bị khinh thường. Và đây là khoảnh khắc quyết định mọi sự; vì từ một hòn than có thể bùng lên lại cả đám cháy.

Truyền thuyết nổi tiếng này đem lại một ví dụ tuyệt vời về mối quan hệ mật thiết vẫn còn duy trì ở phương Đông giữa thần thoại, tâm lý học và siêu hình học. Những hiện thân nhân cách hóa sống động giúp trí tuệ dọn mình để lĩnh hội giáo thuyết về sự tương thuộc giữa cõi bên trong và bên ngoài. Chắc chắn bạn đọc đã phải để ý thấy sự tương đồng nhất định giữa lý thuyết thần thoại cổ xưa về sự vận động của tâm lý này với các lý thuyết của trường phái Freud hiện đại. Theo học thuyết Freud, ước muốn sống (*eros* hay *libido*, tương ứng với *Kāma*, “ái dục” trong Phật giáo) và ước muốn chết (*thanatos* hay *destrudo*, đồng nhất với *Māra*, “sân hận hay chết” trong Phật giáo) là hai xung lực không chỉ thúc đẩy cá nhân từ bên trong mà còn khiến thế giới bên ngoài sống dậy trước anh ta.⁽¹²⁴⁾ Hơn nữa, những mê mờ có nền tảng vô thức mà từ đó ái dục và sân hận nảy sinh trong cả hai hệ thống đều được phân tâm (Phạn: *viveka*) và giác ngộ (Phạn: *vidyā*) xua tan. Thế nhưng mục đích của hai giáo thuyết này - truyền thống và hiện đại - không hẳn là một.

Phân tâm học là một kỹ thuật để chữa cho các cá nhân bệnh tật thái quá khỏi những ái dục và sân hận lạc hướng một cách vô thức, dệt quanh họ những lớp mạng của riêng họ gồm những kinh hoàng không có thực và những cuốn hút nửa ghét nửa yêu; bệnh nhân được giải thoát khỏi đó sẽ thấy mình có thể tương đối thành công tham gia vào các nỗi sợ hãi, sân hận thực tế hơn,

những thực hành tình ái và tôn giáo, kinh doanh, chiến tranh, giải trí, việc nhà mà nền văn hóa của họ đem lại. Nhưng với người đã cố ý bước lên hành trình gian nguy ra ngoài phạm vi làng, cả những mối quan tâm này cũng sẽ được xem là có cơ sở sai lầm. Do vậy mục đích của giáo lý không phải là chữa khỏi cho cá nhân để trả anh ta về lại tình trạng mê mờ chung, mà tách hẳn anh ta khỏi mê mờ; và làm vậy không phải bằng cách điều chỉnh ái dục (*eros*) và sân hận (*thanatos*) - vì như vậy chỉ làm sinh ra một bối cảnh mới cho sự mê mờ đó - mà bằng cách *diệt* tận gốc các xung năng, theo phương pháp Bát Chánh Đạo ưu việt của Phật giáo:

Chánh kiến,
Chánh tư duy,
Chánh ngữ,
Chánh nghiệp,
Chánh mạng,
Chánh tinh tấn,
Chánh niệm,
Chánh định.

Với lần “diệt tham, sân, si” sau cùng (Niết Bàn), tâm biết rằng mình không phải thứ mà mình nghĩ: ý nghĩ mất đi. Tâm trụ vào trạng thái thực của nó. Và nó có thể ngụ ở đây cho đến khi xác thân ngã xuống.

*Hết thấy pháp hữu vi,
Như mộng ảo, bọt nước,
Như sương sa, điện chớp.
Nên quán sát như vậy.⁽¹²⁵⁾*

Tuy vậy, Bồ tát không bỏ đời. Đưa cái nhìn từ nội giới là chân lý vượt ra ngoài ý nghĩ (chỉ có thể mô tả là “không”, vì nó vượt quá cả lời nói) trở ra thế giới hiện tượng bên ngoài, ngài thấy bên ngoài cũng là biến tồn tại mà ngài nhìn thấy bên trong. “Sắc

tức là không, không tức là sắc. Không chẳng khác sắc, sắc chẳng khác không. Sắc chính là không; không chính là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế.”⁽¹²⁶⁾ Sau khi đã vượt lên trên những u mê của cái ngã tự tôn, tự vệ, tự tư tự lợi trước kia của mình, ngài chứng nghiệm một sự an tịnh trong ngoài như nhau. Cái ngài nhìn thấy bên ngoài là khía cạnh hình tướng của tính không vô lượng, không thể nghĩ bàn vốn nâng đỡ kinh nghiệm của ngài về ngã và sắc, thọ, tưởng, hành, thức (hình tướng, cảm thụ, lời nói, quan niệm và tri kiến). Và ngài đầy lòng từ bi dành cho những chúng sinh tự làm khổ mình, sống trong khiếp sợ ác mộng của riêng mình. Ngài đứng lên, quay lại với họ, và ngụ với họ như một trung tâm vô ngã, qua trung tâm ấy Tánh Không được thị hiện trong sự đơn sơ của nó. Và đây là “hạnh từ bi” lớn lao của ngài; vì nhờ đó chân lý hiển lộ rằng trong cái hiểu của người đã tắt ba lửa tham sân si thì thế gian này *chính là Niết Bàn*. “Độ lực” lan tỏa ra từ một vị như vậy để giải thoát cho tất cả chúng ta. “Thế gian cùng Niết Bàn, chẳng mấy may phân biệt.”⁽¹²⁷⁾

Thế nên có thể nói rằng suy cho cùng, mục tiêu trị liệu hiện đại là chữa cho quay trở lại đời thì quả có thể đạt được qua pháp môn cổ xưa; chỉ có điều quỹ đạo mà Bồ tát đi thì rộng lớn; còn rời khỏi thế giới thì không được xem là sai lầm, mà là bước đầu vào chánh đạo mà ở ngã rẽ tận cùng sẽ đạt được giác ngộ về Tánh Không vi mật của vòng vũ trụ. Lý tưởng này cũng phổ biến trong Ấn giáo: kẻ đã giải thoát ở đời (*jīvan mukta*), không còn tham dục, từ bi và sáng suốt, “tâm đã định nhờ yoga, xem mọi thứ ngang nhau, thấy mình trong mọi loài và mọi loài trong chính mình. Dù kẻ ấy sống thế nào, kẻ ấy cũng sống trong Thượng đế.”⁽¹²⁸⁾

Có câu chuyện kể về một nhà nho cầu xin vị Tổ thứ hai mươi tám trong Phật giáo, Bồ Đề Đạt Ma, “an tâm” cho mình. Bồ Đề Đạt Ma đáp, “Đưa tâm ra ta an cho.” Nhà nho đáp, “Rắc rối của con là ở chỗ ấy, con không tìm thấy nó.” Bồ Đề Đạt Ma đáp, “Vậy là ngươi được toại nguyện rồi.” Nhà nho hiểu và thanh thản ra về.⁽¹²⁹⁾

Kẻ nào không chỉ biết rằng Bất Diệt sống trong họ mà còn rằng họ, và mọi thứ, thật ra là Bất Diệt, là đã được ngụ trong



HÌNH 35. Bồ Đề Đạt Ma (tranh lụa, Nhật Bản, thế kỷ 16)

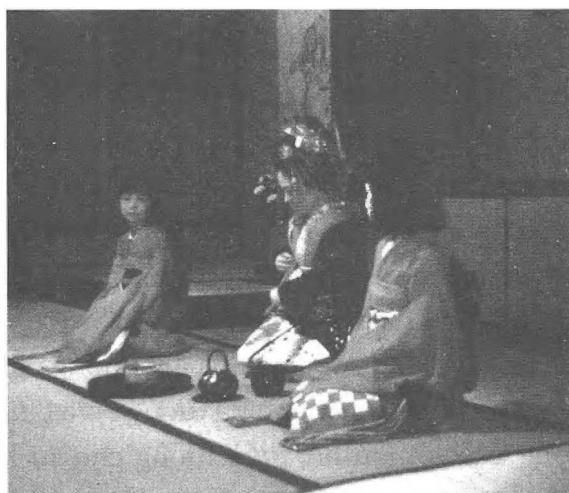
rừng cây toại ước, uống rượu trường sinh, và lắng nghe khắp chốn tiếng nhạc vô thanh của hòa điệu vĩnh hằng. Đây là những vị tiên. Tranh phong cảnh đạo Lão của Trung Hoa và Nhật Bản mô tả thật tuyệt trần cảnh đời siêu thoát ngay hạ giới này. Tú linh - long, ly, quy, phượng - ngũ giữa những vườn liễu, rừng tre, khóm mận, và giữa mây mù trên núi thiêng, gần các thiên cầu cao quý. Các vị hiền giả ấy, dáng người gầy gò nhưng tinh thần mãi mãi trẻ trung, thiền định giữa các đỉnh núi, hay cười những con thú biểu tượng kỳ lạ băng qua sóng triều bất tử, hay vui vẻ đàm đạo bên tách trà theo tiếng sáo của Lam Thái Hòa.

Nữ chủ thiên đường hạ giới của những vị tiên Trung Hoa này là bà tiên Tây Vương Mẫu, “Quy Sơn Kim Mẫu”. Bà ngự trong cung điện trên núi Côn Lôn, bao quanh là hoa thơm ngát, thành lũy ngọc ngà và khu vườn có tường bằng vàng.^(*) Bà được

*. Đây chính là Tường Thiên Đường; xem trên, tr. 106 và 175. Giờ chúng ta đang ở bên trong. Tây Vương Mẫu là khía cạnh nữ của Chúa Trời đi dạo trong địa đàng, tạo ra con người theo hình ảnh của ngài, cả nam và nữ (Sáng Thế Ký, 1:27).

tạo thành từ tinh khí trong ngần ở phương Tây. Khách đến dự “tiệc Bàn Đào” định kỳ (tổ chức khi đào chín, cứ sáu ngàn năm một lần) được các ái nữ mỹ miều của Kim Mẫu hầu tiệc, trong lùm cây và thủy tạ bên Hồ Ngọc. Nước róc rách chảy từ một suối nguồn thần tiên. Gan rỗng tửu phượng và các thứ thịt khác dọn ra; cùng đào và rượu trường sinh. Nhạc từ những nhạc cụ vô hình réo rắt, những khúc hát không phải từ môi kẻ phàm; và điệu múa của các trinh nữ vô hình là hóa hiện của niềm hoan hỷ của vĩnh cửu trong thời gian.⁽¹³⁰⁾

Nghi lễ trà đạo của Nhật Bản được thiết kế nên trên tinh thần thiên đường hạ giới của đạo Lão. Trà thất (*sukiya*), gọi là “nhà ưa thích” (好き家), là một cấu trúc phù du dựng lên để chứa đựng lấy một khoảnh khắc rung cảm thi ca. Còn được viết là “nhà không” (空家), nó không bày biện trang hoàng gì cả. Nó chỉ tạm thời trưng một bức tranh hay tác phẩm cắm hoa. *Sukiya* còn được viết là “nhà bất đối xứng” (数奇家)^(*): sự bất đối xứng gợi cảm giác về chuyển động; cái dở dang có chủ đích giúp chứa ra khoảng chân không cho trí tưởng tượng của người thưởng lãm rót vào.



HÌNH 36. Trà đạo: nhà không

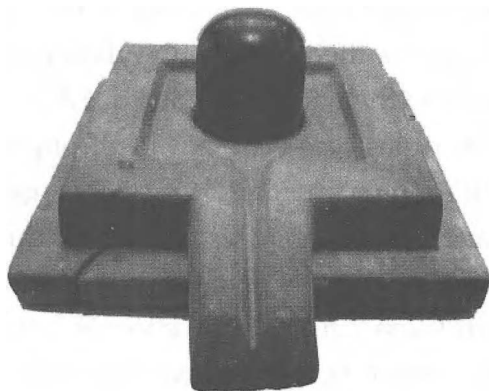
(hình do Joseph Campbell chụp, Nhật Bản, 1958)

*. Cùng một âm đọc “sukiya” với nghĩa “trà thất”, tiếng Nhật dùng ba cách viết khác nhau. (BT)

Khách theo lối ngoài vườn đi vào, và phải cúi khom qua cửa thấp. Khách phải thi lễ trước bức tranh hay bình hoa cắm, ấm nước đang reo, rồi ngồi vào chỗ trên sàn. Cả những vật dụng đơn sơ nhất, hiện ra giữa cái đơn sơ tiết chế của trà thất, cũng nổi bật trong vẻ đẹp bí ẩn, mang sự im lặng nắm giữ cái bí mật của tồn tại trong thời gian. Mỗi vị khách đều được phép bổ sung cho trọn vẹn trải nghiệm này cho phù hợp với chính mình. Mỗi người khách trong trà hội nhờ vậy suy tưởng về vũ trụ thu nhỏ, và nhận ra tình đồng điệu ẩn giấu giữa mình với các vị tiên.

Các trà sư có tiếng rất chăm chút biến cái kỳ diệu siêu trần thành một khoảnh khắc được nếm trải; rồi từ trà thất ảnh hưởng này được đưa về trong gia đình; rồi từ gia đình phát tán vào dân tộc.⁽¹³¹⁾ Trong giai đoạn thái bình lâu dài của thời kỳ Mạc phủ Tokugawa (1603-1868), trước khi phó đề đốc Perry đến vào năm 1854, đời sống Nhật Bản đã thấm đẫm những quy ước mang nghĩa đến độ từng chi tiết nhỏ nhất của hiện hữu cũng là một biểu hiện hữu thức cho vĩnh cửu, và tự thân phong cảnh đã là một đền thờ. Tương tự, khắp phương Đông, khắp thế giới cổ đại, và ở châu Mỹ trước khi Columbus đến, xã hội và thiên nhiên đối với tâm trí đều là biểu hiện của cái khôn tả thành lời. “Cỏ cây, đá, lửa, nước, thủy đều sống. Chúng trông nom chúng ta và thấy nhu cầu của chúng ta. Chúng nhận biết khi ta không có gì để bảo vệ mình,” một ông già kể chuyện người Apache tuyên bố, “và đó chính là lúc chúng lộ mình và nói với chúng ta.”⁽¹³²⁾ Đây là cái mà Phật giáo gọi là “vô tình thuyết pháp”.

Một nhà tu khổ hạnh Ấn giáo nọ nằm xuống nghỉ bên sông Hằng thiêng đã gác chân lên một biểu tượng Śiva (“*lingam-yonī*”, kết hợp dương vật với âm hộ, biểu tượng cho sự kết hợp của thần với vợ). Một tu sĩ đi ngang thấy người này nằm như vậy bèn quở trách ông. “Sao ông dám mạo phạm biểu tượng của thần mà gác chân lên?” tu sĩ hỏi. Nhà tu khổ hạnh đáp, “Thưa ông, tôi xin lỗi; nhưng ông vui lòng lấy chân tôi ra mà đặt ở nơi nào không có *lingam* thiêng như vậy?” Tu sĩ chộp lấy cổ chân



HÌNH 37. *Lingam-Yoni* (tượng đá, Việt Nam, khoảng thế kỷ 9)

người tu khổ hạnh nhấc sang phải, nhưng khi đặt xuống thì một tượng dương vật từ đất vụt trỗi lên và chân lại gác lên đó như cũ. Ông lại nhấc chân người kia khỏi đó; một dương vật khác đón lấy. “A, tôi hiểu rồi!” tu sĩ nói, chịu lời quở; ông ta đánh lễ vị thánh nằm rồi bỏ đi.

Diệu tính thứ ba trong thần thoại Bồ tát là ở chỗ diệu tính thứ nhất (hình thể lưỡng tính) cũng là biểu tượng cho diệu tính thứ hai (sự đồng nhất giữa vĩnh cửu và thời gian). Vì trong ngôn ngữ hình ảnh siêu phàm, thế giới thời gian là bụng mẹ vĩ đại. Sự sống trong đó, do cha sinh ra, gồm chung bóng tối của bà và ánh sáng của ông.⁽¹³³⁾ Chúng ta được thai nghén trong bà và ngụ xa người cha, nhưng khi đi khỏi dạ con thời gian vào thời điểm chết (cũng là thời điểm ta sinh vào vĩnh cửu) ta được trao vào tay ông. Bậc trí nhận ra, ngay từ khi ở bên trong bụng này, rằng mình đã từ người cha mà đến và đang trở về với ông; còn bậc đại trí biết rằng bà và ông thực chất là một.

Đấy chính là ý nghĩa của các hình ảnh Tây Tạng về sự hợp nhất của chư Phật và chư Bồ tát với khía cạnh nữ của chính mình mà nhiều nhà phê bình Cơ Đốc thấy có vẻ thật tục tĩu. Theo một cách nhìn truyền thống về những hình ảnh trợ lực cho thiền tập này, hình tượng nữ (tiếng Tây Tạng: *yum*) được coi là thời gian còn hình tượng nam (*yab*) là vĩnh cửu. Hai điều này kết hợp lại

sinh ra thế giới, trong đó mọi sự đều vừa có thời tính và cũng vừa vĩnh cửu, được tạo ra theo hình ảnh vị thần nam-nữ tự tri này. Người thụ giáo, nhờ thiền tập, được dẫn dắt để nhớ lại Sắc Tướng bao gồm mọi sắc tướng (*yab-yum*) này bên trong mình. Mặt khác, có thể xem hình tượng nam là biểu tượng cho nguyên lý giúp thụ giáo, tức phương pháp; trong trường hợp đó thì hình tượng nữ biểu thị mục tiêu mà việc thụ giáo dẫn dắt đến. Nhưng mục tiêu này là Niết Bàn (vĩnh cửu). Vì vậy cho nên phải hình dung cả nam lẫn nữ luân phiên là thời gian và vĩnh cửu. Có nghĩa là, cả hai là một, mỗi vị là cả hai, và hình tượng nhị nguyên (*yab-yum*) này chỉ là kết quả của ảo giác, tuy nhiên chính ảo giác đó cũng lại không khác với giác ngộ.



HÌNH 38. *Kālī đứng giăng chân trên Śiva*
(bột màu trên giấy, Ấn Độ, không rõ niên đại)

Có thể so sánh với hình ảnh nữ thần Ấn giáo Kālī⁽¹³⁴⁾ được vẽ đứng trên thân người đang nằm dài của chồng mình là thần Śiva. Cái mà Jung, dựa vào ngôn ngữ giả kim, gọi là *mysterium coniunctionis*, bí ẩn của cuộc phối ngẫu vĩ đại, là một motif quen thuộc trong thần thoại khắp thế giới, nhưng đặc biệt là ở phương Đông. Nữ thần Ấn giáo Kālī thường được vẽ đứng trên thân mình đang nằm dài của chồng mình là thần Śiva. Thần vung lưỡi guom chết, nghĩa là sự tu tập tinh thần. Đầu người nhỏ máu cho tín đồ thấy rằng kẻ nào từ bỏ sự sống vì thần sẽ tìm thấy lại sự sống. Thủ ấn “vô úy” và “thí nguyện” dạy rằng thần bảo bọc các con, rằng các cặp đối lập

trong thống khổ chung không phải như hình tướng bên ngoài, và rằng với kẻ chuyên chú vào vĩnh cửu thì ảo ảnh “thiện” và “ác” trong thời gian chỉ là một phản chiếu của tâm - như chính nữ thần, dù nhìn như giẫm đạp lên thần Śiva, thật ra là giấc mơ hạnh phúc của ngài.

Bên dưới nữ thần Đảo Châu Ngọc⁽¹³⁵⁾ hai khía cạnh của nam thần được trình bày: một cái, mặt hướng lên, hợp nhất với nữ thần, là khía cạnh sáng tạo, vui hưởng thế giới; nhưng mặt kia, quay đi, là *deus absconditus* [Chúa vắng mặt - BT], thần tính tự nó mình nó, nằm ngoài sự kiện và biến dịch, không hoạt động, im ngủ, trống không, vượt ra khỏi ngay cả điều kỳ diệu là bí ẩn lưỡng tính.⁽¹³⁶⁾

Đây là phát biểu tối hậu về cái nghịch lý lớn giúp đập tan bức tường các cặp đối lập và đưa ứng viên vào với thị kiến Chúa Trời, vị mà khi tạo ra con người theo hình ảnh chính mình đã tạo ra hấn ta là đàn ông lẫn đàn bà. Bàn tay phải của nam thần cầm một lưỡi sét tương ứng với chính thần, còn tay trái thần cầm quả chuông, tượng trưng cho nữ thần. Lưỡi sét vừa là phương pháp vừa là vĩnh cửu, còn quả chuông là “giác tâm”; tiếng chuông là âm thanh tuyệt trần của vĩnh cửu được tâm tịnh nghe thấy khắp sáng hóa, và do vậy nghe cả bên trong chính nó.⁽¹³⁷⁾


Cũng chính tiếng chuông đó vang lên trong lễ Misa của Cơ Đốc giáo vào thời khắc mà Chúa Trời, qua sức mạnh của lời truyền phép thánh thể, giáng hạ vào bánh và rượu. Và cách hiểu của Cơ Đốc giáo về ý nghĩa ấy cũng là một: *Et Verbum caro factum est*,^(*) nghĩa là “Ngọc quý trong Hoa sen”: *Om mani padme hum*.

So sánh với Kauṣītaki Upaniṣad, 1:4, mô tả người hùng đã lên tới cõi Phạm Thiên: “Như kẻ cưỡi chiến xa nhìn xuống hai bánh xe, kẻ ấy cũng nhìn xuống ngày và đêm, nhìn xuống việc thiện và việc ác, và mọi cặp đối lập. Người này, không còn việc thiện, không còn việc ác, là một kẻ biết Thượng đế, kẻ ấy nhập vào chính Thượng đế.”

*. “Và Ngôi Lời đã trở nên xác thịt”; một câu trong Kinh Truyền Tin, tôn vinh thời khắc Jesus cần thai trong bụng Mary.

Trong phần này những mục dưới đây đã được đồng nhất với nhau:

Hư không	Thế giới
Vĩnh cửu	Thời gian
Niết Bàn	Luân hồi
Chân lý	Huyền ảnh
Giác ngộ	Từ bi
Thần nam	Thần nữ
Kẻ thù	Bạn
Tử	Sinh
Lưỡi sét	Chuông
Ngọc quý	Hoa sen
Chủ thể	Khách thể
Yab	Yum
Dương	Âm


 Đạo
 Phật Thế Tôn
 Bồ tát
 Jīvan Mukta
 Ngôi Lời Nhập Thể

6. ÂN HUỆ TỐI THƯỢNG

Khi hoàng tử Đảo Đơn Độc đã ở sáu ngày đêm trên trường kỷ vàng với nữ hoàng Tubber Tintye đang ngủ, trường kỷ đặt trên bánh xe vàng và bánh xe quay liên tục - trường kỷ cứ xoay vòng, không bao giờ dừng ngày cũng như đêm - đến sáng thứ bảy chàng nói, “Đến lúc ta phải rời nơi này rồi.” Thế là chàng tụt xuống và múc đầy ba chai nước lấy trong giếng hùng hực lửa. Trong căn phòng vàng có một cái bàn vàng, trên bàn có một đùi cừu với ổ bánh mì; và nếu

mọi đàn ông ở Erin ăn đồ trên bàn cả mười hai tháng, thịt cừu và bánh mì cũng vẫn còn nguyên như cũ.

Hoàng tử ngồi xuống, ăn căng bụng bánh mì và đùi cừu, và khi chàng xong mọi thức vẫn y nguyên như lúc chàng thấy. Rồi chàng đứng lên, cầm ba chai nước, bỏ vào túi, định rời phòng thì tự nhủ: “Thật không phải nếu bỏ đi mà không để lại gì cho nữ hoàng biết ai đã ở đây khi nàng ngủ.” Nên chàng viết lá thư, nói rằng con trai vua xứ Erin và nữ hoàng Đảo Đơn Độc đã ở sáu ngày đêm trong phòng vàng của Tubber Tintye, đã lấy đi ba chai nước trong giếng bốc cháy, đã ăn nơi bàn vàng. Bỏ lá thư dưới gối nữ hoàng, chàng đi ra, đứng bên cửa sổ mở, phốc lên lưng con ngựa nhỏ gầy guộc khảng khiu, và đi qua rừng cây và con sông bình yên vô sự.⁽¹³⁸⁾

Việc hoàn thành cuộc phiêu lưu ở đây dễ dàng đến thế biểu thị rằng người hùng là một người siêu việt, một vị vua bẩm sinh. Sự dễ dàng ấy là đặc trưng của vô số truyện cổ tích và tất cả truyền thuyết về kỳ tích của các thần hóa thân. Trong khi người hùng bình thường sẽ phải đối mặt với thử thách thì người được chọn lại không gặp phải chướng ngại làm chậm trễ và không phạm sai lầm. Cái giếng là Rốn Thế Giới, nước bốc lửa là bản chất bất khả diệt của tồn tại, chiếc giường xoay tròn là Trục Thế Giới. Lâu đài im ngủ là vực thẳm tối hậu mà ý thức trong mơ khi đi xuống sẽ chìm vào đó, nơi đời sống cá thể sắp sửa tan lẫn vào năng lượng vô định hình: và tan lẫn vào đó nghĩa là chết; thế nhưng không có được lửa cũng là chết. Motif món ăn không bao giờ hết này (bắt nguồn từ tượng tượng thời ấu thơ), tượng trưng cho các quyền năng trường lưu của nguồn vũ trụ có khả năng đem lại sự sống, kiến tạo hình tượng, là thứ trong cổ tích tương đương với hình ảnh về yến tiệc ê hề của các thần trong thần thoại. Việc gộp hai biểu tượng lớn là gặp nữ thần và lấy trộm lửa hé lộ thật chân phương và sáng tỏ địa vị mà các quyền năng mang nhân dạng nắm giữ trong cõi thần thoại. Không phải bản thân họ là cứu cánh, mà họ là những người canh giữ, hóa

thân, hay ban phát rượu, sữa, thức ăn, lửa, ân sủng, nghĩa là sự sống bất khả hủy diệt.

Hình ảnh như vậy có thể dễ dàng bị diễn giải là chủ yếu - dù rằng có lẽ không phải tối hậu - mang tính tâm lý; vì có thể nhận thấy, ngay từ các thời kỳ phát triển đầu tiên của đứa trẻ, các triệu chứng của một "hệ thần thoại" manh nha nói về một trạng thái nằm ngoài những thăng trầm của thời gian. Những triệu chứng này xuất hiện phản ứng lại với và tự vệ bộc phát trước các tưởng tượng có tính hủy diệt thân thể, đến hành hạ đứa trẻ khi bị tước mất bầu ngực mẹ.⁽¹³⁹⁾ "Đứa trẻ phản ứng bằng cách lên con hờn lẫy và cái tưởng tượng đi cùng con hờn lẫy là xé mọi thứ khỏi thân mẹ... Sau đó đứa trẻ lại sợ bị trả thù vì những xung năng này, nghĩa là sợ mình sẽ bị moi hết mọi thứ trong người ra."⁽¹⁴⁰⁾ Những lo lắng cho sự lành lặn cơ thể, những tưởng tượng về sự phục hồi, một nhu cầu âm thầm, sâu xa muốn trở nên không thể bị hủy diệt và được bảo vệ trước các lực lượng "xấu" từ bên trong và bên ngoài, bắt đầu điều khiển tâm lý đang thành hình của nó; và tất cả vẫn còn lại, trở thành những nhân tố quyết định trong các hoạt động đời thường có tính loạn thần kinh hay ngay cả bình thường, các nỗ lực theo hướng tâm linh, các tín điều tôn giáo, và thực hành nghi lễ của con người trưởng thành sau này.

Ví dụ, chức vị thầy mo, hạt nhân của mọi xã hội nguyên thủy, "bắt nguồn... trên cơ sở các tưởng tượng hủy hoại thân thể thuở ấu thơ, thông qua một loạt cơ chế tự vệ."⁽¹⁴¹⁾ Ở Úc có một ý niệm cơ bản là các vong hồn đã moi hết ruột của thầy mo rồi thay vào đó sỏi, tinh thể thạch anh, dây thừng, và đôi khi còn cả một con rắn nhỏ có quyền phép.⁽¹⁴²⁾

Công thức đầu tiên là sự hồi cảm trong tưởng tượng (ruột tôi đã bị phá hủy) theo sau là sự hình thành phản ứng (ruột tôi không phải thứ dễ hủy hoại và chứa đầy phân, mà bất khả diệt, chứa đầy thạch anh). Công thức thứ hai là phóng chiếu: "Không phải tôi là người đang cố xâm nhập vào cơ thể [người bệnh] mà là

các phù thủy bên ngoài bắn chất bệnh vào người ta.” Công thức thứ ba là phục hồi: “Tôi không cố hủy hoại ruột của người ta, tôi chữa cho họ.” Tuy vậy, đồng thời yếu tố tưởng tượng ban đầu về cái quý giá chứa trong thân bị moi ra từ người mẹ cũng trở lại trong phép chữa bệnh: hút ra, lôi ra, chà thứ gì đó ra khỏi người bệnh.⁽¹⁴³⁾

Một hình ảnh khác về sự bất hoại được mô tả trong ý niệm dân gian về “vía” [*double*] - một linh hồn bên ngoài cơ thể, không bị tổn hại vì những mất mát và thương tích của cơ thể hiện tại, mà tồn tại an toàn ở một nơi nào đó cách xa.⁽¹⁴⁴⁾ “Cái chết của ta,” một con yêu tinh nọ nói, “ở xa đây và khó tìm, ngoài biển khơi. Giữa biển có một hòn đảo, trên đảo mọc một cây sồi xanh, bên dưới cây sồi có cái rương sắt, trong rương có cái giỏ nhỏ, trong giỏ có con thỏ rừng, trong thỏ rừng lại có con vịt, trong vịt lại có quả trứng; kẻ nào tìm được quả trứng và đập nó ra thì cũng đồng thời giết được ta.”⁽¹⁴⁵⁾ Hãy so sánh với giấc mơ của một nữ doanh nhân thành đạt hiện đại:

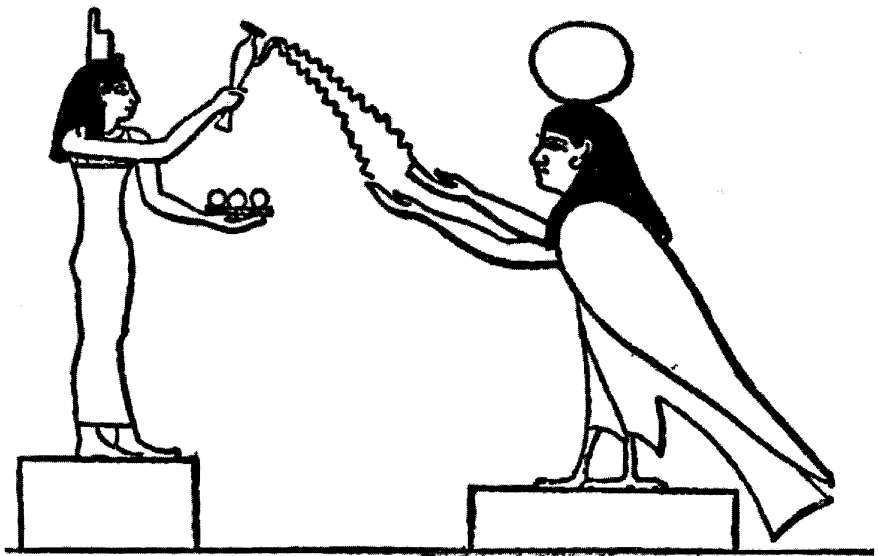
Tôi lạc trên một hoang đảo. Ở đó còn có một linh mục Công giáo. Ông ta đang làm gì như bắc ván từ đảo này sang đảo kia cho người ta đi qua. Chúng tôi đi qua một đảo khác và hỏi một bà rằng tôi đã đi đâu mất rồi. Bà đáp rằng tôi đang lặn với vài thợ lặn. Rồi tôi đi đâu đó vào sâu trong đảo có một vùng nước đẹp đầy ngọc và đá quý và “tôi” kia đang ở dưới đó mặc bộ đồ lặn. Tôi đứng đó nhìn xuống quan sát mình.⁽¹⁴⁶⁾

Có truyện kể Ấn giáo thú vị về cô con gái vua chỉ chịu cưới ai tìm thấy và đánh thức vía của cô, trong xứ Hoa sen Mặt trời, dưới đáy biển.⁽¹⁴⁷⁾ Trong bộ lạc ở Úc, người đã thụ giáo sau khi lập gia đình được ông nội dẫn đến một động thiêng và cho xem một phiến gỗ nhỏ khắc nhiều hình phúng dụ: “Cái này,” anh ta được dạy, “là cơ thể cháu; cái này với cháu là một. Đừng đem nó đi chỗ khác, bằng không cháu sẽ thấy đau.”⁽¹⁴⁸⁾ Tín đồ Mani giáo và Cơ

Đốc Ngộ Đạo trong những thế kỷ đầu Công nguyên dạy rằng khi linh hồn của kẻ phúc thiện lên tới trời thì sẽ có các thánh và thiên thần đón, cầm theo “áo ánh sáng” để dành cho nó.

Ân huệ cao nhất dành cho Thân Bất Khả Diệt là sống đời đời trên thiên đường sữa không bao giờ cạn:

Các người là kẻ yêu Jerusalem, hãy vui với nó, hãy mừng vì nó! Các người là kẻ đã khóc vì Jerusalem, hãy cùng nó hơn hở vui cười; hầu cho các người sẽ được bú và no bởi vú của sự yên ủi nó; được vắt sữa và lấy làm vui sướng bởi sự dư dật của vinh quang nó. Vì Đức Jehovah phán như vậy: Này, ta sẽ làm cho sự bình an chảy đến nó như một con sông... các người sẽ được bú, được bông trên hông, và mon trón trên đầu gối.⁽¹⁴⁹⁾



HÌNH 39. Isis đưa bánh mì và nước cho linh hồn
(Ai Cập, không rõ niên đại)

Thức ăn cho linh hồn và thể xác, sự thanh thần tâm hồn, là món quà của “Chữa Lành”, bầu vú không bao giờ cạn. Núi Olympus vươn tới trời; các thần và anh hùng dự yến tiệc cam lộ (*αμβρόσια* [ambrosia] = α [không] + βρωτός [hữu tử]). Trong lâu đài trên núi

của Wotan, bốn trăm ba mươi hai ngàn vị anh hùng dùng thịt không cạn của Sachrimnir, con Lợn Lòi Vũ Trụ, uống với sữa chảy từ vú con dê cái Heidrun: nó ăn lá của Yggdrasil, Cây Tàn Bì Thế Giới. Bên trong những quả đồi tiên ở Erin, dân Tuatha De Danaan bắt tử ăn đàn lợn tự hồi sinh của Manannan, uống tha hồ rượu của Guibne. Ở Ba Tư, các thần trong vườn trên đỉnh núi Hara Berezaiti uống *haoma* trường sinh, chung cất từ cây đồi Gaokerena. Các thần Nhật Bản uống *sake*, thần Đa Đảo thì uống *ave*, các thần Aztec uống máu đàn ông và trinh nữ. Và những kẻ được cứu chuộc của Yahweh, trong vườn trên mái của họ, được dọn cho thịt ngon lành không bao giờ hết của các quái vật Behemoth, Leviathan và Ziz, uống với rượu từ bốn con sông ngọt ngào trên thiên đường.⁽¹⁵⁰⁾

Rõ ràng là những chuyện tưởng tượng ấu thơ mà chúng ta ai cũng còn nâng niu trong vô thức vẫn còn tiếp diễn vào trong thần thoại, truyện cổ tích, giáo lý nhà thờ, như những biểu tượng về tồn tại bất khả diệt. Điều này có ích, vì tâm trí thấy quen thuộc với những hình ảnh đó, dường như nó chỉ đang nhớ lại những gì đã biết. Nhưng như vậy cũng gây cản trở, vì cảm xúc sẽ dừng nghỉ trong các biểu tượng rồi quyết liệt cưỡng lại mọi nỗ lực đi xa hơn. Vực thẳm mệnh mông giữa những đám đông hân hoan điểm phúc kiểu trẻ con, đem lòng mộ đạo lấp đầy thế gian và những người đã thật sự giải thoát sẽ nứt ra ở lằn ranh nơi các biểu tượng lùi bước và bị vượt qua. “Hỡi người,” Dante viết khi lìa địa đàng, “hỡi người trong xuống nhỏ, vì khao khát lắng nghe mà theo sau thuyền ta đương ca hát lướt qua, hãy ngoảnh lại nhìn bờ; đừng ra giữa biển sâu; vì có lẽ, mất ta, người sẽ lạc. Vùng nước ta đi chưa từng có ai qua. Minerva thổi, Apollo dẫn đường cho ta, và chín Nàng Thơ chỉ cho ta thấy các Hùng Tinh.”⁽¹⁵¹⁾ Đây là lằn ranh mà suy nghĩ không thể đi qua, bên kia nó mọi cảm giác đều thật sự chết: như trạm cuối của đường ray trên núi mà người leo núi rời bước đi xa, rồi lại quay về đó, trò chuyện với những người thích khí núi nhưng không dám liều lên cao. Giáo pháp bất khả

thuyết về cực lạc ngoài sức tưởng tượng trao truyền cho chúng ta đã phải gói trong hình ảnh gợi nhớ đến diễm phúc tưởng tượng ấu thơ; vì vậy mà các truyện kể mang lấy cái vẻ trẻ con lừa mị. Cũng vì vậy mà bất kỳ giải thích thuần tâm lý nào cũng là bất cập.

Những tài liệu phân tâm học đã xuất bản thường phân tích các nguồn của biểu tượng trong giấc mơ, cùng với các ẩn nghĩa của chúng đối với vô thức, và tác động của chúng đối với tâm lý; nhưng lại chưa lưu ý đến sự thật xa hơn là các vị thầy lớn đã có ý thức dùng chúng như ẩn dụ: các tài liệu đó đều dựa trên giả định ngầm là các vị thầy lớn trong quá khứ đều là những người bị loạn thần kinh chức năng (tất nhiên trừ một số vị người Hy Lạp và La Mã) đã nhầm tưởng những tưởng tượng không bị chỉ trích của mình là mặc khải. Cũng trên tinh thần đó, các hế lộ của phân tâm học bị nhiều người không chuyên môn xem là sản phẩm của “đầu óc dâm ô” của bác sĩ Freud.

Sự tinh tế trong tính hài hước của những hình tượng ấu thơ, khi được biến cách trong một hình thức thần thoại khéo léo để trình bày giáo thuyết siêu hình học, hiện ra tráng lệ trong thần thoại lớn thuộc loại nổi tiếng nhất thế giới Đông phương: truyện kể Ấn giáo về cuộc chiến thuở ban sơ giữa asura và chư thiên giành rượu trường sinh. Một vị thần đất cổ xưa, Kaśyapa, “Lão Rùa”, cưới mười ba cô con gái của một lão hóa công còn cổ xưa hơn, Dakṣa, “Chúa tể Đức hạnh”. Hai cô trong đó, tên Diti và Aditī, đã sinh con, Diti sinh ra các asura và Aditī sinh ra chư thần. Tuy vậy trong số con này của Kaśyapa, rất nhiều người đã chết trong một loạt cuộc chiến gia tộc không hồi kết. Nhưng rồi vua các asura, nhờ khổ hạnh và thiền định cao siêu, đã giành được thiện cảm của Śiva, Chúa tể Vũ trụ. Śiva ban cho ông phép thuật làm người chết sống lại. Vậy là phe asura có một lợi thế mà phe các thần, trong trận đánh tiếp theo, nhanh chóng nhận ra. Họ hoang mang rút lui để hội ý, rồi kêu cầu các thần tối cao Brahmā và Viṣṇu.



HÌNH 40. *Brahmā, Viṣṇu và Śiva cùng vợ*
(tiểu họa màu, Ấn Độ, đầu thế kỷ 19)

Brahmā, Viṣṇu và Śiva lần lượt là đấng Sáng tạo, Bảo tồn và Hủy diệt, cấu thành ba ngôi trong Ấn giáo, như ba khía cạnh vận hành của cùng một chất sáng tạo. Sau thế kỷ 7 TCN, Brahmā đã giảm bớt độ quan trọng, chỉ còn là tác nhân sáng tạo của Viṣṇu. Thế là Ấn giáo ngày nay chia thành hai phe chính, một chủ yếu thờ phụng đấng sáng tạo-bảo tồn Viṣṇu, một thờ Śiva, đấng hủy diệt thế giới, người đưa linh hồn nhập một với vĩnh cửu. Nhưng hai vị này cuối cùng cũng là một. Trong thần thoại đang kể đến đây, nhờ họ cùng hợp tác mà các thần lấy được thuốc trường sinh.

Họ được khuyên cùng đám anh em-kẻ thù lập thỏa thuận đình chiến tạm thời, trong lúc đó thì phải xúi các asura giúp họ khuấy Biển Sữa trường sinh để lấy loại bơ đặc biệt - Amṛta (*a* = không, *mṛta* = hữu tử), “mật bất tử”. Khoái trá vì lời mời mà họ xem là cách thừa nhận họ mạnh hơn, các asura vui vẻ tham gia; và thế là cuộc phiêu lưu hợp tác đánh dấu mở đầu bốn kỷ nguyên trong chu kỳ thế giới bắt đầu. Núi Mandara được chọn làm cây khuấy. Vāsuki, Xà Vương, bằng lòng làm dây thừng để kéo cây. Chính Viṣṇu, trong dạng rùa, lặn xuống Biển Sữa để đưa lưng cõng chân núi. Phe các thần nắm một đầu sau khi đã quấn thân rắn vòng quanh núi, phe asura cầm đầu kia. Thế rồi cả hội cùng khuấy một ngàn năm.

Thứ đầu tiên từ mặt biển bốc lên là một làn khói đen ám chướng gọi là Kālakuta, “Đỉnh đen”, tức là quyền năng chết chóc được cô đặc tới mức cao nhất. “Hãy uống ta,” Kālakuta nói; và công việc không thể tiếp tục chừng nào chưa tìm được người đủ sức uống thứ này. Họ cầu tới Śiva đang ngồi riêng một cõi đằng

xa. Uy phong, ngài xả tư thế đại định và đi tới chỗ khuấy Biển Sữa. Múc chén độc chết người, ngài uống cạn một hơi, và bằng khả năng yoga giữ nó trong cổ họng. Cổ họng ngả màu xanh lam. Vì vậy Śiva còn có biệt hiệu là “Cổ Xanh”, Nīlakantha.

Giờ họ lại khuấy tiếp, lát sau từ độ sâu không cạn bắt đầu nổi lên quyền năng cô đặc dưới các dạng thức quý giá. Các Apsaras (tiên nữ) xuất hiện, Lakṣmī, nữ thần sung túc và may mắn, con ngựa trắng như sữa tên Ucchaiḥśravas, “Hí Vàng”, viên ngọc trai Kaustubha quý nhất mọi châu ngọc, rồi các vật khác cả thảy mười ba. Xuất hiện sau cùng là lương y tài nghệ của các thần, Dhanvantari, tay cầm mặt trăng, chén đựng mặt cam lồ.

Tức thì nổ ra cuộc đại chiến giành quyền sở hữu thứ nước vô giá. Một asura tên Rāhu xoay xở uống lên được một hớp, nhưng bị chặt đầu khi rượu còn chưa trôi qua cổ họng; thân thể ông ta rữa nát nhưng cái đầu vẫn bất tử. Và cái đầu này giờ đây cứ mãi hoài đuổi theo mặt trăng qua khắp bầu trời, cố chộp lấy nó lần nữa. Khi chộp được rồi, cái chén trôi tuột qua miệng nó rồi lại đi ra cổ họng: vì vậy mà ta có nguyệt thực.

Nhưng Viṣṇu, sợ phe các thần thất thế, hóa thành một trinh nữ mỹ miều nhảy múa. Thế là trong khi đám asura tham dự đứng như trời trồng trước sức quyến rũ của người con gái, nàng ta cầm chén mặt trăng đựng Amṛta lên, múa bốn họ một giây lát, rồi bắt thần chuyển qua cho các thần. Viṣṇu lại tức thì hóa thành một người hùng uy phong, hợp sức với các thần đấu lại phe asura, và giúp đánh đuổi đối thủ về các vực sâu hẻm núi tối om trong thế giới bên dưới. Từ đây các thần được dùng bữa Amṛta muôn đời, trong những cung điện tráng lệ trên đỉnh núi Sumeru nằm chính giữa thế giới.⁽¹⁵²⁾

Hài hước là hòn đá thử vàng cho thấy phong cách thần thoại đích thực, khác với phong cách thần học chú trọng nghĩa đen và cảm tính hơn. Bản thân các thần như những hình tượng không phải là cứu cánh. Các thần thoại đậm chất giải trí về họ đưa tâm trí con người không phải *đi lên tới* họ, mà *đi qua* họ, vào cõi hư vô ngoài kia; từ góc nhìn đó thì các giáo điều thần học chớ nặng nề

dung có vẻ chỉ đóng vai cái mỗi nhử mô phạm: chức năng của thần thoại là đưa trí tuệ vụng về đi khỏi đống dữ kiện và sự kiện rần chắc sang một vùng khí loãng hơn, ở đó, như ân huệ sau chót, cuối cùng có thể thấy mọi hiện hữu - dù là thuộc cõi trời, trần gian, hay địa ngục - chuyển hóa thành chỉ còn tựa một giấc mơ tuổi thơ đơn thuần, trở đi trở lại, thoáng qua, về điểm phúc và kinh hoàng. “Nhìn ở góc độ này thì mọi thần thánh đó đều thực tồn,” một vị lạt ma Tây Tạng gần đây trả lời câu hỏi của một khách phương Tây đồng cảm, “từ một góc độ khác thì các vị không có thực.”⁽¹⁵³⁾ Đây là giáo lý chính thống trong kinh Tantra cổ xưa: “Mọi thần được hình tượng hóa này chỉ là biểu tượng mô tả những điều diễn ra trên đường Đạo”;⁽¹⁵⁴⁾ và cũng là một lý thuyết của các trường phái phân tâm học hiện đại.⁽¹⁵⁵⁾ Và dường như cũng tri kiến siêu thần học đó đã được ngụ ý trong những câu thơ cuối của Dante, khi kẻ du hành được soi rạng cuối cùng đã có thể can đảm ngược mắt nhìn xa hơn gương mặt Cha, Con và Thánh Thần giàu phúc lành mà ngắm Ánh sáng Vĩnh hằng duy nhất.⁽¹⁵⁶⁾

Các nam thần và nữ thần vậy phải được hiểu là hiện thân và người canh giữ thuốc tiên của Đấng Bất Hoại, nhưng chính họ không phải là Tối Hậu trong trạng thái nguyên thủy của nó. Do vậy cái người hùng tìm kiếm qua tương thông với họ cuối cùng lại không phải họ, mà là ân sủng của họ, nghĩa là quyền năng từ chất nuôi dưỡng họ. Cái chất-năng lượng kỳ diệu đó, chính nó và chỉ nó mới là Bất Hoại; còn danh sắc của các thần ở khắp nơi làm hiện thân, ban tặng hay tượng trưng cho chất đó thì đều hợp rồi tan. Đây là năng lượng kỳ diệu trong lưới sét của Zeus, Yahweh và kim cương chùy của Phật Thế Tôn, đúc phì nhiêu trong mưa của Viracocha, quyền phép tuyên bố qua tiếng chuông rung ở lễ Misa báo hiệu thời điểm truyền phép,⁽¹⁵⁷⁾ và ánh sáng giác ngộ tối hậu của thánh nhân hiền triết. Những người canh giữ chỉ dám tiết lộ nó cho kẻ đã chứng tỏ mình đúng mức.

Nhưng các thần có khi quá nghiêm khắc, quá thận trọng, trong trường hợp ấy người hùng phải gạt họ mà lấy kho báu. Đó là vấn đề của Prometheus. Khi trong tâm trạng này thì ngay cả

những vị thần cao nhất cũng xuất hiện dưới dạng lão yêu tinh thù hằn, khư khư ôm giữ sự sống, còn người hùng đã lừa gạt, giết hay xoa dịu được họ thì được tôn vinh như đáng cứu thế.

Maui xứ Đa Đảo đầu lại Mahu-ika, người canh giữ lửa, để giành lấy báu vật đó đem về lại cho loài người. Maui đi thẳng đến chỗ người khổng lồ Mahu-ika mà nói với ông: “Phát quang bụi rậm trên cánh đồng bằng phẳng này đi để hai ta có một cuộc đối đầu hữu hảo.” Phải nói rằng Maui là người hùng tài ba và lắm mưu chước.

Mahu-ika hỏi, “Chúng ta sẽ thi thử tài gì?”

“Tài ném,” Maui đáp.

Nghe vậy Mahu-ika bằng lòng; Maui bèn hỏi, “Ai trước đây?”

Mahu-ika đáp, “Ta trước.”

Maui tỏ ý bằng lòng, thế là Mahu-ika tóm lấy Maui ném lên trời; anh ta bay lên cao rồi rơi xuống thẳng vào bàn tay Mahu-ika; Mahu-ika vừa ném Maui lên lần nữa, vừa hô: “Ném, ném - mi bay lên!”

Maui bay lên, rồi Mahu-ika tụng thần chú này:

*Mi bay lên tầng một,
Mi bay lên tầng hai,
Mi bay lên tầng ba,
Mi bay lên tầng bốn,
Mi bay lên tầng năm,
Mi bay lên tầng sáu,
Mi bay lên tầng bảy,
Mi bay lên tầng tám,
Mi bay lên tầng chín,
Mi bay lên tầng mười!*

Maui quay lộn nhiều vòng trên không trung rồi lại rơi xuống đất, và anh ta rơi ngay cạnh Mahu-ika; Maui bèn nói, “Ông đùa vui một mình thế!”

“Thật chứ!” Mahu-ika kêu lên. “Mi nghĩ mi tung một con cá voi lên trời được sao?”

“Để ta thử!” Maui đáp.

Vậy là Maui túm lấy Mahu-ika và vừa ném ông lên, vừa hô:
“Ném, ném - ông bay lên!”

Mahu-ika bay tung lên, và giờ Maui tụng bài chú này:

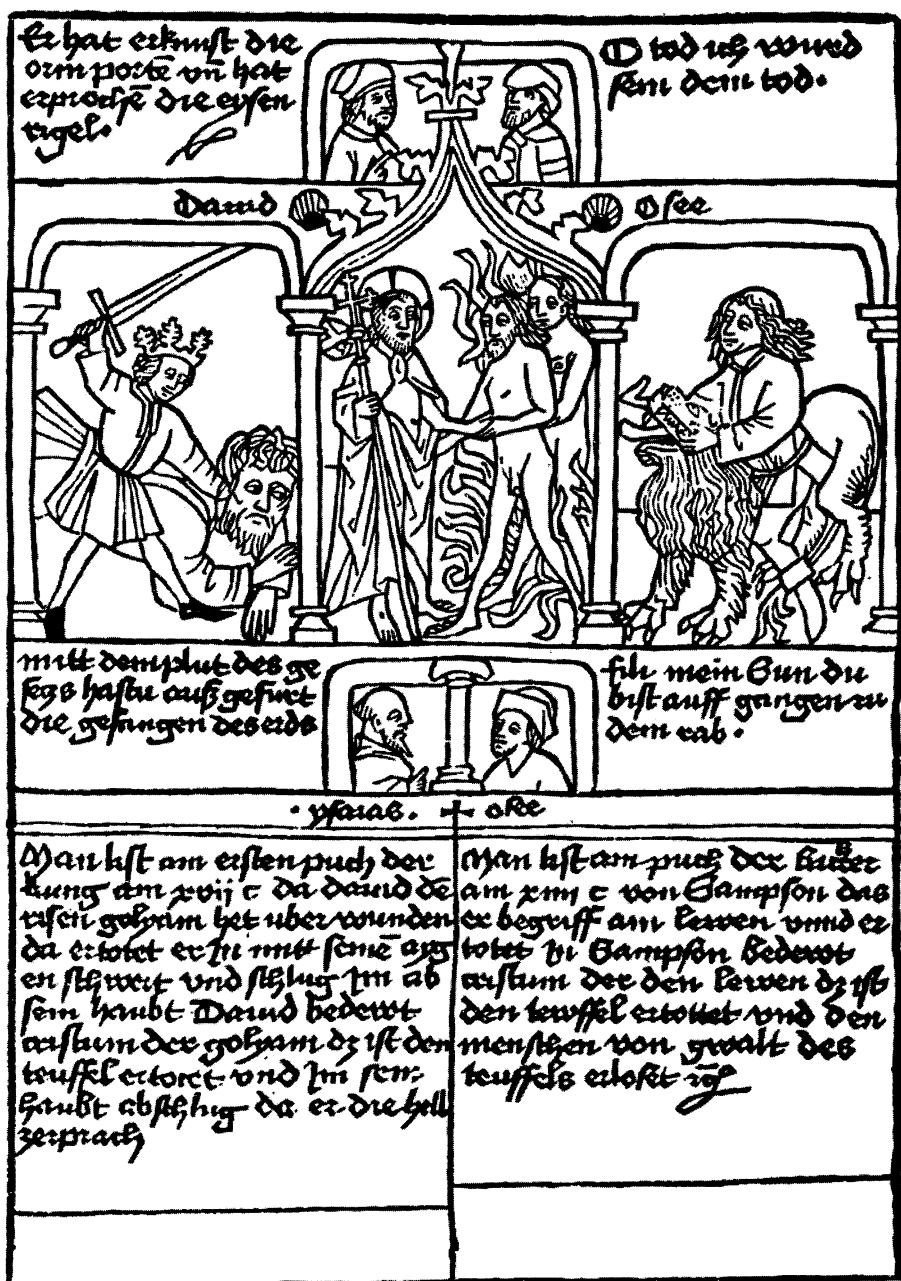
*Ông bay lên tầng một,
Ông bay lên tầng hai,
Ông bay lên tầng ba,
Ông bay lên tầng bốn,
Ông bay lên tầng năm,
Ông bay lên tầng sáu,
Ông bay lên tầng bảy,
Ông bay lên tầng tám,
Ông bay lên tầng chín,
Ông bay lên tít trên trời!*

Mahu-ika quay lộn nhiều vòng trên không trung rồi chuẩn bị rơi xuống lại; và khi ông ta gần chạm đất thì Maui hô câu thần chú này: “Kẻ ở trên kia - cầu cho hắn rơi chúc đầu xuống!”

Mahu-ika rơi xuống; đốt sống cổ đứt lìa, thế là Mahu-ika chết.

Túc thì người hùng Maui nắm đầu người khổng lồ Mahu-ika chặt phăng, chiếm lấy lửa báu, rồi ban cho trái đất.⁽¹⁵⁸⁾

Truyện kể hay nhất về cuộc tìm kiếm thuốc tiên trong truyền thống Luống Hà, trước thời Kinh Thánh là chuyện Gilgamesh, một vị vua trong truyền thuyết của thành Erech [nay là Uruk - BT] ở Sumer, lên đường tìm cây cải bất tử, cây “Bất Lão”. Sau khi ông an toàn qua được bảy sư tử canh giữ chân đồi và bảy người bọ cạp gác núi chống trời, ông đến một vườn trời có hoa trái và đá quý nằm giữa núi non. Dấn bước đi tiếp, ông tới vùng biển bao quanh thế giới. Trong một cái hang bên biển có Siduri-Sabitu, một hóa hiện của nữ thần Ishtar đang sống, là một người đàn bà che mạng kín mít đóng cổng không cho ông vào. Nhưng khi ông kể cho bà nghe câu chuyện của mình, bà cho ông vào



HÌNH 41. Hàng phục quái vật: David và Goliath • Nổi khổ dưới địa ngục •
Samson và sư tử (bản khắc, Đức, 1471)

diện kiến và can ông tiếp tục cuộc tìm kiếm, mà học cách bằng lòng với niềm vui trần thế:

*Gilgamesh, sao ngươi đến lối này?
 Sự sống ngươi tìm, ngươi sẽ không bao giờ tìm thấy.
 Khi thần linh tạo ra con người,
 họ đã phân cho loài người cái chết,
 và nắm sự sống lại trong tay mình.
 Hãy ăn no bụng, Gilgamesh;
 ngày đêm lo vui hưởng;
 mỗi ngày bày sẵn một dịp vui.
 Ngày đêm hãy nô đùa vui vẻ;
 lo quần áo đẹp đẽ,
 đầu lo gội, thân lo tắm.
 Hãy nhìn đứa bé nhỏ nhẩn năm tay ngươi.
 Để vợ ngươi hạnh phúc kẻ bên ngực.*

Đoạn này thiếu mất trong văn bản chuẩn của truyền thuyết này ở Assyria nhưng lại xuất hiện trong một văn bản không hoàn chỉnh xưa hơn nhiều ở Babylon.⁽¹⁵⁹⁾ Người ta thường nhận xét rằng lời khuyên của bà đồng cổ xúy chủ nghĩa khoái lạc, nhưng cũng nên lưu ý rằng đoạn này cần hiểu là một thử thách thụ giáo, chứ không phải đạo lý của người Babylon cổ đại. Giống như ở Ấn Độ, nhiều thế kỷ sau, người học trò nào đến gặp một vị thầy hỏi bí mật trường sinh trước tiên sẽ bị ngăn chặn bằng một bài mô tả những thú vui của phàm nhân.⁽¹⁶⁰⁾ Chỉ khi kiên trì đòi hỏi thì anh ta mới được thu nhận vào chặng thụ giáo tiếp theo.

Nhưng khi Gilgamesh nhất mực đòi hỏi, Siduri-Sabitu cho phép ông đi qua và căn dặn về những hiểm nguy dọc đường.

Bà dặn ông tìm người đưa đò Ursanapi, ông bắt gặp người này đang chặt củi trong rừng với một tốp hầu cận cạnh gác. Gilgamesh đập nát đám hầu cận này (chúng được gọi là “những kẻ vui sống”, “những vật đá”) rồi người đưa đò bằng lòng đưa ông qua sông tử. Hành trình mất một tháng rưỡi. Người đi đò được cảnh báo không chạm xuống nước.



HÌNH 42. *Cây trường sinh* (tranh chạm nổi bằng thạch cao tuyết hoa, Assyria, khoảng 885-860 TCN)

Dù người hùng được cảnh báo không chạm xuống nước trên hành trình ra biển cả, thì giờ ông có thể bước vào nước mà không hề hấn gì. Điều này cho thấy quyền năng ông có được nhờ đến gặp ông lão bà lão chủ nhân Đảo Trường Tồn. Utnapishtim-Noah, người hùng trong sự tích đại hồng thủy, là nhân vật cha cổ mẫu; đảo của ông, Rốn Thế Giới, là hình mẫu tiên thân “Đảo may mắn” của Hy-La.

Vùng đất xa xôi họ đang tiến lại là trú sở của Utnapishtim, người hùng trong cơn hồng thủy khai thiên lập địa,^(*) ngụ ở đây với vợ trong cảnh bình yên bất tử. Từ xa Utnapishtim thấy chiếc đò nhỏ lẻ loi tiến lại trên vùng nước bao la, và ông ta tự hỏi:

*Sao đám “vật đá” trên đò vỡ nát,
Và có kẻ nào không phải người của ta đi đò?
Kẻ đang đến đó: hẳn chẳng phải người hay sao?*

Gilgamesh, khi lên bờ, phải lắng nghe lão trượng kể lại hồi lâu câu chuyện hồng thủy. Rồi Utnapishtim mời khách ngủ, và ông ngủ suốt sáu ngày. Utnapishtim dặn vợ nướng bảy ổ bánh và đặt bên đầu Gilgamesh đang nằm ngủ cạnh đò. Rồi Utnapishtim chạm vào Gilgamesh, ông thức dậy, chủ nhà ra lệnh cho người chèo đò Ursanapi cho khách tắm trong một cái hồ nọ rồi cho áo quần sạch. Sau đó, Utnapishtim cho Gilgamesh biết bí mật về cây cải kia.

*Gilgamesh, ta sẽ tiết lộ cho ngươi một điều bí mật,
và chỉ dẫn ngươi:
Cây đó như gai ngoài đồng;
gai của nó, như gai hoa hồng, sẽ đâm rách tay ngươi.
Nhưng nếu tay ngươi chạm được cây này,
ngươi sẽ về lại được quê hương xứ sở.*

Loài cây này mọc dưới đáy biển vũ trụ.

Ursanapi lại chèo đò đưa người hùng ra biển. Gilgamesh cột đá vào chân và nhảy xuống. Ông tuột ào ào xuống, quá mọi giới hạn sức chịu đựng, trong khi người chèo đò ngồi lại trên đò. Và khi đã xuống tới đáy biển thăm thẳm, ông nhổ cây lên, dù nó cứa nát tay ông, cắt dây cột đá, rồi trôi lại lên mặt nước. Khi ông trôi

*. Nguyên mẫu trong văn hóa Babylon cho Noah trong Kinh Thánh.

lên mặt nước và người đưa đồ kéo ông lên đồ lại, ông đắc thắng thông báo:

Ursanapi, đây đúng là cây ấy...

Giúp cho Con người được đầy đủ sức sống.

Ta sẽ đem nó về Erech có chuồng cừu...

Tên nó là: "Tới tuổi già, Con Người được trẻ lại."

Ta sẽ ăn nó và trở lại như thời trai trẻ.

Họ đi tiếp qua biển. Khi cuối cùng họ lên bờ, Gilgamesh tắm trong một ao nước mát rồi nằm xuống nghỉ. Nhưng khi ông ngủ, một con rắn đánh hơi thấy hương thơm tuyệt diệu của cây cải, đã phóng tới cắn đi. Ăn vào, con rắn tức thì có được khả năng lột da, và lại trẻ như xưa. Nhưng Gilgamesh, khi tỉnh dậy, ngồi bệt xuống khóc, "nước mắt ràn rụa chảy theo sống mũi".⁽¹⁶¹⁾

Đến tận ngày nay, khả năng được trường sinh về thể xác vẫn cuốn hút lòng người. Vở kịch không tưởng của Bernard Shaw *Về lại Methuselah*, ra mắt năm 1921, biến chủ đề ấy thành một ngụ ngôn sinh học-xã hội hiện đại. Bốn trăm năm trước, Juan Ponce de Leon, muốn hiểu câu chuyện theo nghĩa đen, đã phát hiện ra Florida trong một lần tìm kiếm xứ "Bimini" là nơi ông mong tìm thấy suối nguồn tươi trẻ. Trong khi đó thì hàng thế kỷ trước và ở xa tít tắp, triết gia Cát Hồng của Trung Hoa đã dành những năm cuối cuộc đời trường thọ của ông để luyện đan trường sinh. "Lấy một cân thần sa thứ thiệt," Cát Hồng viết,

và ba lạng mật ong trắng. Trộn lại. Phơi khô hỗn hợp dưới nắng. Rồi rang trên lửa đến khi nặn thành viên được. Mỗi sáng uống mười viên cỡ bằng hạt gai dầu. Trong vòng một năm, tóc bạc sẽ xanh lại, răng hư sẽ mọc lại, mình mẩy sẽ mịn màng láng lẩy. Người già uống thuốc này một thời gian dài sẽ thành thanh niên. Kẻ uống đều đặn sẽ được trường sinh bất tử.⁽¹⁶²⁾

Ngày nọ một người bạn đến thăm nhà thí nghiệm và triết gia đơn



HÌNH 43. Bồ tát (tượng đá, Campuchia, thế kỷ 12)

độc, nhưng chỉ thấy áo quần rỗng không của Cát Hồng. Ông lão đi rồi; ông đã thành tiên.⁽¹⁶³⁾

Việc mưu cầu bất tử về *thể xác* bắt nguồn từ một ngộ nhận về giáo lý truyền thống. Trái lại, vấn đề cơ bản lại là phải mở rộng đồng tử, để *thân* có nhân cách đi kèm không còn cản trở tầm nhìn. Bất tử bấy giờ sẽ được chứng nghiệm như một thực tại hiện có: “Nó ở đây! Nó ở đây!”⁽¹⁶⁴⁾

Vạn vật phồn thịnh đều trở về căn nguyên của chúng. Trở về căn nguyên thì tĩnh, trở về căn nguyên gọi là “trở về mệnh”. Trở về mệnh là luật bất biến (thường) của vật. Biết luật bất biến thì sáng suốt, không biết luật bất biến thì vọng động mà gây họa.

Biết luật bất biến thì bao dung, bao dung thì công bình, công bình thì bao khắp, bao khắp thì phù hợp với tự nhiên, phù hợp với tự nhiên thì phù hợp với đạo, hợp với đạo thì vĩnh cửu, suốt đời không nguy.⁽¹⁶⁵⁾

Người Nhật có câu ngạn ngữ: “Thánh thần chỉ cười khi con người cầu xin của cải”. Ân huệ ban cho kẻ thờ phụng luôn được đo cho vừa vặn với tầm mức của họ và bản chất mong muốn chính của họ: ân huệ chỉ là biểu tượng cho năng lượng sống hạ xuống cho khớp với các nhu cầu của một trường hợp cụ thể nào đó. Tất nhiên, cái trớ trêu là ở chỗ, trong khi người hùng đã được thần linh ưu ái có thể cầu xin ân huệ chánh giác, cái anh ta thường tìm kiếm lại là sống thêm nhiều năm, có vũ khí để diệt đồng loại, hay sức khỏe cho con cái mình.

Người Hy Lạp có truyện kể về vua Midas, đã may mắn được Bacchus có ý ban cho bất cứ ân huệ nào ông muốn. Ông xin cho mọi thứ ông chạm vào đều biến thành vàng. Đi dọc đường, ông thử bẻ một cành sồi thì nó liền hóa thành vàng; ông nhặt hòn đá lên, nó biến thành vàng; trái táo thành thối vàng trong tay ông. Mừng ron, ông hạ lệnh sửa soạn một bữa yến tiệc long lầy để ăn mừng phép lạ. Nhưng khi ông ngồi xuống động tay vào thịt nướng, nó đã bị chuyển hóa; rượu lên môi ông thành vàng

lông. Và khi cô con gái bé nhỏ mà ông yêu thương hơn hết thấy mọi thứ trên đời đến an ủi ông về bất hạnh này, ngay phút ông ôm cô, cô hóa thành pho tượng vàng xinh xắn.

Cái đau khổ khi phải vượt qua các giới hạn cá nhân là cái khổ khi trưởng thành về mặt tinh thần. Nghệ thuật, văn chương, thần thoại và thờ cúng, triết học, các phép tu khổ hạnh là công cụ giúp cá nhân đi qua những chân trời hạn định vào những thiên cầu giác ngộ ngày càng mở rộng. Trong quá trình anh ta băng qua hết ngưỡng này đến ngưỡng khác, chế ngự hết rồng này đến rồng khác, tâm vóc thần tính mà anh ta kêu gọi theo ước nguyện khẩn thiết nhất của mình cũng tăng lên, cho đến khi bao gồm cả vũ trụ. Cuối cùng, tâm trí xuyên qua lãnh địa vũ trụ trói buộc để đi tới một giác ngộ vượt lên trên mọi chứng nghiệm về hình tượng - mọi cách biểu tượng hóa, mọi thần thánh: ngộ ra cái hư vô không thể tránh khỏi.

Bởi thế cho nên khi Dante đã bước bước sau cùng trong cuộc phiêu lưu tinh thần, và đến trước thị kiến biểu tượng tối hậu là Chúa Ba ngôi một thể trong Hoa Hồng Trời, ông còn phải chứng nghiệm một giác ngộ nữa, nằm ngoài cả những hình tượng Cha, Con, Thánh Thần. "Bernard," ông viết, "ra hiệu cho tôi, và mỉm cười, ý nói tôi nên nhìn lên; nhưng tôi đã tự nhìn rồi, như ông muốn; vì cái nhìn của tôi, dần trở nên thuần khiết, đang đi vào mỗi lúc một xa, qua cả hào quang của Ánh sáng cao vời mà tự Nó đã là thật. Từ đó thị kiến của tôi bao la hơn lời nói của người, lời nói thua kém cảnh tượng như vậy, ký ức cũng thua kém sự tràn trề như vậy."⁽¹⁶⁶⁾

"Không mắt, không lời, không tâm trí nào đến được đó: chúng ta không biết Nó; ta cũng không biết làm sao nói về Nó. Nó khác với mọi điều đã biết, Nó còn nằm ngoài cả cái chưa biết."⁽¹⁶⁷⁾

Đây là sự đóng đinh thập giá tối hậu và cao nhất, không chỉ dành cho người hùng mà còn cả Chúa của anh ta. Ở đây Con và Cha đều bị triệt tiêu - chỉ là những mặt nạ nhân cách che cái vô danh. Vì cũng như những hư huyền trong giấc mơ xuất phát từ

năng lượng sống của một người nằm mơ, chỉ là những phân tách và biến đổi của một nguồn lực duy nhất đó, thì mọi hình thức ở mọi cõi, dù là cõi trần hay cõi trời, cũng phản chiếu sức mạnh vũ trụ của riêng một bí ẩn khôn dò: quyền năng xây nên nguyên tử cũng như kiểm soát quỹ đạo của các tinh cầu.

Suối nguồn sự sống đó là cốt lõi của cá nhân, và anh ta sẽ tìm thấy nó bên trong mình - nếu anh ta có thể lột những lớp vỏ bọc đi. Vị thần cổ giáo Othin (Wotan) của người Giéc mạnh cho đi một mắt để vạch màn ánh sáng mà nhìn thấu vào tri kiến bóng tối vô tận này, và rồi vì nó mà chịu khổ hình đóng đinh thập giá:

*Ta nghĩ ta đã treo trên cây lộng gió đó,
Treo đó cả chín đêm liền;
Dưới mũi giáo ta bị thương, và ta dâng mình
Cho Othin, dâng ta cho chính ta,
Trên cây mà không kẻ nào bao giờ biết
Bên dưới là những rễ cây nào.⁽¹⁶⁸⁾*

Chiến thắng của Đức Phật dưới cội Bồ Đề là ví dụ kinh điển của phương Đông về kỳ tích này. Với lưỡi guom trí huệ ngài đâm thủng bong bóng vũ trụ - và nó tan tác thành hư không. Toàn thể thế giới kinh nghiệm tự nhiên cũng như các châu lục, cõi trời, địa ngục trong tín ngưỡng truyền thống vỡ tung - cùng với mọi thánh thần ma quỷ ở đó. Nhưng phép lạ trên hết mọi phép lạ là dù mọi thứ nổ tung, nhưng mọi thứ vẫn nhờ vậy mà mới lại, hồi sinh, và huy hoàng trong hào quang chân hiện hữu. Quả thật, thần linh trên các cõi trời được cứu chuộc cùng trở giọng hòa điệu tán thán người hùng phạm nhân đã đi qua họ mà xâm nhập vào hư không là sự sống và cội nguồn của họ:

Cờ phướn dựng lên ở rìa Đông thế giới tung bay sang rìa Tây thế giới; cũng vậy những cờ phướn dựng trên rìa Tây thế giới bay về phía rìa Đông thế giới; cờ trên rìa Bắc thế giới bay về phía rìa Nam thế giới; và cờ trên rìa Nam thế giới bay về phía rìa Bắc thế giới;

còn những cờ dựng trên mặt đất bay lên đến cõi Phạm Thiên; còn những cờ của cõi Phạm Thiên rủ xuống đến ngang mặt đất. Khắp mười ngàn cõi cây trở hoa nở rộ; cây ăn trái trĩu quả nặng; sen thân cây trở bồng trên thân cây; sen cành cây trở trên cành cây; sen dây leo trở trên dây leo; sen rủ trở xuống từ trời; và sen trên cuống đâm qua đá nổi lên từng bảy cái. Cả toàn thể mười ngàn thế giới giống như bó hoa bay vùn vủ qua không trung, hay như tấm thảm hoa dày; địa ngục dài tám ngàn dặm trong khoảng không giữa các thế giới vốn ánh sáng của bảy mặt trời cũng không soi sáng được, giờ ngập tràn ánh chói lòa; đại dương sâu tám mươi bốn ngàn dặm trở nên ngọt; sông ngòi ngừng chảy; kẻ mù từ lúc lọt lòng được sáng mắt; kẻ điếc từ lúc sinh ra được nghe; kẻ què cụt từ lúc ra đời đi đứng được; và gông cùm của kẻ bị giam cầm rãi rậm.⁽¹⁶⁹⁾



HÌNH 44. *Đứa con hoang đàng trở về* (son dầu trên vải bố, Hà Lan, 1662)

CHƯƠNG III

Quay về

1. KHUỐC TỪ QUAY VỀ

Khi cuộc tìm kiếm của người hùng đã hoàn thành, nhờ đi thấu đến tận nguồn, hay nhờ ân sủng của một hiện thân có nhân cách nam hay nữ, người hay thú nào đó, kẻ phiêu lưu vẫn còn phải mang chiến lợi phẩm làm chuyển hóa đời sống quay về. Để đi trọn vòng, theo đúng chuẩn mực của thần thoại gốc, người hùng giờ đây sẽ phải bắt đầu công khó là đem những cổ ngữ minh triết, Bộ Long Cừ Vàng, hay công chúa ngủ trong rừng về lại vương quốc loài người, để ân huệ này có thể góp phần hồi sinh cộng đồng, dân tộc, hành tinh, hay muôn ngàn cõi.

Nhưng trách nhiệm này vẫn thường xuyên bị khuốc từ. Ngay cả Đức Phật, sau chiến thắng, cũng bản khoán có thể truyền tri pháp giác ngộ hay không, và cũng có nhiều chuyện thuật về các thánh nhân qua đời trong lúc xuất thần. Quả thật truyền thuyết đã kể về vô số người hùng ở lại luôn hòn đảo may mắn của Nữ thần Bất tử trẻ mãi không già.

Có một truyện cảm động kể về một vị vua chiến binh Ấn giáo cổ đại tên Muchukunda. Ông sinh ra từ bên sườn trái của cha, sau khi người cha uống nhầm một thứ thuốc giúp thụ thai mà các đạo sĩ Bà La Môn pha cho vợ;^(*) và phù hợp với tính biểu tượng nhiều hứa hẹn của phép lạ này, cậu bé siêu phàm không có mẹ kia, hoa trái từ dạ con người nam kia, đã lớn lên thành một

*. Chi tiết này là cách giải thích duy lý hóa cuộc tái sinh từ người cha lưỡng tính đóng vai trò thầy tu thụ giáo.

vị vua hơn hết thấy các vua, toàn tài đến độ khi các thần, một lần nọ, đại bại trong cuộc đồ sức trường kỳ với loài asura, họ đã đến cầu cứu ông. Ông giúp họ giành chiến thắng hiển hách, và họ, trong niềm vui người trời, cho ông được toại ước nguyện cao nhất. Nhưng một vị vua như vậy, tự ông đã gần như toàn năng rồi, thì còn khao khát gì nữa? Một chúa tể loài người như vậy sẽ hình dung ra thứ ân huệ lớn nhất trong mọi ân huệ nào? Vua Muchukunda, truyện kể lại, đã mệt nhoài sau trận đánh: ông chỉ xin được ban cho giấc ngủ triền miên, và kẻ nào tình cờ đánh thức ông sẽ bị thiêu đốt ra tro bằng tia nhìn đầu tiên của ông.

Ân huệ được ban. Trong một lòng hang, sâu bên trong dạ núi, vua Muchukunda lui về ngủ, và ngủ vùi ở đó suốt tuần tự các kỷ nguyên. Bao cá nhân, dân tộc, nền văn minh, bao thời đại của thế giới đã từ hư không mà thành rồi lại rơi về hư không, còn vị vua già, trong trạng thái cực lạc tiềm thức, vẫn nằm ở đó. Cũng phi thời gian như vô thức của Freud nằm bên dưới thế giới thời gian kịch tính của cái kinh nghiệm bản ngã luôn thay đổi của ta, ông già trong núi, đã uống giấc ngủ sâu, vẫn sống đời đời.

Rồi ông cũng tỉnh giấc - nhưng với bước tiến lạ lùng đưa toàn thể vấn đề vòng đi của người hùng, cũng như cái bí ẩn rằng vị vua hùng mạnh xin được ngủ như là ân huệ cao nhất hình dung được, vào một góc nhìn mới.

Vișnu, Chúa tể Thế giới, trong hóa thân là một chàng trai khô ngô tuần tú tên Kṛṣṇa (Krishna), đã lên ngôi sau khi cứu xứ Ấn Độ khỏi một giống quỷ bạo ngược. Và chàng đang trị vì trong thái bình không tưởng thì một đoàn người dã man bỗng từ phía Tây Bắc tràn xuống xâm lược. Vua Kṛṣṇa đi đánh họ, nhưng đúng với bản tính trời của mình, đã giành chiến thắng một cách đùa vui, bằng một chúc đơn giản. Không mang vũ khí, chỉ đeo tràng hoa sen, chàng từ trong thành bước ra nhử cho vua địch đuổi bắt mình, rồi lẩn tránh chạy vào trong hang. Khi tên man di đuổi theo, hấn phát hiện ra trong hang có người đang nằm ngủ.

“Ồ hay!” hấn nghĩ. “Vây ra hấn dụ mình tới đây rồi giờ hấn giả làm người nằm ngủ vô hại.”

Hắn đá vào thân người đang nằm trên đất trước mặt, và người đó cựa mình. Đó là vua Muchukunda. Người ấy ngồi dậy và đôi mắt đã nhắm suốt vô số chu kỳ sáng thế, lịch sử thế giới và mạt thế, nay từ từ mở ra trước ánh sáng. Ánh nhìn đầu tiên đi tới giáng thẳng vào vua địch, hắn bùng lên thành ngọn đuốc và tức thì chỉ còn là một đồng tro tàn âm ỉ khói. Muchukunda quay lại và ánh nhìn thứ hai chạm phải chàng trai trẻ tuổi tú, đeo tràng hoa mà vị vua già đã thức nhận ra ngay là hóa thân của Thượng đế nhờ hào quang của ngài. Thế là Muchukunda cúi lạy đáng cứu độ với bài cầu nguyện sau.

Lạy Thượng đế! Khi con sống và làm lụng như một con người, con đã sống và làm lụng - cứ lang thang không nghỉ; qua bao nhiêu lần sinh, kiếp này sang kiếp khác, con tìm kiếm và khổ sở, không biết đâu mà dừng chân hay nghỉ ngơi. Khốn khổ con tưởng là niềm vui. Ảo ảnh trên sa mạc con ngỡ là nước mát. Thú vui con chộp bắt, để rồi khốn khổ nằm lại trong tay. Vương quyền và của cải vật chất, giàu sang và quyền thế, bạn bè và con trai, vợ và kẻ hầu người hạ, mọi thứ dụ dỗ giác quan: con muốn có tất cả, bởi con tin những thứ này sẽ đem lại cho con lạc phúc. Nhưng phút giây thứ nào là của con thì thứ đó liền biến tính, hóa thành lửa cháy.

Rồi con tìm đường bầu bạn với thần linh, và họ đón mừng con như bạn. Nhưng ngừng bước ở đâu? Nghỉ ngơi ở đâu? Sinh vật ở cõi này, kể các thần linh, đều bị mắc lừa, lạy Thượng đế, vì những mảnh khước đùa vui của ngài; vì vậy mà họ tiếp tục trong vòng phù du dẫn sinh, đau đón nhân sinh, tuổi già, cái chết. Giữa các kiếp, họ đổi mặt thần chết và phải chịu địa ngục đủ mọi mức độ đón đau tàn nhẫn. Và tất cả đều là từ ngài!

Lạy Thượng đế, bị đánh lừa bởi những mảnh khước đùa vui của ngài, con cũng từng là con mồi của thế gian, lang thang trong mê cung lầm lạc, mắc trong tám lưới tâm chấp ngã. Do vậy, giờ đây con nung nấu trong hiện diện của ngài - vô biên, khả kính - chỉ mong sao được giải thoát khỏi mê cung ấy.

Khi Muchukunda bước ra khỏi hang, ông thấy rằng con người, từ khi ông đi, đã nhỏ lại trong tầm vóc. Ông là một người khổng lồ giữa họ. Vậy là ông lại bỏ họ mà đi, lui về những vùng núi cao nhất, và ở đó chuyên tâm tu hành khổ hạnh để rồi cuối cùng sẽ giải thoát khỏi chấp trước sau cùng vào sắc tướng của hiện hữu.⁽¹⁾

Nói cách khác, Muchukunda thay vì quay về, đã quyết định rời xa thế gian thêm một mức nữa. Và ai dám nói quyết định của ông hoàn toàn vô lý?

2. CUỘC TRỐN CHẠY KỲ DIỆU

Nếu người hùng khi toàn thắng được nữ thần hay nam thần ban phước rồi được minh định giao nhiệm vụ về lại đời mang theo thuốc tiên nào đó để phục hưng xã hội, thì giai đoạn cuối trong



HÌNH 45a. Một trong ba chị em Gorgon truy đuổi Perseus đang chạy trốn cùng cái đầu Medusa (vỏ hai quai hình đỏ, Hy Lạp, thế kỷ 5 TCN)

cuộc phiêu lưu sẽ được mọi quyền phép của người bảo trợ siêu nhiên nâng đỡ. Trái lại, nếu người hùng đoạt được phần thưởng bất chấp sự phản đối của người canh giữ, hay nếu ý nguyện về lại đời của người hùng không được các thần linh hay ác quỷ bằng lòng, bấy giờ giai đoạn cuối trong vòng tròn thần thoại sẽ trở thành cuộc rượt đuổi sống động, thường là hài hước. Cuộc trốn chạy này có thể phức tạp thêm do những kỳ công né tránh và chướng ngại có phép thuật.

Chẳng hạn người xứ Wales kể về một người hùng, Gwion Bach, sống ở Xứ Dưới Sóng. Cụ thể là chàng ta ở dưới đáy hồ Bala, ở Merionethshire, miền Bắc xứ Wales. Và sống dưới đáy hồ này từ thời thượng cổ là một người khổng lồ, Tegid Hói, cùng với bà vợ Caridwen. Người vợ là thần bảo trợ ngũ cốc và mùa màng phì nhiêu trong một diện mạo, và trong diện mạo khác là nữ thần thơ ca và văn chương. Bà sở hữu một cái vạc to và muốn đun trong đó món nước khoa học và cảm hứng. Tham khảo các



HÌNH 45b. Perseus chạy trốn mang theo đầu của Medusa trong túi
(vò hai quai hình đỏ, Hy Lạp, thế kỷ 5 TCN)

sách về hắc thuật, bà pha chế một thứ thuốc đen kịt rồi ninh trên lửa cả năm, hết giai đoạn đó sẽ chưng được ba giọt may mắn ban ân sủng cảm hứng.

Và bà giao cho người hùng của chúng ta, Gwion Bach, công việc khuấy cái vạc, còn một người mù tên Morda lo cời củi bên dưới, rồi bà dặn họ không được để cho nó ngừng sôi suốt một năm và một ngày. Còn bà thì, theo sách của các nhà chiêm tinh, và trong các giờ chịu ảnh hưởng của mỗi hành tinh, ngày ngày lo hái mọi cây cỏ có phép. Rồi một ngày, gần cuối năm, khi Caridwen đang hái cây cỏ và đọc bùa chú, tình cờ ba giọt chất lỏng có phép trong vạc văng ra dính vào ngón tay của Gwion Bach. Và vì lẽ nóng quá nên chàng ta đút ngón tay vào miệng, và ngay giây phút bỏ mấy giọt nước mang bùa phép vào miệng thì chàng ta thấy trước mọi điều sẽ đến, và nhận thấy rằng điều chính phải lo là đề phòng các mưu chước của Caridwen, vì bà rất tài ba. Thế là, vô cùng hoảng sợ, chàng ta bỏ trốn về xứ mình. Còn cái vạc toác làm đôi, vì toàn bộ chất lỏng bên trong trừ ba giọt mang bùa phép ấy đều là chất độc, rồi bầy ngựa của Gwyddno Garanhir uống phải nước suối nhiễm độc do chất lỏng trong vạc chảy vào, và từ ấy trở đi hợp lưu của dòng suối ấy được gọi là Thuốc độc cho Ngựa của Gwyddno.

Thế rồi Caridwen về nhà thì thấy công sức cả năm trời đã tiêu vong. Bà bèn chop lấy một thanh củi quật lên đầu Morda mù cho đến khi một mắt ông ta rơi thòng xuống má. Ông ta mới nói, “Bà làm tôi tật nguyên thật oan uổng, bởi tôi vô tội. Mắt mắt của bà chẳng phải tại tôi.” “Mi nói đúng lắm,” Caridwen nói, “Gwion Bach mới là kẻ đã cướp của ta.”

Thế là bà lên đường đuổi theo chàng ta. Chàng ta thấy bà thì hóa thành thỏ rừng và bỏ chạy. Nhưng bà hóa thành chó săn thỏ đuổi theo. Chàng ta chạy tới một con sông, và hóa thành con cá. Thế là bà trong hình hài rái cá cái đuổi theo chàng ta dưới nước, cho đến khi chàng ta đành hóa thành con chim trời. Bà, dưới dạng chim ưng, đuổi theo trên trời không cho chàng ta ngơi nghỉ. Rồi

đúng lúc bà sắp sửa bỏ xuống còn chàng ta thì ngỡ mình sắp chết, chàng ta trông thấy một đụn lúa mì đã sảy trên sàn nhà kho, chàng bỏ nhào xuống đụn lúa mì, hóa thành hạt lúa. Bà bèn hóa thành con gà mái đen có cái mào cao ngất, tới chỗ đụn lúa mì mà dùng chân bới, tìm ra chàng ta và nuốt. Và, như truyện kể, bà mang chàng ta trong dạ chín tháng, đến khi sinh ra chàng, bà không nở giết, vì chàng rất khôi ngô. Thế là bà gói chàng trong túi da, ném xuống biển phỏ mặc cho lòng nhân từ của Chúa Trời, nhằm ngày hai mươi chín tháng Tư.⁽²⁾

Câu chuyện về Gwion Bach được truyền đến chúng ta nhờ nhà thơ "Taliesin" kể trong *Mabinogion*, tuyển tập các truyện hiệp sĩ xứ Wales do phu nhân Charlotte Guest dịch ra thành bốn tập từ năm 1838 đến 1849. Taliesin, "thủ lĩnh thi ca phương Tây", có thể là nhân vật có thật trong lịch sử vào thế kỷ 6, cùng thời với viên tù trưởng đã biến thành "Vua Arthur" trong truyện anh hùng hiệp sĩ sau này. Truyền thuyết về ông và các bài thơ của ông còn lại trong một thủ bản thế kỷ 13, "Sách Taliesin", là một trong "Tứ đại cổ thư xứ Wales".



HÌNH 46. Caridwen trong dạng chó săn thả đuổi theo Gwion Bach trong hình hài thú rừng (in thạch bản, Anh, 1877)

Mabinog (tiếng Wales) là từ chỉ người học việc của nhà thơ kể chuyện. Chữ *mabinogi*, "hướng dẫn cho người trẻ", chỉ những tư liệu cổ truyền (thần thoại, truyền thuyết, thơ, văn vần) đem dạy cho một *mabinog*, mà anh ta có phận sự học thuộc lòng. *Mabinogion*, số nhiều của từ *mabinogi*, là tên Guest đặt cho bản dịch mười một truyện hiệp sĩ từ "Tứ đại cổ thư".

Kho tàng thơ kể chuyện xứ Wales, giống như Scotland và Ireland, được rút tía từ một kho thần thoại rất lâu đời và phong phú của người Celt cổ giáo. Kho tàng này được các nhà truyền giáo và chép sử biên niên Cơ Đốc biến đổi và phục hưng (thế kỷ 5 trở đi), họ ghi lại các tích xưa và cất công tìm cách điều chỉnh chúng cho khớp với nội dung Kinh Thánh. Đến thế kỷ 10, giai đoạn sản sinh rực rỡ của truyện hiệp sĩ mà chủ yếu tập

trung ở Ireland ấy biến di sản này thành một mảnh lục đương thời quan trọng. Những nhà thơ Celt đi đến các triều đình ở châu Âu Cơ Đốc; các đề tài Celt được các *skald* (nhà thơ cung đình) ngoài Cơ Đốc ở Scandinavia diễn lại. Một phần lớn kho tàng cổ tích châu Âu, cũng như nền tảng của hệ truyền thuyết về Arthur, có nguồn gốc từ giai đoạn sáng tạo rực rỡ đầu tiên của truyền hiệp sĩ Tây phương này.⁽³⁾

Cuộc trốn chạy là một cảnh ưa thích trong truyện dân gian, ở đó nó được mở mang thành nhiều hình thức sống động.

Người Buriat xứ Irkutsk (Siberia) chẳng hạn tuyên bố rằng Morgon-Kara, pháp sư đầu tiên của họ, tài ba đến mức ông có thể gọi hồn người chết trở về. Thế là Thần Chết phàn nàn với Chúa Trời, Chúa Trời bèn quyết định thử thách pháp sư. Ngài đoạt linh hồn của một người nọ rồi thả vào trong chai, lấy đầu ngón cái bịt miệng chai lại. Người này đổ bệnh, bà con họ hàng cho mời Morgon-Kara. Pháp sư đưa mắt nhìn khắp nơi tìm linh hồn lưu lạc. Ông tìm trong rừng, dưới nước, hẻm núi, cõi âm, và cuối cùng leo lên “cuối trống” đi lên thế giới bên trên, ở đó ông lại phải tìm hồi lâu. Lát sau ông quan sát thấy Chúa Trời đang bịt đầu ngón cái trên một cái chai, và xem xét kỹ tình hình, nhận thấy rằng bên trong chai chính là linh hồn ông lên tìm. Pháp sư đã mưu biến thành con ong bắp cày. Ông sà tới Chúa Trời chích một cái vào trán ngài buốt rần đến mức ngón tay giật búng khỏi miệng chai và kẻ bị cầm tù thoát ra ngoài. Vừa hoàn hồn thì Chúa Trời nhìn thấy trước mặt một gã pháp sư, Morgon-Kara, đã lại cuời lên trống, đang về lại hạ giới với linh hồn tìm lại được. Tuy nhiên, cuộc trốn chạy trong trường hợp này không hoàn toàn thành công. Hết sức tức giận, Chúa Trời tức thì làm suy yếu quyền phép của pháp sư mãi mãi bằng cách chẻ đôi cái trống của ông. Vì vậy trống của pháp sư ban đầu (theo sự tích này mà người Buriat kể) được gắn hai mặt da, từ ấy đến nay chỉ còn một.⁽⁴⁾

Một tiểu loại phổ biến về cuộc trốn chạy kỳ diệu là kẻ chạy trốn bỏ lại các đồ vật để nói thay mình và do vậy trì hoãn cuộc truy đuổi. Dân Maori ở New Zealand kể chuyện một ngư dân

ngày nọ về nhà thì thấy vợ đã nuốt sống hai đứa con trai của họ. Mụ đang nằm rên rỉ trên sàn. Ông hỏi mụ có chuyện gì thì mụ khai mình bị bệnh. Ông hỏi hai thằng con đâu, mụ nói chúng bỏ đi rồi. Nhưng ông biết mụ nói dối. Bằng phép thuật, ông khiến mụ mửa chúng ra: chúng chui ra còn sống và lành lặn. Rồi ông sợ mụ vợ, nên ông quyết tâm có dịp là trốn đi ngay, cùng các con trai.

Khi mụ yếu tinh đi lấy nước, ông dùng phép thuật khiến nước hạ xuống và lùi xa mỗi khi mụ lại gần, nên mụ phải lội ra khá xa. Rồi ông ra hiệu dẫn các túp nhà, lùm cây mọc gần làng, đóng rác, và ngôi đền trên đỉnh đồi trả lời thay ông nếu mụ vợ quay về gọi. Ông cùng hai con bỏ chạy đến thuyền, và họ kéo buồm lên. Người đàn bà quay về, không thấy ai, cất tiếng gọi. Đầu tiên hố rác đáp lời. Mụ đi về hướng đó và lại gọi. Mấy túp nhà trả lời; rồi cây cối. Lần lượt, các vật khác nhau trong xóm đáp lời mụ, thế là mụ cứ chạy bốn phương tám hướng, càng lúc càng thêm rối trí. Mụ đâm mệt nhoài và thở hổn hển và nức nở, rồi thì, cuối cùng, nhận ra mình đã mắc lừa. Mụ tức tốc chạy lên ngôi đền trên đỉnh đồi mà dỗi mắt nhìn ra biển, nhưng chiếc thuyền chỉ còn là một đốm nhỏ ở đường chân trời.⁽⁵⁾

Một tiểu loại phổ biến khác về cuộc trốn chạy kỳ diệu là người hùng cuống cuống trốn chạy đã ném lại đằng sau một số chướng ngại vật để cầm chân.

Hai anh em nhỏ đang chơi bên suối thì bất ngờ ngã vào dòng nước. Dưới đó có một mụ phù thủy nước, mụ nói, “Giờ ta bắt được bọn mi rồi! Giờ bọn mi sẽ làm việc đến toác óc cho ta!” Rồi mụ đem hai đứa nhỏ đi. Mụ đưa cho cô bé một mớ sợi lanh bần thủ rồi nài phải xe và bắt cô múc nước bằng chậu không đáy; cậu bé thì phải đốn củi bằng cây rựa cùn; và chúng chỉ được ăn những cục bột cứng như đá. Nên cuối cùng hai đứa trẻ không chịu nổi và chờ đến một Chủ nhật nọ, khi mụ phù thủy đi nhà thờ, chúng bỏ trốn. Khi tan lễ, mụ phù thủy phát hiện ra con mồi đã cao chạy xa bay, mụ đuổi theo chúng bằng những cú nhảy vọt kinh hồn.

Nhưng bọn trẻ phát hiện ra mục từ xa, cô bé bèn ném lại sau một bàn chải tóc, nó tức thì biến thành một quả núi bàn chải to lớn có hàng ngàn hàng ngàn gai cứng khiến mục phù thủy trôi qua rất khó khăn; tuy nhiên, cuối cùng mục cũng hiện ra. Hai đứa trẻ vừa thấy mục thì cậu bé ném cây lược lại sau, nó tức thì biến thành một ngọn núi lược lớn có hàng triệu răng nhọn; nhưng mục phù thủy biết cách tóm những răng này, và cuối cùng mục cũng qua được. Cô bé bèn ném lại sau một cái gương, nó biến thành núi gương, trơn láng đến mức mục phù thủy không đi qua được. Mục nghĩ: “Mình sẽ nhanh nhanh về nhà lấy cây rựa mà chẻ núi gương làm đôi.” Nhưng đến khi mục quay lại chẻ xong gương thì hai đứa trẻ đã cao chạy xa bay từ lâu, nên mục phù thủy phải lặn lội về lại suối.⁽⁶⁾

Quyền năng của vực thẳm không nên khinh suất mà thách thức. Ở phương Đông, người ta nhấn mạnh mối nguy hiểm khi tập các môn yoga làm xáo trộn tâm lý mà không có người giám sát đủ trình độ. Việc tập thiền của người mới bắt đầu phải được điều chỉnh theo bước tiến của anh ta, để trí tưởng tượng được các *devata* (các tiểu thần vừa tầm tinh thần tri nhận được) bảo vệ từng bước cho đến lúc tinh thần đã sẵn sàng một mình đi tiếp. Như bác sĩ Jung đã nhận xét rất thông minh:

Chức năng hữu ích vô song của biểu tượng giáo lý [là] nó che chở người ta khỏi phải chứng nghiệm trực tiếp Chúa Trời, miễn là anh ta không phơi mình ra một cách tai hại. Nhưng nếu... anh ta rời mái nhà và gia đình, sống một mình quá lâu, và ngáy nhìn quá sâu vào gương đen thẳm, bấy giờ sự kiện gặp gỡ kinh hồn đó có thể xảy đến cho anh ta. Thế nhưng ngay cả lúc ấy thì biểu tượng truyền thống, đã chín muồi sau hàng thế kỷ, vẫn có thể đóng vai thuốc chữa bệnh và chuyển hướng cú va đập chết người của ngôi thần sống vào không gian thiêng của nhà thờ.⁽⁷⁾

Những đồ vật có phép thuật mà người hùng hoảng loạn ném ra sau - các lối diễn giải, nguyên lý, biểu tượng, duy lý hóa, bất cứ

gì có khả năng che chở - cầm chân và hấp thu sức mạnh của con Chó Nhà Trời bị đánh động, cho phép kẻ phiêu lưu quay về với đồng loại bình an vô sự và biết đâu còn mang về ân huệ. Nhưng cái giá phải trả không phải bao giờ cũng nhẹ nhàng.

Một trong những cuộc trốn chạy vút lại chuồng ngai kinh hoàng nhất là cuộc trốn chạy của người hùng Hy Lạp Jason. Chàng lên đường để chiếm lấy Bộ Long Cừ Vàng. Ra khơi trên con tàu *Argo* tráng lệ với một đoàn chiến binh dũng mãnh, chàng dong buồm về hướng Hắc Hải, và dù bị chậm trễ vì nhiều mối hiểm nguy thần kỳ thì cuối cùng, xa hơn eo biển Bosphorus hàng dặm, chàng cũng tới kinh đô và cung điện của vua Aietes. Phía sau cung điện là rừng cây và món chiến lợi phẩm kia, được rỗng canh giữ.

Sự thể là công chúa con vua, Medeia, đem lòng yêu say đắm người khách lạ lấy lòng, nên khi đức vua bắt chàng thực hiện một nhiệm vụ bất khả làm cái giá để lấy Bộ Long Cừ Vàng, nàng đã chế ra bùa phép để giúp chàng thành công. Nhiệm vụ là cày một cánh đồng nọ, dùng bò đực thờ ra lửa có bộ chân bằng đồng, rồi gieo rặng rống vào cánh đồng này và giết đám quân lính có khí giới sẽ tức thì sinh ra từ đó. Nhưng có dấu thần của Medeia xúc lên người và áo giáp, Jason điều khiển được lũ bò; và khi các chiến binh mọc lên từ hạt rống, chàng ném một hòn đá vào giữa chúng, khiến chúng quay lại chém giết nhau cho đến người cuối cùng.

Thiếu nữ si mê dẫn Jason đến cây sồi có treo Bộ Long Cừ Vàng. Con rỗng canh giữ có mào, lưỡi chẻ ba, và răng nanh cong vòng dễ sợ; nhưng với chiết xuất một thứ thảo dược nọ đôi trai gái làm cho con thú kinh khủng ngủ mê. Jason bèn chộp lấy món phần thưởng. Medeia bỏ trốn theo chàng, và *Argo* ra khơi. Nhưng nhà vua cấp kỳ đuổi theo. Và khi Medeia nhận thấy thuyền của cha đang thu hẹp khoảng cách đôi bên, nàng thuyết phục Jason giết chết Apsyrtos, cậu em trai mà nàng lôi đi theo, rồi cắt nhỏ xác ném xuống biển. Vì thế vua Aietes, cha nàng, buộc phải chậm lại, vớt các mảnh thi thể, và lên bờ để chôn cất tử tế. Trong khi đó thì *Argo* nhờ gió thuận đã mất hút trong tầm mắt.⁽⁸⁾

Trong *Cổ sự ký* của Nhật xuất hiện một câu chuyện thương tâm khác, nhưng có ý nghĩa khác hẳn: chuyện thủy tổ Izanagi xuống âm phủ, giành lại hiền thê và cũng là em gái Izanami đã chết dưới Suối Vàng. Nàng đón chàng ở cửa vào cõi âm, và chàng nói với nàng: “Hỡi nữ thần, em gái yêu kiều của ta! Những vùng đất mà ta với nàng làm vẫn chưa xong; vậy nên hãy trở lại!” Nàng đáp: “Thật tiếc là chàng không đến sớm hơn! Thiếp đã ăn thức ăn dưới Suối Vàng. Dầu vậy, vì thiếp tràn đầy cảm kích trước vinh dự được đón chàng đến đây, anh trai yêu quý, thiếp muốn được quay về. Hơn nữa, thiếp sẽ bàn kỹ chuyện này với thần linh dưới Suối Vàng. Hãy cẩn thận, đừng nhìn thiếp!”

Nàng lui vào trong cung điện; nhưng vì nàng nấn ná ở đó quá lâu, chàng không đợi được nữa. Chàng bẻ răng ngoài cùng chiếc lược gài trên búi tóc bên trái uy nghi của mình, thấp lên làm ngọn đuốc nhỏ, rồi đi vào trong xem. Cái chàng thấy là giò bọ nhưng nhúc, và Izanami đang thối rữa.

Thất kinh trước cảnh tượng ấy, Izanagi chạy trở ra. Izanami nói: “Chàng đã khiến thiếp ô nhục.”

Izanami cho Dạ Xoa dưới âm phủ đuổi theo. Izanagi trong lúc cuống cuồng bỏ chạy tháo lưới trùm đầu đen ném xuống. Nó tức thì biến thành nho, và trong khi kẻ truy đuổi dừng lại ăn nho, chàng tiếp tục chạy bay biến. Nhưng mục ta lại tiếp tục đuổi theo sát gót. Chàng lấy cây lược dày nhiều răng cài búi tóc bên phải bẻ vụn rồi ném xuống đất. Tức thì nó hóa thành vô số hạt măng, và trong khi mục ta nhổ lên ăn, chàng chạy trốn.

Cô em gái bèn cho tám thần sấm cùng một ngàn năm trăm âm binh Suối Vàng đuổi theo. Rút thanh kiếm mười gang tay uy nghi đeo bên mình, chàng vừa chạy vừa vung gươm ra sau. Nhưng đoàn âm binh vẫn đuổi theo. Tới được biên ải giữa dương gian và Suối Vàng, chàng hái ba quả đào mọc ở đó, chờ tới khi đạo binh xông vào thì ném ra. Máy quả đào từ cõi dương gian đập vào đội âm binh của Suối Vàng, chúng quay đầu bỏ chạy.

Cuối cùng chính nữ thần Izanami xuất chinh. Thế là chàng kéo lên một tảng đá phải cả ngàn người mới khiêng nổi, chắn

ngang cửa ải. Vậy là tảng đá chắn giữa họ, họ đứng đối mặt nhau và nói lời từ biệt. Izanami nói: “Lang quân, hiền huynh của thiếp! Nếu chàng cư xử thế này, từ đây mỗi ngày thiếp sẽ khiến một ngàn người trên cõi của chàng phải chết.” Izanagi đáp: “Nữ thần, hiền muội của ta! Nếu nàng làm vậy, mỗi ngày ta sẽ khiến cho một ngàn năm trăm đàn bà sinh nở.”⁽⁹⁾

Bởi đã bước một bước ra ngoài cõi sáng tạo của thủy tổ Izanagi vào cõi tan rã, Izanami đã tìm cách bảo vệ người anh/lang quân của mình. Khi chàng đã nhìn thấy quá mức mình chịu được, chàng mất đi sự vô tri về cái chết, nhưng với ý chí sống oai hùng, chàng đã kéo lên tấm mạng bảo vệ như hòn đá nặng, tấm mạng mà tất cả chúng ta kể từ đó đã giăng lên giữa mắt ta và nắm mộ.

Thần thoại Hy Lạp về Orpheus và Eurydice, và hàng trăm truyện kể tương tự khắp thế giới, giống như truyền thuyết cổ xưa này của Viễn Đông, đã ám chỉ là bất chấp thất bại được ghi lại ở đây, vẫn tồn tại khả năng tình lang sẽ cứu được tình nương lưu lạc quay trở về từ bên kia cái ngưỡng kinh khủng. Bao giờ cũng chỉ vì một lỗi nhỏ nào đó, một chỉ dấu nhẹ nhưng quan trọng về sự yếu đuối của con người, mà không thể có giao thiệp công khai giữa các thế giới; vậy nên người ta thấy muốn gần như tin, rằng nếu tránh được sự rủi ro nhỏ làm hỏng hoại cuộc giải cứu kia, mọi chuyện sẽ ổn thỏa. Tuy thế, trong các dị bản về câu chuyện này ở Đa Đảo, khi cặp tình nhân chạy trốn thường thoát được, cũng như trong vở kịch dương thần Hy Lạp kể về cuộc giải cứu Alcestis cũng có sự trở về đáng mừng, thì những kết quả ấy không khiến ta yên lòng, mà chỉ cho thấy đó là công tích siêu nhân. Các thần thoại nói về thất bại khiến ta xúc động vì đó là bi kịch của đời người, nhưng những thần thoại về thành công thì chỉ khiến ta ghi nhận sự khó tin của chúng. Thế nhưng, nếu thần thoại gốc muốn thực hiện lời hứa của mình, thì cái chúng ta cần được thấy không phải là thất bại của con người hay thành công của siêu nhân, mà là thành công của con người. Đó là vấn đề của bước ngoặt ngưỡng quay về. Đầu tiên chúng ta sẽ xem xét

nó trong các biểu tượng siêu nhân, rồi tìm trong đó lời giáo huấn thiết thực cho con người lịch sử.

3. GIẢI CỨU TỪ BÊN NGOÀI

Người hùng có thể cần được đưa về sau cuộc phiêu lưu siêu nhiên nhờ sự trợ lực từ bên ngoài. Nghĩa là, thế giới có thể phải đến mà đón anh ta. Bởi lẽ điểm phức chôn sâu thẳm không phải cái dễ dàng từ bỏ để đổi lấy sự tan vỡ ngã của trạng thái thức tỉnh. “Có kẻ nào đã bỏ đời rồi,” chúng ta đọc thấy, “mà còn muốn quay về? Hẳn chỉ muốn ở đó.”⁽¹⁰⁾ Vậy mà, chừng nào ta còn sống, chừng ấy



HÌNH 47. *Osiris phục sinh* (tranh khắc đá, thời Ptolemaios, Ai Cập, khoảng 282-145 TCN)

cuộc đời sẽ gọi kêu. Xã hội ghen tức những ai ở lại bên ngoài nó, nên sẽ đến gõ cửa. Nếu người hùng - như Muchukunda - không sẵn lòng, kẻ quấy rầy sẽ bị một cú sốc khó chịu; nhưng trái lại, nếu kẻ được triệu hồi chỉ bị cầm chân - bị nhốt kín vì cái điểm phức của trạng thái tồn tại hoàn hảo (tựa như cái chết) - thì sự giải cứu sẽ được thực thi, và kẻ phiêu lưu sẽ quay về.

Khi Quạ trong truyện của người Eskimo cầm mớ que đánh lửa phóng vào bụng cá voi, anh ta thấy mình đứng ở lối vào một căn phòng đẹp đẽ, đầu kia có một ngọn đèn đang cháy. Anh ta ngạc nhiên thấy một cô gái đẹp ngồi đó. Căn phòng khô ráo sạch sẽ, xương sống cá voi đỡ trần còn xương sườn làm vách. Từ một cái ống chạy dọc xương sống, dầu nhỏ giọt vào đèn.

Khi Quạ bước vào phòng, cô gái ngước lên kêu: “Làm sao anh vào được đây? Anh là người đầu tiên vào nơi này.” Quạ kể lại chuyện mình, và cô mời anh ngồi đầu kia phòng. Người con gái này là linh hồn (*inua*) của cá voi. Cô dọn cho khách bữa ăn, cho anh quả mọng và dầu, trong khi đó thì kể anh nghe cô đã hái quả mọng vào năm trước. Quạ lưu lại bốn ngày làm khách của *inua* trong bụng cá voi, và suốt thời gian đó cố xác định xem cái ống chạy dọc trần kia là gì. Mỗi lần rời phòng, cô gái lại cấm anh ta chạm vào nó. Nhưng giờ, khi cô lại ra ngoài, anh ta bước tới ngọn đèn, chìa vuốt ra, hứng được một giọt lớn rồi thè lưỡi liếm. Nó ngọt đến mức anh ta làm thêm lần nữa, rồi tiếp tục hứng hết giọt này đến giọt khác ngay khi nhỏ xuống. Tuy vậy, lát sau lòng tham của anh ta thấy vậy thì quá chậm, và thế là anh ta đưa tay lên, bẻ gãy một khúc ống rồi ăn. Anh ta vừa làm vậy thì một luồng dầu ồ ạt tuôn vào phòng, làm tắt ngọn đèn, căn phòng thì bắt đầu nặng nhọc chòng chành. Nó chòng chành như vậy suốt bốn ngày. Quạ mệt ngất ngư mà tiếng ầm ầm không ngớt xung quanh thật kinh khủng. Nhưng rồi mọi thứ yên ắng trở lại và căn phòng đứng yên; vì Quạ đã bẻ mất một động mạch chủ quả tim, cá voi cái đã chết. *Inua* không bao giờ quay lại. Xác cá voi dạt vào bờ.

Nhưng giờ Quạ bị cầm tù trong cái xác. Đang khi ngẫm xem

nên làm gì, anh ta nghe hai người trò chuyện, trên lưng con cá, và họ quyết định gọi cả làng đến giúp xẻ thịt cá voi. Chẳng mấy chốc họ đã khoét thủng lưng cái xác lớn.^(*) Khi cái lỗ đủ rộng, và mọi người đã bỏ đi mang theo phần thịt vào sâu trong bờ, Quạ bước ra mà không ai hay biết. Nhưng anh ta vừa đặt chân xuống đất thì nhớ ra mình để quên mấy que đánh lửa trong bụng cá. Anh ta cởi bỏ áo choàng và mặt nạ ra, vậy là chẳng mấy chốc dân làng thấy một người đàn ông nhỏ thó, đen thui, quần tẩm da thú kỳ lạ đi lại chỗ họ. Họ nhìn anh ta tò mò. Người này ngỏ ý giúp, xắn tay áo lên, bắt tay vào việc.

Lát sau, một người đang xẻ thịt trong bụng cá voi kêu lên, “Xem tôi tìm thấy gì này! Có que đánh lửa trong bụng cá voi!” Quạ nói, “Trời ơi, chuyện này xui rồi! Con gái tôi có lần nói khi người ta tìm thấy que lửa trong bụng cá voi mổ ra, nhiều người trong số họ sẽ chết! Tôi lo chạy thôi!” Anh ta thả tay áo xuống lại và chuồn đi. Mọi người hối hả chạy theo. Và thế là sau đấy khi quành lại, trong một lúc Quạ được một mình một tiệc.⁽¹¹⁾

Một trong những thần thoại quan trọng và thú vị nhất thuộc truyền thống Thần đạo của Nhật Bản - đã lâu đời khi được chép lại vào thế kỷ 8 trong *Cổ sự ký* - là chuyện dụ được nữ thần mặt trời xinh đẹp Amaterasu ra khỏi hang đá trên trời trong giai đoạn đầu quan trọng của thế giới.

Shintō, “Thần đạo”, truyền thống bản địa của người Nhật, trái với Butsudō, “Phật đạo”, du nhập từ bên ngoài, là một tín ngưỡng thờ những vị canh giữ đời sống và phong tục (các thần thổ địa, anh linh tổ tiên, anh hùng, Thiên hoàng, cha mẹ còn sống, con cái còn sống), trái với các quyền năng đem lại giải thoát khỏi vòng luân hồi (Bồ tát và Phật). Cách thờ phụng chủ yếu là bảo tồn và vun trồng sự thanh tịnh của tâm: “Tẩy uế là gì? Không chỉ là tẩy sạch xác thân bằng nước thánh, mà là theo Đạo ngay chính và đạo đức.”⁽¹²⁾ “Cái làm thần linh vui lòng là đức hạnh và thanh tâm, không phải vật chất cứng dường đủ ít dù nhiều.”⁽¹³⁾

Amaterasu, nữ tổ sinh ra dòng dõi hoàng gia, là bậc chí tôn trong vô số thần dân gian, thế nhưng bản thân nàng cũng chỉ là hóa hiện cao

*. Trong nhiều thần thoại về người hùng trong bụng cá voi thì anh ta được chim giải cứu bằng cách mổ thủng vách nơi giam cầm anh ta.

nhất của Chúa tể Vũ trụ vô hình, siêu việt, nhưng vẫn có mặt khắp cùng: “Tám trăm vạn chư thần cũng chỉ là những hóa hiện khác nhau của một thần duy nhất, Kunitokotachi-no-Kami, Quốc Chi Thường Lập Thần, vị thần đứng mãi của đất nước, vị hợp nhất vạn vật trong vũ trụ, đứng trời đất uyên nguyên, tồn tại đời đời từ khởi thủy đến cáo chung thế giới.”⁽¹⁴⁾ “Amaterasu tinh thần thờ phụng thần nào trên Cao Thiên Nguyên? Nàng thờ phụng thần tính của chính Ngã bên trong mình, nỗ lực trau dồi đức hạnh thánh thiện trong chính mình bằng tinh tâm và do vậy thành một với Thần.”⁽¹⁵⁾

Vì Thần ở khắp cùng trong mọi thứ, nên mọi thứ phải được xem là thiêng liêng, từ cái ấm cái chảo trong bếp cho đến Thiên hoàng: đây là Thần đạo, Con đường của Thần. Hoàng đế ở ngôi vị cao nhất nên được tôn kính trên nhất, nhưng về bản chất không khác với sự tôn kính dành cho mọi sự vật. “Thần đáng kính ngưỡng thị hiện ngay cả trong lá cây sợi cỏ mỏng manh.”⁽¹⁶⁾ Chức năng của “kính” trong Thần đạo là nhằm cung nghênh Thần đó trong mọi vật; chức năng của thanh tịnh là duy trì hóa hiện của Thần trong ta - theo gương uy nghi là sự tự thờ phụng thiêng liêng của nữ thần Amaterasu. “Với Thần vô hình thấy mọi thứ bí mật trong im lặng, tấm lòng kẻ chân thành tương thông từ hạ giới” (trích một bài thơ của Thiên hoàng Minh Trị).⁽¹⁷⁾

Đây là một ví dụ mà người được giải cứu có phần miễn cưỡng. Thần bão Susanowo, em trai của Amaterasu, đã cư xử sai trái không tha thứ được. Và dù nàng đã cố mọi cách xoa dịu gã và đã tha thứ hết mức, gã vẫn tiếp tục phá phách ruộng lúa của nàng và làm ô uế cơ ngơi của nàng. Như đòn xúc phạm cuối cùng, gã đập thủng mái tòa nhà dệt của nàng và thả xuống một “con ngựa lang trời đã bị gã lột da từ sau ra trước”, khi thấy cảnh đó mọi tiên nữ của nữ thần, đang bận dệt áo trời cho các thần, hoảng sợ đến mức ngã ra chết.

Amaterasu khiếp đảm trước cảnh này, lui về hang trời, đóng cửa, cài then. Nàng đã làm một chuyện kinh khủng; vì mặt trời biến mất hẳn thì chẳng khác nào tận thế - vũ trụ tận diệt khi còn chưa bắt đầu hẳn. Nàng biến đi thì toàn thể Cao Thiên Nguyên và mọi xứ đồng bằng lau sậy ở giữa tối sầm. Ma quỷ lộng hành khắp thế giới; vô số điềm báo tai ương hiện ra; và tiếng kêu của vô số thần tiên kéo đàn tới chẳng khác nào ruồi ở con trăng thứ năm.

Do vậy tám triệu thần tập hợp lại trong buổi nghị triều

dưới lòng sông trời tĩnh lặng và mời một thần trong số họ, tên Omoikane (Gồm Nghĩ), nghĩ ra một kế. Kết quả buổi hội ý của họ là nhiều vật dụng có phép được đưa ra, trong đó có một cái gương, một thanh guom, nhiều đồ lễ bằng vải vóc. Một cây lớn được dựng lên và trang hoàng châu ngọc; gà trống được đem đến gáy không ngoi; lửa được đốt lên; kinh lễ long trọng được tụng. Tám gương dài hơn hai mét được cột vào mấy cành giữa thân cây. Và có một vũ điệu vui tươi, náo nhiệt do một nữ thần trẻ tên Uzume múa. Tám triệu thần tiên vui thú đến mức tiếng cười của họ rợp không trung, và Cao Thiên Nguyên chao đảo.



HÌNH 48. *Amaterasu từ hang trời đi ra* (tranh mộc bản, Nhật Bản, 1860)

Nữ thần mặt trời trong hang nghe thấy tiếng náo động vui tươi thì lấy làm lạ. Nàng tò mò muốn biết có chuyện gì. Mở hé cửa hang trời, nàng nói vọng ra: “Ta ngỡ vì ta rút đi mà Cao Thiên Nguyên sẽ tối tăm, vùng đất giữa toàn đồng bằng lau sậy cũng sẽ mù mịt cả: vậy có làm sao mà Uzume lại vui vẻ như thế, và tám triệu thần đều cười?” Uzume bèn cất lời, nói: “Chúng tôi vui mừng hoan hỷ vì có một vị thần còn rạng rỡ hơn cả lệnh bà.” Khi tiên nữ nói như vậy thì hai vị thần đẩy gương tới và cung kính dâng cho nữ thần mặt trời Amaterasu xem; thế là, càng lúc càng thêm kinh ngạc, nàng bước dần ra khỏi cửa mà ngáy nhìn. Một vị thần mạnh mẽ cầm lấy bàn tay cao quý của nàng kéo ra; một

người khác căng một dây thừng bên bằng rom (gọi là *shimenawa*) sau lưng nàng giăng ngang lối vào, nói: “Lệnh bà không được trở vào quá dây này!” Do vậy cả Cao Thiên Nguyên lẫn vùng đất lau sậy ở giữa lại bừng sáng.⁽¹⁸⁾ Giờ thì đêm đêm mặt trời có thể lui về nghỉ một lúc - như chính sự sống cũng ngơi nghỉ, để phục hồi trong giấc ngủ; nhưng vì có *shimenawa* uy vệ ngăn nên nàng không còn lánh biệt vĩnh viễn nữa.

Motif mặt trời là nữ thần, thay vì nam thần, là di tích hiếm hoi và quý giá từ một bối cảnh thần thoại cổ xưa, mà xem ra từng phổ biến rộng rãi. Thánh mẫu vùng Nam Ả Rập là mặt trời mang tính nữ, *Ilat*. Trong tiếng Đức, từ chỉ mặt trời (*die Sonne*) là giống cái. Khắp Siberia cũng như Bắc Mỹ còn rải rác những câu chuyện về mặt trời tính nữ. Và truyện cổ tích Cô Bé Quàng Khăn Đỏ, bị sói ăn thịt nhưng được người thợ săn cứu trong bụng nó ra, cũng có thể là tiếng vọng xa xăm từ một cuộc phiêu lưu giống như *Amaterasu*. Những dấu tích ấy vẫn còn trong nhiều xứ sở; nhưng chỉ ở Nhật Bản chúng ta mới bắt gặp thần thoại xưa từng quan trọng nay vẫn còn hiệu lực trong nền văn minh; bởi hoàng đế là hậu duệ trực hệ từ cháu trai của *Amaterasu*, và vì là nữ tổ của hoàng gia nên nàng được thờ phụng như một thần tối cao trong truyền thống Thần đạo của dân tộc. Trong các cuộc phiêu lưu của nàng chúng ta có thể cảm nhận thấy một cảm thức khác về thế giới so với các hệ thần thoại quen thuộc hơn ngày nay về *nam thần* mặt trời: một tình cảm triu mến nào đó đối với món quà ánh sáng dễ thương, một lòng biết ơn hồn hậu đối với vạn vật được biến thành thấy được - những cảm xúc hẳn đã có thời nhuộm màu tâm trạng tôn giáo của nhiều dân tộc.

Chiếc gương, thanh gươm và cây, thì chúng ta nhận ra. Chiếc gương, phản chiếu nữ thần và kéo nàng ra khỏi giấc ngủ uy vệ phi thị hiện siêu phàm của nàng, là biểu tượng cho thế giới, cho trường hình ảnh phản chiếu. Vị thần hài lòng chiêm ngưỡng vinh quang của mình trong đó, và niềm vui này tự nó đã dẫn dụ nên hành động hóa hiện hay “sáng tạo”. Thanh gươm ở đây tương đương với lưỡi sét ở phương Tây. Cây là Trục Thế

Giới trong khía cạnh toại ước, đơm hoa kết trái - giống như cây thông bày trong nhà tín đồ Cơ Đốc vào tiết đông chí, là thời khắc mặt trời tái sinh hoặc quay về, một phong tục vui tươi kế thừa từ chính truyền thống cổ giáo Giéc manh đã cho ngôn ngữ Đức hiện đại từ giống cái *Sonne*. Điệu múa của Uzume và tiếng cười huyền não của các thần thuộc về hội hè: thế giới bị đảo lộn vì thần tối cao rút lui, nhưng lại hân hoan vì sự hồi sinh đang đến. Còn *shimenawa*, sợi dây rom uy nghi giăng đằng sau nữ thần khi xuất hiện trở lại, là biểu tượng cho ân phúc của phép lạ ánh sáng trở về. *Shimenawa* này là một trong những biểu tượng truyền thống nổi bật, quan trọng và âm thầm hùng biện nhất trong tín ngưỡng dân gian Nhật Bản. Chẳng trên cửa các đền thờ, trang hoàng dọc phố xá khi tết đến, nó biểu thị sự canh tân thế giới ở ngưỡng quay về. Nếu thánh giá Cơ Đốc là biểu tượng rõ ràng nhất về chuyến đi thần thoại vào vực chết thì *shimenawa* là dấu hiệu đơn sơ nhất của phục sinh. Hai vật này đại diện cho bí ẩn lẫn ranh giữa các cõi - đường ranh không tồn tại đang tồn tại.

Amaterasu là người chị em Đông phương của Inanna vĩ đại, nữ thần tối cao trong các bảng đất sét chữ hình nêm trong đền thờ của người Sumer, ta đã theo nàng đi xuống cõi dưới. Inanna, Ishtar, Astarte, Aphrodite, Venus: đó là những danh hiệu nàng mang trong các giai đoạn văn hóa nối tiếp nhau trong sự phát triển của Tây phương - liên hệ không phải với mặt trời, mà với sao Kim, hành tinh mang tên nàng, đồng thời với mặt trăng, các tầng trời, và mặt đất màu mỡ. Ở Ai Cập nàng thành nữ thần sao Thiên Lang, Sirius, mỗi khi xuất hiện lại hằng năm trên bầu trời là thông báo mùa lũ của sông Nile sắp tới đem lại phì nhiêu cho đất đai.

Inanna, ta sẽ nhớ, từ trời xuống cõi địa ngục của người chị gái và đối thủ, nữ hoàng Chết Ereshkigal. Và nàng cất đặt Ninshubur, sứ giả của nàng ở lại, với lời dặn dò xuống cứu nếu nàng không quay về. Nàng trần truồng tới trước bảy vị phán quan; họ dấn mắt nhìn nàng, nàng bị biến thành cái xác, và cái xác - như chúng ta đã thấy - bị đem treo trên cọc.



HÌNH 49. Nữ thần sống lại
(phù điêu cẩm thạch, Ý/Hy Lạp, khoảng 460 TCN)

Ba ngày ba đêm trôi qua,^()
Ninshubur sứ giả của Inanna,
Vốn thay nàng đem những lời thuận thảo,
Thay nàng trao truyền những lời nâng đỡ,
Nay vì nàng than thở kín cõi trời,
Kêu vì nàng trong đền hội họp,
Đôn đáo vì nàng trong nhà của các thần...
Nher hành khất ông mặc vì nàng một tấm áo đơn,
Đến Ekur, nhà của Enlil, chỉ một mình ông dẫn bước.*

Đây là khởi đầu cuộc giải cứu nữ thần, và minh họa cho trường hợp một người biết rõ quyền năng của vùng sắp bước vào đến nỗi phải thận trọng dặn người đánh thức mình dậy. Đầu tiên Ninshubur đến chỗ thần Enlil; nhưng thần nói rằng, bởi Inanna đã đi từ cõi trên xuống cõi dưới, ở cõi âm thì những luật lệ của cõi âm sẽ thắng thế. Kế đến Ninshubur đi đến gặp thần Nanna;

*. So sánh kinh Tin Kinh Cơ Đốc: "Người xuống ngục tở tở, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại..."

nhưng thần nói rằng nàng đã đi từ cõi trên xuống cõi dưới, ở cõi âm thì những luật lệ của cõi âm sẽ thắng thế. Ninshubur đến gặp thần Enki; thần Enki bèn bày ra một kế. Ông nặn ra hai sinh vật không giới tính và giao cho họ “thức ăn sự sống” và “nước sự sống” rồi dặn dò họ đi xuống cõi âm mà rắc thức ăn và nước này sáu mươi lần lên xác Inanna bị treo.

Enlil là thần không khí, Nanna là thần mặt trăng, Enki là thần nước và thần trí tuệ của người Sumer. Vào thời điểm tài liệu này được biên soạn (thiên niên kỷ thứ ba TCN) Enlil là thần chính trong điện thần của tín ngưỡng Sumer. Ông dễ nổi giận. Ông là người gây đại hồng thủy. Nanna là một trong các con trai của ông. Trong các thần thoại, vị thần phúc hậu Enki thường xuất hiện trong vai người phù trợ. Ông là vị bảo trợ và chỉ vẽ cho cả Gilgamesh lẫn người hùng sống qua đại hồng thủy Atarhasis-Utnapishtim-Noah. Motif Enki đấu với Enlil được thần thoại Hy-La tiếp nối, trong sự đối đầu Poseidon-Zeus (Neptune-Jove).

*Nỗi sợ lửa tấp họ nhắm vào
cái xác treo trên cọc,
Sáu mươi lần thức ăn sự sống, sáu mươi lần nước sự sống,
họ rắc lên xác,
Inanna sống lại.*

*Inanna đi lên từ cõi âm,
Các Anunnaki bỏ chạy,
Và kẻ nào người dưới cõi âm có thể đã bình yên
xuống cõi âm;
Khi Inanna đi lên từ cõi âm,
Người chết vội vàng chạy trước nàng.*

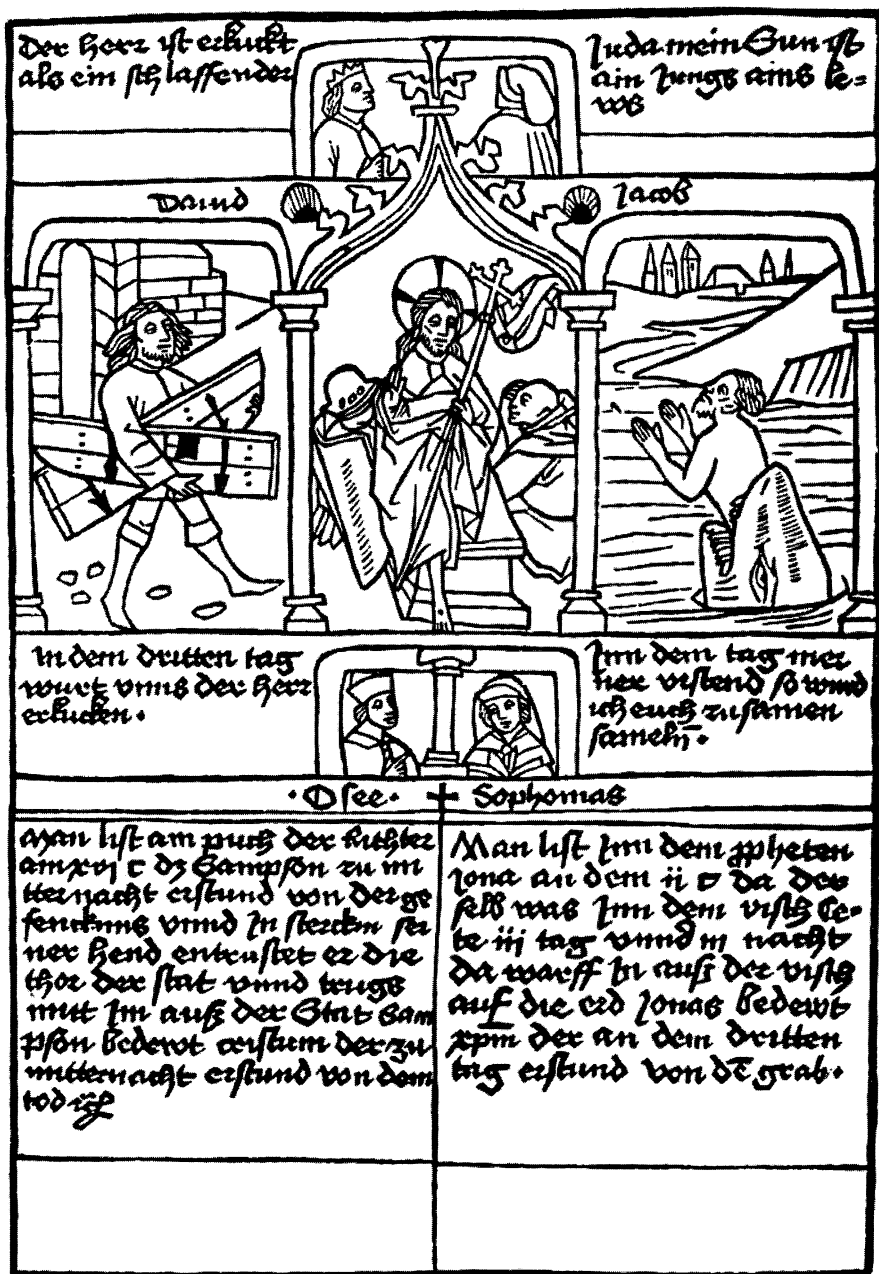
*Inanna đi lên từ cõi âm,
Lũ quỷ nhỏ như lau sậy,
Lũ quỷ lớn như bút trầm,
Đi bên cạnh nàng.
Đúa đi trước mặt nàng, cầm gậy trong tay,
Đúa đi bên cạnh nàng, giắt vũ khí thắt lưng.*

*Kẻ nào đi trước nàng,
 Kẻ nào đi trước Inanna,
 Là kẻ không biết thức ăn, không biết nước uống,
 Kẻ không ăn bột rắc,
 Kẻ không uống rượu cúng,
 Kẻ cướp đi vợ từ hạ bộ đàn ông,
 Kẻ giằng con từ bầu ngực mẹ đang cho bú.*

Đi giữa đám đông ma quái, khủng khiếp này, Inanna qua khắp xứ Sumer, thành phố này qua thành phố nọ.⁽¹⁹⁾

Ba ví dụ này từ các vùng văn hóa cách xa nhau - Quạ, Amaterasu và Inanna - đã đủ để minh họa cuộc giải cứu từ bên ngoài. Chúng cho thấy trợ lực siêu nhiên đã đi theo người được chọn suốt quá trình thử thách vẫn tiếp tục vận hành cho đến cả những giai đoạn cuối cuộc phiêu lưu. Ý thức anh ta đã quy hàng, dẫu vậy vô thức vẫn cung cấp những đối trọng của mình, nên anh ta được sinh ra lại trong thế giới anh ta ra đi từ đó. Thay vì bám chắc lấy và cứu được bản ngã của mình, như trong mô thức cuộc trốn chạy kỳ diệu, anh ta đã mất đi bản ngã, vậy mà nhờ ân sủng lại được trả về.

Tới đây chúng ta đã đến bước ngoặt sau cùng của vòng tròn mà cả chuyến du ngoạn kỳ diệu chỉ là khúc dạo đầu cho nó - ấy là bước đi nghịch lý và cùng cực gian khó băng qua ngưỡng, khi người hùng từ cõi kỳ bí về lại miền đất ngày thường. Dù được giải cứu từ bên ngoài, đánh đuổi từ bên trong, hay được các thần linh dẫn dắt nhẹ nhàng đưa đi, anh ta vẫn còn phải mang ân huệ bước về lại bầu không khí bị lãng quên từ lâu, nơi con người là những mảnh rời mà tưởng mình trọn vẹn. Anh ta còn phải cho xã hội đối mặt với liều thuốc tiên diệt ngã cứu đời mình mang theo, và lãnh đòn đánh trả là các gắng hỏi hợp lý, những cảm hận nặng nề, và những người hảo ý nhưng hoang mang không hiểu.



HÌNH 50. Người hùng trở về: Samson mang theo cửa đền

• Đấng Christ sống lại • Jonah (bản khắc, Đức, 1471)

4. BĂNG QUA NGƯỠNG QUAY VỀ

Ta chỉ có thể hình dung hai cõi, trời và người, là khác hẳn nhau - khác nhau như sự sống và cái chết, như ngày và đêm. Từ xứ chúng ta biết, người hùng phiêu lưu vào bóng tối; ở đó người hùng hoàn thành cuộc phiêu lưu, hay lần nữa lại biệt tăm, bị cầm tù, hay gặp nguy hiểm; và việc anh ta quay về được mô tả như là sự trở lại từ vùng bên kia. Dẫu vậy - và đây là mấu chốt quan trọng để hiểu thần thoại và biểu tượng - hai vương quốc ấy thật ra là một. Cõi của thần linh là một chiều kích bị lãng quên của thế giới chúng ta biết. Và thám hiểm chiều kích đó, hoặc tự nguyện hoặc miễn cưỡng, là toàn thể ý nghĩa của kỳ tích người hùng. Các giá trị và phân biệt mà trong đời thường dường như quan trọng đều biến mất cùng với sự đồng hóa đáng sợ cái tôi vào cái trước kia chỉ là kẻ khác. Cũng như trong các truyện kể về các mục chẳng ăn thịt người, nỗi sợ mất đi tư cách người cá thể này có thể là gánh nặng trong chứng nghiệm siêu việt đối với những linh hồn chưa đủ điều kiện. Nhưng linh hồn người hùng mạnh dạn đi vào - và phát hiện ra mục phù thủy biến thành nữ thần, còn rồng biến thành chó canh của các thần.

Tuy vậy, từ góc nhìn của ý thức lúc tỉnh bình thường thì bao giờ cũng phải còn lại một sự bất nhất khó hiểu nào đó giữa tri kiến sáng suốt được đưa lên từ đáy sâu và khôn ngoan thường có ích trong cõi ánh sáng. Vì vậy mà có sự tách rời thường thấy của chủ nghĩa cơ hội khỏi đức hạnh, và kéo theo là sự suy đồi của kiếp người. Tử đạo chỉ dành cho các thánh, còn người thường có các định chế của mình, và không thể cứ mặc cho chúng tự sinh tự diệt như hoa huệ ngoài đồng; Peter sẽ không ngừng rút guom ra, như trong vườn Gethsemani, để bảo vệ đấng sáng tạo và duy trì thế giới.⁽²⁰⁾ Ân huệ mang về từ đáy sâu siêu việt nhanh chóng bị duy lý hóa đến lúc không còn tồn tại, nên lại nảy sinh nhu cầu cấp thiết cần có một người hùng nữa để nhắc lại lời truyền.

Thế nhưng, làm sao dạy lại điều đã được dạy đúng nhưng

lại học sai cả ngàn lần, suốt hàng thiên niên kỷ khôn quá hóa ngu muội của nhân loại? Đó là nhiệm vụ khó khăn tối hậu của người hùng. Làm sao diễn đạt lại bằng ngôn ngữ thế giới ánh sáng những tuyên thuyết bất khả thuyết từ bóng tối? Làm sao trình bày trên bề mặt hai chiều một hình khối ba chiều, hay trong hình ảnh ba chiều cái ý nghĩa đa chiều? Làm sao diễn dịch thành ngôn ngữ “đúng” và “sai” những mặc khải đập tan thành vô nghĩa mọi cố gắng định nghĩa các cặp đối lập? Làm sao truyền đạt cho những người cứ đòi chỉ tin vào cái thông điệp của cõi hư không tạo ra vạn vật nếu có bằng chứng của giác quan?

Đã có nhiều thất bại minh chứng cho những khó khăn khi đi qua cái ngưỡng khẳng định sự sống này. Vấn đề đầu tiên của người hùng quay về sau khi ném trái cái thị kiến thành tựu thỏa mãn linh hồn, là phải làm sao chấp nhận những niềm vui và nỗi sầu thoáng qua, những tầm thường và tục tĩu ồn ào của đời là thực hữu. Sao phải về lại một thế giới như vậy? Sao phải cố làm sao cho cái chứng nghiệm cực lạc siêu việt trở nên đáng tin, hay thậm chí còn thú vị, cho những đàn ông đàn bà tham đắm dục vọng? Như các giấc mơ trong đêm sao mà quan trọng lại có vẻ ngớ ngẩn trong ánh sáng ban ngày, nhà thơ và nhà tiên tri cũng có thể thấy mình đóng vai thằng khùng trước một bồi thẩm đoàn giương cặp mắt tỉnh táo. Việc dễ nhất là nộp cả cộng đồng cho quỷ dữ rồi lại lui vào hang trời, đóng cửa, cài then. Nhưng nếu một bà đỡ tinh thần nào đã kịp giăng sợi *shimenawa* chắn đường lui, thì bấy giờ nhiệm vụ biểu thị cái vĩnh cửu trong thời gian, và tri nhận trong thời gian sự hiện diện của vĩnh cửu, trở nên một công việc không thể né tránh.

Câu chuyện Rip van Winkle là một ví dụ về tình huống tế nhị khi người hùng trở về. Rip đi vào lãnh địa phiêu lưu một cách vô thức, như tất cả chúng ta vẫn đi mỗi đêm khi ngủ. Trong giấc ngủ sâu, tín đồ Ấn giáo nói, cái ngã được hợp nhất và tuyệt phúc; do vậy giấc ngủ sâu được gọi là trạng thái nhận thức.⁽²¹⁾ Nhưng dù chúng ta được hồi phục và nuôi dưỡng nhờ những chuyến thăm hằng đêm vào bóng tối nguồn này, đời ta không

nhờ chúng mà biến cải; chúng ta quay về, như Rip, không mang theo gì để chúng tỏ trải nghiệm này ngoài tóc râu.

Anh ta nhìn quanh tìm khẩu súng, nhưng thay vì cây súng bắn chim sạch sẽ, được tra dầu tỉ mỉ, anh ta thấy một cây súng cũ nằm bên cạnh, nòng gỉ sét, chốt rơi ra, báng đầy mối mọt... Khi đứng lên đi, anh ta thấy xương khớp cứng đờ, chẳng hề dẻo dai như mọi ngày... Khi đến gần làng, anh ta gặp một số người, nhưng không có ai quen; điều này làm anh ta có chút ngạc nhiên, vì anh ta nghĩ mình biết mọi người trong vùng. Áo quần của họ cũng khác với kiểu anh ta đã quen. Ai cũng chòng chọc nhìn anh ta với vẻ ngạc nhiên, và mỗi khi đưa mắt nhìn anh ta, họ cứ vuốt cằm. Cử chỉ lặp lại này khiến Rip bất giác làm theo, thì anh ta sững sờ thấy râu mình đã dài ra cả ba tấc... Anh ta bắt đầu băn khoăn phải chăng mình và thế giới xung quanh đã bị phù phép...

Về ngoài của Rip, cùng với bộ râu dài, bạc xám, cây súng bắn chim gỉ sét, áo quần kỳ lạ, và cả đám đàn bà trẻ con bu theo sát gót, chẳng mấy chốc khiến các chính khách trong quán rượu chú ý. Họ vây lại quanh anh ta, nhìn anh ta từ đầu xuống chân hết sức tò mò. Diễn giả lảng xảng bước lại, và khều anh ta qua một bên, hỏi anh ta bỏ phiếu cho phe nào. Rip ngẩng nhìn ngu ngốc vô hồn. Một gã nhỏ con thấp lùn nhưng lảng xảng khác kéo tay anh ta, và nhón gót lên, thì thầm vào tai hỏi anh ta theo Liên bang hay Dân chủ. Rip cũng đang ngờ ngác không kém trước câu hỏi ấy thì một ông già sang trọng vẻ hiểu biết, tự cao tự đại đội mũ ba sừng rất nhọn rẽ đám đông đi vào, vừa đi vừa dùng cùi chỏ gạt họ qua hai bên, rồi đứng sừng sững trước mặt van Winkle - một tay chống nạnh, tay kia tì trên gậy; mắt tinh tường và cái mũ nhọn cứ như xuyên vào chính linh hồn anh ta - hỏi bằng giọng điệu khắc nghiệt cái gì đưa anh ta tới buổi bầu cử với khẩu súng trên vai và đám đông sát gót, có phải anh định gây bạo loạn trong làng. "Hỡi ơi! Các ngài," Rip kêu, có phần thất đảm, "tôi chỉ là kẻ nghèo, chân chất, vốn dân vùng này, và thần dân trung thành của đức vua, cầu Chúa phù hộ cho ngài!"

Nghe đến đây có tiếng nhao nhao ồ lên từ đám đông vây quanh: “Một tên Trung thành [bảo hoàng - BT], một tên Trung thành đó! Gián điệp đó! Dân tỵ nạn đó! Đuổi hắn đi! Tống cổ hắn đi!” Khó khăn lắm ông già tự phụ đội mũ ba sừng mới tái lập trật tự được.⁽²²⁾

Nản lòng hơn cả số phận của Rip là điều tương truyền đã xảy ra với người hùng Oisín của Ireland khi chàng ta quay về sau thời gian dài lưu lại bên con gái của vua Xứ Thanh Xuân. Oisín thành công hơn Rip tội nghiệp; chàng đã mở to mắt trong cõi phiêu lưu. Chàng bằng ý thức (khi tỉnh) đi vào vương quốc vô thức (giấc ngủ sâu) và đã gộp các giá trị của kinh nghiệm tiềm thức vào nhân cách khi tỉnh của mình. Một sự chuyển hóa đã diễn ra. Nhưng chính vì hoàn cảnh rất đáng mong ước này mà chàng lại gặp các mối nguy còn lớn hơn khi trở về. Vì toàn bộ nhân cách của chàng đã biến đổi cho phù hợp với các quyền năng và hình tướng phi thời gian, nên toàn thể con người chàng phải chịu bác bỏ, bị tan tác bởi chấn động khi va chạm với các hình tướng và quyền năng của thời gian.

Oisín, con trai Finn MacCool, một hôm đi săn với người của mình trong rừng xứ Erin thì con gái của vua Xứ Thanh Xuân tới gặp chàng. Quân hầu của Oisín đã đi lên đằng trước với chiến lợi phẩm của cuộc săn, bỏ lại chủ với ba con chó tự lo liệu cho mình. Và sinh vật kỳ bí ấy đã hiện ra trước chàng với thân hình đẹp đẽ của một người nữ, nhưng có cái đầu heo. Nàng ta nói rằng cái đầu là do bùa chú của một tu sĩ Druid, cam đoan nó sẽ biến mất ngay phút giây chàng chịu lấy nàng làm vợ. “Được, nếu cảnh ngộ của nàng là vậy,” chàng nói, “và nếu hôn phối với ta sẽ giải thoát cho nàng khỏi bùa phép, ta sẽ không để cái đầu lợn còn trên mình nàng lâu đâu.”

Không chậm trễ cái đầu lợn biến mất ngay và họ cùng nhau lên đường đến Tír na n-Óg, Xứ Thanh Xuân. Oisín ở lại đó làm vua nhiều năm hạnh phúc. Nhưng một ngày nọ chàng quay qua nói với người vợ siêu nhiên:

“Ta ước gì hôm nay được ở Erin để gặp cha ta cùng mọi người.”

“Nếu chàng đi,” vợ chàng nói, “và đặt chân lên đất Erin, chàng sẽ không bao giờ quay lại với em nữa, và chàng sẽ thành một ông lão mù. Chàng nghĩ từ khi chàng đến đây đến nay đã bao lâu rồi?”

“Độ ba năm,” Oisín đáp.

“Đã ba trăm năm trôi qua,” nàng đáp, “từ khi chàng đến vương quốc này với em. Nếu chàng phải về Erin, em sẽ cho chàng con bạch mã này để chở chàng; nhưng nếu chàng tụt xuống ngựa hay chạm chân xuống đất Erin, bạch mã sẽ quay lại ngay phút đó, và chàng sẽ ở lại nơi nó bỏ chàng lại, là một ông lão nghèo khổ.”

“Ta sẽ quay về, đừng lo,” Oisín nói. “Ta không có lý do chính đáng để quay về hay sao? Nhưng ta phải gặp cha và con trai và bạn bè ta ở Erin một lần nữa; ta phải nhìn họ dù chỉ một lần.”

Nàng sửa soạn chiến mã cho Oisín và nói, “Chiến mã này sẽ mang chàng đến đâu chàng muốn.”

Oisín không một lần dừng cho đến khi chiến mã chạm đất Erin; và chàng đi tiếp đến khi tới Knock Patrick ở Munster, nơi chàng thấy một người đang chăn bò. Ngoài đồng nơi lũ bò đang ăn cỏ có một phiến đá rộng bằng phẳng.

“Ông vui lòng lại đây được không,” Oisín nói với người chăn gia súc, “và lật hòn đá lên?”

“Quả là tôi không làm đâu,” người chăn gia súc nói; “vì tôi không nhắc nổi, thêm hai chục người như tôi nữa cũng không.”

Oisín phi ngựa đến phiến đá, và thò tay xuống nhắc nó lên lật lại. Bên dưới tảng đá là cái tù và lớn của quân Fenian (*borabu*), khoanh tròn như vỏ ốc, và đã thành lệ là khi có chiến binh Fenian xứ Erin nào thổi *borabu*, những người khác lúc đó đang ở bất cứ đâu trong xứ cũng sẽ tập hợp tức thì.

Quân Fenian là người của Finn MacCool, đều là người khổng lồ. Oisín, con trai của Finn MacCool, là một trong số họ. Nhưng thời của họ đã qua từ lâu, và cư dân của xứ này không còn là giống dân vĩ đại thuở xưa. Các truyền thuyết về người khổng lồ cổ đại như vậy rất thường thấy trong các truyền thống dân gian khắp nơi; chẳng hạn, xem thần thoại đã thuật lại bên trên (tr. 217-220) về vua Muchukunda. Tương tự như cuộc đời trường thọ của các giáo trưởng Hebrew: Adam sống chín trăm ba mươi năm, Seth chín trăm mười hai năm, Enos chín trăm lẻ năm năm, vân vân.⁽²³⁾

“Ông đem cái tù và này lại cho tôi được không?” Oisín hỏi người chăn bò.

“Tôi không làm đâu,” người chăn bò nói; “vì tôi hay nhiều người nữa như tôi cũng không nhắc nó lên khỏi mặt đất nổi đâu.”

Nghe vậy Oisín tiến lại gần cái tù và thò tay xuống cầm nó lên; nhưng chàng hăm hở muốn thổi đến mức quên hết mọi thứ, nên khi nghiêng xuống đã tuột người đi khiến một chân chạm đất. Tức khắc con chiến mã biến mất, và Oisín nằm trên nền đất, giờ là một ông lão mù lòa.⁽²⁴⁾

Việc quy một năm ở thiên đường bằng với một trăm năm kiếp hạ giới là một motif phổ biến trong thần thoại. Trọn chu kỳ một trăm biểu thị sự toàn vẹn. Tương tự, ba trăm sáu mươi độ của vòng tròn biểu thị sự toàn vẹn; theo đó kinh Purāṇa của Ấn giáo coi một năm của thần linh bằng ba trăm sáu mươi năm của người. Theo góc nhìn của các thần trên đỉnh Olympus, kỷ nguyên này đến kỷ nguyên khác trong lịch sử trái đất trôi qua, muôn đời biểu lộ cái hình thức hài hòa của vòng tròn toàn vẹn, nên ở nơi con người chỉ thấy đổi thay và cái chết, các thánh lại thấy hình tượng bất biến, đời đời chẳng cùng. Nhưng giờ vấn đề là làm sao duy trì góc nhìn vũ trụ này khi đứng trước một nỗi đau hay niềm vui hạ giới trước mắt. Mùi vị trái kiến thức về thời tính lôi kéo sự chú ý của tinh thần khỏi trung tâm kỷ nguyên mà chuyển qua bước ngoặt ngoại vi trong khoảnh khắc này. Sự cân bằng toàn hảo mất đi, tinh thần dao động, và người hùng rơi.

Cái ý con ngựa để cách ly, để người hùng khởi trực tiếp tiếp xúc với mặt đất nhưng vẫn cho phép anh ta bước đi giữa các giống người trên thế gian, là ví dụ sống động về sự đề phòng cơ bản mà những người có quyền năng siêu việt thường thực hiện. Montezuma, hoàng đế Mexico, không bao giờ đặt chân xuống đất; ông luôn được các quan lại công trên vai, và nếu ông bước xuống đâu thì họ trái tấm thảm dày cho ông bước lên. Trong cung điện của mình, vua Ba Tư bước trên thảm mà không ai khác được giẫm lên; bên ngoài cung điện ông không bao giờ đặt chân

xuống mà chỉ ngồi trong xe hay cưỡi trên lưng ngựa. Trước kia các vua chúa xứ Uganda hay thái hậu, hoàng hậu của họ không ai bước chân ra ngoài khuôn viên rộng lớn họ sống. Mỗi khi xuất cung họ được người bộ tộc Trâu cõng trên vai, mỗi người trong hoàng tộc được một số người này hộ tống trên hành trình và họ thay phiên nhau cõng. Nhà vua ngồi trên cổ người cõng, để thông hai chân hai bên còn bàn chân kẹp dưới cánh tay người cõng. Khi một người cõng thấm mệt, anh ta chuyển vua sang vai người thứ hai mà không để bàn chân vua chạm đất.⁽²⁵⁾

Sir James George Frazer giải thích một cách rất hình ảnh như sau chuyện trên khắp trần gian những nhân vật thiêng không được chạm chân xuống đất.

Xem ra tính thiêng liêng, thần đức, cấm kỵ, hay bất cứ từ gì ta dùng để gọi cái đặc tính kỳ bí được cho là thấm đẫm những nhân vật thiêng liêng hay cấm kỵ ấy, đã được triết gia nguyên thủy hình dung như một thứ chất rắn hay chất lỏng thực hữu, nạp đầy nhân vật thiêng như một chai Leyden nạp điện; và hết như điện trong chai có thể bị rò khi tiếp xúc với chất dẫn tốt, sự thiêng liêng hay thần đức ở vị này cũng có thể rò đi hay cạn mất khi tiếp xúc với đất, mà theo lý thuyết này là một chất dẫn tuyệt vời cho chất lỏng thần diệu kia. Vì vậy, để giữ cho nguồn năng lượng ấy khỏi hao phí, phải cẩn thận không để nhân vật thiêng hay cấm kỵ chạm đất; trong ngôn ngữ điện thì vị ấy phải được cách điện, nếu không muốn vị ấy bị cạn chất quý mà vị ấy, như cái chai, được đổ đầy tận miệng. Và trong nhiều trường hợp thì xem ra lời khuyên cách điện cho vị ấy là để đề phòng không chỉ cho chính họ mà còn cho người khác; bởi, có thể nói, tính thiêng là một chất nổ cực mạnh chỉ chạm nhẹ cũng có thể làm phát nổ, nên vì sự an toàn chung cần giữ nó trong phạm vi hạn hẹp, kéo nó vỡ ra sẽ làm nổ tung, phá hoại, và hủy diệt bất cứ gì nó tiếp xúc.⁽²⁶⁾

Rõ ràng, có một nguyên cơ tâm lý học cho sự đề phòng này. Vị khách người Anh lên đồ dự tiệc tối trong rừng rậm Nigeria

cảm thấy hành động của mình là có lý do. Nghệ sĩ trẻ đeo ria mép vào sảnh khách sạn Ritz sẽ vui lòng giải thích phong cách lạ đời của mình. Cái cổ áo La Mã khiến ông cha cố tách riêng với mọi người còn lại. Một nữ tu thế kỷ hai mươi bỗng bồng bênh lướt qua trong y phục thời Trung cổ. Người vợ ít nhiều được cách ly nhờ chiếc khăn cưới.

Các truyện kể của W. Somerset Maugham mô tả những biến thể xảy đến với những ai mang trọng trách của người da trắng mà lại phớt lờ điều cấm kỵ về áo dạ tiệc. Có nhiều bài dân ca minh chứng cho những nguy hiểm khi nhần gậy. Và thần thoại - chẳng hạn, các thần thoại được Ovid tập hợp trong tuyển tập lớn *Biến thể* - kể đi kể lại những biến hóa kinh khiếp diễn ra khi lớp cách điện ngăn giữa một trung tâm tập trung nhiều năng lượng và trường năng lượng thấp hơn của thế giới xung quanh bỗng bị lấy đi mà không có biện pháp phòng ngừa cho đúng. Theo kho truyện cổ dân gian của người Celt và Đức, một thần lùn giữ của hay tiên rừng bị kẹt lại ở ngoài khi mặt trời mọc sẽ tức thì biến thành que củi hay hòn đá.

Người hùng quay về, để hoàn thành cuộc phiêu lưu, phải sống qua được cú va chạm với thế gian. Rip van Winkle không hề biết mình đã trải qua chuyện gì; cuộc trở về của anh ta là một trò đùa. Oisín biết, nhưng chàng ta đánh mất sự tập trung vào đó và thế là gục xuống. Kamar al-Zaman gặp may nhất trong tất cả. Chàng được trải nghiệm lúc thức cái điểm phúc của giấc ngủ sâu, và về lại ánh sáng ban ngày mang theo cái bùa từ cuộc phiêu lưu khó tin, món bùa đầy sức thuyết phục đến mức chàng giữ được sự tự tin khi đứng trước mọi chấn động làm tỉnh mộng.

Khi chàng đang ngủ trong tháp, hai Jinn Dahnash và Maymunah đã đưa từ Trung Hoa xa xôi về con gái của vua các vùng biển đảo và bảy cung điện. Nàng tên là công chúa Budur. Và họ đặt thiếu nữ ngủ bên hoàng tử Ba Tư, cùng một giường. Hai Jinn kéo chăn để lộ hai gương mặt thì nhận thấy cặp này giống nhau như anh em sinh đôi. “Lạy Thánh Allah,” Dahnash kêu lên, “Thưa tiểu thư, người yêu quý của tôi đẹp dễ hơn.” Nhưng

Maymunah, nữ quý yêu quý Kamar al-Zaman, bẻ lại: “Không phải đâu, người của ta mới đẹp hơn.” Thế rồi họ cãi nhau, thách nhau, đến khi cuối cùng Dahnash gợi ý nên tìm một người phân xử công tâm.

Maymunah giậm chân xuống đất thì hiện ra một Ifrit chột mắt, lưng gù, da đồi mồi, mặt đầy những hốc mắt xẻ từ trên xuống dưới; và trên đầu là bảy cái sừng; bốn lọn tóc buông xuống tận gót chân; hai bàn tay như cái chĩa còn hai chân như cột buồm; móng tay móng chân như móng sư tử, bàn chân như vó lừa hoang. Quái vật kính cẩn hôn mặt đất trước mặt Maymunah và hỏi ả muốn hấn làm gì. Được chỉ thị phân định giữa hai người trẻ đang nằm trên giường, tay người này dưới cổ người kia, hấn nhìn họ hồi lâu, trầm trồ trước vẻ yêu kiều của họ, rồi quay qua Maymunah và Dahnash, có lời phán quyết.

“Lạy Thánh Allah, nếu các vị muốn biết sự thật,” hấn nói, “hai người đẹp đẽ như nhau. Tôi cũng không quyết được ai hơn trong hai người, vì họ một đàn ông một đàn bà. Nhưng tôi có ý này, là ta đánh thức lần lượt từng người họ, người kia không hay biết, và ai đem lòng yêu hơn sẽ được xử là thua kém về mỹ miều.”

Họ bằng lòng. Dahnash hóa thành con bọ chết cắn vào cổ Kamar al-Zaman. Giật mình thức giấc, chàng trai chà chà chỗ bị đốt, gãi mạnh vì nhức, trong khi đó hơi trở người qua một bên. Chàng thấy mình nằm bên cạnh thứ gì mà hơi thở ngọt hơn xạ hương còn làn da mịn màng hơn kem. Chàng trầm trồ. Chàng ngồi dậy. Chàng nhìn kỹ hơn vật ở bên cạnh mình thì nhận ra đó là một thiếu nữ tựa viên ngọc trai hay mặt trời tỏa sáng, hay mái vòm trên tường xây cân đối nhìn từ xa.

Kamar al-Zaman thử đánh thức nàng, nhưng Dahnash đã làm nàng ngủ say hơn. Chàng trai lay nàng. “Hỡi người yêu quý, hãy thức giấc nhìn ta đây,” chàng nói. Nhưng nàng vẫn không nhúc nhích. Kamar al-Zaman tưởng Budur là người con gái mà phụ vương muốn chàng cưới làm vợ, nên chàng đầy hăm hở. Nhưng chàng sợ rằng vua cha nấp đâu đó trong phòng, nên

chàng kiểm chế, và đành lòng chỉ lấy nhẫn ấn nơi ngón út nàng đeo vào ngón tay mình. Các Ifrit bèn cho chàng ngủ lại.

Cách cư xử của Budur trái hẳn với Kamar al-Zaman. Nàng không sợ ai nhìn. Hơn nữa Maymunah, khi đánh thức nàng, với cái tai ác của đàn bà đã đi lên đùi nàng mà cắn mạnh khiến chỗ bị cắn nóng bừng. Budur cao quý, xinh đẹp, lộng lẫy phát hiện người nam xinh đẹp một chín một mười bên cạnh, và nhận thấy chàng đã lấy nhẫn của mình, không cách nào đánh thức chàng hay hình dung được chàng đã làm gì mình, và bị ái tình xâm chiếm, bị thân xác phơi trần của chàng thôi thúc, mất hết tự chủ, và lên tới cực điểm đam mê không kiểm chế nổi.

Thèm khát nhục nhối trong nàng, vì rằng dục vọng của đàn bà mạnh mẽ hơn dục vọng của đàn ông, và nàng xấu hổ vì sự trơ trẽn của mình. Nàng bèn rút nhẫn ấn của chàng, đeo vào thể chiếc chàng đã lấy, rồi hôn chùn chụt lên mặt trong môi và bàn tay chàng, nàng còn hôn chàng không sót chỗ nào; sau đó nàng ôm chàng vào ngực và giữ chặt, và để một bàn tay dưới cổ chàng còn tay kia dưới nách, áp sát vào chàng mà ngủ thiếp bên chàng.

Do vậy Dahnash thua cuộc. Budur bị trả về Trung Hoa. Sáng ra, khi hai người trẻ thức giấc ở hai đầu châu Á giờ đây ngăn cách họ, họ quay kẻ sang phải người sang trái, nhưng không thấy ai bên cạnh. Họ kêu gia nhân, đánh đập giết chóc mọi người xung quanh, hóa điên hóa dại. Kamar al-Zaman nằm liệt giường héo hon; vua cha chàng ngồi xuống bên đầu chàng, khóc thương cho chàng, và không bao giờ rời chàng, ngày cũng như đêm. Còn công chúa Budur, người ta phải xích nàng lại; nàng bị trói chặt vào cửa sổ cung điện bằng sợi xích sắt quanh cổ.⁽²⁷⁾

Cuộc gặp gỡ rồi lìa xa của họ, dù điên dại khác thường, là điển hình cho nỗi đau khổ ái tình. Vì khi trái tim cứ đòi đạt đến định mệnh của nó, không màng mọi khoái lạc thông thường, bấy giờ đón đau sẽ thật là ghê gớm; hiểm nguy cũng vậy. Tuy thế, các lực lượng lúc ấy đã vận hành ngoài tầm đoán định của giác quan.

Chuỗi sự kiện từ bốn phương thế giới sẽ dần hội tụ, và những phép lạ tình cờ sẽ làm cho cái tất định xảy ra. Chiếc nhẫn bùa từ cuộc gặp gỡ của linh hồn với nửa kia của nó ở nơi hồi tưởng báo hiệu rằng trái tim ở đó đã nhận biết cái mà Rip van Winkle bỏ lỡ; nó cũng báo hiệu một xác tín của tâm trí lúc tỉnh, rằng thực tại của đáy sâu này không bị phủ định bởi thực tại ngày thường. Đây là dấu hiệu rằng người hùng bị đòi hỏi, giờ đây, phải nối hai thế giới với nhau.

Phần còn lại trong câu chuyện dài về Kamar al-Zaman là một lịch sử về sự vận hành từ từ nhưng kỳ diệu của một định mệnh đã được gọi lên và biến thành sống thực. Không phải ai cũng có một định mệnh: chỉ có người hùng đã lặn xuống để chạm vào nó, và trôi lên lại - với chiếc nhẫn trong tay.

5. LÀM CHỦ HAI THẾ GIỚI

Tự do qua lại đường biên ngăn cách thế giới, từ góc nhìn của những bóng ma cõi thời gian đến góc nhìn dưới đáy sâu là nguyên nhân tất cả, rồi quay về - không làm vấy bẩn các nguyên lý của cõi này bằng các nguyên lý của cõi kia, nhưng vẫn cho phép tâm trí biết cõi này nhờ có cõi kia - là tài năng của bậc làm chủ. Vũ công Vũ trụ, Nietzsche tuyên bố, không nằm nặng nề một chỗ, mà vui vẻ, thư thái, quay mình nhảy nhót từ lập trường này sang lập trường khác. Có thể đứng từ chỉ một điểm mỗi lúc để tuyên thuyết, nhưng điều đó không phủ nhận tri kiến từ những điểm còn lại.

Các truyện thần thoại không mấy khi trình bày cái bí ẩn về sự qua lại dễ dàng này trong một hình ảnh duy nhất. Nếu có, thời khắc đó là một biểu tượng quý giá, đầy sức nặng, cần được quý trọng và trầm tưởng. Một khoảnh khắc như vậy là sự Biến hình [*Transfiguration* hay *Hiển dung*] của Chúa Christ.

Đức Chúa Jesus đem Peter, James, và John là em James, cùng Ngài đi tẻ lên núi cao. Ngài biến hóa trước mặt các người ấy, mặt Ngài

sáng lòa như mặt trời, áo Ngài trắng như ánh sáng. Đây, có Moses và Elijah hiện đến, nói chuyện cùng Ngài. Peter bèn cất tiếng thưa cùng Đức Chúa Jesus rằng: Lạy Chúa, chúng ta ở lại đây thì tốt lắm; ví bằng đẹp ý Chúa, thì tôi sẽ đóng ba trại tại đây, một cái cho Chúa, một cái cho Moses và một cái cho Elijah.^(*) Đang khi người còn nói, bỗng chốc có một đám mây sáng rực che phủ những người ở đó; và có tiếng từ trong mây phán rằng: Đây là con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường; hãy nghe lời con đó! Khi môn đồ nghe tiếng ấy thì té sấp mặt xuống đất, và sợ hãi lắm. Song Đức Chúa Jesus lại gần, rờ môn đồ mà phán rằng: Hãy đứng dậy, đừng sợ! Môn đồ bèn ngửa mặt lên, thì chỉ thấy một mình Đức Chúa Jesus mà thôi. Đang khi Đức Chúa Jesus và môn đồ ở trên núi xuống thì Ngài ra lệnh cấm rằng: Sự các ngươi đã thấy chớ thuật lại cùng ai, cho đến khi Con Người từ kẻ chết sống lại.⁽²⁸⁾

Ở đây toàn bộ thần thoại được thu lại trong một khoảnh khắc: Jesus là người dẫn dắt, con đường, thị kiến, và bạn đường trong chuyến quay về. Các môn đồ là người được ngài thụ giáo, bản thân họ không làm chủ được bí ẩn, nhưng được dẫn vào chứng nghiệm trọn vẹn cái nghịch lý hai thế giới nằm trong một. Peter kinh hãi đến mức ông nói cà lăm.⁽²⁹⁾ Da thịt tiêu tan trước mặt họ để hé lộ Ngôi Lời. Họ sụp quỳ úp mặt, và khi họ đứng lên thì cửa đã lại đóng.

Cần nhận xét rằng khoảnh khắc vĩnh cửu này vượt lên hẳn việc Kamar al-Zaman hiện thực hóa cái định mệnh cá nhân nhuộm màu tình ái của mình. Ở đây ta không chỉ gặp sự qua lại ngưỡng thế giới ung dung của bậc làm chủ, mà còn quan sát thấy một sự xâm nhập sâu hơn, sâu hơn nhiều, vào các tầng sâu. Định mệnh cá nhân không phải là lý do và chủ đề của thị kiến này; vì mặc khải ấy được ba người làm chứng thấy, không phải một: không thể giải thích nó một cách thỏa đáng chỉ trên bình diện tâm lý học. Tất nhiên, ta có thể bác đi. Ta có thể ngờ vực

*. "Vì Peter không biết mình nói chi, tại cả ba đều sợ hãi." (Tin Mừng theo thánh Mark, 9:6)

liệu cảnh tượng như vậy có bao giờ diễn ra thật không. Nhưng làm thế cũng không ích gì; vì lúc này ta đang nói đến vấn đề biểu tượng, không phải vấn đề tính lịch sử. Ta không đặc biệt quan tâm liệu Rip van Winkle, Kamar al-Zaman, hay Jesus Christ có từng sống thật trên đời hay không. *Câu chuyện* của họ mới là cái chúng ta quan tâm: và những câu chuyện này phổ biến rộng rãi khắp thế giới - gắn với nhiều người hùng khác nhau ở nhiều xứ khác nhau - đến mức câu hỏi liệu nhân vật địa phương thể hiện chủ đề phổ quát nào đó có phải là người từng sống, có thật trong lịch sử hay không, chỉ mang ý nghĩa thứ yếu. Nhấn mạnh yếu tố lịch sử sẽ dẫn đến hoang mang; điều đó chỉ xóa mờ đi thông điệp hình ảnh.

Vậy thì hàm nghĩa của hình ảnh cuộc biến hình của Jesus là gì? Đó là câu ta cần hỏi. Nhưng để có thể giải quyết câu hỏi đó trên cơ sở phổ quát, thay vì cục bộ, ta nên điếm qua một ví dụ nữa, cũng nổi tiếng như vậy, về sự kiện cổ mẫu này.

Chuyện sau đây lấy từ “Chí Tôn Ca”, Bhagavad Gītā của Ấn giáo.^(*) Vị thần tối cao, chàng trai khôi ngô Kṛṣṇa, là hóa thân của Viṣṇu, Chúa tể Vũ trụ; hoàng tử Arjuna là môn đệ và bạn ngài.

Arjuna thưa: “Bạch ngài, nếu ngài nghĩ con đủ sức ngắm nhìn thì, hỡi thầy của các yogi, xin hãy hé lộ cho con thấy Ngã Bất Biến.” Đấng Chí Tôn phán:

Hãy nhìn thể dạng ta có đến hàng trăm hàng ngàn - đa trùng và thiêng liêng, đủ hình dạng sắc thái. Hãy nhìn mọi thần và thiên thần; nhìn bao điều thần diệu trước giờ chưa ai thấy. Hôm nay ở đây hãy nhìn toàn thể vũ trụ, cái động và bất động, cùng bất cứ gì khác người muốn thấy, tất cả hội tụ trong thân ta. - Nhưng bằng mắt người người không thể thấy ta. Ta cho người thần nhãn; giờ thì hãy nhìn đi, quyền năng yoga tối thượng của ta.

*. Kinh chính yếu trong tín ngưỡng Ấn giáo hiện đại: một đối thoại luân lý gồm mười tám chương, xuất hiện trong quyển VI Mahābhārata, có thể coi là *Iliad* của Ấn.

Phán vậy rồi, Chúa tể yoga vĩ đại hé lộ cho Arjuna thấy thể dạng tối cao của ngài là Viṣṇu, Chúa tể Vũ trụ: có nhiều mặt và nhiều mắt, phơi bày nhiều cảnh tượng thần kỳ, trang hoàng nhiều trang sức trời, mang nhiều khí giới trời cao quý; đeo tràng hoa và khoác y trang trời, xức nước hoa trời, thấy đều ảo diệu, lồng lẩy, vô biên, với nhiều gương mặt ở khắp hướng. Nếu ánh rực rỡ của cả ngàn mặt trời chói lòa một lúc trên bầu trời, sẽ giống như ánh hào quang của Đấng Toàn Năng. Ở đó trong thân của các thần, Arjuna nhìn thấy toàn thể vũ trụ, tất cả những cõi khác nhau trùng điệp, thấy tụ hội lại trong một. Thế rồi, quá đổi kinh ngạc, tóc dựng trên đầu, Arjuna khấu đầu lạy Đấng Chí Tôn, chắp hai tay vái, thưa với ngài:

Trong thân ngài, lạy Đấng Chí Tôn, con nhìn thấy mọi thần và đủ loài - Đấng Brahmā, ngự trên tòa sen, hết thấy các vị tổ và rấn trời. Con thấy ngài với hàng hà sa số cánh tay và bụng, với hàng hà sa số mặt và mắt; con thấy ngài, vô tận về hình thể, ở mọi hướng, nhưng con không thấy đầu hay giữa hay cuối của ngài, lạy chúa tể vũ trụ, vóc thể vũ trụ! Khắp mọi hướng sáng lòa như khối ánh sáng rạng con thấy ngài, với mũ miện, chùy, đĩa, sáng rực mười phương như lửa cháy và mặt trời soi sáng, vô lượng và thách thức con mắt nhìn. Ngài là nền tảng tối cao của vũ trụ; ngài là người canh giữ trường sinh quy luật vĩnh cửu; ngài, con tin, là Tồn Tại Thủy Nguyên.

Thị kiến này được hé lộ cho Arjuna thấy ngoài chiến địa, khoảnh khắc ngay trước khi tiếng kèn đầu tiên gọi giao chiến vang lên. Có thần làm xà ích, vị hoàng tử oai hùng đánh xe ra chiến trường giữa hai dân tộc sẵn sàng giao tranh. Quân của chàng đã tập hợp lại đấu với quân của người anh họ tiềm ngai, nhưng giờ trong hàng ngũ địch chàng thấy rất đông người chàng quen biết yêu thương. Chàng nản lòng. "Trời hỡi," chàng nói với vị xà ích người trời, "chúng ta đã quyết lòng phạm tội tày trời, khi sẵn sàng giết người ruột rà của mình để thỏa lòng tham có



HÌNH 51. *Kṛṣṇa dẫn Arjuna vào trận chiến*
(bột màu trên giấy bìa, Ấn Độ, thế kỷ 18)

một vương quốc! Sẽ tốt hơn cho ta biết bao nếu các con trai của Dhṛtarāṣṭra, vũ khí trong tay, giết chết ta giữa chiến trận, không khí giới không kháng cự. Ta sẽ không chiến đấu đâu.” Nghe vậy vị thần uy nghi kêu gọi chàng can đảm, rút cho chàng minh triết của Đấng Chí Tôn, và cuối cùng hé lộ thị kiến này cho chàng thấy. Hoàng tử sống sờ sờ nhìn, không chỉ cảnh bạn chàng biến thành hiện thân có nhân cách sống của Nền tảng Vũ trụ, mà cả những anh hùng của hai đạo quân bị gió cuốn vào những cái miệng khủng khiếp, vô số kể của thần. Chàng thốt lên kinh hãi:

Khi con nhìn vóc thể rõ ràng của ngài lên tới trời xanh và chói lọi muôn màu, khi con thấy ngài với miệng há rộng và mắt to sáng quắc, ruột gan con run lên khiếp sợ, con không thấy can đảm cũng chẳng thấy bình yên, hỡi thần Viṣṇu! Khi con nhìn thấy miệng ngài, răng nanh kinh hoàng, như lửa thời gian đốt rụi, con rối trí và không thấy bình yên. Hãy nhân từ, hỡi thần của các thần, hỡi nơi ở của vũ trụ! Mọi con trai này của Dhṛtarāṣṭra, cùng với rất nhiều vua chúa, Bhishma, Droṇa, Karṇa, và thủ lĩnh chiến binh ở phe con, ào ào cuốn vào miệng đầy răng nanh và khủng khiếp của ngài, trông

mà khiếp đảm. Một số mắc kẹt giữa hai hàm răng ngài, đầu bị nghiền nát vụn. Như dòng chảy của bao con sông cuộn cuộn đổ ra biển, những anh hùng của thế giới tử sinh cũng ào ào vào miệng lửa hùng hục của ngài. Như con thiêu thân lao nhanh vào lửa rần rạt mà chết, những sinh linh này cũng bị cuốn ào ào vào miệng ngài đến chỗ vong thân. Ngài liếm môi, ngấu nghiền mọi cỗi mọi phương bằng miệng rực lửa. Những tia dữ dội của ngài lấp đầy cả vũ trụ ánh sáng và thiêu đốt nó, hỡi thần Viṣṇu! Hãy cho con biết ngài là ai mà mang hình thể đáng sợ này. Kính lạy ngài, hỡi Đấng Chí Tôn! Hãy mở lòng từ bi. Con mong được biết ngài, hỡi Đấng Thủy Nguyên; vì con không hiểu mục đích của ngài.

Thần phán:

Ta là thời gian uy nghi, hủy diệt thế gian, giờ ở đây để tàn sát những kẻ này. Ngay cả không có người, mọi chiến binh đứng xếp hàng trong phe địch cũng sẽ không được sống. Do vậy hãy đứng lên mà giành vinh quang; hàng phục kẻ thù và hưởng vương quốc giàu sang. Họ đã bị giết rồi, do Ta chứ chẳng phải ai khác; chỉ cần làm công cụ, hỡi Arjuna. Hãy giết Droṇa và Bhishma và Jayadratha và Karṇa, cùng các chiến binh dũng mãnh khác, bởi họ đã bị Ta giết rồi. Đừng vì sợ hãi mà nản lòng. Chiến đấu, rồi thì người sẽ hàng phục được kẻ thù trong chiến trận.

Nghe lời này của Kṛṣṇa, Arjuna run rẩy, chấp hai tay cung kính, cúi lạy. Ngạc nổi sợ, chàng đánh lễ Kṛṣṇa rồi lại thưa với ngài, giọng lạc đi.

... Ngài là vị thần đầu tiên trong các thần, linh hồn cổ xưa nhất; ngài là nơi nghỉ tối cao của vũ trụ; ngài là người biết và là cái sẽ được biết và mục đích tối hậu. Và vũ trụ bằng bạc ngài, hỡi ngài là đáng hình thể vô biên. Ngài là gió và cái chết và lửa và mặt trăng và chúa tể của nước. Ngài là con người đầu tiên và tăng tổ nhiều đời. Kính lễ ngài, kính lễ!... Con hoan hỷ là con đã thấy cái chưa

từng thấy trước đây; nhưng tâm trí con cũng rối bời nổi lo. Cho con thấy hình tượng kia của ngài. Xin hãy nhân từ, hồi thần của các thần, nơi ở của vũ trụ. Con mong được thấy ngài như trước, với mũ miện và cây chùy và đĩa xoay của ngài. Hãy lấy lại hình thể bốn cánh tay, hồi ngài có ngàn tay và vô vàn thể dạng.

Thần bèn phán: “Nhờ ân sủng của Ta, qua quyền năng yoga của Ta, hồi Arjuna, Ta đã cho ngươi thấy vóc thể tối thượng này, lộng lẫy, phổ quát, vô biên, mà đến nay chỉ mình ngươi được thấy... Đừng sợ, đừng hoang mang, khi thấy thể dạng khủng khiếp này của Ta. Không còn sợ hãi và vui trong lòng, hãy nhìn lại thể dạng kia của Ta.”

Nói với Arjuna vậy rồi, Kṛṣṇa lại khoác hình hài đẹp đẽ và làm an lòng người con trai của Pāṇḍu đang khiếp sợ.⁽³⁰⁾

Môn đệ đã được ban cho thấy thị kiến vượt quá định mệnh người thường, ngang với được thấy thực tính của vũ trụ. Không chỉ là số phận riêng của chàng, mà là chính số phận của nhân loại, của toàn thể đời sống, nguyên tử và mọi hệ mặt trời, đã được mở ra cho chàng thấy; và mở ra theo cách phù hợp với hiểu biết con người của chàng; nghĩa là, theo cách hiển hiện trong nhân dạng: Con Người Vũ Trụ.

Một sự thụ giáo tương tự có thể được thực hiện bằng hình ảnh Ngựa Vũ Trụ, Đại Bảng Vũ Trụ, Cây Vũ Trụ, hay Bộ Ngựa Vũ Trụ, cũng sẽ có hiệu lực không kém.

Om. Đầu của con ngựa hiển tế là bình minh, mắt nó là mặt trời, sinh lực của nó là không khí, miệng há ra là lửa Vaishvanara, còn thân của ngựa tế là năm. Lưng nó là trời, bụng là bầu trời, vó là đất, hai bên sườn là bốn phương, xương sườn là các phương ở giữa, tứ chi là mùa, khớp là tháng và nửa tháng, bàn chân là ngày và đêm, xương là sao còn thịt là mây. Thức ăn chưa tiêu hóa hết là cát, mạch máu là sông, gan và lá lách là núi, lông là cỏ cây. Phần trước là mặt trời lên, phần sau là mặt trời lặn, nó ngập là chớp, nó rừng người là sấm, nó đá là mưa, nó hí là giọng.⁽³¹⁾

..... cơ thể sống

Cổ mẫu là dục vọng ngón ngấu có mở nhọn

Tự nâng mình trên đôi cánh rộng như con bão: nhưng đôi mắt

Là hai vòi máu; mắt bị rạch ra; máu đen
 Chạy từ hốc mắt điều tàn đến mỏ cong
 Trút xuống khoảng trống bỏ hoang bầu trời trống vắng.
 Nhưng Sự sống vĩ đại tiếp tục, nhưng Sự sống vĩ đại
 Vẫn đẹp đẽ, và nó uống thất bại, và nhai nuốt
 Con đói của mình làm thức ăn.⁽³²⁾

Cây Vũ Trụ là hình tượng thần thoại phổ biến (xem Yggdrasil, Cây Tàn Bì Thế Giới, trong kinh Edda). Bộ ngựa đóng vai trò lớn trong thần thoại của các nhóm người San ở Nam Phi.

Hơn nữa, cái huyền khải ghi lại trong “Chí Tôn Ca” được đo sao cho phù hợp với đẳng cấp và chủng tộc của Arjuna: Con Người Vũ Trụ mà chàng thấy là một quý tộc, như chính chàng, và là tín đồ Ấn giáo. Tương ứng, ở Palestine Con Người Vũ Trụ mang dáng vẻ Do Thái, ở nước Đức cổ đại là người Đức; giữa người Basuto thì ngài là người da đen, ở Nhật Bản là người Nhật. Chủng tộc và địa vị của hình ảnh tượng trưng cho Phổ Quát siêu việt có ở khắp nơi ấy mang tính lịch sử, không phải ngữ nghĩa; giới tính cũng vậy: Người Đàn Bà Vũ Trụ, xuất hiện trong tranh tượng Kỳ Na giáo,^(*) cũng là một biểu tượng hùng hồn như Con Người Vũ Trụ nam.

Các biểu tượng chỉ là *phương tiện* để giao tiếp; không nên lầm chúng với yếu tố tối hậu, *hàm nghĩa*^(†) của điều mà chúng tham chiếu đến. Dù hấp dẫn hay ấn tượng thế nào, chúng vẫn chỉ là thứ phương tiện tiện lợi được điều chỉnh theo hiểu biết của người tiếp nhận. Vì vậy mà nhân cách hay các nhân cách của Chúa Trời - dù được trình bày dưới dạng ba ngôi, hai ngôi, hay một ngôi duy nhất, dù trong đa thần, độc thần, hay đơn nhất

*. Kỳ Na giáo là một tôn giáo không chính thống của Ấn giáo (nghĩa là bác bỏ uy quyền của kinh Veda) mà trong tranh tượng cho thấy một số yếu tố đặc biệt cổ xưa. (Xem tr. 285-286.) [Để biết thêm quan điểm của Campbell về Kỳ Na giáo và Người Đàn Bà Vũ Trụ, xem *Thần thoại ánh sáng* của Campbell (Novato, California: New World Library) tr. 93-101. - JCF]

†. Ở đây Campbell dùng hai thuật ngữ trong tu từ học Anh-Mỹ: *vehicle* chỉ từ ngữ có tính ẩn dụ, và *tenor* chỉ ý nghĩa thực của ẩn dụ đó. (BT)



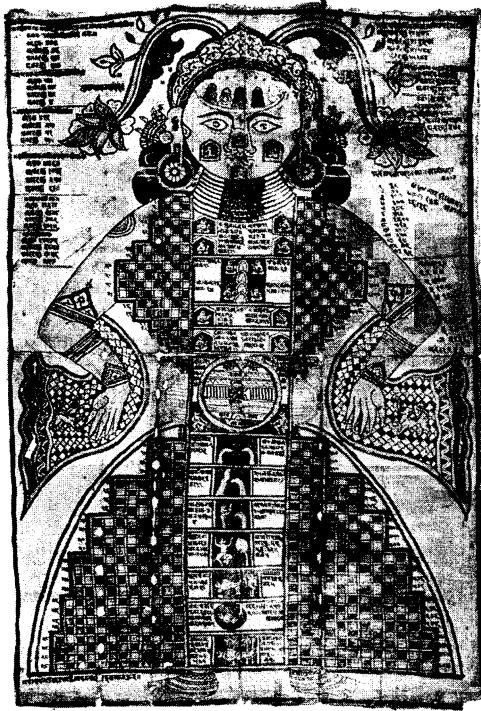
HÌNH 52. Nữ thần su tử vũ trụ, cầm mặt trời
(thủ bản tờ rời, Ấn Độ, thế kỷ 18)

thần giáo^(*), dù bằng hình ảnh hay chữ viết, là dữ kiện được ghi chép lại hay là thị kiến mặc khải - thì cũng không nên cố đọc hay diễn giải đó là cứu cánh. Vấn đề của nhà thần học là phải làm sao giữ cho biểu tượng nửa đục nửa trong, để nó không chặn lại chính ánh sáng mà nó phải truyền đi. “Vì chỉ lúc ấy ta mới thực sự biết Chúa Trời,” thánh Thomas Aquinas viết, “khi ta tin rằng Ngài ở cao hơn nhiều mọi thứ con người có thể nghĩ về Chúa Trời.”⁽³³⁾ Còn trong Kena Upaniṣad, cũng trên tinh thần đó: “Biết là không biết; không biết là biết.”⁽³⁴⁾ Nhằm phương tiện với hàm nghĩa của nó có thể dẫn đến chỗ không chỉ làm tổn mục không có gì đáng quý, mà còn cả máu đáng quý.

Nhận định tiếp theo cần chú ý là sự biến hình của Jesus được các môn đồ chứng kiến, những người đã diệt sạch ý muốn riêng, đã từ lâu thanh toán “đời sống”, “số phận riêng”, “định mệnh” bằng xả thân hoàn toàn trong Bậc làm chủ. “Dù có bằng Veda, bằng sám hối, bằng bố thí, bằng cúng tế cũng không thể thấy Ta trong thể dạng người vừa nhìn thấy Ta,” Kṛṣṇa phán, sau khi đã lấy lại hình hài quen thuộc; “mà chỉ bằng sùng bái Ta mới biết Ta trong thể dạng này, nhận ra thật sự, và đi vào Ta. Kẻ nào làm việc của Ta và xem ta là Mục tiêu Tối thượng, kẻ nào sùng kính Ta và không có hận thù với sinh vật nào - kẻ đó sẽ đến với ta.”⁽³⁵⁾ Một phát biểu tương ứng của Jesus nói lên ý này nhưng súc tích hơn: “Ai vì có ta mà mất sự sống mình thì sẽ được lại.”⁽³⁶⁾

Ý nghĩa câu đó rất rõ ràng; đây cũng là ý nghĩa của mọi tu hành. Cá nhân, qua kỷ luật tâm lý lâu dài, đã từ bỏ hoàn toàn mọi luyến chấp vào những hạn chế, khí chất, hy vọng và sợ hãi cá nhân của mình, không còn cưỡng lại sự diệt ngã là điều kiện tiên quyết để tái sinh trong giác ngộ chân lý, và thế là cuối cùng đã chín muồi cho cuộc hòa giải/thành một trọng đại. Những tham

*. *Henotheism*, giáo lý suy tôn một thần nhưng không phủ nhận sự tồn tại của các thần khác thuộc các hệ khác. Khác với độc thần giáo (*monotheism*) chỉ công nhận một thần tối cao duy nhất. (BT)



HÌNH 53. Hình nhân vũ trụ của Kỳ Na giáo
(bột màu trên vải, Ấn Độ, thế kỷ 18)

vọng cá nhân của anh ta hoàn toàn tiêu tan, anh ta không còn cố gắng sống mà thư thái thuận theo bất cứ gì xảy ra trong mình; nghĩa là anh ta trở thành một tồn tại vô danh. Luật Trời sống trong anh ta theo sự ung thuận trọn vẹn của anh ta.

Có rất nhiều nhân vật, nhất là trong bối cảnh xã hội và thần thoại Đông phương, đại diện cho trạng thái hiện diện vô danh tối hậu này. Các thánh nhân trong rừng ẩn dật và các khất sĩ đóng vai trò nổi bật trong đời sống và các truyền thuyết phương Đông; trong thần thoại có những hình tượng như Người Do Thái Lang Thang (bị khinh thị, vô danh, nhưng mang hạt châu giá trị lớn trong túi); người ăn xin rách rưới, bị đàn chó xông vào cắn; người hát rong hành khất thần kỳ có tiếng nhạc làm tâm lắng tĩnh; hay vị thần cải trang, Zeus, Wotan, Viracocha, Edshu: đấy đều là những ví dụ cho trạng thái này.

Khi là kẻ ngu, khi là hiền giả, khi thì huy hoàng vương giả; khi thì lang thang, khi thì bất động như măng xà, khi thì khoác vẻ phúc hậu; khi thì được tôn kính, khi thì bị thóa mạ, khi không ai nhận ra - kẻ giác ngộ sống như vậy, luôn vui vẻ với cực lạc. Cũng như một diễn viên thì luôn là người, dù hấn khoác phục trang cho vai của mình hay cởi bỏ, kẻ toàn giác về Bất Hoại cũng luôn là Đấng Bất Hoại, không là gì khác.⁽³⁷⁾

6. TỰ DO SỐNG

Vậy thì, kết quả chuyến đi và quay về kỳ diệu là gì?

Chiến địa là biểu tượng cho cánh đồng sự sống, nơi mọi sinh vật sống nhờ cái chết của kẻ khác. Nhận ra tội lỗi không thể tránh khỏi nằm trong sự sống có thể làm ta đau lòng đến mức, như Hamlet hay như Arjuna, có thể ta sẽ không chịu tiếp tục sống. Mặt khác, như hầu hết những người còn lại trong chúng ta, ta có thể bịa ra một hình ảnh giả tạo về bản thân, xét cho cùng là không chính đáng, rằng mình là một hiện tượng ngoại lệ trên đời, và khi tất yếu phạm tội sau này mình cũng không có tội như kẻ khác mà có lý do chính đáng, bởi mình đại diện cho cái thiện. Kiểu tự cho mình đúng như vậy dẫn đến một ngộ nhận, không chỉ về chính mình mà còn về bản tính của con người và vũ trụ. Mục tiêu của thần thoại là dẹp đi cái nhu cầu cần vô tri về sự sống như vậy bằng cách thực hiện một sự hòa giải giữa ý thức cá thể với ý chí vũ trụ. Và thực hiện điều này bằng cách nhận ra mối quan hệ đích thực giữa hiện tượng thời gian thoáng qua với sự sống bất hoại sống và chết trong tất cả.

Một người vất bỏ áo quần đã cũ mòn và mặc vào đồ mới thế nào thì Ngã hiện thân cũng vất xác thân đã tàn tạ và đi vào thân khác mới như thế ấy. Vũ khí không chém được Nó; lửa không thiêu được Nó; nước không làm ướt được Nó; gió không làm héo được

Nó. Ngã này không thể chém hay thiêu hay uớt hay héo. Trường tồn, bàng bạc khắp cùng, không đổi, không động, Ngã vẫn muôn đời là một.⁽³⁸⁾

Con người trong thế giới hành động sẽ đánh mất sự tập trung vào nguyên lý vĩnh cửu nếu anh ta bận tâm thái quá về kết quả những việc mình làm, nhưng nếu đặt những việc làm cùng thành quả đó lên đầu gối của Chúa Trời đang sống thì anh ta sẽ được giải thoát nhờ chúng, như nhờ hiến tế, khỏi gông cùm biển chết. “Làm - mà không chấp trước - việc người phải làm... Dâng hết mọi hành động cho Ta, tâm trí định vào Ngã, tự giải thoát khỏi khát khao và ích kỷ, chiến đấu mà không nao núng vì khổ đau.”⁽³⁹⁾

Mạnh mẽ trong cái tri kiến này, ung dung tự tại trong hành động, hân hoan vì qua tay mình trôi chảy ân đức của Viracocha, người hùng sẽ hoàn toàn hữu thức mà đóng vai phương tiện của Luật kinh khủng và vi diệu, dù nghề của hắn là đồ tể, nài ngựa, hay ông vua.

Gwion Bach, sau khi ném ba giọt cảm hứng từ vạc độc, bị bà Caridwen ăn thịt, đầu thai lại làm trẻ con, rồi bị ném xuống biển, sáng ra được một chàng trai trẻ đen đui và cực kỳ nản chí tên Elphin tìm thấy trong đống cá; chàng là con trai của chủ đất giàu có Gwyddno, ngựa của ông vừa chết cả vì dòng nước độc trong vạc vỡ tràn ra. Khi đám người của chàng vớt túi da khỏi đống và mở ra thì thấy vàng trán đứa bé trai, họ nói với Elphin, “Hãy nhìn một vàng trán rực rỡ (*taliesin*)!” “Ta hãy đặt tên cho nó là Taliesin,” Elphin nói. Rồi chàng ẵm đứa bé trên tay, và vừa thở than cho vận rủi của mình, vừa rầu rĩ đặt đứa bé sau lưng. Rồi chàng cho con ngựa đang chạy nước kiệu chuyển sang đi ung dung, chàng ẵm nó nhẹ nhàng như thể đang ngồi trên chiếc ghế êm ái nhất trần đời. Thế rồi lát sau thằng bé đọc to một bài thơ để an ủi và ca tụng Elphin, và báo trước danh dự và hiển vinh sẽ đến với chàng.

*Elphin đẹp đẽ ơi, đừng than khóc nữa!
 Mong sao không ai bất mãn với phận mình.
 Thất vọng cũng không ích lợi gì.
 Không ai thấy cái đỡ đần mình...
 Yếu đuối bé nhỏ như ta,
 Trên bờ biển bọt trắng,
 Trong ngày ngất nghèo ta sẽ
 Có ích cho anh còn hơn cả ba trăm con cá hồi...*

Khi Elphin về lại lâu đài của cha, Gwyddno hỏi chàng có bắt được mẻ cá kha khá không, chàng thưa với cha là chàng vớt được cái còn hay hơn cá. “Là gì thế?” Gwyddno hỏi. “Một nhà thơ,” Elphin đáp. Gwyddno bèn nói, “Trời hỡi, nó thì sẽ lợi lộc gì cho con kia chứ?” Chính đứa bé lên tiếng đáp rằng, “Nó sẽ làm lợi cho chàng ta còn hơn đặng cá có bao giờ làm lợi cho các người.” Gwyddno hỏi, “Mi biết nói sao, mà mi thì nhỏ xíu như vậy?” Thế là đứa bé trả lời ông, “Ta nói còn giỏi hơn ông hỏi ta.” “Cho ta nghe mi biết nói gì nào,” Gwyddno nói. Taliesin bèn hát một bài triết lý.

Thế rồi một ngày nọ nhà vua thiết triều, và Taliesin đi vào một góc vắng.

Và thế là khi đám thi sĩ và các sứ giả đến xin của bố thí, và xung tưng quyền uy sức mạnh của nhà vua, lúc họ đi ngang góc cậu đang ngồi thụp, Taliesin trề môi với họ, lấy ngón tay nghịch môi làm tiếng “lêu, lêu”. Không ai trong họ để ý gì mấy đến cậu khi đi ngang, mà đi tiếp đến trước mặt nhà vua, gặp người thi lễ, như họ thường làm, rồi không nói chữ nào, mà trề môi ra, nhếch miệng với nhà vua, dùng ngón tay nghịch môi làm tiếng “lêu lêu”, như đã thấy cậu bé làm ở đằng kia. Cảnh này khiến nhà vua lấy làm lạ và nghĩ bụng họ đã quá chén. Vì vậy ông ra lệnh cho một vị trong số văn võ bá quan đến bảo họ tỉnh trí lại, nghĩ xem họ đang đứng ở đâu, họ nên làm gì mới phải phép. Vị quan sẵn lòng tuân lệnh. Nhưng họ cũng không dùng trò đại được chút nào. Do vậy vị

quan được cử tới chỗ họ lần thứ hai, rồi lần thứ ba, yêu cầu họ đi khỏi điện. Cuối cùng, nhà vua ra lệnh cho một cận vệ đánh người trưởng nhóm tên Heinin Vardd; cận vệ lấy cây chổi đánh vào đầu ông ta, khiến ông ta ngã ngửa trong ghế. Rồi ông ta đứng lên lết tới bằng đầu gối, xin nhà vua cho phép chứng minh rằng lỗi của họ không phải do thiếu hiểu biết, cũng không phải do say sưa, mà do ảnh hưởng của một thứ thần linh nào đó trong điện. Sau đấy, Heinin nói thế này, "Tâu hoàng thượng anh minh, xin thưa với hoàng thượng, rằng không phải do thức uống quá nặng, cũng chẳng phải vì quá nhiều chất cồn, mà chúng thần bị cảm, ú ớ như kẻ say, mà vì ảnh hưởng của thần linh ngồi góc đằng kia trong hình hài đứa trẻ." Nghe vậy, nhà vua lệnh cho cận vệ đi dẫn cậu bé lại; anh ta đến góc Taliesin đang ngồi, dẫn cậu tới trước mặt nhà vua, vua hỏi cậu là gì, từ đâu đến. Cậu bèn trả lời nhà vua bằng thơ:

*Ta là thi sĩ chính của Elphin,
 Quê quán ta là vùng có những vì sao mùa hạ;
 Idno và Heinin gọi ta là Merddin,^(*)
 Cuối cùng mọi vua chúa sẽ gọi ta là Taliesin.*

*Ta ở với Chúa Trời của ta nơi thiên cầu cao nhất,
 Khi Lucifer rơi xuống ngục sâu.
 Ta đã cầm cờ đi trước Alexander;
 Ta biết tên các vì sao từ Bắc chí Nam;
 Ta đã ở trên ngân hà bên ngôi Đấng Thường Phạt;
 Ta ở Canaan khi Absalom bị giết;
 Ta đưa Thánh Thần đến tầng thung lũng Hebron;
 Ta ở triều đình Don trước khi Gwdion ra đời.
 Ta là người dạy dỗ cho Eli và Enoc;
 Ta được thần gậy phép rục rở chấp cho đôi cánh;
 Ta đã lú lo trước khi biết nói;
 Ta có mặt nơi đóng đinh Con của Chúa nhân từ;*

*. [Merddin = Merlin, thầy phù thủy chính trong các truyện hiệp sĩ Arthur. - JCF]

Ta ở ba kỳ trong nhà ngục của Arianrod;
 Ta trông coi chính công trình tháp Nimrod;
 Ta là phép lạ mà gốc nguồn ẩn mật.
 Ta đã ở châu Á với Noah trên thuyền gỗ,
 Ta đã thấy Sodom và Gomorra bị hủy diệt;
 Ta đã ở Ấn Độ khi thành La Mã được xây,
 Giờ ta đến đây trong phế tích thành Troia.
 Ta đã ở với Chúa trong máng lừa;
 Ta làm Moses mạnh mẽ nhờ nước dòng Jordan;
 Ta đã ở trên trời cao với Mary Magdalene;
 Ta có được tài thi phú từ vạc của Caridwen;
 Ta là thi sĩ chơi đàn hạc cho Lleon thành Lochlin.
 Ta đã ở trên Đồi Trắng, trong triều đình Cynvelyn,
 Suốt một năm một ngày bị xiềng xích gông cùm,
 Ta đã chịu đói vì Con trai của Đức Mẹ,
 Ta được nuôi dưỡng trong xứ thần tiên,
 Ta là thầy của mọi trí thông minh,
 Ta đủ sức dạy cho toàn vũ trụ.
 Ta sẽ sống đến ngày tàn trên mặt đất;
 Thân ta không rõ là thịt hay là cá.
 Rồi ta nằm chín tháng
 Trong bụng mẹ phù thủy Caridwen;
 Ta ban đầu là Gwion bé nhỏ,
 Rồi cuối cùng ta là Taliesin.

Thế rồi khi nhà vua và các quan lại nghe xong bài hát, họ rất lấy làm lạ, vì họ chưa từng nghe gì như vậy từ một đứa bé còn nhỏ như cậu.⁽⁴⁰⁾

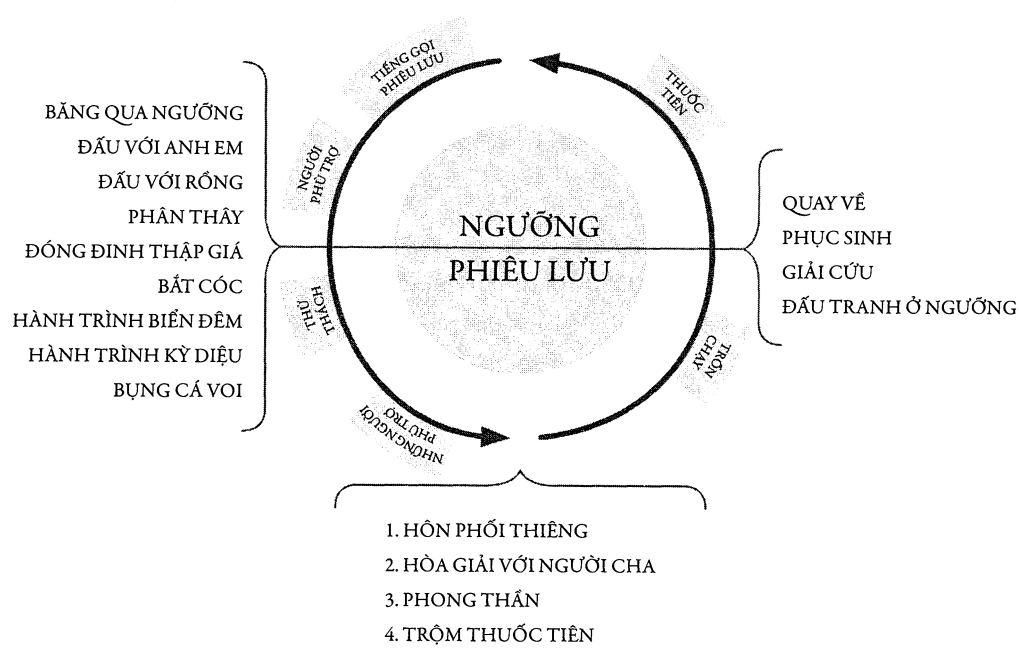
Một phần lớn bài hát của nhà thơ là dành ca tụng Đấng Bất Hoại sống trong cậu ta, và chỉ dành một khổ thơ ngắn để cho biết các chi tiết tiểu sử của bản thân cậu ta. Những ai lắng nghe sẽ được chỉ dẫn hướng tới Đấng Bất Hoại trong chính họ, và rồi tiện thể được cho một thông tin. Dù cậu sợ mẹ phù thủy khủng

khiếp, cậu cũng đã bị ăn thịt và được tái sinh. Đã chết đi đối với bản ngã riêng, cậu sống lại mà đã định trong Ngã.

Người hùng là người bảo vệ những thứ đang thành, không phải thứ đã thành, vì anh ta tồn tại vĩnh viễn. “Trước khi có Abraham, TA HẰNG HỮU.”⁽⁴¹⁾ Anh ta không làm cái bất biến bề ngoài trong thời gian với cái thường hằng của Hiện Hữu, anh ta cũng không sợ khoảnh khắc kế tiếp (hay sợ “cái kia”) sẽ đem biến dịch tiêu diệt cái thường hằng. “Không có gì giữ lại hình tượng của mình; nhưng Tự nhiên, kẻ hồi sinh vĩ đại, luôn làm nên hình tượng mới từ các hình tượng cũ. Hãy tin rằng không có gì tiêu hoại trong toàn vũ trụ; nó chỉ biến đổi và làm mới lại hình tượng của mình.”⁽⁴²⁾ Do vậy khoảnh khắc kế tiếp được phép xảy ra. - Khi hoàng tử Vĩnh Cửu hôn công chúa Thế Giới, nàng đã buông dần kháng cự.

Nàng mở mắt ra, thức dậy, nhìn chàng thân thiện. Họ cùng nhau xuống lầu, rồi nhà vua tỉnh giấc cùng hoàng hậu cùng cả triều đình, mọi người trở mắt nhìn nhau. Bầy ngựa trong sân đứng lên rùng mình: chó sấn nhảy lên vẩy đuôi: bồ câu trên mái rút cái đầu nhỏ từ dưới cánh, nhìn quanh, bay vút qua cánh đồng: ruồi trên tường đi lại: lửa trong bếp bùng lên, lập lòe, nấu chín bữa ăn: thịt nướng lại xeo xeo: và anh đầu bếp bọp tai thẳng bé rửa bát khiến nó ré lên: nàng hầu vật nốt lông đám gà.⁽⁴³⁾

HÀNH TRÌNH CỦA NGƯỜI HÙNG



CHƯƠNG IV

Chìa khóa

Có thể tóm tắt cuộc phiêu lưu thành sơ đồ ở trang đối diện.

Người hùng thần thoại, lên đường từ túp nhà hay lâu đài của ngày thường, bị dẫn dụ, bị bắt đi, hay tự nguyện dấn bước, đến ngưỡng cuộc phiêu lưu. Ở đó anh ta gặp một hiện diện bóng tối canh giữ lối đi qua. Người hùng có thể đánh bại hay giảng hòa với quyền lực này và đi vào vương quốc bóng tối khi còn sống (đấu với anh em, đấu với rồng; cúng dường, bùa chú), hay bị địch thủ giết và xuống cõi âm khi đã chết (bị phân thây, đóng đinh thập giá). Bấy giờ, bên kia ngưỡng, người hùng du hành qua một thế giới các lực lượng không quen nhưng lại gần gũi lạ lùng, một số hung tợn đe dọa anh ta (thử thách), một số phù hộ thần kỳ (người phù trợ). Khi tới điểm đáy vòng tròn thần thoại, anh ta trải qua một thử thách tối hậu và giành được chiến lợi phẩm. Thắng lợi có thể được trình bày dưới dạng người hùng giao phối với nữ thần-mẹ thế giới (cuộc hôn phối thiêng), người cha-đấng sáng tạo nhận ra anh ta (hòa giải với người cha), anh ta thành thần (phong thần), hay lần nữa - nếu các quyền năng vẫn không thân thiện với anh ta - anh ta đánh cắp ân huệ anh ta đến để lấy (trộm cô dâu, trộm lửa); về bản chất thì đó là sự mở rộng ý thức và do đó mở rộng hiện hữu (soi sáng, biến hình, tự do). Công việc sau cùng là công việc quay về. Nếu các quyền năng đã ban phúc cho người hùng, thì giờ anh ta sẽ lên đường dưới sự che chở của họ (sứ giả); bằng không, anh ta chạy trốn và bị truy đuổi (cuộc trốn chạy biến hóa, cuộc trốn chạy có chương ngại vật). Ở ngưỡng quay về các quyền năng siêu việt bị chặn lại bằng

sau; người hùng từ vương quốc đáng sợ lại bước vào thế giới (quay về, phục sinh). Ân huệ mà anh ta mang về sẽ gây dựng lại thế giới (thuốc tiên).

Những thay đổi được đánh lên trên thang âm đơn giản của thần thoại gốc thật đa dạng không cách nào mô tả. Nhiều truyện kể tách riêng và tán rộng thêm ở một hai yếu tố điển hình trong trọn chu kỳ (motif thử thách, motif trốn chạy, bắt cóc cô dâu), những truyện kể khác lại khâu kết nhiều chu kỳ độc lập thành một chuỗi duy nhất (như trong *Odyssey*). Các nhân vật hay tình tiết khác nhau có thể nhập một, hay một yếu tố duy nhất có thể nhân lên và xuất hiện trở lại với nhiều biến đổi.

Những nét đại cương của thần thoại và truyện kể phải chịu sự hư hoại và mai một. Các yếu tố cổ thường bị loại bỏ hay làm dịu bớt. Các chất liệu du nhập từ ngoài được sửa lại cho khớp với khung cảnh, phong tục hay tín ngưỡng địa phương, và trong quá trình đó luôn chịu tổn thất. Hơn nữa, qua vô số lần kể lại một câu chuyện truyền thống, sự lạc chỗ tình cờ hay hữu ý là không thể tránh khỏi. Để lý giải những yếu tố mà, vì lý do này hay lý do khác, đã trở nên vô nghĩa, các diễn giải phái sinh được bịa ra, thường cũng khá khéo léo.⁽¹⁾

Trong câu chuyện Eskimo về Quạ trong bụng cá voi, motif que đánh lửa đã chịu sự lạc chỗ và sau đó là duy lý hóa. Người hùng trong bụng cá voi là một cổ mẫu phổ biến. Chiến công chính của kẻ phiêu lưu thường là nhóm lửa bằng que đánh lửa trong bụng con quái vật, do vậy gây nên cái chết của cá voi và anh ta được giải thoát. Nhóm lửa theo cách này là biểu tượng cho hành vi tình dục. Hai que - que nhận có lỗ và que thẳng để khoan - được coi là nữ và nam; ngọn lửa là sự sống mới tạo ra. Người hùng nhóm lửa trong cá voi là một dị bản của cuộc hôn phối thiêng.

Nhưng trong câu chuyện của người Eskimo thì hình ảnh nhóm lửa này đã chịu sự chỉnh sửa. Nguyên lý nữ được nhân cách hóa trong cô gái đẹp mà Quạ gặp trong gian phòng lớn

trong bụng cá; nhưng sự kết hợp nam nữ lại được tượng trưng riêng bằng dòng dầu nhỏ giọt từ ống vào ngọn đèn đang cháy. Quạ ném dầu này là tham gia vào hành vi tình dục đó. Tai họa xảy ra là bước ngoặt điển hình ở điểm đáy, kết thúc kỷ nguyên cũ và khai sinh kỷ nguyên mới. Vậy nên Quạ bước ra khỏi bụng cá tượng trưng cho phép lạ tái sinh. Vì thế, những que đánh lửa ban đầu đã thành thừa thãi, người ta bịa ra một phần kết khôn khéo và thú vị để cho chúng một chút năng trong cốt truyện. Sau khi bỏ quên mấy que đánh lửa trong bụng cá voi, Quạ đã có thể diễn giải việc tìm thấy lại chúng là điềm gở, làm mọi người hoảng sợ bỏ chạy, và một mình chén bữa tiệc mỡ cá voi. Phần kết này là một ví dụ tuyệt vời về việc triển khai thứ cấp. Nó khai thác tính cách chơi khăm của người hùng nhưng không phải một yếu tố trong câu chuyện cơ bản.

Trong các giai đoạn về sau của nhiều nền thần thoại, những hình ảnh chìa khóa được giấu như kim dưới đáy bể những giai thoại và duy lý hóa thứ cấp; vì khi một nền văn minh đi từ quan điểm thần thoại đến quan điểm thế tục, các hình ảnh cũ không còn được cảm nhận hay được tán thành nhiều nữa. Ở Hy Lạp giai đoạn hậu cổ điển và đế quốc La Mã, các thần cổ đại nay chỉ còn là thần bảo trợ cho từng thành đô cụ thể, thần nuôi trong nhà, hay những hình ảnh được ưa chuộng trong văn học. Các chủ đề được kế thừa lại nhưng không hiểu rõ, như chủ đề Minotauros - khía cạnh đêm tối tăm và khủng khiếp của một hình tượng Ai Cập-Crete cổ xưa về hóa thân của thần mặt trời và vua trời - được duy lý hóa và diễn giải lại cho khớp với các mục đích đương đại. Núi Olympus trở thành một chốn nghỉ dưỡng rất những vụ bê bối và chuyện tình vụn vặt, còn các nữ thần mẹ thành các nàng tiên hão dục loạn thần kinh. Thần thoại được hiểu như các truyện hiệp sĩ trong giới siêu nhân. Ở Trung Hoa cũng vậy, bởi lực lượng Khổng giáo đậm tính nhân bản, răn dạy luân thường đạo lý đã làm voi cạn gần hết tầm vóc ban đầu của các hình thức thần thoại trước kia, nên hệ thần thoại chính thống ngày nay là một mớ giai thoại về con trai con gái của các quan chức tỉnh lẻ, vì đã

phụng sự cộng đồng của mình cách này hay cách khác mà được những người hưởng lợi hàm ơn suy tôn thành các thành hoàng. Còn trong khối Cơ Đốc tiến bộ ngày nay thì Christ - hóa thân của Logos (Ngôi Lời) và Đấng Cứu Thế - chủ yếu là một nhân vật lịch sử, một nhà thông thái thôn quê vô hại thuộc quá khứ gần như có tính Đông phương, rao giảng giáo thuyết nhân từ rằng "hễ điều chi mà các ngươi muốn người ta làm cho mình, thì cũng hãy làm điều đó cho họ", nhưng lại bị hành quyết như tội đồ. Cái chết của ngài được hiểu là bài học tuyệt diệu về sự chính trực và ngoan cường.

Hể thơ ca trong truyền thần thoại được diễn giải như là tiểu sử, lịch sử hay khoa học, thì tính thơ sẽ bị giết chết. Các hình ảnh sống chỉ còn là những sự kiện xa vời thuộc thời gian hay vùng trời xa lắc. Hơn nữa, không bao giờ khó chứng minh mỗi thần thoại là phi lý nếu nhìn nhận trên góc độ khoa học và lịch sử. Khi một nền văn minh bắt đầu diễn giải lại thần thoại theo cách này, thần thoại sẽ không còn sự sống, đền đài thành bảo tàng, và mối liên kết giữa hai điểm nhìn tan biến. Cảnh ngộ như vậy rõ ràng đã xảy đến cho Kinh Thánh và phần lớn thực hành thờ phụng Cơ Đốc giáo.

Để làm các hình ảnh đó sống lại, ta phải tìm, không phải những phương cách thú vị áp dụng chúng vào các vấn đề hiện đại, mà những mạch nước soi rọi nhiều điều từ trong quá khứ đã được truyền cảm hứng. Khi tìm được những mạch nước ấy, những vùng biểu tượng rộng lớn gần như đã chết lại tiết lộ ý nghĩa nhân bản vĩnh cửu của mình.

Vào ngày thứ Bảy tuần thánh trong giáo hội Công giáo chẳng hạn, sau khi làm phép lửa mới,^(*) làm phép nến Phục sinh, và đọc các câu khấn nguyện Chúa, linh mục mặc áo lễ tím vào, đi sau thánh giá rước, chúc đài, và nến thánh hóa đã thấp, đến

*. Thứ Bảy tuần thánh, ngày nằm giữa ngày Jesus chết và ngày phục sinh, khi ngài nằm trong bụng Hòa ngục. Khoảnh khắc hồi sinh kỷ nguyên mới. So sánh với motif các que đánh lửa đã bàn ở trên.

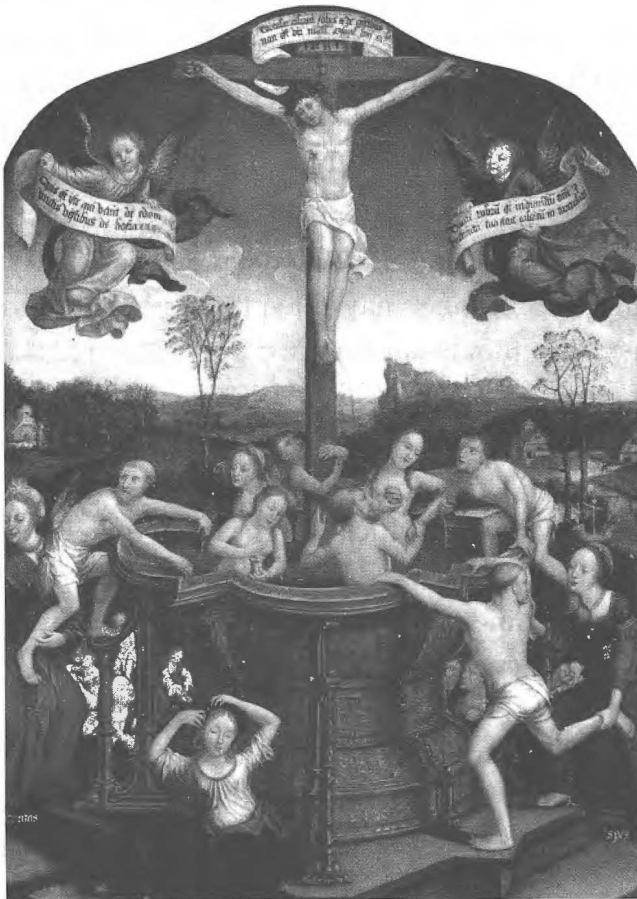
giếng nước thánh rửa tội cùng những thừa tác viên và trợ lễ, trong khi mọi người hát khúc sau đây: “Đức Chúa Trời ôi! linh hồn tôi mơ ước Chúa, như con nai cái thèm khát khe nước. Tôi sẽ đến ra mắt Đức Chúa Trời chừng nào? Đương khi người ta hằng hỏi tôi: Đức Chúa Trời ngươi đâu? Thì nước mắt làm đồ ăn tôi ngày và đêm.”⁽²⁾

Khi tới ngưỡng cung rửa tội, linh mục dùng để dâng lời cầu nguyện, rồi vào ban phước cho giếng nước thánh, “để con cháu trời, thụ thai nhờ thánh hóa, từ vòm bụng vô nhiễm giếng nước thánh, tái sinh làm người mới: dù thân nam hay nữ, hay tuổi tác khác nhau, cũng được nhờ ân sủng mẹ mà sinh ra.” Ông chạm tay vào nước, cầu nguyện cho nó sạch tà chước của Satan; làm dấu thánh giá trên nước; đưa tay rẽ nước rồi rảy một ít ra bốn phương thế giới; thở ba lần trên nước theo hình thánh giá; rồi nhúng nến Phục sinh vào nước và tụng: “Xin cho dòng nước này được thấm nhuần Thần Khí của Đức Christ.” Ông rút nến ra, nhúng vào lại sâu hơn, rồi lặp lại giọng cao hơn: “Xin cho dòng nước này được thấm nhuần Thần Khí của Đức Christ.” Ông lại rút nến ra, và nhúng lần thứ ba, đến tận đáy, lặp lại còn cao hơn nữa: “Xin cho dòng nước này được thấm nhuần Thần Khí của Đức Christ.” Rồi thở ba lần lên nước ông đọc tiếp: “Và làm chất nước này màu mỡ cho sinh sôi.” Rồi ông rút nến khỏi nước, và sau vài câu cầu nguyện kết lễ, các trợ lễ rảy nước thánh này vào mọi người.⁽³⁾

Nước mang tính nữ được gieo hạt tinh thần bằng lửa nam của Chúa Thánh Thần là phiên bản Cơ Đốc của nước biến hóa phổ biến trong mọi hệ thống hình tượng thần thoại. Nghi thức này là dị thể của cuộc hôn phối thiêng, là thời khắc-nguồn sinh ra và tái sinh thế giới và con người, cũng chính là bí ẩn nằm trong biểu tượng *lingam-yanī* của Ấn giáo. Đi vào giếng nước thánh này là nhảy vào cõi thần thoại; xuyên qua mặt nước là băng qua ngưỡng vào biển đêm. Một cách biểu tượng, đứa bé thực hiện hành trình này khi được rưới nước lên đầu; người tiếp dẫn và phù trợ nó là các linh mục và cha mẹ đỡ đầu. Mục đích là

thăm cha mẹ của Ngã Bất Diệt của nó: Thần Khí của Chúa Trời và Dạ Con Ân Sủng.⁽⁴⁾ Rồi nó được trả về với cha mẹ của thân xác mình.

Trong chúng ta không mấy ai có chút ý niệm gì về ý nghĩa của nghi thức rửa tội, bước thụ giáo đưa ta vào giáo hội. Dầu vậy, nó đã xuất hiện rõ ràng trong chính lời Jesus: “Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, nếu một người chẳng sanh lại thì không thể thấy được nước Đức Chúa Trời.” Nicodemus nói với ngài, “Người đã già rồi thì sanh lại làm sao được? Có thể nào tró vào lòng mẹ và sanh lần thứ hai sao?” Jesus đáp, “Quả thật, quả thật, ta nói cùng ngươi, nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh Linh mà sanh, thì không được vào nước Đức Chúa Trời.”⁽⁵⁾



HÌNH 54. Suối nguồn sự sống (tranh trên gỗ, Flanders, khoảng 1520)

Cách giải thích phổ biến về rửa tội là nó “tẩy sạch tội tổ tông”, nhấn mạnh cái ý tẩy gột hơn là tái sinh. Đây là một cách diễn giải thứ cấp. Hay dù hình ảnh truyền thống về cuộc sinh vẫn còn được nhớ đến, thì lại không ai nhắc gì đến cuộc hôn phối có trước đó. Tuy vậy, phải theo suốt các biểu tượng thần thoại qua mọi ẩn ý rồi mới thấy chúng mở ra toàn bộ hệ thống những tương ứng mà chúng dùng để trình bày, bằng phép loại suy, cuộc phiêu lưu thiên niên kỷ của linh hồn.

PHẦN HAI

CHU KỲ KHỞI NGUYÊN VŨ TRỤ



HÌNH 55. Đá mặt trời của người Aztec (khắc đá, Aztec, Mexico, 1479)

CHƯƠNG I

Phát tán

1. TỪ TÂM LÝ HỌC ĐẾN SIÊU HÌNH HỌC

Trí thức ngày nay không thấy khó khăn gì việc thừa nhận rằng tính biểu tượng trong thần thoại có một ý nghĩa về tâm lý. Nhất là sau những khám phá của các nhà phân tâm học thì chẳng còn mấy mơ hồ về cả chuyện thần thoại có cùng bản chất với giấc mơ, lẫn chuyện giấc mơ là triệu chứng của sự vận động của tâm lý. Sigmund Freud, Carl G. Jung, Wilhelm Stekel, Otto Rank, Karl Abraham, Géza Róheim, và nhiều người khác trong vòng vài thập kỷ lại đây đã xây dựng một kho bao la kiến thức hiện đại về cách giải đoán giấc mơ và thần thoại; và dù các bác sĩ có những bất đồng với nhau, họ cũng thống nhất trong một phong trào hiện đại lớn bởi một tập hợp khá nhiều nguyên tắc chung. Với phát hiện của họ, rằng các mô thức và logic của truyện cổ tích và thần thoại tương ứng với các mô thức và logic của giấc mơ, những hồn ma bóng quế của người xưa vốn lâu nay bị coi thường đã trở lại ngoạn mục trong tiền cảnh ý thức hiện đại.

Theo cách nhìn này thì có vẻ như rằng qua các truyện thần tiên - vốn chỉ vờ như mô tả cuộc đời của các anh hùng truyền thuyết, quyền năng của các thần linh trong tự nhiên, hồn ma người chết, và vật tổ của nhóm xã hội - các mong muốn, sợ hãi và căng thẳng vô thức nằm bên dưới các mô thức hữu thức trong hành vi con người đã tìm thấy một cách diễn đạt biểu tượng. Nói cách khác, thần thoại là tâm lý học bị hiểu sai thành tiểu sử, lịch sử và vũ trụ học. Nhà tâm lý học hiện đại có thể chuyển dịch nó về lại các ý nghĩa đúng và do vậy vớt lại được cho thế

giới đương đại một tài liệu phong phú và hùng biện về những đáy sâu thẳm nhất trong tính cách con người. Phơi bày ra ở đây, như dưới kính X quang, các quá trình ẩn giấu trong câu đố tên gọi *Homo sapiens* - Tây phương và Đông phương, nguyên thủy và văn minh, hiện đại và cổ đại. Toàn thể quang cảnh nằm trước mắt chúng ta. Chúng ta chỉ cần đọc nó, nghiên cứu các mô thức thường gặp của nó, phân tích các dị bản của nó, là hiểu biết được các lực lượng sâu xa đã định hình định mệnh con người và chắc chắn sẽ tiếp tục định đoạt cả đời riêng lẫn đời chung của chúng ta.

Nhưng nếu muốn hiểu đầy đủ giá trị của những chất liệu ấy, ta phải lưu ý rằng thần thoại không hẳn là tương đồng với giấc mơ. Hình tượng trong thần thoại phát khởi từ cùng một nguồn với giấc mơ - những giếng tượng tượng vô thức - và ngữ pháp của chúng cũng là một, nhưng chúng không phải là sản phẩm tự phát của giấc ngủ. Trái lại, các mô thức của truyện thần thoại được kiểm soát một cách có ý thức. Và chức năng được hiểu của chúng là làm ngôn ngữ hình ảnh mạnh mẽ để truyền tri minh triết truyền thống. Điều này cũng đúng ngay cả với cái gọi là thần thoại dân gian nguyên thủy. Pháp sư dễ xuất thần và thầy mo linh dương đã được thụ giáo không phải là không sở hữu minh triết phức tạp về thế giới, cũng không phải không thông thạo các nguyên tắc truyền đạt bằng phép loại suy. Các ẩn dụ mà theo đó họ sống, và qua đó họ vận hành, đã được nghiền ngẫm, tìm kiếm, bàn thảo hàng thế kỷ - thậm chí hàng thiên niên kỷ; hơn nữa, chúng đã đóng vai rường cột của tư tưởng và đời sống cho cả xã hội của họ. Các mô thức văn hóa đã được nặn hình theo chúng. Người trẻ được giáo dục, người già được khôn ngoan qua nghiên cứu, trải nghiệm, hiểu biết các hình tượng thụ giáo hiệu quả của chúng. Vì chúng thật sự chạm tới và phát huy các năng lượng sống của toàn thể tâm lý con người. Chúng nối vô thức với các lĩnh vực hành động thực tiễn, không phải một cách phi lý, theo kiểu phóng chiếu của kẻ loạn thần kinh, mà theo cách cho phép lĩnh hội thế giới sự kiện một cách chín chắn, sáng suốt, thực

tiền để, như một sự kiểm soát nghiêm khắc, can thiệp trở lại vào các cội ước muốn và sợ hãi ấu thơ. Và nếu điều này còn đúng cho cả các thần thoại dân gian so ra thì khá đơn sơ (các hệ thống thần thoại và lễ nghi đã nâng đỡ cách sống của các bộ tộc săn bắn đánh cá nguyên thủy), thì ta có thể nói gì về những ẩn dụ vũ trụ lộng lẫy được thể hiện trong các sử thi vĩ đại của Homeros, *Hài kịch thánh thần* của Dante, Sáng Thế Ký, và các ngôi đền muôn thuở của Đông phương? Mãi đến vài thập kỷ gần đây thôi, chúng vẫn còn nâng đỡ toàn bộ đời sống con người và là nguồn cảm hứng cho triết học, thơ ca, nghệ thuật. Nơi nào các biểu tượng kế thừa đã được Lão Tử, Đức Phật, Zarathustra, Christ, hay Mohammed chạm đến - được người làm chủ tinh thần tốt bậc dùng làm công cụ để giảng dạy những tri kiến đạo lý và siêu hình học uyên thâm nhất - nơi đó hiển nhiên ta đang đối diện với một ý thức bao la, chứ không phải là bóng tối.

Thế nên, để hiểu đầy đủ giá trị các hình tượng thần thoại đã được truyền lại cho chúng ta, phải hiểu rằng chúng không chỉ là các triệu chứng của vô thức (như mọi ý nghĩ và hành động của con người thật ra đều là vậy) mà còn là những phát biểu có kiểm soát và hữu ý về một số nguyên tắc tinh thần vẫn bất biến suốt dòng lịch sử loài người hết như hình dạng và cấu trúc thần kinh trong chính cơ thể người. Trình bày vắn tắt thì lý thuyết phổ quát ấy dạy rằng mọi cấu trúc thấy được của thế giới - mọi sự vật và tồn tại - đều là kết quả của một quyền năng bao trùm mà từ đó chúng sinh ra, nâng đỡ và rót đầy chúng trong giai đoạn hóa hiện, và cuối cùng chúng phải tan rã về trong đó. Cái lực ấy khoa học gọi là năng lượng, người Melanesia là *mana*, bộ tộc Sioux châu Mỹ là *wakonda*, tín đồ Ấn giáo là *Śakti*, và tín đồ Cơ Đốc là quyền năng của Chúa Trời. Hóa hiện của nó trong tâm lý được gọi, theo các nhà phân tâm học, là *libido*.⁽¹⁾ Và hóa hiện của nó trong vũ trụ là cấu trúc và lưu chuyển của chính vũ trụ.

Việc lĩnh hội *nguồn* của thể nền tồn tại này, vốn tự thân nó vô định hình nhưng tới mỗi nơi lại đặc thù hóa, bị ngăn trở

bởi chính các cơ quan cần phải thực hiện công việc linh hội. Các hình thức tri giác và các phạm trù ý nghĩ con người,⁽²⁾ mà bản thân chúng cũng là hóa hiện của quyền năng này,^(*) lại hạn chế đầu óc đến mức thường thì không những ta không nhìn thấy được, mà thậm chí còn không quan niệm được xa hơn cái diễn cảnh hiện tượng đầy màu sắc, biến ảo, vô cùng đa dạng và làm rối trí trước mắt ta. Chức năng của lễ nghi và thần thoại là tạo điều kiện cho cú nhảy vọt ấy, rồi thúc đẩy nó - bằng phép loại suy. Các hình tượng và khái niệm mà tâm trí và giác quan hiểu nổi được trình bày và sắp xếp sao để gọi cho tâm trí nghĩ về một chân lý hay khoảng không xa hơn nữa. Và rồi, sau khi đã được cung cấp các điều kiện thiền định, cá thể được để yên một mình. Thần thoại chẳng qua chỉ là chặng áp chót; cái đích sau chót là khoảng không - cái hư vô, hay hiện hữu, vượt quá mọi phạm trù⁽⁴⁾ kia - mà tâm trí phải một mình lao xuống để tan rã. Do vậy, Chúa Trời và thần linh chỉ là các phương tiện thiện xảo - chính họ cũng thuộc về thế giới danh sắc, dù rất có tính gọi mở tới, và sau rốt dẫn dắt đến cái không thể nghĩ bàn. Họ chỉ là biểu tượng để lay động và đánh thức tâm, rồi kêu gọi nó đi xa hơn cả họ.

Nhận thức này về tính thứ yếu của nhân cách bất cứ thần được thờ phụng nào có mặt trong hầu hết các truyền thống trên thế giới (chẳng hạn xem tr. 203, tr. 433 chú thích 154). Tuy vậy, giáo lý Cơ Đốc giáo, Hồi giáo và Do Thái giáo lại coi nhân cách của thần là tối hậu - khiến thành viên của các cộng đồng này thấy khá khó hiểu làm sao mà những thần này vượt qua được các giới hạn của ngôi thần mang nhân dạng của mình. Do vậy mà dẫn đến một mặt là sự xóa mờ các biểu tượng diễn ra phổ biến, và mặt khác là thói suy tôn ngôi thần quá quắt chưa từng thấy ở đâu khác trong lịch sử tôn giáo. Xem thảo luận về căn nguyên khả dĩ cho sự lệch đường này trong *Moses và đức thần giáo* của Sigmund Freud.⁽³⁾

*. Tiếng Phạn: *māyā-sakti*.

†. Vượt quá mọi phạm trù, và do vậy không được định nghĩa bằng cái nào trong cặp đối lập ta vẫn gọi là "hư vô" và "hiện hữu". Những thuật ngữ như vậy chỉ là manh mối dẫn đến siêu việt.

Thiên đường, hỏa ngục, thời đại thần thoại, Olympus và mọi nơi ở khác của thần linh đều được phân tâm học diễn giải là biểu tượng của vô thức. Do vậy chìa khóa để mở các hệ thống diễn giải tâm lý học hiện đại là thế này: cõi siêu hình = vô thức. Tương ứng, chìa khóa mở cửa theo hướng ngược lại cũng là phương trình đó mà đảo ngược: vô thức = cõi siêu hình. “Vì này,” như Jesus đã dạy, “nước Đức Chúa Trời ở trong các ngươi.”⁽⁴⁾ Quả thật, siêu thức rơi về lại vô thức chính là ý nghĩa của hình ảnh Kinh Thánh về Sa Ngã. Sự bó buộc của ý thức, mà vì nó ta không thấy nguồn của quyền năng vũ trụ mà chỉ thấy các sắc tướng trong cõi hiện tượng là bóng phản chiếu của quyền năng đó, đã biến siêu thức thành vô thức, và trong chính khoảnh khắc đó và chính bằng cách đó đã tạo ra thế giới. Cứu chuộc chính là cuộc trở về lại siêu thức và cùng với đó là sự tan rã của thế giới. Đây là chủ đề và công thức lớn của chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, hình ảnh thần thoại về thế giới hóa hiện ra rồi tiếp đó quay về lại tình trạng phi hóa hiện. Cũng vậy, có thể xem sự ra đời, sống, chết của cá thể là cuộc đi xuống vô thức rồi quay về. Người hùng là người mà, tuy còn đang sống, đã biết và đại diện cho những đòi hỏi của siêu thức nói chung vẫn ở tình trạng vô thức khắp cõi sáng hóa. Cuộc phiêu lưu của người hùng là khoảnh khắc trong đời khi anh ta đạt giác ngộ - khoảnh khắc hạt nhân mà, tuy còn đang sống, anh ta đã tìm ra và mở đường đến ánh sáng, bên kia bức vách tối là cái chết trong khi sống của chúng ta.

Vì thế cho nên các biểu tượng vũ trụ được trình bày trên tinh thần một nghịch lý cao siêu làm rối trí. Nước Chúa nằm bên trong, nhưng cũng ở bên ngoài; tuy vậy, Chúa Trời chỉ là một phương tiện thiện xảo để đánh thức nàng công chúa đang ngủ, tức linh hồn. Cuộc sống là giấc ngủ của nàng, cái chết là tỉnh thức. Người hùng, người đánh thức linh hồn của chính mình, chính anh ta cũng chỉ là phương tiện thiện xảo cho sự tan rã của chính mình. Chúa Trời, người đánh thức linh hồn, như vậy còn là cái chết tức thì của chính ngài.

Có lẽ biểu tượng giàu sức gợi nhất có thể có về bí ẩn này là biểu tượng thần bị đóng đinh, vị thần được hiến tế, “dâng ta cho chính ta”.⁽⁵⁾ Đọc theo một hướng thì ý nghĩa của biểu tượng ấy là bước đi của người hùng thế giới hiện tượng vào siêu thức: thân thể với năm giác quan - như thân của hoàng tử Năm Vũ Khí dính vào Long Dính - bị treo trên thánh giá tri kiến về sự sống và cái chết, gắn vào ở năm chỗ (hai bàn tay, hai bàn chân, và đầu đội mào gai).⁽⁶⁾ Nhưng đó cũng là Chúa Trời tự ý xuống trần gian mà nhận lấy nỗi thống khổ của thế giới hiện tượng này. Chúa Trời lãnh lấy đời sống của người và con người giải phóng Chúa Trời bên trong mình ở điểm giao hai thanh chữ thập là chính “sự trùng hợp các mặt đối lập”,⁽⁷⁾ chính cửa mặt trời qua đó Chúa Trời đi xuống còn Con Người đi lên - kẻ này là thức ăn của kẻ kia.⁽⁸⁾

Nhà nghiên cứu ngày nay tất nhiên có thể nghiên cứu các biểu tượng này tùy ý, hoặc là như một biểu hiện về sự dốt nát của kẻ khác, hoặc như dấu hiệu cho anh ta biết về sự dốt nát của chính mình, hoặc theo kiểu quy giản siêu hình học thành tâm lý học, hoặc ngược lại. Cách truyền thống là suy niệm về các biểu tượng theo cả hai chiều. Trong trường hợp nào thì chúng cũng là các ẩn dụ nhiều hàm nghĩa về định mệnh của con người, hy vọng của con người, niềm tin của con người, và bí ẩn sâu thẳm của con người.

2. CHU KỲ VŨ TRỤ

Giống như ý thức của cá thể nghỉ trên biển đêm mà trong giấc ngủ nó đi xuống vào trong đó rồi thức giấc một cách kỳ bí rời khỏi đó, trong hệ thống hình ảnh thần thoại, vũ trụ cũng được kết tụ từ một thứ phi thời gian, nghỉ ngơi trên đó rồi lại tan rã vào trong đó. Và cũng giống như sức khỏe thể chất và tâm thần của cá thể phụ thuộc vào dòng sinh lực từ đêm tối vô thức tràn vào địa vực ngày tỉnh thức một cách lớp lang thứ tự, thì trong

thần thoại, sự duy trì trật tự vũ trụ cũng chỉ được bảo đảm bằng dòng chảy có kiểm soát của sức mạnh từ nguồn. Các thần linh là hiện thân nhân cách biểu tượng của các quy luật kiểm soát dòng chảy này. Các thần sinh ra cùng với bình minh của thế giới và tan biến cùng hoàng hôn. Họ không vĩnh cửu theo cùng một cách với đêm vĩnh cửu. Chỉ khi quan sát từ kiếp người ngắn ngủi hơn thì chu kỳ một kỷ nguyên sinh khởi vũ trụ mới có vẻ dài lâu.

Chu kỳ khởi nguyên vũ trụ thường được mô tả là tự lặp lại, đòi hỏi chẳng cùng. Mỗi chu kỳ lớn thường bao gồm những lần tan rã nhỏ hơn, cũng như chu kỳ ngủ và thức quay vòng suốt đời người. Theo một phiên bản của người Aztec, từng nguyên tố trong số nước, đất, khí, lửa sẽ lần lượt kết thúc một giai đoạn thế giới: kỷ nguyên nước kết thúc bằng hồng thủy, kỷ nguyên đất bằng động đất, kỷ nguyên khí bằng một trận cuồng phong, và kỷ nguyên hiện tại sẽ bị hủy diệt vì lửa.⁽⁹⁾

Theo học thuyết Khắc Kỷ về đám cháy chu kỳ, mọi linh hồn đều sẽ tan biến vào linh hồn thế giới hay lửa nguyên thủy. Khi sự tan rã toàn vũ trụ này kết thúc, sự hình thành một vũ trụ mới bắt đầu (*renovatio* của Cicero), và mọi thứ đều tự lặp lại, mọi thần, mọi người, đều đóng lại vai trò cũ. Seneca mô tả về sự hủy diệt này trong “De Consolatione ad Marciam” [An ủi Marcia], và có vẻ đã trông đợi mình sẽ được sống lại trong chu kỳ sắp tới.⁽¹⁰⁾

Một hình dung hoành tráng về chu kỳ khởi nguyên vũ trụ được trình bày trong thần thoại của Kỳ Na (Jaina) giáo. Nhà tiên tri và đấng cứu thế gần đây nhất của giáo phái Ấn Độ hết sức cổ xưa này là Mahāvīra, sống cùng thời với Đức Phật (thế kỷ 6 TCN). Cha mẹ ông là môn đệ của Pārśvanātha, đấng cứu thế tiên tri Kỳ Na giáo sống vào thời sớm hơn nhiều, được mô tả có răn vặt ra từ vai và được cho là hoạt động chủ yếu trong khoảng 872-772 TCN. Nhiều thế kỷ trước Pārśvanātha, đấng cứu thế Kỳ Na giáo Neminātha đã sống rồi chết đi, ông được tuyên xưng là họ hàng của Kṛṣṇa, vị thần hóa thân rất được yêu kính trong Ấn

giáo. Và trước ông còn đúng hai mươi mốt vị khác, kéo dài về tận R̥ṣabhanātha sống trong một thời đại thế giới sớm hơn, khi đàn ông đàn bà sinh ra đã thành từng cặp vợ chồng, cao hai dặm, và sống một thời kỳ vô số năm. R̥ṣabhanātha dạy cho dân bảy mươi hai môn học (viết, số học, đoán điềm triệu, vân vân), sáu mươi bốn môn nữ công gia chánh cho đàn bà (nấu ăn, khâu vá, vân vân), và một trăm nghề (gốm, dệt, vẽ, rèn, cắt tóc, vân vân); ngoài ra, ông còn dạy cho họ về chính trị và lập nên một vương quốc.

Trước thời ông, những sáng chế như vậy hẳn là thừa thãi; vì người của giai đoạn trước - cao bốn dặm, có một trăm hai mươi tám xương sườn, hưởng thọ mạng hai giai đoạn vô số năm - được mười "cây toại ước" (*kalpa-vṛkṣa*) cung ứng mọi nhu cầu, nó cho trái ngọt, lá hình nồi chảo, lá hát du dương, lá phát sáng ban đêm, hoa đẹp và hương thơm, thức ăn vừa đẹp mắt vừa ngon miệng, lá có thể dùng làm trang sức, vỏ cây dùng làm áo quần đẹp đẽ. Một cây thì như tòa cung điện nhiều tầng để ở; cây nữa tỏa ánh sáng dịu, như từ muôn ngọn đèn nhỏ. Đất ngọt như đường; đại dương thắm như rượu. Còn nữa, trước thời kỳ hạnh phúc này lại còn có giai đoạn hạnh phúc hơn - chính xác là hạnh phúc gấp đôi - khi đàn ông đàn bà cao tám dặm, mỗi người có hai trăm năm mươi sáu xương sườn. Khi những người tốt bậc này chết đi, họ lên thẳng cõi thiên, không bao giờ phải nghe đến tôn giáo, vì đức hạnh tự nhiên của họ cũng hoàn hảo như dung mạo họ.

Tín đồ Kỳ Na giáo quan niệm thời gian là một vòng tròn vô thủy vô chung. Thời gian được hình dung như bánh xe có mười hai nan, hay thời đại, chia thành hai tập hợp sáu nan. Tập hợp đầu gọi là chuỗi "đi xuống" (*avasarpinī*), mở đầu bằng thời của các cặp người khổng lồ tốt bậc. Giai đoạn thiên đường đó kéo dài mười triệu lần mười triệu lần một trăm triệu lần một trăm triệu giai đoạn vô số năm, rồi dần dần nhường chỗ cho giai đoạn chỉ còn phân nửa hạnh phúc khi đàn ông đàn bà còn cao được bốn dặm. Trong giai đoạn thứ ba - giai đoạn có R̥ṣabhanātha, vị đầu

tiên trong hai mươi bốn đấng cứu thế - hạnh phúc đã pha lẫn chút sầu đau, đức hạnh pha với chút tật xấu. Hết giai đoạn này, đàn ông đàn bà không còn sinh thành cặp để sống với nhau như vợ chồng như trước nữa.

Đến giai đoạn thứ tư, sự suy thoái dần dà cả thế giới và người sinh sống trong đó cứ đều đều tiếp diễn. Thọ mạng và tầm vóc của con người giảm dần. Hai mươi ba đấng cứu thế ra đời; mỗi vị lại giảng giáo thuyết vĩnh cửu của Kỳ Na giáo theo cách phù hợp với hoàn cảnh của thời mình. Ba năm tám tháng rưỡi sau khi Mahāvīra, đấng cứu thế và tiên tri cuối cùng chết, giai đoạn này kết thúc.

Thời đại của chúng ta, thời thứ năm trong chuỗi suy, mở đầu vào năm 522 TCN và sẽ kéo dài hai mươi mốt ngàn năm. Trong giai đoạn này sẽ không có đấng cứu thế Kỳ Na giáo nào sinh ra, và tôn giáo vĩnh cửu của tín đồ Kỳ Na giáo sẽ dần biến mất. Đó là giai đoạn cái ác dữ dội, mỗi lúc một nhiều thêm. Người cao nhất cũng chỉ ba mét, và thọ mạng dài nhất cũng không quá một trăm hai mươi lăm năm. Người ta chỉ có mười sáu xương sườn. Họ ích kỷ, bất công, hung bạo, dâm dục, kiêu mạn và tham lam.

Nhưng trong thời thứ sáu của chuỗi suy, tình trạng của con người và thế giới của anh ta sẽ còn khủng khiếp hơn. Thọ mạng cao nhất sẽ chỉ hai mươi năm; vóc người cao nhất cũng chỉ một hắc tay và có tám xương sườn. Ngày sẽ nóng, đêm sẽ lạnh, bệnh tật hoành hành và trình tiết không tồn tại. Bão sẽ tàn quét khắp trái đất, rồi về cuối giai đoạn này bão sẽ nhiều thêm. Cuối cùng mọi sự sống, người và thú, mọi hạt giống cây cối, buộc phải tìm nơi ẩn náu dưới sông Hằng, trong những hang động khốn khổ, và dưới biển.

Chuỗi đi xuống sẽ kết thúc và chuỗi “đi lên” (*utsarpinī*) bắt đầu, khi bão tố và thê lương đã đạt tới mức không chịu nổi. Trời sẽ mưa suốt bảy ngày, và bảy loại mưa khác nhau sẽ rơi; đất sẽ tươi mới lại, hạt giống nảy mầm. Từ trong động những giống dân còi cọc khủng khiếp của đất chua, đất đắng sẽ liều

mò ra; và thật dần dà mới nhận thấy được những cải thiện ít ỏi trong đạo đức, sức khỏe, sắc đẹp, và vóc dáng họ; cho đến khi ít lâu sau họ sẽ sống trong một thế giới như ta biết ngày nay. Và rồi một đấng cứu thế sẽ ra đời, tên Padmānātha, để rao truyền lại lần nữa tôn giáo vĩnh cửu của tín đồ Kỳ Na; tầm vóc của loài người sẽ lại lên tới tốt bậc, vẻ đẹp của con người sẽ hơn hẳn vàng dương. Cuối cùng, mặt đất sẽ ngọt ngào và nước hóa thành rượu, cây toại ước ban vui thú cho cư dân hạnh phúc gồm những cặp vợ chồng sinh đôi hoàn hảo; và hạnh phúc của cộng đồng này lại sẽ nhân đôi, rồi sau đó, qua mười triệu lần mười triệu lần một trăm triệu lần một trăm triệu giai đoạn vô số năm, bánh xe sẽ tới điểm bắt đầu quay xuống, nó sẽ lại dẫn đến điểm tôn giáo vĩnh cửu bị tuyệt diệt và tiếng huyên náo của những hội hè không lành mạnh, chiến tranh, gió mang bệnh dịch ngày càng nhiều lên.⁽¹¹⁾

Bánh xe thời gian mười hai nan không ngừng quay của tín đồ Kỳ Na giáo này tương đương với chu kỳ bốn thời đại của tín đồ Ấn giáo: thời đầu là một giai đoạn dài cực lạc, đẹp đẽ, hoàn thiện, kéo dài 4.800 năm cõi thiên;(*) thời thứ hai đức hạnh có phần suy giảm, kéo dài 3.600 năm cõi thiên; thời thứ ba lẫn lộn ngang nhau đức hạnh và thói hư tật xấu, kéo dài 2.400 năm cõi thiên; và cuối cùng, thời chúng ta, cái ác ngày càng nhiều, kéo dài 1.200 năm cõi thiên, hay 432.000 năm theo tính toán của con người. Nhưng tại thời điểm chấm dứt giai đoạn hiện tại, thay vì bắt đầu tiến bộ lại ngay (như trong chu kỳ tín đồ Kỳ Na giáo mô tả), trước hết mọi thứ sẽ bị hủy triệt trong một tai ương lửa và hồng thủy, và do vậy thế giới trở lại tình trạng sơ khai là đại dương nguyên thủy phi thời gian, rồi ở lại trạng thái ấy suốt trong một giai đoạn kéo dài bằng cả bốn thời gộp lại. Bấy giờ các thời đại của thế giới sẽ bắt đầu lại từ đầu.

*. Một năm cõi trời bằng 360 năm cõi người. Xem ở trên, tr. 246.

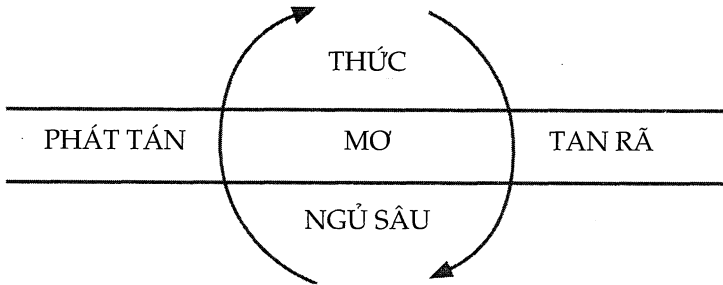


HÌNH 56. Hình nhân vũ trụ của Kỳ Na giáo - Chi tiết bánh xe vũ trụ
(bột màu trên vải, Ấn Độ, thế kỷ 18)

Hình ảnh này được cho là mô tả một khái niệm cơ bản trong triết học Đông phương. Ban đầu thần thoại là minh họa cho công thức triết, hay công thức triết là cô đọng từ thần thoại, ngày nay không sao biết được. Chắc chắn là thần thoại có từ những thời xa xưa, nhưng triết học cũng vậy. Ai mà biết đã có ý nghĩ nào nằm trong óc các bậc hiền triết xưa đã mở mang, cất giữ thần thoại rồi truyền lại? Lắm lúc, khi phân tích nhằm nhìn thấu các bí mật của biểu tượng cổ xưa, ta chỉ có thể cảm thấy rằng ý niệm được chấp nhận rộng rãi về lịch sử triết học đã dựa trên một giả định sai hoàn toàn, ấy là tư duy trừu tượng và siêu hình học chỉ bắt đầu nơi nó lần đầu xuất hiện trong các thư tịch còn lưu lại của ta.

Công thức triết học được minh họa bằng chu kỳ khởi nguyên vũ trụ là công thức về sự lưu chuyển của ý thức qua ba bình diện tồn tại. Bình diện đầu tiên là kinh nghiệm khi thức: nhận thức được các sự kiện rần, thô của vũ trụ bên ngoài, được ánh sáng mặt trời soi tỏ, và với ai cũng giống nhau. Bình diện thứ hai là kinh nghiệm khi mơ: nhận thức các hình tượng trôi chảy, tinh tế trong nội giới riêng của cá nhân, tự mình tỏa sáng và đồng chất với người mơ. Bình diện thứ ba là bình diện giấc ngủ sâu: không mơ, tràn đầy điểm phức. Trong bình diện đầu ta gặp được các kinh nghiệm sống hữu ích; trong bình diện thứ hai những kinh nghiệm này được hấp thụ, đồng hóa vào nội lực của người nằm mơ; còn ở bình diện thứ ba tất cả được cảm nhận

và biết một cách vô thức, trong “khoảng không trong tim”, căn phòng của người điều khiển bên trong, nguồn và đích của tất cả.⁽¹²⁾



Căn hiểu chu kỳ khởi nguyên vũ trụ là quá trình ý thức vũ trụ đi từ vùng giấc ngủ sâu chứa cái phi thị hiện, qua giấc mơ, đến thức tỉnh ban ngày; rồi lại qua giấc mơ về lại bóng tối phi thời gian. Trong kinh nghiệm thực tế của mọi sinh vật thể nào thì trong nhân vật kỳ vĩ là vũ trụ sống cũng thế ấy: các nguồn năng lượng được phục hồi dưới vực sâu giấc ngủ, và dùng cạn kiệt trong công việc ban ngày; sự sống của vũ trụ cạn đi và phải hồi sinh lại.

Chu kỳ khởi nguyên vũ trụ tiến lên theo một đường hình sóng, hóa hiện ra rồi về lại phi hóa hiện giữa sự im lặng của cái không biết. Tín đồ Ấn giáo trình bày bí ẩn này trong âm tiết thiêng *AUM*. Ở đây âm thanh *A* đại diện cho ý thức thức, *U* là ý thức mơ, *M* là ý thức trong giấc ngủ sâu. Sự im lặng bao quanh âm tiết là cái không biết: nó chỉ được gọi là “Điều Thứ Tư”.^{(13)(*)} Âm tiết này là Thượng đế trong vai đáng sáng tạo-bảo tồn-hủy diệt, nhưng sự im lặng là Thượng đế Vĩnh cửu, tuyệt không liên lụy tới mọi khởi kết của chu kỳ.

*Nó vô hình, không can dự, không hiểu được,
không suy đoán, hình dung, mô tả được.*

*. Bởi trong tiếng Phạn âm *A* và *U* nhập lại thành *O*, âm tiết thiêng được đọc và cũng thường được viết là “*OM*”. Xem các lời cầu nguyện ở trên, tr. 170, 257.

*Nó là bản chất của tự nhận thức duy nhất
có trong mọi trạng thái ý thức.
Mọi hiện tượng diệt trong nó.
Nó là bình an, nó là cực lạc, nó là bất nhị.⁽¹⁴⁾*

Thần thoại, tất yếu, vẫn nằm trong chu kỳ, nhưng trình bày chu kỳ này dưới dạng được sự im lặng bao quanh bên ngoài và thẩm thấu bên trong. Thần thoại hé lộ cho ta biết bên trong và xung quanh mọi nguyên tử trong tồn tại không phải là khoảng trống, mà là khoảng đặc làm bằng im lặng. Thần thoại là sự chỉ hướng tâm và trí, bằng những hình tượng đầy ấp thông tin, đến cái bí ẩn tối hậu tràn đầy và bao quanh mọi tồn tại. Ngay cả trong những khoảnh khắc hài hước nhất và có vẻ bông lơn nhất, thần thoại cũng hướng tâm trí đến cái không thị hiện này ngay bên ngoài tầm mắt.

“Thái cổ trong những gì thái cổ, ẩn mật nhất trong những gì ẩn mật, có hình tướng mà vẫn vô hình tướng,” ta đọc thấy trong một văn bản Kabbalah của người Do Thái thời Trung cổ, “Ngài có hình tướng nhờ đó vũ trụ được bảo tồn, mà vẫn không có hình tướng, vì không thể hiểu được ngài.”⁽¹⁵⁾ Kẻ thái cổ trong những gì thái cổ này được trình bày như một gương mặt nhìn nghiêng: luôn là nhìn nghiêng, vì bên ẩn không bao giờ có thể biết được. Đây gọi là “Gương Mặt Lớn”, Makroprosopos; cả thế giới nối tiếp từ chòm râu bạc của gương mặt này.

Chòm râu đó, sự thật của mọi sự thật, đi từ nơi tai, xuống quanh miệng của Đấng Thánh; xuống rồi lên, phủ hai má gọi là nơi hương thơm ngào ngạt; nó điểm trang trắng: nó đi xuống thẳng bằng trong quyền năng cân bằng, che phủ xuống đến giữa ngực. Đó là chòm râu trang hoàng, chân thật hoàn mỹ, từ đó chảy xuống mười ba dòng suối, rảy khắp nơi dầu thơm xán lạn quý giá nhất. Râu ấy được sắp đặt thành mười ba dạng... Một số lối sắp đặt ấy xuất hiện trong vũ trụ tương ứng với mười ba lối sắp đặt chảy từ chòm râu cao quý đó, chúng mở ra mười ba cổng nhân từ.⁽¹⁶⁾



HÌNH 57. Makroprosopos (bản khắc, Đức, 1684)

Chòm râu trắng của Makroprosopos đi xuống một cái đầu khác, “Guong Mặt Nhỏ”, Mikroprosopos, được trình bày chính diện với một chòm râu đen. Và trong khi mắt của Guong Mặt Lớn không có mí và không bao giờ nhắm, mắt của Guong Mặt Nhỏ lại mở ra nhắm lại theo nhịp chậm của định mệnh vũ trụ. Đây là sự mở ra khép lại của chu kỳ khởi nguyên vũ trụ. Guong Mặt Nhỏ gọi là “CHÚA TRỜI”, Guong Mặt Lớn là “ĐẰNG HẰNG HỮU”.

Bản văn nhờ đó ta được biết về Makroprosopos và Mikroprosopos, kinh Zohar (zōhar, “sáng, rực rỡ”), là tuyển tập các ghi chép bí truyền Hebrew được Moses de Leon, một học giả Do Thái ở Tây Ban Nha, trao cho thế giới khoảng năm 1305. Người ta khẳng định rằng tài liệu được rút tía từ các nguyên bản bí mật, bắt nguồn từ giáo huấn của Simeon ben Yohai, một rabbi vùng Galilee trong thế kỷ 2. Bị chính quyền La Mã dọa giết, Simeon

đã ẩn náu mười hai năm trong động; mười thế kỷ sau người ta tìm thấy các ghi chép của ông ở đó, và đây là nguồn của các sách Zohar.

Giáo lý của Simeon được cho là rút tĩa từ *hokmah nistarah*, “minh triết ẩn giấu” của Moses, nghĩa là một bộ phận kiến thức bí truyền ban đầu Moses từng nghiên cứu ở Ai Cập, sinh quán của ông, rồi suy ngẫm suốt bốn mươi năm trong sa mạc (ở đó ông được một thiên thần đặc biệt chỉ dạy), và cuối cùng tích hợp một cách mã hóa vào bốn cuốn đầu của Ngũ Kinh; ta có thể rút trích trong đó ra minh triết này nhờ hiểu biết và vận dụng đúng các trị số thần bí của mỗi chữ cái Hebrew. Kho kiến thức này và các kỹ thuật khám phá lại và sử dụng nó hợp thành truyền thống Kabbalah.

Người ta nói rằng giáo huấn Kabbalah (*qabbālāh*, “tri kiến truyền thống hay được thừa hưởng lại”) ban đầu được chính Chúa Trời giao phó cho một nhóm thiên thần đặc biệt trên thiên đường. Sau khi con người bị đuổi khỏi vườn địa đàng, một số thiên thần trong số này đã truyền đạt các bài học lại cho Adam, mong giúp ông nhờ đó về lại cõi diễm phúc. Từ Adam giáo huấn này truyền lại cho Noah, rồi từ Noah cho Abraham. Abraham có tiết lộ đôi chút khi ở Ai Cập, vì vậy mà giờ có thể bắt gặp minh triết siêu phàm này ở dạng giản lược trong các thần thoại và triết học của dân ngoại [người không theo đạo Do Thái - BT]. Moses nghiên cứu nó lần đầu tiên cùng các tu sĩ Ai Cập, nhưng truyền thống này được làm sống lại trong ông nhờ những chỉ dẫn đặc biệt của các thiên thần.

Makroprosopos là Tự sinh Bất sinh còn Mikroprosopos là Tự sinh Sinh thành: là sự im lặng và âm tiết *aum*, là cái không thị hiện và sự hiện diện có ở khắp cùng chu kỳ khởi nguyên vũ trụ.

3. TỪ HỮU KHÔNG - KHÔNG GIAN

Thánh Thomas Aquinas tuyên bố: “Danh xưng kẻ khôn chỉ dành cho một mình kẻ ngẫm về diệt vong của vũ trụ, cái diệt vong cũng là khởi đầu của vũ trụ.”⁽¹⁷⁾ Nguyên lý cơ bản của mọi thần thoại là nguyên lý khởi đầu vào lúc tận diệt này. Các thần thoại sáng thế bằng bạc một cảm giác về cái định mệnh cuối cùng liên tục triệu hồi mọi hình tượng được tạo ra về lại cái bất hoại mà ban đầu chúng sinh ra từ đó. Các hình tượng mạnh mẽ ra đời, nhưng tất sẽ đạt cực thịnh, gãy đổ, và quay về. Thần thoại, theo nghĩa này, mang một thế giới quan bi kịch. Nhưng theo nghĩa là nó đặt chân hiện hữu của ta không phải ở các hình tượng sớm

muộn đều tan tác mà ở cái bất hoại từ đó các hình tướng ấy lại tức thì nổi lên, thì thần thoại cực kỳ phi bi kịch.⁽¹⁸⁾ Quả thật, nơi đâu tâm trạng thần thoại thăng thế, ở đấy không thể có bi kịch. Mà trái lại một phẩm tính thuộc về giấc mơ chiếm ưu thế. Trong khi đó thì chân hiện hữu không ở trong các hình thể mà trong người nằm mơ.

Cũng như trong mơ, các hình ảnh có đủ từ cao cả đến lối bịch. Tâm trí không được phép dừng lại ở các đánh giá bình thường, mà liên tục bị tấn công và gây sốc cho văng khỏi đỉnh ninh rằng giờ đây, cuối cùng nó cũng đã hiểu. Thần thoại bị đánh bại khi tâm trí nghiêm trang dừng lại ở các hình ảnh ưa thích hay truyền thống của nó, bảo vệ chúng như thể chính chúng là thông điệp mà chúng truyền đạt. Các hình ảnh này phải được xem chẳng qua chỉ là những cái bóng từ khoảng không khôn dò xa hơn nữa, nơi mắt không đến được, lời nói cũng không, tâm trí cũng không, thậm chí lòng sùng đạo cũng không. Như mọi tiểu tiết trong mơ, mỗi tiểu tiết trong thần thoại đều mang đầy ý nghĩa.

Giai đoạn đầu trong chu kỳ khởi nguyên vũ trụ mô tả cái vô hình tướng chia nhỏ ra thành hình tướng, như bài về sáng thế sau đây của người Maori ở New Zealand:

Te Kore (Hư không)

Te Kore-tua-tahi (Hư không đầu tiên)

Te Kore-tua-rua (Hư không thứ hai)

Te Kore-nui (Hư không bao la)

Te Kore-roa (Hư không vươn xa)

Te Kore-para (Hư không khô cháy)

Te Kore-whiwhia (Hư không không chiếm hữu)

Te Kore-rawea (Hư không thú vị)

Te Kore-te-tamaua (Hư không trói chặt)

Te Po (Đêm)

Te Po-teki (Đêm treo)

Te Po-terea (Đêm trôi dạt)

Te Po-whawha (Đêm rên rỉ)

Hine-make-moe (Con gái của giấc ngủ trần trọc)

Te Ata (Bình minh)

Te Au-tu-roa (Ngày dài lâu)

Te Ao-marama (Ngày sáng rõ)

Whai-tua (Không gian)

Trong không gian tiến hóa nên hai tồn tại mà không có hình dạng:

Maku (Hơi ẩm [nam])

Mahora-nui-a-rangi (Vùng trời bao la [nữ])

Từ hai tồn tại này sinh ra:

Rangi-potiki (Trời [nam])

Papa (Đất [nữ])

Rangi-potiki và Papa là cha mẹ của các thần.⁽¹⁹⁾

Từ hư không xa hơn mọi hư không tỏa ra những phát tán kỳ bí, như thực vật, nuôi dưỡng thế giới. Đúng thứ mười trong chuỗi trên là đêm; thứ mười tám, không gian hay ether, là khung của thế giới hữu hình; mười chín là phân cực nam-nữ; hai mươi là vũ trụ chúng ta thấy. Một chuỗi như vậy gọi cho người ta nghĩ đến trùng điệp đáy sâu của bí ẩn tồn tại. Các tầng tương ứng với những đáy sâu mà người hùng tới đo lường trong cuộc phiêu lưu thăm dò thế giới; chúng kể ra những tầng tâm linh mà tâm chứng nghiệm khi thiền định hướng vào trong. Chúng tượng trưng cho sự thăm thăm không đáy của đêm đen linh hồn.^(*)

Truyền thống Kabbalah của người Hebrew trình bày quá trình sáng thế như một loạt phát tán (*emanation*, tiếng Hebrew:

*. Kinh sách Phật giáo Đại Thừa liệt kê và mô tả "thập bát không" hay mười tám mức độ của hư không. Những tầng này được các nhà yogi chứng nghiệm và linh hồn chứng nghiệm khi đi vào cái chết. Xem *Yoga và Mật giáo Tây Tạng* của Evans-Wentz, tr. 206, chú thích tr. 239.

sephiroth) từ ĐĂNG HÀNG HỮU tức Guong Mặt Lớn. Phát tán đầu tiên chính là cái đầu ấy, nhìn nghiêng, và từ đó tỏa ra “chín ánh sáng rực rỡ”. Các phát tán còn được trình bày như các cành của cây vũ trụ, lộn đầu xuống dưới, rễ cắm trong “độ cao khôn dò”. Thế giới mà chúng ta thấy là hình ảnh đảo ngược của cây này.

Theo các triết gia phái Samkhya của Ấn Độ thế kỷ 8 TCN, hư không đông đặc lại thành nguyên tố ether hay không gian. Từ không gian kết tủa nên khí. Từ khí ra lửa, từ lửa ra nước, từ nước ra nguyên tố đất. Với mỗi nguyên tố sẽ tiến hóa một quan năng có khả năng nhận biết được nó: lần lượt là nghe, sờ, thấy, nếm, ngửi.⁽²⁰⁾

Một thần thoại Trung Hoa thú vị đã nhân cách hóa các nguyên tố phát tán này là năm vị hiền nhân khả kính, bước ra từ quả cầu hỗn mang lơ lửng trong hư không:

Trước khi trời và đất tách ra, vạn vật là quả cầu mù lớn, gọi là hỗn mang. Lúc đó, tinh khí của năm nguyên tố thành hình, và dần thành ngũ đế. Vị đầu là Huỳnh Đế, cai quản đất. Vị thứ hai là Xích Đế, cai quản lửa. Vị thứ ba là Hắc Đế, cai quản nước. Vị thứ tư là Mộc Thái Tử, cai quản gỗ. Vị thứ năm là Kim Mẫu, bà cai quản kim loại.^(*)

Thế rồi từng vị đế này bắt đầu vận hành nguyên khí mà từ đó họ sinh ra, nên nước và đất chìm xuống; trời bay cao lên và đất cắm chặt xuống lòng sâu. Rồi nước dồn vào sông hồ, núi và đồng bằng xuất hiện. Trời quang đãng và đất tách ra; rồi có mặt trời, mặt trăng, và bao tinh tú, cát, mây, mưa, và sương. Huỳnh Đế cho sức mạnh thuần khiết nhất của đất vận hành, rồi vận hành lửa và nước. Rồi mọc lên cỏ cây, chim muông, rồi các thể hệ rắn và côn trùng, cá và rùa. Mộc Thái Tử và Kim Mẫu cho ánh sáng và bóng tối nhập lại và tạo ra loài người, là đàn ông và đàn bà. Thế giới dần dà xuất hiện theo cách ấy...⁽²¹⁾

*. Năm nguyên tố theo hệ thống Trung Hoa là đất, lửa, nước, gỗ và vàng.

4. BÊN TRONG KHÔNG GIAN - SỰ SỐNG

Kết quả đầu tiên của các phát tán khởi nguyên vũ trụ là dựng khung không gian làm sân khấu thế giới; kết quả thứ hai là sản sinh ra sự sống bên trong khung này: sự sống phân làm hai cực để tự nhân lên trong dạng nhị nguyên nam và nữ. Có thể trình bày cả quá trình đó dưới dạng tính dục, như một sự mang thai và chào đời. Ý niệm này được trình bày thật xuất sắc trong một phả hệ siêu hình khác của người Maori:

*Từ khái niệm mà có tăng trưởng,
 Từ tăng trưởng có ý nghĩ,
 Từ ý nghĩ có trí nhớ,
 Từ trí nhớ có ý thức,
 Từ ý thức có dục vọng.*

*Lời nói đơm hoa kết trái;
 Nó ở với ánh chớp chờn;
 Nó sinh ra đêm:
 Đêm lớn, đêm dài,
 Đêm thấp nhất, đêm cao nhất,
 Đêm dày, để cảm thấy,
 Đêm để sờ,
 Đêm không để thấy,
 Đêm kết bằng cái chết.*

*Từ không mà có sinh ra,
 Từ không mà có tăng trưởng,
 Từ không mà có trù phú,
 Có sức mạnh tăng trưởng,
 Có hơi thở sống.
 Nó ở với không gian trống, tạo ra
 khí quyển bên trên chúng ta.*



HÌNH 58. *Tangaroa tạo ra các thần và con người*
(tượng gỗ, đảo Rurutu, đầu thế kỷ 18)

*Bầu khí quyển trôi trên mặt đất,
 Vòm trời lớn trên đầu chúng ta,
 ở với bình minh sáng sớm,
 Và mặt trăng sinh ra;
 Bầu khí quyển bên trên chúng ta,
 ở với bầu trời sáng rực,
 Rồi từ đó có mặt trời;
 Mặt trăng mặt trời bị đẩy lên cao,
 làm hai mắt chính trên trời:
 Rồi Trời thành ánh sáng:
 sáng sớm, đầu ngày,
 Ban trưa: ánh ngày chói chang từ bầu trời.
 Bầu trời trên cao ở với Hawaiki,
 và sinh ra đất.⁽²²⁾*

Khoảng giữa thế kỷ 19, Paiore, một đại tù trưởng ở đảo Anaa của Đa Đảo, vẽ tranh về những khởi đầu của sáng thế. Chi tiết đầu tiên trong minh họa này là một vòng tròn nhỏ chứa hai yếu tố, Te Tumu, “Nền móng” (nam), và Te Papa, “Đá nền” (nữ).⁽²³⁾

Vũ trụ [Paiore nói] giống như quả trứng, chứa Te Tumu và Te Papa. Cuối cùng nó vỡ ra thành ba lớp chồng lên nhau - một lớp dưới đỡ hai lớp bên trên. Te Tumu và Te Papa ở lại lớp dưới cùng, họ tạo ra con người, cầm thú và cỏ cây.

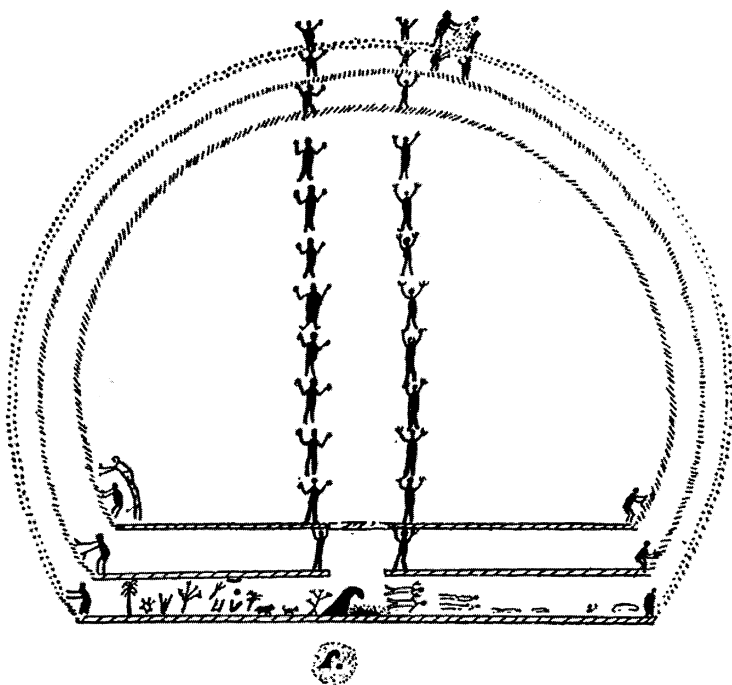
Người đầu tiên là Matata, tạo ra không có tay; ông chết không lâu sau khi chào đời. Người thứ hai là Aitu, ra đời với một cánh tay mà không có chân; ông cũng chết như anh trai. Cuối cùng, người thứ ba là Hoatea (không gian của trời), ông có hình hài hoàn hảo. Sau người này đến một người nữ tên Hoatu (hoa trái của đất). Bà thành vợ Hoatea và họ sinh ra loài người.

Khi lớp đất thấp nhất đã đầy muôn loài, con người bèn khoét một cái lỗ ở giữa lớp bên trên, để họ cũng lên được đó, rồi họ an cư lạc nghiệp ở đó, đem theo cây cỏ và cầm thú từ bên dưới. Rồi họ nâng cao thêm lớp thứ ba (để nó thành trần cho lớp thứ hai)...

rồi cuối cùng cũng an cư lạc nghiệp trên đó, nên con người có ba nơi ở.

Bên trên mặt đất là các tầng trời, cũng xếp chồng lên nhau, chạm xuống tận đất và được đỡ bằng rìa trời của mỗi tầng, một số rìa trời được gắn vào rìa mặt đất; và con người tiếp tục làm, mở rộng thêm tầng trời này đến tầng trời khác cũng cách ấy, cho đến khi cuối cùng mọi thứ đều có lớp lang trật tự.⁽²⁴⁾

Phần chính trong hình vẽ của Paiore cho thấy con người mở rộng thế giới, đứng trên vai nhau để nâng các tầng trời. Trên tầng thấp nhất của thế giới này là hai yếu tố gốc, Te Tumu và Te Papa. Bên trái họ là cây cối và muông thú họ sinh ra. Bên phải ta thấy con người đầu tiên, dị dạng, và những đàn ông đàn bà hoàn hảo đầu tiên. Ở tầng trời trên cùng là đám lửa, xung quanh là bốn hình người, mô tả một sự kiện thời đầu trong lịch sử thế



HÌNH 59. Sơ đồ sáng thế của dân Tuamotua - Bên dưới: Trứng vũ trụ.
Bên trên: Người xuất hiện, và tạo hình cho vũ trụ (Tuamotua, thế kỷ 19)

giới: “Tạo ra vũ trụ vừa xong thì Tangaroaā, kẻ thích làm điều ác, châm lửa tầng trời cao nhất, bằng cách ấy tìm cách tiêu hủy mọi thứ. Nhưng may là Tamatua, Oru và Ruanuku thấy lửa lan ra, họ nhanh chóng từ đất lên dập tắt lửa.”⁽²⁵⁾

Hình ảnh trứng vũ trụ phổ biến trong nhiều hệ thần thoại; nó xuất hiện trong tín ngưỡng thờ Orpheus ở Hy Lạp, thần thoại Ai Cập, Phần Lan, Phật giáo và Nhật. “Thuở ban đầu thế giới này chỉ là hư vô,” chúng ta đọc thấy trong kinh Ấn giáo;

Nó tồn tại. Nó phát triển. Nó biến thành quả trứng. Nó nằm ấp trong một năm. Nó tách làm đôi. Một nửa vỏ trứng thành bạc, một nửa thành vàng. Nửa bằng bạc là đất. Nửa bằng vàng là trời. Màng ngoài là núi. Màng trong là mây và sương mù. Mạch máu là sông. Chất lỏng bên trong là đại dương. Còn cái sinh ra từ đó là mặt trời trên cao kia.⁽²⁶⁾

Vỏ trứng vũ trụ là khung không gian thế giới, trong khi năng lượng hạt mầm phì nhiêu bên trong đại diện cho động năng sự sống không cạn của tự nhiên.

“Không gian vô biên là nhờ hình dạng lõm, không phải bằng bành trướng thêm. *Cái có* là một cái vỏ trôi trong vô tận của *cái không có*.” Công thức súc tích này của một nhà vật lý hiện đại, minh họa bức tranh thế giới như ông thấy vào năm 1928,⁽²⁷⁾ đưa ra chính xác ý nghĩa của hình ảnh trứng vũ trụ trong thần thoại. Hơn nữa, quá trình tiến hóa của sự sống, được ngành sinh học hiện đại mô tả, là chủ đề chính của các giai đoạn đầu chu kỳ khởi nguyên vũ trụ. Cuối cùng, sự hủy diệt thế giới, mà các nhà vật lý cho chúng ta biết ắt phải xảy đến cùng với sự cháy cạn mặt trời và tận diệt của toàn thể vũ trụ,⁽²⁸⁾ đã được tiên đoán trong vết cháy sém do đám lửa của Tangaroaā để lại: các hậu quả hủy diệt thế giới của đấng sáng tạo-hủy diệt sẽ tăng dần cho đến khi, cuối cùng, trong chặng thứ hai của chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, mọi thứ sẽ đổ vào biển cực lạc.

Không phải hiếm thấy sự kiện trứng vũ trụ, căng phồng

lên từ bên trong, vỡ ra để lộ một nhân vật tuyệt vời mang hình tướng người. Đây là quyền năng sinh sản được nhân cách hóa mang hình người, Đấng Quyền Uy Sống, như trong Kabbalah gọi. “Ta’aroa quyền uy chịu lời nguyện là cái chết, ngài là đấng tạo ra thế giới.” Ta nghe như vậy từ Tahiti, một hòn đảo khác ở Nam Thái Bình Dương.^(*) “Ngài có một mình. Ngài không có cha không có mẹ. Ta’aroa chỉ sống trong hư không. Ở đó không có đất, không có trời, không có biển. Đất mịn mù như mây: không có nền móng. Ta’aroa bèn nói:

*Hỡi không gian cho đất, hỡi không gian cho trời,
Thế giới vô dụng bên dưới tồn tại trong trạng thái mây mù,
Cứ tiếp tục từ thuở khai thiên lập địa,
Thế giới vô dụng bên dưới, hãy mở rộng ra!*

“Mặt của Ta’aroa xuất hiện bên ngoài. Vỏ của Ta’aroa rơi ra và thành đất liền. Ta’aroa nhìn: Đất liền đã thành hình, biển đã thành hình, bầu trời đã thành hình. Ta’aroa sống như vị thần mà ngắm nghía công trình của mình.”⁽²⁹⁾

Một thần thoại Ai Cập tiết lộ đấng hóa công tạo ra thế giới bằng hành động thủ dâm.⁽³⁰⁾ Một thần thoại Ấn giáo mô tả ngài đang thiền yoga, các hình tướng từ thị kiến nội giới của ngài tách ra khỏi ngài (chính ngài cũng kinh ngạc khi thấy chúng) rồi đứng quanh ngài thành một hàng các thần rực rỡ.⁽³¹⁾ Còn trong một truyện kể khác của Ấn Độ, người cha vạn vật được mô tả đầu tiên là tách thành nam và nữ, rồi sinh sôi mọi sinh vật tùy theo từng giống loài:

Ban đầu, vũ trụ chỉ là Ngã, trong dạng người. Ông nhìn quanh và không thấy gì ngoài mình. Rồi, ban đầu, ông kêu lên, “Ta là hần.” Từ đó mà có cái tên *Ta*. Vì vậy mà, ngay cả ngày nay, khi một người

*. Ta’aroa là tên gọi Tangaroa trong thổ ngữ Tahiti.

được gọi, đầu tiên hắn nói, “Đó là ta,” rồi mới xưng tên gọi kia của mình.

Ông thấy sợ. Vì vậy con người sợ một mình. Ông nghĩ, “Nhưng mình sợ cái gì vậy? Chẳng có thứ gì khác ngoài mình.” Do vậy nỗi sợ biến mất...

Ông không vui. Vì vậy, con người không vui khi họ một mình. Ông muốn có bạn. Ông bèn to lớn lên bằng cả một người đàn bà và đàn ông ôm nhau. Ông chia thân này, là chính ông, thành hai phần. Từ đó xuất hiện chồng và vợ... Do vậy, thân người (trước khi người ta cưới vợ) thì giống như một nửa của hạt đậu tách ra... Ông kết hợp với bà; và từ đó con người sinh ra.

Bà ngẫm: “Làm sao ông kết hợp với mình sau khi tạo ra mình từ chính ông được? Vậy thì để mình đi trốn.” Bà biến thành con bò cái; nhưng ông thành con bò đực rồi kết hợp với bà; từ đó trâu bò sinh ra. Bà biến thành con ngựa cái, ông thành con ngựa đực; bà thành con lừa cái, ông thành con lừa đực và kết hợp với bà; từ đó sinh ra thú một móng guốc. Bà thành dê cái, ông thành dê đực; bà thành cừu cái, ông thành cừu đực rồi kết hợp với bà; từ đó sinh ra dê và cừu. Cứ như vậy ông phóng chiếu ra mọi thứ tồn tại từng cặp, cho đến tận con kiến.

Rồi ông biết: “Quả thật chính ta là sáng hóa, vì ta đã phóng hóa ra cả thế giới.” Vì vậy mà ông được gọi là Sáng hóa...⁽³²⁾

Lớp nền bền vững của cá thể và của tổ tiên vũ trụ là một và chỉ một, theo các hệ thần thoại này; vì vậy mà hóa công trong thần thoại này được gọi là Ngã. Người tu thần bí Đông phương sẽ phát hiện ra sự hiện diện tịch tịnh, bền vững này trong trạng thái lưỡng tính nguyên nguyên của nó khi nhập định thiền, lặn vào nội giới mình.

*Ngài mà trời, đất và không khí
Được dệt trên ngài, và tâm trí, cùng mọi hơi thở sống,
Chỉ biết mình ngài là Linh hồn duy nhất. Không cần Từ
Nào khác. Ngài là cây cầu đến bất tử.*⁽³³⁾

Do vậy có vẻ như rằng dù các thần thoại sáng thế này kể về quá khứ xa xưa, chúng cũng đồng thời nói về nguồn gốc hiện tại của cá thể. “Mỗi linh hồn và tinh thần,” chúng ta đọc thấy trong kinh Zohar của người Hebrew,

trước khi vào cõi này, gồm một nam một nữ kết hợp thành một hiện hữu. Khi nó xuống đất này hai phần tách ra và ngụ vào điều khiển hai thân khác nhau. Lúc hôn phối, Đấng Thánh, ngợi ca danh Người, đáng biết mọi linh hồn và tinh thần, kết hợp họ lại như trước, và họ lại tạo thành một thân xác và một linh hồn, làm bên phải bên trái của một cá thể... Tuy vậy, kết hợp này chịu ảnh hưởng của những việc người đàn ông làm và cách hắn đi. Nếu người này thanh tịnh và tư cách vừa mắt Chúa Trời, hắn sẽ được cho kết hợp với phần nữ trong linh hồn hắn vốn là một phần của hắn trước khi hắn sinh ra.⁽³⁴⁾

Văn bản Kabbalah này là bình chú cho cảnh trong Sáng Thế Ký khi Eve sinh ra từ Adam. Một khái niệm tương tự xuất hiện trong *Yến hội* của Platon. Theo thuyết thần bí về ái tình sắc dục này, kinh nghiệm tình yêu tối hậu là nhận ra rằng nằm bên dưới ảo ảnh phân đôi là sự đồng nhất: “mỗi một là cả hai”. Giác ngộ này có thể mở rộng thành phát hiện rằng nằm bên dưới vô vàn cá thể trong toàn vũ trụ bao quanh - người, cầm thú, cây cỏ, thậm chí khoáng chất - đều là tính đồng nhất; do vậy chúng nghiệm tình yêu trở thành rộng lớn toàn vũ trụ, và người yêu đầu tiên mở ra thị kiến này sẽ được phóng lớn lên thành tấm gương phản chiếu toàn sáng hóa. Người nam hay nữ chứng nghiệm điều này sẽ sở hữu cái mà Schopenhauer gọi là “khoa học về cái đẹp khắp nơi”. Hắn ta “đi lên đi xuống các cõi này, ăn cái gì hắn thích, khoác lấy hình tướng nào hắn muốn”, và hắn ngồi hát bài về tính hợp nhất toàn vũ trụ, mở đầu: “Ô tuyệt trần! Ôi tuyệt trần! Ôi, tuyệt trần!”⁽³⁵⁾

5. MỘT CHIA THÀNH NHIỀU

Chu kỳ khởi nguyên vũ trụ đi tới, thúc đẩy Một thành nhiều. Tới đó một bước ngoặt lớn, một vết rách, chia thế giới được tạo ra thành hai bình diện tồn tại có vẻ như đối lập. Trong sơ đồ Paiore vẽ, con người từ các vùng tối dưới thấp đi lên rồi tức thì bắt tay vào nâng bầu trời.⁽³⁶⁾ Bức vẽ cho thấy họ dường như hành động độc lập. Họ tổ chức các hội đồng, họ quyết định, họ trù liệu; họ đảm nhận công việc sắp xếp thế giới. Thế nhưng ta cũng biết rằng ở hậu trường Đấng Chuyển Dời Bất Động đang làm việc, như một người điều khiển rối.

Trong thần thoại, ở đâu Đấng Chuyển Dời Bất Động, Đấng Quyền Uy Hằng Sống, là trung tâm chú ý, ở đây việc định hình vũ trụ có một tính tự phát kỳ diệu. Các nguyên tố đông đặc lại và vận hành, hoặc tự mình, hoặc chỉ cần một lời đơn giản của Đấng Sáng Thế; các mảnh trứng vũ trụ tự vỡ cũng đi vào vị trí mà không cần giúp sức. Nhưng khi xê dịch điểm nhìn, để tập trung vào các sinh linh, khi nhìn cảnh quan vũ trụ và tự nhiên từ góc độ của các nhân vật được định đoạt là phải ngụ trong đó, bấy giờ một sự biến hóa bất thần sẽ phủ bóng lên sân khấu vũ trụ. Các hình tượng trong thế giới không còn có vẻ vận động theo mô thức một thứ đang sống, phát triển, hài hòa nữa, mà kháng cự lại, hay khá lắm thì cũng lơ lửng. Các đạo cụ của sân khấu thế giới đòi hỏi người ta phải ra tay điều chỉnh, thậm chí cưỡng ép thành hình thù. Đất sẽ sanh chông gai và cây tật lè; con người phải làm đổ mồ hôi trán mới có ăn.^(*)

Do vậy hai phương thức thần thoại đứng trước chúng ta. Theo phương thức này thì các lực lượng sáng thế tiếp tục tự vận hành; theo phương thức kia, chúng từ bỏ công cuộc ấy và thậm chí còn chống lại bước tiến lên của chu kỳ khởi nguyên vũ trụ. Những khó khăn mô tả trong hình thức thần thoại thứ hai này đã bắt đầu ngay từ thuở đêm trường vòng ôm ban đầu, sản sinh vạn

*. Sáng Thế Ký 3:18-19. (ND)

vật của cha mẹ vũ trụ. Hãy để người Maori giới thiệu cho chúng ta chủ đề kinh khủng này:

Rangi (Trời) nằm áp sát bụng Papa (Mẹ Đất) đến mức con cái trong bụng không chui ra được.

Chúng ở trong một tình trạng không ổn định, lênh bênh trong thế giới bóng tối, và dáng vẻ của chúng thế này: đứa thì bò... đứa đứng thẳng dong hai tay lên... đứa nằm nghiêng... đứa nằm ngửa, đứa lom khom, đứa cúi đầu, đứa co chân... đứa lại quỳ... đứa thì sò soạng trong bóng tối... Chúng đều ở bên trong vòng ôm của Rangi và Papa...

Cuối cùng những sinh linh được Trời và Đất sinh ra, mệt lả vì bóng tối triền miên, bàn với nhau, "Giờ ta hãy quyết xem sẽ làm gì Rangi và Papa đây, nên giết họ hay xé họ ra." Rồi Tu-matauenga, đứa con dữ dội nhất của Trời và Đất nói, "Tốt lắm, ta hãy giết họ đi."

Tane-mahuta, cha của rừng rú và mọi thứ ngụ trong đó, cùng mọi thứ được làm từ cây, bèn nói: "Đừng, đừng làm vậy. Tốt hơn là xé họ ra, rồi để trời đứng cao tít bên trên chúng ta, còn đất nằm dưới chân ta. Để trời trở thành người lạ với chúng ta, còn đất vẫn gần chúng ta làm người mẹ nuôi nấng."

Một số anh em thân cố công vô ích xé rời trời và đất. Cuối cùng chính Tane-mahuta, cha của rừng và mọi thứ ngụ trong đó, cùng mọi thứ được làm từ cây, lại thành công trong kế hoạch của người khổng lồ này.

Đầu ông giờ đứng vững trên mẹ đất, hai chân đưa lên chống vào cha bầu trời, ông gồng lưng và tay chân hết sức bình sinh. Giờ thì Rangi và Papa bị xé rời nhau ra, và họ thét lên những tiếng kêu rên đau đớn.

"Có sao mà bọn bây giết cha mẹ như vậy? Tại sao bọn bây phạm tội khủng khiếp giết chúng ta, xé rời cha mẹ bây ra?" Nhưng Tane-mahuta không dừng, ông không đoái hoài gì đến những

tiếng thét tiếng la của họ; xa, xa tít bên dưới ông ấn đất xuống; cao, cao tít bên trên, ông đẩy bầu trời lên...⁽³⁷⁾



HÌNH 60. Tách trời và đất (Ai Cập, không rõ niên đại)

Như phiên bản người Hy Lạp biết, câu chuyện này được nhà thơ cổ đại Hesiodos kể trong chuyện tách Ouranos (Cha Trời) với Gaia (Mẹ Đất). Theo phiên bản này, thần khổng lồ (*titan*) Kronos dùng cái liềm hoạn cha rồi đẩy ông lên cao cho trống chỗ.⁽³⁸⁾ Trong tranh tượng Ai Cập vị trí của cặp vợ chồng vũ trụ đảo ngược: bầu trời là mẹ, cha là hoạt lực của đất;⁽³⁹⁾ nhưng mô hình thần thoại vẫn còn: hai người bị con họ là thần không khí Shu đẩy tách đôi. Hình ảnh ấy còn truyền lại cho chúng ta cả từ các văn bản chữ hình nêm cổ của người Sumer, có từ thiên niên kỷ ba và bốn TCN. Có đầu tiên là đại dương nguyên sơ; đại dương nguyên sơ sinh ra núi vũ trụ, gồm trời và đất kết hợp; An (Cha Trời) và Ki (Mẹ Đất) tạo ra Enlil (Thần Không Khí), vị này liền tách An khỏi Ki rồi chính ông kết hợp với mẹ để sinh ra loài người.⁽⁴⁰⁾

Nhưng cho dù những việc làm này của bầy con tuyệt vọng có vẻ hung bạo, thì vẫn chẳng là gì khi so sánh với chuyện chặt khúc quyền năng cha mẹ mà ta bắt gặp trong sử thi Edda của Iceland, và trong các *Bảng sáng thế* của Babylon. Đồn xức phạm

chung cuộc ở đây nằm trong cách mô tả sự hiện diện sáng thế của vực thẳm là “ác”, “tối”, “dơ bẩn”. Các con trai chiến binh trẻ trung thông minh, giờ khinh bỉ cái nguồn sinh sản, nhân hình của trạng thái hạt mầm là giấc ngủ sâu, họ giết gọn nó, chặt nó, cắt nó thành từng khúc, đẽo gọt nó thành cấu trúc thế giới. Đây là mô hình chiến thắng cho mọi lần giết rồng về sau của chúng ta, mở đầu lịch sử lâu dài các chiến công của người hùng.

Theo chuyện kể trong Edda, sau khi cái “vực thẳm há hoác”^(*) làm xuất hiện ở phương Bắc một thế giới sương mù lạnh giá và ở phương Nam một vùng lửa, và sau khi sức nóng từ phương Nam phả hừng hực trên sông băng đùn từ phương Bắc xuống, bọt độc ùng ục bắt đầu thoát ra. Từ bọt độc ấy bốc lên một cơn mưa phùn, đến lượt nó tụ lại thành sương muối. Sương muối tan và nhỏ giọt; sự sống thành hình từ những giọt ấy trong dạng một hình người lưỡng tính, khổng lồ, ù lì, nằm ngang tên là Ymir. Người khổng lồ này ngủ, và khi ngủ nó đổ mồ hôi; một bàn chân nó để ra người con trai với bàn chân kia, còn dưới bàn tay trái sinh ra một người nam và vợ.

Sương muối tiếp tục tan và nhỏ giọt, đông lại thành con bò Audumla. Từ vú nó chảy ra bốn dòng sữa, Ymir uống sữa ấy để nuôi mình. Còn con bò, để nuôi chính mình, liếm những khối băng mặn như muối. Buổi tối ngày đầu nó liếm, một cọng tóc đàn ông ló ra khỏi băng; ngày thứ hai thì một cái đầu người; ngày thứ ba, cả người xuất hiện, và tên ông là Buri. Rồi Buri có một đứa con trai (mẹ thì không biết là ai) tên Borr, người này cưới một trong mấy con gái khổng lồ của các sinh vật đã sinh ra từ Ymir. Bà sinh ra ba ngôi Othin, Vili, Ve, rồi bộ ba này bèn giết Ymir đang ngủ và chặt xác thành từng khúc.

*Từ da thịt Ymir đất được nặn thành,
Từ mồ hôi có biển;*

*. *Ginnungagap*, khoảng không, vực thẳm hỗn mang mà mọi thứ đổ vào ở cuối chu kỳ (“Hoàng hôn của các thần”) rồi từ đó tất cả xuất hiện lại sau một kỳ nguyên phi thời gian nằm ấp lại.

*Khe núi từ xương, cây từ tóc,
Từ sợ mà có bầu trời.
Rồi từ xương các thần phôi phôi làm ra
Trung thế giới cho con trai của loài người;
Còn từ não làm ra toàn bộ
Những vầng mây mang tâm trạng đắng cay.⁽⁴¹⁾*



HÌNH 61. Giết Ymir (in thạch bản, Đan Mạch, 1845)

Edda thơ là tuyển tập ba mươi bốn bài thơ tiếng Bắc Âu cổ bản về các thần và anh hùng cổ giáo Giéc manh. Các bài thơ này do một số người hát và nhà thơ (gọi là *skald*) soạn ra ở nhiều vùng khác nhau trong thế giới Viking (ít nhất cũng có một người ở Greenland) trong giai đoạn 900-1050. Tuyển tập xem ra được hoàn thành ở Iceland.

Edda văn xuôi là sách chỉ nam cho các nhà thơ trẻ, được tù trưởng, thi sư theo đạo Cơ Đốc Snorri Sturluson (1178-1241) viết ở Iceland. Cuốn sách tổng kết các thần thoại cổ giáo Giéc manh và điểm lại các nguyên tắc tu từ của các *skald*.

Hệ thần thoại ghi lại trong các văn bản này cho thấy một lớp nền nông dân rất sớm (có liên hệ với thần sấm Thor), một lớp nền quý tộc muộn hơn (với Wotan-Othin), và lớp nền phức hợp thứ ba mang đặc tính trọng dương vật rõ rệt (Nyorth, Freya, và Frey). Các ảnh hưởng thơ ca cung đình từ Ireland trộn lẫn với các chủ đề cổ Hy-La và Đông phương trong thế giới các hình tượng biểu tượng u buồn và uên thâm nhưng vẫn khỏi hài theo kiểu nghịch dị này.

Trong phiên bản Babylon của câu chuyện thì người hùng là Marduk, thần mặt trời; nạn nhân là Tiamat - một thực thể dạng

rồng đáng sợ, có từng đàn quỷ theo hầu - một hiện thân nhân cách hóa giống nữ của chính bản thân vực thẳm khởi nguyên: côi hồn mang từng là mẹ của các thần, nhưng giờ đây là mối đe dọa cho thế giới. Với cung tên và đinh ba, gậy và lưới, cùng đoàn hộ tống là gió trận, thần lên chiến xa. Bốn con ngựa được huấn luyện để giẫm đạp kẻ thù, lăm tấm bọt trên thân.

*... Nhưng Tiamat không quay đầu lại,
Miệng khùng khiếp bà thốt lời phản loạn...
Thần bèn giơ lưới sét, vũ khí oai phong,
Trước Tiamat, đang điên giận, ngài có lời như vậy:
"Người đã hùng mạnh, người tự tôn quá thể,
Tìm người đã thúc người ra trận...
Nghĩ mưu kế ác chống các thần cha ta.
Vậy thì quân người cứ trang bị, khí giới người cứ đeo vào!
Đứng lên! Ta với người, ta hãy cùng giao chiến!"*

*Khi Tiamat nghe những lời này,
Bà như bị quỷ ám, bà không còn lý trí.
Tiamat ré những tiếng dữ dần, đinh óc,
Bà rùng rẩy uốn vặn từ đầu xuống chân.
Bà niệm lâm râm, bà đọc câu thần chú.
Các thần trong chiến trận hét đòi vũ khí.*

*Rồi Tiamat và Marduk, người cố vấn của các thần, tiến tới;
Xông lên giao chiến, xáp vào chiến trận.
Thần giăng lưới bắt bà.
Con gió độc sau lưng ngài tung vào mặt bà.
Gió kinh khủng căng đầy bụng bà,
Bà hồn xiêu phách lạc, miệng bà há to.
Ngài chộp lấy đinh ba đâm nổ bụng bà,
Ngài cắt xẻo ruột gan bà, ngài đâm xuyên tim bà.
Ngài đánh bại được bà và cắt phăng mạng sống;
Ném xác bà xuống đất rồi ngài giẫm lên trên.*

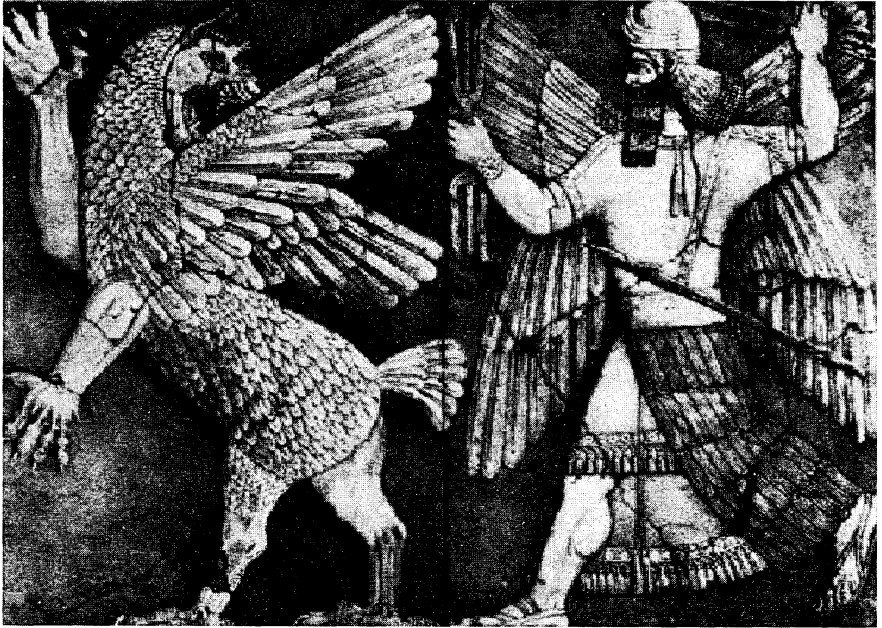
Sau khi hàng phục được bè lũ còn lại của bà, vị thần Babylon quay về với người mẹ thế giới:

*Rồi thần đứng trên mông Tiamat,
Với cây gậy không thương tiếc ngài nện nát sọ bà.
Ngài cắt đứt mạch máu,
Rồi sai gió Bắc mang máu đó tới những nơi bí mật...
Rồi ngài dùng nghỉ, nhìn xác của bà,... và nghĩ ra kế hiểm,
Ngài xẻ đôi bà như con cá đẹt;
Một nửa ngài làm mái che trời.
Ngài lấp cái then, ngài đặt người canh gác,
Cấm họ để nước của bà trào ra.
Ngài đi qua trời, ngài xem xét các vùng trong đó,
Rồi ngang qua Vực sâu ngài dựng nhà cho Nudimmud.
Và ngài đo cấu trúc của Vực sâu...⁽⁴²⁾*

Marduk đúng như một người hùng dùng trần đẩy lui vùng nước bên trên và dùng sàn đẩy lui nước bên dưới. Rồi trong thế giới ở giữa ông tạo ra con người.

Các thần thoại không bao giờ chán tô đậm rằng xung đột trong thế giới được tạo ra này không phải như vẻ bề ngoài. Tiamat, dù bị giết và phanh thây, không vì vậy mà tiêu hủy. Nếu nhìn trận đánh từ một góc độ khác thì đã thấy quái vật hỗn mang tự mình tan vỡ, các mảnh tự đi tới đúng chỗ của mình. Marduk và cả mọi thần thuộc thế hệ ông chỉ là các phân tử làm từ cùng chất của bà. Từ góc nhìn của những hình tượng được tạo ra đó thì dường như mọi sự đều do một cánh tay toàn năng làm ra, giữa hiểm nguy và đau đớn. Nhưng từ trung tâm của sự hiện diện phát tán ấy sẽ thấy da thịt tự nguyện rã tan, và bàn tay cắt xẻo nó rốt cuộc chỉ là một tác nhân phục vụ cho ý chí của chính nạn nhân.

Đây là cái nghịch lý cơ bản của thần thoại: nghịch lý tiêu điểm đôi. Cũng như ở điểm khởi đầu chu kỳ khởi nguyên vũ trụ vừa có thể nói “Chúa Trời không nhúng tay” nhưng đồng thời



HÌNH 62. Quái vật hỗn mang và thần mặt trời
(phù điêu thạch cao tuyết hoa, Assyria, 885-860 TCN)

cũng có thể nói “Chúa Trời là đấng sáng tạo-bảo tồn-hủy diệt”, giờ đây ở ngã rẽ quyết định này, nơi Một chia thành nhiều, định mệnh “xảy ra”, nhưng đồng thời cũng “được gây nên”. Từ điểm nhìn tại nguồn, thế giới là một bản hòa điệu hùng vĩ các hình tượng đổ vào hiện hữu, bùng vỡ, rồi tan rã. Nhưng các sinh vật phù du ở dưới lại kinh qua một cõi nghịch âm khủng khiếp những tiếng hô xông trận và đón đau. Thần thoại không phủ nhận cái thống khổ này (đóng đinh thập giá); chúng tiết lộ cái bình yên về bản chất (hoa hồng cõi trời) bên trong, đằng sau, và quanh nó.⁽⁴³⁾

Việc xê dịch góc nhìn từ sự tịch tịnh của Nguyên nhân trung tâm sang cái náo động của các kết quả ngoại vi được trình bày trong sự sa ngã của Adam và Eve trong Vườn Địa đàng. Họ ném trái cấm, “Đoạn mắt hai người đều mở ra.”⁽⁴⁴⁾ Diễm phúc Địa đàng khép lại trước mắt họ và họ nhìn cánh đồng tạo vật từ phía bên kia tấm mạng biến hóa. Kể từ đây họ sẽ cảm nhận điều bất buộc sẽ xảy tới trở thành điều khó khăn lắm mới đạt được.

6. TRUYỆN DÂN GIAN VỀ SÁNG THỂ

Tính đơn giản trong các truyện về nguồn gốc thế giới trong thần thoại dân gian chưa phát triển có sự tương phản thấy rõ với các thần thoại giàu ẩn ý về chu kỳ khởi nguyên vũ trụ. Những truyện này không cho thấy cố gắng kiên trì nào thăm dò các bí ẩn đằng sau tấm mạng không gian. Xuyên qua bức tường phi thời gian trống trơn, một nhân vật sáng thể mập mờ tới nặn hình thế giới hình tượng. Thớ đất sét ngai dưng, xét về độ bền, tính lỏng và năng lượng cùng khắp, giống như chất liệu của giấc mơ. Mặt đất vẫn chưa rắn lại; còn nhiều việc phải làm để giống dân tương lai ở được.

Có thể tạm phân biệt giữa hai hệ thần thoại: một của các giống dân thực sự nguyên thủy (đánh cá, săn bắn, đào rễ, hái quả dại) và một của những dân tộc thuộc các nền văn minh hình thành sau sự phát triển của các nghề canh nông, lấy sữa, chăn nuôi, khoảng 6000 TCN. Tuy nhiên, hầu hết cái ta gọi là nguyên thủy thực ra là kết quả của sự di chuyển thực dân, nghĩa là phát tán từ một trung tâm văn hóa phát triển cao nào đó rồi được tiếp nhận và biến đổi theo các nhu cầu của một xã hội đơn sơ hơn. Nhằm tránh thuật ngữ “nguyên thủy” vốn dễ gây lầm lẫn, tôi sẽ gọi các truyền thống chưa phát triển hay đã thoái hóa là “thần thoại dân gian”. Thuật ngữ này thỏa đáng cho mục đích nghiên cứu so sánh các hình thức phổ quát ở cấp độ sơ đẳng trong sách này, dù tất nhiên nó không dùng được cho một phân tích mang tính lịch sử chính xác.

Ông Tổ đi đây đi đó, bộ lạc Chân Đen ở Montana tuyên bố; ông tạo ra con người và sắp đặt mọi sự.

Ông từ phương Nam đến, đi về phương Bắc, vừa đi vừa làm ra chim muông. Trước tiên ông tạo ra núi non, đồng cỏ, rừng cây gỗ và cây bụi. Cứ thế ông đi, đi về phương Bắc, vừa đi vừa làm ra các thú, đặt sông chỗ này chỗ kia, đặt thác trên dòng sông, son đỏ chỗ kia chỗ nọ trên đất - sắp đặt thế giới như ta thấy hôm nay. Ông làm ra Sông Sữa (sông Teton) rồi băng qua, và thấm mệt, đi lên một ngọn đồi mà nằm nghỉ. Khi ông nằm ngửa, duỗi dài trên đất, hai tay dang ra, ông dùng đá đánh dấu mình - xếp nên hình thù thân

ông, đầu, chân, tay, mọi thứ. Ngày nay ta còn thấy những tảng đá này ở đó. Nghỉ ngơi rồi, ông đi tiếp về phương Bắc, rồi vấp phải một gò nhỏ và ngã quy gối. Ông bèn nói, “Vấp phải mi thì tệ quá”; thế rồi ông cho mọc lên hai quả đồi đỉnh bằng ở đó, đặt tên chúng là Đầu Gối, và chúng vẫn được gọi như vậy đến ngày nay. Ông đi tiếp về phương Bắc, và bằng vài tảng đá mang theo ông xây dựng đồi Cỏ Ngọt...

Ngày nọ Ông Tổ quyết định là ông sẽ tạo ra một người đàn bà và một đứa trẻ; thế là ông tạo ra cả hai - người đàn bà và đứa trẻ, con trai bà - bằng đất sét. Nặn đất sét thành hình người xong, ông nói với đất sét, “Mi phải là người,” rồi ông đập chúng lại để đấy, đi khỏi. Sáng ra ông tới chỗ đó giờ đồ đập ra thì thấy các hình nhân đất sét đã biến đổi một chút. Sáng thứ hai còn đổi khác hơn, và sáng thứ ba còn thêm nữa. Sáng thứ tư ông đến chỗ đó, giờ đồ đập ra, nhìn mấy hình nhân, bảo họ đứng dậy bước đi; họ làm theo. Họ bước ra sông cùng với Hóa Công đã tạo ra mình, rồi ông bảo họ rằng tên mình là Na’pi, Ông Tổ.

Khi họ đứng bên sông, người đàn bà nói với ông, “Sẽ thế nào đây? Chúng tôi sẽ sống hoài, sẽ không có tận cùng sao?” Ông nói: “Ta chưa nghĩ đến điều đó. Chúng ta sẽ phải quyết định chuyện này. Ta sẽ đem miếng phân trâu này ném xuống sông. Nếu nó nổi lên, khi người ta chết, sau bốn ngày họ sẽ sống lại; họ chỉ chết trong bốn ngày. Nhưng nếu nó chìm, họ sẽ chịu tận số.” Ông ném miếng phân trâu xuống sông thì nó nổi. Người đàn bà quay lại nhặt hòn đá lên, nói: “Không, tôi sẽ ném hòn đá này xuống sông; nếu nó nổi, chúng tôi sẽ sống đời đời, nếu nó chìm thì người ta phải chết, để họ luôn thấy tiếc thương nhau.” Người đàn bà ném hòn đá xuống nước và nó chìm. “Đấy,” Ông Tổ nói, “ngươi đã chọn rồi. Họ sẽ chịu tận số.”⁽⁴⁵⁾

Việc sắp xếp thế giới, tạo ra con người và quyết định cái chết là các chủ đề điển hình từ các truyện kể về đấng sáng tạo nguyên thủy. Khó mà biết người ta tin chừng nào những truyện này hay tin theo nghĩa nào. Phương thức thần thoại là một cách

tham chiếu không thẳng mà đúng hơn là xiên: *duong nhu the* Ông Tổ đã làm chuyện này chuyện kia. Chắc chắn nhiều truyện kể xuất hiện trong các tuyển tập thuộc phạm trù truyện nguồn gốc thế giới đã từng được xem là truyện cổ tích được yêu chuộng hơn là một thứ sáng thế ký. Kiểu thần thoại hóa nghịch ngợm như vậy vẫn thường thấy trong mọi nền văn minh, cao cũng như thấp. Những người chất phác hơn trong mỗi nhóm dân cư có thể tin thái quá các hình ảnh lấy ra từ đó, nhưng nhìn chung thì không thể nói chúng đại diện cho tín điều, hay “thần thoại” địa phương. Chẳng hạn người Maori, còn để lại cho ta nhiều thuyết nguồn gốc vũ trụ thuộc loại hay nhất, có câu chuyện một quả trứng do con chim thả xuống biển nguyên sơ; nó vỡ ra, từ trong chui ra một đàn ông, một đàn bà, một cậu bé, một cô bé, một con lợn, một con chó, và một chiếc xuồng. Tất cả lên xuồng và lênh đênh đến New Zealand.⁽⁴⁶⁾ Đây rõ ràng là một hình thức giễu nhại của trứng vũ trụ. Trái lại, người dân trên bán đảo Kamchatka tuyên bố, xem ra hết sức nghiêm túc, rằng ban đầu Chúa Trời ngụ trên trời, nhưng rồi ngài xuống hạ giới. Khi ngài đi đây đi đó bằng giày đi tuyết, mặt đất mới oằn xuống dưới chân ngài như băng mỏng và mềm dẻo. Từ đó trở đi đất không được bằng phẳng.⁽⁴⁷⁾ Hay còn nữa, theo người Kirghiz ở Trung Á, khi hai người chăn bò thời đầu không có nước uống một thời gian dài và gần chết khát, con bò đực lớn họ chăn kiếm nước cho họ bằng cách dùng cặp sừng lớn xé đất ra. Nhờ vậy mà có các hồ trong xứ Kirghiz.⁽⁴⁸⁾

Một nhân vật hề cứ liên miên làm ngược lại đáng sáng tạo đầy hảo ý cũng thường xuất hiện trong thần thoại và truyện dân gian, để lý giải những bệnh tật và khó khăn trong cuộc tồn tại ở phía bên này tấm mạng. Người Melanesia ở New Britain kể về một thực thể kỳ bí, “kẻ đầu tiên có mặt”, đã vẽ hai hình người nam lên đất, cào rách da mình ra, rảy máu lên hình vẽ. Ông hái hai phiến lá to phủ lên hai hình vẽ, một thời gian sau chúng hóa thành hai người đàn ông. Tên của hai người này là To Kabinana và To Karvuvu.

To Kabinana một mình bỏ đi, trèo lên một cây dừa có trái vàng nhạt, hái hai trái còn non, ném xuống đất; chúng vỡ toác ra thành hai người đàn bà đẹp đẽ. To Karvuvu ngưỡng mộ hai người đàn bà và hỏi làm sao anh trai tìm ra họ được. “Trèo lên cây dừa,” To Kabinana nói, “hái hai trái chưa chín, ném xuống đất.” Nhưng To Karvuvu ném dừa chóc mũi xuống, nên dừa hóa thành đàn bà có cái mũi tẹt xấu xí.⁽⁴⁹⁾

Một hôm To Kabinana đeo con cá Thum bằng gỗ rồi thả cho bơi ra biển, để nó trở thành cá sống muôn đời. Thế rồi cá Thum lừa cá Malivaran vào bờ, To Kabinana chỉ cần lượm cá trên bãi biển. To Karvuvu rất thích cá Thum và muốn làm một con, nhưng khi được chỉ cách rồi, anh ta lại đeo một con cá mập. Cá mập này ăn mất cá Malivaran thay vì lừa chúng vào bờ. To



HÌNH 63. *Khnum nặn hình con trai Pharaoh trên bàn xoay gốm trong khi Thoth đánh dấu tuổi đời (giấy cói, thời Ptolemaois, Ai Cập, khoảng thế kỷ 3-1 TCN)*

Karvuvu khóc lóc đến gặp anh mà nói: “Em ước gì em đã không đẻ ra con cá đó; nó chỉ có ăn hết mấy cá khác thôi.” “Nó là loại cá gì?” người anh hỏi. “À,” người em đáp, “em đẻ ra một con cá mập.” “Mi thật là ngu quá,” anh trai nói. “Mi làm vậy rồi nên con cháu phàm trần của chúng ta sẽ chịu khổ. Con cá của mi sẽ ăn hết mọi cá khác và cả con người nữa.”⁽⁵⁰⁾

Đằng sau hành động ngu ngốc này ta có thể thấy rằng từ cùng một nguyên nhân (thực thể kỳ bí tự rạch mình) đã sinh ra bên trong khung thế giới các kết quả nhị nguyên - thiện và ác. Câu chuyện không ngây ngô như bề ngoài.⁽⁵¹⁾ Hơn nữa, sự tồn tại siêu hình tiền thế giới của cổ mẫu cá mập như một ý niệm Platon đã được hàm ý trong logic kỳ lạ ở đối thoại cuối cùng. Đây là một khái niệm cơ bản trong mọi thần thoại. Việc xếp nhân vật phản diện, người đại diện cho cái ác vào vai tên hề cũng mang tính phổ quát. Quỷ dữ - cả giống ngu si tham lam lẫn giống lọc lừa khôn ngoan, sắc sảo - luôn là những tên hề. Dầu chúng có đắc thắng trong thế giới không-thời gian, cả chúng lẫn thành tựu của chúng cũng đều tan biến đi khi điểm nhìn chuyển sang cõi siêu việt. Chúng là kẻ lấm cái bóng là thực chất: chúng tượng trưng cho những bất toàn không thể tránh khỏi của cõi bóng tối, và chừng nào ta còn ở bên này thì chừng ấy tấm mạng vẫn không thể gạt đi.

Người Tatar Đen ở Siberia nói rằng khi hóa công Pajana tạo ra những con người đầu tiên, ông thấy rằng mình không thể tạo ra linh hồn ban sự sống cho họ. Nên ông phải đi lên trời xin linh hồn nơi Kudai, Ông Trời, để lại một con chó trụ lủi canh giữ mấy hình nhân ông tạo ra. Quỷ Erlik tới khi ông đi khỏi. Erlik nói với con chó: “Mi không có lông. Ta sẽ cho mi bộ lông vàng nếu mi giao cho ta những người không có linh hồn này.” Lời đề nghị làm con chó vừa bụng, nên nó giao những người nó canh giữ cho kẻ dụ dỗ. Erlik nhổ nước bọt làm bẩn họ, nhưng cuốn gói ngay khi thấy Trời tiến lại để cho họ sự sống. Trời chứng kiến chuyện vừa xảy ra, bèn lộn trái thân người từ trong ra ngoài. Vì vậy mà ta có nước bọt và những thứ bất tịnh trong ruột.⁽⁵²⁾

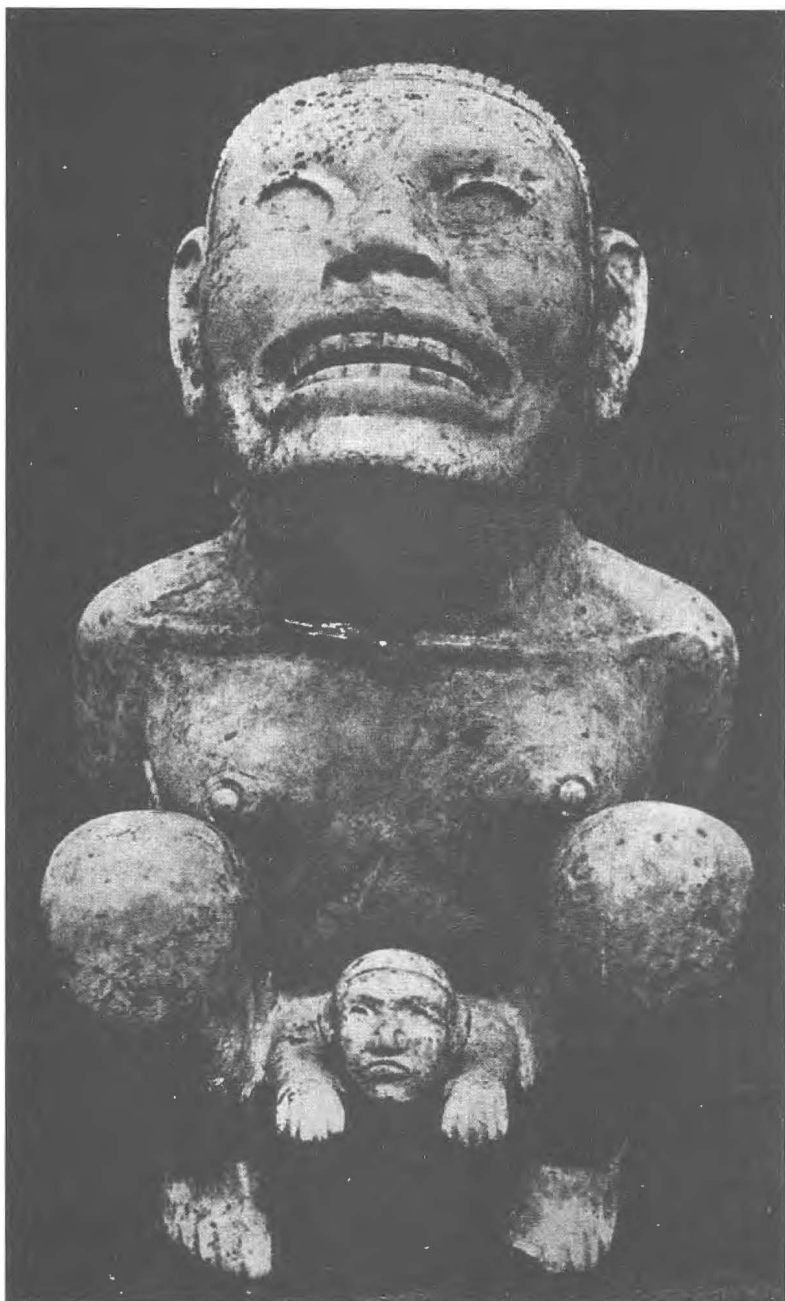


HÌNH 64. *Edshu, thần chơi khăm*

(tượng gỗ, vỏ ốc và da; Yoruba; Nigeria; thế kỷ 19-đầu 20)

Các thần thoại dân gian chỉ mở đầu câu chuyện sáng hóa vào thời điểm các phát tán siêu việt bùng vỡ thành các hình tượng trong không gian. Dầu vậy, chúng không khác với các hệ thần thoại lớn ở điểm chính yếu nào trong đánh giá về hoàn cảnh con người. Các nhân vật biểu tượng của chúng tương đồng trong ý nghĩa - và cũng thường tương đồng trong nét tính cách và việc làm - với những nhân vật trong các hệ biểu tượng cao hơn, và cõi thần kỳ nơi họ sống cũng chính là cõi của những mặc khải lớn lao hơn: thế giới và thời kỳ giữa giấc ngủ sâu và ý thức lúc tỉnh, vùng mà Một vỡ ra thành nhiều và nhiều lại giảng hòa nhau trong Một.

Tách rời khỏi các liên tưởng gắn với nguồn gốc vũ trụ, khía cạnh tiêu cực, hề-quỷ của quyền năng sáng hóa đã thành một đề tài đặc biệt được ưa thích trong các truyện kể để giải trí. Một ví dụ sống động là Sói Đồng Cỏ ở thảo nguyên châu Mỹ. Cáo Reynard là hóa thân châu Âu của hình ảnh này.



HÌNH 65. *Tlazolteotl sinh con*
(tượng aplitơ cẩm ngọc hồng lựu, Aztec, Mexico, cuối thế kỷ 15-đầu 16)

CHƯƠNG II

Sinh đồng trinh

1. MẸ VŨ TRỤ

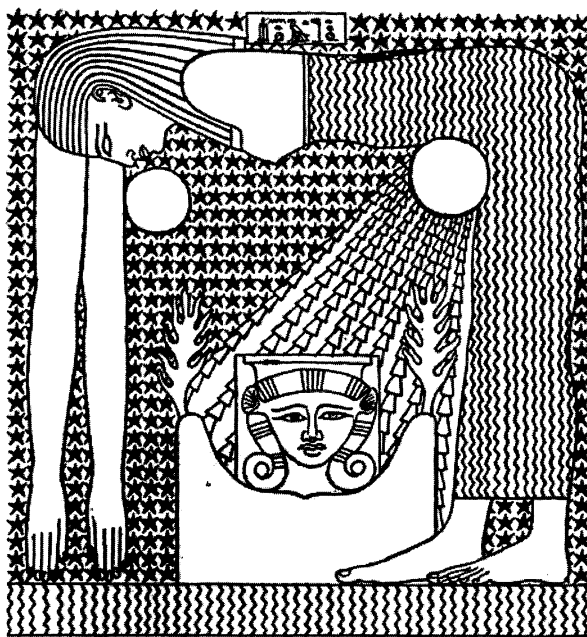
Linh khí tạo ra thế giới của cha nhập vào cõi nhiều của kinh nghiệm trần tục qua một phương tiện trung gian biến hóa - mẹ thế giới. Bà là hiện thân nhân cách hóa của nguyên tố đầu tiên được nhắc đến trong câu hai Sáng Thế Ký, ở đó chúng ta đọc thấy rằng “Thần khí Thiên Chúa vận hành trên *mặt nước*.” Trong thần thoại Ấn giáo, bà là nhân vật nữ qua đó Ngã sinh ra mọi loài. Hiểu một cách trừu tượng hơn thì bà là cái khung bao bọc thế giới: “không gian, thời gian, nhân quả” - cái vỏ của trứng vũ trụ. Trừu tượng hơn nữa, bà là cái dẫn dụ xui Tuyệt đối Tự ấp có hành động sáng hóa.

Trong các hệ thần thoại nhấn mạnh khía cạnh mẹ hơn là cha của đáng sáng tạo, ban đầu người nữ nguyên thủy này chiếm trọn sân khấu thế gian, đóng các vai mà ở chỗ khác được giao cho nam. Và bà là trinh nữ, vì chồng bà là Đấng Vô Hình Không Được Biết.

Ta sẽ bắt gặp một miêu tả kỳ lạ về nhân vật này trong thần thoại của người Phần Lan. Trong khúc I sử thi *Kalevala*⁽¹⁾ có kể người con gái trinh trắng của không trung từ thiên cung xuống biển nguyên sơ, hàng thế kỷ bồng bềnh trên nước trường tồn.

*Rồi cơn bão nổi lên cuồng nộ,
Từ phía Đông một cơn bão lớn,
Biển sủi bọt đục ngầu,
Sóng đánh càng lúc càng cao.*

Cứ thế bão đư đưa người trinh nữ,
 Sóng cồn xô dạt nàng thiếu nữ,
 Trên mặt biển xanh lơ,
 Trên ngọn sóng cồn sủi bọt,
 Đến khi gió thổi quanh nàng,
 Cùng biển đánh thức sự sống trong nàng.⁽²⁾



HÌNH 66. Nut (bầu trời) sinh ra mặt trời; các tia rọi lên Hathor ở chân trời
 (tình yêu và sự sống) (tranh khắc đá, thời Ptolemaois, Ai Cập,
 khoảng thế kỷ 1 TCN)

Kalevala ("Xứ anh hùng") trong dạng hiện tại là công trình của Elias Lönnrot (1802-1884), một thầy thuốc thôn quê và nhà nghiên cứu ngữ văn Phần Lan. Sau khi sưu tầm một khối lượng đáng kể thơ ca dân gian về các anh hùng huyền thoại Väinämöinen, Ilmarinen, Lemminkäinen và Kullervo, ông biên soạn lại theo trình tự liên kết với nhau và viết thành thể văn vần thống nhất (1835, 1849). Công trình lên đến khoảng 23.000 câu.

Một bản dịch tiếng Đức cuốn *Kalevala* của Lönnrot đã lọt vào mắt Henry Wadsworth Longfellow, dựa vào đó ông vừa nghĩ ra dân ý vừa chọn thể thơ cho *Bài ca Hiawatha*.

Suốt bảy thế kỷ Mẹ Nước bênh bồng trôi với đứa con trong bụng, không sinh nó ra được. Bà cầu xin Ukko, thần tối cao, và ngài phái một con mòng kết xuống xây tổ trên đầu gối bà. Trứng của mòng kết rơi từ đầu gối bà xuống vỡ ra; các mảnh tạo thành đất, bầu trời, mặt trời, mặt trăng và mây. Rồi Mẹ Nước, vẫn trôi, tự mình bắt đầu công việc của người nặn hình thế giới.

*Khi đã hết chín năm,
Còn mùa hè thứ mười đang qua,^(*)
Từ biển bà ngóc đầu lên,
Bà nhô trán lên,
Bà bắt đầu tạo ra thế giới,
Sắp xếp trật tự cho thế giới,
Trên bề mặt đại dương,
Trên vùng nước bao la.
Ở đâu bàn tay bà chỉ,
Ở đó bà tạo doi đất đâm ra;
Ở đâu bà đặt bàn chân,
Ở đó bà tạo hố sâu cho cá;
Khi bà lặn xuống nước,
Bà tạo đáy đại dương;
Khi bà quay qua đất liền,
Bờ bằng phẳng trải dài mãi miết;
Nơi chân bà duỗi chạm đất,
Chỗ đó thành nơi lưới bắt cá hồi;
Nơi đầu bà chạm nhẹ đất,
Ở đó những vịnh cong trải dài.
Bà trôi xa bờ hơn,
Rồi ngủ giữa biển khơi,
Tạo ra đá dưới đại dương,
Những dải đá ngầm mắt nhìn không thấy,*

*. Tức là mùa hè thứ mười sau khi trứng mòng kết vỡ ra.

Nơi tàu bè thường bị tan tác,
Và người đi biển mạng vong.⁽³⁾

Nhưng đứa bé vẫn trong người bà, lớn dần đến độ trung niên lắm nỗi niềm:

Väinämöinen vẫn chưa ra đời:
Đáng bất tử cứng đầu vẫn chưa ra đời.

Väinämöinen, già và kiên định,
Nghỉ trong thân mẹ
Suốt ba mươi mùa hè,
Và ba chục mùa đông,
Vẫn trên vùng nước bình yên,
Trên sóng cồn sỏi bọt.

Nên ông trầm ngâm ngẫm nghĩ
Làm sao mình sống tiếp
Trong nơi nghỉ sao mà tối tăm,
Trong nơi ở quá ư chật hẹp,
Nơi ông không thấy được ánh trăng,
Cũng không ngắm được ánh nắng.

Ông bèn nói lời sau,
Nói ra suy nghĩ thế này:

“Mặt Trăng hãy giúp ta, Mặt Trời hãy giải thoát cho ta,
Và Đại Hùng Tinh cho lời khuyên bảo,
Qua cổng mà ta không biết,
Qua lối đi không quen.
Từ tổ nhỏ bé giữ rịt ta,
Từ nơi ở quá ư chật hẹp,
Hãy dẫn dắt kẻ lang thang lên đất liền,
Hãy dẫn dắt ta ra trời rộng,
Để ngắm mặt trăng trên trời,
Và ánh dương rực rỡ;
Thấy chòm Đại Hùng Tinh trên đầu,
Và muôn sao sáng trên trời.”

Khi mặt trăng không cho ông tự do,
 Mặt trời cũng không giải cứu ông,
 Ông bèn chán sống,
 Đòi ông thành gánh nặng.
 Do vậy ông đẩy cổng,
 Bằng ngón tay, bốn ngón cả thấy,
 Mở nhanh cánh cổng xương,
 Bằng ngón trên bàn chân trái,
 Bằng đầu gối vượt qua cánh cổng.
 Roi cắm đầu xuống nước,
 Hai tay ông chống chèo khoát nước,
 Cứ thế ông ở mãi trên biển,
 Người hùng ở trên sóng cồn.⁽⁴⁾

Trước khi Väinämöinen - người hùng từ lúc chào đời - vào được tới bờ, ông vẫn còn phải vượt qua thử thách bụng mẹ lần thứ hai, là bụng mẹ đại dương vũ trụ nguyên tố. Giờ không được chở che, ông phải trải qua thụ giáo nhờ các lực lượng về cơ bản là phi nhân của tự nhiên. Ông phải ném trái lần nữa điều ông đã biết quá rõ, lần này ở bình diện nước và gió.

Giữa biển ông lưu lại năm năm,
 Chờ năm năm, chờ sáu năm,
 Rồi bảy năm, thậm chí tám năm,
 Trên mặt đại dương,
 Bên mũi đất vô danh,
 Gần xứ sở khô cằn, không cây cối.
 Trên mặt đất này ông quỳ gối xuống,
 Và tì trên hai cánh tay,
 Đứng lên để thấy ánh sáng trắng,
 Và tận hưởng ánh mặt trời dễ chịu,
 Thấy chòm Đại Hùng Tinh trên đầu,
 Và muôn sao sáng trên trời.
 Đó là Väinämöinen cổ xưa,

Ông, nhà thơ muôn đời lòng lấy,
 Sinh từ Bà Tạo siêu phàm,
 Sinh từ Ilmatar, mẹ ông.⁽⁵⁾

2. TỬ CUNG ĐỊNH MỆNH

Nữ thần vũ trụ hiện ra trước con người trong vô vàn giả dạng; vì kết quả của sáng tạo thì muôn vàn, phức tạp, và mang bản chất mâu thuẫn lẫn nhau khi chứng nghiệm từ góc nhìn của thế giới được tạo ra. Mẹ sự sống cũng đồng thời là mẹ cái chết; bà mang mặt nạ nữ quỷ xấu xí gieo rắc đói kém và bệnh tật.

Thần thoại thiên văn Sumer-Babylon gắn các khía cạnh của người nữ vũ trụ với các pha của Kim Tinh. Khi là sao Mai thì bà là trinh nữ, khi là sao Hôm bà là con điếm, khi là nữ chủ bầu trời đêm thì bà là vợ của mặt trăng; và khi tắt dưới ánh mặt trời rực rỡ thì bà là mụ phù thủy dưới địa ngục. Ảnh hưởng của Lương Hà kéo tới đâu thì ở đấy các đặc điểm của nữ thần sẽ chịu ảnh hưởng của ánh sáng vì sao hay thay đổi này.

Một thần thoại vùng Đông Nam châu Phi, ghi lại từ bộ tộc Wahungwe Makoni ở Nam Rhodesia, trình bày các khía cạnh của Mẹ Kim Tinh tương ứng với các giai đoạn đầu chu kỳ khởi nguyên vũ trụ. Ở đây người đàn ông đầu tiên là mặt trăng; sao Mai là vợ cả, sao Hôm là vợ thứ. Giống như Väinämöinen tự chui ra khỏi bụng mẹ, người trăng này cũng từ vùng nước thẳm sâu đi lên. Ông và hai bà vợ sẽ là cha mẹ của các loài trên mặt đất. Câu chuyện còn lại cho chúng ta như sau:

Maori (Ông Trời) tạo ra người đàn ông đầu tiên và gọi ông là Mwuetsi (mặt trăng). Ngài bỏ ông dưới đáy một cái Dsivoa (hồ) và cho ông một cái tù và *ngona* đổ đầy dầu *ngona*.^(*) Mwuetsi sống dưới Dsivoa.

*. Tù và và dầu này đóng vai trò nổi bật trong truyện dân gian ở Nam Rhodesia [Zimbabwe ngày nay - JCF]. Tù và *ngona* là công cụ làm phép, với quyền năng tạo ra lửa và chớp, làm người sống thụ thai, làm người chết sống lại.

Mwuetsi thưa với Maori: “Tôi muốn đi lên đất liền.” Maori nói: “Mi sẽ hối hận.” Mwueti nói: “Dẫu vậy thì tôi cũng muốn đi lên đất liền.” Maori nói: “Vậy thì lên đất liền đi.” Mwueti ra khỏi Dsivoa và lên đất liền.

Đất liền lạnh lẽo hoang vắng. Không có cỏ, không có bụi rậm, không có cây cối. Không có thú vật. Mwueti khóc và nói với Maori: “Làm sao tôi sống ở đây được?” Maori nói: “Ta đã nói trước với mi rồi. Mi đã cất bước trên lối đi mà tận cùng mi sẽ chết. Tuy vậy, ta sẽ cho mi một người thuộc loài mi.” Maori cho Mwueti một thiếu nữ tên là Massassi, sao Mai. Maori nói: “Massassi sẽ làm vợ mi trong hai năm.” Maori cho Massassi một thứ đồ làm lửa.

Tối đến Mwueti đi vào hang với Massassi. Massassi nói: “Giúp tôi với. Chúng ta sẽ nhóm lửa. Tôi sẽ gom *chimandra* (củ nhóm) còn ông quay *rusika* (bộ phận quay nơi đồ làm lửa).” Massassi gom củ vụn. Mwueti quay *rusika*. Khi lửa bùng lên Mwueti nằm xuống một bên đồng lửa, Massassi nằm bên kia. Lửa cháy giữa họ.

Mwueti nghĩ bụng, “Sao Maori lại cho mình thiếu nữ này? Mình sẽ làm gì với thiếu nữ Massassi này đây?” Đêm lại Mwueti lấy cái tù và *ngona* ra. Ông thấm ướt ngón trỏ bằng một giọt dầu *ngona*. Mwueti nói, “*Ndini chaambuka mhiri ne mhirir* (Ta sẽ nhảy qua đồng lửa).” [Câu này được lặp lại nhiều lần bằng giọng cường điệu ngân nga, như làm lễ - các người dịch chú.] Mwueti nhảy qua đồng lửa. Mwueti tiến lại cô thiếu nữ Massassi. Mwueti chạm vào người Massassi bằng dầu trên ngón tay. Rồi Mwueti quay về giường mà ngủ.

Sáng ra Mwueti thức giấc và nhìn qua Massassi. Mwueti thấy người Massassi căng tròn lên. Khi ngày rạng Massassi bắt đầu sinh. Massassi sinh ra cỏ. Massassi sinh ra bụi rậm. Massassi sinh ra cây cối. Massassi không ngừng sinh để cho đến khi mặt đất phủ kín cỏ, cây bụi, cây gỗ.

Cây mọc lên. Cây cứ cao lớn thêm cho đến khi ngọn chạm trời. Khi ngọn cây chạm tới bầu trời thì trời đổ mưa.

Mwueti và Massassi sống dư dật. Họ có trái và hạt. Mwueti dựng nhà. Mwueti làm xuống sắt. Mwueti làm cái cuốc rồi trồng

ngũ cốc. Massassi đom nom và bắt cá. Massassi nhặt củ lấy nước. Massassi nấu nướng. Mwuetsi và Massassi sống như vậy được hai năm.

Hết hai năm Maori nói với Massassi, “Hết hạn rồi.” Maori lấy Massassi khỏi đất và bỏ bà dưới Dsivoa như cũ. Mwuetsi khóc than. Ông cứ khóc lóc nỉ non và nói với Maori: “Tôi sẽ làm gì đây khi không có Massassi? Ai sẽ lấy củ lấy nước cho tôi? Ai sẽ nấu cho tôi?” Mwuetsi khóc ròng rã tám ngày.

Mwuetsi khóc ròng rã tám ngày. Maori mới phán: “Ta đã báo trước với mi rằng mi đang đi tới cái chết. Nhưng ta sẽ cho mi một đàn bà nữa. Ta sẽ cho mi Morongo, sao Hôm. Morongo sẽ ở với mi hai năm. Rồi ta sẽ lấy nó về lại.” Maori trao Morongo cho Mwuetsi.

Morongo đến gặp Mwuetsi trong chòi. Tối đến Mwuetsi muốn nằm xuống phía mình bên đống lửa. Morongo nói: “Đừng nằm xuống đó. Nằm với tôi đây.” Mwuetsi nằm xuống cạnh Morongo. Mwuetsi lấy cái tù và *ngona*, chấm chút dầu vào ngón trỏ. Nhưng Morongo nói: “Đừng làm vậy. Tôi không giống Massassi. Giờ bôi dầu *ngona* vào chỗ của ông đi. Bôi dầu *ngona* vào chỗ của tôi đi.” Mwuetsi làm theo lời. Morongo nói: “Giờ ăn nằm với tôi đi.” Mwuetsi ăn nằm với Morongo. Mwuetsi đi ngủ.

Gần sáng Mwuetsi thức dậy. Khi nhìn qua Morongo ông thấy người bà căng phồng lên. Khi ngày hừng Morongo bắt đầu sinh. Ngày đầu Morongo sinh ra gà, cừu, dê.

Đêm thứ hai Mwuetsi lại ngủ với Morongo. Sáng ra bà sinh linh dương và gia súc.

Đêm thứ ba Mwuetsi lại ngủ với Morongo. Sáng ra Morongo sinh con trai trước rồi đến con gái. Mấy đứa con trai ra đời buổi sáng, đến khi màn đêm buông xuống thì đã lớn.

Đêm thứ tư Mwuetsi lại muốn ngủ với Morongo. Nhưng có con đông kéo đến và Maori phán: “Đừng. Mi đang đi nhanh đến cái chết.” Mwuetsi sợ hãi. Con đông đi qua. Khi đông đi rồi Morongo nói với Mwuetsi: “Làm cánh cửa rồi lấy đóng lổ vào chòi. Rồi Maori sẽ không thấy ta đang làm gì. Rồi ông có thể ngủ với tôi.” Mwuetsi làm cánh cửa. Ông dùng cửa đóng lổ vào chòi.

Rồi ông ngủ với Morongo. Mwuetsi ngủ.

Gần sáng Mwuetsi thức dậy. Mwuetsi thấy người Morongo đã căng tròn. Khi ngày hừng Morongo bắt đầu sinh. Morongo sinh ra sư tử, báo, rắn, bọ cạp. Maori nhìn thấy. Maori nói với Mwuetsi: “Ta đã nói trước mi rồi.”

Đêm thứ năm Mwuetsi muốn ngủ với Morongo tiếp. Nhưng Morongo nói: “Nghe này, các con gái của ông đã lớn. Ăn nằm với con gái của ông đi.” Mwuetsi nhìn đám con gái. Ông thấy họ xinh đẹp và đều đã lớn. Nên ông ngủ với họ. Họ sinh con. Con chào đời buổi sáng, lúc tối đã lớn hẳn. Và thế là Mwuetsi thành Mambo (vua) của một dân tộc lớn.

Nhưng Morongo ngủ với rắn. Morongo không sinh đẻ nữa. Bà sống với rắn. Một ngày nọ Mwuetsi quay lại với Morongo và muốn ngủ với bà. Morongo nói: “Đừng.” Mwuetsi nói: “Nhưng ta muốn.” Ông nằm với Morongo. Dưới giường của Morongo con rắn nằm sẵn. Con rắn cắn Mwuetsi. Mwuetsi đổ bệnh.

Sau khi rắn cắn Mwuetsi, Mwuetsi đổ bệnh. Hôm sau trời không mưa. Cây cỏ héo khô. Sông hồ khô cạn. Cầm thú chết. Người bắt đầu chết. Nhiều người chết. Đám con của Mwuetsi hỏi: “Ta làm gì bây giờ?” Đám con của Mwuetsi nói: “Ta sẽ hỏi ý *hakata* (xúc xắc thiêng).” Bầy con hỏi ý *hakata*. *Hakata* phán: “Vua Mwuetsi bệnh và tàn tạ rồi. Trả Mwuetsi về Dsivoa đi.”

Nghe vậy bầy con của Mwuetsi siết cổ Mwuetsi và chôn ông. Họ chôn Morongo cùng với Mwuetsi. Rồi họ chọn một người khác lên làm Mambo. Morongo cũng đã sống hai năm ở Zimbabwe của Mwuetsi.^{(6)(*)}

Rõ ràng là mỗi một giai đoạn trong ba giai đoạn sinh sản này đại diện cho một thời kỳ trong sự phát triển thế giới. Mô hình cho quá trình này đã được biết trước, gần như một điều đã từng

*. Zimbabwe đại khái nghĩa là “triều đình”. Những phế tích tiền sử đồ sộ gần pháo đài Victoria gọi là “Zimbabwe Lớn”; các phế tích đá khác nằm khắp Nam Rhodesia gọi là “Zimbabwe Nhỏ”. [Chú thích của Frobenius và Fox trong *Sáng Thế Kỳ châu Phi*.]



HÌNH 67. Vua Mặt Trăng và dân (tranh trên vách đá, tiền sử, Zimbabwe, khoảng 1500 TCN)

được quan sát; ta nhận thấy điều này qua cảnh báo của Đấng Tối Cao. Nhưng Người Trắng, Đấng Quyền Uy Đang Sống, không chịu bị tước đi quyền thực hiện định mệnh mình. Cuộc chuyện trò ở đây hồ là đối thoại giữa vĩnh cửu và thời gian, “Cuộc đàm luận giữa những kẻ sống”: “Tồn tại hay không tồn tại.” Cái mong muốn không sao dập tắt cuối cùng cũng được mặc cho thực hiện: vận động bất đầu.

Vợ và con gái của Người Trắng là nhân cách hóa của định mệnh ông và là yếu tố thúc đẩy nó. Ý muốn sáng thế của ông tiến triển đến đâu thì các đức tính và đặc điểm của nữ thần mẹ biến đổi đến đấy. Sau khi sinh ra từ dạ con nguyên thủy thì hai người vợ đầu còn mang tính trước người, siêu người. Nhưng khi chu kỳ khởi nguyên vũ trụ đi tiếp, và khoảnh khắc lớn dần từ các hình tượng sơ khai biến thành các hình tượng con người- lịch sử của nó, thì các bà chủ của cuộc sinh nở vũ trụ rút lui, để lại sân khấu cho đàn bà của loài người. Khi đó cha già hóa công giữa cộng đồng của mình trở thành một tồn tại lỗi thời xét trên bình diện siêu hình. Khi cuối cùng ông cũng đâm chán cỗi người thấp kém và khát khao quay lại với người vợ của thời kỳ sung mãn, thế giới đổ bệnh trong một lúc do ảnh hưởng từ phản ứng của ông, nhưng rồi vùng thoát ra và được tự do. Thế chủ động đã chuyển sang cộng đồng đàn con. Những nhân vật cha mẹ biểu tượng, chứa nặng giấc mơ giờ lui xuống vực thẳm ban đầu. Chỉ còn lại con người trên mặt đất đã đầy đủ mọi thứ. Chu kỳ đã đi tiếp.

3. DẠ CON CỨU CHUỘC

Giờ thì vấn đề chuyển sang thế giới đời người. Được dẫn dắt bằng phán quyết thực tiễn của các vua và chỉ dạy của các tu sĩ có xúc xắc thần khải (xem *hakata* của con cái Mwuetsi, tr. 329), lãnh địa của ý thức thu nhỏ lại đến mức các nét đại cương của hài kịch con người mất dạng trong mớ mục đích trái ngược nhau. Cái nhìn của con người trở thành hai chiều, chỉ linh hội được những

bề mặt của tồn tại, hữu hình và phản chiếu ánh sáng. Tầm nhìn vào chiều sâu khép lại. Hình thức có ý nghĩa của nỗi thống khổ con người nay không còn nhìn thấy. Xã hội sa vào lỗi lầm và tai họa. Tiểu Ngã đã tiếm ngai phán quyết của Đại Ngã.

Trong thần thoại đây là chủ đề muôn thuở, trong lời các nhà tiên tri là một tiếng kêu quen thuộc. Người dân mong ngóng một nhân vật nào đó mà, trong thế giới các xác thân và linh hồn méo mó, sẽ trình hiện lại các đường nét của hình ảnh hóa thân thành người. Mỗi chúng ta đều biết đến thần thoại này trong truyền thống của riêng mình. Nó xuất hiện khắp nơi, dưới đủ kiểu giả dạng. Khi nhân vật kiểu Herodes^(*) (biểu tượng cực đoan cho bản ngã thâm căn cố đế, cai trị lầm lạc) đã đưa nhân loại xuống tận đáy suy đồi tinh thần, các lực lượng huyền bí của chu kỳ sẽ tự bắt đầu vận hành. Một thiếu nữ sẽ sinh ra trong một ngôi làng bình thường, giữ mình trong sạch không nhiễm phải những sai lầm thời thượng của thế hệ mình: một hình ảnh thu nhỏ giữa loài người của người đàn bà vũ trụ từng là cô dâu của gió. Bụng cô, vẫn là miếng đất hoang đón đợi như vực thẳm ban sơ, bằng chính sự sẵn sàng của nó gọi về với mình quyền năng khởi thủy xưa đã gieo mầm vào hư không.

“Thế rồi một ngày nọ, khi Mary đứng gần suối nước lấy đầy bình, thiên sứ của Chúa Trời hiện ra với cô, nói rằng, ‘Mary, người may mắn, vì trong bụng người đã dọn chỗ cư ngụ cho Chúa. Hãy nhìn xem, ánh sáng từ trời sẽ xuống ngụ trong người, và qua người sẽ soi sáng cả trần gian.’ ”⁽⁷⁾

Câu chuyện này được thuật lại khắp nơi; và các nét chính đồng nhất lạ lùng đến nỗi các nhà truyền giáo Cơ Đốc thời đầu buộc phải nghĩ rằng chắc hẳn chính Satan đã liên tiếp dựng nên những bản sao nhại giáo huấn của họ bất cứ đâu họ sờ tay đến. Đan sĩ Pedro Simón thuật lại, trong cuốn *Noticias historiales de las conquistas de Tierra Firme en las Indias Occidentales* [Tin tức lịch sử về những cuộc chinh

*. Bạo chúa trong Kinh Thánh, khi nghe tin có vị vua mới của dân Do Thái (Jesus) hạ sinh đã ra lệnh tàn sát trẻ sơ sinh trong vùng.

phục Tierra Firme ở Tây Ấn] (Cuenca, 1627), rằng sau khi công việc truyền giáo đã khởi sự giữa người dân ở Tunja và Sogamozzo [nay là Sogamoso - BT] thuộc Colombia, Nam Mỹ,

con quỷ ở nơi đó bèn rêu rao những thuyết trái ngược. Và ngoài những thứ khác ra, hắn còn tìm cách gieo nghi ngờ những gì nhà truyền giáo giảng về Nhập thể, tuyên bố rằng chuyện đó vẫn chưa xảy ra; nhưng sớm thôi Mặt Trời sẽ làm nó xảy ra bằng cách hóa thành xác thịt trong dạ con một trinh nữ trong làng Guacheta, khiến ả thụ thai bằng tia mặt trời trong khi ả vẫn còn trinh trắng. Những tin này được rêu rao khắp vùng. Và tình cờ đâu là trưởng thôn có hai cô con gái còn trinh, ả nào cũng muốn phép lạ xảy ra trong mình. Hai ả bắt đầu sáng sáng ra khỏi nhà và khuôn viên vườn của cha khi mặt trời vừa hừng; đi lên một trong rất nhiều ngọn đồi quanh làng, về hướng mặt trời mọc, họ phơi mình để những tia nắng đầu tiên sẽ tha hồ chiếu lên họ. Chuyện này diễn ra được vài hôm thì con quỷ được trời cho phép (phán quyết của trời thì không thể hiểu được) là mọi chuyện sẽ diễn ra như hắn tính toán, cụ thể là một trong hai cô con gái có mang, như ả nói, với Mặt Trời. Hết chín tháng thì ả sinh hạ một *hacuata*, mà trong ngôn ngữ của họ nghĩa là viên ngọc lục bảo, lớn và quý giá. Người đàn bà cầm lấy nó, và quấn nó trong vải, ôm vào giữa hai bầu ngực, ấp ở đó vài ngày, sau đó nó biến thành một sinh vật: thấy đều theo lệnh của con quỷ. Đứa bé được đặt tên Goranchacho, và nó được nuôi lớn trong nhà trưởng thôn, ông ngoại nó, cho đến khi nó được hai mươi tư tuổi.

Rồi chàng trai được đưa đi trong đám rước đặc thăng lên kinh đô, và được tôn vinh khắp các miền là “Con của Mặt Trời”.⁽⁸⁾

Thần thoại Ấn giáo kể về thiếu nữ Pārvatī, con gái của vua núi, Himalaya, đã lui về vùng núi cao để thực hành những phép tu cực kỳ khổ hạnh. Một người khổng lồ bạo chúa tên Taraka đã chiếm quyền bá chủ thế giới, và theo lời tiên tri, chỉ có con trai của thần tối cao Śiva mới lật đổ được hắn. Tuy vậy, Śiva là vị thần yoga điển hình - cách biệt, một mình, chìm đắm trong thiền

định. Không bao giờ có chuyện làm Śiva động lòng mà sinh một đứa con trai.

Pārvatī quyết tâm thay đổi tình trạng thế giới bằng cách đo công phu thiền định với Śiva. Cách biệt, một mình, chìm đắm trong tâm hồn mình, nàng cũng trần truồng nhìn ăn dưới mặt trời đổ lửa, thậm chí còn làm cho nóng hơn bằng cách đốt bốn đấm lửa lớn ở bốn phương. Tắm thân đẹp đẽ quất lại thành một khối xương khô giòn, da dẻ dai nhách cứng đơ. Tóc nàng nhóp nhép bù xù. Đôi mắt dịu dàng ướt át giờ sáng rực.

Ngày nọ một chàng trai Bà La Môn đi tới và hỏi tại sao có ai đẹp đẽ dường ấy mà lại hủy hoại mình bằng cực hình như vậy.

“Cái ta muốn,” nàng đáp, “là Śiva, Đối Tượng Tối Cao. Śiva là một vị thần cô độc và đại định không sao lay chuyển. Do vậy ta tu tập những phép khổ hạnh này để làm ngài động lòng ra khỏi trạng thái cân bằng và đưa ngài đến với ta bằng tình yêu.”

“Śiva,” chàng trai nói, “là thần hủy diệt. Śiva là Đấng Triệt Tiêu Thế Giới. Thú vui của Śiva là thiền định ngoài bãi tha ma giữa mùi hôi thối của xác chết; ở đấy ngài ngắm người chết thối rữa, hợp với trái tim tàn phá của ngài. Tràng hoa Śiva đeo làm bằng rắn sống. Hơn nữa, Śiva là kẻ nghèo rách, và không ai biết ngài ra đời như thế nào.”

Trình nữ nói: “Ngài vượt quá tầm đầu óc của kẻ như ngươi. Kẻ nghèo rách, nhưng là suối nguồn giàu có; đáng sợ nhưng là nguồn ân phúc; tràng hoa rắn hay tràng hoa châu ngọc ngài có thể đeo hay bỏ tùy ý. Làm sao ngài ra đời được, khi mà ngài là đấng sinh thành của đấng tự sinh! Śiva là tình yêu của ta.”

Nghe vậy chàng trai vứt bỏ giả dạng đi - và đấy là Śiva.⁽⁹⁾

4. TRUYỆN DÂN GIAN VỀ LÀM MẸ ĐỒNG TRINH

Đức Phật từ trời giáng hạ vào bụng mẹ trong hình hài một con voi trắng ngần. Coatlicue, “Bà mặc váy dệt bằng rắn” của người Aztec được một thần trong dạng búi lông vũ gạ gẫm. Các chương

trong *Biến thể* của Ovid đầy những tiên nữ bị thần linh chòng ghẹo trong những giả trang khác nhau: Jove là con bò đực, thiên nga, một trận mưa vàng. Lá nào vô tình nuốt phải, hạt nào, hay thậm chí làn gió nào cũng đủ làm thụ tinh dạ con đã sẵn sàng. Quyền năng sinh sản có ở khắp nơi. Và tùy theo ý thích hay số mệnh của thời đại, một đấng cứu thế-người hùng hoặc một thứ quỷ hủy diệt thế giới sẽ được thụ thai - không sao biết được.



HÌNH 68. Mẹ Đất Coatlicue, Bà Váy Rắn

(tượng đá, Aztec, Mexico, cuối thế kỷ 15)

Các hình ảnh về sự sinh đồng trinh có rất nhiều trong các truyện kể dân gian cũng như thần thoại. Một ví dụ là đủ: một truyện dân gian kỳ lạ từ nước Tonga, thuộc về một nhóm truyện nhỏ kể về “người đàn ông khô ngô” Sinilau. Câu chuyện này đặc biệt thú vị, không phải vì nó cực kỳ phi lý, mà vì nó nêu lên rõ ràng, dù một cách giễu nhại vô thức, từng motif chính trong

cuộc đời người hùng điển hình: sinh ra từ trinh nữ, tìm kiếm cha, thử thách, hòa giải với cha, mẹ đồng trinh thắng thiên và đăng quang, và cuối cùng, thắng lợi siêu phàm của những người con trai đích thực trong khi những kẻ mạo danh bị thiêu đốt.

Ngày xưa có hai vợ chồng, và người đàn bà có thai. Đến ngày sinh nở bà gọi chồng đến bế bà lên, để bà sinh con. Nhưng bà sinh ra một con nghêu, nên chồng bà nổi giận thả bà xuống đất. Tuy vậy, bà bắt chồng lấy con nghêu, bỏ nó trong hồ tắm của Sinilau. Thế rồi Sinilau đến tắm, ném xơ dừa anh ta dùng để kì cọ xuống nước. Con nghêu lặn tới mút xơ dừa, rồi có thai.

Một hôm bà mẹ nghêu thấy nghêu lặn về phía bà. Bà giận dữ hỏi nghêu tại sao nó về, nhưng nghêu đáp đây không phải lúc giận dữ, và bảo bà giăng màn một chỗ để nó sinh con. Thế là họ đặt màn, rồi nghêu sinh ra một đứa bé trai khôi ngô khỏe mạnh. Rồi nghêu lại lặn về hồ, còn người đàn bà chăm sóc đứa bé, đặt tên là "*Fatai* đi dưới gỗ đàn hương". Thời gian trôi qua, rồi lạ chưa, nghêu lại có con, và một lần nữa lặn về nhà để sinh con. Chuyện cũ lặp lại và lần nữa nghêu sinh ra một đứa bé trai khôi ngô, tên là "*Cây mía quăn bừa nơi fatai*". Nó cũng được để lại cho người đàn bà và chồng trông nom.

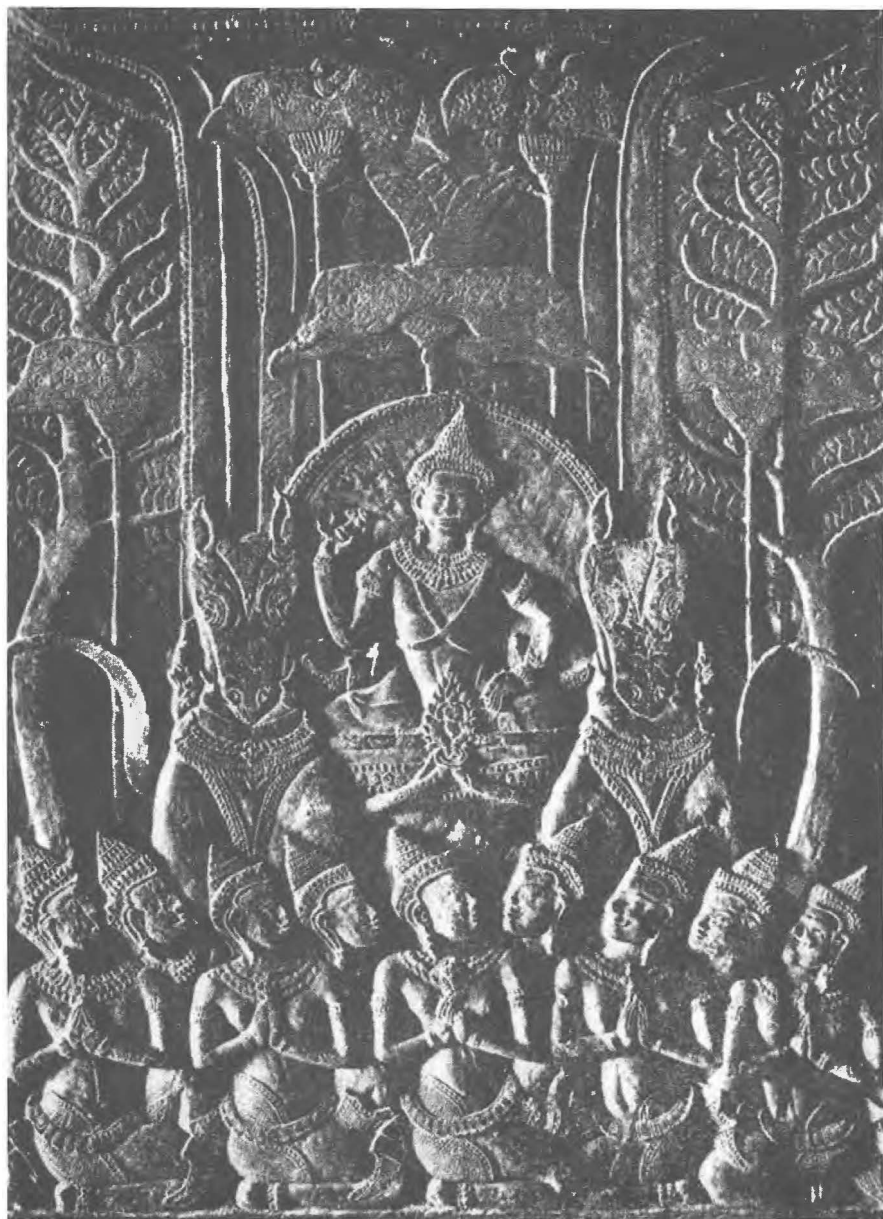
Khi hai đứa trẻ trưởng thành thì người đàn bà nghe rằng Sinilau sắp mở hội, nên bà quyết lòng cho hai đứa cháu trai phải có mặt. Nên bà gọi hai chàng thanh niên, bảo họ sửa soạn, nói thêm rằng người tổ chức lễ hội họ sẽ tới dự là cha họ. Khi họ đến lễ hội thì ai cũng giương mắt nhìn. Không có người đàn bà nào là không dán mắt nhìn họ. Trên đường họ đi một nhóm đàn bà gọi họ quay qua phía mình, nhưng hai chàng trai không chịu, đi tiếp, cho đến khi họ tới nơi người ta uống kava. Ở đó họ phục vụ kava.

Nhưng Sinilau, giận dữ vì họ làm xáo trộn buổi lễ hội, lệnh cho đem tới hai cái bát. Rồi ông bảo người hầu bắt lấy một trong hai thanh niên chặt nhỏ ra. Thế là người ta mài con dao tre để chặt chàng trai, nhưng khi mũi dao đặt lên thân cậu ta thì nó chỉ sượt trên da, và cậu ta kêu lên:

*Dao kề vào sượt đi,
Ông chỉ cần ngồi nhìn chúng tôi
Chúng tôi có giống ông hay không.*

Sinilau bèn hỏi thanh niên nói gì, và họ nhắc lại mấy câu đó cho ông. Thế là ông ra lệnh dẫn hai chàng trai tới, và hỏi cha họ là ai. Họ đáp chính ông là cha họ. Sinilau hôn các con trai mới tìm thấy xong thì bảo họ về dẫn mẹ đến. Thế là họ đi đến cái hồ và lấy con nghêu, đem về nhà bà ngoại, bà tách nó ra, và một phụ nữ xinh đẹp hiện ra, tên “Hina ở nhà dưới sông”.

Rồi họ lên đường quay lại nhà Sinilau. Mỗi chàng trai mặc một tấm thảm tua rua, kiểu gọi là *taufohua*; nhưng mẹ họ mặc tấm thuộc loại đẹp gọi là *tuoua*. Hai cậu con trai đi trước, Hina theo sau. Khi đến nhà Sinilau họ thấy ông đang ngồi với các bà vợ. Hai chàng trai ngồi hai bên đùi Sinilau, còn Hina ngồi bên cạnh. Rồi Sinilau bảo người đi soạn một cái lò, đun nóng; và họ dẫn các bà vợ và con cái họ đi, giết rồi nướng lên; còn Sinilau cưới Hina ở nhà dưới sông.⁽¹⁰⁾



HÌNH 69. *Chiến xa của mặt trăng*
(phù điêu đá, Campuchia, khoảng 1113-1150)

CHƯƠNG III

Biến hóa của người hùng

1. NGƯỜI HÙNG BAN SƠ VÀ NGƯỜI HÙNG CON NGƯỜI

Chúng ta đã đi qua hai giai đoạn: trước hết, từ các phát tán đầu tiên đi ra từ Tự Sinh Sinh Thành đến các nhân vật hay thay đổi nhưng mãi mãi phi thời gian của thời thần thoại; thứ hai, từ những đấng Được Sinh Sinh Thành này xuống đến lịch sử con người. Các phát tán đã đặc lại, lãnh địa của ý thức thu nhỏ lại. Nơi trước kia các cơ thể nguyên nhân còn thấy được, giờ đây chỉ các tác động thứ cấp của chúng mới hiện rõ trong cái đồng tử nhỏ chỉ quen với dữ kiện thực tế của mắt người. Do vậy, giờ đây chu kỳ khởi nguyên vũ trụ được đẩy tới trước không phải bởi các thần linh, nay đã thành vô hình, mà bởi các người hùng, mang bản chất ít nhiều là người, và qua họ định mệnh thế giới được thực hiện. Đây là lần ranh nơi các thần thoại sáng hóa bắt đầu nhường chỗ cho truyền thuyết - như trong Sáng Thế Ký, theo sau cuộc trục xuất khỏi địa đàng. Siêu hình học nhường chỗ cho tiền sử, ban đầu còn lơ mơ và mơ hồ, nhưng dần trở nên rõ nét từng chi tiết. Người hùng trở nên ngày càng ít hoang đường hơn, cho đến khi cuối cùng, trong các giai đoạn cuối của từng truyền thống địa phương khác nhau, truyền thuyết mở vào ánh sáng ngày thường của thời gian có sử.

Mwuetsi, Người Trắng, bị bỏ rơi, như một mỏ neo bị cắt dây; cộng đồng bày con ông trôi tự do vào thế giới ban ngày của ý thức lúc thức. Nhưng ta được cho biết rằng trong số họ có những người con trực hệ của người cha giờ ở dưới lòng hồ, họ, như lúa con đầu tiên ông sinh ra, từ sơ sinh lớn thành đàn ông chỉ

trong một ngày. Những người đặc biệt chứa đựng quyền năng vũ trụ này tạo nên một tầng lớp quý tộc về mặt tinh thần và xã hội. Được nạp gấp đôi năng lượng sáng tạo, chính họ là nguồn mặc khải. Các nhân vật như vậy xuất hiện vào giai đoạn bình minh của mọi quá khứ kể lại trong truyền thuyết. Họ là người hùng văn hóa, người dựng thành đô.

Sử biên niên Trung Hoa ghi rằng khi mặt đất đã rắn lại và người ta bắt đầu định cư trong các vùng sông ngòi, Phục Hy hay “Thiên Hoàng” (2953-2838 TCN) là người cai trị họ. Ông dạy các bộ tộc của mình cách đánh cá bằng lưới, săn thú và chăn nuôi gia súc, chia người ta thành các tộc, và thiết lập chế độ mẫu hệ. Từ một báng thần mà một con long mã từ dưới sông Mạnh Hà trao cho ông, ông luận ra Bát Quái, đến ngày nay vẫn còn là biểu tượng nền tảng trong tư tưởng truyền thống Trung Hoa. Ông sinh ra từ một cuộc thụ thai mẫu nhiệm, sau một kỳ thai nghén mười hai năm; ông có mình rắn, cánh tay người và đầu trâu.⁽¹⁾

Thần Nông, người kế tục ông, “Địa Hoàng” (trị vì 2838-2698 TCN), cao hai mét sáu, thân người nhưng đầu bò đực. Ông được thụ thai kỳ diệu qua ảnh hưởng của một con rồng. Người mẹ hổ thẹn đã bỏ lại con mình bên sườn núi, nhưng thú hoang tới bảo bọc và nuôi nấng đứa bé, và khi biết chuyện bà đã đem con về nhà. Trong một ngày Thần Nông phát hiện ra bảy mươi cây độc và thuốc giải cho từng loại: qua một tấm kính để trên bụng ông có thể quan sát việc tiêu hóa mỗi loài thảo dược. Rồi ông biên soạn một dược điển vẫn còn được dùng cho đến ngày nay. Ông là người phát minh ra cái cày và hệ thống đổi chác; ông được nông dân Trung Hoa thờ là “ngũ cốc vương”. Ở tuổi một trăm sáu mươi tám ông quy tiên.⁽²⁾

Các vua rắn và người đầu bò như vậy kể về một quá khứ khi hoàng đế là người mang quyền năng đặc biệt tạo ra và duy trì thế giới, lớn lao hơn nhiều so với quyền năng thể hiện trong hình thể người thường. Đó là thời những công trình nặng nhọc của người khổng lồ được thực hiện, những nền móng lớn lao của nền văn minh con người chúng ta được thiết lập. Nhưng khi chu

kỳ đi tiếp thì đến một giai đoạn mà công việc phải làm không còn ở tầm mức trước người hay siêu người; nó là lao động cụ thể của con người - chế ngự đam mê, tìm hiểu các nghề, phát triển các thể chế kinh tế và văn hóa của nhà nước. Lúc này không cần Bò Mặt Trắng nhập thể, hay Minh Triết Rắn trong Bát Quái Số Mệnh, mà là một tinh thần con người hoàn thiện, nhanh nhạy trước các nhu cầu và mong mỏi của trái tim. Theo đó, chu kỳ khởi nguyên vũ trụ cho ra một vị hoàng đế trong hình tượng người sẽ trở thành mẫu mực của con người làm vua cho mọi thế hệ tới.

Hoàng Đế, “Vua Vàng” (trị vì 2697-2597 TCN), là vị thứ ba trong Tam Hoàng. Mẹ ông là phi của vua vùng Thiệu Điển, thụ thai ông khi đêm nọ bà trông thấy ánh sáng vàng rực rỡ quanh chòm sao Đại Hùng. Đứa trẻ biết nói khi mới bảy mươi ngày tuổi và lên mười một đã nối ngôi. Biệt tài của ông là khả năng nằm mơ: trong giấc ngủ ông có thể đến thăm các vùng xa xôi nhất và kết giao với các vị tiên trong cõi vô hình. Không lâu sau khi ông lên ngôi, Hoàng Đế chìm trong giấc mộng suốt ba tháng trời, trong thời gian đó ông học được cách trị tâm. Sau một giấc mơ thứ hai cũng lâu gần như vậy, ông quay về mang theo khả năng dạy dỗ mọi người. Ông dạy họ kiểm soát các lực lượng tự nhiên trong tâm mình.

Con người tuyệt diệu này trị vì Trung Hoa một trăm năm, và trong giai đoạn ông cai trị dân chúng được hưởng thời hoàng kim thật sự. Ông tập hợp sáu đại thần lại quanh mình, với sự giúp sức của họ ông soạn lịch pháp, đặt ra các phép toán, dạy cách làm dụng cụ bằng gỗ, đồ gốm, kim loại, đóng thuyền và xe, dùng tiền và làm nhạc cụ bằng tre. Ông chỉ định các địa điểm cộng đồng cho dân chúng thờ Trời. Ông thiết lập các hạn định và luật lệ về tài sản tư. Hoàng hậu của ông tìm ra nghề dệt lụa. Ông trồng một trăm loại hạt, rau, cây cối khác nhau; khuyến khích nuôi chim, động vật bốn chân, bò sát, côn trùng; dạy cách dùng nước, lửa, củi và đất; điều chỉnh các vận động của thủy triều. Trước khi ông qua đời ở tuổi một trăm mười một, phượng hoàng và kỳ lân xuất hiện trong vườn ngự uyển, để chứng thực sự trị vì hoàn thiện của ông.⁽³⁾

2. TUỔI THƠ CỦA NGƯỜI HÙNG CON NGƯỜI

Người hùng văn hóa mình rắn và đầu bò thời trước, từ lúc ra đời đã mang trong mình quyền năng sáng tạo tự phát của thế giới tự nhiên. Đó là ý nghĩa hình tượng của anh ta. Người hùng con người, trái lại, phải “đi xuống” để thiết lập lại mối liên hệ với cấp độ dưới người. Đây là ý nghĩa cuộc phiêu lưu của người hùng, như chúng ta đã thấy.

Nhưng những người tạo truyền thuyết hiếm khi đành lòng xem những người hùng lớn của thế giới chỉ thuần là con người nhưng đã vượt qua các chân trời giới hạn của đồng loại rồi quay về với những ân huệ mà ai có đức tin và can đảm như vậy ắt cũng tìm được. Trái lại, truyền thuyết luôn có khuynh hướng phú cho người hùng những quyền năng phi thường từ lúc sinh ra, hay thậm chí từ lúc thụ thai. Cả cuộc đời của người hùng được cho thấy là một màn phô diễn những điều kỳ diệu dẫn đến đỉnh điểm là cuộc phiêu lưu trung tâm lòng lẫy.



HÌNH 70. Con gái Pharaoh tìm thấy Moses
(son dầu trên vải bố, chi tiết, Anh, 1886)

Điều này khớp với cách nhìn rằng vai trò anh hùng là tiền định thì đúng hơn là chỉ đơn thuần đạt được, và mở ra vấn đề mối quan hệ giữa tiểu sử và nhân vật. Jesus chẳng hạn, có thể được xem là một người thường mà nhờ tu khổ hạnh và suy niệm đã đạt được minh triết; hay trái lại, ta có thể tin rằng một vị thần giáng thế đã nhận lấy việc thực hiện sứ mệnh con người. Cách nhìn đầu sẽ dẫn ta đến chỗ bắt chước thầy theo đúng nghĩa đen, để mở đường, như ngài đã mở đường, đến kinh nghiệm cứu chuộc siêu việt. Nhưng cách nhìn thứ hai nói rằng người hùng là một biểu tượng để suy ngẫm thì đúng hơn là tấm gương để noi theo theo đúng nghĩa đen. Thần linh là sự hé lộ Ngã toàn năng ngụ bên trong tất cả chúng ta. Do vậy việc suy ngẫm về cuộc đời nên coi như cách suy niệm về thần tính nội tại của ta, không phải một khúc dạo đầu để đi đến chỗ cầu nệ bắt chước, và bài học không phải là “Hãy làm vậy và thành người tốt”, mà là “Hãy biết vậy và thành Chúa”.

Công thức này, tất nhiên, không chính xác là công thức của giáo lý Cơ Đốc thông thường; dù thư tịch nói Jesus đã phán rằng “Nước Trời ở trong các người”, giáo lý của các nhà thờ lại khẳng định rằng, vì con người chỉ được tạo ra “theo hình ảnh” Chúa Trời, nên sự khác biệt giữa linh hồn và đáng tạo ra nó là tuyệt đối - do vậy, đến tận cùng minh triết của họ, vẫn giữ lại sự phân biệt nhị nguyên giữa “linh hồn bất tử” của con người và thần tính. Vượt lên trên cặp đối lập này không phải là điều được khuyến khích (thật ra là bị phủ định vì coi là “tu tưởng phiếm thần”, và nhiều khi còn được ban cho gián thiêu); dẫu vậy, những lời cầu nguyện và nhật ký của các nhà thần bí Cơ Đốc có đầy các mô tả ngây ngất về cái chứng nghiệm hợp nhất khi linh hồn tan rã vào thần tính (xem trên, tr. 56), còn thị kiến của Dante ở đoạn cuối *Hài kịch thánh thần* (xem trên, tr. 213) thì chắc chắn là đi xa hơn giáo điều chính thống, nhị nguyên, cụ thể về tính tối hậu của các nhân cách trong Ba Ngôi. Nơi đâu giáo điều này không bị vượt lên thì thần thoại Về với Cha còn được hiểu nghĩa đen là mô tả cứu cánh của con người. (Xem trên, tr. 283.)

Còn về vấn đề bắt chước Jesus như một mẫu mực con người hay suy niệm về ngài như một vị thần, thì có thể tóm tắt đại khái lịch sử quan điểm Cơ Đốc như sau: (1) một giai đoạn đôi gót Thầy, Jesus, theo đúng nghĩa đen bằng cách lìa bỏ thế gian như ngài đã làm (Cơ Đốc giáo nguyên thủy); (2) một giai đoạn suy niệm về Chúa Christ bị đóng đinh như thần tính bên trong lòng, trong khi vẫn sống ngoài đời như tôi tớ của vị chúa này (Cơ Đốc giáo thời đầu và Trung cổ); (3) bác bỏ hầu hết các công cụ hỗ trợ suy niệm, trong khi đó vẫn tiếp tục sống ở đời như tôi tớ hay phương tiện của

vị Chúa mà ta đã ngừng muông tượng ra (Cơ Đốc Tin Lành); (4) cố giải thích Jesus như một con người mẫu mực, nhưng không chấp nhận con đường khổ hạnh của ngài (Cơ Đốc giáo tự do). (Xem trên, tr. 172.)

Trong Phần I, “Cuộc phiêu lưu của người hùng”, chúng ta đã xem xét hành vi cứu chuộc từ góc nhìn đầu, có thể gọi là góc nhìn tâm lý. Giờ ta phải mô tả nó từ góc độ thứ hai, khi nó thành biểu tượng của cùng bí ẩn siêu hình học mà kỳ tích của người hùng đã phát hiện lại và cho mọi người được thấy. Do vậy, trong chương này ta sẽ xem xét trước tiên tuổi thơ kỳ diệu, cho thấy một hóa hiện đặc biệt của thần tính hiện diện khắp nơi kia đã ứng thân ở trần gian, và rồi lần lượt xem xét đến các vai trò đời sống khác nhau để người hùng thực hiện sứ mệnh định mệnh của mình. Những vai trò này khác nhau về tầm vóc, theo nhu cầu của thời đại.

Trình bày theo các công thức đã xác lập ở trên, nhiệm vụ đầu tiên của người hùng là chứng nghiệm một cách hữu thức các giai đoạn tiền kỳ của chu kỳ khởi nguyên vũ trụ; đi ngược về xuyên qua các thời kỳ phát tán. Thế rồi, nhiệm vụ thứ hai của anh ta là từ vực thẳm đó về lại tầng đời sống đương thời, và ở đó đóng vai trò kẻ biến hóa các tiềm năng sáng hóa, mang lối người. Hoàng Đế có biệt tài mơ: đây là con đường ông đi xuống và trở lại. Lần sinh thứ hai, dưới nước của Väinämöinen ném ông về lại chứng nghiệm cái nguyên tố. Trong truyện kể Tonga về người vợ nghèo, cuộc rút lui bắt đầu khi người mẹ sinh nở: anh em người hùng chui ra từ bụng của một loài dưới người.

Những kỳ tích của người hùng trong phần hai chu kỳ cá nhân của anh ta sẽ cân xứng với độ sâu anh ta đi xuống trong phần đầu. Các con trai của người vợ nghèo đi lên từ mức loài vật; họ có được vẻ đẹp hình thể tốt bậc. Väinämöinen tái sinh từ nước và gió nguyên tố; tài thiên phú của ông là bằng thi ca đánh thức hay dập tắt các nguyên tố trong tự nhiên và trong cơ thể người. Hoàng Đế lưu lại ít lâu trong cõi thần linh; ông dạy sự hài hòa của trái tim. Đức Phật vượt qua cả vùng của các thần sáng tạo rồi

từ cõi không quay về; ngài tuyên thuyết về giải thoát khỏi chu kỳ khỏi nguyên vũ trụ.

Nếu các kỳ tích của một nhân vật có thật trong lịch sử chúng nhận anh ta là người hùng, những người xây dựng truyền thuyết sẽ nghĩ ra cho anh ta những cuộc phiêu lưu phù hợp dưới đáy sâu. Những cuộc phiêu lưu này sẽ được mô tả là hành trình vào các cõi kỳ diệu, và phải được hiểu là mang tính tượng trưng, một mặt, cho cuộc đi xuống biển đêm tâm lý, và mặt khác, cho các cõi hay khía cạnh trong định mệnh con người nói chung thị hiện ra trong đời từng người.

Vua Sargon xứ Akkadia (khoảng 2550 TCN) sinh ra từ một người mẹ thấp hèn. Cha ông không rõ là ai. Bị bỏ trong giỏ cỏ nện cho trôi sông Euphrates, ông được người chăn nuôi Akki phát hiện, nuôi nấng ông để thành người làm vườn. Nữ thần Ishtar sủng ái chàng trai. Do vậy cuối cùng ông thành vua và hoàng đế, nổi tiếng là thánh sống.

Candragupta (thế kỷ 4 TCN), người sáng lập triều đại Maurya Ấn Độ, bị bỏ rơi trong một chum đất bên cửa chuồng bò. Một người chăn bò phát hiện và nuôi nấng đứa bé. Một hôm khi đang chơi với các bạn trò Đại vương ngồi ghế phán quyết, cậu bé Candragupta ra lệnh chặt tay chặt chân những kẻ phạm lỗi nặng nhất; thế rồi, chỉ cần cậu nói một lời, những tay chân đứt lìa tức thì liền lại như cũ. Một ông hoàng đi ngang, thấy trò chơi kỳ diệu, mua đứa bé mất một ngàn *harshapana* rồi về nhà phát hiện nhờ những dấu hiệu trên thân thể rằng cậu là một người thuộc dòng họ Maurya.

Giáo hoàng Grêgôriô Cả (540?-604) là con hai anh em sinh đôi quý tộc nghe lời Satan xúc xiểm đã phạm tội loạn luân. Người mẹ ăn năn bỏ ông vào một cái rương nhỏ thả ra biển. Ông được ngư dân tìm thấy và nuôi nấng, rồi khi lên sáu được cho vào tu viện học để thành thầy tu. Nhưng ông ao ước cuộc đời chiến chinh của một hiệp sĩ. Lên thuyền, ông được đưa đẩy một cách kỳ diệu đến xứ sở của cha mẹ, ở đó ông cưới được hoàng hậu - mà ít lâu sau hóa ra là mẹ ông. Sau khi phát hiện cuộc loạn luân

thứ hai này, Grêgôriô chịu mười bảy năm sám hối, xích vào tảng đá giữa biển. Chìa khóa mở dây xích bị ném xuống nước, nhưng cuối giai đoạn sám hối dài đằng đẳng chúng được tìm thấy trong bụng cá, đây được xem là dấu hiệu từ trời: kẻ ăn năn được dẫn về La Mã, rồi đến lúc đến thì ông được tấn phong làm giáo hoàng.⁽⁴⁾

Charlemagne (742-814) ngày còn nhỏ bị các anh hành hạ, nên trốn đến Tây Ban Nha theo Hồi giáo. Ở đó, lấy tên Mainet, ông đã lập công tích lớn vì nhà vua. Ông cải đạo cho con gái nhà vua sang đức tin Cơ Đốc, rồi hai người lên bàn chuyện cưới nhau. Sau nhiều công trạng nữa, nhà quý tộc trở về lại Pháp, ở đó ông lật đổ những kẻ khi xưa bức hại mình và toàn thắng lên ngôi. Rồi ông trị vì một trăm năm, bao quanh là vòng hoàng đạo mười hai khanh tướng. Theo mọi nguồn kể lại, râu tóc ông dài thậm thụt và trắng xóa. (Trong thực tế Charles Đại đế không có râu và hói.) Một hôm, ngồi dưới cây phán quyết, ông xử công bằng cho một con rắn, và để đền ơn, con rắn trao cho ông một món bùa mầu nhiệm dẫn đến việc ông đan dúi với một người đàn bà đã chết. Vật này rơi xuống cái giếng ở Aix: vì vậy mà Aix thành nơi ở ưa thích của hoàng đế. Sau những cuộc chiến lâu dài đánh người Hồi, Saxon, Slav và người Viking, vị hoàng đế không tuổi qua đời; nhưng ông chỉ ngủ, và sẽ thức dậy khi đất nước cần. Trong nửa sau thời Trung cổ, có một lần ông sống lại để góp sức trong một cuộc thập tự chinh.⁽⁵⁾

Mỗi một tiểu sử này đều trình bày chủ đề sự lưu đày thuở nhỏ và quay về theo một cách duy lý hóa khác nhau. Đây là một nét nổi bật trong mọi truyền thuyết, truyện dân gian và thần thoại. Thường thì câu chuyện sẽ nỗ lực tạo ra cảm giác nó có thể xảy ra trong thực tế. Tuy nhiên, khi người hùng đang bàn đến là một giáo chủ, thầy phù thủy, nhà tiên tri, hay thánh thần hóa thân, thì các phép lạ được phép phát triển vượt ngoài mọi giới hạn.

Truyền thuyết phổ biến của người Hebrew về sự ra đời của tổ phụ Abraham là một ví dụ về cuộc lưu đày thuở nhỏ mang tính siêu nhiên công khai. Sự kiện ông sinh ra đã được Nimrod đọc thấy trong các sao,

vì ông vua nghịch đạo này là một nhà thiên văn lạc lối, nên ông thấy rõ là một người sinh ra trong thời ông sẽ đứng lên chống ông và đắc thắng lật tẩy tôn giáo của ông là dối trá. Kinh hoàng vì số phận đã được tiên đoán trong các sao, ông cho gọi các hoàng tử và quan lại, hỏi họ lời khuyên trong chuyện này. Họ đáp rằng: “Chúng thần đồng lòng có lời khuyên là ngài nên xây một tòa nhà lớn, cất đặt lính canh ở cổng, và bá cáo trong toàn cõi là mọi đàn bà có mang phải đến đó cùng với bà mẹ, bà mẹ phải ở với họ khi họ sinh nở. Khi một người đàn bà đến ngày sinh nở, và đứa trẻ ra đời, phận sự của bà mẹ là giết nó, nếu nó là con trai. Nhưng nếu đứa bé là con gái, nó sẽ được để cho sống, còn người mẹ sẽ nhận được quà cáp và y trang đắt tiền, rồi một sứ giả sẽ rao, ‘Đàn bà nào sinh con gái sẽ được ban cho như vậy!’ ”

Nhà vua hài lòng với lời khuyên này, thế là ông cho yết thị khắp vương quốc, mời mọi kiến trúc sư đến xây một tòa nhà lớn, cao sáu mươi thước và rộng tám chục thước. Tòa nhà được xây xong, ông cho bá cáo lần hai, gọi mọi đàn bà mang thai đến đó, và ở lại cho đến khi ở cữ. Các quan lại được cử ra lo dẫn đám đàn bà đến nhà này, và lính được cất cử bên trong bên ngoài, để ngăn đám đàn bà bỏ trốn. Ông còn cho các bà mẹ đến tòa nhà, lệnh cho họ giết các bé trai sinh ra ngay trên ngực mẹ. Nhưng nếu người đàn bà sinh con gái, bà ta sẽ được chung diện tơ lụa, đồ thêu, và dẫn đi khỏi chốn giam cầm long trọng rõ ràng hết sức. Không dưới bảy mươi ngàn đứa trẻ đã bị giết như vậy. Thế rồi các thiên thần xuất hiện trước Chúa Trời, thưa, “Ngài có thấy hấn làm những gì không, kẻ tội đồ và báng bổ, Nimrod đưa con xứ Canaan, hấn giết biết bao trẻ thơ vô tội không làm gì sai?” Chúa Trời đáp: “Hỡi các thiên thần, ta biết điều đó và ta thấy, vì ta không chợp mắt cũng không ngủ. Ta thấy và ta biết những chuyện bí mật lẫn những chuyện được tiết lộ, và các người sẽ chứng kiến ta làm gì với kẻ tội lỗi báng bổ này, vì ta sẽ trở tay mà trừng phạt hấn.”

Cũng trong khoảng thời gian này Terah kết hôn với mẹ của Abraham và bà có thai... Khi gần đến ngày, bà kinh hoàng bỏ

thành đô và lang thang về vùng hoang mạc, đi dọc rìa thung lũng, cho đến khi bà tình cờ gặp một cái hang. Bà vào nơi ẩn náu này, hôm sau dạ bà bắt đầu co thắt, và bà sinh hạ một đứa con trai. Ánh sáng từ dung mạo đứa trẻ chiếu sáng khắp hang như thể ánh hào quang mặt trời, và người mẹ vui mừng khôn xiết. Đứa bé bà sinh là Abraham tổ phụ chúng ta.

Mẹ cậu than van, nói với con trai: “Hỡi ôi, ta sinh ra con lúc mà Nimrod làm vua. Vì con mà bảy mươi ngàn bé trai bị giết, và ta quá kinh hoàng cho con, sợ hãi nghe về sự tồn tại của con, rồi giết con. Thà con chết ở trong hang này còn hơn là mắt ta thấy con chết trên ngực ta.” Bà lấy áo quần mình đang mặc, quấn cho cậu bé. Rồi bà bỏ cậu lại trong hang mà nói, “Cầu Chúa Trời ở bên con, cầu xin ngài không phụ con mà cũng không bỏ rơi con.”

Vậy là Abraham bị bỏ rơi trong động, không có sữa, nên cậu cất tiếng kêu khóc. Chúa Trời phái Gabriel xuống cho cậu sữa để uống, thiên sứ làm cho sữa chảy ra từ ngón út bên bàn tay phải của đứa bé, và cậu mút ngón tay đến khi cậu được mười ngày tuổi. Rồi cậu đứng dậy đi quanh, cậu rời hang và đi dọc rìa thung lũng. Khi mặt trời lặn, các vì sao mọc lên, cậu nói, “Đây là các thần linh!” Nhưng bình minh lên, không còn thấy các vì sao nữa, cậu bèn nói, “Ta sẽ không thờ phụng chúng, vì chúng không phải thần linh.” Rồi mặt trời ló ra, cậu lại nói, “Đây là thần của ta, ta sẽ tán dương ngài.” Nhưng mặt trời lại lặn và cậu nói, “Ông ta chẳng phải thần,” rồi nhìn thấy mặt trăng, cậu gọi đó là thần của mình và định tâm đánh lễ. Rồi mặt trăng khuất đi, cậu kêu lên: “Đây cũng chẳng phải thần! Có một Đấng làm cho tất cả chúng chuyển động.”⁽⁶⁾

Bộ lạc Chân Đen ở Montana kể về Kut-o-yis, một chàng trai diệt quái thú được cha mẹ nuôi phát hiện khi hai vợ chồng già bỏ một miếng huyết trâu vào nồi luộc.

Tức thì từ trong nồi phát ra tiếng động như có đứa trẻ khóc, như thể nó bị đau, bị cháy, hay bị bỏng. Họ nhìn vào nồi, thấy có một cậu bé, nên họ lẹ làng lấy nó ra khỏi nước. Họ rất đỗi ngạc nhiên...

Thế rồi đến ngày thứ tư đứa trẻ cất tiếng nói, “Hãy buộc tôi lần lượt vào các cọc lều này, và khi đến cọc cuối cùng, tôi sẽ rơi ra khỏi dây trói và thành người lớn.” Bà già làm vậy, và khi bà trói cậu vào mỗi cọc lều thì cậu lớn lên trông thấy, rồi khi họ trói cậu vào cây cọc cuối cùng, cậu đã thành người đàn ông.⁽⁷⁾

Truyện dân gian thường bổ sung cho hoặc thay thế chủ đề lưu đày này bằng chủ đề kẻ bị khinh miệt, hay kẻ xuất thân bất lợi: đứa con trai hay con gái út bị hành hạ, đứa trẻ mồ côi, con ghẻ, vệt con xấu xí, hay nhà quý tộc có địa vị thấp.

Một thiếu nữ Pueblo^(*) đang giúp mẹ trộn đất sét làm gốm bằng chân thì cảm thấy bùn bắn lên chân nhưng không nghĩ gì nhiều.

Ít ngày sau cô gái cảm thấy có gì động đậy trong bụng, nhưng cô không nghĩ gì về chuyện sắp có con. Cô không kể cho mẹ nghe. Nhưng nó cứ lớn dần. Một buổi sáng cô nôn ọe dữ dội. Đến chiều cô sinh con. Rồi mẹ cô biết chuyện (lần đầu) là con gái sắp có con. Bà mẹ rất tức giận về chuyện đó; nhưng sau khi nhìn đứa bé, bà thấy nó không giống đứa bé, bà thấy nó là một thứ tròn có hai mắt chìa ra, đó là cái vò nhỏ. “Ở đâu ra cái này?” bà mẹ hỏi cô. Đứa con gái chỉ khóc. Khoảng lúc đó thì người cha bước vào. “Không sao cả, ta rất mừng là nó sinh con,” ông nói. “Nhưng nó không sinh ra con,” mẹ cô trả lời. Người cha bèn đi tới xem thì thấy đó là cái vò nhỏ. Sau đó ông rất quý cái vò nhỏ. “Nó nhúc nhích đấy,” ông nói. Ít lâu sau cái vò lớn lên. Hai mươi ngày sau nó đã to lớn. Nó biết đi chơi với bọn trẻ con, và biết nói. “Ông ngoại ơi, dẫn tôi ra ngoài, để tôi được nhìn quanh,” cậu nói. Thế nên sáng sáng ông ngoại thường dẫn cậu ra ngoài và cậu nhìn bọn trẻ, và chúng rất thích cái vò và chúng biết ra đấy là cậu bé, Cậu Bé Vò Nước. Chúng biết khi thấy cậu nói chuyện.⁽⁸⁾

Tóm lại: đứa con của định mệnh phải đối mặt một giai đoạn dài vô danh. Đây là khoảng thời gian cực kỳ nguy hiểm, ngăn

*. Tên gọi chung một số bộ lạc da đỏ ở Tây Nam nước Mỹ. (BT)

trở, hay nhục nhã. Nó bị ném vào bên trong vực sâu nội tâm của mình hay ra ngoài vào nơi xa lạ; dù cách nào thì cái nó chạm tới cũng là một bóng tối chưa thăm dò. Và đây là một vùng có những hiện diện không ngờ, hiền từ và cả hiểm độc: một thiên thần xuất hiện, một con vật giúp đỡ, một ngư dân, một thợ săn, một bà già, hay một nông dân. Được nuôi dạy giữa bầy thú, hay như Siegfried, dưới mặt đất giữa đám thần lùn nuôi dưỡng rễ cây đời, hay mặt khác, một mình trong căn phòng nhỏ nào đó (câu chuyện đã được kể cả ngàn cách), đứa trẻ đang tập sống trong thế giới học được bài học về các quyền năng gieo mầm ngụ ngay bên kia địa hạt cái cân đo và định danh được.

Các thần thoại đều đồng tình là cần có một khả năng phi thường mới có thể đối mặt và qua khỏi một kinh nghiệm như vậy. Có rất nhiều giai thoại về những nhi đồng đã có sức mạnh, tài năng và trí thông minh sớm chín. Herakles siết cổ con rắn do nữ thần Hera phái tới bên nôi cậu. Maui xú Đa Đảo đánh bầy làm mặt trời chậm lại - để cho mẹ kịp làm cơm. Abraham, như chúng ta thấy, có được tri kiến về Chúa Trời Duy Nhất. Jesus làm rối trí những nhà thông thái. Đức Phật còn nhỏ một hôm bị bỏ dưới bóng cây; các bà vú của ngài bỗng nhận thấy bóng cây không di chuyển cả buổi chiều và đứa trẻ đang ngồi im lìm nhập định yoga.

Những kỳ tích của Kṛṣṇa, đáng cứu thế được yêu chuộng của Ấn giáo trong thời kỳ lưu đày thuở nhỏ giữa những người chăn bò vùng Gokula và Brindaban được kể trong một nhóm truyện sống động. Một yêu tinh nọ tên Pūtanā đến trong hình hài một người đàn bà đẹp, nhưng có độc trong bầu ngực. Ẩ vào nhà Yasoda, mẹ nuôi của đứa trẻ, và tỏ ra rất thân tình, lát sau ẵm đứa bé trong lòng để cho bú. Nhưng Kṛṣṇa bú mạnh đến mức hút cạn sức sống của ả, và ả lăn ra chết, trở lại hình thù khổng lồ góm ghiếc của mình. Tuy vậy, khi cái xác xấu xí được hỏa táng, nó tỏa ra một hương thơm ngọt ngào; vì đứa trẻ trời đã cứu rồi nữ quỷ khi cậu bú sữa của ả.

Kṛṣṇa là một cậu bé láu lỉnh nghịch ngợm. Cậu thích cuồn đi các vò sữa đồng khi mấy cô gái vắt sữa ngủ quên. Cậu cứ trèo

lên ăn rồi làm đổ các thứ đặt ngoài tầm với trên các giá cao. Mấy cô hầu thường gọi cậu là kẻ trộm bơ rồi đi kêu ca với Yasoda; nhưng lúc nào cậu cũng bịa được chuyện đánh lảng. Một chiều khi cậu chơi trong sân, mẹ nuôi nghe báo là cậu đang ăn đất sét. Bà cầm cây roi tới, nhưng cậu đã chùi miệng, và chối không biết gì. Bà vạch cái miệng bẩn ra xem, nhưng khi ngó nhìn vào trong thì bà thấy toàn thể vũ trụ, “Ba Cõi”. Bà nghĩ: “Minh thật ngốc mới đi nghĩ con trai mình có thể là Chúa Tể Ba Cõi.” Bấy giờ mọi thứ lại bị che khỏi mắt bà lần nữa, và khoảnh khắc đó tức thì trôi tuột mất khỏi tâm trí bà. Bà vuốt ve cậu bé và dẫn cậu về nhà.

Dân chăn gia súc quen cúng dường cho thần Indra, là vua trời và thần mưa trong Ấn giáo, tương đương với Zeus của Hy Lạp. Một hôm khi họ đã cúng xong, cậu bé Kṛṣṇa nói với họ: “Indra không phải là thần tối cao, dù ông ta là vua trên trời; ông ta sợ các asura. Hơn nữa, mưa và sự thịnh vượng các người cầu xin phụ thuộc vào mặt trời, nó hút nước lên rồi làm nước rơi xuống lại. Indra làm được gì? Bất cứ gì xảy ra cũng được các luật tự nhiên và tinh thần định đoạt.” Rồi cậu chỉ dẫn cho họ chú ý đến các cánh rừng, suối, đồi gần đó và nhất là núi Govardhan, đáng để họ tôn kính hơn vị thần không trung xa xôi. Và thế là họ cúng hoa trái và đồ ngọt cho núi.

Bản thân Kṛṣṇa thì khoác lấy hình tượng khác: cậu hóa thành một thần núi và nhận cúng dường của thiên hạ, trong khi đó thì vẫn đứng giữa họ trong hình hài cũ, cúng bái vua núi. Thần nhận cúng dường rồi ăn sạch.

Indra nổi xung thiên, cho gọi vua mây, ra lệnh tưới mưa xuống đám người cho đến khi tất cả bị cuốn sạch. Một trận mây đông sà xuống vùng này và bắt đầu gây lũ; dường như ngày tận thế đã gần kề. Nhưng cậu bé Kṛṣṇa trút vào núi Govardhan sức nóng từ sinh lực không bao giờ cạn của mình, nâng núi lên bằng ngón tay út, bảo mọi người trú bên dưới. Mưa quất vào núi, xèo xèo bốc hơi. Mưa như trút suốt bảy ngày, nhưng không một giọt nào chạm tới nhóm chăn gia súc.

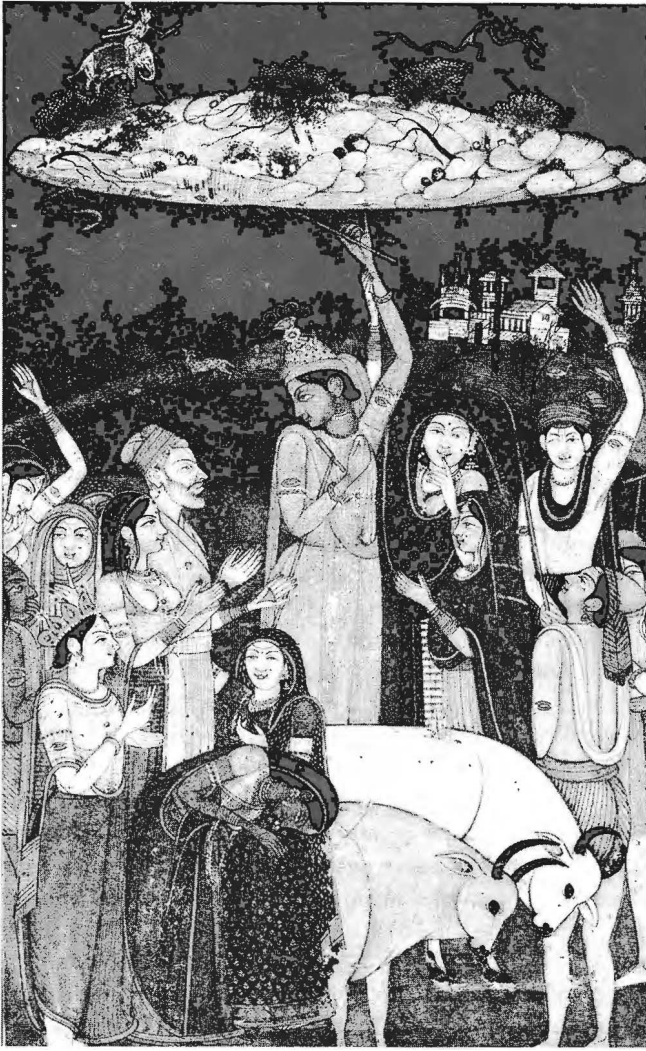
Lúc ấy Indra mới nhận ra rằng đối thủ chắc là hóa thân của

Đại Ngã. Hôm sau, khi Kṛṣṇa đi ra cho bò ăn cỏ, vừa đi vừa thổi sáo, vua trời xuống trên con voi trắng lớn Airāvata, quỳ thụp xuống dưới chân đứa bé tươi cười, quy phục.⁽⁹⁾

Cái kết của chu kỳ trẻ thơ là người hùng quay về hay được nhận ra, khi mà sau giai đoạn dài chôn vùi, chân tính của anh ta được tiết lộ. Sự kiện này có thể thúc đẩy một bước ngoặt đáng kể; vì nó đánh dấu sự trỗi dậy của các quyền năng cho đến lúc ấy còn đang bị loại khỏi đời người. Các mô hình trước đó nay vỡ vụn hay tan rã; thảm họa bày ra trước mắt. Nhưng sau một khoảnh khắc có vẻ như tai họa thì giá trị sáng tạo của nhân tố mới cũng được nhận ra, và thế giới lại thành hình trong vinh quang không ngờ. Chủ đề đóng đinh-phục sinh này có thể được minh họa hoặc trên thân xác của chính người hùng, hoặc trong tác động của anh ta đối với thế giới. Ta bắt gặp khả năng đầu tiên trong truyện Pueblo về cậu bé vò nước.

Cánh đàn ông đi ra ngoài săn thỏ, nên Cậu Bé Vò Nước muốn đi. “Ông ngoại ơi, ông dẫn tôi theo tới chân núi được không, tôi muốn săn thỏ.” “Tôi nghiệp cháu, cháu không săn thỏ được đâu, cháu có tay chân đâu mà,” ông ngoại đáp. Nhưng Cậu Bé Vò Nước rất nóng lòng muốn đi. “Cứ dẫn tôi đi đi. Ông già quá không làm được gì đâu.” Mẹ cậu khóc vì con trai mình không có chân tay cũng không có mắt. Nhưng họ vẫn cho cậu ăn, đút vào miệng vò. Thế là sáng hôm sau ông ngoại dẫn cậu xuống phía Nam trên vùng đồng bằng. Rồi cậu lăn đi, chẳng mấy chốc cậu thấy dấu chân thỏ nên đi theo. Chốc sau con thỏ chạy ra, cậu bèn đuổi theo. Ngay trước khi cậu đến đầm lầy thì có một tảng đá, cậu va vào đó và vỡ tan, và một cậu bé vụt hiện ra. Cậu rất mừng là da mình đã vỡ và cậu đã trở thành người, một cậu bé cao lớn. Cậu đeo rất nhiều hạt cườm quanh cổ và hoa tai ngọc lam, quần váy xếp và xỏ giày da đánh, mặc áo da hoẵng.

Bất được một số thỏ, cậu quay về đưa cho ông ngoại, ông đắc thắng dắt cậu về nhà.⁽¹⁰⁾



HÌNH 71. *Kṛṣṇa đỡ núi Govardhan*
(màu trên giấy, Ấn Độ, khoảng 1790)

Lời Kṛṣṇa khuyên thờ núi chứ đừng thờ vua của các thần, mà độc giả Tây phương có thể thấy lạ, mang ý nghĩa là con đường sùng bái (*bhakti mārṅa*) phải bắt đầu từ những thứ tin đồ đã biết và yêu mến, không phải những khái niệm xa vời, không hình dung được. Vì thần có mặt trong tất cả, ngài sẽ hiển lộ qua bất cứ vật thể nào được cung kính chiêm ngắm. Hơn nữa, chính nhờ thần ở bên trong tin đồ nên anh ta mới nhận ra được thần ở ngoại giới. Bí ẩn này được minh họa trong sự hiện diện kép của Kṛṣṇa trong hành động thờ phụng.

Các nguồn năng lượng vũ trụ cháy bên trong chàng chiến binh Cuchulainn sống động của Ireland - người hùng chính trong nhóm truyện xứ Ulster thời Trung cổ, mang tên gọi Nhóm truyện Hiệp sĩ Cánh Đỏ - thường bắt thần bùng lên phun trào, vừa khuấy phục chính chàng ta vừa nghiền nát mọi thứ xung quanh.

Các nhóm truyện truyền thuyết của Ireland Trung cổ gồm có: (1) *Nhóm truyện thần thoại*, mô tả các cuộc di dân đến đảo Ireland của các dân tộc tiền sử, các trận đánh giữa họ, và đặc biệt các công tích của nòi giống thần linh gọi là Tuatha De Danaan, "Con của Mẹ Vĩ Đại Dana"; (2) *Biên niên sử dòng dõi Milesius*, hay biên niên bản sử về chủng tộc tới sau cùng, là các con trai của Milesius, đã lập nên các triều đại Celt tồn tại mãi cho đến khi người Anglo-Norman dưới triều Henry II đến đây vào thế kỷ 12; (3) *Nhóm truyện Ulster về các Hiệp sĩ Cánh Đỏ*, chủ yếu bàn về các kỳ tích của Cuchulainn ở triều đình ông cậu Conchobar: nhóm truyện này ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển truyền thuyết về vua Arthur ở Wales, Brittany và Anh - triều đình Conchobar là hình mẫu cho triều đình vua Arthur còn các kỳ tích của Cuchulainn là hình mẫu cho kỳ tích của Hiệp sĩ Gawain, cháu Arthur (Gawain là người hùng gốc trong nhiều cuộc phiêu lưu về sau này được gán cho Lancelot, Perceval và Galahad); (4) *Nhóm truyện Fianna*: Fianna (hay Fenian) là một nhóm chiến binh quả cảm dưới sự chỉ huy của Finn MacCool (xem tr. 245 ở trên); câu chuyện quan trọng nhất trong nhóm truyện này là chuyện tình yêu tay ba giữa Finn, Grianni vợ ông, và Diarmaid cháu ông, nhiều tình tiết trong đó còn lại với chúng ta trong truyện kể nổi tiếng Tristan và Iseult; (5) *Các truyền thuyết về các thánh Ireland*.

"Người tí hon" trong kho tàng truyện cổ tích dân gian của Ireland Cơ Đốc hóa là bản thu nhỏ các thần cổ giáo thời đầu, Tuatha De Danaan.

Khi cậu lên bốn - theo truyện kể - cậu lên đường thách thức đám "thiếu sinh quân" của ông cậu, vua Conchobar, trong chính các nghề chơi của họ. Mang theo cây gậy đánh bóng đồng, quả bóng bạc, cây lao và cây giáo đồ chơi, cậu đi đến kinh đô Emania, ở đó, không cần một lời cho phép, cậu lao thẳng vào giữa đám con trai - "cả một trăm năm mươi cậu bé, đang chơi bóng gậy trên bãi cỏ và luyện võ nghệ, chỉ huy là con trai của Conchobar, Follamain". Cả đám xông vào cậu. Dùng nắm đấm, cánh tay, lòng bàn tay và cái khiên nhỏ, cậu đánh bật hết gậy, bóng lẫn

giáo từ bốn phương tám hướng cùng lúc phóng tới. Rồi lần đầu tiên trong đời cậu bị con cuồng chiến xâm chiếm (một kiểu biến hóa quái lạ, điển hình cho nhân vật này, về sau gọi là “con bọc phát” hay “biến dạng”) và chưa ai kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra thì cậu đã hạ gục năm mươi cậu trai giỏi nhất. Năm cậu nữa nháo nhào bỏ chạy ngang chỗ nhà vua đang ngồi chơi cờ với Fergus Nhà Hùng Biện. Conchobar đứng lên toan trấn áp cảnh hỗn loạn. Nhưng Cuchulainn không chịu nhượng tay cho đến khi tất cả đám trẻ đã phải đặt mình dưới sự che chở bảo hộ của cậu.⁽¹¹⁾

Ngày đầu tiên Cuchulainn tham gia chiến đấu là dịp cậu đạt đến tự hóa hiện đầy đủ. Trong trận chiến này không có gì là vẻ điềm tĩnh kiềm chế, không có gì giống như cái mĩa mai hài hước mà ta cảm thấy trong những kỳ tích của cậu bé Kỵsna Ấn giáo. Đúng hơn, đây là lần đầu tiên mà Cuchulainn và mọi người biết sức mạnh dồi dào của cậu. Nó bùng thoát từ sâu thẳm con người cậu, và rồi phải được giải quyết, ứng biến và nhanh chóng.

Sự kiện này cũng lại xảy ra ở triều đình vua Conchobar, ngày thầy tu Cathbad có lời tiên tri rằng bất cứ thiếu niên nào ngày hôm ấy lần đầu cầm đến vũ khí và mặc áo giáp thì “tên tuổi kẻ ấy sẽ vượt lên tên của mọi thanh niên Ireland khác: tuy vậy đời hắn sẽ trôi qua ngắn ngủi”. Cuchulainn tức thì đòi quân trang. Mười bảy bộ khí giới trao cho cậu bị sức mạnh của cậu làm gãy nát, cho đến khi Conchobar trao cho cậu khí giới của chính mình. Rồi tới các chiến xa vỡ thành trăm mảnh khi cậu ngồi lên. Chỉ chiến xa của nhà vua mới đủ mạnh để chịu được thử thách của cậu.

Cuchulainn lệnh cho tên xà ích của Conchobar chở mình ngang “Tháp Canh” xa xôi, thế rồi chẳng mấy chốc họ đến một pháo đài hẻo lánh, Pháo đài của các Con trai Nechtan, ở đó cậu chém bay đầu những người giữ pháo đài. Cậu cột thủ cấp vào hai bên chiến xa. Trên đường về cậu nhảy xuống đất và “chỉ bằng bước chạy và tốc độ” bắt được hai con hươu đực có thân hình

cực kỳ to lớn. Bằng hai hòn đá cạu ném rơi hai tá thiên nga đang bay. Rồi bằng dây da và dụng cụ khác cạu cột hết thú và chim vào chiến xa.

Nữ tiên tri Levarchan thất kinh khi trông thấy đoàn này tiến lại thành đô và lâu đài Emania. “Chiến xa được trang hoàng đầy máu me của kẻ thù,” bà nói, “chim trắng đẹp để hấn ta giữ trong chiến xa bầu bạn với hấn ta, hươu đực hoang còn nguyên vẹn bị trói và cột vào xe đó.” “Ta biết chiến binh trên xe đó,” nhà vua nói, “chính là thằng bé, con trai của em gái ta, kẻ vừa đứng ngày hôm nay ra trận. Chắc hấn nó đã nhuộm đỏ tay; và nếu không xử trí con thịnh nộ này kịp lúc, tất cả thanh niên trai tráng Emania sẽ chết dưới tay nó.” Phải thật nhanh nghĩ ra một kế để làm dịu sức nóng của cạu; và họ tìm ra một cách. Một trăm năm mươi đàn bà trong lâu đài, Scandlach thủ lĩnh của họ đi đầu, “cởi bỏ hết không mảnh áo che thân, và không lẩn tránh gì mà kéo cả đoàn ra đón cạu”. Chiến binh bé nhỏ, bối rối hay có lẽ choáng ngợp trước sự phô bày tính đàn bà như vậy, ngoảnh mặt đi, lúc đó cạu bị đám đàn ông tóm lấy và chìm vào một chum nước lạnh. Ván và đai chum văng tung tóe. Chum thứ hai sôi sùng sục lên. Chum thứ ba thì chỉ còn rất nóng. Bằng cách ấy Cuchulainn được xoa dịu, và thành đô được cứu.⁽¹²⁾

Quả là một cạu bé khôi ngô: mỗi bên bàn chân Cuchulainn có bảy ngón, và mỗi bàn tay cũng có chừng ấy ngón; mỗi bên mắt cạu sáng rực bảy đồng tử, mỗi đồng tử lấp lánh bảy đốm như ngọc. Mỗi bên má có bốn nốt ruồi: một lam, một đỏ thắm, một xanh lá, một vàng. Từ tai này sang tai kia cạu có năm mươi búp tóc dài vàng sáng như sáp ong, hay như chiếc trâm cài bằng vàng trắng hắt loang loáng dưới mặt trời lộ lộ. Cạu mặc áo choàng xanh lá gai ghim bạc trên ngực và áo chỉ vàng.⁽¹³⁾

Nhưng khi bị lên cơn bộc phát hay biến dạng “cạu thành một giống đáng sợ và muôn hình vạn trạng kinh dị cho đến nay chưa ai thấy”. Toàn thân cạu, từ đầu xuống chân, da thịt, chân tay,

khớp đốt, mũi nhọn đều rung lên. Hai bàn chân, ống chân, đầu gối tự dịch chuyển ra đằng sau. Gân trước trán bị kéo ra sau gáy, thành từng cục to hơn đầu bé trai một tháng tuổi.

Một mắt lún sâu vào đầu đến mức khó mà biết nếu con diệc hoang nằm áp vào cằm cậu thì có với tới được mà kéo nó ra trên má cậu hay không; còn mắt bên kia thì bỗng lồi ra, nằm trọn trên má. Miệng cậu méo xệch đến mang tai... những đốm lửa từ đó tràn ra. Tiếng tim đập thành thịch trong cậu giống như tiếng tru của chó tai cụp đang săn mồi, hay tiếng sư tử đang tấn công gấu. Giữa những đám mây trời trên đầu cậu thấy từng đám từng đốm lửa đỏ đỏ rực rỡ tua ra, chúng bốc lên trên đầu do con thịnh nộ hung tàn hùng hực của cậu. Tóc cậu rối bù khắp quanh đầu... giả ta có lay một cây táo trĩu quả trên đầu cậu, thì có thể đoán rằng sẽ không có trái táo nào rơi xuống đất được, mà mỗi trái sẽ bị đâm xuyên trên một sợi tóc dựng đứng trên đầu cậu vì thịnh nộ. “Con bộc phát người hùng” vọt ra từ trán, vừa dài vừa dày hơn đá mài của người lính giỏi nhất. [Và cuối cùng:] cao hơn, dày hơn, cứng hơn, dài hơn cả cột buồm con tàu lớn là cột mấu đen thẳng đứng từ ngay giữa đỉnh sọ cậu vọt lên và bắn ra tứ phương; từ đó sinh ra một đám mây mù âm u thần diệu tựa tấm màn khói phủ trong nội cung khi ông vua lại gần vào lúc đêm đông buông xuống.⁽¹⁴⁾

3. NGƯỜI HÙNG LÀ CHIẾN BINH

Nơi người hùng sinh ra, hay xứ lưu đầy xa xôi từ đó anh ta trở về để thực hiện những kỳ tích trưởng thành giữa con người, là điểm giữa hay rốn thế giới. Những gợn sóng lan ra từ nguồn mạch ngầm dưới nước thế nào thì các hình tượng trong vũ trụ cũng lan rộng thành từng vòng tròn từ nguồn như thế ấy.

“Bên trên những đáy sâu bao la, không dịch chuyển, bên dưới chín thiên cầu và bảy tầng trời, ở tâm điểm, Rốn Thế Giới,

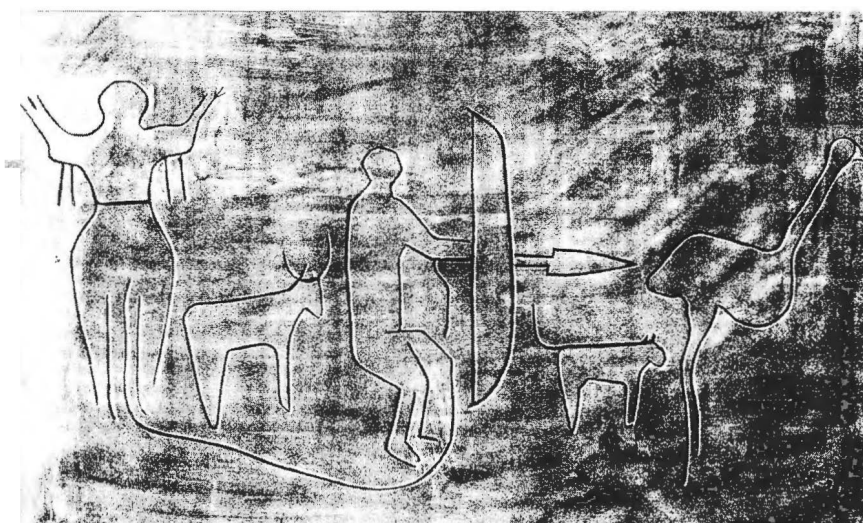
noi tĩnh lặng nhất trên mặt đất, nơi mùa hè bất tận ngự trị và chim cu bắt tử gáy ngàn thu, ở đó Chàng Trai Trắng bắt đầu có ý thức." Một truyện thần thoại người hùng của người Yakut ở Siberia mở đầu như vậy. Chàng Trai Trắng lên đường để biết mình ở đâu và nơi ở trông thế nào. Về phía Đông trải dài một cánh đồng rộng, chưa cày xới, ở giữa mọc lên một ngọn đồi lớn, trên đỉnh đồi có một cây khổng lồ. Nhựa cây đó trong suốt và có mùi hương ngọt ngào, vỏ không bao giờ khô hay nứt nẻ, nhựa lỏng lánh ánh bạc, lá sum suê không bao giờ úa tàn, còn hoa đuôi sóc lớn tựa chùm chén lật úp. Ngọn cây mọc vượt lên bảy tầng trời và làm cột buộc ngựa cho Chúa Trời, Yryn-ai-tojon; còn rễ đâm xuyên xuống các vực sâu dưới lòng đất, tạo thành cột nhà cho các sinh vật hoang đường của riêng vùng đó. Cây chuyện trò, qua tầng lá, với các sinh linh trên trời.

Khi Chàng Trai Trắng quay mặt về phía Nam, chàng nhận thấy ở giữa đồng cỏ xanh có Hồ Sữa phẳng lặng không một làn gió lay; quanh bờ hồ là những đầm lầy váng sữa. Về phía Bắc có một rừng cây âm u xào xạc ngày đêm; trong đó đủ loài thú đi lại. Những rặng núi cao ngất vươn lên bên trên, trông như đội mũ lông thỏ trắng; núi tựa vào bầu trời và che chở vùng đất giữa này khỏi ngọn gió Bắc. Một đám cây bụi dày kéo dài về phía Tây, bên kia là cánh rừng cây linh sam cao; đằng sau rừng lấp lánh vài đỉnh núi đầu tù lè loi.

Vậy đây là thế giới nơi Chàng Trai Trắng nhìn thấy ánh sáng ban ngày. Tuy vậy, lát sau chán vì có một mình, chàng đi lại cây đời to lớn. "Lạy bà, mẹ của cây và nơi ở của tôi," chàng khẩn; "mọi thứ sống đều có đôi có cặp và sinh con đẻ cái, nhưng tôi chỉ có một mình. Giờ tôi muốn đi xa tìm vợ đồng loại với mình; tôi ước được độ sức với loài mình; tôi muốn quen biết loài người - để sống theo lễ thói của người. Đừng khước từ tôi phúc lành của bà; tôi xin khiêm hạ cầu xin. Tôi xin khấu đầu quỳ gối."

Lá cây bèn lao xao, rồi một cơn mưa mịn trắng như sữa từ trên cây đổ xuống Chàng Trai Trắng. Có một làn gió ấm. Cây

bắt đầu kéo kệt và một người nữ trỗi ra đến ngang eo: một đàn bà tuổi trung niên, ánh mắt nghiêm chỉnh, mái tóc xổ tung, bầu ngực để trần. Nữ thần ban sữa cho chàng trai từ bầu ngực nở nang, và sau khi nhận sữa chàng cảm thấy mạnh mẽ lên gấp trăm lần. Đồng thời nữ thần hứa cho chàng trai mọi điều hạnh phúc và ban phúc cho chàng để nước, lửa, sắt hay bất kỳ gì khác cũng không làm hại được chàng.⁽¹⁵⁾



HÌNH 72. Tranh khắc đá thời Đồ đá cũ
(tranh khắc đá, thời kỳ Đồ đá cũ, Algiers, không rõ niên đại)

Từ điểm rốn, người hùng lên đường thực hiện định mệnh mình. Những việc làm của anh ta khi trưởng thành rót quyền năng sáng tạo vào thế giới.

Väinämöinen cao tuổi hát;
Hồ đầy tràn, đất rung chuyển,
Núi bằng đồng rung lắc,
Đá hùng vĩ vang rền.
Núi non chẻ làm đôi;
Đá trên bờ rã tan.⁽¹⁶⁾

Khổ thơ của người hùng nhà thơ vang vọng phép mầu của từ mang uy lực; tương tự, lưỡi guom của người hùng chiến binh lóe lên năng lượng Nguồn sáng tạo: những vỏ bọc của Lỗi Thời rơi rụng khi gặp nó.

Vì người hùng thần thoại là người ủng hộ không phải những thứ đã thành mà những thứ đang thành; con rồng sẽ bị anh ta giết chính là quái vật mang tên nguyên trạng: Chấp Thủ, kẻ giữ quá khứ. Từ thân phận vô danh người hùng bước ra, còn kẻ thù lại mạnh mẽ và nổi bật ở ghế quyền lực; ông ta là kẻ thù, rồng, bạo chúa, vì ông dùng quyền uy thuộc về địa vị mình vào lợi ích riêng. Ông ta là Chấp Thủ không phải vì ông ta giữ *quá khứ* mà là vì ông ta *giữ*.

Ở đây tôi vẫn phân biệt giữa người hùng khổng lồ nửa thú trước kia (người lập thành đô, người đem lại văn hóa) và kiểu người hùng về sau, đã hoàn toàn là người. (Xem tr. 339-343.) Những kỳ tích của kiểu người hùng sau thường xuyên gồm cả việc hạ sát kiểu người hùng trước, những mạng xà và quỷ đầu bò từng ban ân huệ trong quá khứ. (Thánh thần đã bị vượt qua sẽ tức thì trở thành quỷ hủy diệt sự sống. Phải đập vỡ hình tượng và giải phóng năng lượng.) Cũng không phải hiếm gặp trường hợp những kỳ tích thuộc về các giai đoạn trước trong chu kỳ được gán cho người hùng con người, hoặc một người hùng thời trước có thể được biến thành người rồi tiếp tục duy trì đến thời đại sau; nhưng những lấy nhiễm và dị bản như vậy không làm thay đổi công thức chung.

Tên bạo chúa đã trở nên kiêu hãnh, và đấy là ngày tàn cho hắn. Hắn kiêu hãnh vì hắn nghĩ sức mạnh của mình là đích thực của mình; do vậy hắn lâm vào vai trò tên hề, một kẻ tưởng cái bóng là vật thật; định mệnh dành cho hắn là phải bị lừa. Người hùng thần thoại, trở lại từ bóng tối là nguồn sinh ra các hình hài ban ngày, nắm giữ bí mật về ngày tàn của bạo chúa. Chỉ cần một cử chỉ đơn giản như bấm cái nút, anh ta sẽ triệt tiêu cả khối kiến trúc ẩn tượng. Kỳ tích của người hùng là hành động liên tục đập tan những kết tinh trong từng khoảnh khắc. Chu kỳ tiến lên: thần thoại tập trung vào điểm đang phát triển. Chính biến hóa và trôi chảy chứ không phải ù lì dai dẳng mới là đặc điểm của Chúa Trời

đang sống. Nhân vật lớn của từng khoảnh khắc tồn tại để rồi bị đập tan, chặt khúc, vắt rải khắp nơi. Nói vắn tắt lại: bạo chúa-yêu tinh là người bảo vệ thực tế phi thường, người hùng là người bảo vệ sự sống sáng tạo.

Giai đoạn có người hùng trong hình tượng *người* của thế giới chỉ bắt đầu khi các làng mạc thành đô đã lan tràn trên đất liền. Nhiều quái vật còn lại từ thời nguyên thủy vẫn lẩn quất trong các vùng hẻo lánh bên ngoài, và do ác ý hay tuyệt vọng mà quyết chí chống lại cộng đồng con người. Phải dẹp sạch những quái vật đó. Hơn nữa, còn nổi lên những bạo chúa do con người đẻ ra, chiếm của cải đồng loại làm của riêng, gây nên khốn khổ lan tràn. Phải trấn áp những tên này. Những kỳ tích sơ đẳng của người hùng là thuộc loại dọn trống cánh đồng.

Kut-o-yis, hay “Cậu Bé Huyết”, sau khi được lấy trong nôi ra và lớn đến tuổi trưởng thành trong một ngày, đã tiêu diệt đứa con rể ưa giết chóc của cha mẹ nuôi, rồi tiếp đến diệt trừ yêu tinh trong vùng. Chàng tiêu diệt một bộ tộc gấu hung dữ, chỉ chừa lại một con cái sắp làm mẹ. “Nó van xin tha mạng đáng thương đến độ chàng tha cho nó. Nếu chàng không làm vậy, trên đời đã chẳng còn gấu.” Rồi chàng giết một bộ tộc rắn, nhưng lại chừa ra một con “sắp làm mẹ”. Kế đến chàng chủ tâm đi vào một con đường đã được cho biết là nguy hiểm.

Khi chàng đang đi, một con bão lốc lớn ập đến và cuối cùng cuốn chàng vào miệng một con cá lớn. Đây là một con cá hút và gió là do nó hút mà sinh ra. Khi vào đến bụng cá, chàng thấy có rất nhiều người. Nhiều người đã chết, nhưng một số vẫn còn sống. Chàng nói với mọi người, “A, chắc phải có trái tim đâu đây. Chúng ta sẽ nhảy múa một phen.” Thế là chàng sơn trắng mặt mày, quanh mắt miệng chàng tô những khoanh đen, và cột một con dao đá trắng trên đầu, mũi nhọn đâm lên. Chàng còn đeo thêm vài lục lạc bằng vỏ ngựa. Rồi mọi người bắt đầu nhảy múa. Chàng Huyết ngồi một lúc huơ tay làm động tác gió thổi và hát. Rồi chàng đứng lên nhảy nhót, nhảy lên nhảy xuống cho đến khi con dao trên đầu đâm vào

quả tim. Rồi chàng cắt trái tim xuống. Tiếp đến chàng rạch sườn con cá, và thả mọi người ra.

Huyết lại nói mình phải đi tiếp. Trước khi lên đường, mọi người cảnh báo chàng, nói rằng chẳng bao lâu chàng sẽ gặp một người đàn bà luôn thách mọi người đấu vật, nhưng chàng không được nói gì với bà ta. Chàng chẳng để tâm đến điều họ nói, và đi được một đoạn, chàng thấy một người đàn bà gọi chàng tới chỗ mình. “Không,” Huyết nói. “Ta đang vội.” Tuy vậy, đến lần thứ tư người đàn bà gọi chàng đến, chàng nói, “Được, nhưng mụ phải chờ một chút, vì ta mệt rồi. Ta muốn được nghỉ ngơi. Khi ta nghỉ xong, ta sẽ tới vật với mụ.” Thế rồi, trong khi nghỉ ngơi, chàng thấy dưới đất có nhiều con dao lớn đâm lên nhưng lấp trong rom rạ. Chàng mới biết rằng người đàn bà đã giết mọi người vật với mụ



HÌNH 73. *Pharaoh Narmer giết kẻ thù chiến bại*
(chạm nổi sa thạch, Cổ Vương quốc, Ai Cập, khoảng 3100 TCN)

bằng cách ném họ xuống đám dao. Nghiêng ngời xong, chàng tới chỗ mộ. Người đàn bà bảo chàng đứng vào chỗ chàng đã thấy đám dao; nhưng chàng nói, “Không, ta vẫn chưa sẵn sàng lắm. Ta hãy chơi một chút, trước khi bắt đầu.” Thế là chàng bắt đầu vờn người đàn bà, nhưng nhanh chóng tóm được mộ, ném mộ lên đám dao, khiến mộ đứt làm đôi.

Chàng Huyết lại lên đường, rồi lúc sau đến một trại có mấy bà già. Mấy bà già bảo chàng rằng đi một đoạn nữa chàng sẽ gặp một người đàn bà có một cái đu, nhưng chàng tuyệt không được đu với mộ ta. Chốc sau chàng đến một nơi có cái đu trên bờ con suối chảy xiết. Có một người đàn bà đang ngồi đu trên đó. Chàng nhìn mộ ta một lúc thì thấy rằng mộ ta giết người bằng cách đẩy họ ra cho rơi xuống nước. Biết được như vậy, chàng đi lại chỗ mộ ta. “Ở đây bà có một cái đu; cho tôi xem bà đu nào,” chàng nói. “Không,” mộ ta trả lời, “ta muốn xem mi đu.” “Được,” chàng Huyết nói, “nhưng bà phải đu trước.” “Được,” mộ ta nói, “giờ ta đu đây. Nhìn ta này. Rồi ta sẽ xem mi làm.” Thế là người đàn bà đu ra trên dòng suối. Khi mộ ta làm vậy, chàng thấy nên làm thế nào. Rồi chàng nói với người đàn bà, “Bà đu lại đi đợi ta chuẩn bị”; nhưng lần này khi người đàn bà đu ra, chàng cắt sợi dây đu để mộ ta rơi xuống nước. Chuyện này xảy ra trên Suối Bờ Cắt.⁽¹⁷⁾

Chúng ta quen thuộc với những kỳ tích như vậy từ các truyện cổ tích cho thiếu nhi về chàng Jack giết người khổng lồ và các sự tích Hy-La về công trạng của những anh hùng như Herakles và Theseus. Những kỳ tích ấy cũng thường gặp trong truyền thuyết về các thánh Cơ Đốc, như trong câu chuyện thú vị sau đây của Pháp về thánh Martha.

Thời ấy trên bờ sông Rhône, trong khu rừng nằm giữa Avignon và Arles, có một con rồng, nửa thú, nửa cá, lớn hơn bò, dài hơn ngựa, răng nhọn như sừng, cánh rộng hai bên người; con quái thú này giết mọi người đi đường và đánh đắm mọi tàu bè. Nó từ Galatia qua biển tới. Cha mẹ nó là Leviathan - một quái thú hình

thù rắn ngự dưới biển - và Onager - một con thú khủng khiếp nuôi ở Galatia, mọi thứ nó chạm vào đều bùng cháy.

Một ngày thánh Martha lên đường diệt rồng do nghe lời khẩn cầu của mọi người. Tìm được nó trong rừng, đang ăn thịt một người, bà rảy nước thánh lên nó và đưa cây thánh giá ra. Tức thì quái vật bị chế ngự, ngoan ngoãn như cừu đến bên cạnh thánh, bà quấn dây lưng quanh cổ nó và dẫn nó đến làng bên. Ở đó dân làng dùng đá và gậy gộc giết nó chết.

Và vì dân ở đây gọi con rồng là Tarasque, nên thị trấn này lấy tên Tarascon để tưởng nhớ. Trước đó nó vẫn được gọi là Nerluc, nghĩa là Hồ Đen, vì có những khu rừng u tối tiếp giáp con suối.⁽¹⁸⁾

Các vua chiến binh thời cổ đại cũng nhìn nhận công tích của mình trên tinh thần người giết quái vật. Thật thế, công thức người hùng áo giáp sáng lòa đi đánh rồng này đã được dùng làm phương sách rất hay để biện minh cho mọi cuộc thập tự chinh. Vô số bia tưởng niệm đã được viết ra với sự tự phụ phô trương, giống như tấm bia hình nêm sau đây của Sargon thành Agade (Akkad), sau khi phá hủy các thành đô xưa của dân Sumer, chính là hình mẫu mà dân ông đã bắt chước làm nên nền văn minh của mình.

Sargon, vua thành Agade, phó nhiếp chính của nữ thần Ishtar, vua xứ Kish, *pashishu*^(*) của thần Anu, vua của vùng đất [Luống Hà - BT], đại *ishakku*^(†) của thần Enlil: thành đô Uruk ngài đập tan và tường thành ngài phá hủy. Ngài đấu với dân Uruk và bắt [vua Uruk - BT] cùm lại dẫn qua cổng nhà Enlil. Sargon, vua thành Agade, đấu với người chủ Ur và thắng; thành đô ngài đập tan và tường thành ngài phá hủy. E-Ninmar ngài đập tan và tường thành ngài phá hủy, và toàn bộ lãnh thổ của nó, từ Lagash cho đến biển, ngài đập tan. Ngài rửa vũ khí dưới biển...

*. Tầng lớp tu sĩ được giao việc chuẩn bị và xức dầu thiêng.

†. Thầy tu chính, cai trị xứ sở trong tư cách phó nhiếp chính cho thần.

4. NGƯỜI HÙNG LÀ NGƯỜI YÊU

Quyền bá chủ giành được từ kẻ thù, tự do cướp được từ thói hiểm độc của quái thú, năng lượng sống giải phóng khỏi những lưới bẫy của bạo chúa Cháp Thủ - có biểu tượng là một người đàn bà. Nàng là thiếu nữ bị giam cầm trong vô số cuộc giết rồng, cô dâu cuôm đi khỏi người cha khư khư canh giữ, trinh nữ giải cứu được từ người yêu ma quỷ. Nàng là “nửa kia” của người hùng - vì “mỗi người là cả hai”: nếu địa vị của chàng ta ở tầm mức quân vương thế giới thì nàng là thế giới, còn nếu chàng ta là chiến binh thì nàng là danh vọng. Nàng là hình ảnh về định mệnh của chàng mà chàng phải giải phóng khỏi ngục tù hoàn cảnh vây bọc. Nhưng hễ chàng không biết định mệnh mình, hay si tưởng vì những suy nghĩ sai lạc, dẫu có nỗ lực cách mấy chàng ta cũng sẽ không vượt qua được chướng ngại.^(*)

Chàng trai Cuchulainn lăm liết ở triều đình của ông cậu, vua Conchobar, khiến các công hầu lo ngại ngay ngáy cho đức hạnh của các bà vợ. Họ khuyên vua nên tìm cho chàng một cô vợ. Các sứ thần của nhà vua đi khắp bốn tỉnh xứ Ireland, nhưng không tìm được ai chàng chịu làm quen. Rồi chính Cuchulainn đi đến gặp thiếu nữ chàng quen ở Luglochta Loga, “Vườn Lugh”. Và chàng thấy nàng trên sân chơi, với các chị em nuôi xung quanh, dạy họ thêu thùa và nữ công. Emer ngẩng khuôn mặt yêu kiều lên và nhận ra Cuchulainn, nàng bèn nói: “Cầu cho chàng bình an vô sự!”

Khi cha của cô gái, Forgall Đa Mưu, nghe nói đôi trẻ trò chuyện với nhau, ông lập mưu cho Cuchulainn đi học võ nghệ với Donall Chiến Binh ở Alba, cho rằng chàng trai sẽ không bao giờ quay về. Thế rồi Donall lại giao chàng một nhiệm vụ khác, ấy là thực hiện hành trình bất khả đến gặp một nữ chiến binh nọ,

*. Ta sẽ bắt gặp một ví dụ tức cười và nhiều ý nghĩa về thất bại tệ hại của người hùng vĩ đại trong *Kalevala* của Phần Lan, khúc IV-VIII, ở đó Väinämöinen tán tỉnh không thành, đầu tiên là Aino, rồi “trinh nữ xứ Pohjola”. Câu chuyện quá dài không thể trình bày ở đây được.

Scathach, rồi ép bà dạy dỗ chàng thuật can đảm siêu nhiên. Hành trình người hùng của Cuchulainn trình bày đơn giản và sáng tỏ lạ lùng mọi yếu tố cơ bản trong việc hoàn thành nhiệm vụ bất khả theo cách cổ điển.

Con đường sẽ phải băng qua một đồng bằng xui xẻo: ở nửa bên này chân người bị dính chặt xuống; ở nửa xa hơn cỏ mọc cao và xiên cứng lấy chân trên đầu lá cỏ nhọn sắc. Nhưng một chàng trai đẹp đẽ xuất hiện đưa cho Cuchulainn một bánh xe và một quả táo. Qua nửa đầu đồng bằng phải cho bánh xe lăn đi ngay trước mình, qua nửa sau dùng quả táo. Cuchulainn chỉ cần đi theo sát đường chỉ dẫn mỏng manh của chúng, không bước sang hai bên, rồi chàng sẽ qua tới thung lũng hẹp hiểm trở bên kia.

Nhà của Scathach nằm trên một hòn đảo, và chỉ có một cây cầu bắc có để sang hòn đảo này: hai đầu cầu thấp còn khoảng giữa lại cao, và mỗi khi có ai nhảy lên một đầu cầu, đầu kia sẽ bật lên và thấy hấn ngã ngựa. Cuchulainn bị hất ba lần. Rồi chàng lên con biển dạng, và dồn sức, chàng nhảy lên đầu cầu, rồi làm cú nhảy cá hồi của người hùng, đáp xuống ở giữa; và đầu kia cầu chưa bật lên hết thì chàng đã tiếp đất tại đó, phóng lên khỏi đó, và thế là đã đặt chân lên hòn đảo.

Nữ chiến binh Scathach có một cô con gái - như các quái vật trong truyện thường có - và cô gái trẻ sống trong cảnh đơn độc này chưa từng thấy gì đẹp gần được như chàng trai từ giữa không trung rơi xuống thành trì của mẹ cô. Khi nghe chàng trai kể sứ mệnh của chàng, cô mô tả cho chàng cách hay nhất để đến thuyết phục mẹ cô dạy chàng những bí quyết để có lòng can đảm siêu nhiên. Chàng nên dùng cú nhảy cá hồi của người hùng đi đến cây thủy tùng lớn nơi Scathach đang dạy cho các con trai, kê guom vào giữa ngực bà, và nói lời yêu cầu.

Cuchulainn làm theo chỉ dẫn, được nữ chiến binh phù thủy dạy cho các chiêu thức của bà, được cưới con gái bà mà không phải trả hồi môn, được biết tương lai của mình, và ăn nằm với chính bà. Chàng ở lại một năm, trong thời gian đó chàng giúp bà trong trận đánh lớn với nữ hoàng chiến binh Aife rồi có một con

traí với nàng. Cuối cùng, sau khi giết một mục giả tranh giành với chàng lối đi hẹp trên rìa vách đá, chàng lên đường về lại Ireland quê nhà.

Thêm một cuộc phiêu lưu chiến chinh và tình ái nữa, rồi Cuchulainn về tới nơi thì thấy Forgall Đa Mưu vẫn không ưng mình. Lần này chàng đưa phắt cô con gái đi, và họ được làm lễ cưới ở triều đình nhà vua. Chính cuộc phiêu lưu đã cho chàng khả năng triệt tiêu mọi chống đối. Cái phiên duy nhất là ông cậu Conchobar, nhà vua, sử dụng quyền vua hưởng trước cô dâu trước khi cô chính thức về với chú rể.⁽¹⁹⁾

Motif nhiệm vụ gian khó là điều kiện tiên quyết để được vào giường vu quy đã dặt nên những chiến công của người hùng mọi thời đại và khắp thế giới. Trong những câu chuyện kiểu này người cha đóng vai Chấp Thủ, còn việc người hùng khôn khéo hoàn thành được nhiệm vụ thì tương đương với giết rồng. Các thử thách đặt ra đều gian khó không tưởng tượng nổi. Thử thách đó dường như thể hiện sự khước từ dứt khoát, ở phía cha mẹ yêu tinh, không cho phép đời sống diễn ra như nó muốn; tuy vậy, khi có ứng viên phù hợp xuất hiện, không nhiệm vụ nào trên đời là quá sức anh ta. Những người phù trợ không lường trước, những phép lạ thời gian và không gian tới giúp cho sứ mệnh của anh ta; bản thân định mệnh (trinh nữ) cũng giúp một tay và tiết lộ điểm yếu trong hệ thống cha mẹ. Những rào cản, gông cùm, vực thẳm, mặt trận đủ loại tan rã trước sự hiện diện uy quyền của người hùng. Mất của kẻ chiến thắng đặc định luôn nhận thấy ngay kẻ hở trong mọi thành trì tình huống, thế là đòn giáng của anh ta chẻ nó nứt toác.

Đặc điểm giàu ý nghĩa và thúc đẩy sâu xa nhất trong cuộc phiêu lưu muôn màu này của Cuchulainn là lối đi vô hình, độc nhất, mở ra cho người hùng nhờ bánh xe và trái táo lăn. Phải hiểu điều này là biểu tượng và ám chỉ về phép lạ của định mệnh. Trước một người không bị dẫn dụ lạc lối khỏi chính mình bởi những xúc cảm bất nguồn từ bề mặt anh ta thấy, mà can đảm đáp lại sự vận động của bản tính mình - trước một người, như

Nietzsche diễn đạt, là “một bánh xe tự lăn” - những gian truân tan biến và con đường lớn bất ngờ mở ra cho anh ta đi.

5. NGƯỜI HÙNG LÀ HOÀNG ĐẾ VÀ BẠO CHÚA

Người hùng hành động là tác nhân của chu kỳ, đem cái xung động ban đầu đã vận hành thế giới nối tiếp vào khoảnh khắc sống. Vì mắt ta không thấy cái nghịch lý tiêu điểm đôi, chúng ta ngỡ như kỳ tích đã được một cánh tay mạnh mẽ hoàn thành giữa hiểm nguy và đau đớn vô cùng, trong khi đó từ góc nhìn kia thì kỳ tích đó, giống như việc giết rồng cổ mẫu - Marduk giết Tiamat - chỉ là làm cho cái tất yếu xảy ra.

Tuy nhiên, người hùng tối cao không phải là người chỉ đơn thuần nối tiếp sự vận động của chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, mà là người mở mắt ra lại - để qua mọi sanh diệt, thú vui và thống khổ của toàn cảnh thế giới, Hiện Diện Độc Nhất sẽ được thấy lại. Người hùng này cần có một minh triết uyên áo hơn người hùng kia, và đưa đến không phải một mô thức hành động mà một mô thức đại diện mang ý nghĩa. Biểu tượng của người hùng đầu là lưỡi gươm đức hạnh, của người hùng thứ hai là quyền trượng bá chủ, hay sách luật. Cuộc phiêu lưu điển hình của người hùng đầu là giành được cô dâu - cô dâu là sự sống. Cuộc phiêu lưu của người hùng thứ hai là đi đến người cha - người cha là cái không được biết vô hình.

Các cuộc phiêu lưu thuộc dạng thứ hai vừa khớp với các mô thức tranh tượng tôn giáo. Ngay cả một truyện dân gian đơn giản cũng có khi bỗng dò trúng đáy sâu khi người con trai của mẹ đồng trinh một hôm hỏi mẹ: “Cha con là ai?” Câu hỏi chạm đến vấn đề con người và cái vô hình. Theo sau đó tất yếu là các motif thần thoại quen thuộc về hòa giải.

Người hùng của dân Pueblo, Cậu Bé Vô Nước, đã hỏi mẹ câu này.

“Cha con là ai?” cậu hỏi. “Mẹ không biết,” cô trả lời. Cậu hỏi lại, “Cha con là ai?” nhưng cô cứ khóc và không đáp. “Nhà cha con ở đâu?” cậu hỏi. Cô không biết mà nói cho cậu. “Ngày mai con sẽ đi tìm cha.” “Con không tìm được cha đâu,” cô nói. “Mẹ không hề đi với chàng trai nào, nên không có nơi nào để con tìm thấy cha đâu.” Nhưng cậu bé nói, “Con có cha, con biết cha sống ở đâu, con sẽ đi gặp cha.” Người mẹ không muốn cậu đi, nhưng cậu muốn đi. Thế là sáng sớm hôm sau cô lo bữa trưa cho cậu, và cậu đi về phía Đông Nam có con suối mà người ta gọi là Waiyu powidi, Mũi núi Ngựa. Cậu đi đến gần con suối đó thì thấy có ai đang đi khỏi suối một đoạn. Cậu đi lại chỗ ông. Đó là một người. Ông hỏi cậu bé, “Mi đi đâu đấy?” “Tôi đi gặp cha,” cậu đáp. “Cha mi là ai?” người kia hỏi. “Dạ, cha tôi sống dưới suối này.” “Mi sẽ không bao giờ tìm thấy cha đâu.” “Dạ, tôi muốn đi xuống suối, ông sống dưới đó.” “Cha mi là ai?” ông ta lại hỏi. “Dạ, tôi nghĩ ông là cha tôi,” cậu bé nói. “Làm sao mi biết ta là cha mi?” người này hỏi. “Dạ, tôi biết ông là cha tôi.” Rồi người này cứ nhìn cậu, để cậu sợ. Cậu bé cứ nhắc lại, “Ông là cha tôi.” Chốc sau người kia nói, “Phải, ta là cha con. Ta từ suối lên để đón con,” và ông quàng tay quanh cổ cậu. Cha cậu rất mừng vì con trai đến, và ông dẫn cậu xuống suối.⁽²⁰⁾

Khi mục tiêu của nỗ lực người hùng là tìm ra người cha chưa biết, các biểu tượng cơ bản vẫn là các thử thách và con đường tự mở ra trước người hùng. Trong ví dụ trên, thử thách chỉ còn là những câu hỏi dai dẳng và cái nhìn đáng sợ. Trong câu chuyện trước về người vợ nghèo, hai người con trai đã bị thử thách bằng con dao tre. Chúng ta đã thấy, khi điểm lại cuộc phiêu lưu của người hùng, sự nghiêm khắc của người cha có thể lên đến mức nào. Với giáo đoàn của Jonathan Edwards, người cha đã thành con yêu tinh thật sự.

Người hùng được cha ban phúc sẽ quay về lại để đại diện cho người cha giữa con người. Trong vai trò người thầy (Moses) hay hoàng đế (Hoàng Đế), lời của anh ta là luật. Vì giờ anh ta đã tập trung ở chính nguồn, anh ta sẽ làm tỏ lộ cái tĩnh lặng và hài

hòa của nơi trung tâm. Anh ta là phản chiếu của Trục Thế Giới mà từ đó các vòng tròn đồng tâm lan ra - Núi Thế Giới, Cây Thế Giới - anh ta là tấm gương tiểu vũ trụ phản ánh hoàn hảo đại vũ trụ. Nhìn thấy anh ta là hiểu được ý nghĩa tồn tại. Hiện diện của anh ta ban phát ân huệ tới mọi nơi; lời của anh ta là gió sự sống.

Nhưng một sự suy đồi có thể diễn ra trong tính cách người đại diện của người cha. Một bước ngoặt như vậy được mô tả trong truyền thuyết Hỏa giáo (Zoroaster giáo) Ba Tư về Hoàng đế Thời hoàng kim, Jemshid.

*Thầy đều nhìn lên ngai, và không nghe không thấy
Gì khác ngoài Jemshid, một mình ông là Vua,
Xâm chiếm mọi ý nghĩ; và họ ngợi ca
Tôn sùng con người trần đó,
Quên thờ đáng Hóa công.
Rồi kiêu hãnh ông nói với khanh tướng,
Say ngây tiếng tung hô của họ,
"Ta là vô song, vì nhờ ta mà thế giới
Có mọi khoa học, trước đây chưa từng tồn tại
Triều đại như ta, nhân từ
Lầm liệt, xóa tan khỏi vùng dân cư đông đúc
Bệnh tật và thiếu thốn. Hạnh phúc gia đình và ngợi ngợi
Đều từ ta, mọi thứ tốt đẹp cao cả
Chờ lệnh ta; giọng nói vũ trụ
Tuyên xưng cai trị lòng lấy của ta,
Vượt xa những gì lòng người hiểu được,
Và tuyên xưng mình ta là bậc quân chủ thế giới."
- Những lời này vừa thốt từ miệng ông
Lời vô đạo, xúc phạm đến trời cao,
Uỷ nghi trần thế của ông liền tàn lụi - rồi mọi cái lưới
Chuyển sang la ó và hỗn hào. Ngày của Jemshid
Trở nên âm u, ánh sáng của ông mịt mờ.
Kẻ giảng đạo đức đã nói gì? "Khi mi là vua
Thần dân đều tuân phục, nhưng kẻ nào*

Kiều mạn lơ là thờ phụng Chúa

Sẽ chịu cảnh tan nhà nát cửa.”

- Và khi ông nhận ra sự xác lảo của dân mình,

Ông biết trời cao bị chọc giận,

Và ông hết sức kinh hoàng.⁽²¹⁾

Thần thoại Ba Tư bắt nguồn từ hệ thống Ấn-Âu chung từng được mang đi từ vùng thảo nguyên Aral-Caspi vào Ấn Độ và Iran, và cả châu Âu. Những ngôi thần chính trong các kinh sách cổ sớm nhất (Avesta) của người Ba Tư tương ứng sát sao với các thần trong những văn bản Ấn Độ xưa nhất (Veda: xem tr. 131 ở trên). Nhưng hai nhánh dân chịu ảnh hưởng khác xa nhau ở quê nhà mới, truyền thống Veda dần dà quy phục các lực lượng Ấn Dravidia, truyền thống Ba Tư thì quy phục ảnh hưởng Sumer-Babylon.

Đầu thiên niên kỷ thứ nhất TCN, tín ngưỡng Ba Tư được nhà tiên tri Zarathustra (Zoroaster) sắp xếp lại theo một hệ nhị nguyên chặt chẽ các nguyên lý thiện và ác, ánh sáng và bóng tối, thiên thần và ác quỷ. Bước ngoặt này ảnh hưởng sâu sắc không chỉ đến người Ba Tư mà còn các tín ngưỡng Hebrew phụ thuộc, và từ đó đến Cơ Đốc giáo (nhiều thế kỷ sau). Nó đại diện cho sự chệch hướng toàn triệt khỏi cách giải thích thần thoại thường gặp hơn, rằng thiện ác là các kết quả xuất phát từ một nguồn hiện hữu duy nhất, siêu việt và dung hòa các đối cực.

Ba Tư bị các tín đồ cuồng tín của Mohammed lật đổ, năm 642. Những ai không chịu cải đạo đều bị chém. Một số ít ỏi còn lại tóe lánh nạn ở Ấn Độ, ở đó họ sống sót đến ngày nay dưới tên gọi người Parsi (“Ba Tư”) ở Bombay [nay là Mumbai - BT]. Tuy vậy, sau một giai đoạn chừng ba thế kỷ, một cuộc “Phục hưng” văn chương Hồi giáo-Ba Tư đã diễn ra. Những tên tuổi lớn là: Firdausi (940-1020?), Omar Khayyam (?-1123?), Nizami (1140-1203), Jalal ad-Din Rumi (1207-1273), Saadi (1184-1291), Hafiz (?-1389?) và Jami (1414-1492). *Shah Nameh* (“Trường thi về các vua”) của Firdausi thuật lại theo thể thơ tự sự đơn sơ và đường bệ câu chuyện về Ba Tư cổ đại cho tới thời kỳ có cuộc chinh phục Hồi giáo.

Không còn coi các ân huệ từ cuộc trị vì của mình là xuất phát từ nguồn siêu việt nữa, hoàng đế đập vỡ điểm nhìn kép mà ông có vai trò duy trì. Ông không còn là người trung gian giữa hai thế giới. Cái nhìn của con người hạ xuống trên mặt đất hai chiều, chỉ còn giữ lại vẻ của con người trong phương trình, và sự chứng nghiệm quyền năng thần thông tức thì biến mất. Ý niệm vẫn đóng vai trò kết nối cộng đồng đã tan rã. Cộng đồng chỉ

còn được gắn kết bằng sức mạnh. Hoàng đế trở thành yêu tinh bạo chúa (Herod-Nimrod), kẻ tiếm ngôi, và giờ đây thế giới phải được cứu khỏi tay hắn.

6. NGƯỜI HÙNG LÀ Đấng CỨU THẾ

Cần phân biệt hai cấp độ thụ giáo trong tòa lâu đài của người cha. Từ cấp độ đầu người con trai quay về trong vai sứ giả, nhưng từ cấp độ thứ hai anh ta về với hiểu biết rằng “ta và cha là một”. Người hùng ở cấp độ giác ngộ thứ hai, cao nhất này là kẻ cứu chuộc thế giới, mà ta vẫn gọi là hóa thân của thần, trong nghĩa cao nhất. Các thần thoại về họ mở ra đến tầm vóc vũ trụ. Lời họ mang một thẩm quyền vượt lên trên mọi điều mà người hùng của quyền trượng và sách luật loan báo.

“Tất cả các người hãy nhìn ta. Đừng nhìn quanh,” người hùng của bộ tộc Jicarilla Apache, Người Giết Kẻ Thù, nói;

Hãy nghe điều ta nói. Thế giới chỉ to bằng thân ta. Thế giới lớn bằng lời ta. Và thế giới rộng bằng lời cầu nguyện của ta. Bầu trời chỉ rộng bằng lời nói và cầu nguyện của ta. Các mùa chỉ lớn bằng thân ta, lời ta, và cầu nguyện của ta. Các vùng biển cũng vậy; thân ta, lời ta, cầu nguyện của ta lớn hơn các vùng biển.

Kẻ nào tin ta, kẻ nào lắng nghe điều ta nói, sẽ được trường thọ. Kẻ không nghe, kẻ nghĩ theo cách xấu xa, sẽ đoán mệnh.

Đừng nghĩ ta ở Đông, Nam, Tây, hay Bắc. Mặt đất là thân ta. Ta ở đó. Ta ở khắp cùng. Đừng nghĩ ta chỉ ngụ dưới đất hay trên trời, hay chỉ trong các mùa, hay bên kia mặt nước. Tất cả chúng đều là thân ta. Đúng là âm ty, bầu trời, các mùa, các vùng biển, thấy đều là thân ta. Ta ở khắp cùng.

Ta đã trao cho các người cái mà các người phải cúng dường cho ta. Các người có hai loại ống điếu và các người có thuốc lá trên núi.⁽²²⁾

Công việc của hóa thân là bằng hiện diện của mình bác bỏ các lừa mị của yêu tinh bạo chúa. Yêu tinh bạo chúa đã chặn khuất nguồn ân sủng bằng cái bóng là nhân cách hữu hạn của hắn; hóa thân, đã diệt hẳn ý thức về bản ngã, là hóa hiện trực tiếp của luật. Hóa thân diễn lại cuộc đời người hùng - thực hiện các kỳ tích người hùng, diệt quái vật - ở một chiều kích lớn lao, nhưng làm tất cả với sự tự do như khi ta làm một công việc cốt cho mắt thấy, chứ chỉ cần một ý nghĩ cũng đủ hoàn thành việc đó rồi.

Kans, ông bác tàn bạo của Kṛṣṇa, kẻ tiếm ngôi chính cha mình trong thành Mathurā, ngày nọ nghe thấy một giọng nói bảo với hắn: “Địch thủ của mi đã ra đời, mi đã cầm chắc cái chết.” Kṛṣṇa và anh trai Balarāma đã được đánh cắp từ trong bụng mẹ đem đến chỗ đám người chăn bò để bảo vệ họ khỏi tên vua Nimrod của Ấn này. Thế là hắn cho lũ quỷ đuổi theo - Pūtana có sữa độc là kẻ đầu tiên trong số này - nhưng mọi mưu đồ đều bị hóa giải. Thế rồi khi các chúc của hắn đều thất bại, Kans quyết tâm dụ hai chàng trai vào thành. Một sứ giả được cử đi mời đám chăn bò đến dự một buổi hiến tế và tỷ thí lớn. Họ nhận lời. Có hai anh em trong số họ, đám chăn bò đến dựng lều bên ngoài tường thành.

Kṛṣṇa và anh trai Balarāma đi xem các kỳ quan trong thành. Có những khu vườn, cung điện, cụm rừng lộng lẫy. Họ gặp một người giặt giũ và hỏi xin ít áo quần đẹp đẽ; khi ông ta cười và từ chối, họ dùng vũ lực cướp lấy áo quần và ăn vận rất choáng lộn. Rồi một cô gái gù xin phép Kṛṣṇa cho cô chà bột đàn hương lên thân thần. Thần đi lại chỗ cô, đặt hai chân lên chân cô, và để hai ngón tay dưới cằm cô, đỡ cô đứng lên thẳng tắp xinh đẹp. Rồi thần nói: “Khi nào giết Kans xong ta sẽ quay lại ở với nàng.”

Hai anh em đi đến đấu trường vắng vẻ. Ở đó cây cung của thần Śiva được dựng sẵn, to bằng ba cây cọ, lớn và nặng. Kṛṣṇa tiến tới kéo cung, cung gãy với tiếng động kinh hồn. Kans trong cung điện nghe thấy mà thất kinh.

Tên bạo chúa cho quân lính đi giết hai anh em trong thành. Nhưng hai chàng trai giết quân lính rồi về lại lều. Họ bảo đám chăn bò là họ đã có chuyến tham quan thú vị, rồi ăn tối, đi ngủ.



HÌNH 74. *Thần ngô trẻ*
(tượng đá, văn minh Maya, Honduras, khoảng 680-750)

Đêm đó Kans có những giấc mộng gở. Khi tỉnh dậy, hắn ra lệnh chuẩn bị đấu trường cho trận tỷ thí và thổi kèn tập hợp. Kṛṣṇa với Balarāma tới trong vai người làm trò tung hứng, theo sau là đám chăn bò bạn bè họ. Khi họ vào cổng, có con voi thịnh nộ sẵn sàng nghiền nát họ, hùng dũng bằng mười ngàn con voi bình thường. Tên quân tượng thúc voi thẳng đến Kṛṣṇa. Balarāma đâm nó một cú mạnh đến nỗi nó dừng lại, lảo đảo thụt lùi. Quân tượng lại thúc voi tới, nhưng hai anh em đánh nó lăn ra đất chết.

Hai chàng trai bước ra sân. Mọi người đều thấy hình ảnh khải lộ trước mắt phù hợp với bản tính của mình: những tay đấu sĩ nghĩ Kṛṣṇa là đấu sĩ, đàn bà nghĩ thần là vưu vật xinh đẹp khác thường, các thần linh thấy thần là chúa tể của họ, còn Kans nghĩ thần là Māra, bản thân Thần Chết. Khi thần đã hạ mọi võ sĩ được cử ra đấu với thần, cuối cùng giết cả kẻ mạnh nhất, thần vọt tới ngai vàng, túm tóc tên bạo chúa kéo xuống, giết chết hắn. Người, thần và thánh thấy đều hoan hỷ, nhưng các phi tần đi ra khóc than. Kṛṣṇa thấy họ đau buồn, an ủi họ bằng minh triết từ nguồn nguyên thủy: “Thưa mẹ,” thần nói, “đừng buồn đau. Không ai sống mà không chết. Tưởng mình sở hữu bất cứ gì cũng là sai lầm; không ai là cha, mẹ, hay con trai. Chỉ có vòng sinh tử triền miên không dứt.”⁽²³⁾

Các truyền thuyết về đấng cứu chuộc đều mô tả giai đoạn suy tàn là do một lỗi lầm đạo đức của người trần (Adam trong vườn địa đàng, Jemshid trên ngai). Nhưng theo góc nhìn chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, sự luân phiên đều đặn tốt và xấu là tính chất cơ bản của diễn cảnh thời gian. Trong lịch sử vũ trụ thế nào thì trong lịch sử các dân tộc cũng thế ấy: phát tán dẫn đến tan rã, trẻ đến già, sinh đến tử, hoạt lực tạo hình tương đến trở ì nặng nề. Sự sống dâng lên, quăng ra các hình tượng, rồi rút đi, để lại vô số củi rêu. Thời hoàng kim, triều đại trị vì của hoàng đế thế giới, và đất hoang, triều đại của bạo chúa, luân phiên trong nhịp đập từng khoảnh khắc đời sống. Vị thần-đấng sáng tạo cuối cùng sẽ thành kẻ hủy diệt.

Từ góc nhìn này thì yêu tinh bạo chúa cũng là đại diện của người cha chẳng khác nào vị hoàng đế thế giới đã bị ông ta truất ngôi, hay người hùng lỗi lạc (con trai) sẽ đánh đổ ông ta. Ông là đại diện cho chấp trước, giống như người hùng là kẻ mang lại đổi thay. Và vì mỗi khoảnh khắc thời gian đều vùng thoát khỏi gông cùm của khoảnh khắc trước đó, nên con rồng Chấp Thủ này cũng được hình dung là thuộc thế hệ ngay trước thế hệ đáng cứu thế.

Phát biểu trực tiếp thì như thế này: công việc của người hùng là giết khía cạnh bám trụ dai dẳng ở người cha (rồng, kẻ thử thách, vua yêu tinh) và giải thoát khỏi sự cấm đoán của nó những năng lượng sống sẽ nuôi sống vũ trụ.

Điều này có thể được thực hiện hoặc phù hợp với ý muốn của Cha hoặc trái ý ông; ông [người cha] có thể “chọn cái chết vì con cái mình”, cũng có thể là các thần bắt ông chịu khổ hình, biến ông thành nạn nhân hiến tế cho họ. Những giáo thuyết này không mâu thuẫn nhau, mà là những cách khác nhau để kể cùng một câu chuyện; thật ra, kẻ giết và rồng, kẻ hiến tế và kẻ bị đem hiến tế có chung một ý nguyện ở hậu trường, nơi không có phân cực đối chọi nhau, nhưng lại đóng vai những kẻ tử thù trên sân khấu, nơi phô diễn cuộc chiến triển miên giữa các thần và người khổng lồ. Ngã nào thì Cha Rồng cũng vẫn là một Pleroma^(*), không suy giảm mất lượng ông thở ra cũng như không tăng thêm lượng ông nạp lại. Ông là Cái Chết mà sự sống ta tùy thuộc; và với câu hỏi “Cái Chết là một hay nhiều?” câu trả lời là “Ông là một khi ở đó, nhưng là nhiều khi ông ở trong con cái ở đây.”⁽²⁴⁾

Người hùng ngày hôm qua thành bạo chúa ngày mai, trừ phi hôm nay anh ta tự đóng đinh *chính mình*.

Từ góc nhìn hiện tại thì sự đưa lại tương lai này có một vẻ khinh suất đến nỗi nó có vẻ mang tính hư vô chủ nghĩa. Lời của

*. Tiếng Hy Lạp, tạm hiểu là “sung mãn, đầy tràn”, ý chỉ tồn tại hoàn bị, trọn vẹn của Thần tính. (BT)

Kỵrạ, đáng cứu thế, cho các bà vợ của Kans đã chết mang một âm hưởng đáng sợ; lời của Jesus cũng vậy: “Ta đến, không phải đem sự bình an, mà là đem guom giáo. Ta đến để phân rẽ con trai với cha, con gái với mẹ, dâu với bà gia; và người ta sẽ có kẻ thù nghịch, là người nhà mình. Ai yêu cha mẹ hơn ta thì không đáng cho ta; ai yêu con trai hay là con gái hơn ta thì cũng không đáng cho ta.”⁽²⁵⁾ Để che chở kẻ chưa sẵn sàng, thần thoại che đậy những tiết lộ tối hậu như vậy trong các giả dạng nửa kín nửa hở, trong khi vẫn nhấn mạnh vào hình tượng mang tính hướng dẫn từng bước một. Nhân vật cứu thế diệt trừ người cha bạo chúa rồi lên ngôi thì (giống như Oedipus) cũng thế vào chỗ cha. Để giảm nhẹ chuyện giết cha tàn nhẫn, truyền thuyết trình bày người cha là một ông bác tàn bạo hay tên Nimrod tiếm ngôi. Dẫu vậy, sự thật ẩn giấu một nửa vẫn còn đó. Một khi đã thoáng thấy nó, toàn thể diễn cảnh sẽ đổ sụp: người con trai giết cha, nhưng con trai và cha là một. Các nhân vật khó giải đoán đều tan rã về lại hỗn mang nguyên thủy. Đây là minh triết về cái kết (và khởi đầu lại) của thế giới.

7. NGƯỜI HÙNG LÀ BẠC THÁNH

Trước khi ta đi tiếp sang hồi cuối cuộc đời, vẫn còn một kiểu người hùng nữa phải đề cập: vị thánh hay nhà tu khổ hạnh, người đã chối bỏ thế giới.

Được phú cho hiểu biết thuần khiết, kiên tâm tiết chế ngã, ngoảnh mặt với âm thanh và các đối tượng khác, từ bỏ yêu thương và hận thù; ngụ trong cô tịch, ăn ít, kiểm soát thân, khẩu, ý, luôn thiền định, chuyên tâm vào giải thoát khỏi tham luyến; bỏ ngã mạn và quyền lực, kiêu căng và tham dục, nộ khí và chiếm hữu, tâm tịnh, và diệt ngã - vị ấy trở nên xứng đáng là một với đáng bất hoại.⁽²⁶⁾

Mô thức vẫn là mô thức đi gặp cha, nhưng là đến với khía cạnh không thị hiện hơn là thị hiện: đi bước mà Bỏ tất từ

bỏ: bước không thể quay về. Ở đây cái muốn nói không phải nghịch lý điểm nhìn đôi, mà là đòi hỏi tối hậu của cái không nhìn thấy. Bản ngã đã tắt. Như chiếc lá khô trong làn gió, xác thân tiếp tục đi lại trên trần gian, nhưng linh hồn đã tan rã trong biển cực lạc.

Thomas Aquinas, sau một chứng nghiệm thần bí trong khi làm lễ Misa ở Naples, đã cất bút nghiên lên kệ và bỏ lại những chương cuối bộ *Summa Theologica* (Tổng luận thần học) cho một người khác hoàn tất. “Những ngày viết lách của ta,” ông viết, “đã qua, vì ta đã được mặc khải thấy những điều lớn lao đến độ mọi thứ ta từng viết và dạy trở nên thực nhỏ nhoi với ta, nên ta cầu xin Chúa Trời rằng giống như việc dạy dỗ của ta đã đến hồi kết, cầu cho đời ta cũng sớm đến hồi kết.” Không lâu sau, ở tuổi bốn mươi chín, ông qua đời.

Nằm ngoài sự sống, những người hùng này cũng nằm ngoài thần thoại. Họ không bàn đến nó nữa, và thần thoại cũng không thể bàn đúng về họ. Truyền thuyết về họ được kể lại, nhưng những suy tôn và bài học sùng mộ trong các tiểu sử tất yếu đều không thỏa đáng; đó chẳng qua là những lời ca tụng lối bịch. Họ đã bước ra khỏi cõi hình tượng, cõi mà các hóa thân giáng xuống và Bồ tát còn ở lại, cõi nửa nhìn nghiêng *thị hiện* của Gương Mặt Lớn. Khi đã phát hiện ra bên mặt *ẩn* rồi, thần thoại chỉ là lời gài cuối, im lặng mới là lời tối hậu. Khoảnh khắc tinh thần đi sang cõi ẩn, chỉ còn lại một mình im lặng.

Vua Oedipus cuối cùng biết ra rằng người đàn bà ông đã cưới là mẹ mình, người đàn ông ông đã giết là cha mình; ông móc mắt mình và ăn năn lang thang khắp mặt đất. Những môn đồ của Freud tuyên bố rằng mỗi người chúng ta đều đang giết cha mình, cưới mẹ mình, không ngừng nghỉ - chỉ có điều là một cách vô thức: những cách biểu tượng quanh co để cưới mẹ giết cha và những giải thích duy lý hóa cho hành động thôi thúc kéo theo sau đó đã tạo nên những cuộc đời riêng lẫn nền văn minh chung của chúng ta. Nếu cảm giác tình cờ đâu nhận biết được ý nghĩa đích thực của các hành động và ý nghĩ của thế giới, ta sẽ biết như

Oedipus đã biết: xác thịt sẽ bồng đầu mang lấy về một đại dương liên tục tự mình xâm hại mình. Đây là ý nghĩa của truyền thuyết về giáo hoàng Grêgôriô Cả, sinh ra từ loạn luân, sống trong loạn luân. Thất kinh, ông chạy trốn đến tảng đá ngoài biển, ăn năn về chính cuộc đời mình.



HÌNH 75. *Oedipus tự móc mắt mình*
(phù điêu đá, thời La Mã, Ý, khoảng thế kỷ 2-3)

Cái cây giò đã thành thánh giá: Chàng Trai Trắng bú sữa đã thành Đấng Bị Đóng Đinh nuốt mật đắng. Mực ruồng lan tràn nơi trước kia hoa xuân đua nở. Vậy nhưng bên kia ngưỡng thánh giá này - vì thánh giá là con đường (của mặt trời), không phải đích đến - là lạc phúc nơi Chúa Trời.

Người đóng triện lên tôi để tôi không yêu ai hơn Người.

Mùa đông đã qua; con cu gáy gáy; vườn nho bùng nổ hoa.

Bằng nhẫn của mình Đức Chúa Jesus Christ đã cưới tôi, và đội cho tôi vương miện làm cô dâu của Người.

Váy mà Người mặc cho tôi là váy lông lầy dệt vàng, còn vòng cổ Người đeo cho tôi thì vô giá.⁽²⁷⁾

8. NGƯỜI HÙNG RA ĐI

Hành động cuối cùng trong tiểu sử của người hùng là cái chết hay ra đi. Ở đây kết tụ toàn bộ ý nghĩa của cuộc đời. Lẽ đương nhiên, người hùng sẽ không phải người hùng nếu cái chết làm anh ta kinh hãi; điều kiện đầu tiên là hòa giải với nấm mộ.

Khi đang ngồi dưới cây sồi Mamre, Abraham nhận thấy ánh lóe sáng và mùi thơm ngọt ngào, quay lại thì ông thấy Thần Chết đi tới rất rực rỡ đẹp đẽ. Thần Chết nói với Abraham: “Abraham, đừng tưởng cái đẹp này thuộc về ta, hay với ai ta cũng đến trong dạng này. Không, nếu có ai công chính như ngươi, ta sẽ đội mũ miện đến với hắn như thế này, nhưng nếu hắn là tội đồ, ta đến mà vô cùng mục ruỗng, ta sẽ lấy tội lỗi của chúng làm mũ miện đội đầu, và ta khiến chúng run rẩy cực kỳ sợ hãi, để chúng thất đảm.” Abraham nói với ông ta, “Vậy có phải ông quả là kẻ gọi là Thần Chết?” Ông ta đáp rằng, “Ta đúng là cái tên cay đắng ấy,” nhưng Abraham đáp, “Tôi sẽ không đi với ông đâu.” Rồi Abraham nói với Thần Chết, “Cho chúng ta xem vẻ mục ruỗng của ông đi.” Vậy là Thần Chết hé lộ vẻ mục ruỗng, cho thấy hai đầu, một đầu có mặt của rắn, đầu kia giống thanh gươm. Mọi gia nhân của Abraham thấy dung mạo dữ dằn của Thần Chết đều lăn ra chết, nhưng Abraham cầu xin Chúa Trời, và ngài làm họ sống lại. Vì bề ngoài của Thần Chết không thể khiến linh hồn Abraham rời khỏi ông, Chúa Trời bèn lấy đi linh hồn của Abraham như trong giấc mơ, và tổng linh thiên thần Michael đem lên thiên đường. Sau khi các thiên thần

đem linh hồn Abraham lên đã tán dương ca tụng Chúa Trời, và sau khi Abraham cúi lạy, thì vọng xuống giọng của Chúa Trời, phán rằng: "Hãy đưa bạn Abraham của Ta vào thiên đàng, nơi có các trại người công chính của Ta và nơi ở của các thánh Isaac và Jacob dòng dõi của ông, nơi không có lo nghĩ, muộn phiền, hay thử dài, mà chỉ có bình yên hoan hỷ và sự sống đời đời."⁽²⁸⁾

So sánh với giấc mơ sau đây.

Tôi đang ở trên cây cầu thì gặp một người mù chơi vĩ cầm. Ai cũng ném xu vào mũ cho ông ta. Tôi đến gần thì nhận thấy rằng nhạc công không bị mù. Ông ta nheo mắt và liếc xéo tôi. Bỗng đâu, có một bà cụ nhỏ nhắn ngồi bên vệ đường. Trời tối nên tôi thấy sợ. "Đường này dẫn đến đâu?" tôi nghĩ. Một nông dân trẻ đi lại trên đường và cầm tay tôi. "Cô có muốn về nhà," anh ta nói, "và uống cà phê không?" "Buông tôi ra! Anh nắm chặt quá!" tôi ré lên và tỉnh dậy.⁽²⁹⁾

Người hùng, khi sống đã đại diện cho điểm nhìn đôi, sau khi chết vẫn là một hình ảnh tổng hợp: giống như Charlemagne, anh ta chỉ ngủ và sẽ thức dậy vào giờ định mệnh, hay anh ta vẫn ở giữa chúng ta trong một hình hài khác.

Người Aztec kể về thần rắn có lông vũ Quetzalcoatl, vua của thành phố cổ Tollan trong thời hoàng kim thịnh vượng. Ông dạy họ các ngành nghệ thuật, lập ra lịch và ban cho họ ngô. Ông và người dân, khi thời đại của họ đến lúc khép lại, bị chinh phục bằng phép thuật mạnh hơn của giống dân xâm lược, người Aztec. Tezcatlipoca, người hùng chiến binh của giống dân trẻ hơn và kỷ nguyên của họ, đã phá thành Tollan; nên thần rắn có lông, vua của thời hoàng kim, đã cho đốt hết nhà cửa đàng sau, chôn hết kho báu trên núi, biến cây sô cô la thành cây đậu, lệnh cho đàn chim muôn màu là gia nhân của ông bay đi trước, rồi ra đi mà buồn đau vô hạn. Rồi ông đến thành phố gọi là Quauhtitlan, ở đó có một cái cây rất cao lớn; ông đến ngồi dưới

gốc cây, nhìn vào gương người ta đem đến cho ông. “Minh già rồi,” ông nói; nên chỗ này được gọi là “Quauhtitlan già”. Lại nghỉ ở một chỗ khác dọc đường, nhìn lại hướng thành Tollan của mình, ông khóc, nước mắt thấm qua một tảng đá. Ông để lại nơi đó dấu ông ngồi và dấu lòng bàn tay. Tiếp đó ông bị một nhóm thầy đồng chặn lại, họ cấm ông đi tiếp chừng nào ông chưa truyền lại cho họ thuật làm bạc, gỗ, lông và thuật vẽ. Khi ông băng qua núi, mọi người theo hầu ông, toàn người lùn và người gù, đều chết vì lạnh. Đến một nơi khác ông gặp đối thủ của mình, Tezcatlipoca, chàng ta thắng ông trong trò chơi bóng. Ở một nơi khác nữa ông nhắm mũi tên vào cây *póchotl* to lớn; mũi tên cũng là cả một cây *póchotl*; ông bắn cây này xuyên qua cây kia tạo thành một thập giá. Và cứ thế ông đi tiếp, để lại nhiều dấu tích và địa danh, cho đến khi, cuối cùng ra đến biển, ông lên một cái bè bằng rắn. Không rõ bằng cách nào ông đến đích, là Tlapállan, quê quán của ông.⁽³⁰⁾

Hay, theo một nguồn kể khác, khi tới bờ ông hiến mình trên giàn thiêu, và những con chim có lông muôn màu bay lên từ tro tàn của ông. Linh hồn ông trở thành sao Mai.⁽³¹⁾

Người hùng thiết tha sống thì có thể cưỡng lại cái chết, và hoãn lại số phận mình một thời gian. Tương truyền rằng Cuchulainn khi ngủ bỗng nghe tiếng kêu, “khủng khiếp và đáng sợ đến mức chàng rơi từ giường xuống đất, như cái bị, ở chái nhà phía Đông”. Chàng xông ra không có vũ khí, theo sau là Emer, vợ chàng, mang vũ khí và y trang cho chàng. Và chàng phát hiện ra một cỗ xe thắng một con ngựa màu hạt dẻ chỉ có một chân, gọng xe xuyên qua người nó đâm ra đằng đầu. Trong xe có một người đàn bà, lông mày đỏ hoe, choàng áo đỏ thắm. Một người rất to lớn đi bên cạnh, cũng mặc áo khoác đỏ, cầm cây chạc ba bằng gỗ phủ và đánh một con bò.

Cuchulainn đòi lấy con bò, người đàn bà phản bác, Cuchulainn bèn hỏi tại sao bà nói thay ông to lớn. Bà đáp rằng người đàn ông là Uargaeth-sceo Luachair-sceo. “Ồi chà,” Cuchulainn nói, “cái tên dài thật đáng kinh ngạc!” “Người đàn

bà mà mi nói chuyện,” ông to lớn nói, “tên là Faebor beg-beoil cuimdiuir folt sceubgairit sceo uath.” “Các người đang chọc ta,” Cuchulainn nói; rồi chàng nhảy thót lên chiến xa, hai chân đạp trên hai vai bà, mũi giáo đặt vào đường rẽ ngôi tóc bà. “Đừng nghịch vũ khí sắc nhọn trên người ta!” bà ta nói. “Vậy thì khai tên thật cho ta,” Cuchulainn nói. “Vậy thì đi xa khỏi ta đi,” bà nói; “ta là nữ thi sĩ trào phúng, và ta được con bò này mang đi làm phần thưởng cho một bài thơ.” “Đọc bài thơ của mụ đi,” Cuchulainn nói. “Cứ tránh ra đã,” người đàn bà nói; “mi rung lắc trên đầu ta sẽ không ép buộc được ta đâu.”

Cuchulainn lùi ra giữa hai bánh chiến xa. Người đàn bà ném vào chàng một bài hát thách thức và nhục mạ. Chàng toan phóng lên xe lại, nhưng trong chớp mắt, tất cả ngựa, người đàn bà, chiến xa, người đàn ông, con bò đã biến mất, và trên cành cây là một con chim đen.

“Mụ là một mụ đàn bà yêu ma nguy hiểm!” Cuchulainn nói với con chim đen; vì giờ chàng nhận ra bà là nữ thần chiến trận Badb, hay Morrigan. “Ta mà biết đó là mụ, chúng ta đã không chia tay thế này.” “Điều mi đã làm,” con chim đáp, “sẽ đem lại xui xẻo cho mi.” “Mụ không làm hại ta được đâu,” Cuchulainn nói. “Được chứ sao không,” người đàn bà nói; “ta đang canh giữ giường lâm chung của mi, và từ đây trở đi ta sẽ canh giữ nó.”

Rồi bà phù thủy bảo chàng rằng bà ta đang đem con bò từ đồi tiên Cruachan đi phối giống với con bò đực của người đàn ông to lớn, là Cuailgne; và khi con bê của bà được một tuổi thì Cuchulainn sẽ chết. Chính bà sẽ đến đấu với chàng khi chàng đang giao đấu ở một bãi cạn nọ với một người đàn ông “cũng mạnh khỏe, đầy hiên hách, khéo léo, đáng sợ, không biết mệt, quý phái, gan dạ, cao thượng” như chàng. “Ta sẽ biến thành con chạch,” bà ta nói, “và ta sẽ ném thông lọng siết chân mi trong bãi cạn.” Cuchulainn với bà hăm he nhau, rồi bà ta biến vào lòng đất. Nhưng năm sau, tại trận chiến đã tiên đoán ở bãi cạn, chàng đánh bại bà ta, và thực sự còn sống để rồi chết một ngày khác.⁽³²⁾

Một tiếng vọng kỳ lạ, có lẽ là bông đùa, của biểu tượng về

sự cứu chuộc trong thế giới bên kia cũng mơ hồ vang lên trong đoạn kết truyện kể dân gian Pueblo về Cậu Bé Vô Nước.

Dưới suối có rất nhiều người sinh sống, đàn bà con gái. Họ chạy đến bên cậu bé và quàng tay quanh cậu vì họ mừng con họ đã đến nhà. Thế là cậu bé tìm thấy cha và cả các cô. Thế rồi, cậu bé ở lại đó một đêm và hôm sau cậu về nhà kể cho mẹ nghe mình đã tìm được cha. Rồi mẹ cậu lâm bệnh và qua đời. Cậu bé bèn nghĩ bụng, “Mình sống với mấy người này cũng vô ích thôi.” Thế là cậu bỏ họ và đi xuống suối. Và cậu thấy mẹ cậu ở đó. Đó là nguồn con mẹ con cậu đến sống với cha cậu. Cha cậu là Avaiyo’ pi’i (rắn nước đỏ). Ông nói mình không sống với họ ở Sikyat’ki được. Đó là lý do ông khiến mẹ cậu lâm bệnh để chết và “đến đây sống với ta”, cha cậu nói. “Giờ chúng ta sẽ sống với nhau,” Avaiyo’ nói với con trai. Đó là nguồn con mẹ con cậu bé đến sống ở suối.⁽³³⁾

Câu chuyện này, giống như chuyện người vợ nghèo, lặp lại từng điểm một câu chuyện thần thoại. Hai câu chuyện đều đáng yêu ở chỗ dường như không hay biết về quyền năng chứa trong mình. Ở đối cực kia là câu chuyện kể về Đức Phật nhập diệt: hài hước, như mọi thần thoại lớn, nhưng cực kỳ hữu ý.

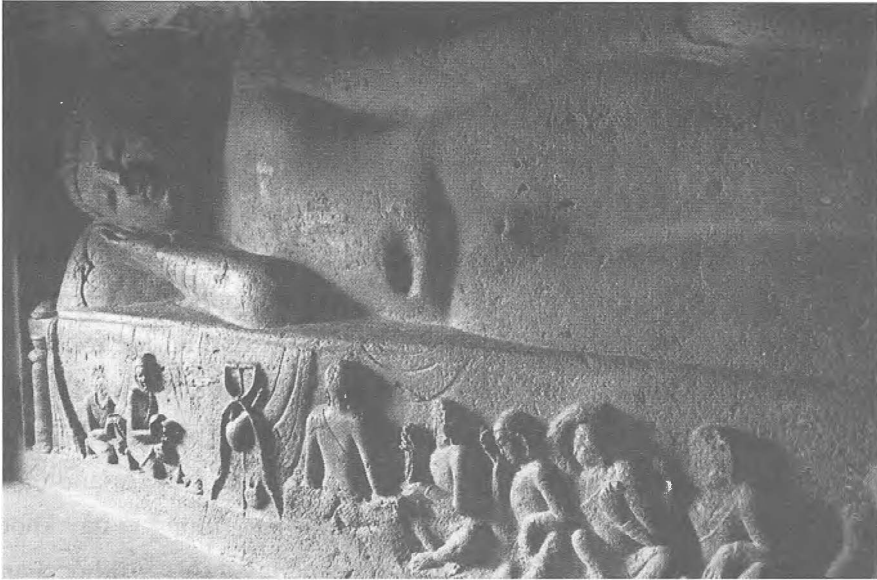
Thế Tôn, cùng với đại chúng Tỷ kheo đi đến bên kia sông Hirannavati, tại Kusinara Upavattana, rừng sala của dòng họ Malla, khi đi đến nơi liền nói với Tôn giả Ananda:

“Này Ananda, hãy trái chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sala song thọ: này Ananda, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.”

“Xin vâng, bạch Thế Tôn!” Tôn giả Ananda vâng lời Thế Tôn, trái chỗ nằm, đầu hướng về phía Bắc giữa hai cây sala song thọ. Và Thế Tôn nằm xuống, về phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, hai chân để lên nhau chánh niệm và giác tỉnh.

Lúc bấy giờ, cây sala song thọ trở hoa trái mùa, tràn đầy cành lá. Những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như

Lai^(*) để cúng dường Ngài. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường Ngài. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.



HÌNH 76. Đức Phật nhập diệt (tượng đá, Ấn Độ, cuối thế kỷ 5)

Trong các cuộc chuyện trò diễn ra lúc đó, khi Như Lai nằm nghiêng như sư tử, một thầy tu to lớn, tôn giả Upavana, đứng đằng trước quạt cho ngài. Đức Thế Tôn gất giọng nói ông đứng qua một bên; thấy vậy người theo hầu Đức Thế Tôn, Ananda, than phiền với Đức Thế Tôn. “Bạch Thế Tôn,” ông nói, “do nhân gì, do duyên gì, Thế Tôn quả trách đại đức Upavana: ‘Này Tỷ kheo hãy đứng một bên, chớ có đứng trước mặt Ta?’”

Đức Thế Tôn đáp:

“Này Ananda, rất đông các vị Thiên thần ở mười phương thế giới tụ hội để chiêm ngưỡng Như Lai. Này Ananda, cho đến mười hai

*. Như Lai (Tathāgata): “đã tới hay trụ ở trong (gata) trạng thái hay hoàn cảnh đó (tathā)”: nghĩa là một Bậc Giác Ngộ, một vị Phật.

do tuần xung quanh Kusinara, Upavattana, rừng sala thuộc dòng họ Malla, không có một chỗ nào, nhỏ cho đến đầu một sợi tóc có thể chích được mà không đẩy những Thiên thần có uy lực tụ họp. Nay Ananda, các vị Thiên thần đang than phiền: 'Chúng ta từ rất xa đến chiêm ngưỡng Như Lai. Thật rất là hy hữu, các Như Lai, bậc A la hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và tối hôm nay, trong canh cuối cùng, Như Lai sẽ nhập diệt. Và nay Tỷ kheo có oai lực này lại đứng ngang trước Thế Tôn, khiến chúng ta không thể chiêm ngưỡng Như Lai trong giờ phút cuối cùng.' Nay Ananda, các chư Thiên than phiền như vậy."

"Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đang nghĩ đến hạng chư Thiên nào?"

"Nay Ananda, có hạng chư Thiên ở trên hư không nhưng có tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân bỏ ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: 'Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm.' Nay Ananda, có hạng Thiên thần ở trên đất với tâm tư thế tục, những vị này khóc than với đầu bù tóc rối, khóc than với cánh tay duỗi cao, khóc than thân nằm ngoài dưới đất, lăn lộn qua lại: 'Thế Tôn nhập diệt quá sớm, Thiện Thệ nhập diệt quá sớm, Pháp nhãn biến mất ở trên đời quá sớm.' Có chư Thiên đã diệt trừ ái dục, những vị này bình thản, tỉnh giác chịu đựng, với tâm suy tư: 'Các hành là vô thường, làm sao sự kiện có thể khác được?' "

Những cuộc chuyện trò cuối cùng tiếp tục một lúc, Đức Thế Tôn an ủi chúng tăng. Rồi ngài nói với họ:

"Này các Tỷ kheo, nay ta từ biệt các người; mọi pháp hữu vi đều vô thường; hãy tinh tấn tự giải thoát."

Và đây là lời cuối của Như Lai.

Rồi Thế Tôn nhập định Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, Ngài nhập Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Không vô biên xứ. Xuất Không vô biên xứ, Ngài nhập định Thức vô biên xứ. Xuất

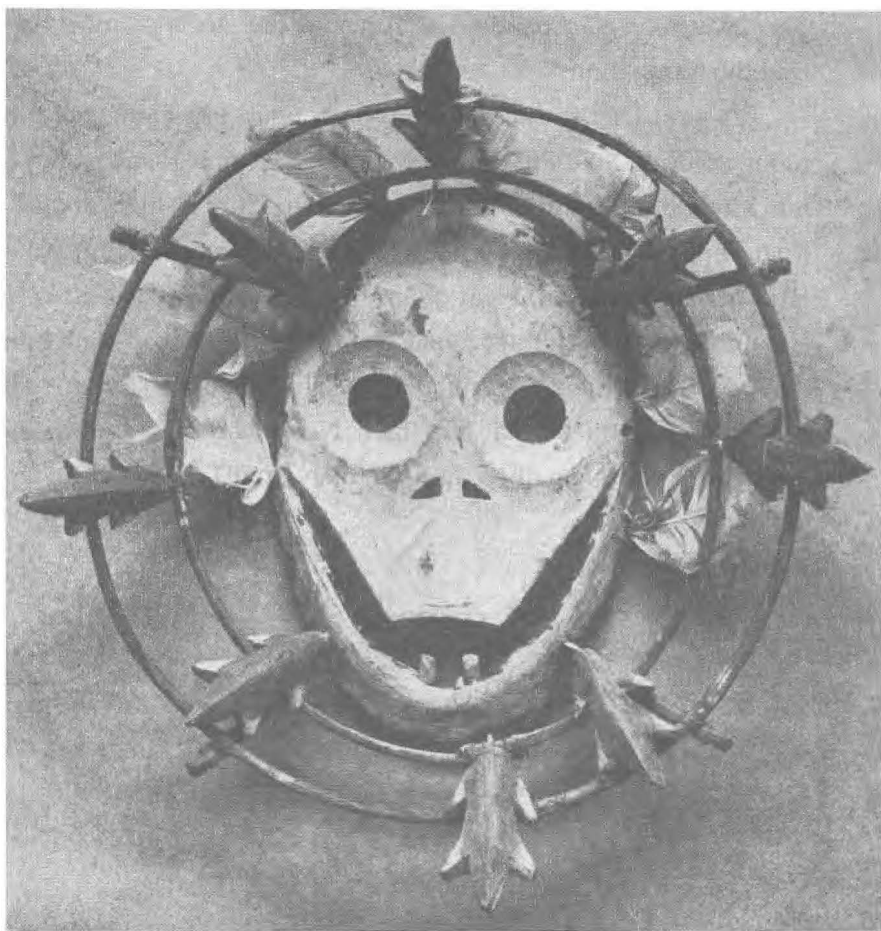
Thức vô biên xứ, Ngài nhập định Vô sở hữu xứ. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập định Phi tướng phi phi tướng xứ. Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Diệt thọ tướng định.

Khi ấy Tôn giả Ananda nói với Tôn giả Anuruddha:

“Thưa Tôn giả, Thế Tôn đã diệt độ.”

“Này Hiền giả Ananda, Thế Tôn chưa diệt độ. Ngài mới nhập Diệt thọ tướng định.”

Rồi xuất Diệt thọ tướng định, Ngài nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định. Xuất Phi tướng phi phi tướng xứ, Ngài nhập Vô sở hữu xứ định. Xuất Vô sở hữu xứ, Ngài nhập Thức vô biên xứ định. Xuất Thức vô biên xứ, Ngài nhập Hư không vô biên xứ định. Xuất Hư không vô biên xứ, Ngài nhập định Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài nhập định Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Sơ thiền. Xuất Sơ thiền, Ngài nhập định Nhị thiền. Xuất Nhị thiền, Ngài nhập định Tam thiền. Xuất Tam thiền, Ngài nhập định Tứ thiền. Xuất Tứ thiền, Ngài lập tức diệt độ.⁽³⁴⁾



HÌNH 77. *Mùa thu (Mặt nạ đeo cho người chết)*
(gỗ sơn, người Inuit, Bắc Mỹ, không rõ niên đại)

CHƯƠNG IV

Tan rã

1. CÁI KẾT CỦA TIỂU VŨ TRỤ

Người hùng uy lực có những quyền năng thần thông - có thể nâng núi Govardhan trên một ngón tay, và rót đầy mình hào quang kinh khủng của vũ trụ - là mỗi người chúng ta: không phải cái tôi thể xác thấy được trong gương, mà vị vua bên trong. Kṛṣṇa tuyên bố: “Ta là Ngã, ngự trong trái tim mọi sinh vật. Ta là khởi đầu, là giữa, là cuối của mọi hiện hữu.”⁽¹⁾ Chính điều này là ý nghĩa của kinh cầu siêu cho người chết, ở khoảnh khắc tiêu tan cái cá nhân: để cá nhân giờ về lại cái biết nguyên sơ về ngôi thần sáng thể mà lúc sống đã phản chiếu bên trong tim hần ta.

Khi hần tới tình trạng ốm yếu - dù hần đến cảnh ốm yếu do tuổi già hay bệnh tật - người này giải thoát mình khỏi những tay chân này cũng như một trái xoài, hay một quả sung, hay trái dâu thoát khỏi dây buộc; rồi hần lại vội vàng, tùy theo lối vào và nơi nguồn cội, về lại sự sống. Giống như các nhà quý tộc, cảnh sát, xà ích, trưởng thôn chờ sẵn với thức ăn, nước uống, chỗ ở cho vị vua sắp đến, kêu lên: “Hoàng thượng giá lâm! Hoàng thượng giá lâm!” thì quả thực mọi thứ cũng chờ người có hiểu biết này và kêu: “Đấng Bất Hoại giá lâm! Đấng Bất Hoại giá lâm!”⁽²⁾

Cái ý này đã nghe trong các lời chú viết trong quan tài của Ai Cập cổ đại, nơi người chết ca về mình như là một với Thượng đế:



HÌNH 78. Osiris, người phán xử người chết
(giấy cói, Ai Cập, khoảng 1275 TCN)

Ta là Atum, ta có một mình;
 Ta là Re khi mới xuất hiện.
 Ta là Trời, đáng tự sinh,
 Đáng đặt tên mình, thần của các thần,
 Đáng không ai tới gần giữa thần linh.
 Ta là hôm qua, ta biết ngày mai.
 Chiến địa của các thần được tạo ra khi ta phán.
 Ta biết tên của Trời ngụ ở trong đó.
 "Thần Re vinh quang" là tên của người.
 Ta là phượng hoàng lớn ở Heliopolis.⁽³⁾

Nhưng, như trong việc Đức Phật nhập diệt, quyền năng để đi ngược về qua hết trọn các thời kỳ phát tán tùy vào tính cách

của người đó khi anh ta còn sống. Các thần thoại kể về hành trình nguy hiểm của linh hồn, với những trở ngại phải vượt qua. Người Eskimo ở Greenland liệt kê ra một ấm nước sôi, một khúc xương chấu, một ngọn đèn lớn đang cháy, những quái vật canh giữ, và hai tảng đá va vào nhau rồi tách ra lại.⁽⁴⁾ Những yếu tố như vậy là đặc trưng thường gặp trong truyện dân gian và truyền thuyết anh hùng trên thế giới. Ta đã bàn về chúng ở trên, trong các chương về “Cuộc phiêu lưu của người hùng”. Chúng được phát triển phức tạp và quan trọng nhất trong các thần thoại về hành trình sau cuối của linh hồn.

Một bài cầu nguyện của người Aztec để tụng ở bên giường chết cảnh báo cho người đã khuất những hiểm nguy dọc con đường về với thần của người chết, một bộ xương tên Tzontémoc, “Kẻ tóc rụng”.

Con yêu quý! Con đã đi qua và chịu được hết những cực nhọc đời này. Giờ đây Trời thấy hài lòng mà đưa con đi. Vì chúng ta không được đời đời hưởng kiếp này, mà chỉ trong phút chốc; đời chúng ta giống như ra suối ấm trong nắng. Và Trời đã ban cho chúng ta cái may mắn được quen biết và trò chuyện với nhau trong kiếp này; nhưng giờ đây, lúc này, vị thần được gọi là Mictlantecutli, hay Aculnahuácatl, hay Tzontémoc, và nữ thần gọi là Mictēcacihuatl, đã đưa con đi. Con được đưa tới trước ngai Trời; vì chúng ta đều phải đến đó: nơi đó dành đợi tất cả chúng ta, và nó bao la.

Chúng ta sẽ không còn thêm ký ức nào về con nữa. Con sẽ ngủ ở nơi tăm tối cùng cực đó, nơi không có ánh sáng cũng chẳng có cửa sổ. Con sẽ không trở về hay đi khỏi đó; con cũng sẽ không nghĩ đến hay bận tâm đến chuyện quay về. Con sẽ vắng mặt giữa chúng ta mãi mãi. Con bỏ lại con cháu của con nghèo khổ mồ côi; con cũng không biết chúng sẽ ra sao, chúng sẽ đi qua những cực nhọc đời này thế nào. Còn về chúng ta, chúng ta cũng sẽ sớm đến nơi con sắp đến.

Các bô lão và chức sắc Aztec rửa ráy thi hài để làm lễ tang,

và khi khâm liệm tử tế xong, họ lấy chút nước rưới lên đầu, nói với người đã khuất: “Thứ này con đã thích khi còn sống trên đời.” Rồi họ lấy một bình nhỏ đựng nước đưa cho anh ta, nói: “Đây là một chút để con đi đường”; họ để nó trong nếp gấp tấm liệm. Rồi họ quấn người chết trong chăn, cột kỹ, và đặt trước anh ta, lần lượt, vài tờ giấy đã soạn sẵn: “Đây, dùng cái này con sẽ đi qua được núi và nhau.” “Dùng cái này con sẽ đi qua con đường có rắn canh giữ.” “Cái này sẽ làm vừa ý con thần lặn xanh nhỏ, Xochitónal.” “Và nhìn xem, dùng cái này con sẽ vượt qua tám hoang mạc lạnh cắt da.” “Đây là cái giúp con đi qua tám ngọn đồi nhỏ.” “Đây là cái mà nhờ nó con sống sót qua được gió từ những con dao đá vỏ chai.”

Người đã khuất sẽ phải mang theo một con chó nhỏ, có màu lông đỏ sáng. Quanh cổ nó họ cột sợi chỉ bông mềm; họ giết nó rồi hỏa táng cùng với thi hài. Người đã khuất cưới con thú nhỏ này mà bơi qua sông âm ty. Và, sau bốn năm hành trình, anh ta cùng con chó tới trước thần, dâng giấy tờ và tặng vật. Nhờ đó anh ta được nhận, cùng với người bạn trung thành, vào “tầng vực thứ chín”.^{(5)(*)}

Người Trung Hoa kể về chuyện đi qua Cầu Tiên có Kim Đồng Ngọc Nữ dẫn đường. Tín đồ Ấn giáo hình dung một vòm trời cao ngất và âm ty địa ngục nhiều tầng. Vong hồn sau khi chết sẽ tự đến tầng phù hợp với độ đậm đặc tương đối của mình, ở đó sẽ hiểu và đồng hóa vào mình toàn thể ý nghĩa của kiếp sống vừa qua. Khi đã học xong bài học, nó về lại trần gian, chuẩn bị cho cấp độ trải nghiệm tiếp theo. Cứ vậy mà nó dần dà đi qua mọi cấp độ giá trị đời sống cho đến khi vượt thoát khỏi ranh giới của trũng vũ trụ. *Hài kịch thánh thần* của Dante đã điểm lại toàn diện các giai đoạn: “Hỏa ngục”, cái khổ sở của linh hồn bị trói buộc vào những kiêu hãnh và hành động xác thịt; “Luyện ngục”, quá trình chuyển hóa kinh nghiệm xác thịt thành kinh nghiệm

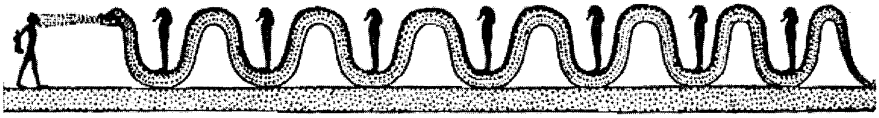
*. Chó trắng và đen không bơi qua sông được, vì con lông trắng sẽ nói: “Tôi đã tắm rồi!” còn con đen: “Tôi làm bẩn mình rồi!” Chỉ có con đỏ sáng mới qua được đến bờ của người chết.

tâm linh; “Thiên đường”, các mức độ giác ngộ tâm linh.

Một cái nhìn sâu sắc tuyệt vời về hành trình này có thể thấy trong *Tử thư* Ai Cập. Người đàn ông hay đàn bà chết đi được đồng nhất với, thậm chí gọi hẳn là Osiris. Cuốn kinh mở đầu bằng tụng ca tán thán Re và Osiris rồi đi tiếp sang các bí ẩn khi vong hồn thác liệm ở thế giới bên dưới. Trong “Chương ban miệng cho Osiris N.”, ta đọc thấy câu: “Ta chui ra khỏi trứng trong xứ ẩn kín.” (N thay cho tên của người đã khuất; chẳng hạn như Osiris Aufankh, Osiris Ani.) Đây là thông báo ý niệm cái chết như sự tái sinh. Rồi, trong “Chương mở miệng Osiris N.”, linh hồn đang thức tỉnh lên tiếng cầu nguyện: “Cầu cho thần Ptah mở miệng ta, và cầu cho thần bảo trợ thành phố của ta nói lỏng vải liệm, ngay cả vải liệm trên miệng ta.” “Chương làm cho Osiris N. có ký ức dưới âm ty” và “Chương cho Osiris N. trái tim dưới âm ty” đưa quá trình tái sinh đi thêm hai giai đoạn nữa. Rồi bắt đầu các chương về những mối nguy mà kẻ du hành đơn độc phải đối mặt và vượt qua trên đường đến ngai của vị phán quan kinh khủng.

Tử thư được chôn theo xác ướp làm sách hướng dẫn về những hiểm nguy trên con đường gian truân, người ta tụng các chương vào lúc chôn cất. Có một giai đoạn trong khi chuẩn bị xác ướp, người ta mổ tim của người chết ra và đặt thế vào một con bọ hung bằng đá bazan cẩn vàng, biểu tượng mặt trời, với lời cầu nguyện: “Tim ta oi, mẹ ta oi, tim ta oi, mẹ ta oi; tim biến hóa của ta oi.” Việc này được ghi trong “Chương Không để Osiris N. bị cướp mất tim dưới âm ty.” Tiếp đến chúng ta đọc, trong “Chương Đánh lại cá sấu”:

Lui lại đi, oi cá sấu ngụ ở phương Tây... Lui lại đi, oi cá sấu ngụ ở phương Nam... Lui lại đi, oi cá sấu ngụ ở phương Bắc... Những thứ được tạo ra thì ở trong lòng bàn tay ta, còn những thứ chưa được thành hình thì ở trong thân ta. Ta mặc và trang bị đủ câu thần chú của ngài, hồi Re, ngài ở trên trời bên trên ta và dưới đất dưới ta...



HÌNH 79. Rắn Kheti dưới âm ty, dùng lửa thiêu đốt một kẻ thù của Osiris (tranh khắc thạch cao tuyết hoa, Tân Vương quốc, Ai Cập, 1278 TCN)

Tiếp theo là “Chương Nạt chạy lũ rắn”, rồi “Chương Đuổi Apshait đi”. Linh hồn kêu với quỷ Aphshait: “Tránh khỏi ta, oi mi có cái miệng gặm nhai.” Trong “Chương Đẩy lùi hai nữ thần Merti”, linh hồn tuyên bố mục đích của mình, và bảo vệ mình bằng cách nhận là con trai của người cha: “... Ta tỏa sáng từ thuyền Sektet, ta là Horus con trai của Osiris, và ta đến để gặp cha ta Osiris.” “Chương Sống bằng không khí dưới âm ty” và “Chương Đẩy lùi rắn Rerek dưới âm ty” mang người hùng đi xa hơn nữa trên đường, và rồi đến lời tuyên bố uy hùng trong “Chương Xua đi những tàn sát thực hiện dưới âm ty”:

Tóc ta là tóc của Nu. Mặt ta là mặt của Disk. Mắt ta là mắt của Hathor. Tai ta là tai của Apuat. Mũi ta là mũi Khenti-khas. Môi ta là môi Anpu. Răng ta là răng Serget. Cổ ta là cổ của nữ thần Isis. Tay ta là tay của Ba-neb-Tattu. Cẳng tay ta là cẳng tay của Neith, bà chúa Sais. Xương sống của ta là xương sống Suti. Dương vật của ta là dương vật của Osiris. Hạ bộ ta là hạ bộ các Chúa tể Kher-aba. Ngực ta là ngực Đấng Kinh Hoàng... Thân ta không có bộ phận nào là không phải của thần nào đó. Thần Thoth che cả thân ta, và ta là Re ngày này qua ngày khác. Ta sẽ không bị nắm cánh tay kéo lại, và sẽ không kẻ nào hung bạo tóm được bàn tay ta...

Giống như trong hình ảnh Bồ tát mãi về sau này trong Phật giáo, bên trong hào quang của ngài đứng năm trăm vị Hóa Phật, mỗi vị có năm trăm vị Bồ tát làm thị giả, và đến lượt mỗi vị này lại có vô lượng chư thiên, thì ở đây, linh hồn đạt đến đầy đủ tầm vóc và sức mạnh nhờ đồng hóa vào mình các thần trước kia

tướng là tách biệt và nằm ngoài nó. Các vị là những phóng chiếu của chính bản thể nó; nên khi nó về lại trạng thái đích thực thì nó gọi lại tất cả các vị.

Trong “Chương hít không khí và làm chủ nước dưới âm ty”, linh hồn xung nó là người canh giữ trứng vũ trụ: “Chào nguoi, oi cây sung của nữ thần Nut! Hãy trao cho ta nước và không khí ngụ trong nguoi. Ta ôm cái ngai ở Hermopolis, và ta canh giữ trứng của Ngỗng Lớn. Nó lớn lên, ta lớn lên; nó sống, ta sống; nó hít không khí, ta hít không khí, ta là Osiris N., đắc thắng.”



HÌNH 80. *Vía của Ani và vợ uống nước ở thế giới bên kia*
(giấy côi, thời Ptolemaois, Ai Cập, khoảng 240 TCN)

Tiếp đến là “Chương Không để cho linh hồn của người bị lấy đi dưới âm ty” và “Chương Uống nước dưới âm ty mà không bị lửa thiêu đốt”, và rồi chúng ta đến đỉnh điểm trọng đại - “Chương Bước ra ban ngày ở âm ty”, khi linh hồn và bản thể vũ trụ được nhận ra là một:

Ta là Hôm qua, Hôm nay, và Ngày mai, ta có quyền năng sinh ra lần thứ hai; ta là Linh Hồn trời ẩn giấu tạo ra các thần, và trao bữa

ăn dưới mộ cho dân dưới âm ty của Amentet và trên thiên đường. Ta là bánh lái ở phương Đông, đứng sở hữu hai gương mặt thiêng có các tia sáng. Ta là chúa tể của con người được làm cho sống dậy; chúa tể từ bóng tối đi ra, và các hình tượng tồn tại của ta là ngôi nhà của người chết. Chào các người, hỡi hai con chim ưng đậu trên nơi nghỉ, lắng nghe những điều ngài nói, đưa đường xe tang đến nơi ẩn giấu, dẫn đường bên cạnh Re, và đi theo ngài vào nơi cao nhất trong đền thờ, ở trời cao! Chào người, hỡi chúa tể của đền thờ đứng giữa mặt đất. Ngài là ta, ta là ngài, và Ptah đã phủ pha lê khắp bầu trời của ngài...

Sau đó, linh hồn chu du khắp vũ trụ tùy thích, như trong “Chương Nhắc chân và bước ra trên mặt đất”, “Chương Đi đến Heliopolis và nhận ngài ở đó”, “Chương Người biến thành bất cứ gì tùy thích”, “Chương Vào ngôi nhà lớn”, và “Chương Đi vào diện kiến các thần lãnh chúa của Osiris”. Các chương kể về những lời thú gọi là “Thú vô tội” tuyên bố sự thanh tịnh đạo đức của người đã được cứu chuộc: “Ta không làm điều xấu ác... Ta không cướp bằng vũ lực... Ta không làm điều hung bạo với ai... Ta không phạm tội trộm cắp... Ta không giết đàn ông đàn bà nào...” Cuốn sách kết lại bằng tán dương các thần linh, và rồi: “Chương Sống gần Re”, “Chương Khiến người quay về thăm nhà trên dương gian”, “Chương Làm cho linh hồn hoàn thiện”, và “Chương Đi trên thuyền mặt trời rực rỡ của Re”.⁽⁶⁾

2. CÁI KẾT CỦA ĐẠI VŨ TRỤ

Nếu hình tượng được tạo ra của cá thể phải tan rã thì vũ trụ cũng vậy:

Vì khi chư thiên ở Dục giới gọi là thế giới chủ (Loka Byuha) biết được rằng vào cuối một trăm ngàn năm sẽ hồi sinh lại chu kỳ, thì chư thiên này du hành khắp chốn có người lai vãng, đầu trần tóc

tai rũ rượi, mặt mày thê thảm, tay quệt nước mắt, y phục lồi thoi, đi thông báo như sau:

“Thưa bà con cô bác, cuối thời gian một trăm ngàn năm từ đây sẽ hồi sinh lại chu kỳ. Thế giới này sẽ bị tiêu hủy. Ngay cả đại dương cũng sẽ khô cạn. Trái đất lớn này, kể cả Sumeru là vua các núi cũng bị tiêu hủy. Sự tiêu hủy thế giới sẽ lan đến cõi Phạm Thiên. Bà con hãy tu tập từ tâm, hãy tu tập bi, hỷ, xả, hời quý vị. Hãy săn sóc cha, săn sóc mẹ các người. Hãy kính trọng các bậc tôn trưởng các người.”

Đây gọi là Tiếng rền Chu kỳ.⁽⁷⁾

Tận thế theo kiểu người Maya được trình bày trong minh họa chiếm hết trang cuối trong Thủ bản Dresden.⁽⁸⁾ Thủ bản cổ này ghi lại các chu kỳ của các hành tinh và từ đó tính toán ra các chu kỳ vũ trụ lớn lao. Những con số rần xuất hiện cuối văn bản (gọi như vậy vì trong chúng xuất hiện biểu tượng con rần) trình bày các giai đoạn thế giới dài độ ba mươi tư ngàn năm - mười hai triệu rưỡi ngày - và những con số này được ghi lại nhiều lần.

Trong các giai đoạn không hình dung nổi này, mọi đơn vị nhỏ hơn có thể được xem là cuối cùng cũng ít nhiều gần đúng. Vài chục năm hơn kém thì có là gì trong cõi gần như vĩnh cửu này? Cuối cùng, trang cuối bản thảo mô tả sự Hủy diệt Thế giới mà những con số cao nhất đã dọn sẵn đường. Ở đây chúng ta thấy con rần mưa, vắt ngang qua bầu trời, khắc ra từng luồng cuộn cuộn nước. Những dòng nước lớn phun ra từ mặt trời mặt trăng. Nữ thần già, có móng hổ và diện mạo góm guốc, nữ chủ ác tâm của lũ lụt và mưa dông, hất đổ bát nước trời. Xương chéo, biểu tượng hải hùng của cái chết, tô điểm váy bà, và con rần ngoằn ngoèo quẩn trên đỉnh đầu bà. Bên dưới, nắm ngọn giáo chĩa xuống dưới, tượng trưng cho sự hủy diệt vũ trụ, hắc thần đi khắp nơi, một con cú kêu giận dữ trên cái đầu đáng sợ của thần. Đây đúng là bản mô tả hết sức kịch tính trận hồng thủy sau cùng cuốn đi tất cả.⁽⁹⁾



HÌNH 81. Tận thế: Rắn mua và nữ thần móng hổ
(mực trên giấy vỏ cây, văn minh Maya, Trung Mỹ, khoảng 1200-1250)

Một trong những hình tượng mạnh mẽ nhất xuất hiện là trong Edda thơ của người Viking xưa. Othin (Wotan), thủ lĩnh của các thần, muốn biết ngày tàn của mình và các thần sẽ ra sao, và “Bà Thông Thái”, nhân cách hóa của bản thân Mẹ Thế Giới, của Định Mệnh cất tiếng nói, cho thần nghe:⁽¹⁰⁾

*Huynh đệ sẽ tương tàn,
Các con của chị em sẽ đâm máu họ hàng;
Trên đất sẽ gian nan, với nhiều dĩ điểm;
Thời của riu, thời của guom, khiên đều chẻ vỡ,
Thời của gió, thời của sói, trước khi thế giới sụp đổ;
Con người sẽ không bao giờ còn tha cho nhau.*

Trong xứ người khổng lồ, Jotunheim, một con gà trống đẹp đẽ có bộ lông đỏ sẫm; trên lâu đài Valhalla thì có gà trống Mào Vàng; ở địa ngục một con chim nâu đỏ. Con chó Garm ở hang núi, lối vào thế giới người chết, sẽ ngoác hàm ra tru. Mặt đất sẽ rung chuyển, đá núi và cây sẽ bị xé tan, biển trào lên đất liền. Xích xiềng của những quái vật bị trói thuở ban đầu thủy đều đứt tung: sói Fenrir sẽ sống ra, và tiến lên hàm dưới rà sát đất, hàm trên chạm trời (“hắn sẽ còn há to hơn nữa nếu mà có chỗ”); lửa sẽ bùng cháy từ mắt từ mũi hắn. Con rắn quấn quanh thế giới từ đại dương vũ trụ sẽ vươn lên trong con thịnh nộ kinh hồn và bên con sói tiến lên đất liền, phun nọc độc, rắc khắp không khí và nước. Naglfar sẽ nhổ neo (con tàu làm bằng móng tay người chết) và đây sẽ là phương tiện chở người khổng lồ. Một tàu nữa sẽ dong buồm chở cư dân địa ngục. Và dân tộc lửa sẽ tiến tới từ phía Nam.

Khi người canh gác của các thần thối tử và lạnh lạnh, những con trai chiến binh của Othin sẽ được hiệu triệu đến trận đấu cuối cùng. Từ mọi miền, các thần, người khổng lồ, ma quỷ, người lùn và yêu tinh sẽ xông ra trận. Cây Tàn Bì Thế Giới Yggdrasil sẽ nghiêng ngả, và lúc ấy thì trên trời dưới đất không có gì là không sợ hãi.

Othin sẽ tới nghênh chiến cùng con sói, Thor cùng con rắn, Tyr cùng con chó - quái thú ghê gớm nhất - còn Freyr cùng Surt, người lửa. Thor sẽ hạ sát con rắn, bước mười bước đi khỏi đó, rồi lăn ra chết vì nọc độc. Othin sẽ bị sói nuốt, rồi sau đó Vidarr sẽ đặt một chân lên hàm dưới, nắm hàm trên của sói mà xé toạc họng nó ra. Loki sẽ giết Heimdallr và bị ngài giết. Surt sẽ phóng lửa khắp mặt đất và thiêu đốt cả thế gian.

*Mặt trời đen sẫm, đất chìm xuống biển,
Nhưng vì sao nóng rực từ trời bị ném xuống;
Cháy rực hơi nước và ngọn lửa nuôi sự sống,
Cho đến khi lửa vọt lên tấp trời.*

*Lúc này Garm gặm lên trước mặt Gnipahellir,
Xích xiềng đứt tung, sói vùng chạy thoát;
Ta biết như vậy, và có thể thấy nhiều hơn
Về số phận của các thần, oai hùng trong chiến trận.*

Viễn cảnh tận thế đến với chúng ta từ Tin Mừng theo thánh Matthew thì như thế này:

Ngài đương ngồi trên núi ô liu, môn đồ tới riêng cùng Ngài, và nói rằng: Xin Chúa phán cho chúng tôi biết lúc nào những sự đó sẽ xảy ra? và có điềm gì chỉ về sự Chúa đến và tận thế.

Đức Chúa Jesus đáp rằng: Hãy giữ, kẻ có kẻ dỏ dành các người. Vì nhiều người sẽ mạo danh ta đến mà nói rằng: Ta là Đấng Christ; và sẽ dỏ dành nhiều người. Các người sẽ nghe nói về giặc và tiếng đồn về giặc: hãy giữ mình, đừng bối rối, vì những sự ấy phải đến; song chưa là cuối cùng đâu. Dân này sẽ dấy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia; nhiều chỗ sẽ có đói kém và động đất. Song mọi điều đó chỉ là đầu sự tai hại. Bấy giờ, người ta sẽ nộp các người trong sự hoạn nạn và giết đi; các người sẽ bị mọi dân ghen ghét vì danh ta. Khi ấy cũng có nhiều kẻ sẽ sa vào chước cám dỗ, phản nghịch nhau, và ghen ghét nhau. Nhiều



HÌNH 82. *Ragnarök: Sói Fenrir ăn thịt Odin*
(tranh chạm nổi, Viking, Anh, khoảng 1000 TCN)

tiên tri giả sẽ nổi lên và đổ dành lắm kẻ. Lại vì có tội ác sẽ thêm nhiều thì lòng yêu mến của phần nhiều người sẽ nguội lẩn. Nhưng kẻ nào bền chí cho đến cuối cùng, thì sẽ được cứu. Tin Lành này về nước Đức Chúa Trời sẽ được giảng ra khắp đất, để làm chứng cho muôn dân. Bấy giờ sự cuối cùng sẽ đến.

Khi các người sẽ thấy sự góm guốc tàn nát lập ra trong nơi thánh, mà đấng tiên tri Daniel đã nói (ai đọc phải để ý), thì ai ở trong xứ Judaea hãy trốn lên núi; ai ở trên mái nhà, đừng xuống chuyên của cải trong nhà; và ai ở ngoài ruộng, đừng trở về lấy áo mình. Đang lúc đó, khốn khó thay cho đàn bà có mang, và đàn bà cho con bú! Hãy cầu nguyện cho các người khỏi trốn tránh nhằm lúc mùa đông hay là ngày Sabbath; vì lúc ấy sẽ có hoạn nạn lớn, đến nỗi từ khi mới có trời đất cho đến bây giờ chưa từng có như vậy, mà sau này cũng không hề có nữa. Nếu những ngày ấy không giảm bớt, thì chẳng có một người nào được cứu; song vì có các người được chọn, thì những ngày ấy sẽ giảm bớt.

Khi ấy, nếu có ai nói với các người rằng: Kia Đấng Christ ở đây, hay là: Ở đó, thì đừng tin. Vì nhiều Christ giả và tiên tri giả sẽ dấy lên, làm những dấu lớn, phép lạ, nếu có thể được thì họ cũng đến đổ dành chính những người được chọn. Nay, ta đã bảo trước cho các người. Vậy nếu người ta nói với các người rằng: Nay, Ngài ở trong đồng vắng, thì đừng đi đến; nay, Ngài ở trong nhà, thì đừng tin. Vì như chớp phát ra từ phương Đông, nháng đến phương Tây, thì sự Con Người đến sẽ cũng thế ấy. Nơi nào có xác chết, thì những chim ó sẽ nhóm tại đó. Sự tai nạn của những ngày đó vừa mới qua, thì mặt trời liền tối tăm, mặt trăng không sáng, các ngôi sao từ trên trời sa xuống, và thế lực của các tầng trời rung động. Khi ấy, diễm Con Người sẽ hiện ra ở trên trời, mọi dân tộc dưới đất sẽ đấm ngực, và thấy Con Người lấy đại quyền đại vinh ngự trên mây trời mà xuống. Ngài sẽ sai thiên sứ mình dùng tiếng kèn rất lớn mà nhóm lại những kẻ đã được lựa chọn của Ngài ở khắp bốn phương, từ cuối phương trời này cho đến tận phương kia... Về ngày và giờ đó, chẳng có ai biết chi cả, thiên sứ trên trời hay là Con cũng vậy, song chỉ một mình Cha biết thôi.⁽¹¹⁾



HÌNH 83. *Vật với Proteus* (tượng đá cẩm thạch, Pháp, 1723)

Thần thoại và xã hội

1. KÊ BIẾN HÌNH

Không có hệ thống nào có thể coi là cách giải thích chung cuộc đối với thần thoại, và sẽ không bao giờ có. Thần thoại giống như thần Proteus, “đáng cổ xưa của biển, lời nói là sự thật”. Thần “sẽ thử, lấy mọi kiểu hình thù bò lên đất, của nước cũng vậy, và của lửa cháy dữ dội”.⁽¹⁾

Kẻ du hành trong cuộc sống muốn được Proteus dạy thì phải “tóm chặt lấy ngài và ép chặt ngài hơn nữa”, và cuối cùng thần sẽ xuất hiện trong hình thù thực. Nhưng vị thần cơ mưu này không bao giờ tiết lộ, dù là cho kẻ khôn khéo hỏi, toàn bộ nội dung minh triết của mình. Thần sẽ chỉ đáp lại câu hỏi đặt ra cho thần, và những gì thần tiết lộ sẽ lớn lao hay nhỏ nhất tùy theo câu hỏi.

Thường khi mặt trời trong lộ trình đang đứng cao giữa trời, thì từ biển sẽ đi lên đáng cổ xưa của biển, lời nói là sự thật, trước làn gió Tây ngài đến, và sóng biển tối phủ lấy ngài. Và khi ngài đi lên, ngài nằm xuống ngủ trong hốc hang. Và quanh ngài bầy hải cẩu, con cái người con gái xinh đẹp của biển, ngủ thành một đám, len lén lên đây từ biển xám, với hơi thở hăng nồng mùi những đáy sâu biển mặn.⁽²⁾

Vua chiến binh Hy Lạp là Menelaos được cô con gái tốt bụng của người cha biển già này dẫn đến động hoang vu và chỉ cách ép thần nói ra câu trả lời, nhưng chỉ muốn hỏi bí mật về những khó

khăn riêng và tung tích các bạn mình. Và thần cũng không thấy chuyện đó là quá nhỏ mọn mà không thèm đáp.

Thần thoại đã được trí thức hiện đại diễn giải là nỗ lực mò mẫm sơ khai nhằm giải thích thế giới tự nhiên (Frazer); là sản phẩm của tưởng tượng thơ ca từ thời tiền sử, bị các đời sau hiểu sai (Müller); là một kho chứa những lời chỉ dẫn dưới dạng phúng dụ, để định hình cá nhân theo nhóm (Durkheim); là một giấc mơ tập thể, báo hiệu cho các xung năng cổ mẫu bên trong những vùng sâu tâm lý con người (Jung); là công cụ truyền thống chuyên chở những chiêm nghiệm siêu hình học thâm sâu nhất của con người (Coomaraswamy); và là mặc khải của Chúa cho con cháu ngài (giáo hội). Thần thoại là tất cả những thứ đó. Những nhận định khác nhau này được quyết định bởi điểm nhìn của người đánh giá. Vì khi được xem xét kỹ, không phải về mặt nó là gì mà nó vận hành ra sao, nó đã phục vụ nhân loại thế nào trong quá khứ, ngày nay nó còn có thể phục vụ ra sao, thần thoại đã tỏ ra cũng dễ nhào nặn như chính sự sống trước các ám ảnh và đòi hỏi của cá nhân, chủng tộc, thời đại.

2. CHỨC NĂNG CỦA THẦN THOẠI, THỜ CÚNG VÀ THIÊN ĐỊNH

Trong dạng sống của mình cá nhân tất yếu chỉ là một mảnh vỡ xô lệch của hình ảnh con người toàn thể. Anh ta bị hạn chế hoặc vì là đàn ông hoặc là đàn bà; vào bất cứ giai đoạn nào trong đời anh ta cũng lại bị hạn chế vì là trẻ con, thanh niên, người lớn, hay người già; hơn nữa, trong vai trò sống của mình anh ta tất yếu sẽ chuyên biệt hóa thành thợ thủ công, thương nhân, gia nhân, hay tên trộm, thầy tu, người lãnh đạo, người vợ, bà xơ, hay gái điếm; anh ta không thể là mọi thứ. Vì vậy, cái toàn thể - cái trọn vẹn của con người - không phải nằm trong từng thành viên riêng rẽ, mà trong cơ thể xã hội nói chung; cá thể chỉ có thể là một cơ quan của cơ thể. Từ nhóm mình anh ta nhận được các kỹ thuật

sống, ngôn ngữ anh ta suy nghĩ, các ý tưởng mà nhờ đó anh ta mở mang; các gene xây nên cơ thể anh ta đã truyền lại qua quá khứ của xã hội đó. Nếu anh ta dám tách riêng ra, hoặc bằng hành động hoặc bằng ý nghĩ và cảm xúc, thì chỉ tổ cắt đứt với nguồn tồn tại của mình mà thôi.

Các nghi lễ sinh đẻ, thụ giáo, cưới hỏi, chôn cất, thụ phong vân vân của bộ lạc có nhiệm vụ quy các bước ngoặt đời sống và hành động đời sống của cá nhân về các hình thức kinh điển, phi cá nhân. Chúng tiết lộ cho anh ta thấy chính mình, không phải như nhân cách này hay nhân cách kia, mà như chiến binh, cô dâu, góa phụ, tu sĩ, tù trưởng; đồng thời diễn lại cho cộng đồng bài học xưa về các giai đoạn cổ mẫu. Mọi người đều tham gia vào nghi lễ theo cấp bậc và chức năng của mình. Cả xã hội nhận ra chính mình như một đơn vị sống bất hoại. Các thế hệ cá nhân sẽ đi qua, như các tế bào vô danh rời khỏi một cơ thể sống; nhưng hình tượng phi thời gian nuôi dưỡng chúng thì còn lại. Bằng cách mở rộng cái nhìn để bao trọn thực thể siêu cá thể này, mỗi người sẽ phát hiện ra mình đã được nâng cao, giàu có thêm, được nâng đỡ và rộng lớn hơn. Vai trò của anh ta, dù nhỏ mọn thế nào, cũng trở thành một phần không thể thiếu trong hình ảnh lễ hội đẹp đẽ về con người - hình ảnh tiềm tàng nhưng tất yếu bị ức chế, bèn trong chính anh ta.

Các phạm sự xã hội đem bài học từ lễ hội nối tiếp vào tồn tại bình thường, hằng ngày, và giá trị của cá nhân vẫn được khẳng định. Ngược lại, sự dửng dưng, nổi loạn - hay lưu đày - lại cắt đứt các mối liên kết tiếp sinh lực cho cá nhân. Từ góc nhìn đơn vị xã hội, cá thể đã bị tách rời ra thì đơn giản là con số không - là thứ bỏ đi. Còn người nào dù đàn ông hay đàn bà có thể trung thực nói rằng mình đã sống trọn vai trò - dù vai trò thầy tu, con điểm, nữ hoàng, hay nô lệ - thì họ đã là cái gì đó trong nghĩa đầy đủ của động từ *là*.

Vậy là các nghi thức thụ giáo và thụ phong sẽ dạy bài học về tính nhất thể về bản chất của cá thể và nhóm; còn các lễ hội mùa mở ra một chân trời lớn hơn. Cá nhân là một cơ quan của xã

hội, và tương tự bộ tộc hay thành phố - cũng như toàn thể nhân loại - cũng chỉ là một pha trong cơ thể vũ trụ vô biên.

Đã thành lệ, giới nghiên cứu mô tả các lễ hội mùa của các dân tộc họ gọi là “bản xứ” là nỗ lực làm chủ tự nhiên. Đây là một sự mô tả sai. Ý chí kiểm soát quả có hiện diện phổ biến trong mỗi hành động của con người, nhất là trong các nghi lễ kỳ bí được cho là nhằm cầu mưa, chữa bệnh, hay ngăn lũ; dẫu vậy động cơ chủ đạo trong mọi nghi lễ tôn giáo đích thực (chứ không phải ma thuật) là quy thuận tính tất định của định mệnh - và trong các lễ hội mùa động cơ này đặc biệt rõ ràng.

Không thấy tài liệu nào ghi lại nghi lễ bộ tộc nào tìm cách làm cho mùa đông khỏi đến; trái lại: mọi nghi lễ đều chuẩn bị cho cộng đồng, cùng với cả thiên nhiên, chịu đựng mùa lạnh khủng khiếp. Còn trong mùa xuân, các nghi lễ không tìm cách buộc thiên nhiên đổ ra tức thì bắp, đậu, bí cho cộng đồng nghèo đói; trái lại: nghi lễ dâng toàn thể dân chúng cho công việc theo mùa của thiên nhiên. Chu kỳ năm tuyết diệu, với những gian truân và những giai đoạn vui vẻ, được ca ngợi, được tóm tắt lại, được thể hiện là tiếp diễn trong vòng đời của nhóm người.

Nhiều cách biểu tượng hóa khác về sự tiếp diễn này tràn đầy thế giới của cộng đồng sống theo chỉ dẫn của thần thoại. Chẳng hạn, các tộc săn bắn châu Mỹ thường xem mình là con cháu của tổ tiên nửa người nửa thú. Các vị tổ tiên này không chỉ sinh ra các thành viên người trong tộc, mà còn cả loài thú mà tộc được đặt tên theo; do vậy các thành viên người trong tộc hải ly là bà con ruột rà của hải ly, họ che chở loài hải ly và đến lượt mình được trí khôn loài thú của các họ hàng trong rừng che chở. Hay một ví dụ khác: *hogan*, chòi đất của người Navaho ở New Mexico và Arizona được xây theo sơ đồ hình ảnh vũ trụ của dân Navaho. Lối vào ở hướng Đông. Tám mặt đại diện cho bốn phương tám hướng. Mỗi xà và rầm đều tương ứng với một yếu tố trong cái chòi lớn là đất và trời bao trọn vạn vật. Và vì linh hồn con người tự nó được xem là đồng nhất trong hình tượng với vũ trụ, nên chòi đất là một cách trình bày sự hài hòa cơ bản giữa con người và thế giới, và nhắc nhở đến

con đường sống hoàn thiện còn ẩn kín.

Nhưng còn một con đường khác - đối lập tuyệt đối với con đường vâng theo phận sự xã hội và thờ cúng dân gian. Theo góc nhìn của con đường phận sự, ai bị lưu đày khỏi cộng đồng thì đều là con số không. Tuy nhiên, từ góc nhìn kia, cuộc lưu đày này là bước đầu của cuộc tìm kiếm. Mỗi người đều mang bên trong mình toàn thể; do vậy có thể tìm và phát hiện cái toàn thể nằm bên trong. Các khác biệt giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp đều không thuộc vào bản chất tính cách ta, mà chỉ là trang phục ta mặc một thời gian trên sân khấu thế giới. Không nên nhầm lẫn hình ảnh con người bên trong với y phục này. Chúng ta nghĩ mình là người Mỹ, hay đứa con của thế kỷ 20, người phương Tây, người Cơ Đốc văn minh. Chúng ta đức hạnh hay tội lỗi. Thế nhưng những nhãn dán như vậy không nói lên thế nào là con người, chúng chỉ biểu thị những thông tin ngẫu nhiên về địa lý, ngày sinh, và thu nhập. Cốt lõi của ta là gì? Tính cách cơ bản của tồn tại ta là gì?

Đạo khổ tu của các thánh thời Trung cổ và các yogi Ấn, các lễ thụ giáo thần bí Hy Lạp cổ, các triết học cổ đại của Đông và Tây đều là kỹ thuật để đưa trọng tâm ý thức cá nhân ra khỏi y phục bên ngoài. Các giai đoạn sơ thiền của hành giả giúp người đó tách tâm và tình cảm khỏi các sự việc ngẫu nhiên trong đời sống và đưa anh ta tới cái cốt lõi. "Mình không phải là thứ đó, không phải thứ đó," anh ta chiêm nghiệm trong thiền: "không phải mẹ hay con trai mình vừa qua đời; không phải thân mình đang bệnh hay già lão đi; không phải cánh tay mình, mắt mình, đầu mình; không phải tổng những thứ này. Mình không phải cảm xúc của mình; không phải đầu óc mình; không phải khả năng trực giác của mình." Bằng cách thiền như vậy anh ta được đẩy tới đáy sâu uyên thâm của mình và cuối cùng vượt qua, đến những giác ngộ khôn dò. Không ai từ những tu tập như vậy quay về mà còn nghiêm chỉnh nghĩ mình là ông này ông nọ ở thị trấn này kia. Xã hội và phận sự rơi đi. Ông này ông kia, khi đã phát hiện trong mình mang nặng con người, trở nên thu mình xa cách.

Đây là giai đoạn Narkissos nhìn xuống hồ, Đức Phật ngồi quán tưởng dưới cây, nhưng đó không phải là mục đích tối hậu; nó là bước tiên quyết, nhưng không phải đích đến. Mục tiêu không phải là *thấy* cái chân tính đó, mà nhận ra rằng ta *là* cái chân tính đó; bấy giờ ta sẽ tự do rong chơi như chân tính đó trong thế giới. Hơn nữa: thế giới cũng thuộc về chân tính đó. Chân tính của ta và chân tính của thế giới: cả hai là một. Vì vậy mà sự tách biệt, rút lui không còn cần thiết nữa. Dù người hùng có đi đâu, dù anh ta làm gì, anh ta cũng luôn ở bên chân tính của mình - vì anh ta đã có con mắt được làm cho viên mãn để thấy. Không có tách biệt nào giữa hai bên. Như thế, giống như con đường tham gia vào xã hội cuối cùng có thể dẫn đến sự giác ngộ cái Toàn Thể trong cá thể, con đường lưu đầy cũng đem người hùng đến Ngã trong vạn vật.

Khi tập trung vào giữa tâm điểm này, vấn đề vị kỷ hay vị tha biến mất. Cá thể đánh mất mình trong luật và tái sinh trong sự đồng nhất với toàn thể ý nghĩa của vũ trụ. Cho Người đó, bằng tay Người đó, thế giới được tạo ra. “Này Mohammed,” Thượng đế dạy, “không có mi ta đã không tạo ra bầu trời.”

3. NGƯỜI HÙNG HÔM NAY

Tất cả những điều ấy quả thật là xa vời đối với quan điểm đương đại; vì lý tưởng dân chủ về cá nhân tự quyết, sự phát minh ra máy móc chạy điện và sự phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học đã làm biến đổi cuộc sống con người đến mức vũ trụ biểu tượng muôn đời được kế thừa từ lâu nay phải sụp đổ. Theo phát ngôn định mệnh, thông báo sự bắt đầu một kỷ nguyên mới của Zarathustra của Nietzsche, thì “Mọi thần thánh đã chết”.⁽³⁾ Ta biết câu chuyện đó; nó đã được kể cả ngàn cách. Đó là chu kỳ người hùng của thời hiện đại, truyện thần tiên về loài người đến độ chín muồi. Cái bùa quá khứ, gông cùm của truyền thống, rã rụn theo từng nhát chém vững vàng mạnh mẽ. Mạng giấc mơ

dệt từ thần thoại rơi ra; đầu óc mở ra cho ý thức hoàn toàn thức tỉnh; và con người hiện đại bước ra khỏi vô minh xưa, như con bướm từ cái kén, hay như mặt trời lúc bình minh từ vòm bụng mẹ đêm.

Đây không chỉ là vì không có chỗ nấp cho các thần trước viễn vọng kính và kính hiển vi tìm tòi; bản thân cái xã hội mà các thần từng nâng đỡ đã không còn nữa. Đơn vị xã hội không phải vật chuyên chở nội dung tôn giáo, mà là một tổ chức kinh tế chính trị. Nó không mang lý tưởng của kịch câm của giới thầy tu, là làm hiển hiện trên trái đất các hình tượng của trời, mà là lý tưởng của nhà nước thế tục, cạnh tranh quyết liệt và không khoan nhượng giành ngôi bá chủ về vật chất cũng như các nguồn lực. Các xã hội cô lập, bị giấc mơ nhốt lại bên trong một chân trời đậm màu thần thoại thì nay không còn tồn tại nữa, chỉ còn bị coi là những vùng cần khai thác. Còn bên trong các xã hội tiến bộ, mọi dấu tích cuối cùng của di sản nghi lễ, đạo lý, nghệ thuật của con người cổ xưa đều đã mục rã hoàn toàn.

Do vậy, vấn đề của nhân loại hôm nay lại trái ngược hẳn với vấn đề của con người trong những giai đoạn tương đối ổn định của các hệ thần thoại lớn đóng vai trò phối hợp cộng đồng giờ bị coi là đối trá. Thời ấy toàn bộ ý nghĩa là ở nhóm, ở các hình tượng vô danh lớn, không có chút nào ở cá thể biểu lộ chính mình; ngày nay không có chút ý nghĩa nào ở nhóm - hay ở thế giới: tất cả đều nằm ở cá thể. Nhưng ở đó ý nghĩa lại tuyệt đối không được ý thức. Người ta không biết mình tiến tới cái gì. Người ta không biết mình được cái gì đẩy tới. Các tuyến liên lạc giữa vùng ý thức và vô thức trong tâm lý người đã bị cắt đứt hết, và ta bị chẻ đôi.

Kỳ tích người hùng phải làm hôm nay không phải như hồi thế kỷ của Galileo. Nơi mà thời ấy là bóng tối, giờ là ánh sáng; nhưng ngược lại, nơi từng có ánh sáng, giờ là bóng tối. Kỳ tích người hùng hiện đại phải là kỳ tích đi tìm, để mang lại về ánh sáng, lục địa Atlantis đã mất là linh hồn được phối hợp.

Hiển nhiên, không thể làm việc này bằng cách quay lưng lại, hay quay mặt đi khỏi những thành tựu của cuộc cách mạng

thời hiện đại; bởi vì tất cả vấn đề là làm cho thế giới hiện đại lấy lại ý nghĩa về mặt tinh thần - hay đúng hơn (diễn đạt cùng nguyên tắc đó theo cách ngược lại) tất cả vấn đề là tạo điều kiện cho đàn ông đàn bà có thể trọn vẹn là con người trong hoàn cảnh của đời sống hiện đại. Quả thật, chính hoàn cảnh này đã biến công thức cũ trở thành không hiệu quả, gây lầm lạc, thậm chí còn nguy hại. Cộng đồng ngày nay là cả hành tinh, không phải dân tộc bị nhốt trong ranh giới; vì vậy mà các mô thức tấn công phóng chiếu ra ngoài, trước kia dùng để phối hợp nội bộ nhóm, thì giờ đây chỉ có thể chia rẽ nó thành phe phái. Ý niệm về dân tộc, lấy lá cờ làm vật tổ, ngày nay chỉ khiến bành trướng thứ bản ngã nhà trẻ, chứ không giúp triệt tiêu hoàn cảnh ấu thơ. Các lễ nghi nhại trên sân duyệt binh của nó phục vụ cho các mục đích của Chấp Thủ, con rồng bạo chúa, chứ không phải vị Chúa là nơi mọi tư lợi phải triệt tiêu. Và vô số thánh của cái phản giáo phái này - ấy là các nhà yêu nước mà hình chụp họ khoác lá cờ, đâu cũng thấy, đóng vai tranh tượng thánh chính thức của giáo phái - lại chính là những người canh giữ ngưỡng cửa địa phương (quý dạ xoa Long Dính của thời đại chúng ta) mà vấn đề đầu tiên của người hùng là vượt qua họ.

Các tôn giáo lớn của thế giới, như cách hiểu của thời nay, cũng không đáp ứng được yêu cầu ấy. Vì chúng giờ đã gắn liền với các nguyên nhân chia rẽ, trở thành công cụ tuyên truyền và ca ngợi chính mình của cộng đồng. (Ngay cả Phật giáo gần đây cũng chịu sự thoái hóa này, đáp lại các bài học của phương Tây.) Sự toàn thắng toàn cầu của nhà nước thế tục đã ném mọi tổ chức tôn giáo vào vị trí thứ yếu thấy rõ, và xét cho cùng là vô hiệu lực, đến mức mà vở kịch câm tôn giáo ngày nay cũng không hơn gì một bài tập sùng đạo sáng Chủ nhật, để cho đạo đức kinh doanh và lòng yêu nước chiếm chỗ những ngày còn lại trong tuần. Một sự thiêng liêng giả đò như vậy không phải thứ mà thế giới đang vận hành đòi hỏi; đúng hơn, cần có một sự chuyển hóa về chất toàn bộ trật tự xã hội, để qua mọi chi tiết và hành động của đời sống thế tục, hình ảnh truyền sức sống của thần-người vũ trụ

vốn quả thật cố hữu và có hiệu quả trong tất cả chúng ta được bằng cách nào đó hiển thị cho ý thức biết.

Và đây không phải một công việc mà ý thức có thể tự mình đạt được. Ý thức không thể nghĩ ra, hay thậm chí là thấy trước, một biểu tượng hiệu quả, cũng như nó không thể nói trước hay kiểm soát giấc mơ tối nay. Toàn bộ chuyện này được giải quyết trên một tầng bậc khác, qua một quá trình tất sẽ dài và rất đáng sợ, không chỉ trong những tầng sâu của mọi tâm lý đang sống trong thế giới hiện đại, mà còn trên các chiến trường khổng lồ mà cả hành tinh gần đây đã biến thành. Chúng ta đang xem cú va kinh khiếp của hai tầng Symplegade, và linh hồn phải đi qua đó - mà không đồng nhất mình với bên nào.

Nhưng có một điều ta có thể biết, ấy là bao giờ các biểu tượng mới này trở nên thấy được, chúng sẽ không giống nhau ở các miền khác nhau trên địa cầu; hoàn cảnh sống, chủng tộc và truyền thống địa phương thấy đều phải được kết hợp trong các hình thức hiệu quả. Do vậy, con người cần hiểu, và đủ sức thấy, rằng nhiều biểu tượng khác nhau kia hé lộ cùng một cứu chuộc ấy. “Chân lý chỉ có một,” ta đọc thấy trong kinh Veda; “hiền giả gọi nó bằng nhiều tên.” Chỉ một bài hát mà được luyến láy qua mọi biến tấu của dàn đồng ca con người. Do vậy, tuyên truyền đòi áp dụng phổ biến giải pháp địa phương này hay khác là không cần thiết - hay đúng hơn là một mối đe dọa. Con đường để thành người là học cách nhận ra nét mặt của Chúa trong muôn vàn biến hóa tuyệt vời của mặt người.

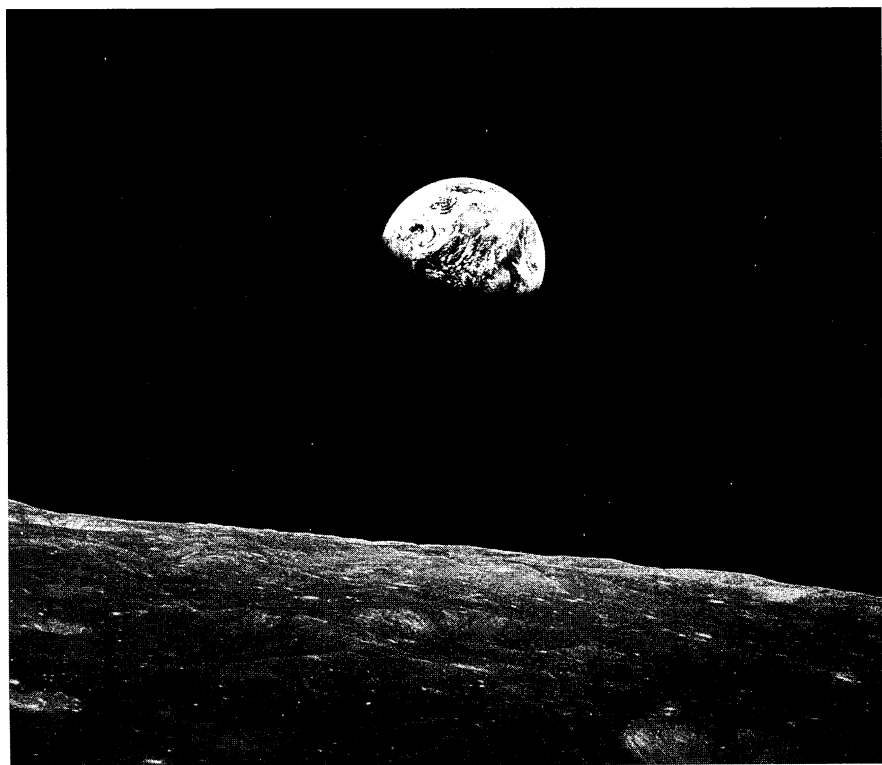
Tới đây chúng ta đi đến gọi ý chung cuộc về định hướng cụ thể cho nhiệm vụ người hùng của thời hiện đại, và phát hiện ra nguyên có thực sự gây nên sự phân rã mọi công thức tôn giáo chúng ta còn được kế thừa. Tâm trọng lực, nghĩa là tâm của cõi kỳ bí và hiểm nguy, đã dịch chuyển triệt để. Đối với các dân tộc săn bắt nguyên thủy trong những thiên niên kỷ xa xưa nhất của loài người khi mà hổ rừng kiếm, voi ma mút và các đại diện nhỏ bé hơn của loài thú là những hóa hiện chủ yếu của cái xa lạ - đồng thời đưa đến nguy hiểm và dưỡng chất, vấn đề lớn của loài

người là tạo sự nối kết tâm lý với nhiệm vụ chia sẻ cõi hoang dã với những hiện hữu này. Một sự đồng nhất vô thức diễn ra, và cuối cùng biến thành hữu thức ở các nhân vật nửa người nửa thú trong các vật tổ thần thoại. Thú vật trở thành thầy dạy của loài người. Qua các hành động bất chước y hệt - mà ngày nay chỉ xuất hiện trên sân chơi của trẻ em (hay trong nhà thương điên) - một sự triệt tiêu hiệu quả bản ngã con người được hoàn thành và xã hội đạt được sự tổ chức cố kết. Tương tự, các bộ tộc sống nhờ thức ăn cây cỏ sẽ có sự dồn trút dục năng [*cathexis*] vào cây cỏ; những lễ nghi sự sống như trồng trọt và gặt hái được đồng nhất với các lễ nghi sinh sản, ra đời và khôn lớn dần đến khi trưởng thành của con người. Tuy nhiên, cả hai thế giới thực vật và động vật cuối cùng cũng chịu sự kiểm soát của xã hội. Do vậy cánh đồng lớn cho phép lạ giáo huấn đã dời chỗ - lên bầu trời - và nhân loại diễn lại vở kịch lớn về vua mặt trăng thiêng liêng, vua mặt trời thiêng liêng, nhà nước thầy tu trên trái đất, và các lễ hội có tính biểu tượng kính ngưỡng các thiên cầu điều hành thế giới.

Ngày nay mọi bí ẩn này đã mất đi sức mạnh; biểu tượng của chúng không còn làm tâm lý ta quan tâm. Ý niệm về luật vũ trụ, mà toàn bộ tồn tại đều phục vụ nó và chính con người phải tuân theo, từ lâu đã đi qua các giai đoạn thần bí sơ khởi trong khoa chiêm tinh xưa, và giờ được chấp nhận một cách máy móc như chuyện đương nhiên. Việc các khoa học phương Tây đi từ trời xuống đất (từ thiên văn thế kỷ 17 đến sinh học thế kỷ 19), và việc chúng hôm nay cuối cùng cũng tập trung vào chính con người (trong nhân học và tâm lý học thế kỷ 20) đã vẽ đường cuộc dịch chuyển vĩ đại của tiêu điểm mỗi bản khoán của con người. Không phải thế giới loài thú, không phải thế giới thực vật, không phải phép lạ của các tinh cầu, mà chính con người giờ là bí ẩn then chốt. *Con người* là sự hiện diện xa lạ mà các lực lượng vị ngã phải tìm cách sống chung, là con đường để bản ngã bị đóng đinh và phục sinh, và là hình ảnh theo đó xã hội cần được cải cách. Tuy vậy, ở đây là con người được hiểu không phải là "ta" mà là "người": vì không lý tưởng và định chế trong thời gian nào, dù

của bộ lạc, chủng tộc, châu lục, tầng lớp xã hội hay thế kỷ nào có thể làm thước đo cho sự tồn tại siêu phàm thần diệu phong phú không bao giờ cạn, là sự sống trong tất cả chúng ta.

Người hùng hiện đại, cá nhân hiện đại dám nghe theo tiếng gọi và kiếm tìm tòa lâu đài của sự hiện diện kia mà toàn thể định mệnh của ta là hòa giải-nhập một với nó, người ấy không thể, thật ra là không được, chờ cho cộng đồng của y lột bỏ lớp xác kiêu mạn, sợ hãi, tham lam được duy lý hóa, và ngộ nhận được phong thần. “Hãy sống,” Nietzsche nói, “như thể ngày đó đã đến rồi.” Không phải xã hội phải dẫn dắt và cứu rỗi người hùng sáng tạo, mà chính là ngược lại. Và vì thế mỗi người chúng ta đều phải san sẻ cái thử thách tối cao - vác thập giá của đấng cứu chuộc - không phải trong những khoảnh khắc tươi sáng chiến thắng vẻ vang của cả bộ tộc, mà trong những khoảng lặng im nổi tuyệt vọng riêng tư.



HÌNH 84. Trái Đất mọc (hình chụp, quỹ đạo Mặt Trăng, 1968)

TRI ÂN

Ấn bản này do Quỹ Joseph Campbell (JCF) chuẩn bị trong khuôn khổ Tổng tập Joseph Campbell (tổng biên tập Robert Walter, thư ký biên tập David Kudler). Mọi chú thích đánh dấu [Ed.] là của các biên tập viên JCF. [Trong ấn bản tiếng Việt, các chú thích này được đánh dấu JCF - BT.]

Phần thư mục tham khảo do Trung tâm nghiên cứu và tư liệu Opus cung cấp, họ bảo lưu mọi quyền.

Hình C. G. Jung và Sigmund Freud được đưa vào với sự cho phép của HIP/Art Resource, New York.

Hình Franz Boas (tr. 34) được đưa vào với sự cho phép của Bảo tàng Phoebe E. Hearst và Hội đồng Đại học California.

Mọi hình ảnh và trích dẫn khác được đưa vào với sự cho phép của người giữ bản quyền, trừ những tư liệu thuộc phạm vi công cộng. Xem phần chú thích và danh mục minh họa để biết nguồn.

Sabra Moore và ThS. Diana Brown giúp phần tìm kiếm hình ảnh.

Chủ biên New World Library là Jason Gardner.

CHÚ THÍCH

LỜI TỰA CHO ẤN BẢN 1949

- 1 Sigmund Freud, *The Future of an Illusion* [Tương lai của một ảo tưởng] (James Strachey và nhiều người khác dịch, ấn bản thường, XXI; London: Hogarth Press, 1961), tr. 44-45. (Xuất bản lần đầu 1927.)
- 2 Rg Veda: 1.164.46.

PHẦN MỞ ĐẦU: THẦN THOẠI GỐC

- 1 Clement Wood, *Dreams: Their Meaning and Practical Application* [Giấc mơ: Ý nghĩa và ứng dụng thực tế] (New York: Greenberg, 1931), tr. 124. “Nội dung các giấc mơ trong cuốn sách này,” tác giả nêu (tr. viii), “chủ yếu lấy từ hơn ngàn giấc mơ nộp cho tôi mỗi tuần để phân tích, trong phạm vi mục báo chung hằng ngày tôi giữ được đăng khắp các báo trong nước. Bổ sung vào đó là những giấc mơ tôi phân tích ở phòng khám tư.” Trái với hầu hết các giấc mơ trình bày trong các công trình kinh điển về đề tài này, những giấc mơ trong tập sách này, cuốn sách đã khiến nhiều người lần đầu tiên biết đến Freud, là từ những người không đi khám nhằm mục đích phân tích tâm lý. Chúng rất chân thật.
- 2 Géza Róheim, *The Origin and Function of Culture* [Nguồn gốc và chức năng của văn hóa] (Nervous and Mental Disease Monographs [Tủ sách chuyên khảo về bệnh thần kinh và tâm lý], số 69, New York, 1943), tr. 17-25.
- 3 D. T. Burlingham, “Die Einfühlung des Kleinkindes in die Mutter” [Sự thấu cảm của trẻ sơ sinh với mẹ], *Imago*, XXI, tr. 429; chuyển dẫn theo Géza Róheim, *War, Crime and the Covenant* [Chiến tranh, tội ác và giao ước cũ] (Journal of Clinical Psychopathology, Monograph Series [Tủ sách chuyên khảo thuộc Tạp chí Tâm bệnh học lâm sàng], số 1, Monticello, New York, 1945), tr. 1.
- 4 Róheim, *War, Crime and the Covenant*, tr. 3.
- 5 Freud, *The Interpretation of Dreams* [Diễn giải giấc mơ] (James Strachey dịch, ấn bản thường, IV; London: Hogarth Press, 1953), tr. 262. (Xuất bản lần đầu 1900.)
- 6 Freud, *Three Essays on the Theory of Sexuality*, III: “The Transformations of Puberty” [Ba tiểu luận về lý thuyết tính dục, III: Những biến đổi tuổi dậy thì] (James Strachey dịch, ấn bản thường, VII; London: Hogarth Press, 1953), tr. 208. (Xuất bản lần đầu 1905.)
- 7 Sophocles, *Oedipus Tyrannus* [Oedipus Bạo chúa], tr. 981-83.
- 8 Wood, sách đã dẫn, tr. 92-93.
- 9 A. van Gennep, *Les rites de passage* [Nghĩ lễ chuyển đổi] (Paris, 1909).
- 10 Géza Róheim, *The Eternal Ones of the Dream* [Những đáng vĩnh cửu trong mơ] (New York: International Universities Press, 1945), tr. 178.

- 11 C. G. Jung, *Symbols of Transformation* [Những biểu tượng về biến hóa] (R. F. C. Hull dịch, *Tổng tập*, tập 5: New York và London, in lần thứ hai, 1967), đoạn 585. (Xuất bản lần đầu 1911-12, *Wandlungen und Symbole der Libido* [Những biến đổi và biểu tượng của libido], Beatrice M. Hinkle dịch là *Psychology of the Unconscious* [Tâm lý vô thức], 1916. Jung chỉnh sửa thêm, 1952.)
- 12 Harold Peake và Herbert John Fleure, *The Way of the Sea* [Đường biển] và *Merchant Venturers in Bronze* [Những lái buôn đồng mạo hiểm] (Yale University Press, 1929 và 1931).
- 13 Leo Frobenius, *Das unbekannte Afrika* [Châu Phi xa lạ] (Munich: Oskar Beck, 1923), tr. 10-11.
- 14 Ovid, *Metamorphoses* [Biến thể], VIII, tr. 132 trở đi; IX, tr. 736 trở đi.
- 15 T. S. Eliot, *The Waste Land* [Đất hoang] (New York: Harcourt, Brace and Company; London: Faber and Faber, 1922), 340-45.
- 16 Arnold J. Toynbee, *A Study of History* [Nghiên cứu lịch sử] (Oxford University Press, 1934), tập VI, tr. 169-75.
- 17 “Những hình thức hay hình ảnh có tính tập thể xuất hiện gần như khắp trái đất, vừa như yếu tố cấu thành nên thần thoại, đồng thời vừa như sản phẩm cá nhân, bản địa, có nguồn gốc vô thức” (C. G. Jung, *Psychology and Religion* [Tâm lý và tôn giáo] [*Tổng tập*, tập 11; New York và London, 1958], đoạn 88. Viết lần đầu bằng tiếng Anh, 1937. Xem thêm *Psychological Types* [Các kiểu tâm lý], bảng tra cứu.)
- 18 Jung, *Psychology and Religion*, đoạn 89.
- 19 Friedrich Nietzsche, *Human, All Too Human* [Con người, quá sức con người], tập I, tr. 13; Jung trích dẫn trong *Psychology and Religion*, đoạn 89, số 17.
- 20 Adolf Bastian, *Ethnische Elementargedanken in der Lehre vom Menschen* [Các ý niệm cơ bản của từng dân tộc trong giáo điều về con người], Berlin, 1895, tập I, tr. ix.
- 21 Franz Boas, *The Mind of Primitive Man* [Tâm trí người nguyên thủy] (1911), tr. 104, 155, 228.
- 22 James G. Frazer, *The Golden Bough* [Cành vàng], ấn bản một tập, tr. 386. Bản quyền 1922 thuộc về Macmillan Company, trích lại có sự cho phép của họ.
- 23 Sigmund Freud, *The Interpretation of Dreams*, James Strachey dịch, ấn bản thường, tập V, tr. 350-51.
- 24 Jung, *Psychology and Religion*, đoạn 89.
- 25 Chữ này Géza Róheim dịch từ một thuật ngữ của bộ lạc Aranda ở Úc, *altjiranga mitjina*, nói đến các tổ tiên thần thoại từng đi khắp trái đất vào thời gọi là *altjiranga nakala*, “tổ tiên từng tồn tại”. Chữ *altjira* nghĩa là: (a) giấc mơ, (b) tổ tiên, người xuất hiện trong giấc mơ, (c) một câu chuyện (Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 210-11).
- 26 Frederick Pierce, *Dreams and Personality* [Giấc mơ và tính cách] (Bản quyền 1931 của nhà xuất bản D. Appleton and Co.), tr. 108-9.
- 27 Những chữ viết trên cổng hòa ngục:
Per me si va nella città dolente,
Per me si va nell' eterno dolore,
Per me si va tra la Perduta Gente.

- Dante, “Hỏa ngục”, III, 1-3.

Bản dịch của Charles Eliot Norton, *The Divine Comedy of Dante Alighieri* [Hài kịch thánh thần của Dante Alighieri] (Boston và New York: Houghton Mifflin Company, 1902); đoạn này và các trích dẫn khác liệt kê trong phần chú thích cuối trang sử dụng với sự cho phép của nhà xuất bản.

- 28 Katha Upaniṣad, 3-14. (Nếu không có chú thích khác thì những câu tôi trích dẫn Upaniṣad là lấy từ *The Thirteen Principal Upanishads, Translated from the Sanskrit* [Mười ba Upaniṣad chính, dịch từ tiếng Phạn] của Robert Ernest Hume, Oxford University Press, 1931.)
- Upaniṣad là một tập hợp những đàm luận về bản chất con người và vũ trụ của Ấn giáo, tạo nên một bộ phận về sau của truyền thống suy biện chính thống. Những văn bản đầu tiên có từ khoảng thế kỷ 8 TCN.
- 29 James Joyce, *A Portrait of the Artist as a Young Man* [Chân dung người nghệ sĩ thời trẻ] (Modern Library; Random House, Inc.), tr. 239.
- 30 Aristotle, *On the Art of Poetry* [Về nghệ thuật thơ ca] (Ingram Bywater dịch, lời tựa của Gilbert Murray, Oxford University Press, 1920), tr. 14-16.
- 31 Robinson Jeffers, *Roan Stallion* [Gã ngựa lang] (New York: Horace Liveright, 1925), tr. 20.
- 32 Euripides, *The Bacchae* [Đám thờ thần Bacchus], 1017 (Gilbert Murray dịch).
- 33 Euripides, *The Cretans* [Người đảo Crete], đoạn 475, trích theo Porphyry, *De abstinence* [Về ăn kiêng], IV, tr. 19, Gilbert Murray dịch. Xem thảo luận về đoạn thơ này của Jane Harrison trong *Prolegomena to the Study of Greek Religion* [Dẫn luận cho nghiên cứu tôn giáo Hy Lạp] (in lần thứ ba, Cambridge University Press, 1992), tr. 478-500.
- 34 Ovid, *Metamorphoses*, XV, 165-67, 184-85 (Frank Justus Miller dịch, Loeb Classical Library).
- 35 Bhagavad Gītā, 2:18 (Swami Nikhilananda dịch, New York, 1944).
- 36 *Thần thoại gốc* [monomyth] là chữ lấy từ *Finnegans Wake* của James Joyce (New York: Viking Press, Inc., 1939), tr. 581.
- 37 Vergilius, *Aeneid*, VI, 892.
- 38 Giản lược đáng kể từ *Jataka* [Chuyện tiền thân Đức Phật] phần Giới thiệu^(*), i, 58-75 (Henry Clarke Warren dịch, *Buddhism in Translations* [Phật giáo qua các bản dịch] [Harvard Oriental Series 3] [Bộ sách phương Đông Harvard], [Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1896], tr. 56-87), và *Lalitavistara* [Phổ Diệu kinh] theo bản kể của Ananda K. Coomaraswamy, *Buddha and the Gospel of Buddhism* [Đức Phật và Tin Mừng Phật pháp] (New York: G. P. Putnam's Sons, 1916), tr. 24-38.
- 39 Xuất Hành, 19:3-5.
- 40 Louis Ginzberg, *The Legends of the Jews* [Truyền thuyết Do Thái] (Philadelphia: Jewish Publication Society of America [Hội xuất bản Do Thái Hoa Kỳ], 1911), tập III, tr. 90-94.
- 41 Cuốn sách này không nhằm mục đích đưa ra thảo luận lịch sử về hoàn cảnh này. Nhiệm vụ đó là dành cho một công trình đang biên soạn. [Công trình này cuối cùng sẽ là đại công trình gồm bốn phần của Campbell, *The Masks of God* [Các mặt nạ của Thượng đế] - JCF.] Cuốn sách này nhằm để nghiên cứu so sánh, không phải nghiên cứu nguồn gốc. Mục đích của nó là cho thấy những yếu tố song song cơ bản trong bản thân các thần thoại cũng như trong cách diễn giải và áp dụng mà các trí giả đã đưa ra về chúng.
- 42 Linh mục Ansgar Nelson (dòng Biển Đức) dịch, trong *The Soul Afire* [Linh hồn bùng cháy] (New York: Pantheon Books, 1944), tr. 303.

*. Đây thực chất là một văn bản riêng mang tên "Nidānakathā" (Thuyết duyên luận), trình bày về tiểu sử của Đức Phật, xuất hiện ở đầu sách chú giải "Chuyện tiền thân Đức Phật", hiện chưa có xác quyết về tư cách tác giả. Chưa tìm được bản dịch trong tiếng Việt. (BT)

- 43 Epiphanius trích dẫn, *Adversus haereses* [Chống bọn tà đạo], xxvi, 3.
- 44 Xem tr. 49.
- 45 Đây là vua rắn bảo vệ Đức Phật, tuần thứ năm sau khi ngài đắc đạo. Xem tr. 50.
- 46 Alice C. Fletcher, *The Hako: A Pawnee Ceremony* [Nghĩ lễ Hako của người Pawnee] (Báo cáo thường niên lần hai mươi hai, Cục Dân tộc học Hoa Kỳ, phần 2; Washington, D. C., 1904), tr. 243-44.
- “Lúc trời đất được tạo ra,” một tu sĩ cấp cao người Pawnee nói với cô Fletcher, giải thích các thần được thờ phụng trong nghi lễ, “có cả những quyền năng thấp hơn được tạo ra. Tirawa-atius, quyền năng hùng mạnh, không thể đến gần con người, con người không được thấy hay cảm thấy ngài, do vậy mà được có các quyền năng tăng thấp. Họ có nhiệm vụ làm trung gian giữa con người và Tirawa” (sdd, tr. 27).
- 47 Xem Ananda K. Coomaraswamy, “Symbolism of the Dome” [Biểu tượng mái vòm], *The Indian Historical Quarterly* [Tập chí hàng quý về lịch sử Ấn Độ], tập XIV, số 1 (tháng Ba 1938).
- 48 John, 6:55.
- 49 Sdd, 10:9.
- 50 Sdd, 6:56.
- 51 Koran, 5:105.
- 52 Heraclitus, khúc 102.
- 53 Heraclitus, khúc 46.
- 54 William Blake, *The Marriage of Heaven and Hell* [Hôn nhân giữa thiên đường và địa ngục], “Proverbs of Hell” [Các châm ngôn dưới địa ngục].
- 55 Leo Frobenius, *Und Afrika sprach* [Và châu Phi đã nói] (Berlin: Vita, Deutsches Verlagshaus, 1912), tr. 243-45. So sánh cảnh giống đến kỳ lạ về Othin (Wotan) được kể lại trong Edda văn xuôi, “Skáldskaparmál” I (“Scandinavian Classics” [Kinh điển Scandinavia], tập V, New York, 1929, tr. 96). So sánh cả với mệnh lệnh của Đức Chúa Trời trong Xuất Hành, 32:27: “Mỗi người trong các ngươi hãy đeo guom bên mình, đi qua đi lại trong trại quân, từ cửa này đến cửa kia, và mỗi người hãy giết anh em, bạn hữu, và kẻ lân cận mình.”

PHẦN I

CHƯƠNG I: LÊN ĐƯỜNG

- 1 *Truyện cổ Grimm*, số 1, “VuaẾch”.
- 2 *The Psychopathology of Everyday Life* [Tâm bệnh học đời thường] (ấn bản thường, VI; xuất bản lần đầu năm 1901).
- 3 Evelyn Underhill, *Mysticism, A Study in the Nature and Development of Man's Spiritual Consciousness* [Thần bí học, nghiên cứu về bản chất và phát triển của ý thức tâm linh con người] (New York: E. P. Dutton and Co., 1911), phần II, “The Mystic Way” [Con đường thần bí], chương II, “The Awakening of the Self” [Thức tỉnh bản ngã].
- 4 Sigmund Freud, *Introductory Lectures on Psycho-Analysis* [Các bài giảng tâm học nhập môn] (James Strachey dịch, ấn bản thường, XVI; London: Hogarth Press, 1963), tr. 396-97. (Xuất bản lần đầu năm 1916-17).
- 5 Malory, *Le Morte d'Arthur* [Cái chết của vua Arthur], I, tr. xix. Chuyển rượt đuổi con hươu đực và bắt gặp “con thú sủa mồi” đánh dấu khởi đầu những bí ẩn liên hệ với cuộc truy tìm Chén thánh.

- 6 George A. Dorsey và Alfred L. Kroeber, *Traditions of the Arapaho* [Truyền thuyết của người Arapaho] (Bảo tàng Field Columbia, Publication 81, Tủ sách nhân học, tập V; Chicago, 1903), tr. 300. In lại trong *Tales of the North American Indians* [Những truyện kể của người da đỏ Bắc Mỹ] của Stith Thompson (Cambridge, Massachusetts, 1929), tr. 128.
- 7 C. G. Jung, *Psychology and Alchemy* [Tâm lý học và giả kim thuật] (*Tổng tập*, tập 12; New York và London, 1953), các đoạn 71, 73. (Xuất bản lần đầu 1935.)
- 8 Wilhelm Stekel, *Die Sprache des Traumes* [Ngôn ngữ của giấc mơ] (Wiesbaden, Verlag von J. F. Bergmann, 1911), tr. 352. Bác sĩ Stekel chỉ ra mối liên hệ giữa răng đỏ như máu với ý nghĩ về máu ho khi bị lao phổi.
- 9 Trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản từ Henry Clarke Warren, *Buddhism in Translations* (Harvard Oriental Series 3) (Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1896), tr. 56-57.
- 10 Châm Ngôn, 1:24-27, 32.
- 11 “Các sách tâm linh thỉnh thoảng trích câu Latin [này] làm biết bao kẻ kinh sợ” (Ernest Dimnet, *The Art of Thinking* [Nghệ thuật tư duy], New York: Simon and Schuster, Inc., 1929, tr. 203-4).
- 12 Francis Thompson, *The Hound of Heaven* [Con chó săn nhà trời], các câu mở đầu.
- 13 Sđd, phần kết.
- 14 Ovid, *Metamorphoses*, I, câu 504-553 (Frank Justus Miller dịch, Loeb Classical Library).
- 15 Xem tr. 21-22.
- 16 Jung, *Psychology and Alchemy*, đoạn 58, 62.
- 17 Grimm, số 50.
- 18 *The Thousand Nights and One Night* [Ngàn lẻ một đêm], bản dịch của Richard F. Burton (Bombay, 1885), tập I, tr. 164-67.
- 19 Sáng Thế Ký, 19:26.
- 20 Werner Zirus, *Ahasverus, der ewige Jude* [Ahasverus, người Do Thái vĩnh cửu] (Stoff- und Motivgeschichte der deutschen Literatur 6 [Lịch sử chất liệu và lịch sử motif trong văn học Đức 6], Berlin và Leipzig, 1930), tr. 1.
- 21 Xem tr. 73.
- 22 Xem Otto Rank, *Art and Artist* [Nghệ thuật và nghệ sĩ], Charles Francis Atkinson dịch (New York: Alfred A. Knopf, Inc., 1943), tr. 40-41: “Nếu chúng ta so sánh kiểu người loạn thần kinh với kiểu người sáng tạo thì rõ ràng là kiểu trước có đời sống xung năng bị ngăn chặn thái quá... Cả hai khác biệt một cách nền tảng với kiểu bình thường, vốn chấp nhận mình như hiện tại, ở chỗ có khuynh hướng thực hành cái ý chí định hình lại mình. Tuy nhiên có sự khác biệt này: kiểu loạn thần kinh, trong quá trình tái tạo bản ngã tự nguyện này, không đi quá phần việc hủy hoại sơ khởi và do vậy không thể tách rời toàn thể quá trình sáng tạo khỏi con người mình để đưa sang một sự trừu tượng hóa ý thức hệ. Người nghệ sĩ sáng tạo cũng bắt đầu... bằng sự sáng tạo lại mình mà kết quả là một bản ngã được xây dựng theo ý thức hệ; [nhưng với anh ta] bản ngã này bấy giờ có khả năng chuyển sức mạnh ý chí sáng tạo từ con người mình sang những hình tượng ý thức hệ của con người đó, và do vậy biến nó thành tồn tại khách quan. Phải thừa nhận rằng quá trình này trong một chừng mực bị hạn chế trong phạm vi bản thân cá thể, và không chỉ trong khía cạnh xây dựng mà còn trong khía cạnh hủy diệt. Điều này giải thích tại sao hầu như không có công việc sáng tạo nào đi đến đích mà thiếu các khủng hoảng bệnh hoạn có tính chất ‘loạn thần kinh’.”
- 23 Giản lược từ Burton, sđd, tập III, tr. 213-28.

- 24 Bruno Gutmann, *Volksbuch der Wadschagga* [Tập truyện dân gian Wachaga] (Leipzig, 1914), tr. 144.
- 25 Washington Matthews, *Navaho Legends* [Truyện thuyết Navaho] (Memoirs of the American Folklore Society [Kỷ yếu Hội folklore Hoa Kỳ], tập V, New York, 1897), tr. 109.
- [Xem thảo luận về tính biểu tượng trong cuộc phiêu lưu của người hùng của người Navaho trong *Where the Two Came to Their Father: A Navaho War Ceremonial* [Nơi hai anh em tới gặp cha: Một nghi lễ chiến tranh Navaho] của Jeff King, Maud Oakes và Joseph Campbell, Tủ sách Bollingen I, in lần thứ hai (Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1969), tr. 33-49; Joseph Campbell, *The Inner Reaches of Outer Space: Myth as Metaphor and as Religion* [Không gian vũ trụ trong tâm: Thần thoại như ẩn dụ và như tôn giáo] (Novato, California: New World Library, 2002), tr. 63-70; và Joseph Campbell, "The Spirit Land" [Miền đất linh hồn], *Mythos: The Shaping of Our Modern Tradition* [Mythos: Sự hình thành truyền thống hiện đại của chúng ta] (Acorn Media, 2007) - JCF.]
- 26 Dante, "Thiên đường", XXXIII, 12-21 (Charles Eliot Norton dịch, sdd, tập III, tr. 252; trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản Houghton Mifflin Company).
- 27 Xem Oswald Spengler, *The Decline of the West* [Sự suy tàn của phương Tây], Charles Francis Atkinson dịch (New York: Alfred A. Knopf, Inc., 1926-28), tập I, tr. 144. "Giả sử rằng," Spengler nói thêm, "chính Napoléon, như 'con người thực chứng', đã thua trận tại Marengo - bấy giờ điều ông *biểu thị* sẽ thành hiện thực trong một dạng nào khác." Người hùng, trong nghĩa này và đến mức độ này đã thành phi nhân cách, trong giai đoạn anh ta thực hiện hành động trọng đại của mình sẽ đóng vai trò hóa thân của tính động của quá trình văn hóa; "giữa anh ta như một sự kiện và các sự kiện khác có một sự hài hòa nhịp điệu siêu hình học" (sdd, tr. 142). Điều này tương ứng với ý niệm của Thomas Carlyle về Vua Người Hùng như "người tài" (*On Heroes, Hero-Worship and the Heroic in History* [Về người hùng, sự sùng bái anh hùng, và tính anh hùng trong lịch sử], bài giảng VI).
- 28 Trong thời Hy Lạp hóa, Hermes và Thoth được gộp lại trong nhân vật Hermes Trismegistus, "Hermes ba lần vĩ đại nhất", được xem là ông tổ bảo trợ và thầy của mọi nghề, nhất là giả kim. Bình chung cất niêm phong "kín mít" [*hermetically*] đựng các kim loại thần bí được xem là một thế giới riêng - một vùng đặc biệt có các lực lượng mạnh mẽ sánh ngang với cõi thần thoại; kim loại trong đó trải qua những biến thể và chuyển hóa kỳ lạ, tượng trưng cho những biến hình của linh hồn dưới sự chỉ dẫn của đấng siêu nhiên. Hermes là thầy của các bí ẩn thụ giáo xưa, đại diện cho minh triết cõi trời đi xuống trần gian, vốn cũng thể hiện trong hóa thân của các đấng cứu thế siêu phàm (xem tr. 372-377). (Xem C. G. Jung, *Psychology and Alchemy*, phần III, "Religious Ideas in Alchemy" [Những ý tưởng tôn giáo trong thuật giả kim] (Xuất bản lần đầu 1936). Về bình chung cất, xem đoạn 338. Để biết về Hermes Trismegistus, xem đoạn 173 và mục từ tương ứng trong bảng tra cứu.
- 29 Wilhelm Stekel, *Die Sprache des Traumes*, tr. 70-71.
- 30 Sdd, tr. 71.
- 31 Koran, 37:158.
- 32 Phỏng theo Burton, sdd, tập III, tr. 223-30.
- 33 So sánh với con rắn trong mơ; xem tr. 80.
- 34 Leonhard S. Schultze, *Aus Namaland und Kalahari* [Từ Namaland và Kalahari] (Jena, 1907), tr. 392.

35 Sdd, tr. 404, 448.

36 David Clement Scott, *A Cyclopaedic Dictionary of the Mang'anja Language Spoken in British Central Africa* [Từ điển bách khoa về ngôn ngữ Mang'anja ở Trung Phi thuộc Anh] (Edinburgh, 1892), tr. 97.

So sánh với giấc mơ sau đây của cậu bé mười hai tuổi: “Một đêm nọ cháu nằm mơ thấy một bàn chân. Cháu nghĩ là nó nằm trên sàn nên cháu vấp phải nó vì không nghĩ có nó ở đấy. Hình như nó cũng có hình thù như bàn chân cháu. Bàn chân bỗng nhảy vọt lên rồi đuổi theo cháu; cháu nghĩ là mình nhảy vọt ngay qua cửa sổ, chạy vòng sân ra đường, ba chân bốn cẳng chạy. Cháu nghĩ là cháu chạy tới Woolwich, rồi bất thành linh nó tóm được cháu và lay cháu, rồi cháu thức dậy. Cháu nằm mơ thấy bàn chân này vài lần.”

Cậu bé đã nghe thuật lại là cha cậu, vốn là thủy thủ, gần đây bị tai nạn ngoài biển gặp mất cả chân (C. W. Kimmins, *Children's Dreams, An Unexplored Land* [Giấc mơ của trẻ em, một vùng chưa được khám phá]; London: George Allen and Unwin, Ltd., 1937, tr. 107).

“Bàn chân,” bác sĩ Freud viết, “là biểu tượng tình dục lâu đời xuất hiện cả trong thần thoại” (*Three Essays on the Theory of Sexuality*, tr. 155). Cũng nên lưu ý rằng tên Oedipus nghĩa là “kẻ chân sưng”.

37 So sánh với V. J. Mansikka, trong *Encyclopaedia of Religion and Ethics* [Bách khoa thư tôn giáo và đạo đức], tập IV, tr. 628 của Hastings; mục từ “Demons and Spirits (Slav)” [Các loại ma quỷ (Slav)]. Những mục từ của nhiều chuyên gia tập hợp trong tập này dưới tiêu đề chung “Ma quỷ” (bản riêng các biến thể ở châu Phi, châu Đại Dương, Assyria-Babylon, Phật giáo, Celt, Trung Hoa, Cơ Đốc, Copt, Ai Cập, Hy Lạp, Hebrew, Ấn Độ, Kỳ Na giáo, Nhật, Do Thái, Hồi giáo, Ba Tư, La Mã, Slav, Teuton và Tây Tạng) là một giới thiệu tuyệt hảo cho chủ đề này.

38 Sdd, tr. 629. So sánh với “hòn núi hát” Lorelei. Phần viết của Mansikka về các thần linh trong rừng, ngoài đồng, dưới nước của dân Slav dựa trên *Nákres slovanského bájeslovi* [Phác thảo về thần thoại Slav] rất toàn diện của Hanus Máchal (Prague, 1891), bản giản lược tiếng Anh có trong *Slavic Mythology* [Thần thoại Slav] của Máchal (*The Mythology of All Races* [Thần thoại mọi giống dân], tập III, Boston, 1918).

39 Wilhelm Stekel, *Fortschritte und Technik der Traumdeutung* [Các tiến bộ và kỹ thuật trong giải mã giấc mơ] (Vienna-Leipzig-Bern: Verlag für Medizin [Nhà xuất bản Y học], Weidmann und Cie., 1935), tr. 37.

40 A. R. Radcliffe-Brown, *The Andaman Islanders* [Dân đảo Andaman] (in lần thứ hai, Cambridge University Press, 1933), tr. 175-77.

41 R. H. Codrington, *The Melanesians, Their Anthropology and Folk-Lore* [Người Melanesia: Nhân học và folklore] (Oxford University Press, 1891), tr. 189.

42 *Jataka*, 1:1. Giản lược từ bản dịch *Buddhist Parables* [Dụ ngôn Phật giáo] của Eugene Watson Burlingame (Yale University Press, 1922), tr. 32-34. Trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản.

43 Coomaraswamy, *Journal of American Folklore* [Tập chí folklore Hoa Kỳ] 57, 1944, tr. 129.

44 *Jataka*, 55:1, 272-75. Phỏng theo có giản lược đôi chút bản dịch của Eugene Watson Burlingame, sdd, tr. 41-44. Trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản.

45 Nicholas of Cusa [Nikolaus von Kues], *De visione Dei* [Thị kiến Chúa Trời], 9, 11; Ananda K. Coomaraswamy nêu trong “On the One and Only Transmigrant” [Về người di thể duy nhất trên thế giới] (*Supplement to the Journal of the American Oriental*

- Society* [Phụ trương Tập chí của Hội phương Đông Hoa Kỳ], tháng Tư-tháng Sáu, 1944), tr. 25.
- 46 Ovid, *Metamorphoses*, VII, 62; XV, 338.
- 47 Xem tr. 87.
- 48 Longfellow, *The Song of Hiawatha* [Bài ca Hiawatha], VIII. Các cuộc phiêu lưu được Longfellow cho là của tù trưởng Hiawatha bộ lạc Iroquois thật ra thuộc về anh hùng văn hóa Manabozho của dân Algonquin. Hiawatha là nhân vật có thật trong lịch sử thế kỷ 16. Xem tr. 256.
- 49 Leo Frobenius, *Das Zeitalter des Sonnengottes* [Thời đại Thần Mặt Trời] (Berlin, 1904), tr. 85.
- 50 Henry Callaway, *Nursery Tales, Traditions, and Histories of the Zulus* [Truyện thiếu nhi, truyền thuyết và truyện sử của người Zulu] (London, 1868), tr. 331.
- 51 Ananda K. Coomaraswamy, "Akimcanna: Self-Naughting" [Akimcanna: Trừ ngã] (*New Indian Antiquary* [Tân cổ học Ấn Độ], tập III, Bombay, 1940), tr. 6, chú thích 14, dẫn lại và bàn luận về *Summa Theologica* [Tổng luận thần học] của Thomas Aquinas, I, 63, 3.
- 52 Sir James G. Frazer, *The Golden Bough* (ấn bản một tập), tr. 347-49. Bản quyền 1922 của Macmillan Company, sử dụng có sự cho phép của họ.
- 53 Sđd, tr. 280.
- 54 Duarte Barbosa, *A Description of the Coasts of East Africa and Malabar in the Beginning of the Sixteenth Century* [Mô tả các vùng duyên hải Đông Phi và Malabar vào đầu thế kỷ 16] (Hakluyt Society, London, 1866), tr. 172; dẫn theo Frazer, sđd, tr. 274-75. Trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản Macmillan Company.

CHƯƠNG II: THỤ GIÁO

- 1 Apuleius, *The Golden Ass* [Con lừa vàng] (ấn bản của The Modern Library), tr. 131-41.
- 2 Knud Leem, *Beskrivelse over Finmarkens Lapper* [Miêu tả về người Lapp ở Finnmark] (Copenhagen, 1767), tr. 475-78. Bản dịch tiếng Anh có trong *A General Collection of the Best and Most Interesting Voyages and Travels in All Parts of the World* [Tập hợp chung những chuyến du hành, du lịch hay và thú vị nhất khắp mọi miền thế giới] của John Pinkerton (London, 1808), tập I, tr. 477-78.
- 3 E. J. Jessen, *Afhandling om de Norske Finners og Lappers Hedenske Religion* [Bàn về các tôn giáo tiền Cơ Đốc của người Finn và Lapp ở Na Uy], tr. 31. Công trình này in trong cuốn của Leem, sđd, là phụ lục đánh số trang riêng.
- 4 Uno Harva, *Die religiösen Vorstellungen der altaischen Völker* [Tư tưởng tôn giáo của các tộc dân Altaï] ("Folklore Fellows Communications" [Thu từ trao đổi của đồng nghiệp folklore học] số 125, Helsinki, 1938), tr. 558-59; theo G. N. Potanin, *Ocherki severo-zapadnoy Mongolii* [Các bài luận về Tây Bắc Mông Cổ] (St. Petersburg, 1881), tập IV, tr. 64-65.
- 5 Géza Róheim, *The Origin and Function of Culture* (Nervous and Mental Disease Monographs, số 69), tr. 38-39.
- 6 Sđd, tr. 38.
- 7 Sđd, tr. 51.
- 8 Underhill, sđd, phần II, chương III. So sánh tr. 42, chú thích 3.
- 9 Wilhelm Stekel, *Fortschritte und Technik der Traumdeutung*, tr. 124.
- 10 *Swedenborgs Drömmar*, 1774, "Jemte andra hans anteckningar efter original-

handskrifter meddelade af G. E. Klemming" [Giấc mơ của Swedenborg, 1774, cùng các ghi chép của ông theo bản thảo gốc được công bố bởi G. E. Klemming] (Stockholm, 1859), trích dẫn trong *Das Buch der Träume* [Sách về giấc mơ] của Ignaz Ježower (Berlin: Ernst Rowohlt Verlag, 1928), tr. 97.

11 Ježower, sđd, tr. 166.

12 Plutarch, "Themistocles", 26; Ježower, sđd, tr. 18.

13 Stekel, *Fortschritte und Technik der Traumdeutung*, tr. 150.

14 Sđd, tr. 153.

15 Sđd, tr. 45.

16 Sđd, tr. 208.

17 Sđd, tr. 216.

18 Sđd, tr. 224.

19 Sđd, tr. 159.

20 Sđd, tr. 21.

21 Stekel, *Die Sprache des Traumes*, tr. 200. Xem thêm Heinrich Zimmer, *The King and the Corpse* [Đức vua và cái xác], J. Campbell biên tập (New York: Tủ sách Bollingen, 1948), tr. 171-72; và cả D. L. Coomaraswamy, "The Perilous Bridge of Welfare" [Cây cầu hiểm trở qua an lạc], *Harvard Journal of Asiatic Studies* [Tập chí nghiên cứu Á châu Harvard] 8.

22 Stekel, *Die Sprache des Traumes*, tr. 287.

23 Sđd, tr. 286.

24 Koran, 2:214.

25 S. N. Kramer, *Sumerian Mythology* [Thần thoại Sumer] (American Philosophical Society Memoirs [Kỷ yếu Hội triết học Hoa Kỳ], tập XXI; Philadelphia, 1944), tr. 86-93. Thần thoại của người Sumer có tầm quan trọng đặc biệt đối với phương Tây chúng ta, vì nó là nguồn của các truyền thống Babylon, Assyria, Phoenicia, và Kinh Thánh (bản thân nó lại sinh ra Hồi giáo và Cơ Đốc giáo), cũng như là nguồn ảnh hưởng quan trọng trong các tôn giáo của người Celt, Hy Lạp, La Mã, Slav và Đức tiền Cơ Đốc.

26 Jeremiah Curtin, *Myths and Folk-Lore of Ireland* [Thần thoại và folklore Ireland] (Boston: Little, Brown and Company, 1890), tr. 101-6.

27 Xem tr. 80-81.

28 Ovid, *Metamorphoses*, III, 138-252.

29 So sánh với J. C. Flügel, *The Psycho-Analytic Study of the Family* [Nghiên cứu phân tâm về gia đình] (The International Psycho-Analytical Library [Thư viện phân tâm quốc tế], số 3, in lần thứ tư; London: Hogarth Press, 1931), chương xii và xiii.

"Có tồn tại," giáo sư Flügel nhận xét, "một mối liên tưởng rất khái quát một mặt là giữa ý niệm tâm trí, tinh thần hay linh hồn và quan niệm về người cha hay nam tính; mặt khác là giữa ý niệm thân thể hay vật chất (*materia* - cái thuộc người mẹ) và quan niệm về người mẹ hay nguyên lý nữ. Việc kìm nén cảm xúc và cảm giác liên quan đến người mẹ [trong độc thần giáo Do Thái-Cơ Đốc của ta], nhờ liên kết này, đã tạo ra khuynh hướng có thái độ không tin tưởng, coi thường, ghê sợ hay thù địch cơ thể người, trái đất và toàn Vũ trụ vật chất, cùng với một khuynh hướng tương ứng là tán tưng và nhấn mạnh thái quá các yếu tố tinh thần, ở người hay trong bài trí của vạn vật. Có lẽ rất nhiều khuynh hướng mang tính lý tưởng rõ rệt hơn trong triết học đã có được sức hấp dẫn trong tâm trí bao người đa phần là nhờ sự thăng hoa phản ứng chống người mẹ này, còn các hình thức chủ nghĩa duy vật giáo điều và hẹp hòi hơn

- thì có lẽ lại biểu thị sự quay trở lại của những tình cảm bị kìm nén, ban đầu có liên hệ với người mẹ” (Sđd, tr. 145, chú thích 2).
- 30 *The Gospel of Sri Ramakrishna* [Tin Mừng theo Sri Ramakrishna], được dịch sang tiếng Anh có phần giới thiệu của Swami Nikhilananda (New York, 1942), tr. 9.
- 31 Sđd, tr. 21-22.
- 32 Standish H. O’Grady, *Silva Gadelica* (London: Williams and Norgate, 1892), tập II, tr. 370-72. Có nhiều dị bản được kể lại trong *Canterbury Tales* [Truyện Canterbury], “The Tale of the Wyf of Bath” [Truyện kể của người phụ nữ xứ Bath] của Chaucer; trong *Tale of Florent* [Truyện Florent] của Gower; trong bài thơ giữa thế kỷ 15, *The Weddynge of Sir Gawen and Dame Ragnell* [Đám cưới Sir Gawain và Dame Ragnelle]; và trong bản ballad thế kỷ 17, *The Marriage of Sir Gawaine* [Hôn lễ của Sir Gawain]. Xem *Sources and Analogues of Chaucer’s Canterbury Tales* [Nguồn gốc và dị bản của *Truyện Canterbury* của Chaucer] của W. F. Bryan và Germaine Dempster (Chicago, 1941).
- 33 Guido Guinicelli di Magnano (1230-75?), “Of the Gentle Heart” [Tấm lòng dịu dàng], Dante Gabriel Rossetti dịch, *Dante and His Circle* [Dante và giới của ông] (ấn bản 1874; London: Ellis and White), tr. 291.
- 34 Thánh ca trong lễ Đức Mẹ Lên Trời (15 tháng Tám), cầu kinh chiều: trích trong *Sách lễ Rôma*.
- 35 *Hamlet*, hồi I, cảnh ii, câu 129-37.
- 36 Sophocles, *Oedipus Coloneus* [Oedipus ở Colonus], 1615-17.
- 37 Shankaracharya, *Vivekachudamani* [Ngọc quý về phân biện], 396 và 414, Swami Madhavananda dịch (Mayavati, 1932).
- 38 Jacobus de Voragine, *The Golden Legend* [Truyện thuyết vàng], LXXVI, “Saint Petronilla, Virgin” [Thánh Petronilla đồng trinh]. (So sánh với truyện kể về Daphne, tr. 78-79.) Giáo hội về sau, không muốn nghĩ thánh Peter đã sinh con, nói Petronilla là người được thánh bảo trợ.
- 39 Sđd, CXVII.
- 40 Gustave Flaubert, *La tentation de Saint Antoine* (*La reine de Saba*) [Cuộc cám dỗ thánh Antôn (Nữ hoàng Sheba)].
- 41 Cotton Mather, *Wonders of the Invisible World* [Những điều kỳ diệu của thế giới vô hình] (Boston, 1693), tr. 63.
- 42 Jonathan Edwards, *Sinners in the Hands of an Angry God* [Những kẻ có tội trong bàn tay Chúa thịnh nộ] (Boston, 1742).
- 43 Coomaraswamy, *The Dance of Siva* [Điệu nhảy của Siva] (New York, 1917), tr. 56-66.
- 44 Zimmer, *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization* [Thần thoại và biểu tượng trong nghệ thuật và văn minh Ấn], tr. 151-75.
- 45 Sợi chỉ Bà La Môn được các thành viên trong ba đẳng cấp trên (gọi là sinh hai lần) ở Ấn Độ đeo. Người ta quấn nó qua đầu và cánh tay phải, để nó vắt trên vai trái và chạy chéo người (ngực và lưng) sang hông phải. Việc này tượng trưng cho sự sinh lần hai, bản thân sợi chỉ thì tượng trưng cho ngưỡng, hay cửa mặt trời, nên những người sinh hai lần sống cùng lúc trong thời gian và vĩnh cửu.
- 46 Xem thảo luận về âm tiết này ở tr. 290.
- 47 Matthews, sđd, tr. 110-13.
- 48 Ovid, sđd, II (phỏng theo Miller: Loeb Library).
- 49 Kimmins, sđd, tr. 22.
- 50 Wood, sđd, tr. 218-19.
- 51 W. Lloyd Warner, *A Black Civilization* [Nền văn minh đen] (New York và London:

- Harper and Brothers, 1937), tr. 260-85.
- 52 Géza Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 72-73.
- 53 Koran, 4:116, 117.
- 54 Sir Baldwin Spencer và F. J. Gillen, *The Arunta* [Dân Arunta] (London: Macmillan and Co., 1927), tập I, tr. 201-3.
- 55 Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 49 trở đi.
- 56 Sđđ, tr. 75.
- 57 Sđđ, tr. 227, R. và C. Berndt trích dẫn trong "A Preliminary Report of Field Work in the Ooldea Region, Western South Australia" [Báo cáo sơ bộ từ nghiên cứu điền dã trong khu vực Ooldea, Tây Nam Úc], *Oceania* [Châu Đại Dương] XII (1942), tr. 323.
- 58 Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 227-28, dẫn lại D. Bates, *The Passing of the Aborigines* [Sự ra đi của người bản địa] (1939), tr. 41-43.
- 59 Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 231.
- 60 R. H. Mathews, "The Walloonggura Ceremony" [Lễ Walloonggura], *Queensland Geographical Journal*, N. S. [Tập chí địa lý học Queensland, bộ mới], XV (1899-1900), tr. 70; Róheim dẫn trong *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 232.
- 61 K. Langloh Parker, *The Euahlayi Tribe* [Tộc Euahlayi], 1905, tr. 72-73; Róheim dẫn trong *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 232.
- 62 John Layard, *Stone Men of Malekula* [Người đá ở Malekula] (London: Chatto and Windus, 1942).
- 63 W. F. J. Knight, trong *Cumaean Gates* [Cổng Cumaee] (Oxford, 1936).
- 64 W. J. Perry, *The Children of the Sun* [Những đứa con của mặt trời] (New York: E. P. Dutton and Co., 1923).
- 65 Jane Harrison, *Themis: A Study of the Social Origins of Greek Religion* [Themis: Nghiên cứu về nguồn gốc xã hội của tôn giáo Hy Lạp] (in lần thứ hai có chỉnh lý; Cambridge University Press, 1927).
- 66 [Đây là câu hỏi mà Campbell sẽ quay lại nhiều lần, đặc biệt nhất là trong "Mythogenesis" [Khởi nguyên thần thoại], một khảo luận in trong *The Flight of the Wild Gander* [Chuyến bay của con ngỗng hoang] (in lần thứ hai; Novato, California: New World Library, 2001) - JCF.]
- 67 Euripides, *The Bacchae*, 526 trở đi.
- 68 Aeschylus, hình 57 (Nauck); Jane Harrison dẫn (*Themis*, tr. 61) khi thảo luận về vai trò của nhạc cụ "bò rống" trong các nghi thức thụ giáo Hy-La và Úc. Xem một dẫn luận về "bò rống" trong Andrew Lang, *Custom and Myth* [Tập tục và thần thoại] (in lần thứ hai có chỉnh lý; London: Longmans, Green, and Co., 1885), tr. 29-44.
- 69 Tất cả những trò chơi này được Sir James G. Frazer mô tả và thảo luận kỹ lưỡng trong *Cành vàng*.
- 70 Thư gửi tín hữu Do Thái, 9:13-14.
- 71 P. A. Capus thuộc Hội Truyền giáo Phi châu, "Contes, chants et proverbes des Basumbwa dans l'Afrique Orientale" [Truyện kể, bài hát và châm ngôn của người Basumbwa ở Đông Phi], *Zeitschrift für afrikanische und oceanische Sprachen* [Tập chí nghiên cứu ngôn ngữ châu Phi và châu Đại Dương]. Tập III (Berlin, 1897), tr. 363-64.
- 72 Koran, 10:31.
- 73 Xem tr. 86.
- 74 Xem tr. 62-63. Basumbwa (truyện về Đại thủ lĩnh, Thần Chết) và Wachaga (câu chuyện về Kyazimba) là dân tộc ở Đông Phi; Yoruba (truyện Edshu) ngụ trong vùng định cư Bờ Tây ở Nigeria.

- 75 Koran, 6:59, 60.
- 76 Tin Mừng theo thánh Luke, 2:7.
- 77 Ovid, *Metamorphoses*, VIII, 618-724.
- 78 Koran, 2:115.
- 79 Katha Upaniṣad, 3:12.
- 80 Tin Mừng theo thánh Thomas, 77.
- 81 Sách Job, 40:7-14.
- 82 Sđđ, 42:5-6.
- 83 Sđđ, 42:16-17.
- 84 Leon Stein, “Hassidic Music” [Âm nhạc dòng Hasidim], *The Chicago Jewish Forum* [Diễn đàn Do Thái Chicago], tập II, số 1 (mùa thu 1943), tr. 16.
- 85 *Pranġa-Paramita-Hridaya Sutra* [Bát-nhã-ba-la-mật-đa Tâm Kinh]; *Sacred Books of the East* [Sách thiêng phương Đông], tập XLIX, phần II, tr. 148; và cả tr. 154.
- 86 *Vajracchedika* (“The Diamond Cutter”) [Kim Cương Kinh], 17; sđđ, tr. 134.
- 87 So sánh tr. 105.
- 88 *Amitayur-Dhyana Sutra* [Quán Vô Lượng Thọ Kinh], 19; *Sacred Books of the East*, tập XLIX, phần II, tr. 182-83.
- 89 “Với đàn ông ta là Hermes; với đàn bà ta là Aphrodite: ta mang biểu trưng của cả cha lẫn mẹ ta” (*Anthologia Graeca ad Fidem Codicis* [Hợp tuyển Hy Lạp], tập II).
- “Một phần của ngài là của cha, mọi phần khác ngài có là của mẹ” (Martial, *Epigrams* [Cách ngôn], 4, 174; Loeb Library, tập II, tr. 501).
- Truyện Ovid kể về Hermaphroditos đăng trong *Metamorphoses*, IV, tr. 288 trở đi.
- Nhiều hình ảnh cổ điển về Hermaphroditos còn truyền lại cho chúng ta. Xem Hugh Hampton Young, *Genital Abnormalities, Hermaphroditism, and Related Adrenal Diseases* [Bất thường sinh thực khí, chứng lưỡng tính, cùng các bệnh thượng thận liên quan] (Baltimore: Williams and Wilkins, 1937), chương I, “Hermaphroditism in Literature and Art” [Lưỡng tính trong văn học và nghệ thuật].
- 90 Platon, *Symposium* [Yến hội], 178.
- 91 Sáng Thế Ký, 1:27.
- 92 *Midrash*, bình chú về Sáng Thế Ký, Rabbah 8:1.
- 93 Xem tr. 106.
- 94 Xem tr. 301-304.
- 95 So sánh với James Joyce: “Trong sự hoạt động của thiên cung... không còn hôn nhân, con người hiển vinh, một thiên thần lưỡng tính, cũng là vợ của mình” (*Ulysses*, ấn bản Modern Library, tr. 210).
- 96 Sophocles, *Oedipus Tyrannus* [Oedipus làm vua]. Xem thêm Ovid, *Metamorphoses*, III, tr. 324 trở đi, 511, và 516. Các thí dụ khác về tu sĩ, thần hay nhà tiên tri lưỡng tính, xem Herodotus, 4, 67 (ấn bản Rawlinson, tập III, tr. 46-47); Theophrastus, *Characteres* [Các mẫu nhân vật đạo đức], 16.10-11; và *Voyage and Travels* [Hải hành và du lịch] của J. Pinkerton, chương 8, tr. 427; “A New Account of the East Indies” [Tuông thuật mới về Đông Ấn] của Alexander Hamilton. Tất cả được Young trích dẫn, sđđ, tr. 2 và 9.
- 97 *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization* của Zimmer, hình 70.
- 98 Xem hình 34.
- 99 Xem *Native Tribes of Central Australia* [Các bộ tộc bản địa Trung Úc] của B. Spencer và F. J. Gillen, (London, 1899), tr. 263; Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 164-65. Việc cắt đáy dương vật tạo ra tật lỗ tiểu lệch dưới giống một tiểu loại trong chứng lưỡng tính. (Xem chân dung Marie Angé lưỡng tính, sđđ, tr. 20 của Young.)

- 100 Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 94.
- 101 Sđđ, tr. 218-19.
- 102 So sánh hình ảnh sau đây về Bồ tát Dharmakāra [Pháp tạng tức Phật A Di Đà]: “Miệng thường tỏa hương thơm như hương chiên đàn, hương thơm hoa sen, hương thơm ấy xông khắp vô lượng thế giới. Phàm sanh ra chỗ nào sắc tướng cũng đoan nghiêm, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi nét đẹp. Tay thường xuất sanh châu báu vô tận, tất cả đồ cần dùng đẹp để tối thượng để lợi lạc hữu tình.”^(*) (*The Larger Sukhavati-Vyuha* [Vô Lượng Thọ Kinh, bản dài], 10; *Sacred Books of the East*, tập XLIX, phần II, tr. 26-27).
- 103 Róheim, *War, Crime, and the Covenant*, tr. 57.
- 104 Sđđ, tr. 48-68.
- 105 Samuel I, 17:26.
- 106 Koran, 4:104.
- 107 “Bồi thù hận không bao giờ do thù hận mà ngừng lại: thù hận do tình yêu mà ngừng lại, ấy là quy luật lâu đời.” (*Dhammapada* [Pháp Cú Kinh], 1:5; *Sacred Books of the East*, tập X, phần I, tr. 5; F. Max Müller dịch).^(†)
- 108 Tin Mừng theo thánh Luke, 6:27-36.
- 109 In lại trong *American Government and Its Problems* [Chính thể Hoa Kỳ và các vấn đề của nó] của giáo sư Robert Phillips, Houghton Mifflin Company, 1941, và *Love against Hate* [Tình yêu đối lại hận thù] của tiến sĩ Karl Menninger, Harcourt, Brace and Company, 1942, tr. 211.
- 110 Tin Mừng theo thánh Matthew, 22:37-40; Mark, 12:28-34; Luke, 10:25-37. Tương truyền rằng Jesus còn giao cho các môn đồ “dạy dỗ muôn dân” (Matthew, 28:19), nhưng không được bức hại và cướp bóc, hay giao nộp những người không chịu nghe cho “chính quyền”. “Kìa, ta sai các ngươi đi khác nào chiên vào giữa bầy muông sói. Vậy, hãy khôn khéo như rắn, đơn sơ như chim bồ câu” (Sđđ, 10:16).
- 111 Tin Mừng theo thánh Matthew, 7:1.
- 112 “Nhu bọn trộm cướp rình người đi qua, thì bọn thầy tế lễ cũng giết người... Chúng nó lấy sự gian ác mình làm vui lòng vua, lấy sự dối trá mình làm đẹp lòng các quan trưởng.” (Hosea, 6:9; 7:3).
- 113 Menninger, sđđ, tr. 195-96.
- 114 Swami Nikhilananda, *The Gospel of Sri Ramakrishna*, New York, 1941, tr. 559.
- 115 Rumi, *Mathnawi*, 2.2525.
- 116 “The Hymn of the Final Precepts of the Great Saint and Bodhisattva Milarepa” [Đạo ca của Đại thánh Bồ tát Milarepa: những lời dạy cuối] (khoảng 1051-1135), trong *Jetsün-Kahbum*, hay Tiểu sử Jetsün-Milarepa, theo bản kể tiếng Anh *Tibet’s Great Yogi Milarepa* [Milarepa, vị yogi vĩ đại của Tây Tạng] của Lạt ma Kazi Dawa-Samdup, W. Y. Evans-Wentz biên tập (Oxford University Press, 1928), tr. 285.
- 117 “The Hymn of the Yogic Precepts of Milarepa” [Đạo ca của Milarepa: những lời dạy yoga], sđđ, tr. 273.
- 118 “Hymn of Milarepa in praise of his teacher” [Tán ca của Milarepa dành cho thầy mình], sđđ, tr. 137.
- 119 Ý này cũng thường được diễn đạt trong Upaniṣad: nghĩa là “Ngã này thể nhập với

*. Bản dịch của Hòa thượng Thích Đức Niệm & Cư sĩ Minh Chánh. Bản này lệch một câu so với bản dịch của Tỷ kheo Thích Trí Tịnh từ bản Hán văn của Pháp sư Khương Tăng Khải: “Tay Ngài thường xuất sanh những châu báu vô tận, những là y phục, thức ăn uống, hoa báu đẹp, hương quý thơm, bảo cái, tràng phan những đồ trang nghiêm.” Bản tiếng Anh mà Campbell đọc dường như tích hợp cả hai bản. (BT)

†. Bản dịch thơ phổ biến của Hòa thượng Thích Minh Châu: “Vội hận, diệt hận thù, đời này không có được; không hận, diệt hận thù, là định luật ngàn thu.”

- Ngã kia, Ngã kia hợp nhất với Ngã này. Do vậy cả hai có được nhau. Trong dạng này hẳn có được cõi xa hơn, trong dạng kia ngài sống được cõi này” (*Aitareya Aranyaka*, 2.3.7). Tư tưởng này cũng có trong quan niệm của các nhà thần bí Hồi giáo: “Ba mươi năm Thượng đế siêu việt đã là tấm gương của ta, giờ ta là tấm gương cho chính ta; tức là, ta ngày nay không còn là ta xưa kia nữa, Thượng đế siêu việt là gương cho chính Ngài. Ta nói rằng ta là gương cho chính ta; chính Thượng đế đang nói bằng lưỡi ta, còn ta đã biến tan.” (Bayazid, dẫn trong *The Legacy of Islam* [Di sản Hồi giáo], T. W. Arnold và A. Guillaume chủ biên, Oxford Press, 1931, tr. 216.)
- 120 “Ta đi ra khỏi tỉnh Bayazid như con rắn lột da. Rồi ta nhìn. Ta thấy rằng người yêu, kẻ được yêu và tình yêu là một, vì trong thế giới hợp nhất tất cả đều có thể là một” (Bayazid, sđd).
- 121 Hosea, 6:1-3.
- 122 Bṛhadāraṇyaka Upaniṣad, 1.4.3. Xem tr. 303.
- 123 Ananda K. Coomaraswamy, *Hinduism and Buddhism* [Ấn giáo và Phật giáo] (New York: Philosophical Library, không có ngày tháng), tr. 63.
- 124 Sigmund Freud, *Beyond the Pleasure Principle* [Bên kia nguyên tắc khoái lạc] (James Strachey dịch; ấn bản thường, XVIII; London: Hogarth Press, 1955). Xem thêm Karl Menninger, *Love against Hate*, tr. 262.
- 125 Kim Cương Kinh, 32; xem *Sacred Books of the East*, sđd, tr. 144.
- 126 Bát-nhã-ba-la-mật-đa Tâm Kinh, bản ngắn; sđd, tr. 153.
- 127 Nagarjuna [Long Thụ], *Madhyamika Shastra* [Trung quán luận].
 “Cái bất tử và cái hữu tử trộn lẫn hài hòa, vì chúng không phải một, cũng không tách rời” (Ashvaghosha).
- “Quan điểm này,” tiến sĩ Coomaraswamy viết khi trích dẫn các kinh này, “được biểu đạt hết sức mạnh mẽ và kịch tính thành cách ngôn là *Yas klēsas so bodhi, yas samsāras tat nirvānum*, ‘Cái tội lỗi cũng là minh triết, cõi hữu vi cũng là Niết Bàn’ ” (Ananda K. Coomaraswamy, *Buddha and the Gospel of Buddhism* [Đức Phật và Tin Mừng Phật pháp], New York: G. P. Putnam’s Sons, 1916, tr. 245).
- 128 Bhagavad Gītā, 6:29, 31.
- Câu này tượng trưng cho sự thành tựu trọn vẹn cái mà Evelyn Underhill gọi là “mục tiêu của Đạo thần bí: Sự sống Hợp nhất đích thực: trạng thái Phồn thực Linh thiêng: Hóa thần” (sđd, xuất hiện ở nhiều chỗ). Tuy vậy, Underhill cũng như giáo sư Toynbee (xem tr. 36) phạm sai lầm phổ biến là cho rằng lý tưởng này là riêng có của Cơ Đốc giáo. “Có thể an toàn mà nói rằng,” giáo sư Salmony viết, “nhận định của phương Tây cho đến ngày nay vẫn bị sai lạc đi vì nhu cầu tự khẳng định” (Alfred Salmony, “Die Rassenfrage in der Indienforschung” [Vấn đề chủng tộc trong nghiên cứu Ấn Độ], *Sozialistische Monatshefte* [Nguyệt san Xã hội chủ nghĩa], 8, Berlin, 1926, tr. 534).
- 129 Coomaraswamy, *Hinduism and Buddhism*, tr. 74.
- 130 Xem E. T. C. Werner, *A Dictionary of Chinese Mythology* [Từ điển thần thoại Trung Hoa] (Thượng Hải, 1932), tr. 163.
- 131 Xem Okakura Kakuzo, *The Book of Tea* [Trà thụ] (New York, 1906). Xem thêm Daisetz Teitaro Suzuki, *Essays in Zen Buddhism* [Thiền luận] (London, 1927), và Lafcadio Hearn, *Japan* [Nước Nhật] (New York, 1904). [Xem thêm phân luận của Campbell về tính biểu tượng của nghi thức trà đạo trong *Myths of Light: Eastern Metaphors of the Eternal* [Thần thoại ánh sáng: Các ẩn dụ phương Đông về vĩnh cửu], David Kudler biên tập (Novato, California: New World Library, 2003), tr. 133-36. - JCF]

- 132 Morris Edward Opler, *Myths and Tales of the Jicarilla Apache Indians* [Thần thoại và truyện kể của người da đỏ Jicarilla Apache] (Memoirs of the American Folklore Society, tập XXXI, 1938), tr. 110.
- 133 So sánh tr. 175.
- 134 Xem tr. 133.
- 135 Xem tr. 131.
- 136 Xem Zimmer, *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization*, tr. 210-14.
- 137 So sánh trống sáng thế trong tay thần Śiva nhảy múa của Ấn giáo, tr. 149.
- 138 Curtin, sđd, tr. 106-7.
- 139 Xem Melanie Klein, *The Psycho-Analysis of Children* [Phân tâm trẻ nhỏ], International Psycho-Analytical Library, số 27 (1937).
- 140 Róheim, *War, Crime, and the Covenant*, tr. 137-38.
- 141 Róheim, *The Origin and Function of Culture*, tr. 50.
- 142 Sđd, tr. 48-50.
- 143 Sđd, tr. 50. So sánh tính bất khả diệt của pháp sư Siberia (xem tr. 117), tay trần lấy than trong lửa ra và dùng riêu chặt vào chân mình.
- 144 Xem thảo luận của Frazer về vía, sđd, tr. 667-91.
- 145 Sđd, tr. 671.
- 146 Pierce, *Dreams and Personality*, tr. 298.
- 147 “The Descent of the Sun” [Mặt trời xuống biển] trong *A Digit of the Moon* [Một mảnh mặt trăng] của F. W. Bain (New York: G. P. Putnam’s Sons, 1910), tr. 213-325.
- 148 Róheim, *The Eternal Ones of the Dream*, tr. 237. Bùa này là cái gọi là *tjurunga* (hay *churinga*) của vật tổ của thanh niên này. Chàng trai nhận một *tjurunga* nữa lúc được cắt bì, đại diện cho vật tổ bên mẹ của cậu. Từ trước đó nữa, lúc cậu ra đời, người ta bỏ một *tjurunga* hộ mệnh trong nôi cậu. Nhạc cụ “bò rống” là một biến thể của *tjurunga*. “*Tjurunga*,” bác sĩ Róheim viết, “là cái vía bằng vật chất, và một số thực thể siêu nhiên có liên hệ rất mật thiết với *tjurunga* theo tín ngưỡng ở miền Trung Úc là vía vô hình của thổ dân... Giống như *tjurunga*, những thực thể siêu nhiên này gọi là *arpuna mborka* (cơ thể kia) của con người thật được chúng bảo vệ” (Sđd, tr. 98).
- 149 Isaiah, 66:10-12.
- 150 Ginzberg, sđd, tập I, tr. 20, 26-30. Xem các chú thích kỹ lưỡng về bữa tiệc Cứu Thế trong tập V, tr. 43-46.
- 151 Dante, “Thiên đường”, II, 1-9. Bản dịch của Norton, sđd, tập III, tr. 10; trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản Houghton Mifflin Company.
- 152 Ramāyāna, I, 45, Mahābhārata, I, 18, Matsya Purāṇa, 249-51, và nhiều văn bản khác. Xem Zimmer, *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization*, tr. 105 trở đi.
- 153 Marco Pallis, *Peaks and Lamas* [Đỉnh núi và Lạt ma] (in lần thứ tư; London: Cassell and Co., 1946), tr. 324.
- 154 *Shri-Chakra-Sambhara Tantra*, Lạt ma Kazi Dawa-Samdub dịch từ tiếng Tây Tạng, Sir John Woodroffe biên tập (bút danh Arthur Avalon), cuốn VII trong *Tantrik Texts* [Kinh điển Tantra] (London, 1919), tr. 41. “Nếu có nghi ngờ về sự linh thiêng của những vị thần được hình tượng hóa này,” kinh viết tiếp, “ta nên nói, ‘Nữ thần này chỉ là hồi tưởng của thân ta,’ và nhớ ra rằng chư thần hợp lại nên Đạo” (sđd). Xem giới thiệu vắn tắt về Tantra ở tr. 131 và tr. 191-94 (Phật giáo Tantra tức Mật tông).
- 155 So sánh, ví dụ, C. G. Jung, “Archetypes of the Collective Unconsciousness” [Các cổ mẫu của vô thức tập thể] (in lần đầu 1934; *Tổng tập*, tập 9, phần i; New York và London, 1959).

- “Có lẽ có nhiều người,” bác sĩ J. C. Flügel viết, “vẫn giữ quan niệm Cha-Chúa Trời gần như có nhân dạng là một thực tại ngoài tâm trí, dù nguồn gốc thuần túy trong tâm trí của một Chúa Trời như vậy đã trở nên rõ ràng” (*The Psycho-Analytic Study of the Family*, tr. 236).
- 156 “Thiên đường”, XXXIII, tr. 82 trở đi.
- 157 Xem tr. 193.
- 158 J. F. Stimson, *The Legends of Maui and Tahaki* [Truyện thuyết Maui và Tahaki] (Bernice P. Bishop Museum Bulletin [Tập san bảo tàng Bernice P. Bishop], số 127; Honolulu, 1934), tr. 19-21.
- 159 Bruno Meissner, “Ein altbabylonisches Fragment des Gilgamesepos” [Một đoạn văn bản Babylon cổ đại từ sử thi Gilgamesh], *Mitteilungen der vorderasiatischen Gesellschaft* [Công bố của Hội nghiên cứu Cận Đông], VII, 1; Berlin, 1902, tr. 9.
- 160 Chẳng hạn xem Katha Upaniṣad, 1:21, 23-25.
- 161 Phần kể lại trên dựa trên *Assyrisch-babylonische Mythen und Epen* [Thần thoại và sử thi Assyria-Babylon] của P. Jensen (Kellinschriftliche Bibliothek [Thư viện chữ hình nêm], VI, I; Berlin, 1900), tr. 116-273. Các câu thơ trích ở đây xuất hiện trong tr. 223, 251, 251-53. Bản Jensen dịch sát từng dòng theo bản chính hiện có, một bản của Assyria trong thư viện vua Ashurbanipal (668-626 TCN). Các đoạn trong bản Babylon xưa hơn nhiều (xem tr. 207) và bản gốc Sumer còn cổ xưa hơn (thiên niên kỷ ba TCN) cũng đã được tìm thấy và giải mã.
- 162 Cát Hồng (còn gọi là Bão Phác Tử), *Nội thiên*, chương VII (bản dịch trích trong *A Study of Chinese Alchemy* [Nghiên cứu về giả kim thuật Trung Hoa] của Obed Simon Johnson, Thượng Hải, 1928, tr. 63). [Theo văn bản tiếng Trung cùng các bản dịch tiếng Anh phổ biến thì đây là chương IV “Kim đan”, có sự sai biệt về số cân: “Dùng chân đan ba cân [cân Trung Quốc bằng một nửa cân phương Tây - BT], mặt trắng sáu cân trộn lại, phơi nắng rồi đun đến lúc về được thành hoàn, sáng dùng mười hoàn cỡ hạt gai dầu, chưa đầy một năm, tóc bạc hóa đen, răng rụng lại mọc, thân thể tươi tốt, dùng lâu ngày ông lão hóa thiếu niên, trường sinh bất tử.” - BT]
- Cát Hồng chế ra vài công thức thú vị khác, một để ban cho cơ thể “tươi tỉnh khỏe mạnh”, cái khác cho khả năng đi trên nước. Xem thảo luận về vị trí của Cát Hồng trong triết học Trung Hoa trong Alfred Forke, “Ko Hung, der Philosoph und Alchemist” [Cát Hồng, triết gia và nhà giả kim], *Archiv für Geschichte der Philosophie* [Tư liệu lịch sử triết học], XLI, 1-2 (Berlin, 1932), tr. 115-26.
- 163 Herbert A. Giles, *A Chinese Biographical Dictionary* [Từ điển tiểu sử Trung Hoa] (London và Thượng Hải, 1898), tr. 372.
- 164 Một câu của Mật tông.
- 165 Lão Tử, *Đạo đức kinh*, 16 (bản dịch *Laotzu's Tao and Wu Wei* [Đạo và Vô vi của Lão Tử] của Dwight Goddard; New York, 1919, tr. 18). So sánh tr. 175.
- 166 “Thiên đường”, XXXIII, 49-57 (bản dịch của Norton, sdd, tập III, tr. 253-54, trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản Houghton Mifflin).
- 167 Kena Upaniṣad, 1:3 (bản dịch của Swami Sharvananda; Sri Ramakrishna Math; Mylapore, Madras, 1932).
- 168 Edda thơ, “Hovamol”, 139 (bản dịch của Henry Adams Bellows; American-Scandinavian Foundation [Quỹ Hoa Kỳ-Scandinavia]; New York, 1923).
- 169 *Jataka*, Giới thiệu, i, 75 (trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản từ *Buddhism in Translations* của Henry Clarke Warren (Harvard Oriental Series, 3), Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1896, tr. 82-83).

CHƯƠNG III: QUAY VỀ

- 1 *Viṣṇu Purāṇa*, 23; *Bhagavata Purāṇa*, 10:51; *Harivansha*, 114. Phần kể trên dựa trên bản dịch *Maya, der indische Mythos* [Maya, thần thoại Ấn Độ] của Heinrich Zimmer (Stuttgart và Berlin, 1936), tr. 89-99.
So sánh với Kṛṣṇa, Thuật sĩ Vũ trụ, Edshu của châu Phi (tr. 62-63). So sánh thêm Maui, kẻ chơi khăm của người Đa Đảo.
- 2 “Taliesin”, phu nhân Charlotte Guest dịch trong *The Mabinogion* (Everyman’s Library, số 97, tr. 263-64).
- 3 Xem Gertrude Schoepperle, *Tristan and Isolde: A Study of the Sources of the Romance* [Nghiên cứu về nguồn gốc truyện hiệp sĩ *Tristan và Isolde*] (London và Frankfurt a. M., 1913).
- 4 Harva, sđd, tr. 543-44; trích dẫn “Pervyi buryatyi saman Morgon-Kara” [Morgon-Kara, pháp sư đầu tiên của người Buriat], *Izvestiya Vostochno-Siberskogo Otdela Russkogo Geograficheskogo Obshchestva* [Kỷ yếu Phòng nghiên cứu Đông Siberia của Hội địa lý Nga], XI, 1-2 (Irkutsk, 1880), tr. 87 trở đi.
- 5 John White, *The Ancient History of the Maori, His Mythology and Traditions* [Lịch sử cổ đại của người Maori, thần thoại và truyền thuyết] (Wellington, 1886-89), tập II, tr. 167-71.
- 6 Grimm, số 79.
- 7 C. G. Jung, *The Integration of the Personality* [Sự tổng hợp nhân cách] (New York, 1939), tr. 59.
- 8 Xem Apollonios đảo Rhodes, *Argonautika*: cuộc trốn chạy được kể trong cuốn IV.
- 9 *Ko-ji-ki*, “Records of Ancient Matters” [Cổ sự ký] (năm 712), phỏng theo bản dịch *Transactions of The Asiatic Society of Japan* [Ghi chép của Hội nghiên cứu Á châu Nhật Bản] của C. H. Chamberlain, tập X, phụ trương (Yokohama, 1882), tr. 24-28.
- 10 Jaimuniya Upaniṣad Brahmana, 3.28.5.
- 11 Frobenius, *Das Zeitalter des Sonnengottes*, tr. 85-87.
- 12 Tomobe-no-Yasutaka, *Shintō-Shoden-Kuju* [Thần đạo sơ truyền khẩu thụ, Những lời giảng truyền miệng đầu tiên về Thần đạo].
- 13 *Shintō-Gobusho* [Thần đạo ngũ bộ thư, Năm tập sách về Thần đạo].
- 14 Izawa-Nagahide, *Shintō-Ameno-Nuboko-no-Ki* [Thần đạo Thiên quỳnh mâu ký, Truyện ngọn giáo trời bằng ngọc của Thần đạo].
- 15 Ichijo-Kaneyoshi, *Nihonshoki-Sanso* [Nhật Bản thư kỷ toán số, Bình chú cuốn *Nhật Bản thư kỷ*].
- 16 Urabe-no-Kanekuni.
- 17 Mọi trích dẫn trên đều có trong *What Is Shintō?* [Thần đạo là gì?] của Genchi Kato (Tokyo: Maruzen Company Ltd., 1935); xem thêm Lafcadio Hearn, *Japan, an Attempt at Interpretation* [Nước Nhật, một nỗ lực diễn giải] (New York: Grosset and Dunlap, 1904). [Bài thơ của Thiên hoàng Minh Trị được trích theo bản dịch của F. A. Lombard trong cuốn thơ song ngữ *Imperial Japanese Poems of the Meiji Era* [Thơ cung đình Nhật thời Minh Trị], 1915; nguyên văn là “目に見えぬ神の心に通ふこそ人の心まことなりけれ”, nghĩa là “Trương thông với tấm lòng của vị thần mắt không thấy được, là sự chân thành trong tấm lòng con người.” - BT]
- 18 *Ko-ji-ki*, theo Chamberlain, sđd, tr. 52-59.
- 19 Kramer, sđd, tr. 87, 95. Bài thơ này, tài liệu quý giá về các nguồn thần thoại và biểu tượng của nền văn minh chúng ta, phần kết đã tuyệt tích.

- 20 Tin Mừng theo thánh Matthew, 26:51; Tin Mừng theo thánh Mark, 14:47; Tin Mừng theo thánh John, 18:10.
- 21 Māṇḍūkya Upaniṣad, 5.
- 22 Washington Irving, *The Sketch Book* [Tập phác họa của Geoffrey Crayon], “Rip van Winkle”.
- 23 Sáng Thế Ký, 5.
- 24 Curtin, sdd, tr. 332-33.
- 25 Trong *The Golden Bough* của Sir James G. Frazer, ấn bản một tập, tr. 593-94. Bản quyền 1922, trích lại có sự cho phép của nhà xuất bản Macmillan Company.
- 26 Sdd, tr. 594-95. Trích lại có sự cho phép của nhà xuất bản Macmillan Company.
- 27 Phòng theo Burton, sdd, III, tr. 231-56.
- 28 Tin Mừng theo thánh Matthew, 17:1-9.
- 29 Có thể cảm thấy một yếu tố giải trí hài hước nhất định trong dự án trước mắt của Peter (thông báo ngay giữa khi thị kiến đang ở trước mắt ông) là biến cái bất khả tư nghị thành nền móng đá. Mới sáu hôm trước, Jesus vừa nói với ông: “Người là Peter [đá]; ta sẽ lập hội thánh ta trên đá này,” rồi lát sau: “Người chẳng nghĩ đến việc Đức Chúa Trời, song nghĩ đến việc người ta” (Matthew, 16:18, 23).
- 30 Bhagavad Gītā, 11; 1:45-46; 2:9. Trích từ bản dịch của Swami Nikhilananda (New York, 1944).
- 31 Bṛhadāraṇyaka Upaniṣad, 1.1.1: Swami Madhavananda dịch (Mayavati, 1934).
- 32 Robinson Jeffers, *Cawdor*, tr. 116. Bản quyền 1928 của Robinson Jeffers. Trích lại với sự cho phép của Random House, Inc.
- 33 *Summa contra Gentiles* [Tổng luận chống dân ngoại], I, 5, đoạn 3.
- 34 Kena Upaniṣad, 2:3.
- 35 Bhagavad Gītā, 11:53-55.
- 36 Tin Mừng theo thánh Matthew, 16:25.
- 37 Shankaracharya, *Vivekachudamani*, 542 và 555.
- 38 Bhagavad Gītā, 2:22-24.
- 39 Sdd, 3:19 và 3:30.
- 40 “Taliesin”, sdd, tr. 264-74.
- 41 Tin Mừng theo thánh John, 8:58.
- 42 Ovid, *Metamorphoses*, XV, 252-55.
- 43 Grimm, số 50, “Hồng Leo” (thường gọi là “Công chúa ngủ trong rừng”); đoạn kết.

CHƯƠNG IV: CHÌA KHÓA

- 1 Xem thảo luận về vấn đề này ở phần bình luận của tôi cho *Grimm's Fairy Tales* [Truyện cổ Grimm], ấn bản của Pantheon Books (New York, 1944), tr. 846-56. [Bình luận này cũng xuất hiện trong cuốn tiểu luận của Campbell, *The Flight of the Wild Gander*, tr. 1-19. - JCF]
- 2 Thánh Thi XLII, 2-4; Douay.
- 3 Xem Sách lễ Công giáo Hằng ngày phần “Thứ Bảy tuần thánh”. Phần trên được giản lược từ bản dịch tiếng Anh của Linh mục Gaspar Lefebvre (dòng Biển Đức), ở Hoa Kỳ do E. M. Lohmann Co., Saint Paul, Minnesota xuất bản. [Vào thời điểm cuốn sách này được ấn hành lần đầu, tất nhiên, lễ Misa Công giáo được đọc và tụng hoàn toàn bằng tiếng Latin. - JCF]
- 4 Ở Ấn Độ tính lực (*Śakti*) của một vị thần được nhân cách hóa trong dạng nữ và được

trình bày là vợ thần; trong lễ nghi đang nhắc đến đây, ân sủng cũng có biểu tượng tương tự.

- 5 Tin Mừng theo thánh John, 3:3-5.

PHẦN II

CHƯƠNG I: PHÁT TÁN

- 1 Xem C. G. Jung, "On Psychic Energy" [Về năng lượng tâm lý] (xuất bản lần đầu 1928; *Tổng tập*, tập 8), trong bản nháp đầu tiên có nhan đề "The Theory of the Libido" [Thuyết libido].
- 2 Xem Kant, *Critique of Pure Reason* [Phê phán lý tính thuần túy].
- 3 Freud, *Moses and Monotheism* [Moses và độc thần giáo], James Strachey dịch (ấn bản thường, XXIII, 1964). (Xuất bản lần đầu 1939.)
- 4 Tin Mừng theo thánh Luke, 17:21.
- 5 Xem tr. 214.
- 6 Xem tr. 109.
- 7 Xem tr. 102-5.
- 8 Xem tr. 106.
- 9 Fernando de Alva Ixtlilxochitl, *Historia de la Nación Chichimeca* [Lịch sử dân tộc Chichimeca] (1608), chương I (xuất bản trong *Antiquities of Mexico* [Cổ văn Mexico] của Từ tước Kingsborough; London, 1830-48, tập IX, tr. 205; và cả *Obras Históricas de Alva Ixtlilxochitl* [Các nghiên cứu sử học của Alva Ixtlilxochitl] của Alfredo Chavero; Mexico, 1891-92, tập II, tr. 21-22).
- 10 *Encyclopaedia of Religion and Ethics* của Hastings, tập V, tr. 375.
- 11 Xem bà Sinclair Stevenson, *The Heart of Jainism* [Yếu tính Kỳ Na giáo] (Oxford University Press, 1915), tr. 272-78.
- 12 Xem Māṇḍūkya Upaniṣad, 3-6.
- 13 Māṇḍūkya Upaniṣad, 8-12. [Xem thêm những suy nghĩ của Campbell về âm tiết thiêng AUM, trong *Myths of Light*, tr. 33-35. - JCF]
- 14 Māṇḍūkya Upaniṣad, 7.
- 15 *Ha idra zuta* [Idra nhỏ], Zohar, iii, 288a. So sánh tr. 203.
- 16 *Ha idra rabba qadisha* [Idra lớn], xi, 212-14 và 233, S. L. MacGregor Mathers dịch, *The Kabbalah Unveiled* [Vén màn Kabbalah] (London: Kegan Paul, Trench, Trübner & Company, Ltd., 1887), tr. 134-35 và 137.
- 17 *Summa contra Gentiles*, I.i.
- 18 Xem tr. 41-46.
- 19 Johannes C. Anderson, *Maori Life in Ao-tea* [Đời sống người Maori ở Ao-tea] (Christchurch [New Zealand], không có ngày tháng [1907?]), tr. 127.
- 20 Xem *The Vedantasara of Sadananda* [Cốt tủy Vedanta của Sadananda], bản dịch có lời giới thiệu, bản tiếng Phạn và bình luận của Swami Nikhilananda (Mayavati, 1931).
- 21 Dịch từ *Chinesische Volksmärchen* [Cổ tích Trung Quốc] của Richard Wilhelm (Jena: Eugen Diederichs Verlag, 1921), tr. 29-31.
- 22 Linh mục Richard Taylor, *Te ika a Maui, or New Zealand and Its Inhabitants* [Te ika a Maui, hay là New Zealand cùng dân cư ở đó] (London, 1855), tr. 14-15.
- 23 Là vòng tròn nhỏ bên dưới phần chính hình 59. So sánh Đạo hay Âm-Dương của Trung Hoa; xem tr. 175.

- 24 Kenneth P. Emory, "The Tuamotuan Creation Charts by Paiore" [Sơ đồ sáng thế Tuamotua của Paiore], *Journal of the Polynesian Society* [Tập chí Hội nghiên cứu Đa Đảo], tập 48, số 1 (tháng Ba, 1939), tr. 1-29.
- 25 Sdd, tr. 12.
- 26 Chândogya Upaniṣad, 3.19.1-3.
- 27 A. S. Eddington, *The Nature of the Physical World* [Bản chất của thế giới hữu hình], tr. 83. Bản quyền 1928 của Macmillan Company, sử dụng có sự cho phép của họ. [Hình ảnh thần thoại Trùng Vũ Trụ cũng tương tự với thuyết mà các nhà vật lý hiện đại gọi là Vụ Nổ Lớn, mà người đầu tiên đưa ra là Georges Lemaître, một thầy tu Công giáo La Mã người Bỉ. - JCF]
- 28 "Entropy luôn tăng." (Xem Eddington, tr. 63 trở đi.) [Câu này diễn đạt lại định luật thứ hai của nhiệt động lực học, được nhà khoa học Pháp Sadi Carnot đưa ra lần đầu năm 1824. - JCF]
- 29 Kenneth P. Emory, "The Tahitian Account of Creation by Mare" [Sự tích sáng thế Tahiti của Mare], *Journal of the Polynesian Society*, tập 47, số 2 (tháng Sáu 1938), tr. 53-54.
- 30 E. A. Wallis Budge, *The Gods of the Egyptians* [Các thần Ai Cập] (London, 1904), tập I, tr. 282-92.
- 31 *Kalika Purāṇa*, I (dịch trong *The King and the Corpse* của Heinrich Zimmer, Joseph Campbell biên tập, Tủ sách Bollingen XI, Pantheon Books, 1948, tr. 239 trở đi).
- 32 Bṛhadāraṇyaka Upaniṣad, 1.4.1-5. Swami Madhavananda dịch (Mayavati, 1934). So sánh motif dân gian về cuộc trốn chạy biến hóa, tr. 222. Xem thêm *Cypria* 8, ở đó Nemesis "không thích ăn nằm với cha là Zeus" nên bỏ trốn, khoác hình hải cá và thú vật (Ananda K. Coomaraswamy trích dẫn, *Spiritual Authority and Temporal Power in the Indian Theory of Government* [Quyền uy tâm linh và quyền lực thời tính trong thuyết trị quốc Ấn Độ], American Oriental Society, 1942, tr. 361).
- 33 Muṇḍaka Upaniṣad, 2.2.5.
- 34 Zohar, i, 91 b. C. G. Ginsburg trích dẫn trong *The Kabbalah: Its Doctrines, Development, and Literature* [Kabbalah: Giáo lý, phát triển và kinh sách] (London, 1920), tr. 116.
- 35 Taittirīya Upaniṣad, 3.10.5.
- 36 Thần thoại ở miền Tây Nam Mỹ mô tả rất tỉ mỉ một sự đi lên như vậy, các câu chuyện sáng hóa của người Berber ở Kabylia, Algiers cũng vậy. Xem Morris Edward Opler, *Myths and Tales of the Jicarilla Apache Indians* (Memoirs of the American Folklore Society, số 31, 1938); Leo Frobenius và Douglas C. Fox, *African Genesis* [Sáng Thế Ký châu Phi] (New York, 1927), tr. 49-50.
- 37 George Grey, *Polynesian Mythology and Ancient Traditional History of the New Zealand Race, as Furnished by Their Priests and Chiefs* [Thần thoại Đa Đảo và lịch sử cổ đại trong truyền thuyết của giống người New Zealand, theo các tù trưởng và thầy mo cung cấp] (London, 1855), tr. 1-3.
- 38 *Theogony* [Phả hệ các thần], 116 trở đi. Trong lối kể của Hy Lạp, người mẹ không miễn cưỡng; chính bà đưa cho cái liềm.
- 39 So sánh sự phân cực Mahora-nui-a-rangi và Maki của người Maori, tr. 295.
- 40 S. N. Kramer, sdd, tr. 40-41.
- 41 Edda văn xuôi, "Gylfaginning", IV-VIII (trong bản dịch của Arthur Gilchrist Brodeur, American-Scandinavian Foundation, New York, 1916; trích lại có sự cho phép của nhà xuất bản). Xem thêm Edda thơ, "Voluspa".
- 42 "The Epic of Creation" [Sử thi sáng thế], bảng IV, dòng 35-143, phỏng theo bản dịch của L. W. King, *Babylonian Religion and Mythology* [Tôn giáo và thần thoại Babylon]

- (London và New York: Kegan Paul, Trench, Trübner and Co. Ltd., 1899), tr. 72-78.
- 43 Xem Dante, “Thiên đường”, XXX-XXXII. Đây là hoa hồng mở ra cho nhân loại nhờ thánh giá.
- 44 Sáng Thế Ký, 3:7.
- 45 George Bird Grinnell, *Blackfoot Lodge Tales* [Truyện kể trong lều của người Chân Đen] (New York: Charles Scribner’s Sons, 1892, 1916), tr. 137-38.
- 46 J. S. Polack, *Manners and Customs of the New Zealanders* [Phong tục tập quán của người New Zealand] (London, 1840), tập I, tr. 17. Xem một truyện kể như vậy là thần thoại chu kỳ khởi nguyên vũ trụ thì cũng ngỡ ngàng như mình họa giáo thuyết Ba Ngôi bằng một đoạn trong truyện cổ tích “Con của Đức Bà Maria” (Grimm, số 3).
- 47 Harva, sdd, tr. 109, trích dẫn *Opisaniye Zemli Kamchatki* [Miêu tả vùng Kamchatka] của S. Krasheninnikov (St. Petersburg, 1819), tập II, tr. 101.
- 48 Harva, sdd, tr. 109, trích Potanin, sdd, tập II, tr. 153.
- 49 P. J. Meier, *Mythen und Erzählungen der Küstenbewohner der Gazelle-Halbinsel (Neu-Pommern)* [Thần thoại và truyện kể vùng duyên hải bán đảo Gazelle (Neu-Pommern) [nay là New Britain - BT]] (Anthropos Bibliothek [Tủ sách nhân học], tập I, số 1, Münster, 1909), tr. 15-16.
- 50 Sdd, tr. 59-61.
- 51 “Nhìn chung vũ trụ không cư xử như thể nó chịu sự giám sát và kiểm soát cá nhân hiệu quả. Mỗi lần nghe một số bài tụng ca, bài giảng, cầu nguyện cho là đương nhiên rằng, hoặc với sự ngây thơ chất phác khẳng định rằng vũ trụ bao la, tàn nhẫn này, với mọi tai ương khủng khiếp nằm trong nó, là một chuyến du lịch được trù liệu kỹ càng và có người đích thân hướng dẫn, tôi lại nhớ lại giả thiết hợp lý hơn của một bộ tộc Đông Phi. ‘Họ nói,’ một người quan sát thuật lại, ‘rằng dù Chúa Trời thì tính thiện và muốn điều tốt cho mọi người, nhưng không may ngài có một người em trai khù khờ luôn xen vào những việc ngài làm.’ Điều đó, ít ra cũng có chút tương tự với sự thật. Người em trai khù khờ của Chúa Trời có thể lý giải được một số bi kịch điên rồ và ghê sợ của đời sống mà gần như chắc chắn không giải thích được bằng ý niệm một cá thể toàn năng có hảo ý vô biên đối với mọi kẻ.” (Harry Emerson Fosdick, *As I See Religion* [Tôn giáo như tôi thấy], New York: Harper & Brothers, 1932, tr. 53-54.)
- 52 Harva, sdd, tr. 114-15, trích dẫn W. Radloff, *Proben der Volksliteratur der türkischen Stämme Süd-Siberians* [Một vài ví dụ từ văn học dân gian các bộ tộc Thổ ở Nam Siberia] (St. Petersburg, 1866-70), tập I, tr. 285.

CHƯƠNG II: SINH ĐỒNG TRINH

- 1 Trích đoạn ở đây lấy từ bản dịch của W. F. Kirby (Everyman’s Library, số 259-60).
- 2 I, 127-36.
- 3 I, 263-80.
- 4 I, 287-328.
- 5 I, 329-44.
- 6 Leo Frobenius và Douglas C. Fox, *African Genesis* (New York, 1937), tr. 215-20.
- 7 Thứ kinh Tin Mừng theo thánh Matthew, chương ix.
- 8 Kingsborough, sdd, tập VIII, tr. 263-64.
- 9 Kalidasa, *Kumarasamibhavam* (“The Birth of the War-God Kumara” [Thần chiến tranh Kumara ra đời]). Có một bản dịch tiếng Anh của R. Griffith (in lần thứ hai, London: Trübner and Company, 1897).

- 10 E. E. V. Collocott, *Tales and Poems of Tonga* [Truyện kể và thơ ca Tonga] (Bernice P. Bishop Museum Bulletin, số 46, Honolulu, 1928), tr. 32-33.

CHƯƠNG III: BIẾN HÓA CỦA NGƯỜI HÙNG

- 1 Giles, sđd, tr. 233-34; Linh mục J. MacGowan, *The Imperial History of China* [Lịch sử đế quốc Trung Hoa] (Thượng Hải, 1906), tr. 4-5; Friedrich Hirth, *The Ancient History of China* [Cổ sử Trung Hoa] (Columbia University Press, 1908), tr. 8-9.
- 2 Giles, sđd, tr. 656; MacGowan, sđd, tr. 5-6; Hirth, sđd, tr. 10-12.
- 3 Giles, sđd, tr. 338; MacGowan, sđd, tr. 6-8; Edouard Chavannes, *Les mémoires historiques de Se-ma Ts'ien* [Sử ký Tư Mã Thiên] (Paris, 1895-1905), tập I, tr. 25-36. Xem thêm John C. Ferguson, *Chinese Mythology* [Thần thoại Trung Quốc] (*The Mythology of All Races*, tập VIII, Boston, 1928), tr. 27-28, 29-31.
- 4 Ba truyền thuyết này xuất hiện trong nghiên cứu tâm lý học xuất sắc của bác sĩ Otto Rank, *The Myth of the Birth of the Hero* [Thần thoại về người hùng ra đời] (Nervous and Mental Disease Monographs; New York, 1910). Một biến thể của truyền thuyết thứ ba xuất hiện trong *Gesta Romanorum* [Công tích người La Mã], Truyện LXXXI.
- 5 Các nhóm truyện về Charlemagne được Joseph Bédier bàn cẩn kẽ trong *Les légendes épiques* [Những truyền thuyết anh hùng] (in lần thứ ba; Paris, 1926).
- 6 Louis Ginzberg, *The Legends of the Jews* (Philadelphia: The Jewish Publication Society of America, 1911), tập III, tr. 90-94.
- 7 George Bird Grinnell, *Blackfoot Lodge Tales* (New York: Charles Scribner's Sons, 1892, 1916), tr. 31-32.
- 8 Elsie Clews Parsons, *Tewa Tales* [Truyện kể Tewa] (Memoirs of the American Folklore Society, XIX, 1926), tr. 193.
- 9 Phỏng theo *Myths of the Hindus and Buddhists* [Thần thoại Ấn giáo và Phật giáo] của ni sư Nivedita và Ananda K. Coomaraswamy (New York: Henry Holt and Company, 1914), tr. 221-32.
- 10 Parsons, sđd, tr. 193.
- 11 "Táin bó Cuailgne" [Cuộc cướp bò ở Cooley] (từ bản kể trong *Book of Leinster* [Sách Leinster], 62 a-b): Wh. Stokes và E. Windisch biên tập, *Irische Texte* [Tư liệu Ireland] (Extraband zu Serie I bis IV [Phụ bản cho series I-IV]; Leipzig, 1905), tr. 106-17; bản dịch tiếng Anh trong *The Cuchullin Saga in Irish Literature* [Truyện thuyết Cuchulainn trong văn học Ireland] của Eleanor Hull (London, 1898), tr. 135-37.
- 12 *Book of Leinster*, 64b-67b (Stokes và Windisch, sđd, tr. 130-69); Hull, sđd, tr. 142-54.
- 13 Từ Eleanor Hull, sđd, tr. 154; dịch từ *Book of Leinster*, 68a (Stokes và Windisch, sđd, tr. 168-71).
- 14 Hull, sđd, tr. 174-76; từ *Book of Leinster*, 77 (Stokes và Windisch, sđd, tr. 368-77). So sánh sự biến hình của Kṛṣṇa, tr. 253-57; xem thêm hình 32.
- 15 Uno Holmberg (Uno Harva), *Der Baum des Lebens* [Cây đời] (Annales Academiae Scientiarum Fennicae [Niên kỷ Viện hàn lâm khoa học Phần Lan], bộ B, cuốn XVI, số 3; Helsinki, 1923), tr. 57-59; từ "Yryn Uolan" của N. Gorochov (*Izvestiya Vostochno-Sibirskogo Otdela Russkogo Geograficheskogo Obshchestva*, XV), tr. 43 trở đi.
- 16 *Kalevala*, III, 295-300.
- 17 Clark Wissler và D. C. Duvall, *Mythology of the Blackfeet Indians* [Thần thoại của người da đỏ Chân Đen] (Anthropological Papers of the American Museum of Natural

- History [Hồ sơ nhân học của Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên Hoa Kỳ], tập II, phần I; New York, 1909), tr. 55-57. Thompson trích dẫn, sđd, tr. 111-13.
- 18 Jacobus de Voragine, sđd, CIV, “Saint Martha, Virgin” [Thánh đồng trinh Martha].
- 19 *The Wooing of Emer* [Cầu hôn Emer], tóm tắt từ bản dịch của Kuno Meyer trong E. Hull, sđd, tr. 57-84.
- 20 Parsons, sđd, tr. 194.
- 21 Firdausi, *Shah Nameh* [Trường thi về các vua], bản dịch của James Atkinson (London và New York, 1886), tr. 7.
- 22 Opler, sđd, tr. 133-34.
- 23 Phỏng theo Nivedita và Coomaraswamy, sđd, tr. 236-37.
- 24 Coomaraswamy, *Hinduism and Buddhism*, tr. 6-7.
- 25 Tin Mừng theo thánh Matthew, 10:34-37.
- 26 Bhagavad Gītā, 18:51-53.
- 27 Thánh ca của các xơ, tại lễ tuyên khấn trọn đời làm cô dâu của Chúa Christ; từ *The Roman Pontifical* [Sách nghi lễ giám mục]. Trích trong *The Soul Afire*, tr. 289-92.
- 28 Ginzberg, sđd, tập I, tr. 305-6. Được sự cho phép của Jewish Publication Society of America.
- 29 Wilhelm Stekel, *Die Sprache des Traumes*, giấc mơ số 421. Thần Chết ở đây xuất hiện, bác sĩ Stekel nhận xét, trong bốn biểu tượng: Người chơi đàn già, Người neho mắt, Bà già, và Nông dân trẻ (người Nông dân là Người gieo và Người gặt).
- 30 Bernardino de Sahagún, *Historia General de las Cosas de Nueva España* [Lịch sử khái quát các chuyện ở Tân Tây Ban Nha] (Mexico, 1829), Quyển III, Chương xii-xiv (rút gọn). Tác phẩm được Pedro Robredo in lại (Mexico, 1938), tập I, tr. 278-82.
- 31 Thomas A. Joyce, *Mexican Archaeology* [Khảo cổ học Mexico] (London, 1914), tr. 46.
- 32 “Tain bó Regamna” [Cuộc cướp bó ở Regamain], Stokes và Windisch biên tập, *Irische Texte* (zweite Serie, Heft 2 [Bộ 2, số 2]; Leipzig, 1887), tr. 241-54. Bèn trên là phần rút gọn từ Hull, sđd, tr. 103-7.
- 33 Parsons, sđd, tr. 194-95.
- 34 In lại với sự cho phép của nhà xuất bản từ *Buddhism in Translations* của Henry Clarke Warren (Harvard Oriental Series 3), Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1896, tr. 95-110.
- So sánh các giai đoạn phát tán vũ trụ, tr. 294-95.

CHƯƠNG IV: TAN RÃ

- 1 Bhagavad Gītā, 10:20.
- 2 Brhadāranyaka Upaniṣad, 4.3.36-37.
- 3 James Henry Breasted, *Development of Religion and Thought in Ancient Egypt* [Sự phát triển tôn giáo và tư tưởng Ai Cập cổ đại] (New York: Charles Scribner’s Sons, 1912), tr. 275. Trích lại với sự cho phép của nhà xuất bản.
- So sánh với bài thơ của Taliesin, tr. 265-66.
- 4 Franz Boas, *Race, Language and Culture* [Chủng tộc, ngôn ngữ và văn hóa] (New York, 1940), tr. 514. Xem tr. 116-18.
- 5 Sahagún, sđd, quyển I, Phụ lục, chương i; Robredo biên tập, tập I, tr. 284-86.
- 6 Dựa trên bản dịch của E. A. W. Budge: *The Book of the Dead, The Papyrus of Ani, Scribe and Treasurer of the Temples of Egypt, about B. C. 1450* [Tủ thư, Quyển soạn cho Ani, Ký lục và Thủ quỹ các đền Ai Cập, khoảng năm 1450 TCN] (New York, 1913).

- 7 Trích lại từ *Buddhism in Translations* của Henry Clarke Warren, tr. 38-39 với sự cho phép của Harvard University Press.
- 8 Sylvanus G. Morley, *An Introduction to the Study of the Maya Hieroglyphs* [Giới thiệu về nghiên cứu chữ tượng hình Maya] (tập san 57, Bureau of American Ethnology [Phòng dân tộc học Hoa Kỳ]; Washington, D.C., 1915). Tranh 3 (đối diện tr. 32).
- 9 Sđd, tr. 32.
- 10 Câu chuyện tiếp theo đây dựa trên Edda thơ, “Voluspa”, 42 trở đi. (Các câu thơ trích từ bản dịch của Bellows, sđd, tr. 19-20, 24), và Edda văn xuôi, “Gylfaginning”, LI (bản dịch của Brodeur, sđd, tr. 77-81). Được phép của đơn vị xuất bản, American-Scandinavian Foundation.
- 11 Tin Mừng theo thánh Matthew, 24:3-36.

LỜI BẠT: THẦN THOẠI VÀ XÃ HỘI

- 1 *Odyssey*, IV, 401, 417-18, S. H. Butcher và Andrew Lang dịch (London, 1879).
- 2 Sđd, IV, 400-406.
- 3 Nietzsche, *Thus Spake Zarathustra* [Zarathustra đã nói như thế], 1.22.3. [Phần dịch có vẻ như Campbell tự dịch. - JCF]

THƯ MỤC THAM KHẢO

PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN VÀ TỔ CHỨC

Mục đích chính của thư mục này là để giúp cho độc giả tìm được các nguồn tham khảo của Campbell khi viết cuốn sách này. Nó cũng nhằm phổ diễn lượng tài liệu lớn lao - cả về thần thoại, dân tộc học, folklore, văn chương hiện đại cũng như trung đại châu Âu, tâm lý học, triết học lẫn kinh sách của các tôn giáo Đông Tây - mà ông đã tích hợp vào công trình lớn độc lập đầu tiên của ông.

Cuốn sách đã được sửa lại nhiều lần, kể từ khi khởi thảo năm 1944 dưới tên *Đọc thần thoại như thế nào*, cho tới khi xuất bản trong tủ sách của Quỹ Bollingen năm 1949. Trong Trung tâm tư liệu Opus có một lá thư đề ngày 13 tháng Ba năm 1946 viết cho Henry Morton Robinson, bạn ông, cho thấy ban đầu ông chỉ dự tính sử dụng khá ít nguồn trích dẫn, bằng cách dựa chủ yếu vào bộ sách mười ba tập *The Mythology of All Races* [Thần thoại mọi giống dân], ấn hành từ năm 1916-1932 do Louis Gray và John McCulloch chủ biên. Đáng tiếc là công ty Macmillan đã giành được quyền xuất bản bộ sách này, và không đồng ý cho phép ông trích dẫn từ đó bởi họ đang có kế hoạch phát hành một ấn bản mới, và do đó Campbell buộc phải tìm kiếm những nguồn tư liệu mới để minh họa cho các lập luận của ông.

Thư mục này liệt kê tất cả những nguồn trích dẫn trong ấn bản *Người hùng* lần thứ ba ở đây, ngoại trừ một vài nguồn không đáng kể. Chúng tôi đưa vào những tác phẩm cung cấp một đoạn trích quan trọng, những tác phẩm được dẫn nhiều lần, cùng những tác phẩm có ảnh hưởng lớn đến tư duy của ông. Những nguồn thứ cấp (được Campbell chú thích là “trích trong” một công trình khác) không được đưa vào, nhưng có đưa những công trình trích dẫn các nguồn đó. Khi *Người hùng* ra mắt ấn bản thứ hai vào năm 1968, phần lớn trước tác của C. G. Jung

được Campbell trích theo *The Collected Works of C. G. Jung* [Tổng tập tác phẩm C. G. Jung], còn Freud thì theo *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud* [Tổng tập tác phẩm Sigmund Freud, bản chuẩn].

Thư mục này chia làm bốn phần. Phần một là các tác phẩm được Campbell trích dẫn và nêu rõ ấn bản cụ thể. Trừ một vài điểm có chú thích riêng, những sách này đã được xác minh lại hoặc với các danh mục sách ở thư viện, hoặc với tủ sách riêng của Joseph Campbell, hiện còn lưu tại Trung tâm Opus.

Phần thứ hai liệt kê các bài báo và tạp chí được trích. Phần lớn số này chưa được xác minh lại.

Các tác phẩm kinh điển, bởi rất khó xếp theo thứ tự bảng chữ cái, đã được tập hợp trong phần thứ ba, theo từng tôn giáo. Phần này tổng kết những kinh văn được Campbell trích dẫn, phân theo từng tôn giáo hoặc tín ngưỡng khác nhau. Campbell tham khảo những nguồn từ thế kỷ trước, bởi vậy tôi đã dùng dạng hiện đại cho các tựa sách có trong Tổng tập Joseph Campbell, và cả dạng trong Thư viện quốc hội Hoa Kỳ nếu hai bên có sự sai lệch, và chú thích thêm khi có những bản in lại hoặc các bản dịch cập nhật hơn.

Các tác phẩm văn học hoặc kinh điển tôn giáo đã quá nổi tiếng đòi khi được Campbell trích dẫn mà không nêu ấn bản cụ thể. Những sách này tôi đã liệt kê riêng trong phần thứ tư.

RICHARD BUCHEN

*Quản thủ Bộ sưu tập đặc biệt, Bộ sưu tập Joseph Campbell
thuộc Trung tâm nghiên cứu và tư liệu Opus tại các cơ sở
Viện sau đại học Pacifica, Santa Barbara, California*

1. THƯ MỤC THAM KHẢO CHÍNH

Anderson, Johannes C. *Maori Life in Ao-tea* [Đời sống người Maori ở Ao-tea]. Christchurch [New Zealand] [không có ngày tháng].

Apuleius. *The Golden Ass of Apuleius* [Con lừa vàng của Apuleius]. W. Adlington dịch. New York: The Modern Library [không có ngày tháng].

- Aristotle. *Aristotle on the Art of Poetry* [Aristoteles bàn về nghệ thuật thơ ca]. Ingram Bywater dịch, lời tựa của Gilbert Murray. Oxford: Oxford University Press, 1920.
- Arnold, Thomas Walker và Alfred Guillaume chủ biên. *The Legacy of Islam* [Di sản Hồi giáo]. Oxford: The Clarendon Press, 1931.
- Bain, F. W. *A Digit of the Moon and Other Love Stories from the Hindoo* [Một mảnh mặt trăng và các tình sử Hindoo khác]. New York và London: G. P. Putnam's Sons, 1910.
- Bastian, Adolf. *Ethnische Elementargedanken in der Lehre vom Menschen* [Các ý niệm cơ bản của từng dân tộc trong giáo điều về con người]. Berlin: Weidmann, 1895.
- Bédier, Joseph. *Les légendes épiques: Recherches sur la formation des chansons de geste* [Những truyền thuyết anh hùng: nghiên cứu về quá trình hình thành các anh hùng ca]. In lần thứ ba. Paris: H. Champion, 1926.
- Bellows, Henry Adams biên soạn. *The Poetic Edda* [Edda thơ], Scandinavian Classics [Tủ sách kinh điển Scandinavia], 21/22. New York: Quỹ Hoa Kỳ-Scandinavia, 1923.
- Bhagavad Gītā: *Bhagavad Gita: Translated from the Sanskrit with Notes, Comments, and Introduction by Swami Nikhilananda* [Bhagavad Gita: bản dịch từ tiếng Phạn của Swami Nikhilananda, kèm theo chú thích, lời bình và lời giới thiệu]. New York: Trung tâm Ramakrishna-Vivekananda, 1944.
- Boas, Franz. *The Mind of Primitive Man* [Tâm trí người nguyên thủy]. New York: Macmillan, 1911.
- Boas, Franz. *Race, Language and Culture* [Chủng tộc, ngôn ngữ và văn hóa]. New York: Macmillan, 1940.
- Breasted, James Henry. *Development of Religion and Thought in Ancient Egypt* [Sự phát triển tôn giáo và tư tưởng Ai Cập cổ đại]. New York: Charles Scribner's Sons, 1912.
- Bṛhadāranyaka Upaniṣad: *The Brihadaranyaka Upanishad: With the Commentary of Shankaracharya. Translated by Swami Madhavananda, with an Introd. by S. Kuppuswami Shastri* [Brihadaranyaka Upanishad: Kèm theo lời bình của Shankaracharya. Swami Madhavananda

- dịch, lời giới thiệu của S. Kuppaswami Shastri]. Madhavananda dịch. Mayavati: Advaita Ashrama [1934?].
- Bryan, William Frank và Germaine Dempster. *Sources and Analogues of Chaucer's Canterbury Tales*. [Nguồn gốc và dị bản của *Truyện Canterbury* của Chaucer]. Chicago: University of Chicago Press, 1941.
- Budge, E. A. Wallis biên tập, *The Gods of the Egyptians* [Các thần Ai Cập]. London: Methuen, 1904.
- Budge, E. A. Wallis dịch. *The Papyrus of Ani* [Tủ thư soạn cho Ani]. New York: Putnam, 1913.
- Burlingame, Eugene Watson biên tập. *Buddhist Parables* [Dụ ngôn Phật giáo]. New Haven: Yale University Press, 1922.
- Burton, Richard Francis. Xem *Thousand Nights and a Night*.
- Callaway, Henry. *Nursery Tales, Traditions, and Histories of the Zulus, in Their Own Words, with a Translation into English, and Notes, by Canon Callaway* [Truyện thiếu nhi, truyền thuyết và truyện sử của người Zulu, chép nguyên văn lời họ, kèm bản dịch sang tiếng Anh và chú thích của Linh mục Callaway]. Springvale, Natal: J. A. Blair; London: Trübner, 1868.
- Campbell, Joseph. "Bình luận folklore học". *Grimm's Fairy Tales* [Truyện cổ Grimm], của Jacob và Wilhelm Grimm, 833-864. New York: Pantheon, 1944.
- Chavannes, Edouard. *Les mémoires historiques de Se-ma Ts'ien* [Sử ký Tư Mã Thiên]. Edouard Chavannes dịch. Paris: E. Leroux, 1895.
- Codrington, R. H. *The Melanesians: Studies in Their Anthropology and Folk-Lore* [Người Melanesia: Các nghiên cứu nhân học và folklore]. Oxford: Clarendon Press, 1891.
- Collocott, E. E. V. *Tales and Poems of Tonga* [Truyện kể và thơ ca Tonga]. Bernice P. Bishop Museum Bulletin [Tập san bảo tàng Bernice P. Bishop] số 46. Honolulu, Hawaii: Bảo tàng Bernice P. Bishop, 1928.
- Coomaraswamy, Ananda Kentish. *Buddha and the Gospel of Buddhism* [Đức Phật và Tin Mừng Phật pháp]. New York: G. P. Putnam's Sons, 1916.

- Coomaraswamy, Ananda Kentish. *The Dance of Siva: Fourteen Indian Essays* [Điệu nhảy của Śiva: Mười bốn tiểu luận về Ấn Độ]. New York: Sunwise Turn, 1924.
- Coomaraswamy, Ananda Kentish. *Hinduism and Buddhism* [Ấn giáo và Phật giáo]. New York: Philosophical Library, không có ngày tháng.
- Coomaraswamy, Ananda Kentish. *Spiritual Authority and Temporal Power in the Indian Theory of Government* [Quyền uy tâm linh và quyền lực thời tính trong thuyết trị quốc Ấn Độ]. American Oriental Series [Bộ sách phương Đông Hoa Kỳ], tập 22. New Haven, Connecticut: American Oriental Society [Hội phương Đông Hoa Kỳ], 1942.
- Curtin, Jeremiah. *Myths and Folk-Lore of Ireland* [Thần thoại và folklore Ireland]. Boston: Little, Brown, 1890.
- Dante Alighieri. *The Divine Comedy of Dante Alighieri* [Hài kịch thánh thần của Dante Alighieri]. Charles Eliot Norton dịch. Ấn bản có chỉnh lý. 3 tập. Boston: Houghton Mifflin and Co., 1902.
- Dimnet, Ernest. *The Art of Thinking* [Nghệ thuật tư duy]. New York: Simon and Schuster, 1929.
- Edda thơ. Xem Bellows, Henry Adams.
- Edda văn xuôi. Xem Snorri Sturluson.
- Eddington, Arthur Stanley. *The Nature of the Physical World* [Bản chất của thế giới hữu hình]. Các bài giảng Gifford, 1927. New York: Macmillan, 1928.
- Edwards, Jonathan. *Sinners in the Hands of an Angry God: A Sermon Preached at Enfield, July 8th* [Những kẻ có tội trong bàn tay Chúa thịnh nộ: Bài giảng ở Enfield, 8 tháng Bảy]. In lần thứ hai. Boston, 1742.
- Eliot, T. S. "The Waste Land (1922)" [Đất hoang]. Trong *Collected Poems, 1909-1935* [Tổng tập thơ, 1909-1935]. New York: Harcourt, Brace [không có ngày tháng].
- Evans-Wentz, W. Y. biên tập. *Tibetan Yoga and Secret Doctrines, or, Seven Books of Wisdom of the Great Path, According to the Late Lama Kazi Dawa-Samdup's English Rendering* [Yoga và Mật giáo Tây Tạng, hay Bảy bộ kinh về minh triết Đại đạo, theo bản kể tiếng Anh của

- cổ Lạt ma Kazi Dawa-Samdup]. London: Oxford University Press, 1935.
- Evans-Wentz, W. Y. biên tập. *Tibet's Great Yogi, Milarepa: A Biography from the Tibetan; Being the Jetsün-Kahbum or Biographical History of Jetsün-Milarepa According to the Late Lama Kazi Dawa-Samdup's English Rendering* [Milarepa, vị yogi vĩ đại của Tây Tạng: Tiểu sử từ tiếng Tây Tạng - Jetsün-Kahbum hay Tiểu sử Jetsün-Milarepa theo bản kể tiếng Anh của cổ Lạt ma Kazi Dawa-Samdup]. London: Oxford University Press, 1928. [Xem thêm bản dịch của Viên Thông với nhan đề *Milarepa, đại thánh sư Tây Tạng*. - BT]
- Ferguson, John Calvin và Masaharu Anesaki. *The Mythology of All Races* [Thần thoại mọi giống dân], tập 8 (Trung Hoa: John C. Ferguson, Nhật: Masaharu Anesaki). Boston: Marshall Jones Company, 1928.
- Firdausi. *The Shah Nameh of the Persian Poet Firdausi* [Trường thi về các vua của nhà thơ Ba Tư Firdausi]. James Atkinson dịch. London, New York: F. Warne, 1886.
- Fletcher, Alice C. *The Hako: A Pawnee Ceremony* [Nghĩ lễ Hako của người Pawnee]. Bureau of American Ethnology Annual Report [Báo cáo thường niên của Cục Dân tộc học Hoa Kỳ]. Washington, D. C.: Cơ quan in ấn chính phủ, 1904.
- Flügel, J. C. *The Psycho-Analytic Study of the Family* [Nghiên cứu phân tâm về gia đình]. In lần thứ tư. The International Psycho-Analytical Library [Thư viện phân tâm quốc tế], số 3. London: L. và Virginia Woolf, tại Hogarth Press và Viện phân tích tâm lý, 1931.
- Fosdick, Harry Emerson. *As I See Religion* [Tôn giáo như tôi thấy]. New York, London: Harper & Brothers, 1932.
- Frazer, James George. *The Golden Bough: A Study in Magic and Religion* [Cành vàng: nghiên cứu về ma thuật và tôn giáo]. Ấn bản rút gọn. New York: Macmillan, 1922. [Xem thêm bản dịch *Cành vàng: Bách khoa thư về văn hóa nguyên thủy* của Ngô Bình Lâm dịch từ tiếng Pháp, NXB Tri thức, 2019 - BT.]
- Freud, Sigmund. *Beyond the Pleasure Principle* [Bên kia nguyên tắc khoái lạc]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud* [Tổng tập tác phẩm Sigmund Freud, bản chuẩn], tập 18,

- James Strachey và nhiều người khác biên tập và dịch. London: The Hogarth Press, 1955. Xuất bản lần đầu 1920.
- Freud, Sigmund. *The Future of an Illusion* [Tương lai của một ảo tưởng]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud*, sđd, tập 21. London: The Hogarth Press, 1961, tr. 1-56. Xuất bản lần đầu 1927.
- Freud, Sigmund. *The Interpretation of Dreams* [Diễn giải giấc mơ]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud*, sđd. The Hogarth Press, 1953. Xuất bản lần đầu 1900.
- Freud, Sigmund. *The Interpretation of Dreams (second part)* [Diễn giải giấc mơ, phần 2]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud*, sđd, tập 5. London: The Hogarth Press, 1953. Xuất bản lần đầu 1900-1901.
- Freud, Sigmund. *Introductory Lectures on Psycho-Analysis (part III)* [Các bài giảng phân tâm học nhập môn, phần III]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud*, sđd, tập 16. London: The Hogarth Press, 1963. Xuất bản lần đầu 1916-1917.
- Freud, Sigmund. *Moses and Monotheism* [Moses và độc thần giáo]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud*, sđd, tập 23, tr. 1-137. London: The Hogarth Press, 1964. Xuất bản lần đầu 1939.
- Freud, Sigmund. *The Psychopathology of Everyday Life* [Tâm bệnh học đời thường]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud*, sđd, tập 6. London: The Hogarth Press, 1960. Xuất bản lần đầu 1901.
- Freud, Sigmund. *Three Essays on the Theory of Sexuality* [Ba tiểu luận về lý thuyết tính dục]. Trong *The Standard Edition of the Collected Works of Sigmund Freud*, sđd, tập 7, tr. 123-245. London: The Hogarth Press, 1953. Xuất bản lần đầu 1905.
- Frobenius, Leo. *Das unbekannte Afrika: Aufhellung der Schicksale eines Erdteils* [Châu Phi xa lạ: Soi sáng số phận một châu lục]. Veröffentlichung des Forschungsinstitutes für Kulturmorphologie [Nhà xuất bản Viện nghiên cứu hình thái văn hóa]. Munich: Oskar Beck, 1923.

- Frobenius, Leo. *Und Afrika sprach* [Và châu Phi đã nói]. Berlin: Vita, 1912.
- Frobenius, Leo. *Das Zeitalter des Sonnengottes* [Thời đại Thần Mặt Trời]. Berlin: G. Reimer, 1904.
- Frobenius, Leo và Douglas Claughton Fox. *African Genesis* [Sáng Thế Ký châu Phi]. New York: Stackpole Sons, 1937.
- Gennep, Arnold van. *Les rites de passage* [Nghĩ lễ chuyển đổi]. Paris: É. Nourry, 1909.
- Giáo hội Công giáo. *Saint Andrew Daily Missal, by Dom Gaspar Lefebvre O. S. B. of the Abbey of S. André* [Sách lễ hàng ngày của thánh Anrê, do Linh mục Gaspar Lefebvre dòng Biển Đức, tu viện thánh Anrê, soạn]. Bruges, Bỉ: Tu viện thánh André; St. Paul: E. M. Lohmann Co., 1943?
- Giles, Herbert Allen. *A Chinese Biographical Dictionary* [Từ điển tiểu sử Trung Hoa]. London: B. Quaritch; Thượng Hải: Kelly & Walsh, 1898.
- Ginsburg, Christian D. *The Kabbalah: Its Doctrines, Development, and Literature* [Kabbalah: Giáo lý, phát triển và kinh sách]. London: G. Routledge & Sons, 1920.
- Ginzberg, Louis. *The Legends of the Jews* [Truyền thuyết Do Thái]. Henrietta Szold và Paul Radin dịch. 7 tập. Philadelphia: The Jewish Publication Society of America [Hội xuất bản Do Thái Hoa Kỳ], 1911.
- Gray, Louis H. và J. A. MacCulloch chủ biên. *The Mythology of All Races* [Thần thoại mọi giống dân]. 13 tập. Boston: Viện khảo cổ học Hoa Kỳ; Marshall Jones Company, 1916-1932. Nội dung các tập như sau:
- I. Hy Lạp và La Mã: William Sherwood Fox. 1916.
 - II. Edda: J. A. MacCulloch. 1930.
 - III. Celt: J. A. MacCulloch; Slav: Jan Máchal. 1918.
 - IV. Phần Lan-Ugria, Siberia: Uno Holmberg. 1927.
 - V. Semit: S. H. Langdon. 1931.
 - VI. Ấn Độ: A. B. Keith; Iran: A. J. Carnvy. 1917.
 - VII. Armenia: M. H. Ananikian; châu Phi: Alice Werner. 1925.
 - VIII. Trung Hoa: J. C. Ferguson; Nhật Bản: Masaharu Anesaki. 1928.

- IX. Châu Đại Dương: R. B. Dixon. 1916.
 - X. Bắc Mỹ: H. B. Alexander. 1916.
 - XI. Mỹ La tinh: H. B. Alexander. 1920.
 - XII. Ai Cập: W. M. Müller; Đông Dương: J. G. Scott. 1918.
 - XIII. Bảng tra tổng hợp cho 12 cuốn I-XII. 1932.
- Grey, George. *Polynesian Mythology and Ancient Traditional History of the New Zealand Race, as Furnished by Their Priests and Chiefs* [Thần thoại Đa Đảo và lịch sử cổ đại trong truyền thuyết của giống người New Zealand, theo các tù trưởng và thầy mo cung cấp]. London: J. Murray, 1855.
- Grimm, Jacob và Wilhelm Grimm. *Grimm's Fairy Tales* [Truyện cổ Grimm]. Ấn bản đầy đủ. New York: Pantheon Books, 1944.
- Grinnell, George Bird. *Blackfoot Lodge Tales: The Story of a Prairie People* [Truyện kể trong lều của người Chân Đen: Chuyện một dân tộc sống trên đồng cỏ]. New York: Scribner, 1892.
- Guest, Charlotte. Xem Mabinogion.
- Gutmann, Bruno. *Volksbuch der Wadschagga: Sagen, Märchen, Fabeln und Schwänke den Dschagganegern nacherzählt* [Tập truyện dân gian Wachaga: Truyền thuyết, cổ tích, truyện thần tiên và giai thoại của người Wachaga trong bản kể lại]. Leipzig: Verlag der Evang.-Luth. Mission [Nhà xuất bản của hội truyền giáo Luther], 1914.
- Harrison, Jane Ellen. *Prolegomena to the Study of Greek Religion* [Dẫn luận cho nghiên cứu tôn giáo Hy Lạp]. In lần thứ ba. Cambridge: Cambridge University Press, 1922.
- Harrison, Jane Ellen. *Themis: A Study of the Social Origins of Greek Religion* [Themis: Nghiên cứu về nguồn gốc xã hội của tôn giáo Hy Lạp]. In lần thứ hai có chỉnh lý. London: Cambridge University Press, 1927.
- Harva, Uno. *Der Baum des Lebens* [Cây đời]. Suomalaisen Tiedeakatemian Toimituksia, Annales [Niên kỷ Viện hàn lâm khoa học Phần Lan]; bộ B, cuốn 16, số 3. Helsinki: Viện hàn lâm khoa học Phần Lan, 1923.
- Harva, Uno. *Die religiösen Vorstellungen der altaischen Völker* [Tư tưởng tôn giáo của các tộc dân Altai]. FF Communications [Thư từ trao đổi của đồng nghiệp folklore học] số 125. Helsinki: Viện hàn lâm khoa học Phần Lan, 1938.

- Hastings, James chủ biên. *Encyclopaedia of Religion and Ethics* [Bách khoa thư tôn giáo và đạo đức]. 13 tập. New York: Charles Scribner's Sons, 1928.
- Hearn, Lafcadio. *Japan, an Attempt at Interpretation* [Nước Nhật, một nỗ lực diễn giải]. New York: Grosset & Dunlap, 1904.
- Hirth, Friedrich. *The Ancient History of China to the End of the Chou Dynasty* [Cổ sử Trung Hoa cho tới cuối nhà Chu]. New York: The Columbia University Press, 1908.
- Holmberg, Uno. Xem Harva, Uno.
- Homer. *The Odyssey of Homer* [*Odyssey* của Homeros]. Samuel Henry Butcher và Andrew Lang dịch. In lần thứ hai. London: Macmillan, 1879.
- Hull, Eleanor. *The Cuchullin Saga in Irish Literature: Being a Collection of Stories Relating to the Hero Cuchullin* [Truyện thuyết Cuchulainn trong văn học Ireland: Tập hợp các câu chuyện về vị anh hùng Cuchulainn]. London: D. Nutt, 1898.
- Hume, Robert Ernest biên tập. *The Thirteen Principal Upanishads, Translated from the Sanskrit with an Outline of the Philosophy of the Upanishads* [Mười ba Upaniṣad chính, dịch từ tiếng Phạn, kèm giới thiệu đại cương tư tưởng triết học trong kinh Upaniṣad]. In lần thứ hai. London, New York: Oxford University Press, 1931.
- Jeffers, Robinson. *The Roan Stallion... and Other Poems* [Gã ngựa lang và các bài thơ khác]. New York: Horace Liveright, 1925.
- Jensen, Peter Christian Albrecht. *Assyrisch-babylonische Mythen und Epen* [Thần thoại và sử thi Assyria-Babylon]. Kellinschriftliche Bibliothek [Thư viện chữ hình nêm] tập VI, I. Berlin: Reuther & Reichard, 1900.
- Ježower, Ignaz. *Das Buch der Träume* [Sách về giấc mơ]. Berlin: E. Rowohlt, 1928.
- Johnson, Obed Simon. *A Study of Chinese Alchemy* [Nghiên cứu về giả kim thuật Trung Hoa]. Thượng Hải, Trung Quốc, 1928.
- Joyce, James. *Finnegans Wake*. New York: Viking Press, 1939.
- Joyce, James. *A Portrait of the Artist as a Young Man* [Chân dung người nghệ sĩ thời trẻ]. New York: Modern Library, 1928?

- Joyce, James. *Ulysses*. New York: Modern Library [không có ngày tháng].
- Joyce, Thomas Athol. *Mexican Archaeology, an Introduction to the Archaeology of the Mexican and Mayan Civilizations of Pre-Spanish America* [Khảo cổ học Mexico, giới thiệu về khảo cổ các nền văn minh Mexico và Maya ở châu Mỹ tiền chinh phục Tây Ban Nha]. London: P. L. Warner, 1914.
- Jung, Carl Gustav. "Archetypes of the Collective Unconscious" [Các cổ mẫu của vô thức tập thể]. Trong *The Collected Works of C. G. Jung* [Tổng tập tác phẩm C. G. Jung], tập 9, phần i, Herbert Read và nhiều người khác biên tập, R. F. C. Hull dịch, tr. 3-41. Tủ sách Bollingen 20. New York: Pantheon, 1959. (Viết lần đầu 1934.)
- Jung, Carl Gustav. *The Integration of the Personality* [Sự tổng hợp nhân cách]. New York, Toronto: Farrar and Rinehart, 1939. In lại có chỉnh lý trong *The Collected Works of C. G. Jung*, sđd, tập 9, phần i.
- Jung, Carl Gustav. "On Psychic Energy" [Về năng lượng tâm lý]. Trong *The Collected Works of C. G. Jung*, sđd, tập 8, tr. 3-66. New York: Pantheon, 1960. (Viết lần đầu 1928.)
- Jung, Carl Gustav. *Psychological Types, or, the Psychology of Individuation* [Các kiểu tâm lý, hay Tâm lý quá trình cá nhân hóa], H. Godwin Baynes dịch. London: K. Paul, Trench Trübner; New York: Harcourt Brace, 1946? In lại thành tập 6 *The Collected Works of C. G. Jung*. Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1971. (Viết lần đầu 1921.)
- Jung, Carl Gustav. *Psychology and Alchemy* [Tâm lý học và giả kim thuật]. Trong *The Collected Works of C. G. Jung*, sđd, tập 12. New York: Pantheon, 1953. (Viết lần đầu 1935-1936.)
- Jung, Carl Gustav. "Psychology and Religion" [Tâm lý và tôn giáo]. Trong *The Collected Works of C. G. Jung*, sđd, tập 11, tr. 3-105. New York: Pantheon, 1958. (Viết lần đầu 1938.)
- Jung, Carl Gustav. *Symbols of Transformation* [Những biểu tượng về biến hóa]. Trong *The Collected Works of C. G. Jung*, sđd, in lần thứ hai, tập 5. Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1967. (Viết lần đầu 1912.)
- Kalevala. *Kalevala, the Land of Heroes* [Kalevala, xứ anh hùng]. William

- Forsell Kirby dịch. *Everyman's Library*. London và Toronto: J. M. Dent & Sons, 1907.
- Kalidasa. *The Birth of the War-God: A Poem* [Thần chiến tranh ra đời]. Ralph T. H. Griffith dịch. In lần thứ hai. London: Trübner, 1897. (Chưa xác minh được bản này. Phần trích hẵn là lấy từ bản in năm 1879 có trong danh mục thư viện trường UCLA.)
- Kato, Genchi. *What Is Shinto?* [Thần đạo là gì?] Tourist Library 8. Tokyo: Maruzen Co., Ltd., 1935.
- Kena Upaniṣad. *Kena-Upanishad, with Sanskrit Text, Paraphrase with Word-for-Word Literal Translation, English Rendering, and Comments* [Kena-Upaniṣad, kèm theo văn bản tiếng Phạn, diễn đạt lại, dịch nguyên văn từng chữ, diễn dịch sang tiếng Anh và lời bình]. Sharvananda dịch. Mylapore, Madras: Sri Ramakrishna Math, 1932.
- Kimmins, Charles William. *Children's Dreams* [Giấc mơ của trẻ em]. London: G. Allen & Unwin, 1937.
- King, Jeff, Maud Oakes và Joseph Campbell. *Where the Two Came to Their Father: A Navaho War Ceremonial* [Nơi hai anh em tới gặp cha: Một nghi lễ chiến tranh Navaho]. In lần thứ hai. Tủ sách Bollingen, tập I. Princeton, New Jersey: Princeton University Press, 1969. (Xuất bản lần đầu 1943.)
- King, L. W. *Babylonian Religion and Mythology* [Tôn giáo và thần thoại Babylon]. Các quyển về Ai Cập và Chaldaea, tập 4. London: K. Paul, Trench, Trübner & Co., 1899.
- Kingsborough, Edward King. *Antiquities of Mexico: Comprising Fac-Similes of Ancient Mexican Paintings and Hieroglyphs* [Cổ văn Mexico: Bao gồm tranh vẽ và văn bản chữ tượng hình của Mexico cổ trong bản fax]. 9 tập. London: R. Havell [và các nhà xuất bản khác], 1831-1848.
- Klein, Melanie. *The Psycho-Analysis of Children* [Phân tâm trẻ nhỏ]. International Psycho-Analytical Library, số 22. London: L. và Virginia Woolf, tại Hogarth Press và Viện phân tích tâm lý, 1932.
- Knight, W. F. Jackson. *Cumaeae Gates: A Reference of the Sixth Aeneid to the Initiation Pattern* [Cổng Cumae: Ám chỉ về mô thức thụ giáo trong

- Aeneid* cuốn VI]. Oxford: B. Blackwell, 1936.
- Koran. *The Holy Qur-An: Text, Translation and Commentary* [Kinh Koran thiêng liêng: Văn bản, bản dịch, lời bình]. Abdullah Yusuf Ali dịch. 2 tập. New York: Hafner Pub. Co., [1946].
- Kramer, Samuel Noah. *Sumerian Mythology: A Study of Spiritual and Literary Achievement in the Third Millennium, B. C.* [Thần thoại Sumer: Nghiên cứu về thành tựu tâm linh và văn học vào thiên niên kỷ thứ ba TCN]. Memoirs of the American Philosophical Society [Kỷ yếu Hội triết học Hoa Kỳ], tập XXI. Philadelphia: The American Philosophical Society, 1944.
- Lang, Andrew. *Custom and Myth* [Tập tục và thần thoại]. In lần thứ hai. London: Longmans, Green, and Co., 1885.
- Lao Tse. *Laotzu's Tao and Wu Wei* [Đạo và Vô vi của Lão Tử]. Dwight Goddard dịch. New York: Brentano's, 1919.
- Layard, John. *Stone Men of Malekula* [Người đá ở Malekula]. London: Chatto & Windus, 1942.
- Loomis, Gertrude Schoepperle. *Tristan and Isolt: A Study of the Sources of the Romance* [Nghiên cứu về nguồn gốc truyện hiệp sĩ *Tristan và Isolt*]. Frankfurt a. M.: J. Baer & Co., 1913.
- Mabinogion. *The Mabinogion*. Charlotte Elizabeth Guest Schreiber dịch. Everyman's Library. New York: E. P. Dutton & Co., 1906.
- MacGowan, J. *The Imperial History of China* [Lịch sử đế quốc Trung Hoa]. In lần thứ hai. Thượng Hải: American Presbyterian Mission Press [Nhà xuất bản Truyền giáo Trưởng lão Hoa Kỳ], 1906.
- Máchal, Jan. "Slavic [Mythology]" [Thần thoại Slav]. Trong *Celtic*, by John Arnott MacCulloch. *Slavic*, by Jan Máchal. *The Mythology of All Races*, tập 3. Boston: Marshall Jones Company, 1918.
- Malory, Thomas. *Le Morte D'Arthur* [Cái chết của vua Arthur]. Everyman's Library. London, Toronto: J. M. Dent & Sons, 1919.
- Mather, Cotton. *The Wonders of the Invisible World: Observations as Well Historical as Theological Upon the Nature, the Number, and the Operations of the Devils...* [Những điều kỳ diệu của thế giới vô hình: Các quan sát lịch sử và thần học về bản tính, số lượng và sự hoạt động của các giống quỷ...] Boston, 1693.

- Mathers, S. L. MacGregor. *Kabbala Denudata, the Kabbalah Unveiled, Containing the Following Books of the Zohar*. 1. *The Book of Concealed Mystery*. 2. *The Greater Holy Assembly*. 3. *The Lesser Holy Assembly* [Kabbala Denudata, hay Vén màn Kabbalah, bao gồm các sách Zohar sau: 1. Sách về bí ẩn ẩn giấu; 2. Hội đồng thần thánh lớn; 3. Hội đồng thần thánh nhỏ]. London: Kegan Paul, Trench, Trübner & Co, 1887?
- Matthews, Washington. *Navaho Legends* [Truyền thuyết Navaho]. Boston, New York: Houghton, Mifflin and Company, xuất bản cho Hội folklore Hoa Kỳ, 1897.
- Meier, Joseph. *Mythen und Erzählungen der Küstenbewohner der Gazelle-Halbinsel (Neu-Pommern)* [Thần thoại và truyện kể vùng duyên hải bán đảo Gazelle (Neu-Pommern)]. Münster: Aschendorff, 1909.
- Menninger, Karl A. *Love against Hate* [Tình yêu đối lại hận thù]. New York: Harcourt, 1942.
- Morley, Sylvanus Griswold. *An Introduction to the Study of the Maya Hieroglyphs* [Giới thiệu về nghiên cứu chữ tượng hình Maya]. Bureau of American Ethnology Bulletin [Tập san Phòng dân tộc học Hoa Kỳ] 57. Washington: Cơ quan in ấn chính phủ, 1915.
- Müller, F. Max biên tập. *Buddhist Mahāyāna Texts* [Kinh Đại Thừa Phật giáo], *Sacred Books of the East* [Sách thiêng phương Đông]; tập 49. Oxford: Clarendon Press, 1894.
- phần 1. *Buddha-karita* [Phật sở hành tán] của Asvaghosha, E. B. Cowell dịch từ tiếng Phạn.
 - phần 2. *Sukhāvatī-vyūha* [Vô Lượng Thọ Kinh], *Sukhāvatī-vyūha bản ngắn*, *Vagrakkedikā* [Kim Cương Kinh], *Pragñā-Pāramitā-Hridaya-Sūtra* [Bát-nhã-ba-la-mật-đa Tâm Kinh] bản dài, *Pragñā-Pāramitā-Hridaya-Sūtra* bản ngắn, F. Max Müller dịch. *Amitāyur Dhyāna-Sūtra* [Quán Vô Lượng Thọ Kinh], J. Takakusu dịch.
- Müller, F. Max biên tập. *The Dhammapada* [Pháp Cú Kinh]. Max Müller dịch. *Sacred Books of the East*, tập 10. Oxford: Clarendon Press, 1881.
- Nelson, Ansgar. Xem Reinhold, Hans Ansgar.
- Ngàn lẻ một đêm: *A Plain and Literal Translation of the Arabian Nights Entertainments, Now Entitled the Book of the Thousand Nights and a Night* [Bản dịch chân phương, nguyên văn của *Arabian Nights*

Entertainments, nay với tên mới là cuốn sách về Ngàn lẻ một đêm]. Richard Francis Burton dịch. 10 tập. Benares: Hội Kamashastra ấn hành cho những người đăng ký riêng, 1885. (Đây chắc là ấn bản được Campbell chú "Bombay, 1885".)

Nivedita và Ananda Kentish Coomaraswamy. *Myths of the Hindus & Buddhists* [Thần thoại Ấn giáo và Phật giáo]. New York: Henry Holt, 1914.

O'Grady, Standish Hayes biên tập và dịch. *Silva Gadelica (I.-XXXI.): A Collection of Tales in Irish with Extracts Illustrating Persons and Places* [Silva Gadelica (I.-XXXI.): Tập hợp các truyện bằng tiếng Ireland, với các trích đoạn minh họa về người và nơi chốn]. London: Williams and Norgate, 1892.

Okakura, Kakuzo. *The Book of Tea* [Trà thư]. New York: Duffield, 1906. [Xem thêm ấn bản song ngữ của Câu lạc bộ trà đạo Trúc Diệp, NXB Thế giới, 2009; ngoài ra còn có nhiều bản dịch khác.]

Opler, Morris Edward. *Myths and Tales of the Jicarilla Apache Indians* [Thần thoại và truyện kể của người da đỏ Jicarilla Apache]. *Memoirs of the American Folk-Lore Society*, tập XXXI. New York: American Folk-Lore Society, 1938.

Ovid. *Metamorphoses* [Biến thể]. Frank Justus Miller dịch. Loeb Classical Library. London: W. Heinemann, 1933. [Xem thêm bản dịch của Quế Sơn, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2019. - BT]

Pallis, Marco. *Peaks and Lamas* [Đỉnh núi và lát ma]. In lần thứ tư. London: Cassell, 1946.

Parsons, Elsie Clews. *Tewa Tales* [Truyện kể Tewa]. *Memoirs of the American Folk-Lore Society*, tập XIX. New York: American Folklore Society, 1926.

Peake, Harold và H. J. Fleure. *Merchant Venturers in Bronze* [Những lái buôn đồng mạo hiểm]. New Haven, Connecticut: Yale University Press, 1931.

Peake, Harold và H. J. Fleure. *The Way of the Sea* [Đường biển]. New Haven, Connecticut: Yale University Press, 1929.

Perry, W. J. *The Children of the Sun* [Những đứa con của mặt trời]. New York: E. P. Dutton and Co., 1923.

- Phillips, Robert. *American Government and Its Problems* [Chính thể Hoa Kỳ và các vấn đề của nó]. Ấn bản có chỉnh lý. Boston, New York: Houghton Mifflin Company, 1941.
- Pierce, Frederick. *Dreams and Personality: A Study of Our Dual Lives* [Giấc mơ và tính cách: Nghiên cứu về đời sống kép của chúng ta]. New York, London: D. Appleton and Company, 1931.
- Pinkerton, John. *A General Collection of the Best and Most Interesting Voyages and Travels in All Parts of the World* [Tuyển tập chung những chuyến du hành, du lịch hay và thú vị nhất khắp mọi miền thế giới]. 17 tập. London: Longman, Hurst, Rees, 1808. Đây là một nguồn quan trọng cho các thần thoại Lappland và Siberia.
- Polack, J. S. *Manners and Customs of the New Zealanders: With Notes Corroborative of Their Habits, Usages, etc* [Phong tục tập quán của người New Zealand: Kèm theo các ghi chú rõ thêm về thói quen, cách dùng của họ, v.v.]. London: J. Madden, 1840.
- Radcliffe-Brown, A. R. *The Andaman Islanders* [Dân đảo Andaman]. In lần thứ hai. Cambridge: The University Press, 1933.
- Ramakrishna. *The Gospel of Sri Ramakrishna* [Tin Mừng theo Sri Ramakrishna]. Swami Nikhilananda dịch. New York: Trung tâm Ramakrishna-Vivekananda, 1942.
- Rank, Otto. *Art and Artist: Creative Urge and Personality Development* [Nghệ thuật và nghệ sĩ: Thôi thúc sáng tạo và phát triển nhân cách]. Charles Francis Atkinson dịch. New York: A. A. Knopf, 1943.
- Rank, Otto. *The Myth of the Birth of the Hero: A Psychological Interpretation of Mythology* [Thần thoại về người hùng ra đời: Diễn giải thần thoại dưới góc nhìn tâm lý học]. F. Robbins và Smith Ely Jelliffe dịch. Nervous and Mental Disease Monograph Series [Tủ sách chuyên khảo về bệnh thần kinh và tâm lý], số 18. New York: The Journal of Nervous and Mental Disease Publishing Company, 1914.
- Reinhold, Hans Ansgar biên tập. *The Soul Afire: Revelations of the Mystics Afire* [Linh hồn bùng cháy: Khải thị của các nhà thần bí]. [New York]: Pantheon Books, 1944.
- Röheim, Géza. *The Eternal Ones of the Dream: A Psychoanalytic Interpretation*

of *Australian Myth and Ritual* [Những đấng vĩnh cửu trong mơ: Diễn giải thần thoại và nghi lễ Úc dưới góc nhìn phân tâm]. New York: International Universities Press, 1945.

Róheim, Géza. *The Origin and Function of Culture* [Nguồn gốc và chức năng của văn hóa]. New York: Nervous and Mental Disease Monographs, 1943. (Xuất bản lần đầu năm 1942.)

Róheim, Géza. *War, Crime and the Covenant* [Chiến tranh, tội ác và giao ước cũ]. *Journal of Clinical Psychopathology* [Tập chí Tâm bệnh học lâm sàng], Monograph Series, số 1. Monticello, New York: Medical Journal Press, 1945.

Rossetti, Dante Gabriel. *Dante and His Circle: With the Italian Poets Preceding Him (1100-1200-1300). A Collection of Lyrics, ed., and tr. in the Original Metres* [Dante và giới của ông: Cùng các nhà thơ Ý tiền bối (1100-1200-1300). Tuyển tập thơ trữ tình, biên tập và dịch theo thể thơ gốc]. London: Ellis and White, 1874.

Sadananda. *Vedantasara of Sadananda with Introduction, Text, English Translation and Comments by Swami Nikhilananda* [Cốt tủy Vedanta của Sadananda: giới thiệu, văn bản, bản dịch tiếng Anh và lời bình của Swami Nikhilananda]. Mayavati: Advaita Ashrama, 1931.

Sahagún, Bernardino de. *Historia general de las cosas de Nueva España* [Lịch sử khái quát các chuyện ở Tân Tây Ban Nha]. México D. F.: P. Robredo, 1938.

Sankaracarya. *Vivekachudamani, of Sri Sankaracharya: Text with English Translation, Notes and Index by Swami Madhavananda* [Ngọc quý về phân biện của Sri Sankaracharya: Văn bản kèm theo bản dịch tiếng Anh, chú thích và bảng tra cứu, của Swami Madhavananda]. Mayavati: Advaita Ashrama, 1932.

Schoepperle, Gertrude. Xem Loomis, Gertrude Schoepperle.

Schultze, Leonhard. *Aus Namaland und Kalahari. Bericht an die Kgl. Preuss. Akademie der Wissenschaften zu Berlin über eine Forschungsreise im westlichen und zentralen Südafrika, ausgeführt in den Jahren 1903-1905* [Từ Namaland và Kalahari: Báo cáo gửi Viện hàn lâm khoa học hoàng gia Phổ ở Berlin về chuyến đi nghiên cứu ở miền Tây và Trung Nam Phi thực hiện từ 1903-1905]. Jena: G. Fischer, 1907.

- Scott, David Clement Ruffelle. *A Cyclopaedic Dictionary of the Mang'anja Language Spoken in British Central Africa* [Từ điển bách khoa về ngôn ngữ Mang'anja ở Trung Phi thuộc Anh]. Edinburgh: The Foreign Mission Committee of the Church of Scotland [Ủy ban truyền giáo nước ngoài của Giáo hội Scotland], 1892.
- Shrichakrasambhara Tantra: A Buddhist Tantra* [*Shrichakrasambhara Tantra: Kinh Tantra Phật giáo*]. John Woodroffe biên tập. Kazi Dawa-Samdup dịch. *Tantrik Texts* [Kinh điển Tantra], tập 7. London: Luzac & Co., 1919.
- Spencer, Baldwin và Francis James Gillen. *The Arunta: A Study of a Stone Age People* [Dân Arunta: Nghiên cứu về một giống dân thời đồ đá]. 2 tập. London: Macmillan, 1927.
- Spencer, Baldwin và Francis James Gillen. *The Native Tribes of Central Australia* [Các bộ tộc bản địa Trung Úc]. London: Macmillan, 1899.
- Spengler, Oswald. *The Decline of the West* [Sự suy tàn của phương Tây]. Charles Francis Atkinson dịch. 2 tập. New York: A. A. Knopf, 1926-1928.
- Stekel, Wilhelm. *Fortschritte und Technik der Traumdeutung* [Các tiến bộ và kỹ thuật trong giải mã giấc mơ]. Wien, 1935.
- Stekel, Wilhelm. *Die Sprache des Traumes: Eine Darstellung der Symbolik und Deutung des Traumes in ihren Beziehungen zur kranken und gesunden Seele* [Ngôn ngữ của giấc mơ: Mô tả về tính biểu tượng và cách diễn giải các giấc mơ trong liên hệ với tâm hồn đau yếu và lành mạnh]. Wiesbaden: J. F. Bergmann, 1911.
- Stevenson, Sinclair (bà). *The Heart of Jainism* [Yếu tính Kỳ Na giáo]. London, New York: Humphrey Milford, Oxford University Press, 1915.
- Stimson, J. F., Edwin G. Burrows và Kenneth Pike Emory. *The Legends of Maui and Tahaki* [Truyện thuyết Maui và Tahaki]. Bernice P. Bishop Museum Bulletin 127. Honolulu, Hawaii: Bảo tàng Bernice P. Bishop, 1934.
- Sturluson, Snorri. *The Prose Edda* [Edda văn xuôi]. Arthur Gilchrist Brodeur dịch. New York: Quỳ Hoa Kỳ-Scandinavia, 1929.
- Suzuki, Daisetz Teitaro. *Essays in Zen Buddhism* [Thiền luận]. London: Luzac and Company, 1927.

- Taylor, Richard. *Te ika a Maui, or New Zealand and its Inhabitants* [Te ika a Maui, hay là New Zealand cùng dân cư ở đó]. London, 1855.
- Thompson, Stith. *Tales of the North American Indians* [Những truyện kể của người da đỏ Bắc Mỹ]. Cambridge, Massachusetts: Harvard University Press, 1929.
- Toynbee, Arnold Joseph. *A Study of History* [Nghiên cứu lịch sử]. London: Oxford University Press, 1934.
- Tử thư: Xem Budge, E. A. Wallis, *The Papyrus of Ani*.
- Underhill, Evelyn. *Mysticism: A Study in the Nature and Development of Man's Spiritual Consciousness* [Thần bí học: Nghiên cứu về bản chất và phát triển của ý thức tâm linh con người]. New York: Dutton, 1911.
- Warner, W. Lloyd. *A Black Civilization: A Social Study of an Australian Tribe* [Nền văn minh đen: Nghiên cứu xã hội học về một tộc dân Úc]. New York, London: Harper & Brothers, 1937.
- Warren, Henry Clarke biên tập. *Buddhism in Translations* [Phật giáo qua các bản dịch]. Cambridge, Massachusetts: Harvard University, 1896.
- Werner, Edward Theodore Chalmers. *A Dictionary of Chinese Mythology* [Từ điển thần thoại Trung Hoa]. Thượng Hải: Kelly and Walsh, 1932.
- White, John. *The Ancient History of the Maori, His Mythology and Traditions* [Lịch sử cổ đại người Maori, thần thoại và truyền thuyết]. Wellington: G. Didsbury, 1887.
- Wilhelm, Richard. *Chinesische Volksmärchen* [Cổ tích Trung Quốc]. Jena: E. Diederichs, 1921.
- Windisch, Wilhelm Oscar Ernst. *Die altirische Heldensage Táin bó Cúalnge. Nach dem Buch von Leinster...* [Truyền thuyết cổ Ireland Táin bó Cúalnge. Dựa trên cuốn Sách Leinster...] *Irische Texte* [Tư liệu Ireland], Extraband zu Serie I bis IV [Phụ bản cho series I-IV]. Leipzig, 1905.
- Wood, Clement. *Dreams: Their Meaning and Practical Application* [Giấc mơ: Ý nghĩa và ứng dụng thực tế]. New York: Greenberg, 1931.
- Woodroffe, John George. *Shakti and Shākta* [Shakti và Shākta]. In lần thứ ba. Madras: Ganesh, 1929.

- Young, Hugh. *Genital Abnormalities, Hermaphroditism & Related Adrenal Diseases* [Bất thường sinh thực khí, chứng lưỡng tính, cùng các bệnh thượng thận liên quan]. Baltimore: Williams & Wilkins Company, 1937.
- Zimmer, Heinrich Robert. *The King and the Corpse: Tales of the Soul's Conquest of Evil* [Đức vua và cái xác: Những truyện kể về linh hồn chinh phục cái ác]. Joseph Campbell biên tập. Tủ sách Bollingen, tập XI. [New York]: Pantheon Books, 1948.
- Zimmer, Heinrich Robert. *Maya: Der indische Mythos* [Maya, thần thoại Ấn Độ]. Stuttgart: Deutsche Verlags-Anstalt, 1936.
- Zimmer, Heinrich Robert. *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization* [Thần thoại và biểu tượng trong nghệ thuật và văn minh Ấn]. Joseph Campbell biên tập. Tủ sách Bollingen, tập VI. [New York]: Pantheon Books, 1946.
- Zirus, Werner. *Ahasverus, der ewige Jude* [Ahasverus, người Do Thái vĩnh cửu]. Stoff- und Motivgeschichte der deutschen Literatur [Lịch sử chất liệu và lịch sử motif trong văn học Đức], 6. Berlin và Leipzig: W. de Gruyter & Co., 1930.

2. BÀI BÁO VÀ TẠP CHÍ

- Capus, A. "Contes, chants et proverbes des Basumbua dans l'Afrique orientale" [Truyện kể, bài hát và châm ngôn của người Basumbwa ở Đông Phi]. *Zeitschrift fur afrikanische und oceanische Sprachen* [Tạp chí nghiên cứu ngôn ngữ châu Phi và châu Đại Dương], tập 3 (1897).
- Chamberlain, B. H. "Ko-ji-ki: Records of Ancient Matters" [Cổ sự ký: Ghi chép về những việc cổ xưa], *Transactions of the Asiatic Society of Japan* [Ghi chép của Hội nghiên cứu Á châu Nhật Bản], tập 10, phụ trương (1883). (Bản lưu ở Trung tâm Opus là bản in lại của Hội nghiên cứu Á châu Nhật Bản, đánh số trang khác, 1906.)
- Coomaraswamy, Ananda Kentish. "Akimcanna: Self-Naughting" [Akimcanna: Trừ ngã]. *New Indian Antiquary* [Tân cổ học Ấn Độ],

tập 3 (1940). (In lại trong *Coomaraswamy: Selected Papers* [Tuyển tập bài viết Coomaraswamy], Tủ sách Bollingen, LXXXIX. Princeton University Press, Princeton, New Jersey, 1977.)

Coomaraswamy, Ananda Kentish. "A Note on the Stick Fast Motif" [Ghi chú về motif "dính chặt"], *Journal of American Folklore* [Tập chí folklore Hoa Kỳ], tập 57 (1944).

Coomaraswamy, Ananda Kentish. "On the One and Only Transmigrant" [Về người di thể duy nhất trên thế giới]. Phụ trương cho *Journal of the American Oriental Society* [Tập chí của Hội phương Đông Hoa Kỳ] (tháng Tư-Sáu 1944). (In lại trong *Coomaraswamy: Selected Papers*, 2, *Metaphysics* [Tuyển tập bài viết Coomaraswamy, 2, Siêu hình học], sđd.)

Coomaraswamy, Ananda Kentish. "Symbolism of the Dome" [Biểu tượng mái vòm]. *Indian Historical Quarterly* [Tập chí hàng quý về lịch sử Ấn Độ], tập 14 (tháng Ba 1938).

Coomaraswamy, L. "The Perilous Bridge of Welfare" [Cây cầu hiểm trở qua an lạc]. *Harvard Journal of Asiatic Studies* [Tập chí nghiên cứu Á châu Harvard], tập 8 (1944). (Bài viết của bà Luisa Coomaraswamy, vợ của Ananda Coomaraswamy, được ghi trong sách là D. L. Coomaraswamy.)

Emory, Kenneth. "The Tahitian Account of Creation by Mare" [Sự tích sáng thế Tahiti của Mare]. *Journal of the Polynesian Society* [Tập chí Hội nghiên cứu Đa Đảo], tập 47, số 2 (tháng Sáu 1938).

Emory, Kenneth. "The Tuamotuan Creation Charts by Paiore" [Sơ đồ sáng thế Tuamotua của Paiore]. *Journal of the Polynesian Society*, 48, số 1 (tháng Ba 1939): 1-29.

Espinosa, Aurelio. "A New Classification of the Fundamental Elements of the Tar-Baby Story on the Basis of Two Hundred and Sixty-seven Versions" [Một phép phân loại mới các yếu tố nền tảng trong chuyện Đứa bé nhựa thông dựa trên hai trăm sáu mươi bảy dị bản]. *Journal of American Folklore*, tập 56 (1943).

Espinosa, Aurelio. "Notes on the Origin and History of the Tar-Baby Story" [Ghi chú về nguồn gốc và lịch sử câu chuyện Đứa bé nhựa thông]. *Journal of American Folklore*, tập 43 (1930).

- Forke, Alfred. "Ko Hung, der Philosoph und Alchimist" [Cát Hồng, triết gia và nhà giả kim]. *Archiv für Geschichte der Philosophie* [Tư liệu lịch sử triết học], 41, số 1-2, (1932): 115-126.
- Meissner, Bruno. "Ein altbabylonisches Fragment des Gilgamesepos" [Một đoạn văn bản Babylon cổ đại từ sử thi Gilgamesh]. *Mitteilungen der Vorderasiatischen Gesellschaft* [Công bố của Hội nghiên cứu Cận Đông], tập 7, số 1 (1902).
- Salmony, Alfred. "Die Rassenfrage in der Indienforschung" [Vấn đề chủng tộc trong nghiên cứu Ấn Độ]. *Sozialistische Monatshefte* [Nguyệt san Xã hội chủ nghĩa], tập 8 (1926).
- Stein, Leon. "Hassidic Music" [Âm nhạc dòng Hasidim]. *Chicago Jewish Forum* [Diễn đàn Do Thái Chicago], tập 2, số 1 (1943).

3. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN VÀ ĐIỂN PHẠM TÔN GIÁO

ẤN GIÁO

[Campbell không phải là người thạo dịch tiếng Phạn, nhưng có hợp tác chặt chẽ với ba học giả ưu tú về mảng này. Trong khoảng thời gian viết cuốn *Người hùng mang ngàn gương mặt*, ông cũng biên tập các công trình và bài giảng chưa xuất bản của học giả Phạn ngữ Heinrich Zimmer khi ấy mới qua đời (1943), cũng như trao đổi thư từ với Ananda Kentish Coomaraswamy là Giám tuyển Nghệ thuật Á châu ở Bảo tàng mỹ thuật Boston. Ông cũng tư vấn cho bản dịch Upaniṣad (kèm lời bình của học giả Vedanta lừng danh là Śaṅkaracharya, hoạt động vào khoảng 800 CN) của Swami Nikhilananda thuộc Trung tâm Ramakrishna-Vivekananda, New York (New York: Harper, 1949-1959; Dover Publications in lại 2003).

Các bản dịch Upaniṣad khác có *Thirteen Principal Upanishads* [Mười ba Upaniṣad chính] của Robert Hume (ấn bản có chỉnh lý 1931; in lại 1983) và *The Principal Upanisads* [Các Upaniṣad chính] của Sarvepalli Radhakrishnan (New York, 1953, Atlantic Highlands in lại, New Jersey, 1992) - RB]

Āranyaka

Aitareya Āranyaka (Aitareyāranyaka). Câu trích có trong cước chú được cho là của Ananda Kentish Coomaraswamy trong *The King and the Corpse*, Heinrich Zimmer, sđd, tr. 48.

Brāhmana

Jaiminiya Upaniṣad Brāhmana (Jaiminiyabrāhmana Upaniṣadbrāhmana). Kinh này bình chú cho kinh Jaiminiyabrāhmana. Trích dẫn không rõ nguồn. [Một văn bản và bản dịch hơi khác của Hanns Örtel, “The Jaiminiya or Talavakāra Upaniṣad Brāhmana” (*Journal of the American Oriental Society*, tập 16, số 1, 1894), có xuất hiện trong tủ sách của Campbell, từng được Zimmer dẫn trong bài giảng tại Hội thảo Eranos năm 1938. - RB]

Mahābhārata

Bhagavad Gītā (Bhagavadgītā). Trích dẫn lấy từ *The Bhagavad Gita*, Swami Nikhilananda dịch (New York, 1944). [Phần dịch tiếng Việt có tham khảo thêm bản dịch *Bhagavad-Gītā nguyên nghĩa* của Trần Kim Thu từ bản tiếng Anh *Bhagavad-Gītā As It Is*, A. C. Bhaktivedanta Swami Prabhupāda dịch và bình chú, NXB Tôn giáo, 2010. - BT]

Purāṇa

Trích dẫn phần lớn lấy từ *Myths and Symbols in Indian Art and Civilization* của Heinrich Zimmer, sđd.

Upaniṣad

Bṛhadāranyaka Upaniṣad (Brhadaranyakopaniṣad). Trích dẫn lấy từ: *The Brihadaranyaka Upanishad. Translated by Swami Madhavananda* (Mayavati: Advaita Ashrama, 1934?).

Chāndogya Upaniṣad (Chāndogyopaniṣad). Trích dẫn lấy từ *Thirteen Principal Upanishads*, Robert Ernest Hume dịch và biên soạn (Oxford University Press, 1931).

Katha Upaniṣad (Kathopaniṣad). Lấy từ Hume.

Kauṣītaki Upaniṣad (Kauṣītakibrāmanopanisad). Lấy từ Hume. Ngoài ra có vài bản dịch khác.

Kena Upaniṣad (Kenopanisad). Trích dẫn lấy từ *Kena-Upanishad*, Swami Sharvananda dịch, Mylapore, Madras: Sri Ramakrishna Math, 1932.

Māṇḍūkya Upaniṣad (Māṇḍūkyopanisad), lấy từ Hume.

Mundaka Upaniṣad (Mundakopanisad), lấy từ Hume.

Taittirīya Upaniṣad (Taittirīyopanisad), lấy từ Hume.

PHẬT GIÁO

Jātaka (Chuyện tiền thân Đức Phật)

Trích dẫn lấy từ *Buddhism in Translations*, Henry Clarke Warren biên tập; và *Buddhist Parables* của Eugene Watson Burlingame. [Phần dịch tiếng Việt có tham khảo Chuyện tiền thân Đức Phật trong Tiểu Bộ Kinh, bản dịch của HT. Thích Minh Châu. - BT]

Sūtra (kinh)

[Các kinh Mahāyāna (Đại Thừa) đều dịch từ tiếng Phạn. Hiện có nhiều bản dịch, dù phần lớn dịch qua bản Hán văn có chút sai biệt với nguyên bản tiếng Phạn. Kinh Dhammapada dịch từ tiếng Pāli. - RB]

Amitāyur-dhyāna Sūtra (Amitāyurdhyānasūtra) [Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh]. Theo *Buddhist Mahāyāna Texts*, Max Müller biên tập. [Phần dịch tiếng Việt dựa trên bản dịch của HT. Thích Trí Tịnh từ bản Hán văn của Lưu Tống, Tam Cương Lương Gia Xá. - BT.]

Dhammapada [Pháp Cú Kinh]. Theo *The Dhammapada*, Max Müller biên tập và dịch. Oxford: Clarendon Press, 1881. In lại có chỉnh lý, Woodstock, Vermont, 2002.

Sukhāvatī-vyūha (Sukhāvatīvyūha) [Vô Lượng Thọ Kinh]. Theo *Buddhist Mahāyāna Texts*. [Phần dịch tiếng Việt lấy từ bản dịch của HT. Thích Đức Niệm và Cư sĩ Minh Chánh, dịch theo bản Hán văn do Hạ Liên Cư hội tập. - BT]

Prajñāpāramitā-hṛdaya Sūtra (Hṛdaya, Bát-nhã-ba-la-mật-đa Tâm Kinh). Theo *Buddhist Mahāyāna Texts*. [Câu trích tr. 172 bản tiếng Việt dựa trên bản phổ thơ của HT. Thích Nhất Hạnh. - BT]

Prajñāpāramitā-hṛdaya Sūtra bản ngắn. Theo *Buddhist Mahāyāna Texts*.
 Vajracchedikā (Kim Cương Kinh). Theo *Buddhist Mahāyāna Texts*. Gần
 đây có bản dịch mới của Edward Conze in trong *Buddhist Wisdom:
 Containing the Diamond Sutra and the Heart Sutra* [Minh triết Phật
 giáo: Gồm cả Kim Cương Kinh và Tâm Kinh] (New York, 2001).
 [Bài kệ tr. 186 bản tiếng Việt lấy theo bản dịch của Đoàn Trung
 Còn, Nguyễn Minh Tiến, NXB Tôn Giáo, 2006. - BT]
 [Trích đoạn Đức Phật nhập diệt tr. 384-87 lấy theo Kinh Đại Bát Niết Bàn
 từ bản dịch Trường Bộ Kinh của HT. Thích Minh Châu.
 Trích đoạn đại vũ trụ tan rã tr. 396-97 dựa trên bản dịch *Thanh tịnh đạo*
 (của Buddhaghosa tức Phật Âm) của ni sư Thích Nữ Trí Hải. Trong
Thanh tịnh đạo không có câu cuối về “Tiếng rền Chu kỳ”.
 Một số câu kinh khác đã thành châm ngôn ngắn gọn và quen thuộc
 trong tiếng Việt, không dựa vào bản nào cụ thể. - BT]

Tantra

Cakrasamvāra Tantra (Cakrasamvārat Tantra). Trích dẫn lấy từ
Shrichakrasambhara Tantra: A Buddhist Tantra, John Woodroffe biên
 tập. Kazi Dawa-Samdub dịch. (London, 1919; in lại New Delhi,
 1987.)

ĐẠO GIÁO

Đạo đức kinh, Lão Tử. Trích dẫn được cho là lấy từ *Laotzu's Tao and Wu
 Wei*, Dwight Goddard dịch (New York, 1919). [Đoạn trích tiếng
 Việt lấy từ bản dịch của Nguyễn Hiến Lê. - BT]

DO THÁI GIÁO

Midrash Rabbah, lời bình cho Sáng Thế Ký. Không rõ Campbell sử dụng
 nguồn nào. Có một bản dịch gần đây của Jacob Neusner, *Genesis
 Rabbah: The Judaic Commentary to the Book of Genesis* [Genesis
 Rabbah: Kinh bình chú Sáng Thế Ký của Do Thái giáo] (Atlanta,
 1985).

Zohar. Trích dẫn lấy từ C. G. Ginsburg, *The Kabbalah: Its Doctrines,
 Development, and Literature* (London, 1920); cả từ MacGregor

Mathers, *Kabbala Denudata, the Kabbalah Unveiled*, sử dụng cách chia câu khác với bản tiêu chuẩn.

CƠ ĐỐC GIÁO

Kinh Thánh. Bản được trích dẫn là bản King James. [Bản dịch tiếng Việt dựa trên bản Kinh thánh tiếng Việt 1925, sửa lại phần phiên âm các tên riêng theo tiếng Anh và điều chỉnh một số thuật ngữ cho phù hợp với phần còn lại của văn bản - BT.]

Sách lễ Công giáo hằng ngày. Đây hẳn là bản *Saint Andrew Daily Missal, by Dom Gaspar Lefebvre O. S. B. of the Abbey of S. André* (Bruges, Bỉ: Tu viện thánh André; Saint Paul, Minnesota: E. M. Lohmann Co., 1943?).

Thứ kinh Tin Mừng theo thánh Matthew. Không rõ ấn bản.

Sách lễ Rôma. Không rõ ấn bản.

HỒI GIÁO

Koran. Trích dẫn có vẻ khớp với văn bản trong *The Holy Qur-An: Text, Translation and Commentary*. Abdullah Yusuf Ali dịch (New York, 1946?). [Bản tiếng Việt lấy theo *Thiên Kinh Qur'an và Bản dịch ý nghĩa nội dung bằng Việt ngữ*, do Hassan Bin Abdul Karim chuyển ngữ với sự cộng tác của Abdul Halim Ahmed, Trung tâm ấn loát quốc vương Fahad về việc xuất bản Thiên Kinh Qur'an phát hành, Madina, Ả Rập Saudi. - BT]

4. CÁC TÁC PHẨM KHÔNG NÓI RÕ ẤN BẢN

Anthologia Graeca ad Fidem Codicis [Hợp tuyển Hy Lạp], tập II.

Apollonios đảo Rhodes (Apollonius Rhodius). *Argonautika*.

Blake, William. *The Marriage of Heaven and Hell* [Hôn nhân giữa thiên đường và địa ngục].

Carlyle, Thomas. *On Heroes, Hero-Worship, and the Heroic in History* [Về người hùng, sự sùng bái anh hùng, và tính anh hùng trong lịch sử].

Epiphanius. *Adversus Heareses* [Chống bọn tà đạo] (có trích Thứ kinh Tin Mừng theo Eve).

Euripides. *The Bacchae* [Đám thờ thần Bacchus] (Gilbert Murray dịch).

Flaubert, Gustave. *La tentation de Saint Antoine* [Cuộc cám dỗ thánh Antôn].

Gesta Romanorum [Công tích người La Mã].

Grimm's *Fairy Tales* [Truyện cổ Grimm]. "The Frog King" [VuaẾch].
[Trích dẫn của Campbell không khớp với văn bản trong ấn bản 1944 của Pantheon lần bản dịch Hunt xưa hơn. Rất có thể ông tự dịch từ một ấn bản tiếng Đức. - RB]

Heraclitus (các khúc đoạn).

Hesiod. *Theogony* [Phả hệ các thần].

Irving, Washington. "Rip van Winkle". Truyện trong *The Sketch Book* [Tập phác họa của Geoffrey Crayon].

Jeffers, Robinson. *Cawdor*. Bản quyền 1928.

Kant, Immanuel. *Critique of Pure Reason* [Phê phán lý tính thuần túy].

Longfellow, Henry Wadsworth. *The Song of Hiawatha* [Bài ca Hiawatha].

Martial. *Epigrams* [Cách ngôn] (ấn bản Loeb Library).

Nietzsche, Friedrich. *Thus Spake Zarathustra* [Zarathustra đã nói như thế].

Plato. *Symposium* [Yến hội].

Plutarch. "Themistocles". [Nằm trong *Những cuộc đời song hành*. - BT]

Rumi. *Mathnawi*.

Shakespeare. *Hamlet*.

Sophokles. *Oedipus Coloneus* [Oedipus ở Colonus].

Sophokles. *Oedipus Tyrannus* [Oedipus Bạo chúa].

Thomas Aquinas. *Summa Contra Gentiles* [Tổng luận chống dân ngoại].

Thompson, Francis. *The Hound of Heaven* [Con chó săn nhà trời].

Vergilius. *Aeneid*.

Voragine, Jacobus de. *The Golden Legend* [Truyền thuyết vàng]. Cuốn tổng hợp chuyện đời các thánh thời trung đại rất uy tín này không được nêu rõ ấn bản nào. Campbell có một bản tiếng Pháp năm 1925 với nhan đề *La légende dorée, traduite du latin par Teodor de Wyzewa* [Truyền thuyết vàng, do Téodor de Wyzewa dịch từ tiếng Latin] (Paris: Perrin, 1925).

DANH MỤC MINH HỌA

- tr 16 Hình 1. *Medusa* (khắc đá cẩm thạch, thời La Mã, Ý, không rõ niên đại). Cung Rondanini, Roma. Thuộc bộ sưu tập của bảo tàng Glyptothek, Munich. Ảnh lấy từ *Denkmäler griechischer und römischer Sculptur* [Di tích điêu khắc Hy-La] của H. Brunn và F. Bruckmann, Verlagsanstalt für Kunst und Wissenschaft [Nhà xuất bản nghệ thuật và khoa học], Munich, 1888-1932.
- tr 21 Hình 2. *Vişnu nằm mơ ra vũ trụ* (phù điêu đá, Ấn Độ, khoảng 400-700). Đền Dasavatara (Đền Mười hóa thân). Deogarh, Trung Ấn. Viện khảo cổ học Ấn Độ. Ảnh do bà A. K. Coomaraswamy cung cấp.
- tr 29 Hình 3. *Các thần rừng mình ngựa và các cô gái thờ thần rượu* (vò hai quai hình đen, thời Hy Lạp hóa, Sicily, khoảng 500-450 TCN). Tìm thấy trong mộ tại Gela, Sicily. *Monumenti Antichi, pubblicati per cura della Reale Accademia dei Lincei* [Di tích cổ đại, ấn hành bởi Viện Mất Linh Miêu Hoàng Gia], tập XVII, Milan, 1907, tờ ảnh XXXVII.
- tr 35 Hình 4. *Diệt trừ Minotauros* (vò hình đỏ, Hy Lạp, khoảng 470 TCN). Trong hình này Theseus giết Minotauros bằng guom ngắn; các hình vẽ trên bình thường theo phiên bản này. Các bản truyện kể thì cho biết người hùng dùng tay trần. *Collection des vases grecs de M. le Comte de Lamberg, expliquée et publiée par Alexandre de la Borde* [Bộ sưu tập bình Hy Lạp của Bá tước Lamberg, Alexandre de la Borde chú giải và xuất bản], Paris, 1813, tờ ảnh XXX.
- tr 39 Hình 5. *Lễ lửa của Thần đạo* (hình do Joseph Campbell chụp, Nhật Bản, 1956). [Ngày 21 tháng Năm 1956, Campbell dự lễ này tại Kyoto, Nhật Bản, dưới sự điều hành của một nhóm *Yamabushi*

- (thầy pháp trên núi). Tìm hiểu thêm về sự kiện này trong một cuốn khác của Joseph Campbell, *Sake and Satori: Asian Journals-Japan* [Rượu và giác ngộ: Nhật ký châu Á-Nhật Bản], Novato, California: New World Library, 2002, tr. 119-26. - JCF.] © Quỹ Joseph Campbell (www.jcf.org).
- tr 45** Hình 6. *Người hàng phục quái vật* (cẩn xà cừ và lam ngọc, văn minh Sumer, Iraq, khoảng 2650-2400 TCN). Hình người ở giữa nhiều khả năng là Gilgamesh. [Đây là khung tranh trên cùng một bảng tranh gắn trên thùng cây đàn lyre trang trí, được Sir Leonard Woolley phát hiện trong “Mộ hoàng gia” ở Ur. - JCF.] Ảnh do Bảo tàng khảo cổ học và nhân học Đại học Pennsylvania, Philadelphia cung cấp.
- tr 48** Hình 7. *Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội Bồ Đề* (phù điêu đá diệp thạch, Ấn Độ, khoảng cuối thế kỷ 9 đầu thế kỷ 10). Bộ sưu tập mỹ thuật Á châu của ông bà John D. Rockefeller III. Hội nghiên cứu Á châu.
- tr 58** Hình 8. *Yggdrasil, Cây Thế Giới* (tranh khắc acid, Scandanavia, đầu thế kỷ 19). Richard Folkard, *Plant Lore, Legends and Lyrics* [Truyện kể, truyền thuyết và thi ca về cây] (khoảng 1844), dẫn theo Finnur Magnusson, “The World Tree of the Edda” [*Cây thế giới trong kinh Edda*], *Eddalæren og dens Oprindelse, book III* [Giáo thuyết trong Edda và nguồn gốc của nó, tập III] (1825).
- tr 62** Hình 9. *Rốn Thế Giới* (bát rượu vàng, Thracia, Bulgaria, thế kỷ 4-3 TCN). Thuộc vào “Kho báu Panagyurishte”. Bảo tàng khảo cổ, Plovdiv, Bulgaria. Erich Lessing/ Art Resource, New York.
- tr 66** Hình 10. *Psyche vào vườn của Cupid* (son dầu trên vải bố, Anh, 1903). John William Waterhouse (1849-1917). © Bảo tàng và phòng trưng bày Harris, Preston, Lancashire, Anh. Thư viện mỹ thuật Bridgeman.
- tr 70** Hình 11. *Apis trong hình hài bò đưa người chết là Osiris xuống âm ty* (tranh khắc gỗ, Ai Cập, khoảng 700-650 TCN). Hình từ quan tài Ai Cập trong Bảo tàng Anh. [Trong *Người hùng bản đầu tiên*, Campbell theo Budge nhằm con bò là Osiris. Apis là con trai Hathor, có nhiệm vụ bảo hộ người chết mới bắt đầu cuộc

du hành tới kiếp sau. Theo Diana Brown ở Đại học Edinburgh: “Các hình trên đầu là biểu tượng sự thống nhất Hai Vùng Đất - bông sen là Thượng Ai Cập và cây cói giấy là Hạ Ai Cập. Các đường sóng dưới cùng mà con bò giẫm lên là biểu tượng cho nước. Trong thời cổ Ai Cập, bầu trời (Nut) được quan niệm là một vùng nước mênh mông. Vì thế con bò Apis đang mang hình tượng Osiris trên trời. Con bò được đồng nhất với lực sáng tạo và tái sinh mà nhờ đó người chết được biến hình thành Osiris là một hiện hữu siêu nhiên.” - JCF.] E. A. Wallis Budge, *Osiris and the Egyptian Resurrection* [Osiris và phục sinh trong văn hóa Ai Cập], London: Philip Lee Warner; New York: G. P. Putnam’s Sons, 1911, tập I, tr. 13.

- tr 72** Hình 12. *Isis trong hình hài chim ưng tới bên Osiris dưới âm ty* (chạm nổi, thời Ptolemaios, Ai Cập, khoảng thế kỷ 1 Công nguyên). Đây là khoảnh khắc hoài thai Horus, người sẽ đóng vai trò quan trọng trong quá trình phục sinh người cha. (So sánh Hình 47.) Trích từ một series tranh chạm nổi trên tường đền Osiris ở Dendera, minh họa các kịch thần bí được diễn hằng năm trong thành phố để tôn vinh thần. E. A. Wallis Budge, *Osiris and the Egyptian Resurrection*, sdd, tập II, tr. 28.
- tr 79** Hình 13. *Apollo và Daphne* (khắc ngà, dân Copt, Ai Cập, thế kỷ 5). Bảo tàng quốc gia, Ravenna, Ý. Scala/ Art Resource, New York.
- tr 88** Hình 14. *Đá tảng nghiêng nát, lau sậy cửa cắt* (tranh cát, Navaho, Bắc Mỹ, 1943). [Lưu ý chiếc lông thần bên trái: hình chữ nhật đen bé tí ở trong tượng trưng cho hai anh em sinh đôi được đưa an toàn qua nguy hiểm. - JCF.] Bản sao lại một bức tranh cát gốc của Jeff King. Lấy từ *Where the Two Came to the Father: A Navaho War Ceremonial* của Maude Oakes và Joseph Campbell, sdd, tờ ảnh III.
- tr 90** Hình 15. *Vergilius dẫn lối cho Dante* (mực trên giấy da, Ý, thế kỷ 14). Dante và Vergilius đi vào một pháo đài có cú đậu trên đầu; trích từ *Hòa ngục* của Dante Alighieri (1265-1321) (giấy da), Trường phái Ý (thế kỷ 14). Bảo tàng Condé, Chantilly, Pháp. Giraudon/Thu viện mỹ thuật Bridgeman.

- tr 96** Hình 16. *Odysseus và mỹ nhân điểu* (chi tiết trên bình trắng hình đĩa sắc, Hy Lạp, thế kỷ 5 TCN). Nay ở Bảo tàng trung tâm, Athenai. Eugénie Sellers, “Three Attic Lekythoi from Eretria” [Ba bình một quai Attica từ Eretria], *Journal of Hellenic Studies* [Tập chí nghiên cứu thời Hy Lạp hóa], tập XIII, 1892, tờ ảnh I.
- tr 104** Hình 17. *Baal cầm ngọn giáo sét* (bia đá vôi, Assyria, thế kỷ 15-13 TCN). Tìm thấy tại vệ thành ở Ras Shamra (thành cổ Ugarit). Bảo tàng Louvre. Thư viện mỹ thuật Bridgeman.
- tr 108** Hình 18. *Saturn nuốt con mình* (son dầu trên vữa, được đưa qua vải bố, Tây Ban Nha, 1819). Francisco Jose de Goya y Lucientes (1746-1828). Nằm trong bộ “Tranh Đen” của Goya. Bảo tàng Prado, Madrid, Tây Ban Nha. Erich Lessing/Art Resource, New York.
- tr 110** Hình 19. *Môn thần canh gác ngưỡng cửa, cầm chùy sét* (tượng gỗ son, Nhật Bản, 1203), Unkei (mất 1223). *Kongō-rikishi* (Kim cang lục sĩ, tiếng Phạn là *Vajrapāṇi*, “người cầm kim cang chùy”), những người canh giữ ngưỡng khổng lồ đứng hai bên Nam Đại Môn chùa Tōdai-ji (Đông Đại Tự) thờ Đức Mahāvairocana (*Dainichi-nyorai* tức Đại Nhật Như Lai). Nara, Nhật.
- tr 112** Hình 20. *Jason quay về* (vò hình đỏ, văn minh Etrusca, Ý, khoảng 470 TCN). Trên vò tìm thấy ở Cerveteri, được cho là của Douris vẽ, hiện nay thuộc bộ sưu tập văn minh Etrusca của Vatican, Roma. Theo ảnh chụp của D. Anderson. Đây là một cách nhìn cuộc phiêu lưu của Jason không xuất hiện trong truyền thống truyện kể. “Người thợ vẽ bình dường như đã nhớ, một cách kỳ lạ và ám ảnh, rằng kẻ diệt rồng cũng là hậu duệ của rồng. Người ấy đang được tái sinh lần nữa từ họng rồng.” (Jane Harrison, *Themis*, sđd, 1927, tr. 435). Bộ Lông Cừ Vàng vắt trên cây. Athena, thần bảo hộ các người hùng, mang theo con cú của thần đứng bên. Lưu ý đầu Gorgon trên khiên của thần (so sánh Hình 1).
- tr 114** Hình 21. *Thánh Antôn chịu cám dỗ* (tranh khắc bản đồng, Đức, khoảng 1470). Martin Schongauer (khoảng 1448-1491). © Ban quản trị Bảo tàng Anh.

- tr 117** Hình 22. *Psyche và Charon* (son dầu trên vải bố, Anh, khoảng 1873). John Roddam Spencer Stanhope (1829-1908). Bộ sưu tập tư, Mỹ thuật Roy Miles. Thư viện mỹ thuật Bridgeman.
- tr 126** Hình 23. *Mẹ của các thần* (tượng gỗ, dân Egba-Yoruba, Nigeria, không rõ niên đại). Odudua mang thần chiến tranh và sắt Ogun sơ sinh trên gối. Chó là con vật thiêng của Ogun. Một thị tông tâm vóc con người đang chơi trống. Bảo tàng Horniman, London. Ảnh lấy từ Michael E. Sadler, *Arts of West Africa* [Nghệ thuật Tây Phi], Viện ngôn ngữ và văn hóa Phi châu quốc tế, Oxford Press, London: Humphrey Milford, 1935.
- tr 129** Hình 24. *Diana và Actaeon* (mặt tường cẩm thạch, thời Hy Lạp hóa, Sicily, khoảng 460 TCN). Actaeon bị đám chó săn nhai nuốt trong lúc Diana đứng trông. Mặt tường trong Đền E tại Selinus, Sicily. Bảo tàng khảo cổ, Palermo, Sicily, Ý. Scala/Art Resource, New York.
- tr 133** Hình 25. *Kālī nhai nuốt người* (tượng gỗ, Nepal, thế kỷ 18-19). London: Bảo tàng Victoria và Albert, khu Ấn Độ.
- tr 138** Hình 26. *Vierge Ouvrante* (Đức Mẹ đồng trinh mở) (gỗ đa sắc, Pháp, thế kỷ 15). Bảo tàng Trung đại và Nhà tắm công cộng cổ quốc gia, Paris. Giraudon/Thư viện mỹ thuật Bridgeman.
- tr 146** Hình 27. *Sáng thế* (bích họa, Ý, 1508-1512). Michelangelo Buonarroti (1475-1564), Roma, nhà nguyện Sistina: “Tạo ra mặt trăng mặt trời” (hình đã phục chế). Liên hiệp bảo tàng và phòng trưng bày Vatican, Vatican City, Ý. Erich Lessing/Art Resource, New York.
- tr 148** Hình 28. *Śiva trong Diệu Nhảy Vũ Trụ* (đúc đồng, Ấn Độ, khoảng thế kỷ 10-12). Bảo tàng Madras, Madras, Ấn Độ. Ảnh lấy từ Auguste Rodin, Ananda Coomaraswamy, E. B. Havell, Victor Goloubey, *Sculptures Çivaïtes de l’Inde* [Tượng Śiva ở Ấn], Ars Asiatica [tủ sách Nghệ thuật châu Á] III. Brussels và Paris: G. van Oest et Cie., 1921.
- tr 155** Hình 29. *Phaëthon rơi* (mực trên giấy da, Ý, 1533). Michelangelo Buonarroti. [Trên cao, Jupiter cuối đại bàng liệng sét xuống Phaëthon, con trai Apollo, vừa đòi được đánh cổ xe mặt

trời. Jupiter tiêu diệt Phaëthon để cứu mặt đất. Bên dưới là ba nàng con gái Mặt Trời, chị em của cậu, khóc lóc và biến thành cây dương. Thần sông Eridanus (sông Po) nằm dưới, Phaëthon rơi vào sông ấy. Từ *Biến thể* của Ovid. - JCF] © Bảo tàng Anh.

- tr 163** Hình 30. *Phù thủy* (tranh khắc trên vách đá và bôi sơn đen, thời Đồ đá cũ, Pháp, khoảng 10.000 TCN). Chân dung thầy mo đầu tiên còn để lại, khoảng 10.000 năm TCN, trong hang “Ba anh em” thời Aurignac-Madeleine tại Ariège, Pháp. George Armstrong vẽ lại. Trích từ Joseph Campbell, *The Flight of the Wild Gander* [Chuyến bay của con ngỗng hoang]. Novato, California: New World Library, 2002, Hình 5.
- tr 166** Hình 31. *Cha Vũ Trụ Viracocha đang khóc* (đồng thau, thời tiền Inca, Argentina, khoảng 650-750). Hình trang trí tìm thấy tại Andalgala, Catamarca, Tây Bắc Argentina, tạm thời xác định là vị thần thời tiền Inca Viracocha. Trên đầu là vành mặt trời có tia, hai tay cầm sét, nước mắt chảy xuống từ hai mắt. Hai sinh vật trên vai có lẽ là Imaymana và Tacapu, hai con trai và sứ giả của Viracocha trong lối thú. Ảnh lấy từ *The Proceedings of the International Congress of Americanists* [Kỷ yếu hội nghị nghiên cứu châu Mỹ quốc tế], tập XII, Paris, 1902.
- tr 171** Hình 32. *Bồ tát* (phước trong đền, Tây Tạng, thế kỷ 19). Bồ tát này tên là Ushnīshasitāpatrā, xung quanh là chư Phật và chư Bồ tát, có một trăm mười bảy cái đầu, biểu tượng của quyền năng của bà trong rất nhiều cõi giới. Bàn tay trái bà cầm Lọng Thế Giới (*axis mundi*) còn tay phải cầm Pháp Luân (*dharma-cakra*). Bên dưới vô vàn bàn chân thiêng của Bồ tát là những người nào trên thế giới đã cầu mong có được Giác ngộ, còn ở dưới cùng, dưới bàn chân ba vị “nội thần” là những kẻ vẫn còn bị hành hạ bởi ái dục, sân hận, si tưởng đang nằm. Mặt trăng mặt trời ở hai góc trên cùng là biểu tượng của phép mầu hôn phối - hay đồng nhất - vĩnh cửu và thời gian, Niết Bàn và thế giới (xem tr. 183 trở đi). Các lạt ma ở chính giữa trên cùng là dòng truyền thừa chính thống các giáo sĩ Tây Tạng rao giảng giáo pháp thể hiện

trong bức phước này. Bảo tàng lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ, thành phố New York cung cấp.

- tr 174** Hình 33. *Avalokiteśvara, Quán Âm Bồ tát* (tượng gỗ sơn, Trung Hoa, thế kỷ 11-13).
- tr 176** Hình 34. *Tổ tiên lương tính* (tượng gỗ, Mali, thế kỷ 20). Tượng gỗ từ vùng Bandiagara, Sudan thuộc Pháp [nay là Mali - JCF]. Bộ sưu tập của Laura Harden, thành phố New York. Ảnh của Walker Evans chụp, Bảo tàng nghệ thuật hiện đại, thành phố New York cung cấp.
- tr 188** Hình 35. *Bồ Đề Đạt Ma* (tranh lụa, Nhật Bản, thế kỷ 16). Bồ Đề Đạt Ma (mất khoảng 532 CN), ở Nhật gọi là Daruma, sinh ở Ấn Độ, là vị sơ tổ dòng Thiền tông truyền bá tới Trung Hoa. Đồn rằng tổ đã ngồi thiền định chín năm trong hang, liệt cả tứ chi. Thiền (Zen) trở nên thịnh hành ở Nhật vào thế kỷ 13. Từ thời này trở đi, các vị thiền sư Nhật bắt đầu họa chân dung Daruma bằng mực nước nhằm đạt tới giác ngộ (*satori*). © Bảo tàng Anh.
- tr 189** Hình 36. *Trà đạo: nhà không* (hình do Joseph Campbell chụp, Nhật Bản, 1958). [Geisha và kỹ nữ tập sự dâng trà, Tokyo, Nhật. Campbell dự buổi này trong dịp tham dự Hội nghị lịch sử tôn giáo quốc tế. - JCF] © Quỹ Joseph Campbell.
- tr 191** Hình 37. *Lingam-Yonī* (tượng đá, Việt Nam, khoảng thế kỷ 9). Tìm thấy ở thánh địa Cát Tiên, Lâm Đồng, Việt Nam.
- tr 192** Hình 38. *Kālī đứng giạng chân trên Śiva* (bột màu trên giấy, Ấn Độ, không rõ niên đại). Bộ sưu tập tư nhân.
- tr 198** Hình 39. *Isis đưa bánh mì và nước cho linh hồn* (Ai Cập, không rõ niên đại). E. A. Wallis Budge, *Osiris and the Egyptian Resurrection*, sđd, tập II, tr. 134.
- tr 201** Hình 40. *Brahmā, Viṣṇu và Śiva cùng vợ* (tiểu họa màu, Ấn Độ, đầu thế kỷ 19). Tam thần Ấn giáo Brahmā, Viṣṇu và Śiva cùng vợ (Sarasvatī, Lakṣmī, Parvatī). Trường hội họa của công ty Đông Ấn, miền Nam Ấn (tỉnh Madras, đầu thế kỷ 19 nhưng trước 1828). Bảo tàng Victoria và Albert, London, Anh. Art Resource, New York.
- tr 206** Hình 41. *Hàng phục quái vật: David và Goliath • Nổi khổ dưới*

- địa ngục • *Samson và su tử* (bản khắc, Đức, 1471). Một trang trong *Biblia Pauperum* [Kinh Thánh cho người nghèo], bản tiếng Đức, 1471, cho thấy những tiên báo trong Cựu ước về hành trạng của Jesus sau này. So sánh Hình 50. Ấn bản của Weimar Gesellschaft der Bibliophilen [Hội yêu sách Weimar], 1906.
- tr 208** Hình 42. *Cây trường sinh* (tranh chạm nổi bằng thạch cao tuyệt hoa, Assyria, khoảng 885-860 TCN). Tranh tường trong cung điện Ashurnasirapal II, vua Assyria, tại Kalhu (nay là Nimrud). Bảo tàng mỹ thuật thành phố New York cung cấp.
- tr 211** Hình 43. *Bồ tát* (tượng đá, Campuchia, thế kỷ 12). Mảnh vỡ từ di chỉ Angkor. Hình Phật trên đỉnh đầu là một dấu hiệu điển hình của Bồ tát (so sánh Hình 32 và 33; trong Hình 32, hình Phật ngự trên cùng chuỗi các đầu). Bảo tàng Guimet, Paris. Tranh lấy từ *Angkor*, editions "Tel", Paris, 1935.
- tr 216** Hình 44. *Đứa con hoang đang trở về* (son dầu trên vải bố, Hà Lan, 1662). Bảo tàng Hermitage, St. Petersburg. *The Yorck Project: 10.000 Meisterwerke der Malerei* [Dự án Yorck: 10000 bức đại danh họa]. DVD-ROM, 2002.
- tr 220** Hình 45a. *Một trong ba chị em Gorgon truy đuổi Perseus đang chạy trốn cùng cái đầu Medusa* (vò hai quai hình đỏ, Hy Lạp, thế kỷ 5 TCN). Perseus vũ trang cây dao quắm do Hermes trao tặng, tới gần ba chị em Gorgon đang ngủ, cắt lấy đầu Medusa cho vào túi và bỏ trốn bằng đôi dép thần có cánh. Trong các bản truyện kể, người hùng đã chạy thoát mà không bị phát hiện nhờ chiếc mũ tàng hình, tuy nhiên ở đây ta thấy một trong hai Gorgon còn sống đang đuổi theo. Từ bộ sưu tập của Bảo tàng cổ vật Munich. Adolf Furtwängler, Friedrich Hauser và Karl Reichhold, *Griechische Vasenmalerei* [Tranh trên bình Hy Lạp], Munich, F. Bruckmann, 1904-1932, tờ ảnh 134.
- tr 221** Hình 45b. *Perseus chạy trốn mang theo đầu của Medusa trong túi* (vò hai quai hình đỏ, Hy Lạp, thế kỷ 5 TCN). Hình này và hình trước nằm ở hai mặt cùng một chiếc vò, tạo nên hiệu ứng sống động và tức cười. (Xem Furtwängler, Hauser và Reichhold, sđd, tập III, Text, tr. 77, Hình 39.)

- tr 223** Hình 46. *Caridwen trong dạng chó săn thả đuổi theo Gwion Bach trong hình hài thổ rừng* (in thạch bản, Anh, 1877). Phu nhân Charlotte Guest, “*Taliesin*”, *The Mabinogion*, bản in lần thứ hai, 1877, tập III, tr. 493.
- tr 230** Hình 47. *Osiris phục sinh* (tranh khắc đá, thời Ptolemaois, Ai Cập, khoảng 282-145 TCN). Thần trời dậy từ quả trứng; Isis (con chim ưng trong Hình 12) giương cánh che chở trứng. Horus (đứa con hoài thai trong cuộc Hôn Phối Thiêng Hình 12) cầm biểu tượng Ankh, dấu hiệu của sự sống, giơ trước mặt cha. Trích từ tranh khắc ở Philae. E. A. Wallis Budge, *Osiris and the Egyptian Resurrection*, sđd, tập II, tr. 58.
- tr 234** Hình 48. *Amaterasu từ hang trời đi ra* (tranh mộc bản, Nhật Bản, 1860). Utagawa Kunisada (1785-1864). Bảo tàng Victoria và Albert, London. Art Resource, New York.
- tr 237** Hình 49. *Nữ thần sống lại* (phù điêu cẩm thạch, Ý/Hy Lạp, khoảng 460 TCN). [Phù điêu cẩm thạch này là mặt lưng một chiếc ghế dài, tìm được vào năm 1888 trên một mảnh đất từng thuộc về biệt thự Ludovisi, do đó mang tên Ngai Ludovisi. Có lẽ là sản phẩm tạo tác Hy Lạp thời kỳ đầu. - JCF.] Bảo tàng quốc gia, Roma. Ảnh chụp: *Antike Denkmäler*, herausgegeben vom Kaiserlich Deutschen Archaeologischen Institut [Di tích cổ đại, xuất bản bởi Viện khảo cổ để chế Đức], Berlin: Georg Reimer, tập II, 1908.
- tr 240** Hình 50. *Người hùng trở về: Samson mang theo cửa đền • Đấng Christ sống lại • Jonah* (bản khắc, Đức, 1471). Một trang trong *Biblia Pauperum*, bản tiếng Đức, 1471, cho thấy những tiên báo trong Cựu ước về hành trạng của Jesus sau này. So sánh Hình 41. Ấn bản của Weimar Gesellschaft der Bibliophilen, 1906.
- tr 255** Hình 51. *Kṛṣṇa dẫn Arjuna vào trận chiến* (bột màu trên giấy bìa, Ấn Độ, thế kỷ 18). Ảnh của Iris Papadopoulos. Bảo tàng mỹ thuật Á châu, Bảo tàng quốc gia Berlin, Berlin, Đức. Bildarchiv Preussischer Kulturbesitz/Art Resource, New York.
- tr 259** Hình 52. *Nữ thần sư tử vũ trụ, cầm mặt trời* (thủ bản tờ rời, Ấn Độ, thế kỷ 18). Thư viện Pierpont Morgan, thành phố New York cung cấp.

- tr 261** Hình 53. *Hình nhân vũ trụ của Kỳ Na giáo* (bột màu trên vải, Ấn Độ, thế kỷ 18). Rajasthan. Hình ảnh về thế giới của Kỳ Na giáo trong hình tượng một vị nữ thần to lớn.
- tr 274** Hình 54. *Suối nguồn sự sống* (tranh trên gỗ, Flanders, khoảng 1520). Bức giữa trong bộ tam bình của Jean Bellegambe (Douai). Người phụ nữ đang trợ giúp ở bên phải, đội con tàu chiến nhỏ trên đầu, là Hy vọng; người ở bên trái là Tình yêu. Cung mỹ thuật Lille cung cấp.
- tr 278** Hình 55. *Đá mặt trời của người Aztec* (khắc đá, Aztec, Mexico, 1479). Tenochtitlán, Mexico. Bảo tàng nhân học và lịch sử quốc gia, Mexico City D. F., Mexico. Thư viện mỹ thuật Bridgeman.
- tr 289** Hình 56. *Hình nhân vũ trụ của Kỳ Na giáo - Chi tiết bánh xe vũ trụ* (bột màu trên vải, Ấn Độ, thế kỷ 18). Chi tiết phần trung tâm trong Hình 53. Campbell nhận định về hình này: “Ở khoảng eo hình nhân vũ trụ vĩ đại... bước đi của thời gian được đánh dấu bằng chu kỳ mười hai chặng mãi mãi trở đi trở lại đã nhắc đến ở trên, những hóa thân mà chúng ta ai cũng đều đã đi qua nhiều lần và hiện giờ vẫn đang đi tiếp.” Joseph Campbell, *The Masks of God* [Các mặt nạ của Thượng đế], tập II, *Oriental Mythology* [Thần thoại phương Đông]. New York: Arcana, 1991, tr. 225. [Xem khảo sát của Campbell đi sâu vào vũ trụ quan Kỳ Na giáo trong *Oriental Mythology*, tr. 218-34. - JCF.]
- tr 292** Hình 57. *Makroprosopos* (bản khắc, Đức, 1684). Christian Knorr von Rosenroth, *Kabbala Denudata*, Frankfurt-am-Main, 1684.
- tr 298** Hình 58. *Tangaroa tạo ra các thần và con người* (tượng gỗ, đảo Rurutu, đầu thế kỷ 18). Đa Đảo. Từ nhóm đảo Tubuai (Austral) ở Nam Thái Bình Dương. Bảo tàng Anh cung cấp.
- tr 300** Hình 59. *Sơ đồ sáng thế của dân Tuamotua - Bên dưới: Trứng vũ trụ. Bên trên: Người xuất hiện, và tạo hình cho vũ trụ* (Tuamotua, thế kỷ 19). Kenneth P. Emory, “The Tuamotuan Creation Charts by Paiore”, sdd.
- tr 307** Hình 60. *Tách trời và đất* (Ai Cập, không rõ niên đại). Hình tượng quen thuộc trong quan tài và quyển giấy cói Ai Cập. Thần không khí Shu-Heka tách rời Nut và Geb theo lệnh Ra,

- người muốn cặp song sinh loạn luân ở xa nhau. Đây là thời điểm sáng thế. F. Max Müller, *The Mythology of All Races*, tập XII: Ai Cập, Boston: Marshall Jones Company, 1918, tr. 44.
- tr 309** Hình 61. *Giết Ymir* (in thạch bản, Đan Mạch, 1845).
- tr 312** Hình 62. *Quái vật hỗn mang và thần mặt trời* (phù điêu thạch cao tuyết hoa, Assyria, 885-860 TCN). Hình minh họa trên tường từ cung điện của Ashurnasirapal II (885-860 TCN), vua xứ Assyria, ở Kalhu (nay là Nimrud). Đây có lẽ là Assur, vị thần bảo hộ dân tộc, đóng vai trò trước kia là của Marduk thần của Babylon và trước nữa là Enlil, thần bão Sumer. Ảnh chụp lại tranh khắc trong Austen Henry Layard, *Monuments of Nineveh* [Di tích Nineveh], bộ thứ hai, London: J. Murray, 1853. Mảng tường ban đầu, hiện đang bảo quản tại Bảo tàng Anh, đã bị hư hoại đến nỗi ảnh chụp lên không thể thấy rõ hình ảnh. Phong cách vẽ trong hình này giống với Hình 42.
- tr 316** Hình 63. *Khnemu nặn hình con trai Pharaoh trên bàn xoay gốm trong khi Thoht đánh dấu tuổi đời* (giấy cói, thời Ptolemaois, Ai Cập, khoảng thế kỷ 3-1 TCN). E. A. Wallis Budge, *The Gods of the Egyptians*, sđd, tập II, tr. 50.
- tr 318** Hình 64. *Edshu, thần chơi khăm* (tượng gỗ, vỏ ốc và da; Yoruba; Nigeria; thế kỷ 19-đầu 20). Bộ sưu tập tư, Paul Freeman. Thư viện mỹ thuật Bridgeman.
- tr 320** Hình 65. *Tlazolteotl sinh con* (tượng aplite cần ngọc hồng lựu, Aztec, Mexico, cuối thế kỷ 15-đầu 16). Ảnh chụp, theo Hamy, do Bảo tàng lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ, thành phố New York cung cấp.
- tr 322** Hình 66. *Nut (bầu trời) sinh ra mặt trời; các tia rọi lên Hathor ở chân trời (tình yêu và sự sống)* (tranh khắc đá, thời Ptolemaois, Ai Cập, khoảng thế kỷ 1 TCN). Hình cầu bên miệng nữ thần là mặt trời buổi tối, sắp được nuốt vào để rồi lại tái sinh. [Lấy từ “Nhà nguyện năm mới” trong đền thờ nữ thần Hathor, Dendera, Ai Cập. Xây dựng vào khoảng thế kỷ 1 TCN. - JCF] E. A. Wallis Budge, *The Gods of the Egyptians*, sđd, tập I, tr. 101.
- tr 330** Hình 67. *Vua Mặt Trăng và dân* (tranh trên vách đá, tiền sử,

Zimbabwe, khoảng 1500 TCN). Tranh vẽ trên đá thời tiền sử, ở Trang trại Diana's Vow, quận Rusapi, Nam Rhodesia [nay là Zimbabwe - JCF], có lẽ gắn với truyền thuyết về Người Trắng Mwuetsi. Hình nhân lớn đang nằm cầm tù và trong bàn tay phải giơ lên. Leo Frobenius khi phát hiện ra đã ước tính tranh này có vào khoảng năm 1500 TCN. Viện Frobenius, Frankfurt-am-Main cung cấp.

- tr 335** Hình 68. *Mẹ Đất Coatlicue, Bà Váy Rắn* (tượng đá, Aztec, Mexico, cuối thế kỷ 15). Đầu bà là hai cái đầu rắn đuôi chuông quay vào nhau. Quanh cổ bà đeo chuỗi vòng kết từ tim người, đầu người, và một sọ người [có nơi chú sọ người là khóa đai lưng rắn của bà cả đằng trước và sau - BT]. Tượng này thuộc về một cặp tượng khổng lồ đặt trong sân Đền Lớn ở Tenochtitlán. Aztec, cuối thế kỷ 15. Khai quật năm 1824 ở quảng trường chính, Mexico City. Bảo tàng nhân học và lịch sử quốc gia, Mexico City, D. F., Mexico. Werner Forman/Art Resource, New York.
- tr 338** Hình 69. *Chiến xa của mặt trăng* (phù điêu đá, Campuchia, khoảng 1113-1150). Phù điêu ở Angkor Wat. Ảnh chụp từ *Angkor*, editions "Tel", Paris, 1935.
- tr 342** Hình 70. *Con gái Pharaoh tìm thấy Moses* (son dầu trên vải bố, chi tiết, Anh, 1886), Edwin Long, 1886. Phòng trưng bày thành phố Bristol. *The Yorck Project: 10.000 Meisterwerke der Malerei*. DVD-ROM, 2002.
- tr 353** Hình 71. *Kỵ sĩ đỡ núi Govardhan* (màu trên giấy, Ấn Độ, khoảng 1790). Được gán cho họa sĩ Mola Ram (1760-1833). [Lưu ý ở góc trên bên trái có Indra cười voi - JCF.] Bộ sưu tập Á châu, Viện Smithsonian.
- tr 359** Hình 72. *Tranh khắc đá thời Đồ đá cũ* (tranh khắc đá, thời kỳ Đồ đá cũ, Algiers, không rõ niên đại). Tìm thấy tại một điểm di tích tiền sử gần thị trấn Tiout. Con vật hình mèo giữa thợ săn và đà điểu có lẽ là một loài báo nào đó được huấn luyện để đi săn, còn con vật có sừng ở lại đằng sau với người mẹ của thợ săn là một loài vật đã thuần hóa, đang gặm cỏ. Leo Frobenius

và Hugo Obermaier, *Hádschra Máktuba*, Munich: K. Wolff, 1925, tập II, tờ ảnh 78.

- tr 362** Hình 73. *Pharaoh Narmer giết kẻ thù chiến bại* (chạm nổi sa thạch, Cổ Vương quốc, Ai Cập, khoảng 3100 TCN). “Bảng màu Narmer” (mặt sau), bảng mài mỹ phẩm dùng trong nghi lễ, bằng sa thạch, thuộc thời Tiền Vương triều. Trong hình, Pharaoh Narmer đội Vương Miện Trắng đang hàng phục vùng Hạ Ai Cập. Trên cùng bảng màu có khung để hiệu hình chữ nhật của Narmer. Từ Hierakonpolis, Kom el-Ahmar. Bảo tàng Ai Cập, Cairo, Ai Cập. Erich Lessing/ Art Resource, New York.
- tr 374** Hình 74. *Thần ngô trẻ* (tượng đá, văn minh Maya, Honduras, khoảng 680-750). Mảnh vỡ bằng đá vôi, từ Copán, thành cổ của người Maya. Bảo tàng lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ, thành phố New York cung cấp.
- tr 379** Hình 75. *Oedipus tự móc mắt mình* (phù điêu đá, thời La Mã, Ý, khoảng thế kỷ 2-3). Chi tiết phù điêu trong lăng mộ La Mã, lấy từ bảo tàng Neumagen Rheinisches Landesmuseum, Trier, Đức. Erich Lessing/ Art Resource, New York.
- tr 385** Hình 76. *Đức Phật nhập diệt* (tượng đá, Ấn Độ, cuối thế kỷ 5). Chùa hang Ajanta, hang số 26 (hang thờ tự, có tháp Phật), Maharashtra, Ấn Độ. Vanni/ Art Resource, New York.
- tr 388** Hình 77. *Mùa thu (Mặt nạ đeo cho người chết)* (gỗ sơn, người Inuit, Bắc Mỹ, không rõ niên đại). Từ quận Sông Kuskokwim ở Tây Nam Alaska. Quỹ Heye Da đỏ Hoa Kỳ, thành phố New York cung cấp.
- tr 390** Hình 78. *Osiris, người phán xử người chết* (giấy cói, Ai Cập, khoảng 1275 TCN). Đứng sau lưng thần là hai nữ thần Isis và Nephthys. Đằng trước thần có bông sen, hoặc súng, đỡ các cháu thần là bốn người con trai của Horus. Bên dưới (hoặc bên cạnh) thần là hồ nước thiêng, nguồn thánh để sông Nile chảy ra trên mặt đất (nguồn gốc thật sự của sông là trên trời). Trong tay trái thần cầm cây roi hay nèo, trong tay phải là cây móc. Phần trán tượng ở trên trang trí một hàng hai mươi tám rắn hổ mang thiêng ngăn đầu đỡ một đĩa tròn. [Trích từ *The Papyrus*

of Hunefer [Tủ thư soạn cho Hunefer], Thebes, Ai Cập, Vương triều thứ 19, khoảng 1275 TCN - JCF.] E. A. Wallis Budge, *Osiris and the Egyptian Resurrection*, sdd, tập I, tr. 20.

- tr 394** *Rắn Kheti dưới âm ty, dùng lửa thiêu đốt một kẻ thù của Osiris* (tranh khắc thạch cao tuyết hoa, Tân Vương quốc, Ai Cập, 1278 TCN). Hai tay nạn nhân bị trói quặt sau lưng. Bảy vị thần ngự trên rắn. Chi tiết từ cảnh dưới âm ty, nơi Thuyền Mặt Trời đi qua vào giờ thứ tám trong đêm. Từ cuốn "Sách Pylons". [Còn gọi là "Sách các cổng". Hình trên quách Pharaoh Seti I. - JCF.] E. A. Wallis Budge, *The Gods of the Egyptians*, sdd, tr. 193.
- tr 395** Hình 80. *Vía của Ani và vợ uống nước ở thế giới bên kia* (giấy cói, thời Ptolemaois, Ai Cập, khoảng 240 TCN). Hình từ *The Papyrus of Ani*. E. A. Wallis Budge, *Osiris and the Egyptian Resurrection*, sdd, tập II, tr. 130.
- tr 398** Hình 81. *Tận thế: Rắn mua và nữ thần móng hổ* (mực trên giấy vó cây, văn minh Maya, Trung Mỹ, khoảng 1200-1250). Hình từ bản fax (1898), Bảo tàng lịch sử tự nhiên Hoa Kỳ, New York.
- tr 401** Hình 82. *Ragnarök: Sói Fenrir ăn thịt Odin* (tranh chạm nổi, Viking, Anh, khoảng 1000 TCN). Thập tự đá Andreas Stone có hình chạm nổi mô tả thần Odin bị sói Fenrir ăn thịt, cảnh từ bài thơ truyền thuyết Bắc Âu Ragnarök, "Ngày cuối của các thần". Con quạ đậu trên vai Odin. Viking, từ Đảo Man (Anh), Bảo tàng Manx, Đảo Man, Anh. Werner Forman/ Art Resource, New York.
- tr 404** Hình 83. *Vật với Proteus* (tượng đá cẩm thạch, Pháp, 1723). Aristaeus vật nhau với vị thần biển Proteus luôn biến hóa. Sébastien Slodtz (1655-1726). Cung điện Versailles, Pháp.
- tr 415** Hình 84. *Trái Đất mọc* (hình chụp, quỹ đạo Mặt Trăng, 1968). Ảnh chụp của Bill Anders, phi hành gia trên tàu Apollo 8 ngày 24 tháng Mười hai, 1968, cho thấy Trái Đất dường như đang mọc lên trên bề mặt của Mặt Trăng. Lưu ý hiện tượng này chỉ thấy được khi đứng trên quỹ đạo quanh Mặt Trăng. Bởi chuyển động quay của Mặt Trăng và Trái Đất đồng bộ với nhau (nghĩa là Mặt Trăng luôn xoay cùng một mặt về phía Trái Đất), nên đứng trên

bề mặt Mặt Trăng không bao giờ có thể chứng kiến Trái Đất mọc. [Bức hình này có tác động rất mạnh lên rất nhiều người từng nhìn thấy nó, trong đó có Joseph Campbell. Xem những chiêm nghiệm của Campbell về ý nghĩa thần thoại của hình ảnh này trong *Thou Art That: Transforming Religious Metaphor* [Mi là cái đó: Ẩn dụ tôn giáo biến hóa con người]. Novato, California: New World Library, 2002, tr. 105 trở đi - JCF.]

BẢNG TRA CỨU

A

Ả Rập, 91, 235
Abraham (tổ phụ Hebrew), 293, 346-48, 380-81
Abraham, Karl, 279
Actaeon (thần thoại La Mã), 129-31, 129 H. 24, 134
Adam (Kinh Thánh), 175, 304, 312
Aietes (vua Hy Lạp), 227
Aineias (người hùng Troia), 47, 52, 161
Ai Cập, thần thoại
 băng qua ngưỡng là diệt ngã, 111
 biểu tượng mê cung, 161
 cái chết, 389-390
 hành trình linh hồn xuống âm ty, 390 H. 78, 393-96, 394 H. 79, 395 H. 80
 hành trình người hùng xuống âm ty, 70 H. 11, 72 H. 12
 lời chú trong quan tài, 389-90
 mẹ vũ trụ, 322 H. 66
 người canh giữ ngưỡng, 98 ct
 người hùng là chiến binh, 362 H. 73
 người phù trợ, 90
 thần thoại sáng thế, 301, 302, 307, 307 H. 60, 316 H. 63
 tượng tượng ấu thơ, 198 H. 39
Aife (nữ chiến binh Ireland), 366
Alcestis (kịch dương thần Hy Lạp), 230
Amaterasu (nữ thần mặt trời Nhật), 233-36, 234 H. 48
Amṛta (mật trường sinh), 201-02
An (Cha Trời của người Sumer), 307
Ananda (thị giả của Phật), 385-86
Andaman, người lùn ở quần đảo, 99
anh em sinh đôi chiến binh (thần thoại Navaho), 87-88, 111, 150-51, 165
Anna Karenina (Tolstoy), 41
anodos (đi lên), 44

Antôn, thánh, 114 H. 21, 143
Anunnaki (phán quan âm ty Sumer), 125
Apache, dân, 190, 372-73
Apis (thần Ai Cập), 70 H. 11
Apollo (thần Hy Lạp), 78-80, 79 H. 13
Apsaras (tiên nữ Ấn giáo), 202
Arapaho, dân, 72, 137
Ardhanārīśvara (hợp thể của Śiva với vợ), 176
Ares (thần Hy Lạp), 98
Ariadne (thần thoại Hy Lạp), 39-40, 88
Arjuna (hoàng tử Ấn giáo), 253-58, 255 H. 51, 262
Arthur, truyền thuyết, 71, 223
Arunta, dân, 158-59
Assyria, thần thoại, 104 H. 17, 208 H. 42, 312 H. 62, 427 ct 25
Attis (đấng cứu thế Phrygia), 111
Audumla (bò nguyên thủy trong Edda), 308
Augustinô, thánh, 34, 180
aum (âm tiết thiêng Phạm ngữ), 149, 290, 293
Avaiyo' pi'i (trong truyện kể Pueblo), 384
Avalokiteśvara (Bồ tát), 170, 174 H. 33, 182, 182 ct
ave (thức uống Đa Đảo), 199
aware ("cảm mến dịu dàng"), 136
Awonawilona (thần Zuni), 174
Aztec, thần thoại
 chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 278 H. 55, 285
 hành trình linh hồn xuống âm ty, 391-92
 người hùng ra đi, 381-82
 Nữ Thần Mẹ, 320 H. 65
 sinh đồng trinh, 334, 335 H. 68
 tượng tượng ấu thơ, 197

Ă

ăn thịt người, 160

À

âm đạo nam, 176-77
âm hộ, 190
âm ty, hành trình xuống
 bụng cá voi, 107-11, 108 H. 18, 111 ct,
 112 H. 20, 231-32, 232 ct, 240 H. 50
 của linh hồn khi chết, 70 H. 11, 389-95
 của người hùng, 72 H. 12, 116-18, 161,
 236-39
 giải cứu khỏi, 236-38
Xem thêm Ai Cập, thần thoại
Âm/Dương (đạo Lão), 174
Ấn giáo
 ba ngôi sáng thế, 201, 201 H. 40
 biến hình, 253-57, 255 H. 51
 biến hóa của người hùng, 345
 các cặp đối lập, 192-93, 192 H. 38
 cha vũ trụ, 165
 chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 288, 290-91
 con đường súng bái (*bhakti marga*), 352
 đàn bà là kẻ quyến rũ, 141
 hành trình linh hồn xuống âm ty, 392
 không phân biệt sống/giải thoát, 187
 khước từ quay về, 217-20
 kinh sách, 131
 lường tính, 176, 190, 191 H. 37, 273
 ngủ là trạng thái nhận thức, 242
 người cha sáng tạo/hủy diệt, 148 H. 28,
 149
 người hùng là đáng cứu thế, 373-75
 nguồn gốc vũ trụ, 281
 Nữ Thần Mẹ, 131
 quyền năng thơ ấu của người hùng,
 350-52, 353 H. 71
 tận thế, 396-97
 thần canh gác thuốc tiên, 202
 thị kiến mang nhân dạng về vũ trụ, 259
 H. 52
 thời gian thiên đường và thời gian dưới
 đất, 246
 Thượng đế và ngã, 431-32 ct 119
 trứng vũ trụ, 301
 truy tìm bất tử, 200-2
 vía, 197
 viveka (phân biện), 33
ân huệ, cuộc truy tìm
 chơi khăm trong, 204-5
 nữ/thần canh giữ, 202

 thời hiện đại, 210
 trong Ấn giáo, 200-2, 201 H. 40
 trong thần thoại Assyria, 208 H. 42
 trong thần thoại Đa Đảo, 204-5
 trong thần thoại Sumer, 205-10
 tưởng tượng ấu thơ về, 195-203
ân huệ, quay về mang theo, 53
 băng qua ngưỡng quay về, 240 H. 50,
 241-51
 cuộc trốn chạy kỳ diệu, 220-29, 220-21 H.
 45a-b, 223 H. 46, 438 ct 32
 giải cứu từ ngoài, 230-39
 quay về tổng hợp hai thế giới, 251-62
 từ chối quay về, 217-20, 230-31
 ý nghĩa cuộc quay về, 262-67

B

Bà Nhện (truyện kể Navaho), 87-88, 106, 150
Ba Tư, thần thoại
 băng qua ngưỡng quay về, 248-51
 khước từ tiếng gọi, 81
 lịch sử, 372
 người hùng là hoàng đế/bạo chúa,
 370-71
 người phù trợ, 91-94
 vua Ba Tư, 246
Baal (thần Assyria), 104 H. 17
Babylon, thần thoại, 161, 309-11
Badb (thần Ireland), 383
Bài ca Hiawatha (Longfellow), 322, 426 ct 48
Balarāma (anh của Kṛṣṇa), 373-75
bàn chân, là biểu tượng tính dục, 425 ct 36
bản ngã
 hòa giải với ý chí vũ trụ, 262-67
 loạn thần kinh so với nghệ sĩ, 423 ct 22
 phóng đại bản ngã, 178
Bảng sáng thế (Babylon), 307
Bánh Xe Vũ Trụ, 289 H. 56
bạo chúa-quái vật, 28-31, 360-61, 373-77
Báo Phác Tử **Xem** Cát Hồng
Bastian, Adolf, 34
Basumbwa, dân, 163-64, 429 ct 74
bất tử và Ngã, 302-3
bất tử, cuộc truy tìm
 lừa dối trong, 202-5
 nữ/thần canh gác thuốc bất tử, 202
 thể xác và tinh thần, 212-13
 thời hiện đại, 210

thử thách thụ giáo trong, 205-7
 trong Ấn giáo, 201-2, 201 H. 40
 trong thần thoại Assyria, 208 H. 42
 trong thần thoại Đa Đảo, 204-5
 trong thần thoại Sumer, 205-10
 tưởng tượng ấu thơ, 195-98
 Beatrice (*Hài kịch thánh thần*), 88, 90
 Berber, dân, 438 ct 36
 Bernard ở Clairvaux, thánh, 142
 bệnh học tính dục, 22-23
 Bhagavad Gītā, 131, 253-58
 bi kịch và thần thoại, 41-46, 63, 422 ct 55
 biển hình, 33
 trong Cơ Đốc giáo, 251, 260
 trong Ấn giáo, 253-58, 255 H. 51
 tính biểu tượng, 251, 258, 260-62
 Biên niên sử dòng dõi Milesius (truyền
 thuyết Ireland), 354
Biển thể (Ovid), 78-79, 248, 335
 biểu tượng trong thụ giáo, 26-28, 161
 biểu tượng, phương tiện và hàm nghĩa, 258
 Bộ Ngựa Vũ Trụ, 257
 bò rống (nhạc cụ), 158, 162, 429 ct 68, 433 ct
 148
 Boas, Franz, 34
 Bồ Đề, cây, 47, 48 H. 7
 Bồ Đề Đạt Ma, 188 H. 35
 Bồ tát, 171 H. 32, 211 H. 43
 định nghĩa, 170-72
 hào quang, 394
 hoa sen, 170-72
 không phân biệt sống/giải thoát, 184-87,
 377-78
 lượng tính, 173-74, 174 H. 33, 183-84,
 191-92
 tái sinh trong Bồ tát, 182-83
 từ bi, 186-87
 Bộ Lông Cừ Vàng, 47, 227
 Brahmā (thần trong Ấn giáo/Phật giáo), 50,
 200-1, 201 H. 40, 254
 Bṛhadāraṇyaka Upaniṣad, 184
 Brynhild (thần thoại Giéc mạnh), 80, 128
 Budur, công chúa (*Ngân lê một đêm*), 85, 93-
 94, 248-49
 bụng cá voi, 107-11, 108 H. 18, 111 ct, 112 H.
 20, 231-32, 232 ct, 240 H. 50
 Buriat, dân, 224-25
Butsudō (Phật đạo), 232

C

cặp đối lập
 là ngưỡng, 106
 trong Cơ Đốc giáo, 175, 343-44
 trong tưởng tượng ấu thơ, 28
 vượt lên trên các cặp đối lập, 61-62, 173-
 74, 343
Xem thêm nhị nguyên; hòa lẫn các cặp
 đối lập
 cái chết, 28
 biểu tượng về, 441 ct 29
 của cá thể (tiểu vũ trụ), 388 H. 77, 389-96,
 394 H. 79, 395 H. 80
 của người hùng, 380-87
 cường/hoãn lại, 382-83
 Mẹ Vũ Trụ và, 326
 như tái sinh, 392-96
 như thức tỉnh, 283
 như vực thẳm, 236
 tận thế (đại vũ trụ), 396-402, 398 H. 81
 trong quan điểm Phật giáo, 295 ct
 và hòa giải với cha, 162-64
 Candragupta (vua Ấn Độ), 344
 Cảnh Đồ, Hiệp sĩ, Nhóm truyện Ulster về
 (truyền thuyết Ireland), 354
Cảnh vàng (Frazer), 76, 247
 Caridwen (phù thủy xứ Wales), 221-23, 223
 H. 46
 Carlyle, Thomas, 424 ct 27
 Cát Hồng, 210-11, 434 ct 162
 Cathbad (thầy tu Ireland), 355
 Cavalry, Đồi, 48
 cất bi, 26, 157-60, 176-77
 Cậu Bé Huyết **Xem** Kut-o-yis
 Cậu Bé Vô Nước (người hùng Pueblo), 349,
 352, 368-69, 384
 Cây Thế Giới, 257-58
 là Rốn Thế Giới, 48, 57, 69, 235-36, 357-58
 trong Cơ Đốc giáo (Cây Cứu Chuộc), 48
 trong Phật giáo (Cây Giác Ngộ), 47, 48,
 57
 trong thần thoại Giéc mạnh, 58 H. 8, 199,
 399
 trong thần thoại Siberia, 358-59
 và biến hóa của người hùng, 370, 380, 382
 và chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 295
 và tận thế, 400
 cây toại ước (*kalpa-vṛkṣa*), 286

cha

giết/ăn thịt cha trong nghi lễ uống máu, 159-60

khía cạnh yêu tình, 144-46, 146 H. 27, 157, 367, 369, 373-77

là người canh giữ ngưỡng, 80

là người sáng tạo/hủy diệt, 144-47, 148 H. 28

quan điểm phân tâm học, 146, 427 ct 29 trong nghi lễ cắt bì, 157-60

trong thần thoại Oedipus, 22-23, 23 ct

tự mâu thuẫn, 165-70, 182-83

và người hùng là hoàng đế/bạo chúa, 368-72

Cha Vũ Trụ, 165-67, 166 H. 31

Cha-Chúa Trời, 434 ct 155

Chàng Trai Trắng (người hùng Siberia), 358-59

Charlemagne (hoàng đế La Mã), 346, 381

Charon (thần thoại Hy Lạp), 116, 117 H. 22

Chân Đen, dân, 313-14, 347-48, 360-62

chân lý, tính không thể truyền đạt của, 48

Chấp Thủ (người cha bạo chúa), 360, 365, 367, 376

châu Phi, thần thoại

hình ảnh bụng cá voi, 107

màu sắc biểu tượng, 151

Mẹ Vũ Trụ, 326-29

người canh giữ ngưỡng, 95-96

người cha tự mâu thuẫn, 164

người phù trợ, 86

Nữ Thần Mẹ, 126 H. 23

tái sinh, 163-64

thần chơi khăm, 62-63, 151, 164, 261, 318 H. 64, 439 ct 51

thần lương tính, 176 H. 34

thị kiến mang nhân dạng của vũ trụ, 258

Vua Mặt Trăng, 330 H. 67

chết **Xem** cái chết

Chính thống giáo Hy Lạp, 137

Chiruwi (yêu nửa người), 96

Chỗ Ngồi Bất Thối Chuyển (Phật giáo), 49-50, 48 H. 7, 57

Xem thêm Rốn Thế Giới

chơi khăm, thần **Xem** hề-quỷ; Edshu

Christ

biến hình (Hiến dung), 251-52, 260

diễn giải lại, như nhân vật lịch sử, 272

hôn phối thiêng với Christ, 380

máu, 163

phục sinh, 240 H. 50

trên Thánh Giá, 48

và Người Do Thái Lang Thang, 81

chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 175, 278 H. 55

ba bình diện tồn tại, 289-90

biểu tượng thần thoại và, 281, 290-93, 292 H. 57

đòi đòi chẳng cùng, 285

hình tượng thành sự sống (giai đoạn hai), 297-304

Mẹ Vũ Trụ và, 326-31

Một thành nhiều (giai đoạn ba), 305-12

ngịch lý tiêu điểm đôi, 311-12, 368

quan niệm thần linh không vĩnh cửu, 284-85

theo người Aztec, 285

tốt và xấu luân phiên, 375

trong Ấn giáo, 288

trong Kỳ Na giáo, 285-88, 289 H. 56

trong thần thoại dân gian, 313-19

và biến hóa của người hùng, 55-57, 339-41, 344-45, 360-61, 376

vô hình tượng thành có hình tượng (giai đoạn một), 293-96

Xem thêm thần thoại sáng thế

Chúa

biết Chúa Trời, 258

Chúa tể Vũ trụ, 165-70

hòa giải với, 168-70

khía cạnh yêu tình, 144-46, 146 H. 27

là tình yêu, 179

là biểu tượng thần thoại, 281

là đấng sáng tạo-bảo tồn-hủy diệt, 290

là đấng sáng tạo-hủy diệt, 149

Nước Chúa, 178

quan niệm phân tâm học, 434 ct 155

tam vị nhất thể, 213

chuông, biểu tượng, 193

Cicero, 34, 285

Coatlucue (nữ thần Aztec), 334, 335 H. 68

Columbus, Christopher, 95

Con Người Vũ Trụ, 257-58

Conchobar (vua Ireland), 354-55, 366

Coomaraswamy, Ananda K., 104, 109, 149, 406, 432 ct 127

Corpus Hermeticum, 34

Cô Bé Quàng Khăn Đỏ, 107, 235

cổ mẫu

cách hiểu hạn hẹp, 179
 định nghĩa, 420 ct 17
 những cổ mẫu được người hùng đồng
 hóa, 33-35
 trong triết học/tâm lý học phương Tây, 34
Xem thêm từng cổ mẫu cụ thể
Cổ sự ký, 228-29
 Công Chúa Ngủ Trong Rừng, 80-81, 128
 Công giáo, 137, 272-75, 345-46, 363-64
 Cơ Đốc giáo
 ảnh hưởng từ Sumer, 427 ct 25
 bí tích Thánh Thể, 162
 biến hình, 252-53, 260
 biến hóa của người hùng, 345-46, 363-64,
 380
 Cơ Đốc giáo nguyên thủy, 343
 Cơ Đốc giáo thời đầu và trung cổ, 343
 Cơ Đốc giáo tự do, 344
 Cơ Đốc Tin Lành, 344
 đàn bà là kẻ quyến rũ, 141-43
 hôn phối thiêng, 137
 lượng tính, 175
 motif thử thách, 114 H. 21
 người cha tự mâu thuẫn, 165
 người cha yêu tinh, 144-46, 146 H. 27, 369
 người phù trợ, 88-89, 90
 nguồn vũ trụ, 281
 nhị nguyên giữa con người và thần tính,
 343
 quan điểm/thực hành tình yêu, 178-80
 Rốn Thế Giới, 61
 sinh đồng trinh, 332
 tái sinh, 162
 Tận thế, 400-2
 thống nhất các mặt đối lập, 193
 tính biểu tượng thần thoại, 272-75, 274
 H. 54, 282
 truy tìm ân huệ, 213
 Crete, đế quốc, 28-30
 Cuchulainn (người hùng Ireland), 354-57,
 365-68, 382-83
 cuộc trốn chạy của người hùng, 438 ct 32
 vút lại chuồng ngựa vật, 225-30
 đuổi theo, 220-25, 220-21 H. 45a-b, 223
 H. 46
 cứu chuộc, 413-15
 Cự Uớc
 công thức thần thoại gốc, 50-51
 khước từ tiếng gọi, 81

D

dạ con, hình ảnh, 107, 109, 191, 217-20, 324-26,
 331-34
 Daedalus (thần thoại Hy Lạp), 28, 30, 40
 Dahnash (quỷ Hồi giáo), 92-94, 248-50
 Dante
 công thức thần thoại gốc, 37
 hành trình linh hồn xuống âm ty, 392-93
 người phù trợ, 88-89, 90 H. 15
 truy tìm ân huệ, 203, 213
 tượng tượng ấu thơ, 199
 Daphne (thần thoại Hy Lạp), 78-80, 79 H. 13
 dân chủ, 42, 410
 “De Consolatione ad Marciam” (Seneca), 285
 Delphi, đền, 98
destrudo (xung năng chết), 22, 96, 185
 Dharmakāra (Bồ tát), 431 ct 102
 Diana (thần La Mã), 129-31, 129 H. 24
 Dionysos, 42, 98, 98 ct, 162
 Dithyrambos (biệt hiệu của Dionysos), 162
 Do Thái giáo
 biểu tượng thần thoại, 282
 cắt bì, 158
 công thức thần thoại gốc, 50-51
 hòa giải với cha, 168-70
 lưỡi sét, 203
 lượng tính, 175
 lưu đầy thuở nhỏ, 346-47
 Makroprosopos (Gương Mặt Lớn), 291-
 93, 291 H. 57
 Mikroprosopos (Gương Mặt Nhỏ), 292-93
 người cha tự mâu thuẫn, 165
 người hùng chết, 380-81
 thần thoại sáng thế, 302, 304
 tuổi thọ của các giáo trưởng, 245
 tượng tượng ấu thơ, 198
 văn bản Kabbalah, 291-93, 295, 302, 304
 Donall Chiến Binh (truyền thuyết Ireland),
 366
 Durkheim, Émile, 406
 dương vật, 28, 158, 190
 Dyedushka Vodyanoy (“Ông Cự Nước” của
 Nga), 97

Đ

Đa Đảo, thần thoại
 cuộc trốn chạy kỳ diệu, 229

hình ảnh bụng cá voi, 107
 lấy trộm ân huệ, 204-5
 sinh đồng trinh, 335-37
 thần thoại sáng thế, 298 H. 58, 299-301, 302
 thức ăn cho linh hồn và thể xác, 199
 Đại Bàng Vũ Trụ, 257-58
 Đại Dương Vũ Trụ, 325-26, 399
 đại hồng thủy, người hùng, 54, 208, 209, 209 ct
 đại hồng thủy, truyền thuyết, 238, 285, 288
 Đại Thừa, Phật giáo, 172, 295 ct
 đàn bà
 chức năng thần thoại, 134
 là chiến binh-phù thủy, 366
 là kẻ quyến rũ, 138-43, 365-68, 365 ct
 là một với người hùng, 365
 là người phù trợ, 150-51, 157, 177
 Người Đàn Bà Vũ Trụ, 258
Xem thêm nữ thần; mẹ; Mẹ Vũ Trụ
 “Đàn Bà Hoang Dã” (truyện dân gian Nga), 96-97
 Đảo Châu Ngọc **Xem** Mani-dvipa
 Đảo Đơn Độc, hoàng tử, 127-28, 136, 194-95
 đạo Lão, 175, 188-89, 212
 Đấng Bất Hoại, 262, 266, 389
 Đấng Cứu Thế, 48, 172, 372-77, 374 H. 74
 điểm đáy, bước ngoặt, 270
 Diệu Nhảy Vũ Trụ, 148 H. 28, 149, 251
 định mệnh, 367
 đóng đinh thập giá, 162, 213, 274 H. 54, 312, 352, 379
 Đồ đá cũ, tranh khắc thời kỳ, 163 H. 30, 359 H. 72
 đối lập **Xem** cặp đối lập
 đứa bé nhựa thông, motif, 102-5, 103 ct, 284
 Đức Mẹ Đồng Trinh, 22, 88-89, 137 H. 26, 137, 332
 Đức Mẹ Lên Trời, lễ, 137

E

Edda, 307-9, 399-400, 422 ct 55
 Edshu (thần chơi khăm Yoruba), 62-63, 151, 165, 261, 318 H. 64
 Edwards, Jonathan, 144-46, 169, 369
 Elphín (truyện thuyết Taliesin), 263-64
 Emer (truyện thuyết Ireland), 365, 382
 Enki (thần Sumer), 238

Enlil (thần Sumer), 237, 307
 Erato (nữ tiên tri của thần Pan), 98
 Ereshkigal (diêm vương Sumer), 123-25, 236
 Erin **Xem** Ireland, truyện dân gian
 Erlik (quỷ dân Lapp), 118, 317
 Eros (thần Hy Lạp), 175
 eros (xung năng yêu), 22, 185
 Eskimo, thần thoại, 107, 231-32, 270-71, 388 H. 77, 391
 Eve (Kinh Thánh), 70, 175, 304, 312
 Eve, Tin Mừng theo (thứ kinh), 56

F

Faust (Goethe), 88-89
 Fianna/Fenian, quân, 244-46, 354
 Finn MacCool (người hùng Ireland), 107, 245
 Fletcher, Alice C., 422 ct 46
 Flügel, J. C., 427 ct 29, 434 ct 155
 Forgall Đa Muu (truyện thuyết Ireland), 365, 367
 Fosdick, Harry Emerson, 439 ct 51
 Frazer, James G., 34, 76, 112, 247, 406
 Freud, Sigmund, 13, 20, 22-23, 23 ct, 27, 34, 69, 279, 425 ct 36

G

Gaia (Mẹ Đất Hy Lạp), 307
 Ghazur (*Ngân lê một đêm*), 85
 gia đình, biểu tượng phân tâm của, 427 ct 29
 giác ngộ, 192, 384-87, 385 ct
 giai đoạn phát triển ấu thơ
 quan niệm phân tâm học, 27-31
 sinh hai lần, 156-57
 tượng tượng về cơ thể bất khả diệt, 195-99
 giải cứu từ ngoài
 trong Thần đạo Nhật, 232-35, 234 H. 48
 trong thần thoại Eskimo, 231-32
 từ bụng cá voi, 231-32, 232 ct
 và cầm chân, 231
 và khước từ quay về, 230-31
 giấc mơ
 khước từ tiếng gọi, 80
 motif thử thách, 119-21
 người canh giữ ngưỡng, 99, 99 ct, 119
 trong chu kỳ khởi nguyên thế giới, 289-90

và cái chết, 380
 và thần thoại, 19-41, 21 H. 2, 280, 294
 về bàn chân, 425 ct 36
 về người cha yêu tinh, 157
 về người phù trợ, 91, 119-20
 về sứ giả, 73
 vĩa, 196

giấc ngủ, 127-28, 194-95, 242, 289-90

Xem thêm cái chết; giấc mơ

giếng, biểu tượng, 91 ct, 127, 134-36

giết cha, 377

giết vua, nghi lễ, 113

Gilgamesh, truyền thuyết, 161, 205-10, 238

Ginnungagap (vực thẳm hỗn mang trong Edda), 308 ct

Goethe, Johann Wolfgang von, 88, 90

Govardhan, núi, 351, 353 H. 71, 389

Goya, Francisco, 108 H. 18

Gretchen (*Faust*), 88

Grêgôriô Cả, giáo hoàng, 345-46, 379

Grimm, truyện cổ **Xem** “Vua Ếch”

Guinevere, hoàng hậu, 121 ct

gương, biểu tượng, 235, 368

gương, hình ảnh, 226, 234

Gương Mặt Lớn **Xem** Makroprosopos

Gương Mặt Nhỏ **Xem** Mikroprosopos

Gwion Bach (người hùng xứ Wales), 221-23, 223 H. 46, 263-65

H

hà bá, 97

Hai-uri (yêu tinh nửa người), 95

Hài Đồng, Chúa, 22

hài hước trong thần thoại, 200-2

hài kịch và thần thoại, 43-46, 63

Hài kịch thánh thần (Dante), 281, 392

Hamlet, 23, 140, 262

Hàn Tương Tử (tiên Trung Hoa), 69

Hebbel, Friedrich, 120

Hebrew, thần thoại **Xem** Do Thái giáo

Helene thành Troia, 88-89

Heraclitus, 61, 62

Herakles (người hùng Hy Lạp), 108, 350, 363

Hermaphroditos (thần Hy Lạp), 175, 430 ct 89

Hermes (thần Hy Lạp), 90

hề-quỷ, 315-19, 360-61, 439 ct 51

Xem thêm Edshu

Hiawatha (thủ lĩnh da đỏ), 426 ct 48

hiền giả, 262, 289

Hiển dung **Xem** biến hình, trong Cơ Đốc giáo

hiện hữu, 281-82, 281 ct, 289-90

Himalaya (thần Ấn giáo), 333

Hoa Kỳ, văn hóa giới trẻ, 27

hoa sen **Xem** sen

hòa lẫn các cặp đối lập, 125 ct

người cha tự mâu thuẫn, 165-70

trong Ấn giáo, 131-33, 149, 192-93

trong đạo Lão, 174

trong mơ, 91

hòa giải với cha

người nữ phù trợ trong, 150-51

quan niệm phân tâm học, 147-50, 57

trong Ấn giáo, 149

trong Cơ Đốc giáo, 144-47, 169-70

trong sự sinh lần hai, 156-57

trong thần thoại bán địa Úc, 157-61

trong thần thoại châu Phi, 163-64

trong thần thoại Hy Lạp, 151-54

trong thần thoại Navaho, 150-51

trong thần thoại Peru tiền sử, 167

trong truyền thống Kinh Thánh, 168-69

và sự sinh đồng trình, 368-69

Hỏa giáo, 370-71

hỏa ngục, 282

hoạn/phức cảm bị hoạn, 80, 80 ct, 111, 128, 159

Hoàng Đế, 55, 341, 344, 369

hogan (chòi của người Navaho), 408

Hồi giáo

ảnh hưởng từ Sumer, 427 ct 25

biểu tượng thần thoại, 282

cắt bì, 158

cha vũ trụ, 165

khước từ tiếng gọi, 81

Rón Thế Giới, 61

thánh chiến, 181

Thượng đế và ngà, 431-32 ct 119

và thần thoại Ba Tư, 371

hokmah nistarah (minh triết ẩn giấu của Moses), 293

hôn phối thiêng, 138-43, 273, 365-68, 380

Hottentot, dân, 95-96

hư vô/hư không

không gian tạo ra từ, 293-96

nhận ra hư vô, là ân huệ, 213

trong Phật giáo, 181, 295 ct
 trong trà đạo Nhật, 189
 vượt quá mọi phạm trù, 282, 282 ct
Xem thêm không
 hướng nội cố ý, 82
 Hy Lạp, thần thoại
 ảnh hưởng từ Sumer, 427 ct 25
 bạo chúa-quái vật, 28-30, 32-33
 biểu tượng được duy lý hóa/diễn giải
 lại, 271
 công thức thần thoại gốc, 47, 52
 cuộc trốn chạy kỳ diệu, 220-21 H. 45a-b,
 227, 229, 438 ct 32
 gặp nữ thần, 129 H. 24
 hình ảnh bụng cá voi, 108
 hòa giải với cha, 152-54, 155 H. 29
 hôn phối thiêng, 137
 khước từ tiếng gọi, 76-80
 lưỡi sét, 203
 mê cung, 161
 motif thử thách, 115-16
 nghĩ lễ giết vua, 112
 người canh giữ ngưỡng, 96 H. 16, 98, 106
 người cha tự mâu thuẫn, 165
 người phụ trợ, 88, 90
 quyền năng thuở bé của người hùng, 350
 tái sinh, 162
 thần lương tính trong, 175, 430 ct 89
 thời gian trên thiên đường và dưới hạ
 giới, 246
 tiếng gọi phiêu lưu, 66 H. 10, 75
 truy tìm ân huệ, 212-13
 trùng vũ trụ, 301

I

Ifrit/Ifritah (quỷ Hồi giáo), 92, 92 ct, 248-49
 Illat (nữ thần mặt trời Á Rập), 235
 Inanna (nữ thần Sumer), 122-25, 236-39
 Indra (thần Ấn giáo), 351-52
 Ireland, truyện dân gian
 băng qua ngưỡng trở về, 244-46, 248
 các nhóm truyện truyền thuyết, 354
 người hùng chết, 382-83
 người hùng gặp nữ thần, 127-28, 134-36
 người hùng là người yêu, 365-67
 quyền năng thuở bé của người hùng,
 354-57
 tượng tượng ấu thơ, 199

Ishtar (nữ thần Sumer), 205, 236, 345, 364
 Isis (nữ thần Ai Cập), 72 H. 12, 198 H. 39
 Izanagi (thần Nhật), 228-29
 Izanami (thần Nhật), 228-29

J

Jack giết người khổng lồ, 363
 Jason (người hùng Hy Lạp), 47, 112 H. 20,
 227
 Jemshid (hoàng đế Ba Tư), 369-70
 Jesus
 cấn thai trong bụng Mary, 193 ct
 có mặt khắp cùng, 165
 khước từ tiếng gọi của Jesus, 76-77
 là bạo chúa, 377
 là mẫu mực con người, 343
 là người hùng thế giới, 55
 nói về diệt ngã, 260
 nói về Nước Chúa trong lòng người, 283
 nói về rửa tội, 274
 quan niệm về dạy dỗ, 431 ct 110
 quyền năng thuở nhỏ, 350
Xem thêm Christ
 Jicarilla Apache, dân, 372
 Jinni/Jinniyah **Xem** Ifrit
 Job, Sách (Kinh Thánh), 61, 168-69
 Jonah (Kinh Thánh), 240 H. 50
 Jove (thần La Mã), 154, 165, 238, 334
 Joyce, James, 125 ct, 421 ct 29, 421 ct 36, 430
 ct 95
 Jung, Carl Gustav, 20, 26, 28, 33, 34, 80, 122
 ct, 226, 279, 406

K

Kabbalah, 175, 291-93, 295, 302, 304
Kalevala (sử thi Phần Lan), 321-26, 365 ct
 Kalī (nữ thần Ấn giáo), 131-33, 133 H. 25,
 192-93, 192 H. 38
Xem thêm Pārvaṭī, Śakti
Kāma (ái dục), 185
Kāma-Māra (thần Ấn/Phật giáo), 49-50, 184
 Kamar al-Zaman (*Ngân lẻ một đêm*), 83-86,
 91-94, 248-51
 Kamchatka, thần thoại, 315
 Kan'on (Bồ tát), 173
 Kans (bác của Kṛṣṇa), 373-75
katharsis trong bi kịch và nghi lễ, 42

kathodos (đi xuống), 44
 Kauṣītaki Upaniṣad, 193
 kẻ bị khinh miệt, motif, 349
 Kena Upaniṣad, 260
 Kerberos, 47, 116
 Khắc Kỷ, phái triết học, 34, 285
 khát sĩ, 261
 Kheti (rắn âm ty Ai Cập), 394 H. 79
 Khnemu (thần Ai Cập), 316 H. 63
 khổ hạnh, 377-80, 379 H. 75, 409-10
 không/tính không, 180, 186-87, 189, 213, 282, 282 ct
Xem thêm hư vô
 Khổng giáo, 187
 Ki (Mẹ Đất Sumer), 307
 kim cương chùy, 103, 105, 203
 Kinh Thánh/truyền thống Kinh Thánh
 ảnh hưởng từ Sumer, 427 ct 25
 chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 175
 công thức thần thoại gốc, 50-51
 diễn giải hiện đại, 272
 hòa giải với cha, 168-69
 mẹ vũ trụ, 321
 tận thế, 400-2
 tiếp thu sửa chữa thơ ca xứ Wales, 223-24
Xem thêm Cơ Đốc giáo; Sa Ngã; Do Thái giáo; Mark, Tin Mừng theo; Matthew, Tin Mừng theo; Job, Sách
 Knight, W. F. J., 161
 Koran, 61, 86, 158, 165
 Kronos (thần thoại Hy Lạp), 108, 307
 Kṛṣṇa, 285
 biến hình, 253-58, 255 H. 51
 là đấng cứu thế, 373-75
 là Ngã, 389
 quyền năng thơ ấu, 350-52, 353 H. 71
 trong truyền thuyết về Muchukunda, 218-19
 Kudai (thần Siberia), 317
 Kunitokotachi-no-Kami (thần Nhật Bản), 233
 Kut-o-yis (người hùng bộ lạc Chân Đen), 348-49, 361-63
 Kỳ Na giáo, 258, 258 ct, 261 H. 53, 285-88, 289 H. 56
 Kyazimba (truyện cổ Wachaga), 86-87, 164
 Kybele (nữ thần Hy Lạp), 98, 111

L

La Mã, thần thoại
 ảnh hưởng từ Sumer, 427 ct 25
 biểu tượng duy lý hóa/diễn giải lại, 271
 công thức thần thoại gốc, 47, 52
 người phù trợ, 90
 sinh đồng trinh, 334-35
 Lakṣmī (nữ thần Ấn giáo), 202
 Lancelot (truyền thuyết Anh), 121 ct
 Lapp, thần thoại, 116-18
 lân/long mã, 188, 340
 Levarchan, nữ tiên tri Ireland, 356
 lễ hội mùa, 407-8
libido, 22, 96, 185, 281
liṅgam-yoni (biểu tượng Śiva), 190, 191 H. 37, 273
 linh hồn
 chia cắt trong, 31-33, 36
 hành trình xuống âm ty, 389-96, 394 H. 79, 395 H. 80
 hồi sinh của, 162, 224, 283
 “linh hồn bất tử” và thần tính, 343
 thức ăn cho, 198 H. 39, 199
 loạn luân, 345-46, 379
 loạn thần kinh, 27, 423 ct 22
 Longfellow, Henry Wadsworth, 322, 426 ct 48
 Lönnrot, Elias, 322
 Lot (Kinh Thánh), 81
 lối đi vô hình, motif, 367-68
 Lông Dính (dạ xoa), 102-5, 103 ct, 284
 lũ, hình ảnh, 144
Xem thêm đại hồng thủy, người hùng; đại hồng thủy, truyền thuyết
 lửa, 149
 Ba Lửa trong Phật giáo, 184-85, 186
 ban phúc, 272
 cha yêu tinh và, 145
 lấy trộm, 47, 195
 nghỉ lễ Thần đạo, 39 H. 5
 trong chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 285, 288, 301
 lực sống, độ đông đặc, 57
 lưỡi sét, 103-5, 104 H. 17, 106, 110 H. 19, 154, 165, 193, 203, 235, 310
 lưỡng tính (giới tính)
 Ngã và lưỡng tính, 302-4
 trong nghi lễ thụ giáo, 176-77
Xem thêm song tính

lưu đây, 344-49, 407

Lykaion, núi, 98

M

Mabinogion, 223-24

MacCool, Finn **Xem** Finn MacCool

mae (rắn quỷ), 100

Mahābhārata, 131, 253 ct

Mahāvīra (nhà tiên tri-cứu thế Kỳ Na giáo),
285

Makroprosopos (Gương Mặt Lớn), 291-93,
292 H. 57, 378

mãng xà, 360

Mani giáo, 198

Mani-dvipa (đảo của nữ thần Ấn giáo), 130

Maori (thần châu Phi), 326-27

Maori, dân, 224-25, 294-95, 297-99, 306, 315

Māra (sân hận/chết), 185

Marduk (thần Babylon), 309-11

Mark, Tin Mừng theo, 252 ct

Martha (thánh Cơ Đốc), 363-64

Mary **Xem** Đức Mẹ Đồng Trinh

Massassi (người nữ nguyên thủy Đông Phi),
328-29

Mather, Cotton, 143, 179

Matthew, Tin Mừng theo, 400-2, 431 ct 110

màu sắc biểu tượng, 151

Maugham, W. Somerset, 248

Maui (người hùng Đa Đảo), 107, 204-5

Maya, thần thoại, 374 H. 74, 397, 398 H. 81

Maymunah (nữ quỷ Hồi giáo), 91-94, 248-50
mặt trắng **Xem** trắng

mặt trời

con của mặt trời, 333

là Rón Thế Giới, 59-60

sinh ra, 322 H. 66

tái sinh, 162, 235

trong Ấn giáo, 259 H. 52

trong thần thoại Aztec, 278 H. 55

trong thần thoại Navaho, 87, 150-51

mất phương hướng, 41

mẹ

là người canh giữ ngưỡng, 80

mẹ hiền và mẹ ác, 128

quan niệm phân tâm học, 427 ct 29

trong thần thoại Oedipus, 23, 23 ct

Mẹ Đất (thần thoại La Mã), 154

Mẹ Nước (thần Phần Lan), 321-24

Mẹ Vũ Trụ

cứu chuộc nhờ, 331-34

là đấng sáng tạo/hủy diệt, 131-33

là người phù trợ, 88

trong Ấn giáo, 321

trong thần thoại Ai Cập, 322 H. 66

trong thần thoại Aztec, 320 H. 65

trong thần thoại Phần Lan, 321-24

trong thần thoại Yoruba, 126 H. 23

trong truyền thuyết Kinh Thánh, 321

và chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 326-31

và Rón Vũ Trụ, 59

và sự sinh đồng trinh, 321-26

vô văn giả dạng, 326

Mecca, là Rón Thế Giới, 61

Medeia (thần thoại Hy Lạp), 227

Medusa (thần thoại Hy Lạp), 16 H. 1, 220-21
H. 45a-b

Melanesia, thần thoại, 161, 281, 315-17

Menelaos (vua chiến binh Hy Lạp), 406

Menninger, Karl, 180

Mephistopheles (*Faust*), 90

Mercurius (thần La Mã), 90, 165

mê cung, 28, 30, 41, 76, 88, 161

Midas, vua, 212

Mikroprosopos (Gương Mặt Nhỏ), 292-93

Milarepa (hiền giả-nhà thơ Tây Tạng), 181

Min (thần Ai Cập), 98 ct

Minos (vua Crete), 28-30, 76, 112

Minotauros (quỷ đầu bò), 28-30, 35 H. 4, 39-
40, 76, 112, 360

Mohammed, 55, 281, 410

Montezuma (hoàng đế Mexico), 246

Morgon-Kara (pháp sư Siberia), 224

Morongo (người nữ nguyên thủy Đông Phi),
328-29

Morrigan (thần Ireland), 382-83

Moses, 50-52, 55, 111 ct, 293, 342 H. 70, 369

Moses de Leon, 292

môn thần (Nhật Bản), 109, 110 H. 19

mơ **Xem** giấc mơ

Muchukunda (vua chiến binh Ấn giáo), 217-
20, 231, 245

Müller, W. Max, 406

Murngin, dân, 26, 157-58

Murray, Gilbert, 42

Mười Điều Răn, 51

Mwuetsi (con người nguyên thủy châu Phi),
326-31, 339

mỹ nhân điếu, 96 H. 16
mysterium coniunctionis (bí ẩn phối ngẫu), 192

N

Na'pi (hóa công Sumer), 313-14
 Nam Mỹ, thần thoại, 332-33
 Nàng Thor, 98
 Nanna (thần Sumer), 237
 Napoléon, 88, 424 ct 27
 Narkissos (thần thoại Hy Lạp), 410
 Navaho, dân, 87-88, 88 H. 14, 106, 110, 150-51, 408
 Năm Vũ Khí, hoàng tử, 102-6, 103 ct, 284
Xem thêm Phật
 Neminātha (đấng cứu thế Kỳ Na giáo), 285
 New Guinea, cộng đồng săn đầu người, 177
 New Hebrides, quần đảo, 99
 nền Phục sinh, 272-73
 Nga, thần thoại, 96-97
Xem thêm Siberia, truyện dân gian
 ngã
 diệt ngã, 260-62
 hợp nhất, 242
 là mẹ vũ trụ, 321
 là người hùng trong ta, 389
 lưỡng tính, 302-4
 tái sinh, 262-67
 thần linh là sự hé lộ ngã, 343
 thanh lọc, 118
 trong Ấn giáo, 321, 431-32 ct 119
 trong Hồi giáo, 431-32 ct 119
 trong Phật giáo, 172
Ngân lễ một đêm, 82-86, 91-94
 nghi lễ chuyển đổi, 25-28, 25 ct 2, 31, 39, 157-60
Xem thêm thụ giáo
 ngô, thần, 374 H. 74
 Ngô Đạo (phái Cơ Đốc), 165, 175, 198
ngona (tù và), 326, 326 ct
 ngủ **Xem** giấc ngủ
 nguyên tố nguyên thủy, 285
 ngựa, hình ảnh, 202, 246-47, 257
 Ngựa Vũ Trụ, 257
 Người Do Thái Lang Thang, 81, 261
 Người Đàn Bà Vũ Trụ, 258
 Người Giết Kẻ Thù (người hùng Apache), 372
 người hùng (con người)

do tiền định chứ không phải đạt được, 342-44
 là bậc thánh/ẩn sĩ, 377-80, 379 H. 75
 là chiến binh, 357-64, 362 H. 73
 là đấng cứu thế, 344, 372-77, 374 H. 74
 là hoàng đế/bạo chúa, 368-72, 424 ct 27
 là người yêu, 365-68, 365 ct
 là tiểu vũ trụ, tấm gương phản ánh đại vũ trụ, 370
 lưu đầy ấu thơ, 345-48
 nơi sinh là Rốn Thế Giới, 357-59, 359 H. 72
 phi nhân cách hóa, 424 ct 27
 quyền năng kỳ diệu, 342, 353 H. 71, 389
 ra đi/chết, 380-87, 385 H. 76
 thời hiện đại, 410-14
 tuổi thơ, 342 H. 70, 344-57, 353 H. 71
 và chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 339-41, 344, 360-61, 375-76
 người hùng (thần thoại)
 cuộc phiêu lưu cổ mẫu, 46-52 (**Xem thêm** thần thoại gốc)
 đạt tới tính đồng nhất trong đa dạng, 57
 khiếm khuyết mang tính biểu tượng, 54
 hình ảnh cổ mẫu được người hùng đồng hóa, 33-35
 tự đạt đến quy phục, 32-33, 36
 và chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 55-57, 283, 339-41, 360-61
 và Thượng đế, 46-52, 56-57
 người khổng lồ, 245, 286
 người phù trợ (trong cuộc phiêu lưu của người hùng), 86-94, 90 H. 15, 115, 150-51
 Người Trắng (thần thoại châu Phi) **Xem** Mwuetsi
 ngưỡng, băng qua, 122-25
 bụng cá voi là biểu tượng của, 107-11, 108 H. 18, 112 H. 20
 cách điện khi, 246-48
 khó khăn khi, 242-46
 là diệt ngã, 109-13, 125
 người canh giữ ngưỡng, 96 H. 16, 110 H. 19, 150
 quan niệm phân tâm học, 80, 98 ct
 quay về, 240 H. 50, 241-51
 thời hiện đại, 412
 nhà khoa học-nghệ sĩ, kiểu người, 4
 Nhật Bản

aware ("cảm mến dịu dàng"), 136
 biểu tượng Tantra ở, 131
 Bồ tát, 173
 cuộc trốn chạy kỳ diệu, 228-29
 cuộc truy tìm ân huệ, 212
 giải cứu từ ngoài, 232-35, 234 H. 48
 người canh giữ ngưỡng, 110 H. 19
 Phật giáo Đại Thừa (Bắc tông), 172
 thức ăn cho linh hồn và thể xác, 199
 trà đạo, 189-90, 189 H. 36
 tranh phong cảnh đạo Lão ở, 188
 trứng vũ trụ, 301
 truyền thống Thần đạo, 39 H. 5, 232-33
 tưởng tượng ấu thơ, 199
 nhệ nguyên, 174, 297-99, 343, 370
Xem thêm cặp đối lập
 nhiệm vụ bất khả, motif, 366-67
 Nhóm truyện Fianna (truyện thuyết Ireland), 354
 Nhóm truyện thần thoại (truyện thuyết Ireland), 354
 Như Lai, 384-87, 385 ct
Xem thêm Phật
 Niall (con vua Ireland), 135-36
 Nicodemus (Kinh Thánh), 274
 Niết Bàn, 50, 173, 184, 384-87, 432 ct 127
 Nietzsche, Friedrich, 34, 251, 368, 410, 415
 Nigeria, thần thoại, 126 H. 23
 Nikolaus von Kues (nhà thần học Đức), 106
 Nimrod (bạo chúa trong Kinh Thánh), 346-48, 372, 377
 Ninshubur (thần thoại Sumer), 123, 236-38
 Noah, 208, 209 ct, 238, 293
Noticias historiales de las conquistas de Tierra Firme en las Indias Occidentales (Simón), 332-33
 nữ quỷ, 143
 nữ thần
 chuông là biểu tượng của, 194
 giải cứu, 236-39, 237 H. 49
 người hùng gặp nữ thần, 127-37, 129 H. 24
 nữ thần mặt trời, 232-36, 234 H. 48 **Xem thêm** thần mặt trời
Xem thêm Mẹ Vũ Trụ
 Núi Thế Giới, 370
 Nut (thần Ai Cập), 322 H. 66
 nước
 dưới vực sâu, 57, 326

nước biến hóa, 273-75
 rắn là biểu tượng, 80 ct
 trong mơ, 121
Xem thêm Đại Dương Vũ Trụ; giếng, biểu tượng; bụng cá voi
 Nước Chúa, 178

O

Odysseus, 75, 96 H. 16
 Oedipus, thần thoại/phức cảm, 21-23, 23 ct, 128, 140, 159, 377, 378-79, 379 H. 75
 Oisín (người hùng Ireland), 244-46, 248
oko-jumu (người nằm mơ, quần đảo Andaman), 99
 Olympus, núi, 198, 271, 283
om mani padme hum, 170, 174, 193
 Omoikane (thần Nhật), 234
 Omphalos (Rốn Thế Giới), trí khôn, 62 H. 9, 98
 Orpheus và Eurydice (thần thoại Hy Lạp), 229
 Osiris (thần Ai Cập)
 hành trình xuống âm ty, 70 H. 11, 72 H. 12
 phân thân, 110, 111
 phản xử người chết, 390 H. 78, 393-96
 phục sinh, 230 H. 47
 Othin/Odin (thần Giéc mạnh), 214, 308, 399-400, 401 H. 82, 422 ct 55
Xem thêm Wotan
 Ouranos (thần Hy Lạp), 307
 Ovid **Xem** *Biến thể*

Ô

Ông Tổ (bộ lạc Chân Đen) **Xem** Na'pi

P

Padmānātha (đấng cứu thế Kỳ Na giáo), 288
 Paiore (tù trưởng Đa Đảo), 299-300, 305
 Pajana (hóa công Siberia), 317
palingenesia (sinh trở lại), 32, 36
 Pan (thần Arcadia), 98, 98 ct
 Papa (mẹ các thần của người Maori), 295, 306
 Pārsvanātha (đấng cứu thế-tiên tri Kỳ Na giáo), 285

Pārvaṭī, 131, 333-34

Xem thêm Kālī; Śakti

Pasiphaë (hoàng hậu Crete), 28-30

Pawnee, dân, 59, 422 ct 46

peist (quái vật Ireland), 107

Peneus, sông (thần thoại Hy Lạp), 78, 80 ct

Perry, W. J., 161

Perseus (người hùng Hy Lạp), 220-21 H. 45a-b

Peru, thần thoại, tiền Inca, 165-67, 166 H. 31, 203

Peter, thánh, 141

Phaëthon (thần thoại Hy Lạp), 152-54, 155 H. 29

Phạm Thiên **Xem** Brahmā

pháp sư, 116-18, 224, 280

Xem thêm thầy mo

phân ly, 52

băng qua ngưỡng, 95-106

khước từ tiếng gọi, 76-86

người phù trợ, 86-94, 90 H. 15

tiếng gọi phiêu lưu, 67-76

và bụng cá voi, 107-11, 108 H. 18, 111 ct, 112 H. 20, 231-32, 232 ct, 240 H. 50

phân tâm học

bất cập của, 199-200

đàn bà là kẻ quyến rũ, 139

hòa giải với cha, 147

mục đích của, 185-86

người canh giữ ngưỡng, 80, 99 ct

nguồn vũ trụ trong, 281

quan điểm về Chúa, 433-434 ct 155

so với giáo lý tôn giáo, 185-86

sơ suất trong, 68

và biểu tượng thần thoại, 279-81

và khước từ quay về, 218

và thần thoại, 20-28

phân thân, 41, 108 H. 18

Phân Lan, thần thoại, 301, 321-26, 344, 359, 365 ct

phấn hoa, biểu tượng Navaho, 87-88, 88 ct, 106

Phật

băng qua ngưỡng, 102-5

các đặc tính mâu thuẫn, 165

cái chết, 384-87, 385 H. 76

chu kỳ khởi nguyên vũ trụ và, 344-45

cuộc chiến đấu phi thường, 47-50, 184-85

đạt đạo, 48, 48 H. 7, 50

kim cương chùy, 203

là người hùng thế giới, 55

ngôi quán tường, 410

sinh đồng trinh, 334

sứ giả xuất hiện, 74-75

Phật giáo

Bát Chánh Đạo, 186

cái chết của người hùng, 384-87, 385 H. 76

công thức thần thoại gốc, 47-51

cuộc truy tìm ân huệ, 214-15

Đại Thừa (Bắc tông), 172, 295 ct

hiệp thông vũ trụ, 180-83

kim cương chùy, 103, 203

người canh giữ ngưỡng, 100-6, 110 H. 19

người cha tự mâu thuẫn, 165

quan điểm về tình yêu, 431 ct 107

Rốn Thế Giới, 57

sinh đồng trinh, 334

so sánh với Thần đạo, 232

tiếng gọi phiêu lưu, 70, 73-75

Tiểu Thừa (Nam tông, Thượng tọa bộ), 172

viveka (phân biệt), 33

yab-yum, 191

Xem thêm Bồ tát

phiếm thần luận, 343

Phoebus (thần La Mã), 152-53

phong thần, 170-94

Phrygia, vương quốc, 111

phù thủy, 163 H. 30

Phục Hy, 340

phục sinh, 162, 238-39, 240 H. 50, 352

phượng hoàng, 188, 341

Platon, 304

Platon, truyền thống, 48

Plutarchus, 98

Ponce de Leon, Juan, 210

Poseidon (thần Hy Lạp), 29, 75, 108, 238

Prometheus (người khổng lồ Hy Lạp), 47, 52, 203

Proteus (thần Hy Lạp), 404 H. 83, 405-6

Psyche (thần thoại La Mã), 66 H. 10, 115-16, 117 H. 22, 137

Pueblo, thổ dân Mỹ, 349, 352, 368-69, 384

Purāṇa (kinh Ấn giáo), 131, 246

Q

Qu'ran **Xem** Koran

Quạ (người hùng chơi khăm Eskimo), 107, 231-32, 270-71

quách (Ai Cập), 111, 111 ct
 Quán Thế Âm (Bồ tát), 173, 174 H. 33, 182
 Quauhtitlan (thành phố Aztec), 380-81
 quay về **Xem** ân huệ, quay về mang theo
 que đánh lửa, 231-32
 Quetzalcoatl (thần rắn Aztec), 380-81
 Quilacare (tỉnh Ấn Độ), 113
 Quốc Chi Thường Lập Thần **Xem**
 Kunitokotachi-no-Kami
 quốc kỳ, sừng bái, 178, 412

R

Ragnarök (tận thế), 401 H. 82
 Rahu (asura Ấn giáo), 202
 Ramakrishna (nhà thần bí Ấn giáo), 132-33
 Rangi-potiki (cha các thần của người Maori),
 295, 306
 Rank, Otto, 279, 423 ct 22
 rắn, 69
 dưới âm ty, 394 H. 79
 là người canh giữ ngưỡng, 100, 100 ct
 là người cha yêu tinh, 157-58
 rắn đại dương vũ trụ, 399-400
 rắn mua, 397, 398 H. 81
 rắn vũ trụ, 57
 sức mạnh hỏa xà, 148
 vua rắn/xà vương, 50, 201, 340
Xem thêm rồng
 Rắn Tổ (thần bản địa Úc), 157-58, 177
 Reynard, cáo, 319
 Rip van Winkle, 242-44, 248, 251
 Róheim, Géza, 118, 158, 160, 279, 433 ct 148
 Roma, 61
 Rốn Thế Giới, 57-63, 58 H. 8, 62 H. 9, 208
 trong thần thoại Phật giáo, 47-50, 48 H.
 7, 57
 là nơi sinh của người hùng, 357-59, 359
 H. 72
 biểu tượng của Rốn Thế Giới, là ân huệ,
 194-95
 biểu tượng của Rốn Thế Giới, trong
 tiếng gọi phiêu lưu, 69-70
 và băng qua ngưỡng, 98, 109
 rồng
 biểu tượng tình yêu giả dối, 119 ct
 giết rồng, 126, 363-64, 367
 người cha là rồng, 80, 80 ct
 là người canh giữ ngưỡng, 227

là quái vật nguyên trạng, 360
 là rắn vũ trụ, 57, 69
 trong hòa giải với cha, 147
 trong tranh phong cảnh đạo Lão, 188
 R̥ṣabhanātha, 286
 Rumi (thi sĩ Ba Tư), 181
 rửa tội, 162, 273-75
 rừng, motif, 69

S

Sa Ngã (Kinh Thánh), 175, 283, 293, 312, 339
 Sachrinnir (Lợn Lòi Vũ Trụ), 199
 sake (rượu Nhật), 199
 Śakti (tính lực của thần), 281, 436 ct 4
 Śakti (thần Ấn giáo), 176
Xem thêm Pārvaṭī; Kālī
 Salmony, Alfred, 432 ct 128
 Samkhyā (phái triết học Ấn Độ), 296
 Samson (Kinh Thánh), 240 H. 50
Sáng thế (Michelangelo), 146 H. 27
 Sáng Thế Ký, 304, 321, 339
 Śaṅkarācārya (thầy tu Ấn giáo), 141
 sao Kim, 326
 Sargon (vua Akkadia), 345, 364
śāstra (kinh điển Ấn giáo), 131
Saturn nuốt con mình (Goya), 108 H. 18
 săn đầu người, ở New Guinea, 177
 sấm truyền, 98
 Scathach (nữ chiến binh Ireland), 366
 Schopenhauer, Arthur, 304
 sen, 170, 172-73, 215
 Seneca, 285
 Set (thần Ai Cập), 110
Shah Nameh (trường thi Ba Tư), 371
 Shahrman (Hồi vương Ba Tư), 83-84
 Shaw, George Bernard, 210
 Sheba, nữ hoàng, 143 ct
shimenawa (thừng rom), 235, 236
 Shintō **Xem** Thần đạo
 Shu (thần Ai Cập), 307
 Siberia, truyện dân gian, 224, 235, 317, 357-
 59
 Siegfried, 350
 siêu thức, 283, 284
 Simeon ben Yohai (thầy cả Galilee), 292-93
 Simón, Pedro, 332-33
 sinh, 32, 36
 sinh đồng trinh

cứu chuộc nhờ, 331-34
 trong truyện dân gian, 334-37
 và chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 326-31
 và hòa giải với cha, 368-69
 và Mẹ Vũ Trụ, 321-26
 sinh ra hai lần, kẻ, 156-57
 Sinilau (người hùng Đa Đảo), 335-37
 Sioux, dân, 281
 Siva
 Ardhanārīśvara (hợp thể với vợ), 176
 cây cung, 373
 Điều Nhảy Vũ Trụ, 148 H. 28, 149
 kinh sách được Śiva mặc khải, 131
 lượng tính, 176
 và bí ẩn phối ngẫu, 192, 192 H. 38
 và cuộc truy tìm bất tử, 200-2
 và sự sinh đồng trinh, 334
 “Skáldskaparmál” I (Edda văn xuôi), 422 ct
 55
 Sogamozzo (thành phố Colombia), 333
 song tính (tính dục), 91
 Xem thêm lượng tính
 sói, hình ảnh, 107, 401 H. 82
 Sói Đồng Cổ (hề-quỷ của người da đỏ), 318
 Spengler, Oswald, 424 ct 27
 Stekel, Wilhelm, 91, 99 ct, 279, 423 ct 8, 441
 ct 29
 Sujata (truyền thuyết Phật giáo), 47
 Sumer, thần thoại
 ảnh hưởng của, 427 ct 25
 cuộc truy tìm bất tử, 205-10
 giải cứu từ ngoài, 236-39
 hành trình xuống âm ty, 122-25
 Mẹ Vũ Trụ, 326
 người hàng phục quái vật, 45 H. 6
 người hùng là chiến binh, 364
 thần thoại sáng thế, 306, 309-11, 312 H.
 62
 và thần thoại Ba Tư, 371
Summa Theologica (Thomas Aquinas), 378
 sùng bái ngẫu tượng, 148
 Susanowo (thần bão Nhật Bản), 233
 Sư Tử Vũ Trụ, Nữ Thần, 259 H. 52
 sứ giả, trong tiếng gọi phiêu lưu, 68, 70-76
 sữa, hình ảnh, 196, 308, 358-59
 Swedenborg, Emanuel, 119, 119 ct
 Symeon hậu sinh, thánh Cơ Đốc giáo, 56
 Symplegade (Đá Va), 413

T

Ta'aroa (hóa công Tahiti), 302
 Tahiti, 302
 Taliesin (nhà thơ truyền thuyết), 223, 263-67
 tái sinh
 cái chết là tái sinh, 392-95
 của mặt trời, 234-35
 diệt ngã là điều kiện để tái sinh, 260-61
 và hình ảnh bụng cá voi, 109
 và hòa giải với cha, 162-63
 và người cha lưỡng tính, 217 ct
 và người cha yêu tinh, 145-46
 và rửa tội, 275
 và thử thách, 121-22
 Tane-mahuta (thần Đa Đảo), 306
 Tangaroa (thần Đa Đảo), 298 H. 58, 301
 Tantra, kinh, 131, 203
 Taraka (bạo chúa khổng lồ Ấn giáo), 333
 Tatar Đen, dân, 317
 tâm lý (cá nhân)
 biểu tượng thần thoại là sản phẩm của,
 19-20
 là mê cung, 76-77
 tâm lý học, 279-80
 tận thế, 396-402, 398 H. 81
 Tây Tạng, 105, 131, 170
 Tây Vương Mẫu, 188-89, 188 ct
 Te Papa (nguyên lý nữ Đa Đảo), 299
 Te Tumu (nguyên lý nam Đa Đảo), 299
 Tethys (nữ thần biển Hy Lạp), 153
 Tezcatlipoca (người hùng Aztec), 55, 381
thanatos (xung năng chết), 22, 185
 thành đô cổ đại, 60-61
 Thánh chiến, 180, 346
 Thánh Thể, nghi thức, 162
 thánh giá/thập giá, biểu tượng, 180, 236,
 379, 381
 Thần đạo, 39 H. 5, 232-36
 thần dê, 98
 thần linh
 là biểu tượng thần thoại, 282, 284
 thần bị vượt qua, trở thành quỷ, 360
 tính lực của, dạng nhân cách hóa của,
 436 ct 4
 tính thứ yếu của nhân cách thần, 282
 thần lưỡng tính, 173-76, 174 H. 33, 176 H. 34,
 183, 190-94
 thần mặt trời, 165, 235, 309-11, 312 H. 62

Xem thêm nữ thần, mặt trời

thần ngô, 374 H. 74

Thần Nông, 340

thần thoại

biểu tượng trong, là sản phẩm của tâm lý, 20, 279-81

chức năng của, 26-27, 44-46, 262, 280, 282, 406-10

diễn giải thần thoại, 404 H. 83, 405-6

hài hước trong, 200-2

kết thúc có hậu trong, 44

làm sống lại biểu tượng của, 270-75

ngịch lý trong, 283, 311-12

người phù trợ trong, 89-91

và bi kịch, 41-46, 63, 422 ct 55

và chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 280-83, 290-93, 292 H. 57

và giấc mơ, 19-41, 21 H. 2, 280, 294

và hài kịch, 43-46, 63

và phân tâm học, 20-28

và thời hiện đại, 122, 122 ct

và xã hội, 406-10

thần thoại Ai Cập **Xem** Ai Cập, thần thoại

thần thoại Aztec **Xem** Aztec, thần thoại

thần thoại Ba Tư **Xem** Ba Tư, thần thoại

thần thoại Babylon **Xem** Babylon, thần thoại

thần thoại bản địa Mỹ

băng qua ngưỡng như diệt ngã, 111

cái chết của người hùng, 384

chủ đề đồng đình-phục sinh, 352

hề-quỷ, 319

hòa giải với cha, 150-51, 368-69

hôn phối thiêng, 137

lưu đầy thuở nhỏ, 348-49

motif thử thách, 88 H. 14

người canh giữ ngưỡng, 106, 150

người cha tự mâu thuẫn, 165

người hùng là chiến binh, 361-63

người hùng là đáng cứu thế, 372

người phù trợ, 87-88, 150-51

nguồn vũ trụ, 281

nói về xã hội và thiên nhiên, 190

Rốn Thế Giới, 59

thần lưỡng tính trong, 174

thần thoại sáng thế, 313-14, 422 ct 46, 438 ct 36

tiếng gọi phiêu lưu, 72

thần thoại Bắc Âu

Edda thơ, 309

khước từ tiếng gọi, 80

Rốn Thế Giới, 58 H. 8

tận thế, 399-400, 401 H. 82

thần thoại sáng thế, 307-9, 309 H. 61

truy tìm ân huệ, 214

tượng tượng ấu thơ, 199

thần thoại châu Phi **Xem** châu Phi, thần thoại

thần thoại dân gian, 280, 313-19, 334-37

thần thoại Đa Đảo **Xem** Đa Đảo, thần thoại

thần thoại Eskimo **Xem** Eskimo, thần thoại

thần thoại gốc

âm bản trong truyện đại hồng thủy, 54

đơn vị hạt nhân, 46 (sơ đồ), 46-47, 51

(**Xem thêm** ân huệ, quay về mang theo; thụ giáo; phân ly)

người hùng tổng hợp, 54-55

nguồn gốc thuật ngữ, 421 ct 36

tóm tắt, 269-70

trong thần thoại dân gian, 334-37

trong thần thoại Phật giáo, 47-50, 57

trong truyền thuyết Kinh Thánh, 51-52

và chu kỳ khởi nguyên vũ trụ, 55-57, 283

thần thoại Hebrew **Xem** Do Thái giáo

thần thoại Hy Lạp **Xem** Hy Lạp, thần thoại

thần thoại Kamchatka, 315

thần thoại La Mã **Xem** La Mã, thần thoại

thần thoại Lapp, 116-18

thần thoại Maya **Xem** Maya, thần thoại

thần thoại Melanesia **Xem** Melanesia, thần thoại

thần thoại Nam Mỹ, 332-33

thần thoại Nga, 96-97

thần thoại nguyên thủy **Xem** thần thoại dân gian

thần thoại Nigeria, 126 H. 23

thần thoại Peru **Xem** Peru, thần thoại

thần thoại Phần Lan **Xem** Phần Lan, thần thoại

thần thoại sáng thế

các thần thấp hơn, 422 ct 46

của người Đa Đảo, 298 H. 58, 299-301, 300 H. 59, 302

của người Maori, 294-95, 297-99

của người Sumer, 309-12, 312 H. 62

dân gian, 313-19

hề-quỷ, 315-17, 319

hóa công lưỡng tính, 302-4

theo Ấn giáo, 302

theo người Ai Cập, 302, 307 H. 60, 316 H. 63
 trong Edda, 307-9, 309 H. 61
 trong Kinh Thánh, 175
 trứng vũ trụ, 301, 305, 314-15, 321
Xem thêm chu kỳ khởi nguyên vũ trụ
 thần thoại Sumer **Xem** Sumer, thần thoại
 thần thoại xứ Wales **Xem** Wales, thần thoại xứ
 thần thoại Yoruba **Xem** Yoruba, thần thoại
 thầy mo, 118, 160, 196, 280
Xem thêm pháp sư
 Themistokles (chính trị gia cổ đại), 120
 Theseus (thần thoại Hy Lạp), 32, 35 H. 4, 40,
 75, 88, 363
 thị kiến mang nhân dạng về vũ trụ, 257-58,
 259 H. 52
 Thiên Chúa giáo **Xem** Cơ Đốc giáo
 thiên đường, 283
 thiên định, 409-10
 Thomas Aquinas, thánh, 260, 293, 378
 Thor (thần Giéc mạnh), 400
 Thoth (thần Ai Cập), 90, 316 H. 63
 thời gian
 thiên đường và hạ giới, 246, 288 ct
 trong quan niệm Kỳ Na giáo, 286-88
 thời hiện đại
 diễn giải về thần thoại, 406
 nhiệm vụ của người hùng trong, 413-14
 sự thiếu vắng biểu tượng trong, 121-22,
 122 ct, 410-12
 thủ dâm, trong thần thoại sáng thế, 302
 thụ giáo, 52-53
 chức năng của nghi lễ thụ giáo, 407
 đàn bà là kẻ quyến rũ trong, 138-43
 gặp nữ thần trong, 127-37, 129 H. 24
 hình ảnh cha mẹ trong, 156
 hòa giải với cha trong, 144-70
 phong thần trong, 170-94
 thử thách trong, 88 H. 14, 114 H. 21, 115-
 26, 117 H. 22
 thứ Bảy tuần thánh, biểu tượng thần thoại,
 272-75, 272 ct
 thử thách, trong cuộc phiêu lưu người hùng,
 114 H. 21, 115-26
 thức, bình diện, trong chu kỳ khởi nguyên
 vũ trụ, 289-90
 thuốc tiên/thuốc trường sinh **Xem** ân huệ
 Thượng tọa bộ, Phật giáo, 172
 Tiamat (thần Babylon), 309-11, 312 H. 62

Tích Lan, 172
 tiến hóa, 301
 tiếng gọi phiêu lưu, 67-76
 khung cảnh nảy sinh, 69-70
 khước từ tiếng gọi, 76-86, 79 H. 13
 quan điểm phân tâm học, 68-70
 sứ giả, 68-69, 70-76
 ý nghĩa, 68-69
 Tiếng rền Chu kỳ, 397
 Tiểu Thừa, Phật giáo, 172
 tình yêu
 quan điểm Cơ Đốc giáo, 178-80
 quan điểm Phật giáo, 431 ct 107
 và băng qua ngưỡng, 248-49, 250
 Tirawa-atius (thần Pawnee), 422 ct 46
 Tiresias (tiên tri Hy Lạp), 176
tjurunga (bùa), 433 ct 148
 Tlazolteotl (Nữ Thần Mẹ Aztec), 320 H. 65
 To Kabinana (thần thoại Melanesia), 315-17
 To Karuvuvu (thần thoại Melanesia), 315-17
 Tollan (thành phố Aztec), 381
 Tolstoy, Lev, 41
 Tonga, truyện dân gian, 335-37, 344
 Toynbee, Arnold J., 32, 36
 tội tổ tông, 275
 tồn tại **Xem** hiện hữu
Tổng luận thần học Xem Summa Theologica
 trà đạo, 189-90, 189 H. 36
 trắng
 hồi sinh, 162
 là người nguyên thủy, 326-31, 339
 thần mặt trăng, 238
 Vua Mặt Trăng, 330 H. 67
 Tristan và Iseult, truyện, 354
 trống, 224
 Trục Thế Giới, 158, 235-36, 370
Xem thêm Rốn Thế Giới
 Trung Quốc
 biến hóa của người hùng, 340-41, 344
 biểu tượng Mặt tông (Tantra), 131
 Bỏ tất, 172-73, 174 H. 33
 chuyển đi dưới âm phủ của linh hồn, 392
 không phân biệt sống/giải thoát, 188-89
 ngũ hành, 296, 296 ct
 Phật giáo Đại Thừa (Bắc tông), 172
 tranh phong cảnh đạo Lão, 188
 truyện cổ tích
 ân huệ, 194-95
 cuộc trốn chạy kỳ diệu, 225-26

hôn phối thiêng, 137
 kết thúc có hậu, 44
 người hùng tổng hợp, 54-55
 người phù trợ, 88
 tiếng gọi phiêu lưu, 67-69, 70
 truyện dân gian Ireland **Xem** Ireland, truyện dân gian
 truyện dân gian Siberia **Xem** Siberia, truyện dân gian
 truyện dân gian Tonga **Xem** Tonga, truyện dân gian
 truyện dân gian Zimbabwe **Xem** Zimbabwe, truyện dân gian
 Trúng Vũ Trụ, 301-2, 305, 315, 323, 392, 395, 438 ct 27
 Tuatha De Danaan (thần thoại Ireland), 199, 244, 354
 Tubber Tintye, nữ hoàng, 127-28, 194
 Tunja (thành phố Colombia), 333
 từ bi, 187
Tử Thư Ai Cập, 392-96

U

Úc, người bản địa
 nghi lễ cắt bì, 26, 157-69
 nghi lễ lưỡng tính, 176-77, 430 ct 99
 nghi lễ uống máu, 159-60
 vía, 197
 Uccaiḥśravas (ngựa trong Ấn giáo), 202
 Uganda, vua chúa, 247
 Ukko (thần Phần Lan), 323
 Underhill, Evelyn, 432 ct 128
 uống máu, nghi lễ, 159-60
 Upaniṣad (triết Ấn giáo), 131, 421 ct 28, 431-32 ct 119
 Bṛhadāraṇyaka, 184
 Kauṣītaki, 193
 Kena, 260
 Upavana (tôn giả Phật giáo), 385
 Urbanô II, giáo hoàng, 181
 Ursanapi (thần thoại Sumer), 207-10
 Utnapishtim (người hùng đại hồng thủy Sumer), 208, 209, 238
 Uzume (nữ thần Nhật), 234

V

Väinämöinen (người hùng Phần Lan), 322,

324-26, 344, 359, 365 ct
vajra **Xem** kim cương chùy
 Valhalla, 399
 Vāsuki (vua rắn Ấn giáo), 201
 vật tổ, thờ cúng, 177-78, 433 ct 148
 Veda, kinh, 131, 371, 413
 Venus, 115, 236
 Vergilius, 90, 90 H. 15
Về lại Methuselah (G. B. Shaw), 210
 vía (linh hồn ngoài cơ thể), 197, 395 H. 80, 433 ct 148
 Viracocha (thần Peru), 165-67, 166 H. 31, 203, 261
 Viṣṇu, 21 H. 2, 200-2, 201 H. 40, 218-19
Xem thêm Kṛṣṇa
viveka (phân biệt), 33, 185
 voi, hình ảnh, 107, 149
 vô thức, 24, 33, 91 ct, 283
 Vũ Công Vũ Trụ **Xem** Điều Nhảy Vũ Trụ
 Vụ Nổ Lớn, thuyết, 438 ct 27
 “Vua Éch” (truyện cổ Grimm), 67-68, 137
 Vua Người Hùng (khái niệm của Carlyle), 424 ct 27

vực thăm

các vùng nước dưới vực, 57, 326-27
 cái chết như, 236
 giấc ngủ như, 194-95, 290
 hiện thân nhân cách hóa nữ của, 310-11, 312 H. 62
 quyền năng sáng thế của, 57, 69-71, 308-9, 307 ct
 thách thức vực thăm, 226
 trong mơ, 119-20
Xem thêm âm ty, hành trình xuống
 Vương Quyền, nhân cách hóa, 135-36

W

Wachaga, dân, 86-87, 164
 Wahungwe Makoni, dân, 326-31
 Wales, thần thoại xứ, 221-24, 223 H. 46, 263-66
 Wood, Clement, 23 ct, 419 ct 1
 Wotan, 80, 199, 214, 261
Xem thêm Othin

X

xã hội và thần thoại, 406-10

Y

- ý chí vũ trụ, hòa giải ý thức cá thể với, 262-67
yab-yum (thống nhất nam/nữ, thời gian/vĩnh cửu trong Phật giáo), 191-92
 Yahweh, (Chúa Trời Do Thái), 165, 168-69, 203
 Yakut, dân, 357-59
Yến hội (Platon), 304
 yêu nước, chủ nghĩa, 412
 Yggdrasil (Cây Tàn Bì Thế Giới), 58 H. 8, 199, 258, 399
 Ymir (người nguyên thủy trong Edda), 308, 309 H. 61
 yoga, thiền định, 226, 302, 334
 yogi, 409
 Yoruba, thần thoại, 62-63, 126 H. 23, 318 H. 64
 Yryn-ai-tojon (thần Siberia), 357

Z

- Zarathustra/Zoroaster, 281, 371
 Zeus, 165, 238
 cải trang, 261
 cuộc trốn chạy kỳ diệu khỏi, 438 ct 32
 lưỡi sét, 105, 203
 người cha tự mâu thuẫn, 165
 tái sinh và, 162
 trong sự tích Minotauros, 28
 Zimbabwe, truyện dân gian, 326-29, 329 ct
 Zimmer, Heinrich, 149
 Zohar, kinh, 292-93, 304
 Zulu, dân, 107
 Zuni, dân, 174

VỀ TÁC GIẢ

Joseph Campbell là một tác giả và giáo sư Mỹ nổi tiếng nhờ nghiên cứu trong lĩnh vực thần thoại học so sánh. Ông sinh ở thành phố New York năm 1904, từ lúc còn nhỏ đã hứng thú với thần thoại. Ông thích đọc sách về các nền văn hóa thổ dân châu Mỹ, thường xuyên đến Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên của Mỹ ở New York và đặc biệt say mê bộ sưu tập cột vật tổ của bảo tàng. Campbell được đào tạo tại Đại học Columbia, học chuyên ngành văn chương trung đại, và sau khi có bằng thạc sĩ, tiếp tục học lên tại ở Paris và Munich. Khi ở nước ngoài ông chịu ảnh hưởng hội họa của Pablo Picasso và Henri Matisse, tiểu thuyết của James Joyce và Thomas Mann, và nghiên cứu tâm lý học của Sigmund Freud và Carl Jung. Những cuộc gặp gỡ này dẫn Campbell đến giả thuyết rằng mọi thần thoại và sử thi đều nối liền với nhau trong tâm lý con người, và rằng chúng là những biểu hiện cụ thể trong từng văn hóa của nhu cầu phổ quát là giải thích các thực tại xã hội, vũ trụ và tâm linh.

Sau một thời gian ở California, nơi ông gặp John Steinbeck và nhà sinh học Ed Ricketts, ông dạy ở Trường Canterbury, thế rồi năm 1934 gia nhập khoa văn Đại học Sarah Lawrence, một vị trí ông giữ suốt nhiều năm. Trong những năm 1940 và 50, ông giúp Swami Nikhilananda dịch các kinh Upaniṣad và *The Gospel of Sri Ramakrishna*. Ông còn biên tập các công trình của học giả người Đức Heinrich Zimmer về nghệ thuật, thần thoại và triết học Ấn Độ. Năm 1944, cùng với Henry Morton Robinson, Campbell xuất bản *A Skeleton Key to Finnegans Wake* [Chìa khóa sơ lược cho *Finnegans Wake*]. Công trình tự biên soạn đầu tiên của ông, *Người hùng mang ngàn gương mặt*, ra mắt năm 1949 và tức thì được đón nhận nồng nhiệt; cuối cùng cuốn sách được tôn lên và trở thành kinh điển. Trong nghiên cứu về “thần thoại người hùng” này, Campbell khẳng định rằng có một mô thức duy nhất cho hành trình của người hùng và

rằng mọi nền văn hóa đều có cùng mô thức chủ yếu này trong nhiều thần thoại người hùng khác nhau. Trong cuốn sách của mình ông còn đưa ra hoàn cảnh, các giai đoạn và kết quả cơ bản trong hành trình của người hùng cổ mẫu.

Joseph Campbell mất năm 1987. Năm 1988, một series phỏng vấn truyền hình với Bill Moyers mang tên *The Power of Myth* [Sức mạnh của thần thoại] đã giới thiệu quan điểm của Campbell đến hàng triệu người.

VỀ QUỸ JOSEPH CAMPBELL

Quỹ Joseph Campbell (JCF) là một tổ chức phi lợi nhuận tiếp nối các công trình của Joseph Campbell, khám phá các lĩnh vực thần thoại và tôn giáo so sánh. Quỹ hoạt động theo ba mục tiêu chính:

Thứ nhất, Quỹ bảo tồn, bảo vệ và lưu truyền các tác phẩm tiên phong của Campbell. Hoạt động này bao gồm lập danh mục và lưu trữ các tác phẩm, biên soạn các tựa sách mới dựa trên các công trình của ông, điều hành việc bán và phân phối những tác phẩm đã xuất bản, bảo vệ bản quyền tác phẩm, và cổ xúy nhận thức về các tác phẩm bằng cách phát hành dưới dạng điện tử trên trang web của Quỹ.

Thứ hai, Quỹ thúc đẩy việc nghiên cứu thần thoại và tôn giáo so sánh. Hoạt động này bao hàm thực hiện và/hoặc hỗ trợ các chương trình giáo dục thần thoại khác nhau, ủng hộ và/hoặc tài trợ các sự kiện nhằm quảng bá cho quần chúng biết đến rộng rãi, tặng các tác phẩm lưu trữ của Campbell (chủ yếu cho Thư viện và Văn khố Joseph Campbell và Marija Gimbutas), và sử dụng trang web của JCF làm diễn đàn các đối thoại liên văn hóa có liên quan.

Thứ ba, Quỹ giúp mỗi người làm giàu đời sống bản thân bằng cách tham gia vào một series chương trình, bao gồm chương trình Đồng hành trực tuyến toàn cầu, mạng lưới Bàn tròn Thần thoại quốc tế đặt trên web, và các sự kiện và hoạt động có liên quan đến Joseph Campbell thường kỳ của chúng tôi.

Để biết thêm về Joseph Campbell và Quỹ Joseph Campbell, xin liên hệ:

Joseph Campbell Foundation
Post Office Box 1836
New York, NY, 10026
United States of America
www.jcf.org

NGƯỜI HÙNG MANG NGÀN GUƠNG MẶT

Chịu trách nhiệm xuất bản
BÙI THỊ HUONG

Chịu trách nhiệm nội dung
LÊ QUANG KHÔI

Biên tập	Vũ Thị Thu Ngân
Biên tập viên Nhã Nam	An Lý
Thiết kế bìa	Bảo Anh
Trình bày	Hồng Nhung
Sửa bản in	Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội
VPGD: Số 347 Đội Cấn - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội
ĐT: 024 66860751 - 024 66860752
Email: nxbdantri@gmail.com
Website: nxbdantri.com.vn

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 35146875 | Fax: 024 35146965
Website: www.nhanam.vn
Email: info@nhanam.vn
<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê,
Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 38479853 | Fax: 028 38443034
Email: kinhdoanhsg@nhanam.vn

In 2.000 cuốn, khổ 15.5x24cm tại Công ty CP In Viễn Đông (km 19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 655-2021/CXBIPH/30-21/DT và quyết định xuất bản số 513/QĐXB/NXBĐT của Nhà xuất bản Dân Trí ngày 25.3.2021. Mã ISBN: 978-604-314-586-1. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện hàng loạt cuốn sách làm giả sách của Nhã Nam với chất lượng in thấp và nhiều sai lỗi. Mong quý độc giả hãy cẩn thận khi chọn mua sách. Mọi hành vi in và buôn bán sách lậu đều vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả và nhà xuất bản.